Chủ biên:
ĐỖ KIM LƯỢNG
HẬU THƯ SÂM
Người dịch:
TRẦN KHANG



TRÍ TUỆ NHÂN SINH

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRÍ TUỆ NHÂN SINH
NHẪN

Dịch theo nguyên bản của Nhà xuất bản Nhân dân Thanh Hải 4 - 1998. (Xuất bản lần thứ nhất).

Chủ biên: ĐỖ KIM LƯỢNG
HẬU THƯ SÂM

TRÍ TUỆ NHÂN SINH

NHẪN

Người dịch: TRẦN KHANG

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000

MỤC LỤC

Trang

CHƯƠNG I

NHẤT NHẪN VẠN SỰ THÀNH: NHẪN NHỊN LÀ VŨ KHÍ LÀM NÊN NGHIỆP LỚN 15

1. Sáng nghiệp cần biết, lý giải chữ "nhẫn" 15

1.1. Nội hàm phong phú của chữ "nhẫn" 15

1.2. Thuộc tính khách quan của sự "nhẫn" 19

1.3. Tính năng động chủ quan của "nhẫn" 26

2. Chủ tâm của kẻ mạnh: "Nhẫn" để thành công 34

2.1. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh nhằm "giương cung đợi bắn" 35

2.2. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh là để nhận rõ phải trái 39

2.3. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh là "trăm sông đổ về biển" 41

2.4. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh nhằm làm nên việc lớn 43

2.5. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh là dám chịu thiệt thòi 45

3. Hòa hợp là quý, "Nhẫn" là mỹ đức 48

4. Tiết chế, tuân thủ pháp luật, "nhẫn" mới được yên 57
4.1. Nhẫn nhịn, không chấp vặt, không làm càn 60
4.2. Biết tiết chế thì sẽ làm nên việc lớn 71
5. Số phận khôn lường, người biết "nhẫn" thường thắng 77
5.1. "Thị khả nhẫn, thục bất khả nhẫn" 80
5.2. Để cho rừng còn xanh thì lo gì không có củi đốt 83
5.3. Kiên cường "nhẫn" khiến tử thần lùi bước 89
6. Co được giãn được, "nhẫn" để làm nên nghiệp lớn 91
6.1. Nằm gai nếm mật, khắc kỷ phục lễ 92
6.2. Lấy "lễ" thay lính, không đánh cũng thắng 94
6.3. Lấy "nhẫn" chế ngự sự hung hăng, lấy tĩnh khống chế động 96
6.4. "Nhẫn" cái nhỏ để được cái lớn, bỏ cái lợi trước mắt nhằm cái lợi lâu dài 99
CHƯƠNG II
NGƯỜI BIẾT "NHẪN" LÀ NGƯỜI VÔ ĐỊCH: "NHẪN" LÀ PHẨM HẠNH CỦA KẺ MẠNH 111
1. "Nhẫn" phải đúng nguyên tắc 111
1.1. Đạm bạc thì sáng trí, không bị lợi ích vật chất cám dỗ, lay chuyển 112

1.2. "Thận độc", tự giữ mình, tự kìm chế 115
1.3. Trung dung vừa đủ mức độ 117
1.4. Khiêm tốn, cẩn thận, không ngừng tự hoàn thiện mình 120
2. Một chữ "nhẫn", nhiều hình thức "nhẫn" 123
2.1. Chờ thời, nhục cũng không chấp 124
2.2. Điềm tĩnh, thiệt cũng không hoảng hốt 125
2.3. Thản nhiên chấp nhận, đã "bị lừa" thì chịu vậy 126
2.4. Vất bỏ hiềm nghi, xóa bỏ hận thù, lấy cái nhỏ đổi cái lớn 127
2.5 Bỏ qua sai lầm cho người khác, tạo ra không khí hòa giải 128
2.6. Nén chịu buồn phiền, kìm chế nóng vội 129
2.7. Không giận lây sang người khác 131
3. Nhún nhường vì việc lớn, "nhẫn" để hưởng hương vị ngọt ngào 132
3.1. Nhún nhường vì việc lớn, tự giác mở rộng không gian sinh tồn 133
3.2. Tuy thế giới chật chội, nhưng lòng người thoáng rộng 135
3.3. "Có đi có lại mới toại lòng nhau" 137
3.4. Hãy vì toàn cục, tránh gây tư thù 140
4. Có ý thức tự giác kìm chế, "nhẫn" để tự hoàn thiện bản thân mình 143

4.1. Khách quan, thỏa đáng,
hạ mình vì việc chung 145
4.2. "Bị nhổ nước bọt vào mặt, cứ để nó tự khô",
lấy đức báo oán 147
4.3. Nuốt giận, già giặn, chín chắn 150
4.4. Không cố chấp là không ngừng
tự hoàn thiện 154
5. Một vừa hai phải, "nhẫn" có mức độ 160
5.1. Khi nguy hại tới tính mạng
thì không thể tiếp tục nhẫn nhịn được nữa 160
5.2. Dân tộc bị tổn hại thì không thể nhẫn nhịn 162
5.3. Nếu mất tình yêu chân thành
thì không thể "nhẫn" 164
5.4. Nhẫn nhịn tới ngưỡng,
không nhẫn nhịn vượt ngưỡng 166
CHƯƠNG III
NHẪN NHỊN HỢP ĐẠO LÝ: NẮM VỮNG MƯU TRÍ
NHẪN NHỊN ĐỂ XỬ THẾ 171
1. Chịu khó chịu khổ, có công mài sắt
có ngày nên kim 171
1.1. Chịu được khổ mới hơn người 172
1.2. "Ta rất nghèo, nhưng không "ốm" 174
1.3. Nhịn đau bệnh lui 180
2. Nhịn nhời, nén giận 188
2.1. Nhịn nhời, chớ có nói năng tùy tiện 188

2.2. Nén giận, bình tĩnh xử sự 195
2.3. Ở nơi đông người chớ làm điều chướng tai gai mắt 201
3. Nhẫn nhịn danh lợi, chớ chạy theo hư danh 204
3.1. Mưu tìm danh thơm, tránh tiếng xấu 205
3.2. Chớ hám làm quan, hãy làm người đầy tớ của dân 209
3.3. Tạm thời mất chút thể diện, nhưng được tiếng lớn lâu dài 213
4. Chống xa xỉ, tiết dục, sống giản dị 214
4.1. "Thành công do cần kiệm, thất bại do xa xỉ" 216
4.2. Chớ uống "thuốc độc của ma quỷ" 219
4.3. Hãy dẹp bỏ nạn cờ bạc 221
4.4. Tiết chế tình dục, trăm ngàn điều xấu đứng đầu là dâm ô 223
5. Nín nhịn thất bại để tiến lên, trăm ngàn trắc trở cũng không nản chí 228
5.1. Bại không nản, thua keo này bầy keo khác 229
5.2. Trăm ngàn trắc trở cũng không nản chí, dũng cảm đương đầu với thất bại 231
5.3. Tràn đầy lòng tin, bồi dưỡng tố chất tốt đẹp 232
6. Nén đau cắt bỏ tình yêu, xử lý một cách có lý trí 239

6.1. Nén đau để cắt bỏ sự yêu thích khi tìm nghề, tìm việc 239
6.2. Nén đau dứt bỏ tình đôi lứa 242
7. Nín nhịn điều ác để bày tỏ thiện chí, lấy thiện át ác 250
7.1. Nhẫn nhịn là thái độ quang minh chính đại chống lại thói gièm pha, nói xấu 252
7.2. Nín nhịn lời chế nhạo, vươn lên hơn người 255
7.3. Nhẫn, không ghen tị 260
8. Nhẫn nhục vì việc lớn 264
9. Nhẫn nhịn sự khinh thường để được tôn trọng 270
9.1. Khinh thường không có nghĩa là phủ định 270
9.2. Khinh thường cũng là một nguồn động lực 273
9.3. Bản thân sự nhẫn nhịn là sự khinh thường 274
10. Nhẫn nhịn sự quên ơn, không đòi đền ơn 275
10.1. Sách lược đối xử với sự quên ơn: nhẫn nhịn 275
10.2. Sách lược đối với sự bội nghĩa: nhẫn nhịn 282
CHƯƠNG IV
SÁNG SUỐT TỰ KHÉP MÌNH: 9 ĐIỀU RĂN 292
1. Tránh kiêu căng ngạo mạn, phải khiêm tốn, cẩn trọng 293
- Tào Tháo kiêu ngạo để mất Trương Liêu 301
- Lý Tùng Kha mất nước vì bọn kiêu binh 307

- Tiêu Huệ vì kiêu mà thất bại thảm hại 312
2. Tránh gian ngoan xảo quyệt, cần ăn ở nhân hậu 315
- Trịnh Vũ Công hy sinh hạnh phúc của con gái 318
- Không biết lẽ phải thì là tự sát 322
3. Tránh hấp tấp nóng vội, tùy cơ ứng biến 324
- Vì nôn nóng Sở Bá Vương đang mạnh trở thành yếu 328
- Tô Vô Danh bình tĩnh bắt được trộm 331
4. Tránh ngông cuồng, phải tự biết mình 336
- Nhiệm Thượng ngông cuồng làm hại đất nước 340
- Bạch Cư Dị tự kìm chế, không nóng vội, trở thành ông thánh thơ phú 342
5. Tránh thiên lệch, phải sáng mắt sáng lòng 346
- Vì chỉ tin nghe bọn tiểu nhân mà Triệu vương mất nước 350
- Đường Thái Tông tiếp thu ý kiến rộng rãi để xây dựng đất nước 354
6. Tránh ham thanh háo sắc, tinh thần phải luôn luôn tỉnh táo 361
- Vì háo sắc mà Đổng Trác mất mạng 366
- Hồng Thừa Trù háo sắc làm mất khí tiết 379
7. Tránh lười nhác, phải tích cực cầu tiến 386
- Lưu Bị thôi hưởng lạc để lo việc lớn 389

- Trần Hậu Chủ để mất nước vì ham chơi, thoái chí 391
8. Tránh ghen tị, phải có tấm lòng cao cả 395
- Phí Vô Cực ghen tị với đồng liêu, làm hại trung thần 403
- Lý Tư ghen tức, làm chết Hàn Phi 407
9. Tránh vỗ mặt, lỗ mãng, cần mềm mỏng 410
- Ưu Mạnh dùng mưu kế thức tỉnh Sở Trang vương 415
- Đông Phương Sóc khôn khéo xử sự khi Hoàng đế quở trách 421
- Địch Nhân Kiệt khôn khéo minh oan 426
CHƯƠNG V
THIÊN CỔ GIAI THOẠI: ĐIỂN CỐ LỊCH SỬ VỀ NHẪN NHƯỢNG HỌC 430
1. Khéo nhẫn nhịn 430
- Yên Anh nhẫn nhịn để chống Sở Vương 430
- Trương Nghi nhẫn nhịn để liên minh 6 nước 434
- Nhan Suất nhẫn nhịn để bảo vệ đỉnh đồng của nước Chu 442
- Vương Kính nhẫn nhịn, được kiện 448
- Gia Cát Lượng chiếm được lòng Mạnh Hoạch nhờ nhẫn nhịn 452
- Khổng Dung nén giận để dẹp phản loạn 460

2. Nén chịu thất bại, chịu khó chịu khổ, công thành danh toại 463
- Vương Tiễn tự hạ thanh danh để diệt nước Sở 463
- Gia Cát Lượng nhẫn nhục, thuyết phục Tôn Quyền liên minh với Lưu Bị 469
- Vưu Ông nhẫn nhịn việc nhỏ tránh họa lớn 475
- Hải Thụy chịu đựng sống thanh bần, tránh xa xỉ 477
- Tử Sản chịu đựng gian khổ, chấn hưng nước Trịnh 485
- Vương Mãnh nén chịu để chờ thời, gặp được vua hiền 488
3. Kìm nén tâm lý hám lợi, hy sinh tình máu mủ vì việc nghĩa, để lại danh thơm mãi mãi 492
- Tôn Vũ kìm nén sự cám dỗ của danh lợi, danh thơm muôn đời 492
- Thạch Thố cắt bỏ tình thân, giết con vì đại nghĩa 501
- Quách Tử Nghi kìm chế, không chạy theo hư danh, làm quan 4 đời vua liên tục 510
- Vu Khiêm nhẫn nhịn sự vu cáo, thanh danh còn mãi 512
4. Muốn làm nên nghiệp bá, đế vương cũng phải nhẫn nhịn 520

- Lưu Bang nhẫn nhịn lời đồn đại, sử dụng Trần Bình 520
- Khang Hy nhẫn nhịn, khôn khéo bắt được Ngao Bái 527
- Thành Cát Tư Hãn nén lòng, tránh nóng vội, thắng kẻ địch mạnh hơn mình 531
5. Không nhẫn nhịn, mất chức mất mạng 536
- Chu Lệ vương không nhẫn nhịn, mất ngôi vua 536
- Tùy Dạng đế không nhẫn nhịn, bại trận mất nước 540
- Quốc Thái vì không nhẫn nhịn mà mất mạng 544
- Tri huyện huyện Nhân Hòa mất chức vì không nhẫn nhịn 550
- Nhĩ Hành bị giết vì kiêu ngạo 554
- Hàn Đà Trụ mất mạng vì không nhẫn nhịn 560

CHƯƠNG I

NHẤT NHẪN VẠN SỰ THÀNH: NHẪN NHỊN LÀ VŨ KHÍ LÀM NÊN NGHIỆP LỚN

Nhẫn nhịn là quốc túy của Trung Quốc. Thế giới bao la phức tạp, các sự vật chế ước lẫn nhau, sống trong xã hội, người ta không thể nói, làm tuỳ theo ý thích, không kiêng dè, không tự kiềm chế. Muốn làm nên sự nghiệp thì phải nếm mùi đắng cay mà người ta chưa hề từng trải, phải nhẫn nhịn những điều mà người thường không thể nhẫn nhịn. Nhẫn nhịn là tấm lòng rộng lượng, khoan dung. Cái mà nó chú trọng là sách lược, cái mà nó thể hiện là trí tuệ. Do vậy, nhẫn nhịn là nghệ thuật mà các nhà chính trị, các nhà doanh nghiệp, các nhà quân sự, các nhà ngoại giao, các nhà khoa học trên thế giới cần phải có.

1. Sáng nghiệp cần biết, lý giải chữ "nhẫn".

1.1. Nội hàm phong phú của chữ "nhẫn".

Các tiên hiền thánh nhân cổ đại Trung Quốc rất tôn sùng chữ "nhẫn", coi chữ "nhẫn" là điều tuyệt diệu, là "cánh cửa của nhiều điều tuyệt diệu". Nhật Bản, một cường quốc công nghiệp hiện đại, cũng rất coi trọng chữ "nhẫn", nghiên cứu chữ "nhẫn" ở góc độ

là một mặt quan trọng của đạo đức công nghiệp. Vì sao chữ "nhẫn" lại có ảnh hưởng sâu rộng như vậy? Điều kỳ diệu của nó ở chỗ nào? Chúng ta hãy mở cái "cánh cửa của nhiều điều tuyệt diệu" ra để truy tìm nguồn gốc, ý nghĩa vốn có của chữ "nhẫn"!

Ghép với chữ "nhẫn" người ta có một loạt từ: nhẫn nại, nhẫn nhịn, nhẫn nhục,... Nhưng khi "nhẫn" có nghĩa là tính tình, tính cách, phương thức hành vi, thái độ xử thế của con người thì người ta thường gắn nó với sự bất lực, bị thịt, đồ bỏ đi, đồ hèn. Lâu ngày, chữ "nhẫn" trong từ điển đời sống trở thành đối tượng bị chỉ trích. Sự thật thì đây hoàn toàn là điều hiểu lầm.

Trong văn tự cổ và trong đời sống của người xưa, chữ "nhẫn" có nghĩa tốt. Trong bộ từ điển đầu tiên của Trung Quốc "Thuyết văn giải tự", chữ "Nhẫn" được giải nghĩa như sau: "Nhẫn, năng dã", tức "nhẫn" là tài năng. Đoàn Ngọc Tài thời nhà Thanh được nhìn nhận là nhân vật hàng đầu trong việc chú giải sách "Thuyết văn" cũng chú giải chữ "nhẫn" như sau: "Nhẫn chi nghĩa kiêm hành chỉ, cảm vu sát nhân chi vị nhẫn, tục sở vị nhẫn hại dã", nghĩa là: chữ "nhẫn" tuỳ theo hành vi mà định nghĩa, dám giết người gọi là nhẫn, tức là tàn nhẫn; không dám giết người cũng gọi là nhẫn, tức là nhẫn nhịn. Như vậy, chữ "nhẫn" không đơn giản như người ta thường nghĩ. Nó vừa có nghĩa tích cực, vừa có nghĩa tiêu cực. Nghĩa tích cực được dùng với từ nhẫn nại, nhẫn nhịn, nhẫn nhục;

nghĩa tiêu cực được dùng với từ tàn nhẫn, nhẫn tâm. Chữ "nhẫn" có nghĩa tương phản nhau lớn như thế, điều đó chứng tỏ nó có ngụ ý sâu sắc, đáng nghiên cứu thêm.

Người xưa thường dùng chữ "nhẫn" với bốn nghĩa:

Một là nhẫn nại, chịu đựng.

Sách "Luận ngữ. Bát dật" viết: "Thị khả nhẫn dã, thục bất khả nhẫn dã?" Nghĩa là ngay cả điều đó cũng nhẫn nhịn được thì còn điều gì mà không nhẫn nhịn được?

Hai là, nhẫn nhục.

Trong "Đông kinh phú", Trương Hành viết: "Bách tính bất năng nhẫn", tức là dân chúng không thể nhẫn nhục được.

Ba là, kiềm chế, ức chế.

Sách "Tuân Tử. Nho hiệu" viết: "Chi nhẫn tư, nhiên hậu năng công; hành nhẫn tình tính, nhiên hậu năng tu", có nghĩa là có chí kiềm chế dục vọng cá nhân thì mới có thể vì cái chung được, khi hành động phải kiềm chế được cái tính bản năng thì mới tu luyện được.

Bốn là tàn nhẫn.

Sách "Tôn thư. Đạo thuật" chép: "Trắc ẩn liên nhân vị chi từ, phản từ vi nhẫn", có nghĩa là lòng trắc ẩn thương người là lòng từ thiện, trái với từ thiện là tàn nhẫn.

Trong sách cổ, chữ "nhẫn" kết hợp với chữ khác thành từ đa âm thì phần nhiều vẫn có nghĩa theo âm đầu. Trong đó vừa giải thích chữ nhẫn vừa giải thích công dụng của chữ nhẫn.

Nhẫn tính: kiềm chế bản tính. Sách "Mạnh Tử. Cáo tử, hạ" viết: "Sở dĩ động tâm nhẫn tính, tăng ích kỳ sở bất năng". Đại ý là nén lòng kiềm chế bản tính thì có lợi, có ích hơn.

Nhẫn sự: nhẫn nại xử sự. Sách "Tị thử lục thoại" viết: "Khôi tâm duyên nhẫn sự, sương phát vi luận binh". Đại ý là: nhọc lòng do nhẫn nại xử sự, bạc đầu do bàn việc quân.

Nhẫn hậu: nín nhịn lời độc địa. Sách "Trang Tử. Nhượng vương" viết: "cường lực nhẫn hậu", tức là nín nhịn với nghị lực kiên cường những lời độc địa của kẻ xấu.

Nhẫn nhục: một, có nghĩa là nhịn nhục; hai là, từ dùng trong Phật giáo với nghĩa là chịu đựng những điều sỉ nhục thậm tệ mà không oán thù, một trong sáu điều ba - la - mật.[1]

Nhẫn nhục khải[2]: Từ dùng trong Phật giáo. Còn gọi là áo cà sa. Tín đồ Phật giáo dùng áo cà sa tượng trưng cho phật pháp, che chắn hồng trần, xua đuổi cảm giác nhục. Cho nên họ mặc "nhẫn nhục khải", tức "áo cà sa".

---

1. Dịch âm từ tiếng Phạn: Paramita - ND.
2. Khải trong tiếng Hán là áo giáp - ND.

Nhẫn thổ: từ dùng trong Phật giáo, tiếng Phạn gọi là thế giới ta bà, ở đó chúng sinh yên phận chịu đựng mọi điều đau khổ, nói theo cách nói ngày nay là: chống lại mọi cám dỗ.

Nhẫn thuỷ: từ dùng trong Phật giáo, có nghĩa là công đức nhẫn nhục mênh mông như biển cả. Sách "Đại tập kinh. Tứ thập thất" viết: "Nhẫn nhục như đại địa, nhẫn thuỷ thường doanh mãn". Như vậy, nếu có sức nhẫn nhục vô biên, có tấm lòng độ lượng thì có thể khoan dung với bất kỳ điều gì.

Trong bẩy từ có chữ nhẫn nói trên có bốn từ là của Phật giáo, chứng tỏ chữ nhẫn đạt tới mức độ thần diệu. Từ bẩy từ có chữ nhẫn ấy, dường như chúng ta nhận ra bóng dáng của một con người đối mặt với hiện thực bằng tấm lòng rộng lượng, trăm cay ngàn đắng cũng không sờn lòng, tâm tính siêu phàm thoát tục, vứt bỏ mọi dục vọng cá nhân, khoan dung với những người mà thiên hạ khó khoan dung, nhẫn nhịn những việc mà người bình thường khó nhẫn nhịn, dáng cao lồng lộng. Đó không phải là thần tiên, mà là chúng ta. Khi ta thừa nhận nghĩa gốc của chữ nhẫn, hiểu được giá trị của sự nhẫn nhịn thì ta có thể chịu khó chịu khổ, nhịn đói nhịn khát, nín nhịn nhún nhường, nhịn nhục vì việc lớn, trở thành người rất có triển vọng, người có ý chí, người có thể chống lại mọi thế lực độc ác, là một chân nhân, làm nên nghiệp lớn.

1.2. Thuộc tính khách quan của sự nhẫn nhịn.

Không có ai vừa đẻ ra đã thích nhẫn nhịn, đã cam lòng chịu khổ, chịu giày vò. Trên đầu chữ nhẫn là chữ đao, nghĩa là con dao. Có ai lại thích sống dưới lưỡi dao, suốt ngày nơm nớp lo sợ, sống không yên? Song, mặc ta thích hay không, muốn hay không, đời sống và công việc thực tế đòi hỏi ta phải nhẫn nhịn, không nhẫn nhịn không được, dẫu có đau như cắt ruột vẫn phải nhẫn nhịn. "Một sự nhịn là chín sự lành", "Việc nhỏ không nhẫn nhịn sẽ hỏng việc lớn". Trong thực tế cuộc sống có rất nhiều trường hợp chỉ vì một phút sốc nổi mà gây ra tai hoạ, thân bại danh liệt. Bởi vậy, dù là việc công hay việc tư, nhẫn nhịn là nhẫn nhịn sự chế ước của điều kiện khách quan đối với con người, hơn nữa còn là sự chế ước có trật tự, có ý nghĩa văn minh cao.

Tính tất yếu khách quan của "nhẫn" trước hết nằm ở trong quan hệ giữa con người và tự nhiên. Giới tự nhiên sinh ra con người, cung cấp cho con người các điều kiện tồn tại, phát triển, nhưng đồng thời cũng chế ước con người. Là sản phẩm của tự nhiên, con người không thể tách khỏi tự nhiên. Con người phụ thuộc vào tự nhiên, phải tôn trọng quy luật của tự nhiên, đồng thời phải chấp nhận sự lựa chọn của tự nhiên, sinh lão bệnh tử, tang ma hiếu hỷ, mọi việc đều phải thuận theo tự nhiên. Con người sinh ra từ cái nôi của tự nhiên, lớn lên trong lòng tự nhiên, sống bằng ánh sáng, không khí, nước và động thực vật do tự nhiên cung cấp, dùng các vật liệu trong giới tự nhiên để che mưa nắng, để sưởi ấm chống rét. Giới

tự nhiên cung cấp cho con người mọi cơ sở vật chất để sinh tồn, phát triển, đồng thời cũng cung cấp không gian hoạt động rộng lớn cho con người. Con người có thể leo núi, vượt biển, đi thám hiểm khắp nơi trên trái đất; con người cũng có thể du hành trong vũ trụ, tới các hành tinh khác. Nhưng con người vẫn không thể tách khỏi tự nhiên, mặc dầu trong thần thoại có chuyện "thiên mã hành không"[1], nhưng cũng không thể tách khỏi không gian vũ trụ được.

Con người dựa vào tự nhiên để sinh tồn thì phải nhẫn nhịn sự hạn chế về thời gian, không gian của tự nhiên, phải chấp nhận sự ràng buộc của quy luật tự nhiên. Như "chín tháng mười ngày mang thai, tới ngày thì sinh nở" vậy, không sớm, cũng không muộn được. Sớm quá, đẻ không đủ tháng thì là đẻ non, đẻ non thì khó nuôi, dẫu có nuôi được thì cũng vì bẩm sinh yếu ớt mà về sau không khoẻ mạnh được. Muộn cũng không được, đẻ muộn là khó đẻ, khó đẻ thì càng nguy hiểm, đe doạ tính mạng của cả sản phụ và thai nhi. Ở các giai đoạn tuổi thơ, nhi đồng, thiếu niên, thanh niên, trung niên, cao niên con người đều lớn lên theo quy luật tự nhiên. Cái gọi là thuật cải lão hoàn đồng, thuật luyện đan đều chỉ là kế tạm thời, không thể thay đổi một cách căn bản quy luật bình thường của tự nhiên, thời gian trôi đi không bao giờ trở lại, ai ai cũng phải chịu đựng sự "giày vò" của năm tháng, tuổi xuân qua đi không bao giờ trở lại;

---

1. Ngựa trời phi trong không trung _ ND.

khi tử thần gõ cửa không ai thoát nổi. Vật đổi sao dời, bốn mùa thay nhau, trồng trọt và thu hoạch có mùa có vụ. Gieo trồng không đúng thời vụ thì không có thu hoạch; trồng gì được nấy. Không thu hoạch đúng lúc thì ngô lúa rụng thối ngoài đồng; trồng bao nhiêu chưa hẳn đã thu hoạch được bấy nhiêu. Hết ngày thì đến đêm, ngày làm đêm nghỉ, đời sống có quy luật của đời sống. Trắng đen đảo lộn, âm dương không cân bằng thì thần kinh sẽ rối loạn, bệnh tật sẽ phát sinh. Đồng hồ sinh vật trong cơ thể con người cũng vận hành có quy luật bởi tác động lâu dài của giới tự nhiên. Mặt trời không chờ ta ngủ dậy mới mọc, cũng không mọc vì ta đang thức. Con người muốn sống một cách êm ái, sống có quy luật thì phải kiềm chế những điều tưởng tượng xa vời của mình, phải tuân theo số phận, thuận theo lẽ tự nhiên, hợp với ý dân. Nếu ai đó không tôn trọng quy luật tự nhiên, vi phạm quy luật tự nhiên, phá vỡ sự cân bằng sinh thái thì sẽ bị quy luật tự nhiên trừng phạt không thương tiếc. Chính quy luật bất khả kháng này của giới tự nhiên buộc con người phải có thái độ nhẫn nhịn, khoan dung với giới tự nhiên, chỉ có như thế mới được hưởng thụ những thứ mà giới tự nhiên ban cho. Cũng chính vì "ngỗ nghịch" với tự nhiên mà bị ngược đãi bằng phong ba bão táp, bằng nạn mất mùa đói kém. Nhẫn nhục và thuận theo tự nhiên là cử chỉ khôn ngoan, là con đường tất yếu để tự phát triển, làm cho xã hội phồn vinh.

Tính khách quan của "nhẫn" còn nằm trong quan hệ giữa con người với xã hội. Con người trước hết là sản phẩm của tự nhiên, sau đó còn là sản phẩm của xã hội. Loài người tiến từ hình thái tự nhiên nguyên thuỷ tới hình thái xã hội trật tự. Đó là bước nhảy vọt lớn. Trong xã hội loài người, mọi bản năng động vật nguyên thuỷ của con người đều được xã hội hoá, chuẩn mực hoá. Văn minh thay cho ngu muội; tao nhã thay cho thô lỗ; trật tự thay cho lộn xộn, lơi lỏng. Nhà có nếp, nước có luật, quốc tế cũng có tập quán, có các hiệp định, công pháp. Ai chơi trèo, ngang bướng sẽ tự hứng chịu hậu quả. Lấy việc hôn nhân, sinh đẻ, nuôi dạy con cái làm ví dụ. Xã hội nguyên thuỷ áp dụng chế độ quần hôn, con người hành động tuỳ ý theo bản năng sinh vật, hầu như không khác loài vật là bao. Trong xã hội văn minh, bản năng sinh vật, nhu cầu của con người bị chế ước bởi chế độ xã hội, chuẩn mực đạo đức, tập quán dân tộc. Bừa bãi theo sở thích thì không hợp với con người văn minh. Ở nước ta, sau khi có quốc sách cơ bản về sinh đẻ có kế hoạch, quan niệm truyền thống về "sinh con phòng khi về già, muốn đẻ bao nhiêu thì đẻ" đã bị phá bỏ triệt để. Nhà nước quản lý việc sinh đẻ, đưa ra chủ trương một cặp vợ chồng chỉ đẻ một con, đẻ ít nuôi tốt; có chính sách nới lỏng cụ thể đối với dân tộc ít người và vùng nông thôn thiếu sức lao động. Đã là "quốc sách cơ bản" thì việc sinh đẻ không chỉ là việc riêng của phụ nữ, muốn đẻ bao nhiêu cũng được. Mọi việc đều phải lấy đại cục làm trọng, phải kiềm chế

dục vọng cá nhân, không thể suy nghĩ, tính toán riêng từng gia đình.

Quan hệ giữa con người với xã hội là quan hệ giữa con người với con người. Muốn duy trì quan hệ tốt, thân thiện giữa con người với con người thì phải nhẫn nại, nhẫn nhịn, nhường nhịn, tự kiềm chế, dẹp bỏ ham muốn cá nhân. Trong quan hệ giữa người với người, nhẫn là chất kết dính và chất điều hoà. Ở bình diện vĩ mô, tính thống nhất đa nguyên là đặc trưng của quan hệ giữa con người với con người. Từ một đơn vị, một địa phương, một quốc gia cho tới toàn bộ xã hội loài người đều phải xác lập một trật tự hợp lý, đồng thời lại phải ban hành các điều luật, các chính sách buộc mọi người phải tuân thủ để đảm bảo cho trật tự ấy luôn luôn ổn định. Trong khi đó, mỗi người tuy là một thành viên trong xã hội, nhưng lại là một cá thể độc lập, mỗi người có cái lẽ nhân sinh riêng, triết học xử thế riêng, cách sống riêng, đặc trưng cá tính riêng, mỗi người đều có quyền lợi riêng trong việc phấn đấu thực hiện nguyện vọng, lý tưởng của mình. Song tư tưởng, hành vi mỗi cá nhân vị tất đều hợp lý, dẫu hợp lý thì cũng phải suy tính xem có phù hợp với lợi ích của người khác, với lợi ích chung của xã hội hay không, nếu không phù hợp thì phải tôn trọng lợi ích của người khác, lợi ích chung của xã hội, tiết chế hoặc giảm ước vọng và nhu cầu của mình. Đó là sự nhẫn nhịn bị động, cần thiết. Nếu không, ai cũng tự do thực hiện ước vọng của mình thì giữa người này người nọ sẽ có đầy rẫy mâu thuẫn, xung

đột, trật tự xã hội sẽ có nguy cơ khủng hoảng. Không thể tưởng tượng nổi, nếu ra phố mà lòng ai cũng tức khí, ai cũng như thùng thuốc nổ. Như thế thì xã hội sẽ đứng bên bờ sụp đổ, thế giới sẽ đi tới ngày tàn. Ngay những nước vỗ ngực là "thế giới tự do" cũng là những xã hội pháp quyền, có chuẩn mực đạo đức xã hội, không để cho mọi người được tự do tuyệt đối, muốn làm gì thì làm. Bất kỳ thời đại nào, ở bất kỳ quốc gia nào, tự do đều có mức độ. Quan hệ giữa con người với con người giống như đấu bóng vậy, chỉ được phép va chạm hợp lý, va chạm không hợp lý là phạm luật, bị phạt hoặc bị đuổi ra sân. Bởi vậy, trong xã hội loài người, muốn cho toàn xã hội phát triển theo quỹ đạo bình thường có trật tự thì mọi người phải dẹp bớt ước vọng cá nhân, phải kiềm chế hành vi của mình, phải tuân thủ pháp luật, phải tôn trọng đạo đức xã hội, do đó phải biết "nhẫn", khi cần phải tự buộc mình "nhẫn", hạn chế ước vọng và nhu cầu của mình trong phạm vi mức độ hợp lý, không làm hại tới lợi ích của người khác và lợi ích chung của xã hội. Nếu xảy ra xung đột thì phải biết tự kiềm chế, nhẫn nhịn. Gặp nhau trên đường hẹp thì phải tự giác nhường đường, mời người đi trước. Nếu không sẽ rơi vào thảm kịch như trong bài hát: "có hai con trâu, gặp nhau trên cầu, chẳng chịu nhường nhau, rơi xuống sông sâu". Tính tất yếu khách quan của sự "nhẫn" quyết định tính bị động của "nhẫn", nhưng "nhẫn" có tính chất bị động này có giá trị xã hôi của nó.

1.3. Tính năng động chủ quan của "nhẫn"

Phần trên của chữ "nhẫn" là chữ đao, tức là con dao, điều đó cho thấy "nhẫn" có tính khách quan, tính bị động, tính khắc nghiệt của nó. Phần dưới chữ "nhẫn" là chữ "tâm", tức là quả tim, điều đó chứng tỏ "nhẫn" còn có tính chủ quan, năng động, tự do. Chúng ta tự hào, tổ tiên chúng ta sao mà thông minh, khôn khéo đến thế, khi sáng tạo chữ viết đã cô đặc phép biện chứng tự nhiên sâu xa nhường ấy vào một chữ "nhẫn". Dao tuy sắc nhọn nhưng cũng chỉ là vật chất, do người điều khiển. Quả tim tuy bằng thịt bằng máu không chịu nổi một nhát đâm, nhưng lại là vật sống. Hai vật ấy phải nương tựa vào nhau, thống nhất trong sự đối lập thì mới hoàn hảo. Do vậy, một mặt phải nói tới sự chế ước của tự nhiên đối với con người, sự chế ước của quan hệ xã hội đối với con người, buộc con người phải dẹp bớt dục vọng của mình, phục tùng quy luật tự nhiên và trật tự xã hội. Mặt khác, không thể xem thường việc con người làm thế nào để từng bước tiến từ "nhẫn" tiêu cực, bị động tới "nhẫn" tự giác, tự nguyện, tích cực, chủ động. Trong quá trình sử lý quan hệ với tự nhiên, quan hệ với xã hội, quan hệ với chính bản thân mình, con người dần dần ý thức được, đích thân thử nghiệm được tác dụng tích cực và giá trị to lớn của "nhẫn", do đó sẽ chuyển từ chỗ "nhẫn" bị động, tiêu cực sang "nhẫn" tích cực, chủ động. Đồng thời, nâng nhận thức này đối với "nhẫn" lên trình độ nhận thức lý tính. Như vậy, sự hiểu biết

và thực hành "nhẫn" của con người thăng hoa lên một tầm cao mới, con người đạt tới tự do.

Trong quá trình nhẫn nhịn tự nhiên khách quan để tồn tại, con người có được cơ hội hiểu tự nhiên, nhận thức tự nhiên, tìm ra cách tuân theo quy luật tự nhiên, cải tạo tự nhiên, hoàn thiện chính bản thân con người trong quá trình cải tạo tự nhiên. Con người từng là "kẻ đầy tớ của tự nhiên" nhưng không mãi là "kẻ đầy tớ của tự nhiên". Bởi vì, trải qua nhiều lần nhẫn nhịn tự nhiên, nắm được quy luật vận hành của nó, chẳng những có thể lợi dụng tự nhiên một cách năng động để phục vụ mình, mà còn có thể cải tạo tự nhiên theo lý tưởng của mình. Khi tự nhiên đã bị con người chinh phục thì con người thoát ra khỏi tình trạng ngu muội ban đầu, bước vào xã hội văn minh, không còn chịu để cho hổ báo sài lang ăn thịt, mưa to gió lớn đầy đoạ nữa.

Chúng ta đều biết rằng, ý thức của con người phát triển lên từ những mầm mống ý thức động vật, nhưng lại căn bản khác với ý thức mầm mống động vật. Ý thức động vật chỉ là mầm mống mà thôi, nhưng ý thức con người thì đã đạt tới giai đoạn cao. Điều đó biểu hiện chủ yếu ở chỗ con người có năng lực tư duy trừu tượng, có thể thông qua một loạt hoạt động tư duy lôgích quy nạp và diễn dịch, phân tích và tổng hợp để nâng nhận thức của mình từ giai đoạn cảm tính lên giai đoạn lý tính, phản ánh các mối liên hệ và quy luật nội tại của sự vật. Thí dụ, trong quá trình

diễn biến từ loài vượn đến loài người, khí hậu địa lý trên trái đất đã có thay đổi, diện tích rừng rú giảm, các động vật khác phải tới tấp chuyển chỗ, chạy trốn, còn tổ tiên của loài người thì tuy vẫn phải chịu đói rét nhưng đã chuyển chỗ ở từ ngọn cây xuống dưới đất, nhờ quan sát tình hình sinh trưởng của động thực vật mà mò mẫm ra quy luật sinh trưởng của chúng, thuần dưỡng động vật, trồng trọt thực vật, giúp con người có được nguồn thức ăn tương đối ổn định, ngoan cường sinh sống trên mặt đất.

Trong mối quan hệ giữa con người và tự nhiên, vai trò năng động chủ quan của con người không chỉ biểu hiện ở chỗ kiên nhẫn tìm tòi, phát hiện quy luật tự nhiên, nghiêm túc tuân theo quy luật tự nhiên, mà còn biểu hiện ở chỗ vận dụng hiểu biết của mình vào hoạt động thực tiễn cải tạo tự nhiên. Con người có thể ý thức được quan hệ giữa hoạt động của mình với sự vật khách quan, dự kiến được kết quả hoạt động của mình, và có mục đích, kế hoạch rõ ràng trước khi hành động. Như đồ đá của người nguyên thuỷ cổ đại tuy đơn giản, thô kệch, nhưng nâng cao được hiệu quả săn bắt, đốt rừng vỡ hoang là để có được nhiều lương thực hơn. Đó là quá trình từ chỗ phục tùng, nhẫn nhịn tự nhiên một cách bị động, tiêu cực chuyển sang thích ứng và cải tạo tự nhiên một cách chủ động.

So với tự nhiên thì con người tỏ ra nhỏ bé, ở nhiều điểm không thể sánh với sinh vật tự nhiên. Chẳng

hạn, con người không thể tự do bay cao như chim, không thể tự do phi nhanh như ngựa, không thính tai thính mũi bằng chó, không thể nhìn xa như chim ưng. Nhưng về ý thức thì con người vượt xa sinh vật tự nhiên, thậm chí vì thế mà so với chúng khác một trời một vực. Với vai trò năng động của ý thức, con người dựa trên cơ sở nhận thức quy luật tự nhiên để phân tích một cách tổng hợp các bộ phận của sự vật, trìu tượng hoá thành quan niệm mới, dùng quan niệm mới ấy để chỉ đạo việc gia công cải tạo vật tự nhiên, sáng tạo ra các công cụ không có trong tự nhiên, có sức mạnh, trình độ cao hơn tự nhiên. Như máy bay, con tầu vũ trụ, vệ tinh nhân tạo bay cao hơn bất kỳ loài chim nào, ngay thần rồng cưỡi mây cũng vị tất đã sánh kịp; ô tô, xe hoả chạy nhanh, chắc, xa hơn bất kỳ con tuấn mã nào; các máy móc do con người sáng tạo ra có thể phân biệt được hàng ngàn loại mùi vị, âm thanh. "Hằng Nga cung quảng"[1] không còn là chuyện thần thoại nữa, hô phong hoán vũ đã là việc có thật. Do những hoạt động thực tiễn, năng động của con người, giới tự nhiên đã có nhiều thay đổi lớn lao, bất kỳ nơi nào có sức người chạm tới, nơi ấy có kỳ tích của con người. Sa mạc mênh mông biến thành đồng cỏ xanh tươi, nơi khỉ ho cò gáy mọc lên hàng loạt biệt thự nguy nga, những cánh tay của người

---

1. Rút từ tích: Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ. Hậu Nghệ xin được thuốc trường sinh ở Tây vương mẫu, chưa kịp uống thì Hằng Nga lấy trộm uống mất và trở thành tiên bay lên cung trăng - ND.

máy đã làm thay con người những công việc có nguy hại tới tính mạng của họ, nhờ có khoa học kỹ thuật con người có thể bắt hoa đào mùa xuân, hoa sen mùa hạ, hoa cúc mùa thu, hoa mai mùa đông cùng đua nhau nở rộ cùng một lúc, cùng một nơi. Tóm lại, trái đất không còn thần bí đáng sợ nữa, nó đã nằm trong bàn tay con người, ngày một mới, đẹp hơn, thần kỳ hơn.

Chúng tôi mô tả như thế là để chứng minh rằng, trước khi có những thứ đó con người đã nhẫn nhịn, nhọc nhằn biết nhường nào. Nhẫn nhịn thai nghén trí tuệ, làm nẩy sự sáng tạo. Nhẫn nhịn giúp con người nếm trải đắng cay ngọt bùi, từ nhẫn nhịn bị động tiến tới nhẫn nhịn chủ động. Nhẫn nhịn là học phí con người phải trả để thắng tự nhiên, cải tạo tự nhiên, làm đẹp tự nhiên, và nhờ đó mà tích luỹ được của cải tinh thần phong phú. Là một thành viên trong xã hội, mọi hành vi của anh ta đều bị lực lượng xã hội chế ước, anh ta không thể tự chọn cho mình thời đại sinh sống, nhưng lại có thể lựa chọn niềm tin và hành vi cho mình. Trong mỗi hang cùng ngõ hẻm trên thế giới, từng giờ từng phút đều có những con người khác nhau lựa chọn cho mình cuộc sống khác nhau. Trên con đường nhân sinh, có người giỏi công, có người thích thủ, có người thích đua tranh, có người giỏi nhẫn nhịn, mỗi người đều có cách sống riêng. Song dẫu sống như thế nào chăng nữa cũng phải biết nhẫn nhịn, từ khi còn thơ ấu đã bắt đầu tập nhẫn nhịn, đến già vẫn phải nhẫn nhịn. Xét theo một ý

nghĩa nào đó, đời người là như vậy. Khi còn nhỏ dại không biết "nhẫn" là gì, đói thì ăn, khát thì uống, mót thì ỉa đái, bực thì gào khóc, muốn thế nào làm thế ấy, không biết kiêng dè là gì. Nhưng khi lớn lên, đi học vỡ lòng thì dần dần biết rằng mình đã lớn rồi, không còn chơi cái "trò trẻ con" được nữa. Cô giáo, thầy giáo bảo: không được thế này, phải thế nọ; và mỗi lần như thế đều kèm theo "lời khen" hoặc "kích thích vật chất", thế là người ta bắt đầu tự giác thích ứng với các đòi hỏi, thực hiện nhẫn nhịn. Đói, nhưng chưa tới giờ ăn thì chưa được ăn; mệt, nhưng chưa tới giờ ngủ thì chưa được ngủ; thậm chí đi tiểu cũng phải báo cáo, thầy chưa cho phép thì phải nín, đái ra quần mà vẫn thấy mình là đứa trẻ vâng lời. Ở các lớp tiểu học, trung học, cho tới đại học, mọi sinh viên đều phải tuân thủ nội quy nhà trường. Tuân thủ các nội quy ấy có nghĩa là tự ràng buộc mình. Mọi người đều tự ràng buộc mình thì sẽ tạo ra môi trường học tập tốt, và như thế thì mới bảo đảm thực hiện được mục tiêu đua tranh của mỗi người. Do vậy, "nhẫn" trong quan hệ giữa con người với xã hội là một cách tự tu dưỡng đạo đức, tu dưỡng phẩm hạnh, tính tình. Tự kiềm chế hợp lý, tuân theo chuẩn mực, nhiều lần như thế thì sẽ tập được cách nhẫn nhịn, thích ứng với môi trường xã hội, toàn xã hội và bản thân mỗi người cùng tiến tới trình độ văn minh hơn.

Trên con đường nhân sinh của mỗi cá nhân, tính năng động chủ quan trong sự nhẫn nhịn rất quan

trọng. Trên đời có rất nhiều người do có cách lựa chọn khác nhau, có thái độ xử thế khác nhau, cho nên cũng có kết cục khác nhau. Khi ở vào hoàn cảnh thuận lợi người ta thường chống lại được sự cám dỗ của lối sống xa hoa dâm dật, thích dựa dẫm, lên nhanh như diều gặp gió, một bước lên mây. Nhưng nếu ở vào hoàn cảnh khó khăn thì khác hẳn, có người không chịu đựng nổi những thử thách trong môi trường xấu, nản lòng, trầm luân, truỵ lạc, tuyệt vọng, kết quả là ân hận cả đời; có người nhẫn chịu được hoàn cảnh xấu, nhẫn nhịn được sự chèn ép, đè nén của kẻ xấu, của thế lực xấu, của vận xấu, rèn luyện bản thân mình trong những nghịch cảnh ấy, chớp thời cơ xoay chuyển tình hình, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những năm 70, thanh niên trí thức Trung Quốc ở vào thời kỳ khó khăn, xã hội hỗn loạn, lên núi, về nông thôn, không học hành gì. Trong cùng hoàn cảnh ấy, có người không nhẫn nhục được, chạy đôn chạy đáo, lén lén lút lút, nay đánh nhau mai ẩu đả, sống những ngày tháng hồ đồ bát nháo, kết cục là để lại những trang sử tuổi xuân xám sịt; người biết nhẫn nhịn thì lại coi đó là "mười năm tung hoành, học không cần sách", làm cật lực, đói mờ mắt, sống và học tập trong hoàn cảnh khó khăn, nếm trải cuộc sống trong điều kiện nghịch cảnh; người có trí thì tranh thủ giờ rảnh rỗi để học thêm, khi chế độ đào tạo ở bậc cao học được khôi phục, họ thi vào các trường đại học, các lớp cao học, trở thành những nhà văn nổi tiếng, nhà

doanh nghiệp nổi tiếng. Đối với những người không biết nhẫn nhịn, không có sức chịu đựng, nhẫn nhịn mà không có điểm tựa lý tưởng, thì nghịch cảnh là địa ngục. Đối với người biết nhẫn nhịn, có lý tưởng cao đẹp, thì nghịch cảnh là thang mây để lên thiên đàng.

Tính năng động chủ quan trong sự nhẫn nhịn còn biểu hiện ở chỗ tỉnh táo nhận thức điều kiện của mình, tính cách của mình. Mọi người sống, làm việc, học tập trong các điều kiện tự nhiên khách quan không như nhau, khi tạo ra con người không phải trường hợp nào thượng đế cũng tính toán được chu đáo, cho nên người thì khoẻ mạnh, thông minh, người thì tàn tật, tu duy chậm chạp. Trong trường hợp như thế, cần phải dũng cảm chấp nhận hiện thực, chịu đựng những thiếu thốn, sức ép do điều kiện tự nhiên gây ra, hướng theo điều có lợi, tránh điều có hại, phát huy sở trường, khắc phục sở đoản, xuất phát từ thực tế để tìm ra con đường nhân sinh của mình. Trong đời sống hiện thực có nhiều hình mẫu về mặt này của tuổi trẻ đáng để chúng ta học tập, noi theo. Chân thọt không thể ngăn cản bạn trở thành chuyên gia điện tử; khiếm thị có lẽ lại thôi thúc bạn trở thành nhạc sĩ; thân hình cao to thì có thể làm cầu thủ bóng đá chuyên nghiệp,... Tóm lại, cuộc sống có trăm đường ngàn lối, không nên lao vào chỗ bế tắc, biết "nhẫn" thì chắc chắn sẽ làm nên điều thần kỳ, cũng có thể tạo nên tiền đồ nhân sinh tươi đẹp.

2. Chủ tâm của kẻ mạnh: "nhẫn" để thành công

Khi bàn người như thế nào là kẻ mạnh thực sự, có người cho rằng kẻ mạnh là người cường tráng, khoẻ mạnh, tức mô tả kẻ mạnh ở góc độ sức khoẻ cơ thể; có người cho rằng bất kể cơ thể cao hay thấp, to hay nhỏ, bất kể vẻ mặt vui hay buồn, cũng bất kể sức khoẻ như trâu hay gầy yếu như que củi,... miễn rằng có năng lực hoàn thành thắng lợi công việc của mình thì là kẻ mạnh, tức là kẻ mạnh được xác định ở góc độ năng lực; có người lại cho rằng, kẻ mạnh là người dám tham gia cạnh tranh, và giành phần thắng trong cuộc cạnh tranh với những đối thủ mạnh đông như cây trong rừng, tiêu chuẩn này càng có tính chất hiện đại. Ngoài ra, còn có rất nhiều người có kiến giải và quan điểm khác của riêng họ về kẻ mạnh. Song, theo chúng tôi, kẻ mạnh chẳng phải là người có thân hình cường tráng, cũng chẳng phải là người dũng mãnh, mà là người có thể chiến thắng chính bản thân mình. Chúng ta có thể nói rằng, khó khăn khó vượt qua nhất trên thế giới này là ước vọng của chính bản thân mình. Kẻ địch lớn nhất, ngoan cố nhất trên thế giới cũng chính là bản thân ta. Hãy nghĩ xem, khi ta muốn làm, muốn nói, ta lại có năng lực, có quyền nói, làm, mà lại bảo ta không làm, không nói, thì đó có phải là việc khó nhất không? Chúng ta có thể nói rằng, người có thể chiến thắng chính bản thân mình là người không lùi bước trước bất kỳ khó khăn nào, có

thể chiến thắng tất thảy. Chủ tâm của kẻ mạnh, yếu tố quan trọng nhất giúp họ chiến thắng bản thân mình, chính là "nhẫn". Tất nhiên điều này cần được làm rõ, cần được so sánh, phân tích.

2.1. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh nhằm "giương cung đợi bắn"

Trong một doanh nghiệp hương trấn nọ có một thanh niên trí thức về quê thu được thành tích nhất định nhờ có tri thức văn hoá và tinh thần hiếu học, chịu khó động não. Lãnh đạo trong xã cũng rất quý trọng anh ta, ngày càng tin cậy, tuy không công khai tỏ ý sẽ đề bạt nhưng trong những tiếng khen hoặc ít hoặc nhiều có hàm ý ấy. Nhưng một vị phó giám đốc của doanh nghiệp này lại đem lòng ghen ghét. Ông ta không thể chấp nhận cái mầm non mới nhú cao hơn người này. Bởi vì nếu chấp nhận thì sẽ có ngày ông ta không biết sẽ ngồi vào đâu. Thế rồi ông ta tìm mọi cách gây khó dễ, bới lông tìm vết, bắt anh thanh niên này đi giầy chật. Tất nhiên anh thanh niên này biết điều đó, và biết cả nguyên nhân. Lúc đầu anh ta nể mặt, cứ nín nhịn hoài. Song, vị phó giám đốc nọ lại được một đòi mười, được đằng chân lân đằng đầu, dồn anh thanh niên này vào chỗ bí. Đứng trước tình trạng này, anh thanh niên cảm thấy khó chịu, muốn làm cho ra nhẽ, đặt vấn đề lên bàn để mọi người soi xét. Nhưng nghĩ lại, anh ta cảm thấy làm như vậy thì mình cũng có chỗ không phải. Bởi vì, trong con mắt của những người lãnh đạo, mặc dầu vị

phó giám đốc nọ có điều sai trái, nhưng tranh cãi với quan trên thì, về hình thức bề ngoài, không phải là việc hay. Nhất là, nông thôn Trung Quốc là nơi vẫn còn quan niệm truyền thống lạc hậu, làm như thế rất dễ gây cho mọi người ấn tượng xấu về mình, cho rằng mình không tôn trọng lãnh đạo và lớp đàn anh, cha chú. Anh thanh niên cảm thấy rất khó xử. Bởi vì, về bản thân vấn đề thì anh hoàn toàn có lý. Nhưng xét theo một lẽ khác thì anh không thể không kiềm chế, nhẫn nhịn. Anh gặp một người chú ruột để thổ lộ nỗi khổ của mình. Nghe xong, ông chú này phá lên cười. Cử chỉ này khiến anh thanh niên khó hiểu: mình đang buồn chết đi được, những tưởng ông tháo gỡ giúp, ai dè ông lại phì cười, tại sao vậy? Rứt tiếng cười, với giọng khôi hài, hóm hỉnh, ông chú nói với cháu: "Nếu cháu có lý thì hà tất phải vội vã? Lý ở trong tay mình, lúc nào nói chẳng phải là tuỳ ở cháu hay sao? Nghe vậy, chàng thanh niên thông minh này hiểu ra ngay: Trước mắt ta phải nhẫn nhịn, chẳng phải là ta sợ ngươi, mà là không vì tạm thời oan ức mà hành động thiếu suy nghĩ. Ta hoàn toàn có thể tố cáo ngươi, quyền chủ động ấy ở trong tay ta. Khi điều kiện chín muồi, có dịp thích hợp, ta sẽ thắng ngươi. Về sau, vị phó giám đốc này thấy anh thanh niên vẫn sống, làm việc như cũ, chẳng hề có biểu hiện chống đối, ông ta tự hiểu ra rằng làm như thế là trao quyền nói cho người khác, cho nên đã chấm dứt cái trò ghen tức ấy.

Mặc dù chúng ta không biết chắc chắn vị phó giám đốc nọ làm như thế để làm gì, nhưng có một điều có thể biết trước là, nếu anh thanh niên không nhẫn nhịn được sự hà hiếp ấy, vùng lên chống lại thì hậu quả tất sẽ ảnh hưởng tới tiền đồ của anh ta, và như thế trúng kế tính toán của vị phó giám đốc. Ngược lại, nếu những việc làm của vị phó giám đốc ấy không khiêu khích được anh thanh niên, mà lại làm cho mọi người có ấn tượng xấu với vị ta, thì thực tế là đã tạo cơ hội và khả năng cho anh thanh niên phản kích vị ta trong tương lai. Như thế thì há chẳng phải là gậy ông đập lưng ông hay sao?

Ở đây, chúng ta không thể coi cái vị phó giám đốc ấy là kẻ mạnh. Vì trong cuộc đọ sức ấy người thất bại chính là ông ta. Còn anh thanh niên mặc dầu bị hà hiếp đủ điều, thậm chí còn bị đả kích vô cớ, nhưng thắng lợi cuối cùng thuộc về anh ta. Tại sao vậy? Anh ta thắng ở chỗ nào? Và vị phó giám đốc thua ở chỗ nào? Rõ ràng, pháp bảo của anh thanh niên là ở chỗ nhẫn nhịn để tích luỹ sức mạnh phản kích trong tương lai, và lại còn ở chỗ anh ta có khả năng xuất kích vào bất kỳ lúc nào. Còn vị phó giám đốc thất bại ở chỗ ông ta càng hành động thì càng bại lộ, tới mức tự cảm thấy thấp thỏm lo sợ. So sánh thì mặc dầu anh thanh niên ở vào thế yếu và thấp hơn, nhưng có quyền chủ động. Cũng chính vì quyền chủ động ấy, quyền chủ động "giương cung đợi bắn" ấy mà buộc vị phó giám đốc phải vội vàng rụt vòi lại.

Do vậy, chúng ta dễ dàng nhận ra rằng, một điểm rất quan trọng trong chủ tâm của kẻ mạnh là "nhẫn" không phải chỉ biết ngậm đắng nuốt cay, cam lòng để người khác áp đặt, mà là một phương thức tích luỹ năng lượng, là một tư thế chủ động "giương cung đợi bắn". "Nhẫn" không có nghĩa là không dám phản đối. Không dám phản đối, chịu đựng oan ức không dám bầy tỏ ý kiến phản dối thì không phải là "nhẫn" mà là lòng dạ của kẻ nô tài, là biểu hiện bất lực. "Nhẫn" chỉ là tạm thời chưa phản đối. Tạm thời chưa phản đối cũng đồng thời có nghĩa là ta có quyền chủ động phản đối vào bất kỳ lúc nào. Cũng chính vì thế mà đối với sự "nhẫn" này đối phương thường có vẻ ngoài tỏ ra cứng rắn, nhưng trong bụng thì yếu hèn, nơm nớp lo sợ. So với kẻ mạnh biết nhẫn nhịn thì những người có vẻ ngoài hùng hổ ấy chẳng ra gì, chỉ là một thằng hề.

Đương nhiên, "nhẫn" với nghĩa là tích luỹ lực lượng, là giương cung đợi bắn, có một điều rất quan trọng là, có thể "bắn" nhưng còn đang "đợi bắn", tức là ta có lý, có lực. Nhưng còn phải chú ý tới phương thức "nhẫn" cụ thể. Điều đó có nghĩa là, trong quá trình "nhẫn" phải tỏ ra cho đối phương biết sức mạnh của ta, biết ta đang "nhẫn", không thèm chấp vặt với họ, nhưng cũng có thể đọ sức với họ. Như vậy, trong quá trình "nhẫn" phải biết cách đối phó với sự khiêu khích và nhục mạ của đối phương, vì thế mà cần chú ý tới phương thức "nhẫn" cụ thể. Điều này sẽ bàn kỹ ở dưới đây.

2.2. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh là để nhận rõ lẽ phải

Đôi khi, sở dĩ chúng ta cần phải "nhẫn" không phải là để tích luỹ lực lượng, nắm quyền chủ động, mà là để thực sự nắm được chân tướng của sự kiện nào đó, là để tìm hiểu tình hình một cách kỹ càng, không bốp chát lỗ mãng do tức khí nhất thời, không xử sự theo cảm tính. Tôi nhớ có một trường hợp như sau. Có một chàng trai rất hăng hái, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Nhưng, cái tính cách tốt này lại bị một số người lợi dụng nhằm mục đích xấu. Một lần, một đồng sự của chàng ta đánh nhau ở ngoài nhà máy, quần áo rách bươm, máu me bê bết, chạy về phân xưởng giữa lúc đang là ca đêm, trông thật thảm hại. Anh bạn đồng sự này của chàng trai bị đòn đau, ấm ức,, muốn trả thù để gỡ thể diện. Thấy chàng trai này hỏi sự thể thế nào, anh ta bèn thêm giấm thêm ớt làm cho to chuyện ra để kéo cả chàng trai này vào cuộc, bảo rằng: "Chúng nó định trị cả mày. Đừng sợ". Nghe đồng sự nói vậy, chàng trai này tức khí đùng đùng, vội cầm một cái gậy, chạy đi tìm người kia, chẳng hỏi đầu đuôi phải trái ra sao, đánh họ một trận. Sau đó, chàng trai nọ chẳng những bị phê bình hết sức gay gắt, mà còn phải bồi thường chi phí chạy chữa vết thương và tiền bồi dưỡng cho người bị đánh. Điều quan trọng hơn là, sau khi điều tra thì được biết, người bị đánh không hề nhắc tới tên chàng trai, mặc dầu có biết mặt chàng trai, nhưng đánh nhau với đồng sự của chàng trai, đó chỉ là việc riêng của

họ. Sau việc này, chàng trai nọ buồn rầu không dứt, tự trách mình quá nóng nẩy, suy nghĩ đơn giản, mất lý trí dẫn tới phạm pháp.

Rõ ràng là, khi bị đánh, bị xỉ vả, bị chửi rủa thì trước hết phải "nhẫn" đã, phải tìm hiểu kỹ đầu đuôi sự việc, sau đó mới xác định nên xử sự như thế nào, đó là phong cách của kẻ mạnh. Thật sự cần phải phản kích đối thủ thì cũng chưa hẳn là việc một sớm một chiều phải tiến hành ngay. Chỉ có những người tin vào khả năng, năng lực của mình mới đủ sức bình tĩnh. Trước tiên phải "nhẫn", làm rõ sự tình, sau đó mới quyết thì cũng không muộn. Trong đời sống thực tế, chúng ta thường gặp các trường hợp: bị phê bình vô cớ, bị chỉ trích vô căn cứ, bị hiểu lầm, bị kẻ xấu xúi giục. Trong những trường hợp như thế, nếu ta không điều tra cho rõ phải trái thì rất dễ làm hỏng việc, thậm chí biến việc tốt thành việc xấu. "Nhẫn" giúp chúng ta có thời gian, có dịp để làm rõ sự tình rồi mới quyết định. Vả lại, một khi đã nắm được chân tướng sự việc, có được đầy đủ lý do, chứng cớ thì chẳng phải là càng có đủ sức ứng phó với các thách thức, giải quyết các khó khăn vỗ mặt trong đời sống hay sao? Những người như thế lẽ nào không phải là kẻ mạnh? Ngược lại, nông nổi khinh suất, xử sự theo cảm tính, tất sẽ rơi vào tình trạng vô lý, thất bại, tháo lui. Dầu có uy vũ thì cũng chẳng sao có thể đối phó nổi những việc phức tạp, vàng thau lẫn lộn trên thế gian.

2.3. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh là "trăm sông đổ về biển"

Trong đời sống hàng ngày, người ta thường dùng câu "trăm sông đổ về biển" để hình dung thái độ nhân sinh có tấm lòng rộng mở dung nạp mọi ý kiến, quan điểm khác nhau, chung sống với người có tính cách khác mình, có thể chịu đựng được sự vấp váp và đả kích. Đồng thời người ta bao giờ cũng coi khinh những kẻ tiểu nhân có con mắt thiển cận, lòng dạ hẹp hòi. Mà muốn có tính cách và thái độ nhân sinh "trăm sông đổ về biển" ấy thì phải biết "nhẫn". Chỉ có "nhẫn" thì mới có được tấm lòng "trăm sông đổ về biển", mới có được cái tâm siêu nhiên.

Sở dĩ chúng tôi nói phải "nhẫn" thì mới có tấm lòng rộng mở, độ lượng, trăm sông đổ về biển, chủ yếu là do đối với những người có cá tính và có "thất tình lục dục"[1], nhất là những người cương trực, ghét điều ác, thì chấp nhận những ý kiến, quan điểm khác với mình, chấp nhận những lời nói việc làm có ý công kích, thù địch mình, là việc không dễ dàng gì. Trong trường hợp này, phải nói rằng, về tình cảm thì rất khó chấp nhận, về lý trí thì thường rất xót xa. Người ta thường rất khó vui lòng chấp nhận những thứ đó. Chính vì vậy mà rất cần phải "nhẫn". Ở một làng nọ đã từng xảy ra một sự kiện như sau. Có một anh thanh niên định vỡ một mảnh đất trên núi sau làng

---

1. Thất tình: bảy thứ tình cảm; lục dục: sáu loại dục vọng. Ở đây có ý phiếm chỉ tình cảm và ước vọng - ND.

làm vườn trồng chè và hoa quả. Đây vốn là công việc rất có ý nghĩa. Nhưng một số người lại không ủng hộ anh ta, cho rằng "ăn mày đòi xôi gấc". Cũng có người nghĩ rằng trước đây đã có người khai phá đám đất này, nhưng đều thất bại, tính toán của anh thanh niên này không phù hợp với thực tế. Vậy đối phó với những ý kiến này như thế nào đây? Lúc đầu anh thanh niên này rất bực. Anh ta nghĩ rằng, mang nhiệt tình ra làm lợi cho tập thể thế mà lại bị đối xử như thế, thật là bất công, thà nghỉ cho yên. Song, nghĩ lại, anh ta tự nhủ, người ta có mồm thì người ta nói, mình không thể bịt mồm không cho họ nói. Biện pháp duy nhất là hãy "nhẫn" đã, rồi sẽ làm cho các vị mở mắt ra mà xem. Biết tin này, một vị đội trưởng trong làng tìm gặp anh thanh niên thân tình nói với anh ta rằng: "Cậu có quyết tâm như thế là việc tốt. Nhưng cần phải lắng nghe ý kiến của người khác, dẫu là ý kiến của người phản đối cậu, hơn nữa cậu phải tranh thủ được sự ủng hộ của họ thì mới có hy vọng thành công". Lắng nghe ý kiến của ông đội trưởng, anh thanh niên cũng cảm thấy mình thế đơn lực yếu, hơn nữa lại chưa hiểu kỹ tình hình đám đất hoang ấy. Thế mà người hiểu tình hình đám đất này nhất lại là người công kích rất dữ ý định khai phá đám đất ấy. Làm sao đây? Anh ta cố nén ác cảm với người này, tìm tới tận nhà tươi cười xin được chỉ bảo. Nhưng ba lần bẩy lượt đều bị từ chối. Tới lúc gần như nản lòng, anh ta tính thử đến xin làm học trò một lần nữa xem sao. Thấy anh thanh niên này thực lòng xin

được chỉ bảo, người này thay đổi thái độ, nhiệt tình tiếp anh thanh niên nọ, giới thiệu tỉ mỉ tình hình đám đất hoang, gồm cả chất đất, ánh sáng, thú rừng quấy phá,... ông ta còn nói: "Hàng năm, vào mùa xuân, có mưa thì thế nào cũng có lũ, đất bị xói mòn nghiêm trọng. Nếu muốn khai phá thì phải sửa lại luồng lạch nước lũ đổ từ đỉnh núi xuống thì mới có tác dụng lâu dài. Do lượng công việc này quá lớn, trước đây không có tiền, không làm được, cho nên đám đất ấy bỏ hoang cho tới nay".

Nghe những lời này, anh thanh niên có cảm nghĩ như vớ được của quý. Sau này, khi nhớ lại quá trình diễn ra việc này, anh thanh niên xúc động cho rằng, nhất thiết phải biết "nhẫn" thì mới được giúp đỡ từ mọi mặt, tiếp thu "dinh dưỡng" từ mọi nguồn, có khi rất không hài lòng cũng phải tự kìm chế. Làm được như thế thì thường chỉ có lợi, không có hại.

2.4. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh nhằm làm nên việc lớn.

Người Trung Quốc có một câu tục ngữ: "Không nhẫn nhịn việc nhỏ sẽ làm hỏng việc lớn". Ý của câu này là, phàm những người làm việc lớn đều chớ có tính toán những chi tiết nhỏ nhặt trong đời sống hàng ngày, phải biết tự kìm chế đối với những điều lặt vặt này để tập trung sức lực vào việc lớn. Hơn nữa, như vậy mới có thể đoàn kết với mọi người có thể đoàn kết được, giúp mình làm nên việc lớn. Điều này quả có lý.

Chẳng hạn, đối với những học sinh thi vào cao học thì việc thi với tâm trạng thoải mái nhất, có kết quả tốt nhất, đỗ vào cao học là việc lớn trong đời họ. Do vậy, họ phải gạt bỏ mọi suy nghĩ linh tinh, mọi cám dỗ, dốc toàn lực vào ôn tập. Nhưng, thanh niên là những người ở vào cái tuổi hiếu động, thêm vào đó là cảnh tượng đời sống ngoài xã hội lại rất hấp dẫn, yêu cầu họ yên tâm học một cách quy củ thì quả là một việc khó. Vì thế có nhiều người không thoát khỏi sự cám dỗ của các sự vật mới, không yên tĩnh ngồi ôn tập được, mắt nhìn một nơi, đầu nghĩ một nẻo, có người bữa đực bữa cái, vừa muốn ôn tập lại vừa muốn chơi bời thoải mái.. Do đó, kết quả ôn tập chả được là bao. Nhưng cũng có nhiều người không như thế, họ tập trung vào việc lớn ấy, "nhẫn", tiết chế ý thích vui chơi, chống lại sự cám dỗ từ bên ngoài, chuyên tâm dốc sức chuẩn bị thi cử. Tất nhiên họ vẫn vui chơi, nhưng vui chơi có mức độ, vừa phải. Như vậy thì ôn tập có hiệu quả cao, thi đạt điểm cao.

Hoặc như, muốn có thành tích tốt trong một cuộc thi đấu quốc tế nào đó, chúng ta phải bỏ những cuộc thi không quan trọng để dưỡng sức, bảo toàn lực lượng, dẫu rằng có thể giành được vị trí quán quân trong những cuộc thi ấy. Đội bóng đá Trung Quốc đã từng phạm một sai lầm lớn về mặt này. Thi đấu giật giải quốc tế sắp đến nơi rồi mà vẫn tham dự những cuộc thi đấu có đẳng cấp thấp, không ở nhà để tập có trọng điểm, nghỉ ngơi, chạy chữa các chấn thương.

Hậu quả là các cầu thủ chủ lực đều bị chấn thương, ảnh hưởng tới thành tích của cuộc thi đấu lớn.

Tóm lại, muốn làm nên việc lớn thì phải "nhẫn" ở những việc nhỏ, ở những điều có lợi nhỏ. Như vậy, tối thiểu có những điểm lợi sau đây: một là, tiết kiện được tinh lực, tránh lãng phí sức người, sức vật, sức của vào những việc nhỏ để tập trung đầy đủ hơn, tốt hơn các điều kiện làm nên việc lớn; hai là, tránh được một số lực cản và phiền phức, đoàn kết được mọi lực lượng tích cực. Bởi vì, nếu chấp nhặt ở những việc nhỏ, ở những vấn đề chi tiết, việc nào cũng khăng khăng giành phần hơn thì rất dễ làm phật lòng người, không được họ đồng tình ở những việc lớn. Ngược lại, nếu để người có lợi ở những việc nhỏ thì khiến người có cảm giác nợ mình, như vậy họ sẽ thường dễ đồng tình với ta trong việc lớn; ba là, "nhẫn" ở những việc nhỏ thì có thể tự dọn đường, tích lũy kinh nghiệm tích trữ lực lượng để hoàn thành việc lớn. Với nhiều lần nhẫn ở những việc nhỏ thì sẽ giúp ta càng hiểu người và việc xung quanh mình, biết cách làm thế nào để xử lý tốt hơn những vấn đề có khả năng sẽ nảy sinh. Tất nhiên, "nhẫn" như vậy thì phải trả giá. Nhưng cái giá ở những việc nhỏ ấy sẽ được đền đáp. Chỉ có chủ tâm "nhẫn" như thế mới xứng danh kẻ mạnh, mới làm nên việc lớn.

2.5. "Nhẫn": chủ tâm của kẻ mạnh là dám chịu thiệt

Chúng tôi không nói: "Chịu thiệt một ít để được lợi nhiều" là điều tốt, hoặc là cách ngôn nhân sinh đáng được đề cao, hoặc là luật chung trên đời; chúng tôi cũng không gán cái phương thức nhân tạo này là của giai cấp nào, của thời đại nào, của nước nào, của nền văn hoá nào; chúng tôi chỉ xuất phát từ góc độ khách quan để nói rằng, nếu tự nguyện chịu thiệt chút ít, dám chịu thiệt chút ít, chứ không việc nào cũng đòi chiếm lợi, như thế sẽ có ngày được "lợi" lớn, sẽ thành "chính quả". Muốn "được lợi lớn" thì phải chịu thiệt chút ít, dám chịu thiệt chút ít, có thể nói đó là quy luật. Những kẻ việc gì, ở đâu cũng đòi có lợi, không chịu thiệt thì sẽ có ngày bị thiệt lớn. Điều này đã được nhiều kinh nghiệm lịch sử chứng minh. Thế mà, ở đây, muốn "tự nguyện chịu thiệt chút ít, dám chịu thiệt chút ít" thì phải có thái độ "nhẫn". Nói ngược lại, "nhẫn" thì mới có thể "tự nguyện dám chịu thiệt chút ít". Không "nhẫn" thì sẽ không làm nên việc gì.

Cuộc đời con người phong phú, muôn màu muôn vẻ, dù xét ở góc độ nào cũng vậy. Nó có nhiều cơ hội, cũng đứng trước nhiều sự lựa chọn. Nếu những cơ hội và sự lựa chọn ấy chỉ là công việc của cá nhân thì có lẽ không phải là việc khó. Nhưng, hiện thực thường không phải như thế. Mỗi một cơ hôi, một sự lựa chọn của chúng ta luôn luôn kéo theo xung đột, cạnh tranh. Mà chúng ta thì không thể việc gì cũng tranh lấy bằng được, không thể không rời bỏ những thứ không to tát cho lắm, vì những nguyên nhân nào đó không

thể không bấm bụng cắt bỏ những cơ hội mà chúng ta rất ưa thích. Đặc biệt là có những thứ, những cơ hội đã ở trong tầm tay, chúng ta hoàn toàn đủ sức và có đủ lý do để giành được nó, nhưng cũng có thể vì nguyên nhân nào đó chúng ta phải chủ động nhường cho người khác. Nói cách khác, chúng ta không thể có được toàn bộ lợi ích mà chúng ta muốn và đáng thuộc về chúng ta; mặc dầu những lợi ích đó vốn thuộc về chúng ta, nhưng chúng ta vẫn phải từ bỏ, phải nhượng bớt một phần lợi ích ấy. Đây không phải là do "không nhẫn nhịn việc nhỏ sẽ không làm nên việc lớn", mà là do một thứ trí tuệ nhân sinh chủ động hơn. Bởi vì, sự từ bỏ, sự nhân nhượng, sự chịu thiệt này thường không hẳn là để đạt được một mục tiêu nào đó cao hơn, mà do một nguyên nhân khác, do khôn ngoan mà tính trước, biết trước rằng mình không thể hưởng tất cả các cơ hội và lợi ích ấy. Mà đã vậy thì hà tất phải nhọc nhằn đi tranh, đi so bì, đi đòi? Một khi đó là những cái phải từ bỏ thì tốt nhất là chủ động từ bỏ những thứ tất yếu phải từ bỏ ấy đi. Bản thân việc từ bỏ ấy là một việc có lợi lớn. Bởi vì, những người không biết làm như thế, xét theo hình thức bề ngoài, thì tuy họ có được những cơ hội mà họ muốn, nhưng thực tế thì do họ đang vướng chân vướng tay với cơ hội đã giành được, không còn khả năng và sức lực để lựa chọn các cơ hội sau đó, Ngược lại, những người biết chịu thiệt chút ít thì lại luôn luôn nắm quyền chủ động ấy trong tay họ, dầu

có mất đi một vài cơ hội nào đó, nhưng không gây trở ngại đối với việc lớn.

3. Hòa hợp là quý, "nhẫn" là mỹ đức

Các dân tộc phương Tây có ý thức cạnh tranh rất mạnh. Trái lại, nền văn hoá Trung Hoa, thậm chí nền văn hoá của toàn bộ phương Đông tôn sùng triết học "hoà hợp", chủ trương trung dung, lấy hoà làm trọng, lấy hợp làm quý, coi "nhẫn" là đức, đề cao "nhẫn". Nhẫn nại, nhẫn nhịn, tiết chế là một trong nhiều nét đẹp về đạo đức của dân tộc Trung Hoa. Cổ nhân đề cao "nhẫn" là triết học xử thế, , chẳng những coi "nhẫn" là sách lược tề gia trị quốc bình thiên hạ, mà còn là kế làm nên việc lớn; lấy đó làm thước đo đức độ của mỗi người. Sách "Thượng thư", một trong những bộ sách cổ nhất của Trung Quốc, viết: "hữu dung, đức nãi đại", tức khoan dung là một nét lớn của đức. Sách "Lễ ký" viết: "Quân tử lấy đức để đối xử với người". Sách "Luận ngữ" cũng viết: "Lễ chi dung, hoà vi quý, tiêu vương chi đạo, tử vi mỹ", đại ý là khi vận dụng chữ lễ thì lấy hoà làm quý, đó là nét đẹp của đạo làm vua. Người Trung Quốc xưa nay chủ trương tiên lập đức hậu lập công. Lập đức thì phải khoan dung, đại lượng, lấy hoà làm quý, coi trọng "nhẫn". Khoan dung, "nhẫn", hoà hợp, thì mới làm nên việc lớn, mới lập được công lớn. Bất kể thực tế như thế nào, các vua chúa thời xưa hầu như đều chú trọng "đức chính", "nhẫn công"[1]. Đông đảo quần

1. Tức dùng đức để trị nước, nhẫn nhịn để lập công - ND.

chúng nhân dân lao khổ sinh sống, phấn đấu trên mảnh đất từ cổ xưa này của Trung Quốc đã rèn luyện được cho mình sức nhẫn nại, lấy đó làm sức mạnh sinh tồn, phát triển, truyền từ đời này sang đời khác, duy trì mãi mãi. Quả vậy, từ ngày khai thiên lập địa tới nay, hàng nghìn năm qua dân tộc Trung Hoa đã trải qua biết bao thiên tai địch hoạ, chẳng những vẫn tồn tại, mà còn tạo dựng nên cơ nghiệp mới, mở ra thời đại vĩ đại. Trong đó, sức nhẫn nại là sức sống không gì ngăn nổi, là lực hướng tâm của dân tộc ta. Ngày nay người ta vẫn coi những người có sức "nhẫn" mạnh mẽ là những người có đức hạnh cao.

Tổ tiên dân tộc Trung Hoa, trên từ tam hoàng ngũ đế (Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế là tam hoàng, cộng thêm Nghiêu, Thuấn gọi chung là ngũ đế) dưới tới lê dân bách tính đều xuất phát từ góc độ "nhẫn" để mô tả lịch sử của mình. Tương truyền, Phục Hy làm ra bát quái, dạy dân bắt cá, chăn nuôi, nếm trải muôn ngàn gian khổ; Thần Nông lăn lộn khắp nơi, chế ra chiếc cầy, dậy dân làm ruộng, chịu đựng bao điều đắng cay; Hoàng Đế chiến thắng Xế Vưu, sáng lập nên nghề trồng dâu nuôi tằm, làm thuốc chữa bệnh, chế tạo ra xe, thuyền, xây dựng cung thất, sáng tạo ra chữ viết, tất thảy thành tựu đó đều nhờ có trí tuệ và sức mạnh bắt nguồn từ đức tính "nhẫn". Còn vua Nghiêu, vua Thuấn thì do "nhẫn" mà nhường ngôi, danh truyền thiên hạ, để lại tiếng thơm muôn đời.

Theo truyền thuyết thì vua Nghiêu là một vị vua nhân đức, có trí tuệ thời cổ đại. Điều được người đời khen nhất trong đời ông là việc ông không truyền ngôi cho con mình là Đan Chu, mà chọn Thuấn làm người kế vị. Sở dĩ vua Nghiêu làm như thế là vì ông thấy Thuấn có cái đức "nhẫn" hơn những người khác.

Vua Thuấn bất hạnh từ nhỏ. Cha ông bị mù hai mắt, mẹ ông mất sớm. Về sau, cha ông lấy vợ kế đẻ ra em ông tên là Tượng. Mẹ kế của ông xúi cha ông ghét bỏ ông, mẹ kế và em ông cũng tìm mọi cách trừ khử ông, nhưng ông đều khôn khéo tránh được, vẫn vâng lời cha, không bất hiếu, vẫn thân thiện với em, không để mất tình máu mủ. Mọi người khen Thuấn là người tốt, có đức. Nghiêu gả hai người con gái cho Thuấn, chi cho Thuấn lương thực và nhiều trâu bò. Mặc dầu vậy, cảnh ngộ của Thuấn vẫn không được thay đổi, mẹ kế và em càng ghen ghét Thuấn. Một hôm, cha ông sai ông sửa nóc kho để lương thực. Thuấn bắc thang vừa trèo lên nóc kho thì cha ông rút thang, châm lửa đốt kho. Thuấn muốn xuống nhưng không có thang. Cái khó ló cái khôn, Thuấn lấy hai tấm cót che người, từ nóc kho nhẩy xuống, may mà thoát chết. Một hôm khác, cha ông sai ông đi thau giếng. Sau khi ông xuống giếng thì cha và em ông lấp giếng, định chôn sống ông ở dưới giếng. May sao, ông đã bí mật đào một lối thoát, thấy có chuyện không hay, ông đã thoát hiểm theo lối thoát ấy. Lại một lần nữa ông thoát nạn. Lúc này, cha và

em ông đang mừng thầm. Tượng nói với cha: "Bây giờ anh con chết rồi, con chia cho bố mẹ một phần của cải của anh ấy, phần còn lại và hai chị vợ của anh ấy thuộc về con". Rứt lời, Tượng đi vào phòng của Thuấn. Nào ngờ, Tượng vừa đẩy cửa thì thấy Thuấn đang ngồi đánh đàn trong phòng cứ như là không hề xẩy ra chuyện gì vậy. Tượng thầm lo, vội nói: "Em đang nhớ anh chết đi được". Thuấn cũng nói như thật: "Vừa khéo, anh có nhiều việc, cũng đang muốn nhờ chú giúp một tay đây". Sau đó, Thuấn vẫn đối xử ôn hoà với Tượng. Sau nhiều lần nhẫn nhịn như thế, Thuấn cảm hoá được cha và em, khiến cho họ bỏ ý định trừ khử Thuấn. Sau nhiều lần điều tra xác minh, vua Nghiêu thấy Thuấn là người rất có đức "nhẫn", tương lai sẽ làm nên nghiệp đế, ông bèn nhường ngôi cho Thuấn. Đó là sự kiện nhường ngôi đầu tiên trong lịch sử, cũng là câu chuyện đầu tiên làm xúc động lòng người về nhẫn nhịn tưởng chừng không thể nhẫn nhịn nổi. Đối mặt với Thuấn là người cha mù và hồ đồ, một người em ngông cuồng, nếu muốn chống lại thì dẫu họ có cấu kết với nhau cũng chưa hẳn đã xứng là đối thủ của Thuấn. Nhưng, những khi tính mạng bị đe doạ, Thuấn đều không thẳng thừng chống lại, hơn nữa cũng không đem lòng hận thù, bỏ qua cho êm thấm. Điều đó nói lên rằng, sự "nhẫn" của Thuấn vừa là đức tính hoà hợp với cha và em, vừa là sách lược tự vệ. Nếu Thuấn chỉ có đức, không có trí khôn, hoặc chỉ có trí khôn mà không có đức, thì

đều không toàn diện. Chính vì thấy Thuấn là người toàn diện vừa có đức vừa có trí khôn mà Nghiêu nhường ngôi cho ông. Đối với vua Nghiêu, đức "nhẫn" được dân chúng ngợi khen của Thuấn là một mỹ đức cao thượng. Một người nhẫn nhịn được sự ghét bỏ, nhẫn nhịn được lời độc việc ác của cha, mẹ, em thậm chí nhẫn nhịn được cả việc họ đẩy mình vào chỗ chết, thử hỏi, một người như thế thì còn điều gì trên đời này mà họ không nhẫn nhịn được? Cớ chi lại không thực hiện nhân đức với thiên hạ? Chẳng thế mà Khổng Tử lại nói: "Thuấn là người con đại hiếu, sự cao thượng về đạo đức của ông xứng với thánh nhân, sự cao quý về đức hạnh của ông khiến ông có thể trở thành thiên tử".

Việc vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn không chỉ chứng tỏ vua Thuấn có đức, xứng danh "hiếu tử" và "thiên tử". Việc vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn còn cho thấy vua Nghiêu và con ông là Đan Chu lấy "nhẫn" làm đức. Vua Nghiêu nói: "Truyền ngôi cho Thuấn thì cả thiên hạ được lợi, chỉ có một mình Đan Chu là đau buồn thôi; nhưng nếu truyền ngôi cho Đan Chu thì cả thiên hạ đau buồn chỉ một mình Đan Chu là được lợi thôi". Rõ ràng, vua Nghiêu tôn sùng "nhẫn" là đức, ông đích thân thực hiện như thế. Ngôi vua có quyền lợi và sự oai nghiêm không gì bằng, nó không phải là cái ghế, cho nên không thể dễ dàng nhường đi lòng không nuối tiếc. Chắc chắn vua Nghiêu và con ông là Đan Chu phải dằn lòng chịu đựng sự tiếc nuối khi nhường ngôi cho

người khác. Chỉ có điều là đặt lên bàn cân thì ông thiên về vì cái chung, vì lấy thiên hạ làm cái chung cho nên nhẫn nhịn được sự đau khổ cá nhân. Điều đó cũng là lấy "nhẫn" làm đức, thậm chí là mỹ đức cao cả hơn. Nói chuyện xưa nhớ tới chuyện ngày nay, khi những người xung quanh chúng ta lồng lộn tranh nhau cái chức quan tép riu, chút lợi bằng cái mắt muỗi, liệu họ có nhớ lại câu chuyện "nhường ngôi" cổ xưa này không?

Tất nhiên, sự nhẫn nhịn của Thuấn không phải là nhẫn nhịn vô nguyên tắc, càng không phải là biểu hiện mềm yếu bất lực. Nhẫn nhịn vô nguyên tắc thì chẳng những không phải là mỹ đức mà còn bị phê phán, phủ định. Nếu không phải là "nằm gai nếm mật" mà lại tự vả vào má bên phải mình sau khi bị người vả vào má bên trái thì là đồ hèn, là nô tài, không thể chấp nhận được, cũng chẳng đáng thương. Thuấn nhẫn nhịn có mức độ, có nguyên tắc, là sách lược. Ông nhân từ với người hại mình, bằng cách nhẫn nhịn buộc kẻ hại ông phải tự trách mình, phải hối cải. Thêm nữa, sự nhẫn nhịn của ông cũng có nguyên nhân của nó. Một là, họ đều là người thân của ông, dẫu họ có ác với ông thì vẫn cứ là người trong một gia đình. Mâu thuẫn giữa họ là mâu thuẫn trong nội bộ gia đình. Giải quyết mâu thuẫn nội bộ thi khoan dung, nhẫn nhịn, dùng nhân thắng ác là thượng sách. Hai là, những hành động độc ác của cha và em ông chỉ làm hại riêng ông, không nguy hại đối với xã hội, hơn nữa họ chưa phải là kẻ ác tới mức không thể tha tội được. Nếu hành vi của cha và em ông nguy hại

tới xã hội thì có lẽ ông sẽ bỏ tình riêng vì nghĩa lớn. Với người ngoài ông cũng đối xử như thế. Truyền thuyết kể rằng, khi vua Nghiêu ở ngôi, ông không sử dụng Cao Dương thị, Cao Tân thị và những người trong nội tộc "Bát Khải", " Bát Nguyên"[1]. Khi lên ngôi, vua Thuấn thấy họ có đức bèn sử dụng để phát huy sở trường của họ, kết quả là họ trở thành những người cha có nghĩa, mẹ hiền, con hiếu thảo, anh em hoà thuận, gia đình êm ấm, xã hội yên vui. Có bốn gia tộc hết đời này đến đời nọ chuyên làm điều ác bị dân gian gọi là "đầu bò đầu bướu", "lang sói", "uống máu không biết tanh", "ăn cứt không biết thối", khi còn ở ngôi, vua Thuấn không hề kiêng dè, đẩy cả bốn gia tộc hung ác này vào vùng núi xa xôi, hẻo lánh, nhờ đó tình hình trị an xã hội có chuyển biến tốt, dân chúng vỗ tay reo mừng. Đủ thấy, vua Thuấn nhẫn nhịn có nguyên tắc.

Thời vua Thuấn không có chữ viết. Có người nói Thuấn giết Nghiêu cướp ngôi vua. Hư thực ra sao, không có tư liệu để khảo cứu. Nhưng thuyết "nhường ngôi" dẫu là có thật hay chỉ là người đời sau tưởng tượng đơm đặt ra, thì hàng ngàn năm nay người ta vẫn truyền tụng như thế. Dẫu chuyện "nhường ngôi" là do đời sau tưởng tượng ra, thì sự nhẫn nhịn của vua Thuấn chẳng là điều mà người ta mong mỏi, khao khát, ca ngợi đó sao? Chúng tôi nói về "nhẫn", về mỹ đức ở vua Thuấn không phải là nói về "nhẫn", về mỹ

1. Tức mười sáu người có tài đức mà dân gian gọi là "Bát Khải", "Bát Nguyên" - ND.

đức của cá nhân ông, mà là của cả dân tộc, đạo lý là ở chỗ đó. Thuấn là hiện thân lý tưởng, mỹ đức "nhẫn" ấy của ông đã bám chắc rễ trong mảnh đất của dân tộc Trung Hoa. Hàng ngàn năm qua, dù người giầu sang hay nghèo hèn, ai ai cũng đều khen ngợi như thế. Người đời sau bắt chước, dùng mỹ đức "nhẫn" để trị người, trị nhà, trị nước. Trong xã hội hiện đại, ở đâu cũng thấy người ta mong mỏi mỹ đức "nhẫn" được phát huy rộng rãi. Sau khi phim truyền hình nhiều tập "Khát vọng" được trình chiếu trên tivi, "cơn sốt Lưu Huệ Phương" diễn ra mãi không dứt chẳng đã nói lên điều đó hay sao?

Dưới đây xin kể hai câu chuyện cổ về thái độ hoàn toàn khác nhau đối với "nhẫn", qua đó chúng ta càng hiểu sự khác nhau giữa "nhẫn" và "bất nhẫn". Bản thân việc lưu truyền những câu chuyện này tới ngày nay cũng chứng tỏ người đời thừa nhận "nhẫn" đúng đắn, có nguyên tắc, ca tụng đó là mỹ đức, trái lại thì bị chê cười.

Đời nhà Tống, khi Quách Tiến đi tuần tra Sơn Tây thì có một viên quan tới triều đình tố cáo ông. Tống Thái tổ cho gọi người này vào triều, thẩm tra một số điều, kết quả là phát hiện viên quan này vu cáo Quách Tiến, ông cho giải về Sơn Tây, giao cho Quách Tiến xử lý. Nhiều người khuyên Quách Tiến giết quách người này đi cho xong, nhưng ông không làm như vậy. Bấy giờ, có giặc xâm nhập nước Tống, Quách Tiến nói với người này rằng: "Ngươi dám vu cáo ta trước mặt hoàng đế, chứng tỏ ngươi to gan.

Bây giờ ta bỏ qua chuyện cũ tha tội cho ngươi, nhưng phải ra trận đánh giặc. Nếu thắng trận ta sẽ bẩm lên triều đình thăng chức cho ngươi. Nếu thua trận thì tự nhẩy xuống sông mà chết, chớ để kiếm của ta phải vấy máu bẩn". Người này rất cảm kích, và quả nhiên anh ta quên mình chiến đấu giết giặc, đánh thắng trận. Quách Tiến bỏ qua thù cũ, bẩm lên triều đình thăng chức cho anh ta.

Tha thứ lỗi lầm của người khác đối với mình, không thù oán, người ấy tất sẽ ra công báo đáp. Khoan dung kẻ thù của mình, kẻ thù sẽ hiểu ra, sẽ tìm cơ hội lấy cái chết để báo đáp. Bởi vì ta tha thứ lỗi lầm của họ, họ sẽ ghi ơn trong lòng tìm cách báo đáp. Khi có cơ hội phát huy được tài năng họ sẽ dốc sức làm nên việc lớn, có lợi cho họ, cho ta, cho xã hội. So với Quách Tiến, những kẻ chuyên chấp nhặt sai lầm của người khác, tự tạo ra kẻ thù, chẳng phải là quá ngu xuẩn hay sao?

Thời Đông Hán có một người tên là Tô Bất Vĩ. Cha ông ta là Tô Liêm từng làm tới chức Tư lệ hiệu uý. Do hiềm khích với Tô Liêm, Lý Hạo đem lòng hận thù xử tử Tô Liêm. Bấy giờ Tô Bất Vĩ mới có 18 tuổi. Anh ta đưa thi hài cha về quê, chôn cất qua loa, sau đó giấu mẹ vào núi Vũ Đô, bản thân anh ta đổi họ đổi tên, bán gia sản lấy tiền thuê thích khách, chuẩn bị giết Lý Hạo. Nhưng việc không thành. Một thời gian lâu về sau, Lý Hạo được thăng lên chức Đại tư nông.

Tô Bất Vĩ thuê người cùng bí mật đào đường hầm để vào dinh thự Đại tư nông. Ngày ẩn nấp, đêm đào, hơn một tháng thì đào được tới phòng nghỉ của Lý Hạo. Một hôm, Tô Bất Vĩ và người của anh ta bỗng từ gầm giường của Lý Hạo xông lên, lúc ấy Lý Hạo ra ngoài đi tiểu, chỉ giết được vợ và con của Lý Hạo, giết xong thì để lại một lá thư rồi rút lui. Lý Hạo trở lại phòng ngủ thấy vợ con bị giết, sợ hết hồn; sau đó bố trí rào gai ngay trong buồng ngủ để đề phòng, đêm sợ không nhắm mắt được. Tô Bất Vĩ biết Lý Hạo đề phòng rất kỹ, khó giết được ông ta, thế rồi quay sang đào mồ mả nhà họ Lý, lấy đầu lâu của cha Lý Hạo treo bêu ngoài chợ. Nghe tin này, Lý Hạo đau như cắt ruột, vừa hận vừa tức mà không dám nói ra, chẳng bao lâu thì hộc máu mà chết.

Lý Hạo chỉ vì một chút tư thù mà đẩy người vào chỗ chết. Tô Bất Vĩ thì suốt đời dốc sức trả thù cho cha. Lý Hạo không nhẫn nhịn chút tư thù nhỏ mọn, kết quả là vợ con bị giết, cha chết rồi mà vẫn không yên, bị đem ra bêu diếu, bản thân thì uất mà chết, bị thiên hạ chê cười, thật là quá ngu xuẩn!

4. Tiết chế, tuân thủ pháp luật: "nhẫn" mới được yên

Sống trong xã hội, mỗi người đều phải làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ của một công dân. Xét theo một ý nghĩa nào đó, "nhẫn" cũng là trách nhiệm và nghĩa vụ mà mỗi cá nhân phải làm tròn đối với xã hội. Xã hội phải có trật tự ổn định, nếu không thì sẽ hỗn loạn. Một tập hợp người cũng phải có chuẩn mực

đạo đức được hình thành theo quy ước, nếu không đạo đức sẽ suy đồi, nếp sống sẽ vẩn đục. Đất nước cũng phải có pháp chế, nếu không tài sản và tính mạng của công dân sẽ không được bảo vệ, xã hội sẽ không ổn định. Tục ngữ có câu: "Không có nền nếp thì không biết vuông tròn". Pháp luật, đạo đức, giao ước,... đều là "nền nếp", mọi người đều phải tuân thủ, đều phải chấp hành. Chấp hành thì là "người có nền nếp", nếu không thì là "người không nền nếp", thậm chí trở thành tội phạm.

Chế độ xã hội lý tưởng, đơn vị công tác vừa ý, gia đình hạnh phúc, đó là những môi trường tốt đẹp mà mọi người mong ước. Đối với một quốc gia thì phải có hoà bình ổn định, quốc thái dân an thì mới xứng danh thái bình thịnh thế. Đối với một đơn vị, thì trên dưới phải đoàn kết, thống nhất hài lòng với công việc, có hiệu suất cao, mọi việc diễn ra trôi chảy, như thế mới là mọi người đều được hưởng phúc. Đối với một gia đình, phải là chung sống hoà thuận, trẻ có chỗ nương tựa, già được nuôi dưỡng chu đáo, trong nhà luôn có tiếng cười, như thế mới là gia đình hạnh phúc. Điều đó có nghĩa là cái cơ thể của xã hội, từ quốc gia cho tới đơn vị, gia đình, là một xã hội lành mạnh, có trật tự. Muốn cho xã hội luôn luôn tốt đẹp như thế thì phải xây dựng và bảo vệ một trật tự hợp lý. Cái mà mỗi cá nhân phải thường xuyên thực hiện là tự tiết chế mình, tuân thủ pháp luật, tuân thủ mọi quy định, "nền nếp", không thể muốn làm gì thì làm. Có lẽ đây là cái gọi là "Khắc kỷ phục lễ" chăng? Không tự kìm chế mình, muốn làm gì thì làm, thì không thể xây

dựng và duy trì trật tự xã hội bình thường. Ngược lại, trật tự xã hội không ổn định thì lại trực tiếp đe doạ lợi ích thiết thân của mỗi người. Đúng như Platon đã nói: "Tiết chế là một dạng trật tự, là sự khống chế khoái lạc và dục vọng".

Đứng trước pháp luật, mọi người phải tự tiết chế, tức là phải tuân theo pháp luật, chớ có thách thức pháp luật, dẫu có ý kiến bảo lưu đối với một điểm nào đó trong lời văn của điều luật nào đó, ta cũng phải nhẫn nhịn, tự kìm chế, không nói hoặc làm trái pháp luật. "Nước có luật, nhà có nếp". Đã là luật thì thiêng liêng,, bất khả xâm phạm. Nhà nước ban hành luật, pháp quy là nhằm dùng biện pháp cưỡng chế để duy trì trật tự xã hội. Xã hội càng văn minh thì pháp luật càng kiện toàn, công dân càng có ý thức pháp luật cao. Thêm nữa, pháp luật được xây dựng trên cơ sở bảo vệ lợi ích chung của đa số và quyền lợi của mỗi công dân. Hiểu được điều đó thì sẽ tự giác tuân thủ pháp luật, dẹp bỏ những suy nghĩ và hành vi không đúng luật của mình. Nếu bất chấp pháp luật, không tiết chế hành vi của mình, làm bừa theo suy nghĩ và ý muốn của riêng mình, như vậy tất sẽ phạm pháp. Bình thường người ta có thể tự giác tuân theo pháp luật, nhưng khi bỗng dưng bị người khác xâm phạm thì thường dễ nóng nảy, quên rằng phải tuân thủ pháp luật, không nhớ rằng phải tự kìm chế, thế là phạm tội, đến lúc hối thì đã muộn. Trong đời sống thực tế, thế giới chật chội như thế này, khi thì anh dẫm phải chân tôi, khi thì tôi xô phải anh một cái, đó là điều khó tránh. Nếu không nhẫn nhịn, trả

miếng nhau, thậm chí dùng dao chém người thì tất phải đền mạng. Như vậy là chấp vặt, dẫn tới phạm tội hình sự. Còn có những trường hợp quá quắt, biết rõ pháp luật quy định đường bộ đường sắt, các công trình giao thông liên lạc là tài sản của quốc gia, được pháp luật bảo vệ, không được phá hoại hoặc lạm dụng nhưng vì không nhẫn nhịn được dục vọng phát tài, chặn đường cướp xe, đánh cắp điện, lấy trộm dây điện, như vậy là biết luật mà cố tình phạm pháp. Ai chẳng muốn phát tài, nhưng phát tài một cách chính đáng, chớ để lòng tham làm cho mê muội, không kìm chế được dục vọng kiếm lợi bất chính, kết quả chỉ có thể là tự cho chân vào cùm, tự huỷ diệt mình mà thôi.

4.1. Nhẫn nhịn, không chấp vặt, không làm càn

Thời cổ đại, ở Trung Quốc, có nhiều bài học chính diện và phản diện về nhẫn nhịn, không chấp vặt, không làm càn. Thời nhà Hán, vì mắc tội, Lý Quảng phải về sống ẩn dật ở quê. Một đêm, Lý Quảng đem theo một lính kỵ binh đi sang làng bên uống rượu, trên đường về đi qua đình Bá Lăng, viên quan canh đình say rượu, lớn tiếng, chặn Lý Quảng lại. Viên lính kỵ binh nói: "Đây nguyên là Lý tướng quân". Viên quan coi đình nói: "Theo quy định thì đến ngay tướng đương nhiệm còn không được đi đêm huống hồ tướng tiền nhiệm!" Lý Quảng đành phải dừng lại, nghỉ ở trong đình. Về sau, Lý Quảng lại được triều đình tái cử, được phái ra mặt trận. Khi ra đi, Lý Quảng bắt viên quan coi đình cùng đi, tới doanh trại thì giết anh ta. Tuy viên quan coi đình say rượu,

nhưng anh ta tận trách, giữ nghiêm quân luật. Còn Lý Quảng thì cậy quyền thế để trả thù, coi mạng người như ngóe, vừa phạm quân luật vừa phạm pháp. Chỉ vì ông ta quyền cao chức trọng, không ai dám tranh cãi với ông ta. Chỉ vì ở nơi sa trường, pháp luật lại có điều bất cập, mà ông ta không bị hỏi tội mà thôi. Chẳng những thế, khi tác chiến với người Khương, hai bên đã cam kết không giết tù binh. Nhưng, Lý Quảng đã "lừa dụ họ ra hàng rồi đem giết", vi phạm quy ước, phá hoại "hiệp định song phương". Ít năm sau, một cộng sự của Lý Quảng, rất có tiền đồ, là Vương Sóc, nói với ông ta rằng: "Không còn tội nào nặng bằng tội giết người đã đầu hàng. Đó là nguyên nhân tại sao ngài nhiều năm lập nhiều chiến công mà không được phong hầu". Tuy lời của Vương Sóc có mầu sắc mê tín nhân quả báo ứng, nhưng tối thiểu cũng cho chúng ta biết rằng, bấy giờ giết tù binh, dụ hàng rồi giết là một hành vi phạm tội. Sau đó, tuy có lúc Lý Quảng tự giận mình không nhẫn nhịn, hay chấp vặt mà gây ra "đại hận", thậm chí suốt đời ăn năn không yên, nhưng cái tội giết hơn 800 mạng người là một sự thật đẫm máu, xoá làm sao được, có gì bù đắp nổi!

So với Lý Quảng, người cùng thời với ông ta là Ngự sử đại phu Hàn An Quốc cao minh hơn nhiều. Khi làm Nội sử, vì phạm tội, Hàn An Quốc phải ngồi tù. Có một tù nhân tên là Điền Giáp luôn xỉ nhục ông. Hàn An Quốc nói: "Tuy lửa đã tắt, nhưng những viên than nguội lạnh vẫn có thể cháy lại". Điền Giáp nói: "Nếu than cháy lại ta sẽ đái vào để dập lửa". Sau này, Hàn An Quốc được ra tù, làm Cức sử. Nghe tin,

Điền Giáp liền bỏ trốn. Hàn An Quốc nói: "Nếu anh ta chạy trốn thì ta sẽ chu di chín họ nhà anh ta, nếu không bỏ trốn thì ta tha". Điền Giáp đành phải vác cái thân co rúm đến khấu đầu tạ tội với Hàn An Quốc. Hàn An Quốc chẳng những lựa lời an ủi, đối xử tử tế, lại còn dựa theo năng lực để bố trí cho Điền Giáp một chức quan nhỏ dưới quyền ông.

Ta chẳng cần bàn Hàn An Quốc có quyền lấy đầu Điền Giáp và chu di chín họ nhà anh ta hay không. Nhưng nếu ông thật sự muốn làm như thế thì dễ như trở bàn tay, không phải chỉ là hù doạ. Đem so sánh cái việc ông độ lượng, tìm cho Điền Giáp một con đường sống với cái việc Lý Quảng chỉ vì một chút bực dọc mà đẩy người vào chỗ chết, ta thấy khác nhau một trời một vực. Mạng người là việc tày trời, chớ có coi thường. Thế mới biết tự tiết chế mình là việc quan trọng nhường nào đối với người, đối với xã hội. Việc làm của Lý Quảng vừa trái tình người, vừa phá hoại trật tự xã hội, vi phạm pháp luật.

Trong đời sống hàng ngày, khi bị người khác xúc phạm, ta đúng người sai, nếu đấu lại họ thì vừa hợp tình hợp lý, lại không phạm pháp. Nhưng làm như thế thường ảnh hưởng tới trật tự xã hội, cho nên vẫn cần nhẫn nhịn. Lúc này kìm chế được hành vi của mình, nhẫn nhịn, thì duy trì được an ninh xã hội, là biết nghĩ tới cái chung. Thời Chiến Quốc, việc Lận Tương Như nhẫn nhịn Liêm Pha là trường hợp rất điển hình.

Liêm Pha là danh tướng của nước Triệu, nhiều lần cầm quân đánh nhau với nước khác, lập nhiều chiến công, là một vị chiến tướng. Lúc đầu Lận Tương Như chỉ là người giúp việc trong nhà Mậu Hiền, thái giám nước Triệu. Về sau, do mưu trí, dũng cảm, hai lần lập công lớn, cho nên được vua nước Triệu trọng dụng.

Thời Huệ Văn vương, nước Triệu có một viên ngọc quý - ngọc Hoà thị[1]. Được tin này, Chiêu vương nước Tần viết thư gửi vua nước Triệu tỏ ý muốn đổi 15 thành trì để lấy viên ngọc Hoà thị. Vì sợ uy thế nước Tần, vua nước Triệu đành phải đồng ý, nhưng không tìm được người thích hợp làm nhiệm vụ hộ tống ngọc Hoà thị. Mậu Hiền tiến cử Lận Tương Như. Sau khi tới nước Tần, Lận Tương Như phát hiện vua Tần không thật lòng đổi ngọc, bèn dùng kế chuyển ngọc trở về nước Triệu. Để biểu dương Lận

---

1. Trong nguyên bản: Hoà thị bích. Tương truyền, thời Xuân thu, nước Triệu có một người tên là Biện Hoà nhặt được một viên ngọc thô chưa mài, bèn đem biếu Lịch Vương. Lịch vương sai thợ mài ngọc kiểm tra xem có phải là ngọc thật không . Thợ mài ngọc tâu không phải ngọc mà là đá. Biện Hoà bị kết tội lừa vua, bị phạt chặt chân trái. Tới khi Vũ vương lên ngôi, Biện Hoà lại đem biếu viên ngọc ấy, kết quả là lại bị kết tội lừa vua và bị chặt nốt chân phải. Khi Văn vương lên ngôi, Biện Hoà ôm ngọc ngồi khóc dưới chân núi Kinh. Văn vương sai người tới hỏi, anh ta nói: "Tôi không khóc vì bị cụt chân, mà khóc vì ngọc quý lại bảo là đá, lòng ngay mà bị mang tiếng là gian". Văn vương sai người đem viên ngọc thô đi mài xem sao, kết quả đúng là ngọc quý. Do vậy gọi là ngọc Hoà thị - ND.

Tương Như đã đưa ngọc nguyên vẹn trở về nước Triệu, vua nước Triệu phong ông lên chức quan Thượng đại phu. Sau này, trong cuộc hội nghị liên minh giữa hai nước Tần và nước Triệu được tổ chức tại Miễn Trì, vua nước Tần muốn vua nước Triệu gẩy đàn, vua nước Triệu không thể từ chối. Vua nước Triệu gẩy đàn xong, viên sử quan của Tần bước lên viết vào sách sử như sau: "Ngày x tháng x năm x, vua Tần ra lệnh vua Triệu đánh đàn". Thấy quốc thể bị xỉ nhục, Lận Tương Như không nhẫn nhịn được, bèn bước tới bên vua nước Tần mời ông đánh đàn phẫu. Vua nước Tần đành phải đánh. Lận Tương Như bảo viên sử quan của nước Triệu ghi: "Ngày x tháng x năm x, vua nước Tần đánh đàn cho vua nước Triệu nghe". Sau khi về nước, vua nước Triệu cho rằng chuyến đi này Lận Tương Như có công lớn nhất, bèn phong cho ông là Thượng Khanh, chức quan cao hơn Liêm Pha.

Thế là Liêm Pha không vừa lòng, cho rằng mình đường đường là một tướng quan, có chiến công công thành phá giặc, còn Lận Tương Như chỉ khua môi múa mép, có một tí công lao, thế mà chức cao hơn mình. Hơn nữa Lận Tương Như vốn xuất thân hèn kém, vô lý hết chỗ nói. Thế là ông ta công khai tuyên bố: "Hễ gặp Lận Tương Như, nhất định ta sẽ cho hắn bẽ mặt". Biết thế, Lận Tương Như không hề so kè, cố ý tránh mặt Liêm Pha. Khi hội triều đều cáo ốm không dự, tránh tranh luận về ngôi thứ với Liêm Pha.

Có một lần, khi ra ngoài, thấy Liêm Pha từ rất xa, Lận Tương Như đã bắt quay xe lại để tránh giáp mặt ông. Bọn tay chân giúp việc bực quá, không chịu được, nói: "Ngài và ông Liêm Pha cùng là quan trong triều, ông ta ác mồm ác miệng xỉ nhục ngài, tại sao ngài cứ im hơi lặng tiếng, tránh tránh né né, nhát gan như vậy? Ngay như chúng tôi còn thấy nhục huống hồ giữ chức quan to như ngài! Chúng tôi không chịu được nữa rồi, cho chúng tôi đi thôi". Lận Tương Như không hề bực bội, chỉ khuyên họ chớ bỏ đi, và hỏi: "Theo các ngươi thì tướng Liêm Pha có đáng sợ hơn vua nước Tần không?" Mọi người đáp: "Tất nhiên là so với vua nước Tần làm sao được!" Lận Tương Như nói tiếp: "Vậy thì, đến cái ông vua nước Tần uy danh lừng lẫy mà ta còn dám mắng nhiếc trước đông người, dẫu có bất tài thì lẽ nào ta chỉ sợ tướng Liêm? Ta nghĩ rằng, sở dĩ nước Tần mạnh mà không dám xâm chiếm nước Triệu là vì có ta và tướng Liêm đều cùng làm quan trong triều, nếu hai chúng ta đấu nhau thì giống như hai con hổ cắn xé nhau, không thể cùng tồn tại, chỉ có lợi cho nước Tần, nước Triệu sẽ lâm nguy. Sở dĩ ta tránh ông ta chẳng qua chỉ là do ta đặt sự nguy nan của đất nước lên trên, đặt ân oán cá nhân xuống dưới mà thôi".

Được tin Lận Tương Như nói như vậy, Liêm Pha hết sức cảm động, để lưng trần cõng gai, nhờ bạn dẫn tới nhà Lận Tương Như để tạ tội. Tới nơi, ông quỳ xuống nói: "Thần nông nổi quá, không ngờ ngài có tấm lòng rộng lượng đến vậy". Từ đó hai người kết

thành bạn tâm giao, sống chết có nhau. Vở tuồng Bắc Kinh "Tướng tương hoà" chính là câu chuyện nói về sự kiện này. Đứng trước nước Tần hùng mạnh, Lận Tương Như tỏ ra khôn ngoan dũng cảm, không sợ cường bạo, không tham sống sợ chết, dám hy sinh thân mình để rửa nhục cho đất nước, quả là xứng danh dũng sĩ. Nhưng đứng trước những lời độc ác, xỉ nhục của Liêm Pha, ông lại độ lượng, khoan dung, nhẫn nhịn, điều đó khiến mọi người càng cảm phục. Dùng trí khôn, mưu lược đẩy một ông vua bạo ngược như vua nước Tần vào thế vô kế khả thi, rồi lại dùng tấm lòng độ lượng và phương pháp khôn khéo buộc Liêm Pha phải quỳ gối tạ tội, không phải là chuyện dễ. Dẫu có đập bàn đứng dậy chỉ vào mặt Liêm Pha chửi mấy câu để đập tan cái thói kiêu ngạo của ông ta thì cũng chẳng có gì sai, được mọi người thông cảm. Nhưng Lận Tương Như lại nhẫn nhịn, bất chấp sự tôn nghiêm và thể diện của cá nhân mình, đến nỗi những người giúp việc của ông cũng thấy mất vui, không nhẫn nhịn được muốn bỏ đi. Ông nhẫn nhịn như vậy không phải là sợ ai, mà là để bảo vệ lợi ích quốc gia.

"Dĩ hoà vi quý", tướng lĩnh hoà với nhau lại càng quý. Tướng lĩnh mà hoà thuận thì nước Tần dù có mạnh cũng không dám xâm lấn, nước Triệu yên ổn; tướng lĩnh mà bất hoà thì nước Tần sẽ thừa cơ nhẩy vào, nước Triệu sẽ rơi vào cảnh hỗn chiến. "Thế giới đại loạn thì không có nước nào yên; nước loạn thì không có nhà yên; nhà loạn thì không có ai yên". Lận

Tương Như "đại nhẫn" như thế chính là để đề phòng nước loạn, để dân yên, chịu mất "thể diện" để bảo vệ trật tự và an toàn của quốc gia.

Gia đình là tế bào của xã hội, nước không yên thì nhà không yên; nhà yên thì trật tự xã hội ổn định. Bởi vậy, muốn làm tròn nghĩa vụ giữ yên trật tự xã hội, mỗi công dân phải làm tròn trách nhiệm và nghĩa vụ giữ yên gia đình, giữ yên trật tự với láng giềng, giữ yên trật tự giữa các phường xã, giữa các thôn xóm. Trong một gia đình, mọi người phải nhường nhịn nhau, phải thông cảm với nhau, phải khoan dung đối với nhau, phải nghĩ tới lợi ích chung của cả gia đình, khắc phục tư tưởng cá nhân chủ nghĩa. Như vậy thì trong gia đình mới có không khí hoà thuận, êm đềm. Đó là một mặt của cái gọi là "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Đầu đời Đường có một người tên là Trương Công Nghệ nổi tiếng về cách "tề gia" quản lý gia đình. Gia đình ông chín thế hệ ở cùng một nơi. Trên đường đi Thái Sơn, Đường Thái Tông có chủ ý tới thăm gia đình ông, Đường Thái Tông hỏi ông làm thế nào để giữ cho gia đình chung sống hoà thuận? Trương Công Nghệ chẳng nói chẳng rằng, chỉ cầm bút xin hoàng đế cho viết một chữ "nhẫn" thật to. Thấy vậy, Đường Cao Tông xúc động không cầm được nước mắt, thưởng cho Trương Cao Tông rất nhiều lụa là gấm vóc. Ngày nay "cửu thất đồng đường", tức là chín thế hệ ở chung trong một nhà, chỉ còn là chuyện thần thoại. Nhưng cái đạo "tề gia" bằng chữ "nhẫn" của Trương Công Nghệ đáng để người đời nay học tập. Nói gì những

gia đình "cửu thất đồng đường" ngay dù chỉ có hai vợ chồng mà cũng thường hay lời ra tiếng vào, mắng chó chửi mèo vì công việc nội trợ, vì con cái, vì thế mà tục ngữ có câu "Lưỡi nào chẳng có lúc bị răng cắn phải", "chồng bát cũng có khi xô"". Gia đình cũng có khi nảy sinh mâu thuẫn, mà lại chỉ là cái việc người bảo con tôm, người bảo con tép, mọi người phải biết vì cái gia đình ấy mà nín nhịn nhau. Môi trường sinh sống êm ái hoà thuận không chỉ đảm bảo cho mỗi thành viên trong gia đình sống hạnh phúc, yên tâm công tác, mà còn là nhu cầu giữ sức khoẻ. Câu chuyện Đường Cao Tông thưởng cho Trương Công Nghệ vì đã lấy "nhẫn" để "tề gia" cố nhiên là có màu sắc lễ giáo phong kiến bảo vệ trật tự "vua tôi cha con" nhằm mục đích vỗ về lòng dân, củng cố trật tự phong kiến, Nhưng "nhẫn" của chúng ta dựa trên cơ sở đạo đức xã hội, chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa, và trên tình thân. Ngay ở những nước có nền kinh tế thị trường phát triển người ta cũng coi trọng việc tu dưỡng luân lý đạo đức gia đình của công nhân viên chức. Nếu ông chủ công ty phát hiện công nhân viên nào của họ bị khủng hoảng trong quan hệ gia đình ông ta bèn ra lệnh cho công nhân viên ấy thôi việc với lý do: ngay quan hệ gia đình của mình mà anh cũng không giữ gìn được thì sao có thể chung sống với đồng sự trong công ty. Mà đã không chân thành chung sống với đồng sự thì sẽ ảnh hưởng xấu tới công việc, tới việc kinh doanh của ông chủ. Những công

nhân viên chức như thế cũng rất khó tìm công việc mới.

Những gia đình ba thế hệ ở chung trong một căn hộ mà không khí gia đình hoà thuận thì phần lớn là do trong gia đình có nền nếp chặt chẽ, người trên có quyền uy, gặp việc lớn không hồ đồ, gặp việc nhỏ biết nhẫn nhịn, không chấp vặt, biết giả câm giả điếc; còn kẻ dưới thì biết nhường nhịn nhau. Ngạn ngữ có câu: "Không câm không điếc thì không làm ông mọi người được". Là người trên nắm giữ quyền lớn trong gia đình, muốn quản lý tốt gia đình thì ngoài quyền uy và quy định nền nếp gia đình, tự mình gương mẫu thực hiện, còn phải biết "hồ đồ" đối với việc nhỏ, nhẫn nhịn được sự quấy rối bởi những việc nhỏ, có bản lĩnh giả câm giả điếc. Nếu không, người đông việc nhiều, quản không hết, không kỹ được, mà việc nào cũng không "nhẫn" được, cũng muốn quản, việc gì không vừa ý cũng muốn nói, như thế con cháu sẽ không phục, kết quả nhất định sẽ là kẻ đá thúng người đụng nia, không thể êm ấm, hoà thuận được.

Đối với một đơn vị, do nhiều người có quá trình từng trải khác nhau, cá tính mỗi người một khác, khó tránh khỏi va chạm, mâu thuẫn. Nếu ai cũng chỉ làm theo ý mình, chỉ muốn được tự do không tự khép mình vào kỷ luật, thì nếu cá tính càng mạnh, đơn vị sẽ càng loạn. Cũng giống như một cây đàn dương cầm vậy, đánh theo bài nhạc thì sẽ có âm thanh rất hay; còn nếu đánh không theo bài nhạc, ai cũng thò tay

ấn vào phím đàn thì đàn sẽ phát ra âm thanh hỗn tạp chói tai. Bởi vậy, phải tuân thủ kỷ luật, kỷ luật được ban hành, thực hiện vì lợi ích chung của mọi người, không có nghĩa là phù hợp với khẩu vị của mỗi người. Vì vậy, khi quy định và kỷ luật không hợp ý mình thì mỗi cá nhân phải "nhẫn", tức là phải kìm chế sự không vui lòng của mình, tuân thủ kỷ luật, tận trách với tập thể.

Ở những nơi công cộng, như cửa hàng, rạp hát, sân tập thể dục thể thao, trên tầu xe, càng cần phải tuân thủ đạo đức xã hội, càng cần phải "nhẫn". Người ở những nơi công cộng là những người từ tứ xứ tới, hứng thú, thị hiếu khác nhau, tập quán sinh hoạt và phương thức diễn đạt lời ăn tiếng nói không giống nhau, nhất là người đi kẻ lại khó tránh được va chạm, nếu ai cũng muốn tự do thoải mái như ở nơi không người thì sẽ cọ sát ra "điện", va chạm "nẩy lửa". Mà muốn giảm va chạm thì phải giữ trật tự, phải tuân thủ quy định, nội quy. Dẫu rất không quen với trật tự ấy cũng buộc mình phải tự giác tuân thủ. Mua vé tầu xe, mua hàng, người đông phải kiên nhẫn xếp hàng, nếu không kiên nhẫn xếp hàng, ta chen ngang, người cũng chen ngang, thế thì sẽ loạn. Trong một hội hoa đăng trong dịp tết nguyên tiêu ở nước ta, do người đông, mất trật tự, chen chúc nhau dẫm đạp lên nhau làm chết nhiều người, chỉ trong khoảnh khắc không tự "nhẫn", gây ra thảm hoạ, biết bao gia đình mất người thân. Nếu ai cũng tôn trọng trật tự công cộng thì đâu đến nỗi xẩy ra cảnh bất hạnh ấy. Ở nơi

công cộng, nếu chẳng may va chạm vào nhau, hai bên cần nhẫn nhịn nhau, người này xin lỗi, người kia thứ lỗi thì sẽ giải toả được sự tức giận, hai bên đều an toàn vô sự. Do vậy, ở điểm này, sẽ không phải là quá lời, nếu nói rằng "nhẫn" là trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với xã hội. Chỉ có nhẫn nhịn nhau thì mới cùng an toàn vô sự, mới làm nên sự nghiệp.

Muốn duy trì trật tự xã hội thì phải tăng cường pháp chế, kiện toàn các chế độ, điều lệ, nội quy, phải xác định các chuẩn mực đạo đức nơi công cộng. Nhưng không phải là cấm mọi người tự do. "Pháp chế", "thể chế", "chuẩn mực" càng hoàn thiện, càng kiện toàn, càng phổ cập thì cá tính của con người càng được tự do phát huy. Bởi vì, trật tự được duy trì một cách ổn định, nước yên dân vui thì không khí dân chủ càng đậm đà. Vòng tuần hoàn lành tính ấy chính là sức mạnh tinh thần nội tại của tiến bộ xã hội. Nhận thức được điều ấy thì sẽ chủ động, tích cực làm tròn nghĩa vụ trách nhiệm của mình, xử lý đúng đắn quan hệ giữa cá nhân và xã hội, tiết chế dục vọng cá nhân và cá tính không hợp lý, không gây ảnh hưởng xấu tới trật tự xã hội, không phá hoại quan hệ công cộng, thích ứng với xã hội, với môi trường, đồng thời tự mình cũng có thể tự nguyện cân bằng được tâm lý khi cần phải "nhẫn".

4.2. Biết tiết chế thì sẽ làm nên nghiệp lớn

Tiết chế là điều càng quan trọng đối với những ai xã hội khoan dung đối với họ mà họ lại không biết

quý trọng để hưởng thụ sự tự do bắt nguồn từ sự khoan dung ấy. Chẳng hạn, cửa hàng tự chọn, không có người đứng bán hàng, là một phương thức tiêu thụ mới khi nền văn minh vật chất và văn minh tinh thần của xã hội hàng hoá đã phát triển tới một giai đoạn nhất định, nó thể hiện sự tín nhiệm đối với đông đảo khách hàng, tạo thuận lợi cho mọi người, tất nhiên chủ yếu là để thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá. Nhưng có người lại nghĩ rằng đây là cơ hội trời cho, có thể tuỳ ý lấy đi, lý giải xuyên tạc khẩu hiệu "hưởng theo nhu cầu", kết quả là chẳng những không kiếm chác được, mà còn đánh mất nhân cách, "mất mẽ", "mất phần". Nếu những việc này chỉ xảy ra ở trong nước thì còn có thể đổ cho là chưa quen, chưa thích ứng. Nhưng nếu lại đem diễn cái trò hề này ở nước ngoài, bành chướng vô tội vạ cái dục vọng cá nhân ấy ra nước ngoài, thì người "mất mẽ", "mất phần" sẽ là đất nước, là vấn đề quốc thể, chứ đâu còn chỉ là vấn đề nhân cách. Bởi vậy, qua một ví dụ nhỏ này cũng đủ thấy tiết chế không chỉ đòi hỏi để duy trì trật tự xã hội, mà còn là sự tôn trọng và quý trọng nhân cách, quốc thể.

Tiết chế, tuân thủ kỷ luật không chỉ đòi hỏi phải thực hiện trong đời sống hàng ngày. Đối với những người muốn làm nên nghiệp lớn thì vấn đề không chỉ dừng lại ở chỗ tự tiết chế, gương mẫu tuân thủ kỷ luật, mà còn phải biết tiết chế cấp dưới, đồng cam cộng khổ với họ, kết thành một khối thì mới ổn định được thiên hạ, làm đâu được đó. Trái lại thì khó đứng

vững lâu dài. Việc Lý Tự Thành bại trận ở Bắc Kinh đã chứng minh điều đó.

Ngày 19 tháng 3 năm Sùng Trinh thứ 17 triều Minh, Lý Tự Thành chỉ huy quân nông dân Đại Thuận tiến vào Bắc Kinh, dân chúng kinh thành đứng kín hai bên đường hoan nghênh, vua Sùng Trinh thắt cổ tự tử trên Môi Sơn.

Sau khi vào thành, Lý Tự Thành dừng ngựa trước thiên môn[1], an ủi vỗ về người còn sống tưởng nhớ người đã khuất, lâng lâng cảm động. Nhiều năm chinh chiến, nay đã giành được thắng lợi, niềm tự hào trào dâng trong lòng ông.

Sau khi tổ chức chôn cất thi thể hoàng đế Sùng Trinh và xử lý các chế độ kèm theo, Lý Tự Thành vùi đầu vào việc ổn định lòng dân ở kinh thành và ổn định trật tự xã hội. Trước tiên ông ra bố cáo trước toàn dân: thiên tử Đại Thuận ba năm nay không chinh chiến, không giết một người dân, thị dân ai cũng hân hoan chúc mừng. Đồng thời, ông còn chú ý tới vấn đề kỷ luật trong quân đội, nghiêm cấm binh sĩ quấy nhiễu dân chúng. Có hai binh sĩ lấy vải vóc trong cửa hiệu ở khu Tiền Môn đã bị lập tức trừng trị, đóng đinh chân tay họ vào cọc ở bên trái Tiền Môn để răn đe kẻ khác.

Đối với những hoàng thân quốc thích tội ác tày trời, các thái giám quan liêu chuyên quyền trong triều

---

1. Tức trước cung điện nhà vua - ND.

nhà Minh thì nghiêm trị không từ một ai. Sau khi vào thành, ngày thứ ba thì giết Thành quốc công Chu Thuần Thân, sau đó hai ngày lại chém đầu hơn 200 viên quan có tội, những viên quan loại vừa và nhỏ ra đầu thú thì được xét sử dụng tuỳ theo tình hình. Chẳng bao lâu, trật tự tại thành Bắc Kinh trở lại bình thường, dân chúng an cư, các cửa hàng cửa hiệu mở cửa kinh doanh, không khí thuận hoà phồn vinh tràn ngập kinh thành.

Tình hình tốt đẹp ấy khiến nhiều lãnh tụ quân khởi nghĩa của nông dân bắt đầu say sưa với thắng lợi, nẩy nở tư tưởng kiêu căng khinh địch, cho rằng chỉ cần làm lễ lên ngôi hoàng đế bầy tỏ thuận theo mệnh trời là có thể xuống chiếu chỉ, thiên hạ sẽ quy thuận. Các quan văn tướng võ đều bận bịu với công việc chuẩn bị lễ lên ngôi hoàng đế.

Lúc này, Ngưu Kim Tinh, tự xưng là Tể tướng, mời bạn bè đồng hương tới thăm, ra đưa vào đón rất linh đình, chẳng khác nào cái dáng tể tướng thái bình thật sự. Các quan khác cũng bắt chước làm theo, kiêu ngạo tự mãn ngất trời.

Các quan võ đứng đầu là Lưu Tôn Mẫn thì bận bịu với việc thu tiền phạt[1] để lấy tiền mua lương thực, ở Bắc Kinh, tuỳ chức quan to hay nhỏ, người phải nộp nhiều là 10 vạn, người nộp ít là mấy nghìn, ai không nộp thì bị đánh. Làn sóng thu tiền phạt bắt

1. Phạt những người làm quan trong vương triều trước đó - ND.

đầu từ Bắc Kinh lan ra các nơi khác. Các quan nha thân hào phú hộ như ngồi phải lửa, ai cũng phải nộp tiền chuộc tội. Lý Tự Thành phát hiện việc này, cho rằng các thủ lĩnh nghĩa quân các cấp đã không đếm xỉa gì tới đại sự, chỉ chạy theo tiền tài, gây hại cho chính quyền Đại Thuận, ông ra lệnh phải thả hết những quan lại đang bị giam giữ bất kể họ nộp tiền hay chưa. Làn sóng phạt ở Bắc Kinh có phần giảm thiểu, nhưng ở các nơi khác diễn ra càng dữ.

Những việc làm xằng bậy của một số thủ lĩnh nghĩa quân đã trực tiếp ảnh hưởng xấu tới quân kỷ, hiện tượng binh sĩ vi phạm quân kỷ thỉnh thoảng lại xảy ra, nhưng việc trừng phạt họ nhẹ hơn rất nhiều so với mức độ nghiêm khắc đối với những binh sĩ cướp vải vóc khi mới vào thành. Đại tướng Lưu Tôn Mẫn cậy có công cao, nắm quân quyền, ra sức thu tiền phạt. Lý Tự Thành tuy sống giản dị, nhưng lại tự phụ là đế vương, ở rịt trong cung, xa rời binh sĩ, không nắm được việc làm của cấp dưới như trước đây.

Khi này, các tướng lĩnh quan trọng của nhà Minh, như tổng binh ở Ninh Viễn là Ngô Tam Quế, ... đã gửi thư xin quy thuận Lý Tự Thành, họ đang kéo về kinh sư để trình diện. Nhưng đến giữa đường thì Ngô Tam Quế được tin ở kinh đô nghĩa quân đang ráo riết thu tiền phạt và đánh đập các quan, cha ông cũng bị hành tội sắp chết, vợ ông là Trần Viên Viên bị Lưu Tôn Mẫn chiếm làm vợ mình, thế là ông ta nổi khùng, làm phản, kéo quân lui về phía Đông.

Sau khi chiếm lại Sơn Hải Quan, Ngô Tam Quế lấy danh nghĩa "phục thù cho vua, cho cha", bán rẻ lợi ích dân tộc, đề nghị tập đoàn thống trị của nhà Thanh đưa quân phối hợp tiến công nghĩa quân nông dân ở Bắc Kinh. Biết tin Ngô Tam Quế làm phản, Lý Tự Thành lập tức triệu tập bá quan văn võ để bàn bạc, vốn định cử Lưu Tôn Mẫn, Lý Quả mang quân đi lấy lại Sơn Hải Quan, nhưng khi ấy hai viên tướng này lại đang đắc chí tự mãn, lún sâu vào hưởng lạc, chẳng còn chút chí khí nào nữa, Lý Tự Thành đành phải đích thân mang quân đi chiếm lại Sơn Hải Quan.

Lý Tự Thành vốn mất cảnh giác đối với tập đoàn thống trị nhà Thanh từ lâu đã nhòm ngó vùng Quan Nội[1], lần này cũng căn bản không nghĩ rằng Ngô Tam Quế kết cấu với quân nhà Thanh, ông dẫn 6 vạn binh mã xuất trận, kết quả bại trận phải tháo lui.

Sau khi Lý Tự Thành lui về Bắc Kinh, quân Thanh kéo tới. Lý Tự Thành lệnh cho Lưu Tôn Mẫn, Lý Quả, Đường Thông mang quân chống lại, nhưng lại một lần nữa đại bại, Lưu Tôn Mẫn bị thương bỏ về. Giữa lúc này, bọn địa chủ vũ trang ở quanh Bắc Kinh cũng tới tấp được tổ chức lại, tập kích nghĩa quân nông dân. Đồng thời, trong nội bộ nghĩa quân không có nhận thức thống nhất, nhiều tướng lĩnh muốn hưởng an nhàn, chủ trương lui về Quan

1. Vùng phía tây Sơn Hải Quan - ND.

Trung[1]. Lý Tự Thành vội vã xưng đế rồi mang quân lui về phía tây, cuối cùng thất bại hoàn toàn.

Vừa mới giành được thắng lợi đã bị chút thắng lợi ấy làm cho mê muội, không tiết chế nội bộ cuối cùng dẫn tới thất bại.

5. Số phận khôn lường, người biết "nhẫn" thường thắng

Số phận có hay không, đó là một đề tài quan trọng về nhân sinh. Dưới ngòi bút của Lỗ Tấn, chị Tường Lâm hỏi có linh hồn không thực tế là lời vặn hỏi mộc mạc nhất về nỗi đau khổ của số phận. Những người theo chủ nghĩa duy vật cũng thừa nhận thuyết số phận, chẳng qua chỉ là có cách giải thích khác về số phận mà thôi.

Số phận có hai lớp nghĩa. Một lớp nói về cảnh ngộ sống chết, giầu nghèo, vinh nhục, chìm nổi; một lớp nói về xu hướng phát triển, thay đổi. Vì vậy, số phận do điều kiện chủ quan và khách quan quyết định. Trong một thời gian, không gian cụ thể, tác động tổng hợp của một số nhân tố khách quan quyết định số phận của người nào đó thế này hoặc thế kia, đó là cái gọi là tình cảnh, cảnh ngộ hoặc là vận. Nhưng số phận không cố định, mà thay đổi theo sự thay đổi của thời gian, không gian khách quan. Tuy số phận có tính khách quan, nhưng có tính năng động chủ quan thì hoàn toàn có thể nắm được số phận, làm cho

1. Tức Quan Nội đã nói ở trên - ND.

số phận thay đổi, vận đen có thể biến thành vận đỏ, vận hội mở mang.

Do năng lực nhận thức bị hạn chế, người xưa than thở "sống chết có số, giầu nghèo tại trời". Lời than này có ảnh hưởng rất lớn ở Trung Quốc, trở thành tín điều của những người theo thuyết "mệnh trời". Nếu mọi cái đều do "trời định sẵn", không thay đổi được số phận thì cưỡng lại số phận làm gì? Trong sách "Lão tàn du ký", Lưu Ngạc viết: "Sinh tử tồn vong là do số trời cả thôi". Câu nói này phản ánh quan điểm truyền thống cũ kỹ về số phận, là triết học nhân sinh khuất phục số phận, không thể chấp nhận được.

Thuyết "Trời định sẵn" là lý luận sai lầm. Con người không nên cúi đầu trước số phận, dẫu gặp vận đen cũng nên tin rằng có thể thay đổi được số phận của mình. Quá trình cưỡng lại số phận là quá trình kiểm nghiệm ta có tầm nhìn xa trông rộng hay không, có ý chí kiên cường hay không. Thế mà "nhẫn" lại là cái thể hiện ý chí dẻo dai ngoan cường, cho nên chúng ta nói "nhẫn" là lặng lẽ cưỡng lại số phận.

Tính khách quan của số phận quyết định trong thời gian không gian cụ thể nào đó khó có thể thay đổi được số phận. Khi gặp vận đen, nhất là khi thế lực khách quan lớn mạnh, mà năng lực của cá nhân ta thì lại quá nhỏ bé thì cách lựa chọn tốt nhất là "nhẫn" để cưỡng lại số phận. Nhìn bề ngoài thì sự "nhẫn" này có vẻ là yếu kém, nhu nhược, nhưng thực

ra là sách lược chuyển sự xung đột về mặt lấy cứng chống cứng thành lấy nhu khắc cương, lấy mềm dẻo chống cứng. Như thế thì có thể yểm thế bảo toàn thực lực, thua keo này bầy keo khác, khi thời cơ chín muồi, bất ngờ vùng dậy như hổ về rừng, xua tan vận đen, thoát khỏi khó khăn. Dẫu có rơi vào cảnh tai hoạ vô vọng cũng không nản chí, tin rằng số phận không thể cứ như thế mãi mãi, bĩ cực thái lai, nỗi oan ngàn năm sẽ có ngày được rửa sạch, vận đen mười năm sẽ đến ngày giải hạn. Khi gặp vận đen thì hoàn toàn có thể áp dụng sách lược vu hồi vòng vo tìm cách khác tồn tại. Tất nhiên điều này khác với việc thay đổi khí tiết. Đây là việc mà cổ nhân đã nói: "Người có nhân đức nhẫn nhịn được những điều mà người khác khó nhẫn nhịn, người có tài chí nhẫn nhịn được những điều mà người khác không thể nhẫn nhịn được". Người có nhân đức, người có tài chí là quân tử. Những người không nhẫn nhịn được những điều khó nhẫn nhịn, những người không nhẫn nhịn được những điều người khác không nhẫn nhịn được là người không nhìn xa trông rộng, không độ lượng, không biết mềm mỏng, không có khí phách kiên cường. Họ không phải là quân tử. Cổ kim đông tây có vô số người được ca tụng là quân tử "nhẫn". Danh thơm của họ và sự lặng lẽ cưỡng lại số phận của họ để lại tiếng thơm muôn đời, người người cảm phục. Tư Mã Thiên nhẫn nhịn sự xỉ nhục tày trời đối với cá nhân ông để viết sách "sử ký"; Tô Vũ bị đưa đi đầy, nhẫn nhịn nỗi khổ cực hai mươi năm trời để bảo vệ khí tiết, cuối cùng lại

mở mày mở mặt. Hồ Phong bị khép tội oan, Vương Mông bị "cải tạo" 20 năm, họ đều cưỡng lại số phận. Thực tiễn cho thấy, nhẫn nhịn, cưỡng lại số phận thường thay đổi được số phận; bị quan tuyệt vọng, không nhẫn nhịn, khuất phục số phận thì tuy danh nghĩa có thể được khôi phục như cũ, nhưng oan ức vẫn còn đó, vẫn cay đắng như xưa.

Xét theo một ý nghĩa nào đó, đời người là sự cưỡng lại số phận, sống không gặp thời thì phải nhẫn nhịn sức ép của hoàn cảnh; lực bất cập thì phải nhẫn nhịn sức ép của ước vọng. Vinh hoa phú quý thì phải kìm chế xa hoa dâm dật; cùng đường mạt lộ thì phải nhẫn nhịn tránh bi quan tuyệt vọng. Tóm lại, số đỏ cũng vậy, số đen cũng thế, sống thì phải đọ sức với thần số phận. "Nhẫn" thì phải bấm bụng mà chịu, không để tan nát cõi lòng. Muốn vậy thì phải có lý tưởng, khôn ngoan, nhìn xa trông rộng, có lý chí. Như vậy thì nhu có thể thắng cương, yếu có thể thắng mạnh. Bởi vì trong nhu có cương, nhẫn nhịn thì cưỡng lại được; nhẫn nhịn là để cưỡng lại, muốn cưỡng lại thì phải nhẫn nhịn. Thần số đỏ sẽ có ngày tới thăm người có lý tưởng, khôn ngoan, nhìn xa trông rộng, có lý chí. Số đỏ không phải là cái số bẩm sinh. Trên thế giới này chẳng ai tránh được khi vinh khi nhục, khi lên khi xuống, khi chìm khi nổi. Mấu chốt là ở chỗ phải nắm bắt được cơ may, làm chủ số phận, sáng tạo ra số đỏ, thực hiện lý tưởng.

5.1 "Thị khả nhẫn thục bất khả nhẫn"

Nguyên ý của câu này là: việc ấy mà nhẫn nhịn được thì việc nào chẳng nhẫn nhịn được. Nếu quân tử chịu đựng được cái số đen mà người khác không chịu đựng được, thì khỏi phải nói, họ sẽ là quân tử thật, đẩy không đổ, đánh không quỵ, đâm không thủng. Trong điều kiện thông thường, những người bình thường có thể phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng cao xa. Bởi vì, trong quá trình ấy hệ số an toàn tương đối lớn, không có tình trạng khi lên voi khi xuống chó, khi hỉ hả khi âu sầu, tuy không phấn kích lắm, nhưng bình an vô sự, trình tự như tiến, nhẹ nhàng thoải mái. Nhưng khi gặp số đen thì có người bỗng vỡ mộng, cam chịu thụt lùi, bi quan tuyệt vọng. Tư Mã Thiên không như thế, tuy ông bị phạt thiến dái, đau muốn chết, nhưng ông đã nhẫn nhịn sức ép lớn lao về tâm lý, nhẫn nhịn nỗi nhục mà người khác không nhẫn nhịn được, "giữ vững ý chí không thay đổi để lập nên công lớn".

Tư Mã Thiên (khoảng 105 hoặc 135 - ? Trước công nguyên) là nhà sử học, nhà văn, nhà tư tưởng thời Tây Hán. Năm 42 tuổi ông bắt đầu viết sách "Sử ký", mới viết được 5 năm thì một tai hoạ lớn đổ lên đầu ông. Đô uý kỵ binh Lý Lăng đem 5000 binh mã đi đánh Hung nô, bị 3 vạn kỵ binh do Thuyền Vu cầm đầu vây hãm, tuy Lý Lăng và binh sĩ dũng cảm chiến đấu, giết được 5, 6 nghìn kỵ binh Hung nô, nhưng ít không chống được nhiều, bại trận, chỉ có hơn 400 binh sĩ chạy về được, Lý Lăng bị Hung nô bắt sống, phải đầu hàng. Sự kiện này gây trấn động trong ngoài

triều đình. Các quần thần nhao nhao chỉ trích Lý Lăng tham sống sợ chết cho nên đầu hàng Hung nô. Khi hoàng đế hỏi ý kiến của Tư Mã Thiên, dựa vào sự hiểu biết của mình đối với Lý Lăng, ông cho rằng Lý Lăng không phải là người tham sống sợ chết, ông mang chưa đầy 5000 lính mà thọc vào tận hang ổ của địch đánh nhau với hàng vạn Hung nô, tuy bại trận, nhưng giết được nhiều địch như thế thì cũng cho qua được, Lý Lăng không muốn chết ngay chắc hẳn là có ý tìm cách lập công chuộc tội để báo đáp hoàng thượng. Tư Mã Thiên không có quan hệ cá nhân với Lý Lăng, ông chỉ nghĩ thế nào nói như thế. Nhưng hoàng thượng lại cho rằng ông gỡ tội cho Lý Lăng, khép tội ông là chống lại triều đình rồi tống ngục. Tư Mã Thiên vào tù nhưng không có tiền chuộc tội, cho nên bị áp dụng hình phạt ê chề nhất, tàn nhẫn nhất, đó là "thiến dái".

Theo ông, "Không còn hình phạt nào nhục nhã bằng hình phạt thiến dái. Không có người nào tới gần ông, thật không còn là con người nữa". Sự đau khổ trong lòng ông không chỉ gấp hàng nghìn, hàng vạn lần so với sự đau đớn trên cơ thể ông. Thêm vào đó là bị người chế diễu, xa lánh, điều đó khiến Tư Mã Thiên đau khổ không còn muốn sống nữa. Đối với ông, sống là việc rất khổ, phải nhẫn nhịn sự nhục nhã, nhẫn nhịn sự chế diễu của người đời, sống chẳng ra nam chẳng ra nữ quả là khó sống. Chết là việc rất dễ, thậm chí có thể nói là việc rất sung sướng, chết thì hết buồn. Do đó mà ông đã nghĩ tới cái chết.

Nhưng ông lại nghĩ tới sách "Xuân thu" của Khổng Tử, "Binh pháp" của Tôn Tử, "Ly tao" của Khuất Nguyên, đều là những tác phẩm mà những vĩ nhân này viết sau khi gặp đại nạn, phải nhẫn nhục, chịu đựng dầy vò. Ông nghĩ: "Sử ký" của ta vừa mới bắt đầu viết, cớ sao không nhẫn nhục để viết cho xong? Thế rồi, để hoàn thành công trình vĩ đại, bộ "Sử ký", Tư Mã Thiên đã gồng mình lên nhẫn nhục mà sống, dũng cảm, quên mình ngồi viết. Phẫn nộ, hổ thẹn, nhẫn nhục, tất cả đều dồn lên ngòi bút, ông đã hoàn thành một bộ sử đồ sộ gồm 520 ngàn chữ bắt đầu từ thời đại Hoàng đế trong truyền thuyết tới năm Thái sử[1] thứ hai thời Hán Vũ đế (năm 95 trước công nguyên).

Ở Tư Mã Thiên, "nhẫn" thể hiện ý chí kiên cường dẻo dai, không gì bẻ gẫy được. Ông nén đau nhịn nhục trong lòng, không chấp nhặt sự lạnh nhạt của tình người, sự thờ ơ của thế thái, phấn đấu không mệt mỏi, viết nên bộ "Sử ký" bất hủ, đi những bước vững chắc hướng tới chỗ vĩnh hằng. Tư Mã Thiên chẳng những dùng ngòi bút của mình để ngợi ca tinh thần vững như núi Thái Sơn của biết bao người trong lịch sử, mà còn phanh phui những đời người rẻ rúng.

5.2. Để cho rừng còn xanh, lo gì không có củi đốt

Trong cảnh bất hạnh kéo dài, con người cô độc đối mặt với cuộc sống, sống thì gian nan hơn chết. Nhất

---

1. Nhầm, năm Thái Thủy mới đúng - ND.

là khi xa tổ quốc, xa đồng bào, một mình một bóng, khí tiết và lòng dũng cảm không được ai biết, không được đền đáp gì, khi chịu đựng vất vả nhọc lòng mà lại không thấy một tia hy vọng, thì tinh thần lặng lẽ "nhẫn" càng cần gấp ngàn vạn lần. Khi này, muốn "nhẫn" thì phải có niềm tin sắt đá - tin mọi cái sẽ thay đổi, chỉ sớm hay muộn mà thôi. Muộn cũng được, sớm cũng được, có hy vọng thì có thể chịu đựng được mọi sự dằn vặt, mọi việc làm đều được đền đáp, dẫu chưa được hưởng quà tặng của mọi thắng lợi thì cũng cảm thấy yên lòng, được lịch sử kết luận thế là đủ rồi. Bởi vì, ngay từ đầu khi ta nhẫn nhịn, chịu đựng những điều người khác không nhẫn nhịn, chịu đựng được, ta vốn không nghĩ rằng sẽ được đền đáp. Như thế ta mới cam lòng tự nguyện nhẫn nhịn, chịu đựng không oán hận, không hối tiếc. Còn một điểm nữa là vừa phải "để cho rừng còn xanh", vừa không để mất khí tiết dân tộc, không làm nhục quốc thể, không để mất nhân cách. Điều đó đòi hỏi phải nhẫn nhịn một cách khôn ngoan, tích cực, bảo tồn thực lực, đón chờ cơ hội. Nếu để giữ khí tiết mà chọn cơn đau ngắn hơn cơn đau dài, giải thoát triệt để thì cố nhiên là có khoái trá đấy, nhưng không có lợi cho nước, cho mình. "Quân tử mười năm sau mới báo thù cũng không muộn", "để cho rừng còn xanh, lo gì không có củi đốt", "có nhục mới có vinh", những câu này đều là nói lên động lực tinh thần của đời sống lặng lẽ nhẫn nhịn lâu dài. Người dám chết mà không dám chịu đựng nỗi khổ, nỗi nhục vượt quá sức tưởng tượng thì không

phải là anh hùng hảo hán thật sự. Chỉ có những người chịu đựng được sự đày đoạ trăm chiều, giữ mãi khí tiết, "không lo không có củi đốt" mới thật là con người thép. Sự tích Tô Vũ gần 20 năm sống dưới sự đầy đoạ của Hung nô, nằm gai nếm mật, khiến người người cảm động, truyền tụng, ca ngợi.

Năm Thiên Hán nguyên niên (năm 100 trước công nguyên), thi hành lệnh của Hán Vũ đế, Tô Vũ đi sứ với tư cách là tướng Trung Lang, mang theo "mao tiết"[1] do Hán Vũ đế đích thân giao cho, cùng phó sứ là Trương Thắng, trợ lý là Thường Huệ, hơn 100 binh sĩ, mang theo lễ vật biếu Thuyền Vu, áp giải về Hung nô toàn bộ số sứ giả của Hung nô bị giữ lại. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, chuẩn bị về nước thì xảy ra một sự kiện bất ngờ. Trong số tay chân của Vệ Luật, tên sứ giả đầu hàng Hung nô năm nào, có một tên là Ngu Thường định giết Vệ Luật rồi về nước. Khi còn ở trong nước Ngu Thường chơi thân với Trương Thắng, cho nên đã kể ý đồ này với Trương Thắng. Trương Thắng ủng hộ và cho Ngu Thường tiền. Không ngờ kế hoạch của Ngu Thường bị bại lộ. Vì Trương Thắng mà Tô Vũ bị liên luỵ. Ông sợ bị đưa ra truy xét ở công đường thì bẽ mặt vương triều nhà Hán, định dùng dao tự sát, Trương Thắng và Ngu Thường ngăn lại. Ngu Thường bị truy xét, không chịu được đòn tra tấn, khai ra Trương Thắng. Vì Trương Thắng là phó sứ, cho nên Thuyền Vu ra lệnh cho Vệ

---

1. Vật làm tin, dùng cho các sứ giả thời cổ đại - ND.

Luật gọi Tô Vũ tới để tra hỏi. Tô Vũ không muốn bị làm nhục, lại định dùng dao tự sát, Vệ Luật thấy vậy liền giằng lấy dao, nhưng Tô Vũ đã bị thương, ngất vì bị mất nhiều máu. Tô Vũ coi cái chết nhẹ như lông hồng. Thuyền Vu khâm phục dũng khí của ông, muốn Tô Vũ đầu hàng phục vụ ông ta, sớm tối cho người đến dụ dỗ, định làm cho Tô Vũ mềm lòng.

Tô Vũ bình phục. Thuyền Vu ra lệnh cho Vệ Luật tra xét Ngu Thường và Trương Thắng, bắt Tô Vũ ngồi bên cạnh nghe. Khi tra hỏi, Vệ Luật giết Ngu Thường tại chỗ để uy hiếp Trương Thắng. Trương Thắng sợ quỳ xuống xin đầu hàng. Vệ Luật lại đe doạ Tô Vũ, vung kiếm về phía Tô Vũ. Tô Vũ bước tới, nét mặt không thay đổi. Thấy dụ dỗ, đe doạ cũng không khuất phục được Tô Vũ, Vệ Luật bẩm lên Thuyền Vu. Thấy Tô Vũ ngoan cường như vậy, Thuyền Vu càng mong Tô Vũ đầu hàng. Ông ra lệnh đem giam Tô Vũ trong một chiếc hang to, không cho ăn uống gì. Bấy giờ trời mưa tuyết rất dày, Tô Vũ phải ăn tuyết và lông thảm, sống ngoan cường. Thấy kế đó không thành, Thuyền Vu lại cho người đem Tô Vũ giam nơi không có một bóng người ở vùng Bắc Hải, bắt Tô Vũ chăn dê đực và bảo bao giờ dê đực đẻ con thì mới cho về nước. Sống ở Bắc Hải, nơi khỉ ho cò gáy, không một bóng người, Tô Vũ ban ngày đeo "mao tiết" của nhà Hán đi chăn cừu, ban đêm cầm "mao tiết" của nhà Hán trong tay để đi ngủ. Không có lương thực, ông phải đào hang chuột đồng lấy các thứ hạt thừa để ăn. Khi Thuyền Vu cho người tới dụ dỗ, nói rằng mẹ ông đã

chết, anh em ông đều đã tự sát, vợ ông đi lấy chồng khác, con cái lưu lạc không biết sống chết ra sao,... nhằm khiến ông dao động, thay đổi niềm tin, ông lại một lần nữa kiên quyết từ chối. Tô Vũ phải sống bao năm gian khổ với nghị lực kiên cường nhịn đói nhịn khát, nhẫn nhịn bao điều cay đắng nơi hoang vu giá rét vùng Bắc Hải.

Mãi tới mùa xuân năm Thuỷ Nguyên thứ 6 (năm 81 sau công nguyên) triều Hán Chiêu đế, sau nhiều lần thương lượng, Tô Vũ, Thường Huệ,... gồm 9 người, mới được trở về thủ đô Trường An sau gần 20 năm xa cách. Khi đi sứ, Tô Vũ là một tráng niên khoảng 40 tuổi, sau 19 năm sống một đời sống không còn là người ở đất Hung nô, khi trở về đất nhà Hán ông đã là một ông già râu tóc bạc phơ. Tô Vũ kiên nhẫn bất khuất, không sợ gian khó, không đánh mất khí tiết. Sự tích ấy đã làm chấn động cả nước, được viết thành bài hát lưu truyền rộng rãi trong dân gian.

Chúng tôi cho rằng, khí tiết của Tô Vũ biểu hiện ở hai mặt: một là, ông chịu đựng sự đau đớn của cái chết cho nên đã hai lần tự sát. Ông làm như thế là vì không muốn bị tra hỏi ở công đường, không muốn bị ngoại tộc làm nhục, mà theo ông, đó là nhục nhân cách, nhục quốc thể. Để bảo toàn khí tiết thì thà chết cho xong. Đó là hành động xả thân vì nghĩa. Hai là, thà chịu đựng sự đày đoạ lâu dài chứ không đầu hàng. Cả hai việc đó đều là việc khó, thế mà làm được, thật là đáng quý. Nhưng việc thứ hai là việc khó hơn, đáng

quý hơn. Tự sát để khỏi bị làm nhục, đó là khí khái đáng kính, nhưng nếu chỉ có thế thì chỉ là anh hùng bình thường, không được ghi vào sử sách, càng không thể để lại tiếng thơm ngàn đời. Tục ngữ có câu: "Chết ngay còn hơn sống lay lắt"[1]. Tô Vũ chịu đựng 19 năm bị đày đoạ, đói rét, khổ sở, hưu quạnh, nhất là được tin thủ tiết mà triều đình không biết, gia đình không được ban thưởng, trái lại, nhà cửa tan nát, ông vẫn không oán thán, không tính toán được mất, không thay đổi chí hướng báo hiếu tổ quốc. Nói ngắn gọn, ông đã nhẫn nhịn, chịu đựng sự đầy đoạ, đau khổ mà người khác khó nhẫn nhịn, chịu đựng nổi, vượt qua được thử thách mà người khác khó vượt qua. Trong lịch sử Trung Quốc có rất nhiều tráng sĩ không sợ chết, nhưng là anh hùng "mười chín năm chịu đựng sự đày đoạ tại nơi băng giá, khát ăn tuyết, đói ăn rơm", "nếm đủ mùi khổ sở, nhưng lòng vẫn sắt son" như Tô Vũ thì chỉ có một mình Tô Vũ mà thôi. Cho nên, khi đọc "Tô Vũ truyện" ai dám nói "nhẫn" là nhát gan, nhu nhược? Tô Vũ giữ được khí tiết cao thượng là nhờ ông có tinh thần kiên nhẫn hơn người. Đành rằng, nói chung người bình thường không xấu số như thế, cũng không có cơ hội như thế để thể hiện khí tiết và mức độ kiên nhẫn của mình, nhưng tinh thần kiên nhẫn hơn người này quả là đáng học tập.

---

1. Trong nguyên bản: Tử tội hiếu thụ, hoạt tội nan kháng. Chúng tôi tạm dịch. - ND.

Sở dĩ tới nay tinh thần Tô Vũ vẫn không phai mờ chính là nhờ hết thế hệ này đến thế hệ khác tôn sùng, học tập. Tinh thần Tô Vũ là sức mạnh tinh thần giúp dân tộc Trung Hoa trăm ngàn gian khó cũng không sờn lòng, đứng vững trong hàng ngũ các dân tộc trên thế giới; cũng là điểm tựa tinh thần cần cho những ai muốn thành công trong sự nghiệp, thực hiện được hoài bão của mình.

5.3. Kiên cường "nhẫn" khiến tử thần lùi bước

"Nhẫn" với nghĩa là cưỡng lại số phận là lời thần chú của kẻ mạnh dùng để yểm tử thần, có khi nó có sức mạnh không thể tưởng tượng nổi. Khi gặp số đen thì tử thần thường vui mừng trước nỗi khổ của người khác, mò tới hiện trường, mượn gió bẻ măng. Lúc này sống chết chỉ cách nhau trong gang tấc, giây phút. Không "nhẫn" hoặc "nhẫn" không được thì sẽ thua tử thần. "Nhẫn", kiên cường "nhẫn", "nhẫn" hơn bình thường thì tử thần sẽ lùi bước, thần số đỏ sẽ tới. Đây là giờ phút quyết định giữa sự sống và cái chết, "nhẫn" thì sống, không thì chế. Lúc này thiên đường và địa ngục chỉ cách nhau một cái ngưỡng cửa, kiên cường "nhẫn" thì lên thiên đường, chỉ hơi nhụt chí một tí thôi là xuống địa ngục. Số phận được hình thành từ nhiều tình cảnh, cảnh ngộ, cơ hội, trong tất nhiên có ngẫu nhiên, trong ngẫu nhiên có ẩn chứa yếu tố tất nhiên. Một khi nào đó con thuyền số phận mắc cạn. Có thoát hiểm được hay không thì tuỳ thuộc vào trí tuệ, công phu,

vào sức kiên nhẫn của ta. Không vững vàng cầm chắc tay lái thì con thuyền số phận sẽ chìm. Vững vàng cầm chắc tay lái thì có thể đưa con thuyền số phận lại đi vào vận may, số đỏ, lướt sóng tiến lên. Có người, quá nửa đời người hoặc gần cả đời người đều gặp số đỏ, vận may, nhưng bỗng dưng gặp vận rủi, số đen, ngã chổng vó, hoặc thân bại danh liệt.

Ở nước Anh có một đôi vợ chồng trẻ, chồng là Pitt, vợ là Nana. Họ đi du lịch Thuỵ Sĩ, gặp bão tuyết, bị lạc đường. Cố gắng hết sức họ mới leo lên được một tảng đá. Khi họ đang nghỉ thì bỗng tuyết ở vách đá phía Pitt sạt lở, anh ta mất thăng bằng lăn xuống chân núi. Nana vội nắm lấy sợi dây nối liền giữa hai vợ chồng, nhưng hai tay rét cóng, cứng đờ, không sao nắm được. Giữa lúc ngàn cân treo sợ tóc ấy, cái khó ló cái khôn, Nana dùng răng cắn chặt sợi dây. Do quá sức, mắt chị hoa lên, mọi thứ đảo lộn. Chị biết rằng, nếu buông dây ra thì có nghĩa là trao chồng cho tử thần. Đầu, cổ và khắp người chị đều mỏi đau ê ẩm, máu từ trên lợi chảy thấm đỏ cả dây thừng. "Ta không chịu nổi nữa rồi. Không! Buông ra thì Pitt sẽ đi đời". Chị kiên nhẫn chịu đau, cứ cắn giữ như thế để chồng chị, với thể trọng 60 kg không bị rơi, suốt trong 6 tiếng đồng hồ, cho tới khi đội cứu nạn tới cứu giúp, chị đã thắng lợi.

Nana "nhẫn" để chống lại tử thần. Nếu chị không "nhẫn" thì tử thần sẽ cướp đi tính mạng của Pitt. Chị nhẫn nhịn để chịu đựng cái trọng lượng vượt quá cả

trọng lượng mà người bình thường không chịu đựng nổi. Nghị lực ngoan cường của chị bắt nguồn từ tình yêu đối với Pitt, chồng chị.

6. Co giãn được, "nhẫn" để làm nên nghiệp lớn

Ở đời chẳng ai muốn sống tầm thường, phí đời, ai cũng muốn làm nên nghiệp lớn. Song, trên thế giới này, người có thể làm việc thì nhiều, người làm nên nghiệp lớn lại ít. Nguyên nhân thì nhiều, khách quan, chủ quan đều có. Như phải chớp được thời cơ ngàn năm có một, phải khôn ngoan, phải có văn hoá, phải có đạo đức,... trong đó "nhẫn" là tố chất tâm lý cần thiết để làm nên nghiệp lớn.

Khổng Tử nói: "Tiểu bất nhẫn tắc loạn đại mưu". Tức là không dẹp bỏ những dục vọng nhỏ nhặt thì sẽ làm hỏng đại nghiệp, đại sự. Nói một cách hình tượng là "thả dây dài để câu cá lớn". Nhưng, những năm 70 của thế kỷ này, lời dặn trên của người xưa đã bị kẻ có dã tâm là Lâm Bưu dùng để thực hiện "đại mưu" là cướp quyền, đến nỗi lời dậy này bị bóp méo đi, khiến mỗi khi nói tới người ta có cảm giác như ẩn chứa cái mùi "sát khí". Thực ra, lời dậy này vốn có ý nghĩa tích cực rõ rệt, hoàn toàn đúng đối với những người có lý tưởng, có hoài bão, có chí lớn, muốn làm nên việc lớn cho đất nước, cho dân tộc, cần đề cao và khuyến khích. Ngay cả cá nhân muốn làm nên sự nghiệp, không để phí một đời, thì cũng nên tạo điều kiện thực hiện. Bởi vậy, không nên vì Lâm Bưu đã

lợi dụng câu này mà nay bỏ đi. Cái lối giận cá chém thớt như thế không phù hợp với chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Dẹp bỏ dục vọng nhỏ nhặt để làm việc lớn có nghĩa là phải đứng ở tầm cao, nhìn xa trông rộng, không bị vướng bởi những cái nhỏ nhặt trước mắt để tạo điều kiện hướng tới mục tiêu lớn, sự nghiệp lớn, tức là không tính toán được mất trong một việc nhất thời, không ăn xổi ở thì, nóng vội ăn ngay, mọi việc đều phải là dọn đường đi tới mục tiêu lớn, làm nên nghiệp lớn. Dẹp bỏ dục vọng nhỏ nhặt để làm nên việc lớn còn có nghĩa là, về tư tưởng phải xử lý đúng đắn quan hệ biện chứng giữa lớn và nhỏ, không vì việc nhỏ mà hỏng việc lớn, không vì việc lớn chưa thành mà mất lòng tin, mà vất bỏ những nỗ lực trước mắt. Phải xử lý đúng đắn quan hệ giữa mục tiêu lâu dài và hoạt động ngắn hạn, giữa sự nghiệp lớn với công lao lợi ích nhỏ, giữa kế lớn của đất nước, của dân tộc với tình cảm, dục vọng cá nhân. Như thế thì mới tránh được tình trạng vì không nhẫn nhịn cái nhỏ mà làm hỏng việc lớn.

6.1. Nằm gai nếm mật, khắc kỷ phục lễ

Điển tích về Câu Tiễn vua nước Việt nằm gai nếm mật, khắc kỷ phục lễ, ai cũng biết. Khi nước Việt bại trận bị quân nước Ngô vây hãm ở Cối Khê, đứng trước nguy cơ mất nước, Câu Tiễn nghe Phạm Lãi khuyên, nhẫn nhục đi giảng hoà với nước Ngô. Để lấy lòng

vua nước Ngô là Phù Sai, Câu Tiễn mang cả vợ đi cùng ở trong một ngôi nhà đá cạnh phần mộ của Hạp Lư, ông giúp Phù Sai chăn dắt ngựa, vợ ông làm thị tỳ cho vua nước Ngô. Cả hai vợ chồng ông nhẫn nhục cung kính hầu hạ vua nước Ngô. Đối với Câu Tiễn mà nói, đang là vua một nước hạ mình xuống làm xà ích cho vua một nước khác thật chẳng khác nào đang từ thiên đường rơi xuống địa ngục. Nhất là lại còn bắt cả vợ mình cùng chịu nhục như nô lệ, để người sai khiến, thử hỏi phải nhẫn nhục tới mức độ nào? Nhưng để chờ thời cơ, thua keo này bày keo khác, ông đã cắn răng nhẫn nhục đúng ba năm, khiến cho vua nước Ngô mất cảnh giác cho rằng ông đã thật tâm quy thuận nước Ngô, thả ông về nước Việt. Sau khi về nước Việt, Câu Tiễn lại thực hiện "nhẫn": để tránh bị cuộc sống an nhàn làm nhụt ý chí, ông treo ở nơi ăn cơm hàng ngày một chiếc mật đắng, mỗi bữa nếm một tí mật, lại còn tự hỏi: "Câu Tiễn ngươi quên nỗi nhục ở Cối Khê rồi ư?". Khi ngủ, ông bỏ chiếu ra, lấy cỏ gai làm đệm. Câu Tiễn một mặt nằm gai nếm mật, một mặt thường xuyên cúng tiến gái đẹp, châu báu cho Phù Sai, làm hao mòn ý chí của vua nước Ngô. Tất nhiên ông không quên huấn luyện quân đội, tổ chức sản xuất. Sau chín năm chuẩn bị kỹ lưỡng, Câu Tiễn nhẫn nhục tới một ngày thời cơ chín muồi, đánh một đòn tan tác quân Ngô, diệt nước Ngô, buộc Phù Sai tự sát. Câu Tiễn trở thành bá chủ mới thời kỳ Xuân Thu.

Tuy "nằm gai nếm mật" là câu thành ngữ khái quát việc tranh bá giữa các đế vương thời cổ đại, nhưng nó nói lên rằng "nhẫn nhịn, nhẫn nhục việc nhỏ" là sách lược, là biện pháp "làm việc lớn". Có thể có người nói rằng, Câu Tiễn chịu nỗi nhục quá lớn, hy sinh cũng phải nói là quá lớn. Nhưng đối với đất nước, nỗi nhục cá nhân có lớn nữa cũng vẫn là nhỏ, nhục mất nước mới là nhục lớn. Cá nhân chịu nhục, chịu khổ một thời để hưng bang dựng nước thì là "Lấy cái nhỏ để mưu tính cái lớn". Cái mà Nho giáo nói "khắc kỷ phục lễ" chính là có ý như thế, dẹp bỏ dục vọng cá nhân, dẹp bỏ cái tôi để khôi phục, xây dựng lại "lễ" của đất nước, dẫu có mất mát lớn nữa cũng đáng.

6.2. Lấy "Lễ" thay lính, không đánh cũng thắng

Hai nước giao tranh, bên nào mạnh sẽ thắng, đó là lẽ thường. Nhưng đôi khi cũng có ngoại lệ, như đại binh áp sát biên giới, lấy "lễ" để đối xử, nhẫn nhục, lấy yếu thắng mạnh. Đó cũng là chiến lược chiến thuật "nhẫn nhịn việc nhỏ để làm việc lớn". Trong đời sống hàng ngày thường cũng có trường hợp tương tự. Một kẻ cố tình kiếm chuyện đứng trước mặt ta, nếu ta cảm thấy tức không nhẫn nhịn được, muốn ăn miếng trả miếng, thì nhất định sẽ đánh nhau vỡ đầu mà chẳng giải quyết được việc gì. Nếu ta nhẫn nhịn, đối xử tử tế, đại lượng, thì cái vẻ hung hăng của đối phương sẽ lập tức giảm đi một nửa, còn một nửa nữa sẽ giải toả dần dần, như vậy sẽ không xảy ra hoạ lớn.

Sách "Tả truyện" có chép câu chuyện "nhục thân tương đãi"[1] nói về việc lấy "lễ" thay lính, lấy yếu thắng mạnh. Sở Trang vương mang quân đi đánh nước Trịnh, không ngờ quan quân dân chúng nước Trịnh lại không mặc áo giáp, cầm gươm giáo, dàn trận đợi đánh, mà là do vua nước Trịnh cởi trần, tay không dẫn đầu đứng trên đường nghênh tiếp Sở vương. Thấy vậy, Sở Trang vương liền nói: "Là vị vua như thế này nhất định ông ta sẽ chiêu hiền đãi sĩ, được dân chúng ủng hộ, liều chết vì ông ta". Thế rồi ông ra lệnh rút quân.

Kỳ thực thì vua chúa và dân chúng nước bị xâm lược không thể thật lòng nghênh tiếp kẻ xâm lược, thấy có địch xâm nhập, phản ứng tức thì của họ là đánh giặc. Nhưng là một nước bé tẹo như nước Trịnh, nước Sở hùng mạnh đưa quân vào thì bóp chết ngay. Bởi vậy, vua nước Trịnh đã khuyên can các tướng sĩ đang sục sôi căm giận, muốn quyết sống mái với nước Sở rằng, hãy dẹp cơn tức giận trong lòng, lấy lễ để đối xử với quân nước Sở, như thế mà quân Sở vẫn tiến công thì không còn đạo nghĩa gì nữa, dẫu có thắng thì cũng vì dùng một đội quân trang bị đến tận răng để đánh một đội quân đầu hàng ra nghênh tiếp, không một tấc sắt trong tay, như thế thì người đời cười cho. Kết quả là nước Sở phải rút quân. Nước Trịnh không phải dùng tới một người lính mà cũng

---

1. Tức cởi trần để đón tiếp - ND.

buộc được kẻ xâm lược phải rút lui, dẫu sau này chúng lại tới tiến công thì cũng có thời gian chuẩn bị để đối phó.

Đủ thấy, một người, một quốc gia, khi rơi vào hoàn cảnh hiểm nghèo, không đủ sức chống lại kẻ địch thì nhẫn nhịn là cách tốt nhất để bảo vệ mình. Người Trung Quốc rất khôn ngoan về mặt này, như "thấy tới số rồi thì thôi", "một vừa hai phải", "kín như bưng", "giả ngô giả ngọng", "náu mình đợi thời",... đều nói cái ý đó.

6.3. Lấy "nhẫn" chế ngự sự hung hăng, lấy tĩnh khống chế động

Tô Tuân, người đời Tống, nói: "Nhất nhẫn khả dĩ chi bách dũng, nhất tĩnh khả dĩ chế bách động". Có nghĩa là "nhẫn" có thể đối phó được sự hung hăng, tĩnh có thể khống chế động. Như vậy, đây cũng là sách lược "nhẫn nhịn việc nhỏ để làm việc lớn" gần với ý lấy lễ thay lính nói ở mục trên. Nhưng câu của Tô Tuân nói càng rõ quan hệ giữa việc nhẫn nhịn việc nhỏ với việc lớn, nhấn mạnh sức ép vô hình của việc nhẫn nhịn việc nhỏ. Gia Cát Lượng bẩy lần bắt được Mạnh Hoạch đều không giết, nhẫn nhịn hận thù, cuối cùng đã thu phục được Mạnh Hoạch, giữ được an ninh, hoà bình cho đất nước.

Mạnh Hoạch là lãnh tụ bộ tộc ở miền nam nước Thục thời kỳ tam quốc, gây phản loạn, đem quân chống nước Thục, Gia Cát Lượng đi trấn áp. Khi được biết Mạnh Hoạch không những đánh trận dũng cảm

mà còn rất có uy tín với dân chúng các bộ tộc vùng Nam Trung, Gia Cát Lượng tính rằng, nếu thu phục được Mạnh Hoạch thì nước Thục sẽ có hậu phương lớn ổn định, do đó ông ra lệnh, đối với Mạnh Hoạch chỉ được bắt sống, không được giết. Khi giao chiến với quân của Mạnh Hoạch, Gia Cát Lượng cho quân giả vờ bại trận, bỏ chạy. Mạnh Hoạch cậy đông, nhắm mắt đuổi theo, rơi vào ổ phục kích, quân của Mạnh Hoạch đại bại, ông ta bị bắt lần thứ nhất. Bấy giờ, Mạnh Hoạch nghĩ chuyến này chắc chắn chết rồi. Không ngờ khi bị giải tới đại bản doanh của quân Thục thì Gia Cát Lượng ra lệnh cởi trói cho ông ta và dẫn ông ta đi xem doanh trại của quân Thục. Mạnh Hoạch chẳng những không phục, lại còn kiêu ngạo. Gia Cát Lượng chẳng chấp, lại còn thả cho ông ta về chuẩn bị giao chiến lại lần nữa. Về tới bản doanh, Mạnh Hoạch chấn chỉnh lại quân lính, lại tiến công quân Thục, lại bị bắt lần nữa. Gia Cát Lượng kiên nhẫn khuyên bảo, Mạnh Hoạch vẫn không phục, Gia Cát Lượng lại tha. Mạnh Hoạch lại một lần nữa thay đổi chiến thuật, tiến công quân Thục, khi thì cố thủ cửa vào, khi thì rút lui cố thủ trên núi, nhưng vẫn không chốn khỏi bàn tay Gia Cát Lượng, bị bắt và được thả hết lần này đến lần khác. tới khi bị bắt lần thứ bẩy, Gia Cát Lượng vẫn muốn thả, nhưng Mạnh Hoạch không chịu đi nữa, khóc rằng: "Thừa tướng đã bẩy lần bắt, bẩy lần tha, đối xử với tôi chí nhân chí nghĩa rồi. Tôi khâm phục từ đáy lòng. Từ nay không làm phản nữa". Về tới bản doanh, Mạnh

Hoạch thuyết phục toàn bộ các bộ lạc đầu hàng, vùng Nam Trung lại nằm dưới quyền kiểm soát của nhà Thục Hán, nước Thục có hậu phương lớn ổn định, dân chúng các bộ tộc miền nam cũng được nghỉ ngơi, yên tâm làm ăn, an cư lạc nghiệp.

Người ta thường nói không nên quá tam ba bận. Nhẫn nhịn vài ba lần thì được chứ quá tam ba bận thì không được. Nhưng đối với Mạnh Hoạch, Gia Cát Lượng bắt rồi lại tha, nếu lần thứ bẩy Mạnh Hoạch vẫn chưa hàng phục thì ông vẫn tha. Gia Cát Lượng làm như thế là để dùng đức thu phục lòng người, đánh vào con tim của Mạnh Hoạch, để ông ta vì tâm phục mà quy thuận nước Thục, không làm loạn nữa. Sở dĩ ông hết lần này đến lần khác nhẫn nhịn sự ngạo mạn của Mạnh Hoạch là vì ông muốn dùng đa mưu túc trí, khoan dung độ lượng, lời khuyên ngon ngọt, thực lực quân sự, để "hoá lỏng" cái tính ngoan cố của Mạnh Hoạch, làm mềm lòng Mạnh Hoạch, thu phục thủ lĩnh dân tộc thiểu số toàn vùng Nam Trung, ổn định và củng cố sự thống trị đối với hậu phương lớn, đạt tới mục đích ổn định lâu dài. Nếu Gia Cát Lượng không nhẫn nhịn, giết Mạnh Hoạch thì nhiều lắm cũng chỉ trừ khử được một tên đầu sỏ phản loạn, rất có thể là tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa, các thủ lĩnh dân tộc thiểu số tại các bộ lạc khác cấu kết với nhau chống lại dữ hơn. Do đó ta thấy sự khác nhau giữa "nhẫn" và "bất nhẫn": "bất nhẫn" chỉ tạm thời hả dạ, "nhẫn" thì đạt được lợi ích lâu dài.

6.4. "Nhẫn" cái nhỏ để được cái lớn, bỏ cái lợi trước mắt nhằm cái lợi lâu dài

Con người không phải ông thánh, chẳng ai bỏ được thất tình lục dục, tách khỏi cơm áo gạo tiền, dẫu có trốn theo cửa Phật "thoát khỏi tam giới, đứng ngoài ngũ hành"[1] thì vẫn phải "làm người xuất gia với tấm lòng độ lượng", luôn mồm niệm "Thương thay! Thương thay!", vẫn phải phân biệt phải trái, cong ngay, trắng đen. Cho nên, muốn làm nên nghiệp lớn, phải biết phân biệt việc thư việc gấp, lợi nhỏ lợi lớn, lợi gần lợi xa, phải nhịn đau để cắt bỏ cái cần cắt bỏ, phải kiên nhẫn mưu tính kế dài việc lớn để thực hiện lý tưởng cao đẹp, tựu thành đại nghiệp. Trong lịch sử Trung Quốc, khi xưng hùng tranh bá, lập công dựng nghiệp, Lưu Bang và Hạng Vũ là người biết "nhẫn" cái nhỏ để được cái lớn, bỏ cái lợi trước mắt nhằm cái lợi lâu dài, thấy được cao thấp để quyết sống mái. Đó là những cuộc đọ sức về mức độ "nhẫn". Ai biết "nhẫn" cái nhỏ để được cái lớn, bỏ cái lợi trước mắt nhằm cái lợi lâu dài thì người ấy sẽ thắng, xưng hùng với đời; ai ngang bướng bất chấp; bụng dạ hẹp hòi, nhỏ nhen thì thất bại. Khi bình luận cuộc tranh giành giữa Sở và Hán, nhà văn nổi tiếng đời Tống là Tô Đông Pha nói: sở dĩ Hán Cao Tổ Lưu Bang thắng lợi, Sở Vương Hạng Vũ thất bại, mấu chốt là ở chỗ một bên biết "nhẫn" một bên "bất nhẫn". Hạng Vũ "bất nhẫn", phí hoài mất tinh thần dũng mãnh bách chiến bách

---

1. Tức thoát khỏi thế giới trần tục - ND.

thắng; Lưu Bang biết "nhẫn", nuôi chí bền gan, chờ đợi thời cơ, đánh thẳng vào điểm yếu của Hạng Vũ, giành thắng lợi. Trong cuộc tranh giành giữa Lưu Bang và Hạng Vũ có nhiều điểm phản ánh điều này. Sở dĩ Lưu Bang làm nên nghiệp lớn là do ông ta biết nhẫn nhịn lời của kẻ dưới, nhẫn nhịn hưởng lạc, nhẫn nhịn thất bại nhất thời, kìm chế tính khí cá nhân. Còn Hạng Vũ tính khí mạnh mẽ, khó nhẫn nhịn, khó chịu đựng, không biết rằng "không nhẫn nhịn việc nhỏ thì sẽ làm hỏng việc lớn", đại nghiệp chưa thành đã chết, thương thay!

Những sự kiện sau đây nói lên sự khác nhau giữa Lưu Bang và Hạng Vũ.

Trước khi nổ ra chiến tranh Sở - Hán, một người ở Cao Dương là Lịch Thực Kỳ bái kiến Lưu Bang để hiến kế. Bước vào cửa, thấy Lưu Bang vẫn đang ngồi ở thành giường để rửa chân, ông ta tỏ ra không vui, nói: "Nếu ngài muốn tiêu diệt kẻ hôn quân bạo chúa thì không nên ngồi như thế mà tiếp trưởng giả". Nghe lời trach cứ ấy, Lưu Bang không phật ý nổi khùng, vội vàng đứng dậy, xốc lại quần áo chỉnh tề, mời Lịch Kỳ Thực ngồi, tỏ lời khiêm tốn xin được chỉ bảo. Sau đó dựa theo ý kiến của Lịch Kỳ Thực đánh Trần Lưu, lấy được lương thực của nước Tần. Khi Lưu Bang vây hãm Uyển Thành, Trần Khôi từ trong thành lẻn ra khuyên Lưu Bang rằng vây thành và công thành thì không bằng dụ các quan trong thành rằng hàng thì sẽ thăng quan, như vậy sẽ biến thù thành bạn, yên

tâm Tây tiến, vào Hàm Dương xưng vương. Lưu Bang nghe theo, kết quả là chẳng cần đánh cũng lấy được Uyển Thành.

Khác với thái độ "nhẫn" của Lưu Bang, Hạng Vũ ngang bướng bất chấp, việc gì cũng cho mình là đúng. Có một người hiểu biết khuyên Hạng Vũ xây dựng kinh đô ở Quan Trung để làm nên nghiệp bá, Hạng Vũ không nghe. Người này ca cẩm: "Người ta nói người nước Sở là con khỉ đội mũ[1] quả là không sai". Câu nói này đến tai Hạng Vũ. Ông ta nổi lôi đình, lập tức bắt giết người này. Khi tiến công Hàm Dương, tới Tân An, chỉ vì trong số quân Tần đầu hàng, có một số người chửi bới, thế mà chỉ trong một đêm Hạng Vũ cho chôn sống hơn 200 ngàn quân Tần. Ghét Điền Vinh ông ta không phong vương cho Điền Vinh, phong Điền Đô, khiến Điền Vinh làm phản. Thậm chí đối với Phạm Tăng, người trung thực nhất trong số những người phò tá ông ta, ông ta cũng hoài nghi không sử dụng, kết quả là bỏ lỡ mất cơ hội giết Lưu Bang trong bữa tiệc Hồng Môn, nhưng cuối cùng lại đổ giận lên đầu Phạm Vinh.

Lưu Bang cũng chẳng phải là thánh không động tới của ngon vật lạ trên đời. Sách "Sử ký" chép rằng, khi làm Đình trưởng[2] ở một xã thuộc huyện Bái, Lưu Bang là một tay bợm rượu háo sắc. Khi quân

---

1. Ý nói ngu dốt, không phải là người - ND.
2. Quan chức thời chiến quốc - ND.

của Lưu Bang vào Hàm Dương, các tướng sĩ tranh nhau tìm các kho báu trong hoàng cung để cướp vàng bạc châu báu thì Lưu Bang cũng tít mắt vì cảnh tráng lệ trong cung A Phòng và vì các cung nữ đẹp như tiên, rứt ra không nổi. Bọn chân tay là Phàn Khoái phải nhắc theo kiểu nhắc "Bái công muốn lấy được thiên hạ thì phải là phú ông đã", lúc ấy Lưu Bang mới tỉnh ngộ, nhẫn nhịn lòng tham hưởng lạc, căn dặn các tướng sĩ đóng các cửa kho và cung điện, dẫn các tướng sĩ lại trở về doanh trại ở Bá Thượng, ra lệnh cấm đụng tới cái kim sợi chỉ của dân. Nhờ đó mà được lòng dân, được dân ủng hộ.

Còn Hạng Vũ thì khác. Vừa vào tới Hàm Dương ông ta đã giết con vua Tần, đốt cung A Phòng, thu nhặt vàng bạc châu báu trong cung, cướp cung tần mỹ nữ mang về Quan Đông. Như thế thì sao chẳng mất lòng dân?

Trong cuộc chiến tranh Sở - Hán, thực lực của Lưu Bang kém xa của Hạng Vũ. Nghe tin Lưu Bang đã tiến vào Quan Trung, Hạng Vũ nổi lôi đình, quyết diệt quân của Lưu Bang. Khi này 400 nghìn quân của Hạng Vũ đang ở Hồng Môn, 100 ngàn quân của Lưu Bang đang ở Bá Thượng, hai bên chỉ cách nhau có 40 dặm, binh lực hai bên hơn kém nhau mấy lần, Lưu Bang ở vào thế trứng để đầu đẳng. Giữa lúc này, Lưu Bang mời Trương Lương cùng đi gặp Hạng Bá, chú của Hạng Vũ, để năn nỉ đề nghị Hạng Bá trực tiếp nói với Hạng Vũ rằng Lưu Bang không có ý chống

lại Hạng Vũ, mà muốn kết nghĩa anh em với ông ta. Tiếp đó, sáng sớm hôm sau, Lưu Bang lại cùng Trương Lương, Phàn Khoái và hơn 100 tuỳ tùng mang lễ vật tới Hồng Môn bái kiến Hạng Vũ, nhỏ nhẹ tỏ lời xin lỗi, tặng lễ vật, giải toả sự ghen tức của Hạng Vũ, làm dịu quan hệ với Hạng Vũ. Nhìn bề ngoài thì Lưu Bang nhẫn chịu lép vế, Hạng Vũ được thể diện. Nhưng thực tế thì Lưu Bang lấy nhẫn nhịn để đổi lấy sự an toàn cho mình và quân của ông ta, có thêm thời gian để phát triển lực lượng. Thậm chí bị thương ở ngực, Lưu Bang vẫn nhịn đau, đi trong trận địa của quân Sở, ông cố ý đi cà nhắc, nắn chân chửi: "Chẳng biết thằng quỷ nào bắn vào chân ta", nhằm ru ngủ quân địch. Về tới đại bản doanh ông lại nhịn đau để đi thị sát nơi trú quân nhằm làm yên lòng quân đội. Lưu Bang lặng lẽ "nhẫn" trong điều kiện bất lợi, nén lòng khi thất bại tạm thời, điều đó phản ánh mưu lược đấu tranh với địch của ông ta, cũng thể hiện sức chịu đựng lớn lao về tâm lý của ông. Đó là tố chất tâm lý cần có ở những người làm nên nghiệp lớn.

Còn Hạng Vũ thì chỉ "giãn" chứ không "co", thắng thì hỉ hả, nhưng thua thì không chịu nổi, do vậy liên tục rơi vào bẫy. Nghe thấy "bốn phía vang lên bài dân ca nước Sở"[1], Hạng Vũ tưởng rằng nước bị diệt rồi, bỏ chạy tới sông Ô Giang, người lái đò định chở

---

1. Lưu Bang đem quân bao vây Hạng Vũ, nửa đêm cho lính bốn xung quanh hát bài dân ca nước Sở để đánh lừa Hạng Vũ - ND.

Hạng Vũ qua sông, Hạng Vũ cho rằng, "trời muốn ta chết, ta qua sông để làm gì?", không chỉnh đốn hàng ngũ, không "bầy keo khác", rút kiếm tự sát. Sở bá vương, con người dũng võ hơn người, không ai sánh kịp này bị chính mình đánh bại. Đáng thương là cho tới lúc chết ông ta vẫn chưa biết trước hết ông ta thua chính bản thân mình.

Sở dĩ Lưu Bang thắng Hạng Vũ còn do ông biết vì đại cục mà nhẫn nhịn những thất bại, bực dọc nhất thời. Hạng Vũ không làm được như thế. Có khi được mất về chính trị, thắng thua trong quân sự, xẩy ra rất nhanh, trong những trường hợp đó cần biết nhẫn nhịn. Giữa lúc Lưu Bang bị vây hãm thì sứ giả của Hàn Tín tới. Lưu Bang tưởng Hàn Tín cho sứ giả tới báo tin sẽ cho quân tới cứu viện. Không ngờ, bóc thư ra xem thì thấy Hàn Tín đề nghị Lưu Bang gia phong cho ông là Tề vương. Lưu Bang nổi nóng đùng đùng, chửi: "Ta đang bị khốn ở đây, ngày đêm mong ngươi đưa quân tới cứu viện, ngươi chẳng tới cứu lại còn đòi phong vương...". Lưu Bang nói tới đây thì Trương Lương, Trần Bình đang ở bên cạnh vội khẽ chạm vào chân ông và ghé tai nói: "Ngài đang gặp khó khăn, sao có thể ngăn được Hàn Tín xưng vương? Đã không ngăn được thì sao không nhân đây phong ông ta là Tề vương, đối xử tốt đối với ông ta để ông ta giữ chắc lấy nước Tề, không ăn ở hai lòng. Nếu không , e Hàn Tín sẽ làm phản". Nghe vậy, Lưu Bang lập tức nén giận, đổi giọng: "Là Đại trượng phu mang quân đi bình định các chư hầu, nếu muốn thì làm vua thật

chứ sao lại làm vua giả?". Thế rồi Lưu Bang sai Trương Lương mang chiếu thư đi lập Hàn Tín là Tề vương và điều quân của Hàn Tín đi đánh quân nước Sở, kết quả là xoay chuyển được tình hình, đang ở thế bất lợi chuyển sang thế có lợi. Cuối cùng, nhờ dựa vào binh lực của Hàn Tín mà lấy được thiên hạ. Nếu Lưu Bang không nhẫn nhịn được cơn tức khí nhất thời này thì có thể đoạn sử này phải viết lại. Có người nói Lưu Bang nhờ "nhẫn" mà lấy được thiên hạ. Điều đó có lý. Muốn làm nên nghiệp lớn thì phải có tấm lòng mở rộng, phải biết nhẫn nhịn, nhẫn nhịn tạm thời để đổi lấy thắng lợi toàn cục, đó chính là khí phách của những người làm nên việc lớn.

Trong cuộc Sở - Hán tương tranh, Lưu Bang ở thế yếu mà lấy được thiên hạ, đó là vấn đề đáng để đời sau suy ngẫm. Chúng tôi đánh giá cao "sức nhẫn" của Lưu Bang, coi "nhẫn" là tố chất cần có để làm nên nghiệp lớn. Trong 360 ngành, người ta có thể làm nên nghiệp lớn trong bất kỳ ngành nào; trong xã hội đông đúc này, ai cũng muốn hơn người. Napôlêông nói: "Lính không muốn làm tướng không phải là lính giỏi". Có điều là, muốn làm tướng thì phải chịu khó học Lưu Bang. Nếu không, dẫu có làm tướng rồi cũng khó tránh khỏi dẫm lên vết xe đổ của Hạng Vũ.

Khác với Hạng Vũ, Tư Mã Ý biết co biết giãn nên đã làm nên việc lớn. Cuối thời Tam Quốc,, Ngụy Minh đế qua đời, Tào Phương lên ngôi, tức Ngụy tiểu đế. Trước khi qua đời, Ngụy Minh đế uỷ thác Thái uý Tư

Mã Ý và đại tướng quân Tào Hiệp phò tá triều chính. Thiếu đế tuổi nhỏ không thể đích thân xử lý chính sự, Tào Hiệp và Tư Mã Ý cùng nắm triều chính.

Tư Mã Ý từng lập chiến công to lớn cho nhà họ Tào, danh cao đức cả, quyền cao chức trọng, có thế lực tiềm ẩn rất lớn trong triều. Tào Hiệp là hoàng thân quốc thích, được Nguỵ Minh đế rất tin cậy, thế lực cũng rất lớn, không kém Tư Mã Ý. Lúc đầu hai người đồng tâm hiệp lực cùng nắm triều chính, Tào Hiệp rất kính trọng Tư Mã Ý, việc gì cũng bàn bạc với Tư Mã Ý, không độc đoán chuyên quyền. Nhưng rồi quyền thế của Tào Hiệp dần dần tăng lên, vô hiệu hoá Tư Mã Ý, chỉ để ông đeo cái chức Thái phó làm vì. Lâu ngày, xích mích giữa hai người phát triển tới mức gay gắt như nước với lửa. Tư Mã Ý tuy rất uất ức, nhưng biết rằng quyền trong tay Tào Hiệp, tạm thời chưa thể chống nổi, đành ngấm ngầm tổ chức lực lượng, chờ thời cơ. Để đề phòng bất chắc, mê hoặc Tào Hiệp, ông cáo ốm về nghỉ, không hỏi han tới công việc triều chính nữa, đồng thời khuyên cả hai con là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu an phận thủ thường, không thể đua tranh hơn người được.

Không lâu sau, từ biên giới có tin cấp báo, quân Đông Ngô chia làm hai mũi tiến công Lục An và Hoài Nam, xin triều đình cho quân cứu viện. Tào Hiệp bối rối, vội triệu tập quần thần để bàn đối sách. Kế hoãn binh chưa được thực hiện thì lại có tin cấp báo quân Ngô tiến công Phàn Thành. Tào Hiệp như ngồi trên

đống lửa, không biết xử lý ra sao, đành lấy danh nghĩa của hoàng đế phái người đi mời Tư Mã Ý về triều bàn việc.

Tư Mã Ý mưu cao tính sâu, nắm tình hình chiến sự như lòng bàn tay, đồng thời cũng dự tính chắc chắn Tào Hiệp sẽ vời ra, cho nên đã tính toàn sẽ lợi dụng cơ hội này một là để đánh vào oai phong của Tào Hiệp, hai là gây dựng uy thế của mình, Về tới triều đình, Tư Mã Ý quyết định đích thân cầm quân xuất trận. Các bá quan văn võ trong triều đang lúng túng, thấy Tư Mã Ý nói đích thân cầm quân xuất trận thì tin chắc sẽ đánh lui giặc, ai nấy vui mừng, tổ chức nghi lễ trọng thể để tiễn Tư Mã Ý ra trận, Tào Hiệp thân chinh tiễn tới ngoài cổng Tân Dương. Tư Mã Ý dẫn quân tới thẳng Phàn Thành, đột kích bất ngờ vào quân Đông Ngô, nhanh chóng đập tan quân Ngô đang vây thành, sau đó lại chuyển ngay sang giải vây cho Lục An, chưa đầy một tháng, Tư Mã Ý đã đẩy toàn bộ quân địch về bên kia biên giới. Sau đó kéo quân về triều, uy danh lừng lẫy.

Để cướp ngôi vua, Tào Hiệp càng chuyên quyền hơn, gạt bỏ những người không vừa ý, bố trí chân tay tin cậy vào những nơi trọng yếu. Các đại thần trong triều biết rõ sự hoành hành và dã tâm của Tào Hiệp, nhưng không dám nói. Tào Hiệp chỉ e ngại có một mình Tư Mã Ý. Ông ta lệnh cho kẻ tâm phúc là Lý Thắng ở Hà Nam, nhân đi nhậm chức Thích sử ở

Kinh Châu, mượn cớ tới chào từ biệt Tư Mã Ý để dò la tình hình.

Sau khi thắng trận ở biên giới, Tư Mã Ý lại bị Tào Hiệp tước bỏ binh quyền. Ông lại áp dụng sách lược nhẫn nhịn,, cáo ốm lui về nghỉ ngơi không ngó ngàng tới chính sự. Được tin Lý Thắng tới thăm, ông biết dụng ý của con người này, bèn dàn dựng một vở kịch.

Khi Lý Thắng tới thì thấy Tư Mã Ý đang để cho người hầu gái thay áo giúp, run lẩy bẩy, mãi mới thay xong. Tư Mã Ý lại kêu khát nước, người hầu gái mang nước tới, ông làm đổ ướt hết quần áo, trông ông lóng nga lóng ngóng. Lý Thắng nói:

- Được biết bệnh cũ của Thái phó tái phát, nhưng không ngờ lại nặng như thế này. Tôi được Hoàng đế gia ân, cho đi làm Thích sử ở Kinh Châu, hôm nay tới xin chào từ biệt Thái phó.

Tư Mã Ý vờ làm ra vẻ thều thào, nói:

- Ta sức yếu, chẳng còn sống được bao lâu nữa. Ngươi được điều đi Tính Châu, nơi ấy gần bọn nhà Hồ, cần chú ý đề phòng. E rằng rồi đây khó mà gặp lại nhau, ta nhờ người giúp để mắt tới hai thằng con là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu.

- Tôi đi Kinh Châu, chứ không phải đi Tính Châu!

Tư Mã Ý hỏi lại;

- Thế không phải người đi Tính Châu à?

Lý Thắng nói:

- Vâng, không phải Tính Châu, mà là Kinh Châu

Tư Mã Ý nói:

- Ta cũng lẫn cẫn mất rồi, nghe không được rõ. Ngươi có tài, có thể làm nên đại nghiệp.

Sau khi ra về, Lý Thắng bẩm với Tào Hiệp những điều tai nghe mắt thấy, nói: "Thái phó Tư Mã Ý chỉ còn là cái xác không hồn, chân tay run lẩy bẩy, lẫn ca lẫn cẫn, người như thế có gì đáng ngại!"

Nghe vậy, Tào Hiệp cả mừng, không dè chừng, đề phòng Tư Mã Ý nữa.

Ít lâu sau Nguỵ thiếu đế là Tào Phương đi Nam Sơn Lạc Dương viếng mộ Nguỵ Minh đế, Tào Hiệp, cùng em là Tào Nghĩa, Tào Nhan và bọn tay chân thân tín cùng đi theo.

Tư Mã Ý thấy thời cơ đã đến, lập tức phát động binh biến, ông lấy danh nghĩa của Thái hậu ra lệnh đóng cổng thành, cử con là Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu chỉ huy hàng ngàn quân cận vệ nhanh chóng chiếm lĩnh các nơi xung yếu trong thành, truất quyền của bọn tay chân của Tào Hiệp, khống chế được thành rồi, Tư Mã Ý thân chinh ra ngoài thành khuyên Tào Hiệp rằng: "Nếu không chống lại, đầu hàng thì ta bảo toàn tính mạng cho ngươi, nếu không ta chu di cả họ nhà ngươi, ngươi chết không còn nguyên xác". Bọn chân tay của Tào Hiệp cho rằng Tư Mã Ý bất nhân bất nghĩa, nhao nhao khuyên Tào Hiệp điều quân chống lại Tư Mã Ý. Tào Hiệp do dự, cảm thấy đã rơi vào đường cùng, không thể chống nổi Tư Mã

Ý, đành phải đầu hàng. Tào Hiệp nghĩ rằng bị bãi chức thì vẫn còn là một phú ông, ngồi hưởng phúc. Nhưng, sự việc diễn ra nằm ngoài suy nghĩ của Tào Hiệp. Chẳng bao lâu, Tư Mã Ý kết tội Tào Hiệp mưu phản, giết toàn bộ bè đảng của Tào Hiệp.

Cuộc đấu này kết thúc bằng sự thất bại thảm hại của Tào Hiệp. Sai lầm khiến Tào Hiệp thất bại là vào giờ phút quyết định mà không tỉnh táo, bị mê hoặc bởi sự "co lại", khéo léo của Tư Mã Ý. Còn Tư Mã Ý thì nhẫn nhịn để "co lại", khéo léo lừa được Tào Hiệp, khiến Tào Hiệp không dè chừng, không phòng ngừa, khi thời cơ tới thì kiên quyết khởi sự, đánh một đòn thắng lớn.

CHƯƠNG II

NGƯỜI BIẾT "NHẪN" LÀ NGƯỜI VÔ ĐỊCH: "NHẪN" LÀ PHẨM HẠNH CỦA KẺ MẠNH

"Cái gốc của mọi việc, nhẫn là trên hết". Như vậy là Khổng Tử coi "nhẫn" là sách lược hàng đầu trong việc xử sự trên đời. "Nhẫn" không phải là nhu nhược, trái lại, là phẩm hạnh của kẻ mạnh. "Không nhẫn việc nhỏ sẽ làm hỏng việc lớn". "Nhẫn việc nhỏ" và "việc lớn" thống nhất với nhau một cách biện chứng như thế đó. Người biết "nhẫn" là người vô địch. "Thất phu kiến nhục, bạt kiếm nhi khởi, bất túc nhi dũng dã"[1]. Là dũng sĩ thật sự thì phải nhẫn chịu nỗi oan tạm thời, đợi khi lực lượng của mình mạnh lên, lúc ấy hãy "trả thù rửa hận".

1. "Nhẫn" phải đúng nguyên tắc

Biết rằng trong đời sống, trong công việc hàng ngày phải "nhẫn", hiểu ý nghĩa hiện đại của chữ "nhẫn" vẫn chưa phải là đã thật sự hiểu nội dung của "nhẫn" để căn cứ vào ý nghĩa cốt lõi của nhẫn mà hành động, làm nên sự nghiệp lớn. Bởi vậy, muốn thật sự nắm được ý nghĩa chân thực của chữ "nhẫn",

---

1. Tức là: kẻ nào hơi bị nhục một tí liền rút kiếm ra thì không xứng là kẻ mạnh - ND.

còn phải biết "nhẫn" như thế nào. Điều đó liên quan tới nguyên lý đầu tiên là "nhẫn" phải tuân theo những nguyên tắc nào, quy luật nào. Nhất là, sống trong nền kinh tế thị trường hiện đại thì phải "nhẫn" như thế nào. Như mọi người đều biết, việc gì cũng phải có bước khởi đầu của nó. Đối với con người hiện đại, bước khởi đầu của những nguyên lý cần phải tuân thủ trong việc "nhẫn" là nguyên tắc "nhẫn", đã được tổng kết, quy nạp từ hàng nghìn năm qua. Tất nhiên, chúng ta phải kết hợp với tình hình thực tế, và với những vấn đề mới, mâu thuẫn mới trong thời đại ngày nay để bổ xung thêm nội dung mới. Nội dung mới này tối thiểu gồm có hai mặt: một là, tăng thêm các biện pháp mới, đối sách mới nhằm vào những vấn đề mới, với việc tăng thêm nội dung mới này, "nhẫn" có đặc điểm thời đại, thậm chí có thể nói có tính thích ứng rộng rãi hơn, vượt khỏi ranh giới quốc gia, dân tộc; Hai là, về hình thức thì vẫn là sử dụng các phương pháp trước kia, nhưng về nội dung thì đều có thay đổi và cải tiến tuỳ theo đối tượng, có thể nói là bình cũ rượu mới. Những điều này sẽ được trình bày trong các mục dưới.

1.1. Đạm bạc thì sáng trí, không bị lợi ích vật chất cám dỗ, lay chuyển

Đạm bạc nói ở đây có ý là sống trong xã hội mà hàng hoá muôn màu kỳ dị tràn ngập khắp nơi này cần phải giữ vững tiết tháo, giữ vững nhân phẩm trong sáng, không bị cảnh ăn ngon mặc đẹp, quan

cao lộc hậu lay chuyển, giữ cho đầu óc sáng suốt, nghĩ xa hiểu rộng. Làm được như thế thì mãi mãi giữ được nếp sống lành mạnh, có chí hướng có giá trị, đáng phấn đấu. Chính vì một lòng đi theo mục tiêu cao cả ấy, mọi việc đều phục vụ mục tiêu ấy mà tự nhiên ta không để mắt tới những lợi ích lặt vặt, dẫu là những thứ rất hấp dẫn mà lại hoàn toàn có thể với tới được cũng không lay chuyển được ta. Tất nhiên, đạm bạc còn có một hàm nghĩa nữa, tức là nhìn thấu trần đời, thật sự nhận thức được rằng mọi thứ danh lợi đều không phải cứ ước là có, chết có thể mang theo. Như vậy, sống trong cái thế giới đua tranh người còn kẻ mất này, ta luôn luôn điềm tĩnh, dẹp bỏ được những dục vọng nào đó. Ngược lại, không đạm bạc thì thường đánh mất bản thân mình trong cái thế giới hàng hoá nhộn nhạo, làm nô lệ cho những miếng mồi danh lợi. Những kẻ tối mắt vì danh lợi sẽ sứt đầu mẻ trán vì tranh giành danh lợi bằng cái mắt muỗi, tranh giành nhau có mày không tao vì chút quyền lực và chức quan nhãi nhép. Loại người này không biết "nhẫn", nếu có chăng chỉ là hình thức, còn bản chất thì vẫn là hám lợi háo danh.

Trong xã hội hiện đại, đạm bạc còn biểu hiện ở chỗ: mặc người quanh ta phát tài, thăng quan, có ô tô, nhà lầu, cổ phiếu, ta vẫn giữ vững chí hướng của mình, sắp xếp đời sống của mình theo chí hướng này. Có thể lấy lòng tin kiên định ấy chống lại sự cám dỗ của hoàn cảnh khách quan, lấy chí hướng kìm

chế tình cảm, dục vọng. Đây là phương pháp lấy chí hướng chống lại lòng tham. Như thế thì mới có thể "nhẫn" được.

Cần thừa nhận rằng, trong đời sống hiện đại, nhất là trong xã hội hiện đại mà ở đó hàng loạt thông tin tới tấp đập vào mắt, rót vào tai chúng ta, "đạm bạc" được như thế không phải chuyện dễ. Muốn chế ngự được sự thèm muốn trước những hàng hoá hấp dẫn, muốn điềm tĩnh trước tiền tài danh vọng thì phải có nghị lực. Nhưng, một khi đã "đạm bạc" được như thế thì hết sức có ích. Về việc này, có một điều hết sức quan trọng là không nên chỉ để mắt vào một việc, một lúc của những ai đó, mà phải quan sát trong một thời gian dài để đánh giá sự lên xuống trong thế gian, sự chìm nổi của con người, sự trầm luân của kiếp người. Đồng thời, dùng quan điểm ấy để đánh giá hành vi và mục tiêu mà mình theo đuổi. Nên biết rằng, thời gian có sức mạnh to lớn, nó có thể lột bỏ mọi sự giả tạo tưởng chừng không gì có thể lột bỏ nổi, có thể chứng minh bộ mặt thật giả của sự việc, sự vật, phân biệt được độ cao thấp của giá trị. Một khi làm được như thế, chúng ta có thể thấy rằng, sau vài lần đổi thay, những kẻ chỗm chệ trên cao trong nháy mắt bỗng trở thành kẻ ngồi tù thảm hại; những kẻ tai to mặt lớn diễu võ dương oai, những kẻ giầu nứt đố đổ vách mặt mũi vênh vang, sau vài lần vấp váp liền trở thành những kẻ cầu bơ cầu bất ngửa tay ăn xin; có những toà nhà lộng lẫy nay chủ này mai chủ khác, thay đổi cứ như đèn kéo quân, người đứt

giọng kẻ tiếp hơi, rối tinh rối mù; trong các quán ba sàn nhảy ánh đèn mờ ảo, quanh các quầy rượu, nay khách này mai khách khác. Chẳng có cái gì vĩnh hằng, chẳng có gì tuyệt đối. Tiền tài danh lợi càng giống như quả bóng đá vậy - tròn, thoắt lăn sang đông, thoắt lăn sang tây. Khi chúng ta có quan điểm như thế đối với thế sự thì sẽ không sốt ruột vì thấy có người tạm thời "phát tích", chẳng thấy hổ thẹn trước những người nhất thời hanh thông. Khi đã "nhẫn" được thì ta thấy ta có sức mạnh chiến thắng hết thảy.

1.2 "Thận độc"[1], tự giữ mình, tự kìm chế

"Thận độc" là một từ cổ chúng tôi dùng để nói về phương thức "nhẫn", tự giữ mình, tự kìm chế, trong xã hội hiện đại. Ngày nay, người ta ngày càng được tự do nhiều hơn, có nhiều cơ hội và không gian để tự thể hiện bản thân mình. Chính vì thế mà việc tự giữ mình, tự kìm chế càng trở nên quan trọng.

Nếu chúng ta quy định rõ ràng thế nào là tự giữ mình, tự kìm chế thì có nghĩa là tự đặt ra luật lệ cho mình, dùng những điều luật tự ban hành cho mình thực hiện để tự giác ràng buộc mình, nâng cao năng lực tự giữ mình, tự kìm chế. Đó là nội dung của mục này. Sở dĩ cổ nhân coi trọng "thận độc" là vì bấy giờ do các nhân tố khách quan và quy tắc đạo đức mà người ta thường phải ràng buộc mình một cách bị

---

1. Tức: khi không có mặt người khác, chỉ có một mình, cũng cẩn thận, không bừa bãi, gần với nghĩa "tự giác" - ND.

động, chứ không thể tự giác nghiêm túc tuân thủ các điều luật trong trường hợp chỉ có một mình, không có sự giám sát của người khác. Còn "thận độc" thì lại đòi hỏi phải tuân theo quan niệm đạo đức và chuẩn mực pháp luật không chỉ ở nơi công cộng có người khác giám sát mà ngay cả trong trường hợp chỉ có một mình. Thế mà, sự tự giữ mình, tự kiềm chế trong xã hội hiện đại lại đòi hỏi phải là sự phục tùng luật lệ do chính mình đặt ra, là những quy định tự đặt ra cho mình thực hiện. Mức độ phục tùng luật lệ do mình tự đặt ra ấy phản ánh mức độ tự kìm chế của cá nhân, cũng phản ánh mức độ "nhẫn" của mỗi người.

Như vậy ta dễ dàng nhận ra rằng, mọi sự "nhẫn" đều là những quy tắc hoặc luật lệ nào đó. Do đòi hỏi của những quy tắc hoặc luật lệ này mà chúng ta quyết định dừng bước hoặc chấp nhận sự thật nào đó mà chúng ta vốn không muốn chấp nhận. Tuy nhiên, những quy tắc và luật lệ này thường chia làm hai loại: một loại có tính chất khách quan, một loại có tính chất chủ quan. Loại khách quan do người khác đặt ra cho ta thực hiện. Loại chủ quan do ta tự đặt ra cho mình thực hiện. Sở dĩ cổ nhân nhấn mạnh "nhẫn" phần nhiều là do phục tùng và sợ các quy tắc và luật lệ khách quan, hơn nữa có một số người lại lý giải chữ "nhẫn" với bối cảnh tư tưởng cho rằng chữ "nhẫn" là chữ mà "trên đầu chữ tâm là chữ đao"[1]. Sự ràng buộc do sức ép từ bên ngoài, không có "đao"

1. Ý là bị động, bắt buộc phải "nhẫn" - ND.

(dao) thì có mà lạ. Do đó có thể hiểu "nhẫn" như thế là đau khổ. Trong xã hội hiện đại, "nhẫn" thật sự thì không như thế, nó là "sự tự khép mình" trên cơ sở tự ràng buộc theo những quy định do tự mình đặt ra, thật sự hoàn toàn xuất phát từ nhu cầu của chính bản thân mình. Không giống như trong xã hội cũ mà ở đó "nhẫn" là sự tự hy sinh, là tử vì đạo hoặc là cái gọi là trung thành. Trong xã hội hiện đại, "nhẫn" là phương thức thực hiện cái tôi, có lợi cho bản thân mình. Chẳng hạn, ngay từ thời còn trẻ, nhà khoa học, nhà hoạt động chính trị và nhà văn người Mỹ Franklin tự đặt ra cho mình mười mấy quy định, trong đó có tiết chế, tức ăn không quá no, không say rượu, trầm tĩnh ít nói, giản dị chất phác,... Rõ ràng, khi chúng ta tự đặt ra quy định để ràng buộc mình và luôn luôn tuân thủ những quy định ấy thì dễ "nhẫn" hơn nhiều.

1.3. Trung dung vừa đủ mức độ

Điều đó có nghĩa là đối với bất kỳ việc gì cũng không có thái độ cực đoan, giữ ở mức độ vừa phải. Muốn thực hiện được chữ "nhẫn" thì phải có thái độ nhân sinh đúng mức. Trong rất nhiều trường hợp, hỏng việc là do không đúng mức, do cực đoan. Con người, về mặt lý, khi tỉnh táo, có thể phân biệt được phải trái, tốt xấu; nhưng về mặt tình cảm lại thường hay hồ đồ, chỉ thấy cây không thấy rừng, chỉ vì một phút xúc động và đắc ý mà quên tất cả. Hơn nữa, dẫu có hiểu biết, nhưng thường do lao đầu vào bụi rậm, không sao gỡ ra được. Trung dung là phương thức giúp ta tránh hành

động theo kiểu đó. Là một nguyên tắc "nhẫn", trung dung có các hàm nghĩa chủ yếu sau đây: Một, đối với mình không cực đoan, lượng sức mà làm, tới mức vừa phải thì dừng. Từ xa xưa, các nhà hiền triết Trung Quốc đã tổng kết ra kinh nghiệm: nước đầy thì tràn, tốt quá hoá lốp,... Những kinh nghiệm này dạy chúng ta rằng, dẫu là những cái tự mình có thể với tới được, tốt nhất vẫn phải có chừng mực, chừa ra một chỗ dự phòng để nếu có xảy ra việc gì thì còn có chỗ mà xoay xở. Đây không chỉ là vấn đề tự nhường nhịn mà còn là tính tất yếu khách quan. Bởi vì khi đã ở vào tình trạng quá cực đoan thì người ta thường rơi vào thế bị động. Có một số người thích chớp thời cơ để thể hiện mình, điều đó chẳng có gì sai. Nhưng nếu quá đáng thì thường gây ra hậu quả ngược lại. Trong các công việc ăn, mặc, ở, đi lại, trong công việc, đối nhân xử thế, đều như vậy cả. Ta thường nghe nói: dẫu có là sơn hào hải vị, hợp với khẩu vị tới đâu chăng nữa thì cũng chỉ ăn tới bẩy phần no thôi. Lời khuyên này cũng có cái ý nói trên.

Hai, đối với người thì không bên trọng bên khinh, cần phải "dĩ hoà vi quý". Bất kỳ ai cũng phải có bạn bè, có người hợp tác trong công việc. Trong đời sống, và công việc hàng ngày, có người ta hợp tính hợp tình, có cùng khẩu vị; có người ta khác họ về tính cách, khí chất. Nếu chỉ dựa vào sự yêu ghét của mình để gần người này xa người kia, thậm chí có thái độ rõ ràng yêu người này ghét người kia thì thường dễ gây ra nhiều khó khăn cho đời sống và công việc của

mình. "Nhẫn" đòi hỏi chúng ta phải gần gũi, hợp tác với những người mà chúng ta cho rằng không hợp; giữ một khoảng cách nhất định với những người có quan hệ tốt với chúng ta. Như vậy, chẳng những có thể thật sự đoàn kết được với những người có thể đoàn kết được mà còn có thể giữ được tình bạn lâu dài với bạn bè đồng chí. Sự trung dung này không phải là giả tạo, cũng không phải là giả nhân giả nghĩa, mà là khoa học, là trí tuệ nhân sinh. Ai cũng biết rằng, trong nhiều trường hợp, người này không hợp với người nọ là do hai bên khác nhau về tính cách. Chẳng ai có quyền bắt người khác phải thuận theo tính cách của mình. Thế mà có người thường đòi hỏi người khác tôn trọng hứng thú và khí chất của mình, nhưng lại không tôn trọng nếp sống của người khác. Để tránh xảy ra tình trạng này, cần phải "trung dung", cần phải "nhẫn" .

Ba, đối với công việc và sự việc, "trung dung" có nghĩa là phải cẩn thận, tỉ mỉ tránh vội vàng, hấp tấp. Có người nôn nóng những muốn chỉ trong một ngày là có thể làm xong, làm tốt công việc. Nhiệt tình thì đáng khen; rề rà là tác phong xấu. Nhưng thái độ "trung dung" không phải như thế. Nó đòi hỏi phải tự kìm chế, phải nén lòng tránh hấp tấp, lặng lẽ phân tích, suy nghĩ cặn kẽ, không được nóng vội, cẩu thả, hùng hục không ngó trước ngó sau. Có những việc nhìn bề ngoài có vẻ rất đơn giản, rất dễ, nhưng chính ở những việc này rất dễ có vấn đề, chủ yếu là do không kìm nén tâm lý ăn ngay, làm nhoáng một cái

là xong việc. Ở đây, thái độ "trung dung" là lặng lẽ. Mặt khác, đối với công việc, sự việc, "trung dung" yêu cầu không được tham nhiều, giàn trải ra quá rộng, cái gì cũng muốn làm, việc gì cũng nhúng tay vào; nó yêu cầu phải lượng sức mà làm, có việc làm được có việc không làm được, có được và cũng có mất. Nếu không, rất có thể sẽ xảy ra tình trạng việc nào cũng bới ra nhưng chẳng làm nên việc nào.

Tóm lại, ở đây "nhẫn" có nghĩa là có thái độ "trung dung" đối với mình, với người, với việc.

1.4. Khiêm tốn, cẩn thận, không ngừng tự hoàn thiện mình

Khiêm tốn là một nét đẹp về đạo đức được ca ngợi trong nền văn hoá truyền thống Trung Quốc, biểu hiện ở chỗ biết nhường nhịn, vui lòng để người hơn ta, học tập người khác, tôn kính người khác,... Nếu thật sự hiểu thấu thực chất của sự khiêm tốn, chúng ta sẽ lập tức thấy rằng khiêm tốn có quan hệ rất chặt chẽ với "nhẫn". Khiêm tốn có các biểu hiện chủ yếu như sau:

Một, lấy sở trường của người so với sở đoản của mình, từ đó tôn trọng người, học tập người, không ngừng tự hoàn thiện mình. Có đức khiêm tốn thì kìm nén được dục vọng tự phô trương, đề phòng do lỗ mãng mà va vấp, nhờ đó mà có nhiều bạn bè. Có đức khiêm tốn thì tránh được va chạm, ít làm mất lòng người, có quan hệ chan hoà với mọi người, do đó mà có được môi trường sống tốt hơn, dễ chịu hơn. Người

xưa nói: "Trong ba người ắt có một người là thầy ta". Câu này không chỉ có ý khuyên rằng phải học tập người hơn mình, mà còn khuyên ta phải khiêm tốn, phải nhường nhịn, chớ có lên mặt dậy người. Quả vậy, dẫu có bản lĩnh, thông minh đấy, nhưng người thông minh tài giỏi thì có nhiều, làm sao mà biết người không bằng ta? Hơn nữa, dẫu nhìn chung thì người kém ta nhưng rất có thể về mặt nào đó ta không bằng người. Đã vậy thì có sao lại kiêu căng ngạo mạn? Có sao không học tập người? Trong rất nhiều trường hợp, sở dĩ người ta không kìm chế được mình, nguyên nhân quan trọng là do kiêu căng, không coi ai ra gì, tự vỗ ngực ta đây nhất thiên hạ, kết quả là tự biến thành bia miệng.

Hai, chia xẻ thành tích và vinh dự với người khác, kìm chế dẹp bỏ dục vọng theo đuổi danh lợi. Những người thực sự có đức khiêm tốn thường biết nhún nhường khi đứng trước công lao, danh dự, chia xẻ công lao với người khác, không hám danh lợi tiền tài, khen thưởng. Rõ ràng, làm được như thế thì có nghĩa là đã "nhẫn" tới mức độ rất cao. Sở dĩ con người ta phấn đấu nỗ lực, thậm chí liều mạng là do mong được xã hội thừa nhận, được người khác thừa nhận, muốn có vinh dự. Chính vì vậy mà rất khó "nhẫn" trong những việc này. Đức khiêm tốn giúp người ta "nhẫn" được. Vì đối với những người có đức khiêm tốn, bản thân sự thành công trong công việc đã nói lên ý nghĩa của họ. Hơn nữa, họ coi sự thành công ấy là công lao,

thành tích chung của mọi người, cho nên họ "nhẫn" một cách tự nhiên lòng ham muốn danh vọng.

Ba, sở dĩ khiêm tốn là một nguyên tắc hết sức cao thượng của "nhẫn" còn biểu hiện ở chỗ người ta đánh giá mình một cách khách quan, sát thực tế, nghiêm khắc. Con người ta ai cũng đều nhận thức được mình với mức độ nhất định và dựa trên cơ sở nhận thức ấy để tự đánh giá mình. Có người tự cảm thấy mình rất tuyệt; có người lại tự cho mình là chẳng ra gì. Loại người thứ nhất thường chỉ thấy sở trường và điểm mạnh của mình, có lòng tự tin quá mức, do vậy luôn luôn tự đắc, thích phát biểu về mọi vấn đề, việc gì cũng nhúng tay vào, trường hợp nào cũng cảm thấy mình có lý, muốn người khác tôn trọng ý kiến của mình. Loại người này rất khó "nhẫn". Cái cảm giác tự cho mình là tuyệt khiến anh ta không thể "nhẫn" được. Giường như, theo anh ta, thế giới này là của riêng anh ta. Anh ta có một thứ "tinh thần trách nhiệm" hết sức giả dối, và một thứ đam mê tự phô trương rất mãnh liệt. Trái lại loại người thứ hai, loại người tự cho mình chẳng ra gì, thì lại chỉ thấy sở đoản của mình, sợ sai, cảm thấy thua kém người, ủ ê, bơ phờ, như vừa làm sai việc gì vậy. Loại người này thường cũng không "nhẫn" . Sở dĩ như vậy là do trước đây họ đã vấp váp trong một vài việc, từng té ngã, do đó mà không quên được, không thoát ra khỏi ám ảnh bị thất bại, không quên đi được những đau đớn do vấp váp, thất bại gây ra, chìm trong tâm trạng buồn nản. Nếu kìm nén được tình cảm này, quên đi

quá khứ, hướng tới tương lai, nhận ra sở trường và điểm mạnh của mình thì những người này có thể làm lại cuộc đời đường đường chính chính.

Người có đức khiêm tốn thì không như thế, họ rất khách quan, tự đánh giá mình sát với thực tế; dựa trên cơ sở tự đánh giá ấy, họ nhận ra thành tích và yếu kém của mình, tự giác kìm chế, "nhẫn" trong mọi việc. Tự giác nhận ra thiếu sót của mình tự giác khắc phục. Lặng lẽ. không tuỳ tiện phát biểu ý kiến.

2. Một chữ "nhẫn", nhiều hình thức "nhẫn"

Trên đây chúng tôi đã nói về các nguyên tắc "nhẫn" chủ yếu. Dưới đây xin giới thiệu các hình thức "nhẫn" chủ yếu. Trong đời sống và công tác hàng ngày, chúng ta thấy, mặc dầu cùng là nghĩa "nhẫn" nhưng lại biểu hiện dưới nhiều hình thức; và cùng một hình thức cũng có thể vận dụng vào nhiều trường hợp và sự việc khác nhau. Bình thường, sở dĩ có những người không "nhẫn" được, không phải do họ không biết rằng cần phải "nhẫn", mà là do họ không thể chấp nhận hình thức "nhẫn" nào đó. Có thể có người nói, bảo tôi "nhẫn" như thế thì còn được, nếu trong trường hợp khác thì không thể "nhẫn" được. Có những người tuy hiểu được cái lẽ "nhẫn", nhưng lại không thể chấp nhận hình thức "nhẫn" cụ thể nào đó. Có thể nói rằng, sở dĩ có hiện tượng ấy là do tu luyện "nhẫn" chưa tới nơi tới chốn, chưa đủ "độ lửa".

Có thể nói rằng, chỉ cần thật sự "nhẫn", còn hình thức đều là thứ yếu.

2.1. Chờ thời, nhục cũng không chấp

Một hình thức "nhẫn" rất phổ biến là nhục cũng không chấp. Tức là, khi bị xỉ nhục có thể nín nhịn, không vì thấy mất thể diện, xấu mặt mà nổi giận đùng đùng, có tâm lý "người không động tới ta thì ta không động tới người; người động tới ta thì ta sẽ động tới người", quát tháo chửi bới, thượng cẳng chân hạ cẳng tay, lấy lại được thể diện mới thôi. Trong trường hợp này, "không chấp" trước hết có nghĩa là bình tâm, nín nhịn, còn sau đó thế nào thì hạ hồi phân giải.

Trong đời sống hàng ngày, có rất nhiều hình thức làm nhục người. Như, có kẻ thiếu tu dưỡng, vô đạo đức, khi có ý kiến với người khác, mở mồm ra là hại người, có kẻ tuỳ tiện đánh người ở nơi công cộng; có kẻ cố ý xỉ nhục người khác trước đám đông, dùng các từ ngữ có tính chất khiêu khích như nói ai đó bất tài, vô dụng, bị thịt; có kẻ dùng các hành động thô lỗ bôi nhọ hình ảnh của người khác, như xé ảnh, nhại tên để xỉ nhục người khác,... Trong những trường hợp như thế, người bị làm nhục thường bị tổn thương về thân thể và tinh thần, thường đứng trước thử thách hết sức gay go là có nhẫn nhịn được hay không. Chúng ta có thể đưa ra mấy khả năng. Một là, để bảo vệ uy tín của mình, người bị làm nhục chống trả. Như vậy thì đối phương bị giáng trả, nhưng rất có thể gây ra hậu quả: 1/ càng chứa chất oán thù, gieo

mầm xung đột sau này; 2/ người đời có tâm lý "không có lửa sao có khói", cho rằng cả hai bên đều sai, kẻ tám lạng người nửa cân, như thế chẳng có lợi cho người bị làm nhục. Thông thường, không thể dùng cách phản kích tức thì mà buộc được đối phương không bao giờ làm nhục ta nữa. Hai là, nín nhịn, không phản ứng tức thời. Làm như thế thì có khả năng đối phương sẽ được thể đắc ý, người đời chê cười. Nhưng, người thật sự thông minh cần biết rằng, làm như thế mới thật sự có "tài"; hơn nữa, trong trường hợp ta cân bằng được tâm lý, đối phương sẽ thấp thỏm lo sợ. Điều quan trọng hơn là, ta nhẫn nhục, dù là tạm thời, không có nghĩa là không có sức giáng trả, mà chỉ là chưa giáng trả, ta có quyền giáng trả vào bất kỳ khi nào. Thử hỏi, đối với thái độ như thế đối phương sao chẳng thấp thỏm lo sợ? Nếu xuất phát từ góc độ tâm lý để phân tích tâm lý của kẻ xỉ nhục người khác thì chúng ta thấy rất rõ, phần lớn những kẻ đi khiêu khích, xỉ nhục người khác đều là những kẻ muốn gây chuyện, do đó họ muốn người bị khiêu khích phản ứng tức thời. Nếu ta phản ứng ngay thì có nghĩa là mắc mưu họ. Nắm được tâm lý này, ta tỉnh bơ, nhẫn nhịn, thì họ không thực hiện được mục đích, bị cụt hứng.

2.2. Điềm tĩnh, thiệt cũng không hoảng hốt

Người ta thường sợ bị thiệt, coi bị thiệt là điều xúi quẩy. Vậy thế nào là "thiệt"? Truy tận gốc của từ này có nghĩa là lợi ích cá nhân bị tổn thất. Vì thế,

hễ cảm thấy bị thiệt là hoảng hốt, vội vàng tìm cách bù lại phần bị thiệt. Mà đã hoảng hốt thì rất dễ luống cuống, luống cuống thì sẽ dẫn đến tai nạn. Do đó, "thiệt cũng không hoảng hốt", cũng là một hình thức "nhẫn" thường thấy.

Đặc điểm quan trọng của hình thức này là "không hoảng hốt". Thiệt là điều thường xảy ra, và xảy ra dưới nhiều dạng. Đối với người bình thường, thiệt là điều khó chịu đựng nổi về mặt tâm lý, cảm thấy bị hụt hẫng, điều đó chẳng có gì lạ, cũng không nhất thiết phải tự giải thoát tâm lý theo kiểu AQ. Mấu chốt là không vì thế mà hoảng hốt, vội vàng tìm cách bù lại cái đã mất. "Nhẫn" chính là "nhẫn" cái đó. Cần biết rằng, thiệt là một bài học đối với ta, làm ta thông minh hơn. Nếu vội vàng bổ cứu cho đầu ra đó thì có khả năng hiệu quả chẳng được là bao, mà thường lại là tránh vỏ dưa gặp vỏ dừa.

Kỳ thực, trong đời sống hàng ngày, có nhiều việc ta cho là thiệt, nhưng thực tế không phải như thế. Chớ nên việc nào cũng tính toán thiệt hơn. "Tái ông mất ngựa, chưa hẳn là việc vô phúc". Hãy suy nghĩ cho kỹ, chớ vội hoảng hốt, suy cho cùng "nhẫn" vẫn là hơn.

2.3. Thản nhiên chấp nhận, đã "bị lừa" thì chịu vậy

Trong đời sống hàng ngày, khi lầm tin vào lời của người nào đó, vào việc nào đó, vào thông tin nào đó, rồi đưa ra quyết sách sai, phán đoán sai, hành động

sai, do vậy gây ra hậu quả bất lợi, người ta gọi như thế là "bị lừa". Khi bị lừa, nhiều người thường buồn bực, trách cứ người làm cho mình "bị lừa". Đã bị lừa rồi, bạn có chấp nhận hay không thì cũng đã bị lừa rồi. Người biết "nhẫn" thường xử sự khôn ngoan hơn, họ bình thản cho qua, giải toả tâm lý một cách hóm hỉnh, dùng những từ ngữ đùa bỡn để chữa ngượng. Trong hình thức này, cách suy nghĩ "thì chịu vậy" rất quan trọng. Nó thể hiện tâm trạng bình thản chấp nhận sự việc đã rồi. Có được suy nghĩ như thế thì dễ dàng coi những việc ấy là chuyện vặt, không đáng đếm xỉa tới, thậm chí lấy đó làm trò cười để đời sống của mình thêm phong phú. Rõ ràng, khi đã bị lừa, nếu chửi cho kẻ đi lừa một trận thì cũng chẳng giải quyết được việc gì. Đã vậy thì hà tất làm như thế?

2.4 Vất bỏ hiềm nghi, xoá bỏ hận thù, lấy cái nhỏ đổi cái lớn

Đây cũng là một hình thức "nhẫn" rất quan trọng. Đối với oán thù ta có thể miễn xá, không ghi lòng tạc dạ. Như thế sẽ được trả ơn. Người xưa có câu: "Oán cừu nên cởi không nên thắt". Mấy năm trước có một câu chuyện như sau. Ở một làng nọ, khi thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng tới hộ, hai họ trong cùng một làng tranh chấp nhau về nguồn nước tưới. Họ x là họ nhỏ, ít người, bị thiệt, lại còn bị thương, họ liền sang làng bên đề nghị những người cùng họ chi viện để báo thù cho những người bị thương. Lúc này, có một anh bộ đội phục viên dũng cảm đứng ra khuyên

bà con trong họ mình phải kìm chế, phải "nhẫn" nếu không thì biết trả thù nhau đến bao giờ. Anh phân tích nguyên nhân gây ra tranh chấp, mô tả hậu quả tai hại đối với bà con trong họ nếu không "nhẫn". Nhờ có anh khuyên can và các tổ chức trong làng đứng ra hoà giải, bà con họ x đã chịu "nhẫn", do đó đã tránh được đổ máu.

Rõ ràng, "xoá bỏ hận thù" là lấy sự hy sinh về một điều nào đó làm cái giá trả cho sự hoà giải giữa hai bên, cởi bỏ cái nút thắt hận thù giữa hai bên, biến thù thành bạn. Trong xã hội hiện đại, "oán thù" thường do điều tiết và xử lý không tốt mâu thuẫn và quan hệ giữa hai bên gây ra. Các dạng "oán thù" làm nẩy sinh các nhân tố mất ổn định xã hội. Do vậy, mặc dầu xoá bỏ hận thù phải trả giá bằng sự hy sinh nào đó, nhưng mang lại lợi ích càng lớn. Đây cũng là giá trị của cái sự "nhẫn".

2.5. Bỏ qua sai lầm cho người khác, tạo ra không khí hoà giải

Bỏ qua sai lầm của người khác có nghĩa thông cảm với người phạm sai lầm, thông cảm để họ sửa chữa sai lầm. Không nên vì ai đó phạm sai lầm mà khinh thường họ, hoặc đánh một đòn chết tươi, hoặc nhìn họ bằng con mắt khác, không nên đẩy họ vào chỗ "một lần sai chịu tội cả đời". Đó cũng là một hình thức "nhẫn".

Người ta ai chẳng một lần sai? Ai cũng có thể sẽ phạm sai lầm. Nói "bỏ qua sai lầm" là nói bỏ qua sai

lầm gây ra tổn thất đối với mình, hoặc có can hệ nhất định tới mình. Chẳng hạn, như cấp dưới của mình làm sai, người hợp tác với mình làm sai, người trong gia đình mình làm sai, ... Trong những trường hợp đó, một tiêu chuẩn được dùng để đánh giá tố chất của ta là có thái độ khoan dung đối với những sai lầm ấy hay không. "Bỏ qua" là "nhẫn" với nghĩa là kìm nén hoặc vứt bỏ sự coi thường trong lòng ta đối với đương sự. Mặc dầu trong lòng ta cảm thấy buồn, không vui, nhưng cần phải tự đặt ta vào vị trí của đương sự để suy nghĩ. Suy nghĩ xem trong trường hợp ấy nếu là ta thì ta làm thế nào, làm sai thì ta sẽ nghĩ sao. Tất nhiên, ở đây, "bỏ qua", "nhẫn" là đối với đương sự, còn đối với bản thân sự việc cụ thể thì phải nói cho rõ, cần phê bình thì phải phê bình.

Từ đó ta thấy, "bỏ qua", hình thức "nhẫn" này chủ yếu phản ánh nhân cách nhân hậu, độ lượng. Người biết "bỏ qua" thường xây dựng được quan hệ thân thiện với mọi người, có cơ sở quần chúng tốt, được nhiều người tán thưởng.

2.6 Nén chịu buồn phiền: kìm chế nóng vội

Đây cũng là một hình thức "nhẫn" thường thấy trong đời sống hàng ngày. "Nén chịu" có nghĩa là đối với sự vật, sự việc hoặc lời nói nào đó tuy ta đã chán ghét, không ưa, thậm chí làm ta lòng buồn trí rối, nhưng vẫn giữ được thái độ điềm tĩnh, kìm nén được nỗi buồn trong lòng.

Gần đây, đài phát thanh, các tổ chức phúc lợi xã hội và tổ chức tư vấn tâm lý ở nhiều thành phố đã mở mục "điện thoại nóng" chuyên giúp người ta giải toả vấn đề buồn phiền trong cuộc sống. Là người nghiên cứu khoa học xã hội, tôi rất quan tâm loại vấn đề này. Khi gọi điện thoại nhiều người nêu ra một vấn đề như sau: vừa về tới nhà, vốn đã rất mệt mỏi sau một ngày làm việc, thường bị một số việc vặt làm cho mệt thêm, hầu như cái gì cũng thấy chướng mắt. Thế là trong gia đình xảy ra mâu thuẫn, cách bức. Có người vì ngày nào cũng nghe thấy mẹ già cằn nhằn mà sinh ra buồn phiền, thế rồi bất hoà với cha mẹ,... Tóm lại "phiền" là một nguyên nhân gây ra đau buồn. Còn "nén chịu" thì là khi tâm tình khó chịu, bực bội thì "nhẫn", không cáu giận, gắt gỏng.

Thực ra thì sự "nén chịu" này đã được khoa học bàn tới, trong nhiều sách tâm lý học phân tích trong mục "nghệ thuật lắng nghe". Trong các tổ chức tư vấn tâm lý và trạm điều trị tâm lý, nhiều thầy thuốc tâm lý rất biết rằng, nhiều khi có những người bệnh tâm lý tới trạm không phải để được kê đơn mua thuốc, mà chỉ là để nhận được sự đồng tình và thông cảm; họ chỉ muốn bạn chăm chú lắng nghe quan điểm, suy nghĩ của họ. Khi ấy, bạn chẳng cần nói nhiều, mà chỉ cần gắng nghe họ nói hết, thỉnh thoảng "ừ" một tiếng có vẻ như đồng tình nhưng cũng không hẳn như thế, vậy là đủ. Khi người bệnh sổ hết những điều trong lòng và cảm thấy bạn lắng nghe họ nói, thì tâm tình họ tự nhiên nhẹ nhõm hẳn.

Cần nói rằng, mỗi người chúng ta đều có thể làm "công tác tư vấn tâm lý" như thế. Nếu ở trong cơ quan, đơn vị, trong gia đình, ở nơi bạn bè, chúng ta "nén chịu" được như thế chắc hẳn sẽ có ích lớn, và sẽ tự cảm thấy hài lòng.

2.7. Không giận lây sang người khác

Có những khi, trong trường hợp cụ thể nào đó, vì nguyên nhân nhất định, người ta có thể tạm thời "nhẫn" được. Nhưng thường cũng có khi không nén giận được, thế là tuỳ tiện phát tiết lên đầu người khác. Như thế gọi là "giận lây".

Không giận lây cũng là một hình thức "nhẫn" cần thiết.

Một trong những tiêu chuẩn quan trọng đánh giá ai đó "nhẫn" thật hay "nhẫn" giả là xem họ có thật sự không giận lây hay không. Có người bị cấp trên phê bình, về cơ quan, đơn vị nổi giận với cấp dưới; có người có khó khăn trong công việc, ấm ức, phạm sai lầm, về nhà trút giận lên đầu vợ con. Như vậy chứng tỏ thiếu tu dưỡng, vừa hại người vừa hại mình. Không giận lây có nghĩa là phải tránh để xảy ra các hiện tượng như thế. Có người cho rằng, nén giận trong lòng có hại cho sức khoẻ. Điều đó có lý. Nhưng phải trút giận đúng đối tượng, chứ không thể phát tiết bừa bãi. Xét từ góc độ tâm lý học, nguyên nhân chủ yếu trong việc giận lây là do không thể quanh co được, mà lại không thể chuyển dịch được sự chú ý nội tại của mình, giận lây để nhanh chóng chuyển

dịch sự chú ý và điểm hưng phấn khi trong lòng đang tức giận, tự giải thoát bằng con đường khác. Vả lại, điều quan trọng hơn là, khi sử dụng cái sự "giận" này vào việc có giá trị hoặc công việc có ích nào đó, thường đem lại hiệu quả tốt hơn. Chẳng hạn, trong một số tác phẩm văn học thường có cảnh như sau: nhân vật nào đó ấm ức về việc nào đó, trong lòng bực bội, về nhà, cầm rìu bổ củi thục mạng, loáng một cái bổ hết đống củi trong sân. Như thế há chẳng phải là làm một việc tốt đó sao? Có lẽ đó là trường hợp mà người ta thường nói là "thăng hoa"!

Điều dễ hiểu là, nếu không thật sự "nhẫn" được, mà lại giận lây sang người khác để phát tiết nỗi bực dọc của mình thì chi tổ khiến cho người đời khinh thường, cho rằng không có bản lĩnh, chỉ dám trút giận lên đầu người dễ bắt nạt. Còn nếu không giận lây thì sẽ được người đời kính trọng, cho rằng bạn là tay hảo hán biết điều. Và do đó còn được mọi người tin cậy.

3. Nhún nhường vì việc lớn, "nhẫn" để hưởng hương vị ngọt ngào

Trong quan hệ giữa người với người, "nhẫn" là tôn trọng không gian sinh tồn của người khác. "Nhẫn" tuy có khi rất uất ức, rất bực mình, rất tủi thân, nhưng thường có lợi cho người, cho công chúng, cho sự tồn tại của loài người, cuối cùng ta cũng được an ủi, làm nên sự nghiệp. Vì thế mà Rousseau nói: "Nhẫn nhịn là việc đau khổ, nhưng kết quả của nó thì lại

ngọt ngào". Vì sự "ngọt ngào" ấy đáng "nhẫn" lắm chứ!

3.1 Nhún nhường vi việc lớn, tự giác mở rộng không gian sinh tồn

Phàm nơi nào có nhóm người, nơi ấy có mâu thuẫn. Thế giới chật chội như vậy, ta không động vào người, người cũng va vào ta. Có người muốn yên phận trong không gian sinh tồn của riêng mình, nhưng vẫn bị quấy rầy, bị hiểu lầm. Khi này cố sức vươn lên thì hoàn toàn chính đáng. Nhưng làm như thế thường có hậu quả nghiêm trọng. Do vậy phải "nhẫn", nhún nhường vì việc lớn, tự giác mở rộng không gian tinh thần, như thế cũng là tôn trọng không gian sinh tồn của người khác. Trong đời sống hàng ngày thường xẩy ra những việc rất oan ức. Chẳng hạn, nhà nọ mất con lừa, giữa lúc họ đang đi tìm thì bạn dắt lừa của mình đi tới, buộc vào gốc cây rồi ngồi nghỉ. Khi này cứ gì người mất lừa nghi ngờ bạn, mà ngay bạn cũng cảm thấy xấu hổ. Càng giải thích càng không rõ, ngườimất lừa càng tin rằng họ nghi ngờ bạn là đúng. Thế là bụng đầy tức khí, uất nghẹn cổ, tranh cãi, chửi bới, thậm chí thượng cẳng chân hạ cẳng tay, nhưng vẫn không rõ, lừa vẫn chưatìm thấy, vác đơn đi kiện nhau, thù oán không dứt, trong cuộc "chiến tranh lâu dài" nẫu gan nẫu ruột ấy chẳng bên nào được yên. Dẫu cuối cùng có tìm thấy lừa thì đã sứt đầu mẻ trán, vỡ mặt vỡ mày, tình thân chẳng còn. Sự tranh cãi do hiểu lầm gây ra ấy khiến người ta hết sức buồn phiền,

bực bội, vừa đau đầu vừa mất tình thân, thậm chí có khi còn mất mạng. Nhưng các nhà hiền triết cổ đại Trung Quốc đã có tuyệt chiêu giải toả tình trạng ấy, đó là "nhẫn".

Trần Trọng là một nghĩa sĩ nổi tiếng thời hậu Hán, hết sức độ lượng, dám tự hy sinh. Có một lần, một người ở chung với Trần Trọng cầm nhầm quần của người hàng xóm mang về quê. Chủ chiếc quần ấy nghi Trần Trọng lấy. Trần Trọng không thanh minh một lời, mua chiếc quần khác biếu ông ta. Nghe nói, trong đời mình, Trần Trọng làm nhiều việc tương tự như vậy. Ông có một đồng sự mắc nợ như chúa Chổm. Một hôm chủ nợ tới đòi, Trần Trọng lẳng lặng giúp đồng sự trả hết nợ, sau đó cũng không nói nửa lời về việc này. Trả hộ người khác một cái quần chẳng phải là việc lớn. Nhưng vấn đề là ở chỗ: rành rành mình không lấy, nhưng người ta nghi mình lấy, đây là vấn đề mất thể diện và nhân cách, thế mà Trần Trọng chẳng những không thanh minh, bị mang tiếng là thằng ăn cắp, lại còn bỏ tiền ra mua quần đền cho đối phương. Thế thì có ức không chứ? Thực ra ông làm như vậy chỉ là tạm thời hy sinh danh dự, tốn ít tiền để người hàng xóm khỏi oán giận, để được yên ổn và tin cậy, còn sự hiểu lầm sẽ có ngày được giải toả.

Thời hậu Hán, ở huyện Tiều có một người tên là Tào Tiết ăn ở độ lượng nhân hậu. Một lần, nhà hàng xóm bị lạc một con lợn. Lợn của nhà Tào Tiết rất giống con lợn ấy. Nhà hàng xóm sang dò hỏi, Tào Tiết

chẳng thèm phân bua, cho ông ta bắt về. Vài hôm sau, con lợn của nhà hàng xóm bỗng mò về. Nhà hàng xóm ngượng quá, chủ động mang lợn trả cho Tào Tiết và tỏ lời xin lỗi. Tào Tiết cười, nhận lợn, cũng vẫn chẳng nói một lời.

Cũng như Trần Trọng, Tào Tiết, Thái phó Trác Mậu thời Hán Vũ đế cũng là người độ lượng nhân hậu, ăn ở rất chan hoà với mọi người trong làng. Một hôm ông cưỡi ngựa đi ra ngoài, có một người bảo con ngựa Trác Mậu đang cưỡi là ngựa của họ. Trác Mậu biết chắc chắn là người này nhận nhầm, nhưng ông chẳng tranh cãi, chỉ cười hì hì rồi trao ngựa cho người ấy. Ít lâu sau, người ấy tìm thấy ngựa của mình, thế rồi ông ta trả ngựa cho Trác Mậu và tỏ ý xin lỗi. Trác Mậu lại cười hì hì, nhận ngựa, cũng chẳng nói gì.

Ba vị tiền bối nói trên đều là người có tiếng có vai vế bấy giờ, họ không hề trộm cắp, nhưng lại bị vu là "quân tử móc túi", bị làm nhục. Tục ngữ có câu "có tật giật mình". Không ăn trộm thì đàng hoàng mới phải chứ! Người không tôn trọng ta, vu oan giá hoạ cho ta, thì ta cũng có quyền không tôn trọng họ, làm cho ra nhẽ, tối thiểu cũng có thể giải thích mấy câu chứ? Cớ sao lại cứ "nhẫn" làm vậy? Kỳ thực họ làm như vậy là thông minh. "Nhẫn" sự uất ức nhất thời để giữ không khí yên tĩnh, ôn hoà thì chẳng mất gì, mà còn khiến cho tâm hồn có được không gian thoáng đạt hơn.

3.2. Tuy thế giới chật chội, nhưng lòng người thoáng rộng

Thế giới này rộng là thế, nhưng mỗi người chỉ được một khoảng trời bé tí. Song, cũng có khi thế giới rộng, mỗi người có thể được cả vũ trụ. Sở dĩ như vậy là do người ta có tâm trạng khác nhau khi nhìn nhận thế giới. Nếu trong lòng đầy ắp những lo buồn, dục vọng cá nhân, tính khí tẹp nhẹp thì dẫu có cả vũ trụ cũng vẫn cảm thấy không gian nhỏ hẹp, chật chội. Ngược lại thì có cảm giác khác. Bởi vậy, tuy không gian cư trú là điều rất quan trọng, nhưng sợ là sợ cái việc "hẹp lòng". Nhẫn nhịn, khoan dung nhưng lại bị lấy oán trả ơn, bản thân mình lại bị rơi vào cảnh tai bay vạ gió, "nhẫn" trong trường hợp như thế thì phải có không gian tâm lý vô tư thoáng đạt mới "nhẫn" được. Đầu đời nhà Tống, có một danh sĩ là Cao Phòng, cha là Cao Tùng Khánh bỏ xác nơi xa trường, khi ông 16 tuổi thì được Ngự sử Trương Tùng Ân đem về nuôi dậy, về sau làm phán quan trong quân đội. Một lần, viên quân hiệu tên là Đoàn Hồng Tiến ăn cắp gỗ của công, bị bắt. Trương Tùng Ân nổi giận, ra lệnh xử tử để răn đe kẻ khác. Để cứu mạng cho mình, Đoàn Hồng Tiến bịa ra rằng Cao Phòng cho y lấy gỗ về nhà. Trương Tùng Ân cho gọi Cao Phòng tới hỏi xem có đúng như thế không. Để cứu một mạng người, Cao Phòng nhận có việc như thế. Kết quả là Đoàn Hồng Tiến không bị giết, nhưng từ đó Trương Tùng Ân không tin dùng Cao Phòng nữa, đuổi Cao Phòng về quê. Cao Phòng không nói nửa lời, tới chào ân nhân rồi ra về. Tới cuối năm, chân tay thân tín của Trương

Tùng Ân điều tra rõ sự thật. Lúc này Trương Tùng Ân mới biết, để cứu mạng cho Đoàn Hồng Tiến, Cao Phòng đã nhận tội thay y. Từ đó Trương Tùng Ân càng tin Cao Phòng. Cao Phòng làm như thế là "đại nhẫn". Một là nhẫn chịu tội, hy sinh thanh danh của mình, nếu không Đoàn Hồng Tiến sẽ chết. Hai là nhẫn nhịn oan sai không cãi, hy sinh cơ hội biện minh cho mình, ông biết nếu biện minh cho mình thì Đoàn sẽ chết. Ba là nhẫn nhịn không khiếu nại, hy sinh chức vụ của mình và sự tín nhiệm của Trương Tùng Ân đối với mình, chịu đuổi về quê. Nếu ông khiếu nại thì Đoàn Hồng Tiến sẽ chết. Do đó ông quyết "nhẫn" đến cùng. Vì thế đã làm cho Trương Tùng Ân cảm động. Nếu Đoàn Hồng Tiến còn chút lương tri thì cũng trả ơn, rửa tội để làm người. Trong sự kiện này, Cao Phòng chẳng những tôn trọng cấp trên và ân nhân của ông, mà còn cho người phạm sai lầm cơ hội và không gian tồn tại, hy sinh mọi cái mình đã có. Nhưng khi mây tan trời quang, Cao Phòng chẳng những không mất không gian sinh tồn của mình, mà còn được tôn trọng hơn. "Nhẫn" như vậy đau đớn vô cùng, nhưng cũng ngọt ngào vô tận.

3.3. "Có đi có lại mới toại lòng nhau"

Về mặt xử lý quan hệ không gian sinh tồn, "nhẫn" và "nhượng" phối hợp với nhau bổ sung cho nhau. Chỉ "nhẫn" thì có thể là có thiện ý với người, tôn trọng người, nhưng cũng có thể chỉ nhằm làm giảm phiền phức cho mình, khôn ngoan giữ mình. Vừa "nhẫn"

vừa "nhượng" thì chứng tỏ có trình độ tu dưỡng cao, thể hiện nét đẹp đạo đức. Trong đời sống hàng ngày, nhiều người "nhẫn" được cả việc lớn việc nhỏ, không sinh sự, luôn luôn giữ chắc khoảng trời nhỏ hẹp của mình, giữ cho mình trong sạch. "Nhẫn" như thế cũng là tôn trọng không gian sinh tồn của người khác. Nhưng nếu nhìn thấu vào nơi sâu thẳm trong lòng họ thì đó là cách lánh đời tiêu cực, thu mình lại, thế giới nội tâm của họ không cân bằng. Nhưng cũng có những người vừa "nhẫn" vừa "nhượng", họ vô tư, "nhẫn" được thì "nhẫn", đáng "nhượng" thì "nhượng", xử thế một cách tích cực, độ lượng, là kẻ mạnh thực sự.

Thời Xuân Thu, ở nước Lỗ có một người tên Mẫn Tồn, là học trò của Khổng Tử, lúc nhỏ bị mẹ kế ngược đãi. Mùa đông, trong khi người mẹ kế cho hai đứa con đẻ của bà ta mặc áo bông vải thì Mẫn Tồn chỉ có áo bông lau. Một hôm, Mẫn Tồn cùng hai đứa em cùng cha khác mẹ đi kéo xe. Trong khi hai đứa em ấm nóng toát cả mồ hôi thì Mẫn Tồn rét run cầm cập, mặt tái ngắt. Bố ông tưởng ông lười, lấy roi đánh ông, roi đánh rách áo, bông lau bay tứ tung, lúc này bố ông mới vỡ lẽ, tức giận vô cùng, định lập tức về nhà giết vợ. Mẫn Tồn vội quỳ xuống van: "Mẹ còn sống thì chỉ mình con bị rét, nếu không có mẹ thì cả ba anh em con đều mồ côi mẹ!" Nghe ông van xin thảm thiết, thấu tình đạt lý, bố ông bỏ ý định giết vợ. Được nghe kể lại lời van xin của Mẫn Tồn, bà mẹ kế tự lấy làm hổ thẹn và xúc động. Từ đó bà ta sửa

sai, đối xử với Mẫn Tồn như con đẻ. Trong xã hội hiện đại, chuyện vợ kế ngược đãi con chồng nhiều vô kể, ít có trường hợp giải quyết được bằng tình cảm, có thể kiện lên tòa án giải quyết. Mẫn Tồn bị mẹ kế ngược đãi, khi có dịp báo thù rửa hận thì ông lại lo cho tiền đồ của mẹ kế và của hai đứa em, quỳ xuống xin tha cho mẹ kế. Ông làm như thế vừa giữ được tình anh em, vừa có tác dụng giáo dục cha, vừa làm cho mẹ kế ân hận. Dưới gầm trời này, trừ những kẻ mất hết lương tâm, còn thì ai chẳng xúc động?

Nếu nói rằng, vì quan hệ máu mủ, dù sao thì vẫn là cây cùng một gốc, cho nên Mẫn Tồn dễ nhẫn, nhượng. Vậy thì, là người hàng xóm, không có giây mơ rễ má gì với nhau mà nén giận, nhường nhịn lẫn nhau thì càng quý. Thời xưa có một người tên là Trần Khí, là hàng xóm láng giềng với một người tên là Kỷ Bá. Một đêm tối, Kỷ Bá lén nhổ hàng rào của nhà Trần Khí cắm lui vào một tí. Sau khi phát hiện, Trần Khí nghĩ: y muốn bành trướng địa bàn, được, ta sẽ tôn trọng ý nguyện của y, thỏa mãn nhu cầu của y. Hôm sau, chờ lúc Kỷ Bá có nhà, Trần Khí tự lui hàng rào vào một trượng, nhượng cho Kỷ Bá một khoảng rộng hơn nữa. Sau khi phát hiện đất của nhà mình rộng hơn rất nhiều, Kỷ Bá biết chắc là do Trần Khí nhượng cho, cảm thấy xấu hổ, chẳng những trả lại số đất đã xâm chiếm, mà còn chủ động lui lại một trượng. Sau khi biết việc này, Chu thái thú khen hành động của Trần Khí và sự nhường nhịn lẫn nhau

này, ông ra sức tuyên truyền, còn cho dựng bảng biểu dương, và đổi tên làng này thành "Nghĩa lý". Ta thấy, nhẫn, nhượng thường mang lại hiệu quả là nhường nhịn lẫn nhau. Nhường nhịn lẫn nhau là tôn trọng nhau. Tôn trọng nhau là điều kiện tâm lý giữ cho làng xóm, phố xá yên vui, là nét đẹp về văn minh tinh thần. Nếu phát hiện Kỷ Bá lấn rào chiếm đất mà Trần Khí không nhẫn, không nhượng thì sẽ ra sao?

3.4. Hãy vì toàn cục, tránh gây tư thù

Ở quận Dĩnh Xuyên do Lưu Tú cai quản, Thái thú Khấu Tuân là người biết lo cho toàn cục và rất thông minh.

Một lần, quan Chấp kim ngô là Hạ Phục từ kinh thành Lạc Dương tới quận Nhữ, một viên quan nhỏ dưới quyền ông phạm tội giết người, Thái thú Khấu Tuân cử người bắt viên quan này, chém đầu bêu phố. Đang ở quận Nhữ Nam, biết tin này, Hạ Phục cho rằng Khấu Tuân làm như thế là cố ý bôi nhọ ông ta, tức khí, chửi: "Thật là vô lý, đánh chó phải ngó chủ chứ, cái tên Khấu Tuân nhãi nhép này, ta quyết không tha mày!" Không lâu sau, Hạ Phục từ Nhữ Nam quay về Lạc Dương. Khi sắp tới quận Dĩnh Xuyên, ông ta nói với bọn tay chân: "Gặp Khấu Tuân, nhất định ta sẽ đích thân giết y!"

Biết rằng Hạ Phục sẽ không buông tha, Khấu Tuân quyết định tránh mặt, không gặp Hạ Phục. Một

võ quan dưới quyền nói với ông: "Ngài sợ Hạ Phục sao? Tôi đeo kiếm theo sát bên ngài. Ông ta giở trò thì tôi không nể mặt đâu!" Khấu Tuân ôn tồn nói: "Ngươi có biết câu chuyện Liêm Pha và Lận Tương Như không? Lận Tương Như anh dũng nhiều mưu, ngay Tần vương còn phải sợ, thế mà khi Liêm Pha gây khó dễ, ông ta lại nhường nhịn. Tại sao vậy? Vì ông ta lo cho đất nước! Ông ta làm được như thế, lẽ nào Khấu Tuân ta không làm được?"

Tuy nhiên, Hạ Phục là một vị quan to từ kinh đô tới, ông ta đi qua quận Dĩnh Xuyên, Thái thú không thể tránh mặt mãi được. Khấu Tuân nghĩ đi nghĩ lại rồi căn dặn cấp dưới chuẩn bị cơm rượu thịnh soạn, chờ khi Hạ Phục và những người tùy tùng của ông ta tới thì biếu mỗi người hai suất. Hạ Phục cùng đoàn tùy tùng tới ranh giới địa phận quận Dĩnh Xuyên, theo sự sắp xếp của Khấu Tuân, các quan viên trong quận nhiệt tình đón tiếp, chiêu đãi cơm ngon rượu ngọt, mời lấy mời để. Khi họ đã no say thì Khấu Tuân bỗng tới, bày tỏ hoan nghênh sau đó cáo ốm, vội vàng chuồn thẳng. Hạ Phục vội sai người đuổi theo, nhưng bọn tay chân còn đang no căng bụng, say túy lúy, nhấc không nổi chân, chỉ biết nhìn theo Khấu Tuân nhẹ bước đi khỏi.

Khấu Tuân là người không tính toán ân oán cá nhân, lấy lợi ích của đất nước làm trọng, tỉnh táo đối xử với những người thù hằn mình, không tranh thiệt

hơn với người, khôn khéo nhường nhịn, chứ không phải ông nhu nhược, bất tài, đó chính là chỗ hơn người của người trung trực. Khấu Tuân nhẫn nhịn không tranh phần hơn, gây oán thù, là do ông có tấm lòng rộng mở, lo cho đất nước. Nếu ông không "nhẫn", ăn miếng trả miếng với Hạ Phục thì thù càng sâu, oán càng lớn, chẳng có ích gì. Lùi một bước, lợi mình lợi nước, thật là tấm lòng cao cả.

Trong đời sống hàng ngày có rất nhiều việc đáng "nhẫn" phải "nhẫn", đáng "nhường" nên "nhường". Như, trên ô tô công cộng thì phải nén lòng chịu đựng đường xóc xe lắc, chủ động nhường chỗ cho người già, phụ nữ ẵm trẻ nhỏ. Như thế là tôn trọng người già và phụ nữ. Ở phương Tây người ta nói "tôn trọng phụ nữ là tôn trọng các bà mẹ", cho nên, ở nơi công cộng "nữ sĩ được ưu tiên", sự tôn trọng phụ nữ như thế biểu hiện phong độ tao nhã của đấng mày râu. Ai làm như thế sẽ được những người xung quanh báo đáp bằng nụ cười kính phục; khi tiếp chuyện cấp dưới, người lãnh đạo kiên nhẫn nghe họ nói hết, như thế là cấp trên tôn trọng cấp dưới. "Nhẫn", "nhượng", tôn trọng người khác, có rất nhiều ích lợi. Trong ấm ngoài êm, người người yên vui, có đi có lại mới toại lòng nhau. Người ta ai cũng có lòng tự trọng, người nể ta một, ta nể người mười, ta bất nhân thì chớ trách người bất nghĩa. Vì thế mà nói "nhẫn" là tôn trọng không gian sinh tồn của người khác, tức là tôn trọng

nhân cách của người khác. "Nhẫn" như thế là điều đau đớn, nhưng kết quả của nó lại ngọt ngào.

4. Có ý thức tự giác kìm chế, "nhẫn" để tự hoàn thiện bản thân mình

Lập thân thì phải tu dưỡng đạo đức tốt đẹp; xử sự thì phải có ý thức tự giác kìm chế. "Tự kìm chế hoặc nín nhịn là sự hoàn thiện năng lực một cách có ý thức tự giác".

Xưa nay, truyền thống văn hóa Trung Quốc luôn luôn chú trọng việc tự tu dưỡng đạo đức. Sách "Mạnh Tử" chép: "Quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân", nghĩa là, cơ sở của quốc gia là gia đình, cơ sở của gia đình là các cá nhân. Sách "Lễ ký" chép: "Muốn tề gia thì trước hết phải tu thân". Các nhà sư nói: "Mỗi ngày phải tu thân ba lần". Sách "Dương Tử" chép: "Phải tu thân thì mới giao tiếp tốt được, phải vạch mưu kế trước thì mới hành động được". Có rất nhiều danh ngôn cổ ngữ nói về việc tu thân. Những danh ngôn cổ ngữ này đều chỉ ra vai trò quan trọng của việc tu thân đối với đất nước, gia đình, đối với người và đối với bản thân mình. Trong đó không tránh khỏi những cặn bã tư tưởng phong kiến và lễ giáo cũ bóp chết nhân tính, cá tính độc lập, nhưng tư tưởng chú trọng sự tu dưỡng cá nhân để làm nên nghiệp lớn vẫn có ý nghĩa tích cực. Vậy tu thân như thế nào? Văn hóa truyền thống đặc biệt nhấn mạnh "sự tự kiểm tra, sự tỉnh ngộ". Tinh thần của "sự tự kiểm tra, tự tỉnh ngộ" này thực tế là "nhẫn". Suy cho cùng, bộ "Nhẫn kinh",

"Khuyên nhẫn bách châm" cũng xoay quanh chủ đề: nhẫn, tu thân rèn tính. Một đời người phải thực hiện được "bách nhẫn" mới luyện thành cái tính biết "nhẫn". Đây quả là việc gian khổ. Nhưng vì có rất nhiều việc buộc ta phải "nhẫn", "nhẫn" thì mới có lợi, mới thành công; "nhẫn" thì yên thân lập nghiệp, ngày càng tiến bộ, ngày càng hoàn thiện.

Một người có thực hiện được "bách nhẫn" hay không, như: nhẫn ngôn, tức là nhịn nhời; nhẫn khí, tức là nén giận; nhẫn sắc, tức là nhẫn nhịn không háo sắc; nhẫn tửu, tức là nhịn rượu; nhẫn thực, tức là không tham ăn tục uống; nhẫn lạc, tức là không vui chơi quá độ; nhẫn quyền, tức là không hám quyền; nhẫn thế, tức là không ỷ thế;, nhẫn bần, tức là nén chịu cảnh nghèo; nhẫn nhục,... tùy thuộc vào việc anh ta có ý thức tự giác "nhẫn" hay không, có coi "nhẫn" là để hoàn thiện năng lực một cách có ý thức hay không. Tuân Tử nói: "Hành nhẫn tình tính, nhiên hậu năng tu", điều đó có nghĩa là muốn có đức thì phải kìm nén tính khí xốc nổi, điềm tĩnh xử thế. Có người hơi một tí là nổi nóng, tính tình xốc nổi, làm việc gì cũng hấp tấp, sai sót liên tục. Có người tính tình điềm đạm, không nóng vội, xử sự chắc chắn, thận trọng, việc gì cũng chú ý từng chi tiết, thậm chí không có kẽ hở nào có thể lợi dụng. Nói ngắn gọn, loại người này có ý thức nghiêm túc, tự kìm chế.

Tự hoàn thiện một cách có ý thức có nghĩa là khi có rắc rối hoặc khó khăn lúng túng trong việc lựa

chọn vấn đề đạo đức thì có thể tự điều tiết tâm lý, điềm tĩnh xử lý, nhanh chóng phán đoán, lựa chọn chính xác, dùng hành động thực tế để chứng tỏ ý chí mãnh liệt, sức kìm chế kiên cường, năng lực phán đoán sáng suốt, thế hơn người của mình. Muốn thực hiện sự tự hoàn thiện một cách có ý thức thì điều quan trọng nhất là phải "nhẫn". "Nhẫn" đối với rượu chè, trai gái, cờ bạc là sự ràng buộc tối thiểu về mặt đạo đức. Tiếp đó, ở tầm độ cao hơn, chủ yếu là trong quan hệ xã hội, phải phát huy năng lực tự kìm chế, chí công vô tư, không đua tranh với đời, ăn ở, cư xử tốt với mọi người, không tự hổ với lòng mình.

4.1. Khách quan, thỏa đáng, hạ mình vì việc chung

Nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, công bằng, đặc biệt là khi đánh giá đồng sự, đồng liêu, đồng nghiệp, là việc không khó. Khó là khi xen lẫn tình riêng, tư thù. Trong trường hợp này, công bằng không phải là chuyện dễ. Muốn tự hoàn thiện đạo đức một cách có ý thức thì phải "nhẫn" được tình riêng, ân oán, làm việc một cách công tâm, đánh giá một cách khách quan, tốt thì bảo tốt, xấu thì bảo xấu, lòng dạ ngay thẳng, không lồng ý riêng. Théo sách "Lã Thị Xuân Thu", thời Xuân Thu, vua nước Tấn là Tán Bình Công hỏi Đại phu Kỳ Hoàng Dương:

- Nam Dương chưa có quan địa phương, khanh xem ai có thể đảm nhận được chức vụ này?

- Muôn tâu Hoàng thượng, Giải Cô có thể đảm nhận được ạ - Kỳ Hoàng Dương tâu.

Tấn Bình Công ngạc nhiên hỏi:

- Chẳng phải Giải Cô là kẻ thù của khanh sao?

Kỳ Hoàng Dương bình tĩnh tâu:

- Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ hỏi ai có thể đảm đương chức quan địa phương ở Nam Dương chứ không hỏi ai là kẻ thù của thần ạ.

- Giỏi! - Tấn Bình Công khen.

Giải Cô được cử làm tri huyện Nam Dương. Khi ông tới Nam Dương nhậm chức, ông được nhân dân nơi này hoan nghênh nhiệt liệt.

Một lần khác, Tấn Bình Công hỏi Kỳ Hoàng Dương:

- Triều đình chưa có quan trông coi việc quân, theo khanh thì ai xứng chức này?

- Muôn tâu Hoàng thượng, Kỳ Ngọ xứng với chức này!

- Kỳ Ngọ chẳng phải là con của khanh sao?

- Muôn tâu bệ hạ, bệ hạ hỏi ai xứng với chức này chứ không hỏi ai là con của thần ạ!

Nghe thấy có lý, Tấn Bình Công cử Kỳ Ngọ trông coi việc quân trong triều. Sau khi nhậm chức, Kỳ Ngọ nhanh chóng được mọi người khen ngợi. Biết sự kiện này, Khổng Tử khen: "Kỳ Hoàng Dương là người tốt, đề cử người làm quan, nếu xứng chức thì không ngại người ấy là kẻ thù, là người thân của mình, ông chỉ một lòng vì việc chung".

"Hai không" của Kỳ Hoàng Dương - giới thiệu người làm quan không tránh người thù ghét mình, không tránh người thân, chứng tỏ ông là người công bằng. Chưa nói việc ông không lợi dụng việc công để báo thù riêng, chỉ riêng việc ông không nói xấu, gièm pha Giải Cô đã chứng tỏ ông rất độ lượng. Đằng này ông lại còn đề cử "kẻ thù" làm quan, thăng chức. Chứng tỏ ông có khả năng "nhẫn" rất lớn, hết sức độ lượng. Việc ông đề cử con làm quan cũng chứng tỏ ông có dũng khí, lòng dạ ngay thẳng, vì nước vì dân, chứ không vì cá nhân, không sợ người đời kiếm chuyện chê bai, đó là tinh thần thừa nhận thực tế khách quan, thực sự cầu thị. Xét theo ý nghĩa nào đó, "nhẫn" như thế càng đòi hỏi phải có tấm lòng chân thực luôn luôn vì việc chung.

4.2. "Bị nhổ nước bọt vào mặt, cứ để nó tự khô", lấy đức báo oán

Cái quý nhất của đời người là mạng sống. Nhưng đối với những người có nhân cách cao quý thì sự cao quý về nhân cách và thể diện còn quý hơn mạng sống, vì thế mới có câu danh ngôn: "Kẻ sĩ có thể chịu chết chứ không chịu nhục". Điều đó có nghĩa là, khi thể diện bị tổn thương, nhân cách vô cớ bị xỉ nhục thì họ thà thí mạng để bảo vệ sự cao quý, lấy lại thể diện, "chết vinh còn hơn sống nhục". Những tráng sĩ có khí tiết dân tộc và khí khái anh hùng quả là những người đáng khâm phục. Tất nhiên, vấn đề còn có mặt khác nữa. Đó là, những người nhẫn nhục, chịu oan cá nhân

để thực hiện mục đích rộng lớn hơn, cũng được mọi người tôn kính. Đó là nhịn nhục để lo việc lớn, "khắc kỷ phục lễ". Thời xưa Trung Quốc có một giai thoại "bị nhổ nước bọt vào mặt, cứ để nó tự khô", nói lên rằng những người có đức "lấy đức báo oán", nín nhịn để hòa giải là những người được lòng người. Thời Võ Tắc Thiên nắm quyền triều chính, có một tể tướng tên là Lâu Sư Đức, là võ tướng lập nhiều chiến công. Ông không những có chiến công hiển hách, mà còn có tấm lòng và phong độ của bậc đại tướng, bị xúc phạm mà không nổi giận, bị hiểu lầm mà không oán, thậm chí còn dạy em trai "bị nhổ nước bọt vào mặt, cứ để nó tự khô", bởi vậy cái mà ông truyền lại cho hậu thế không phải là những câu chuyện về các chiến công, mà là cái đức "nhẫn" của ông. Lâu Sư Đức người to béo, một lần khi cùng cấp dưới ra ngoài, ông đi quá chậm, cấp dưới nóng ruột, vô lễ, nói: "Rõ khổ, bị lão nhà quê níu chân rồi". Nghe vậy, ông chẳng những không nổi nóng, lại còn chữa thẹn: "Phải rồi, không phải ta là lão nhà quê thì còn ai vào đây nữa?" Nếu lúc này ông quắc mắt chửi thì cấp dưới cũng phải cúi đầu mà nghe, bởi vì y "phạm thượng" bằng lời xỉ nhục, vì hành vi đó là hành vi vô đạo, đại nghịch. Thế mà ông chẳng những không nổi giận lại còn tự giác lấy làm tiếc vì đã níu chân người khác. Đây là câu chuyện về Lâu Sư Đức không những có thể "nhẫn" trong việc nhỏ, mà còn không oán giận trong việc lớn. Lâu Sư Đức ngầm tâu với Võ Tắc Thiên cử Địch Nhân Kiệt làm Tể tướng và sau đó Địch Nhân Kiệt được cử làm

Tể tướng. Lâu Sư Đức không hề khoe điều đó, Địch Nhân Kiệt cũng giữ kín như bưng. Khi vì bị vu cáo mà bị tống vào đại ngục, Địch Nhân Kiệt nghi Lâu Sư Đức ngầm hại mình, đem hận trong lòng. Sau này Võ Tắc Thiên nói với Địch Nhân Kiệt rằng, đối với ông, Lâu Sư Đức ơn cao như núi, lòng độ lượng như biển cả. Tục ngữ có câu "làm phúc phải tội". Lâu Sư Đức không nghĩ thế, ông không tức, không giận, không thanh minh, khoan dung, nhẫn nhịn cho tới khi sự thật được làm sáng tỏ. Bằng sự nhẫn nhịn của mình, Lâu Sư Đức đã dạy Địch Nhân Kiệt một bài học, được mọi người kính trọng.

Lâu Sư Đức chẳng những thực hiện: "nhẫn" được thì "nhẫn", ông còn tự giác "nhẫn" tới cùng, trọn tình vẹn nghĩa. Trước khi em ông đi nhậm chức Thích sử ở châu Đại, ông hỏi:

- Tôi làm tới chức Tể tướng, nay chú thống lĩnh một châu, chúng ta được ái đãi và vinh dự lớn quá, khó tránh khỏi có kẻ ghen tức. Nếu có kẻ ghen tức thì chú làm thế nào?

- Nếu họ nhổ vào mặt tôi, tôi chẳng tức, chẳng bực, lau đi là xong!

- Chú chớ có lau, để nó tự khô!

Nghe vậy em ông vô cùng xúc động. Bị nhổ nước bọt vào mặt mà không nổi nóng, như thế đã là nhẫn nhịn lắm rồi, đằng này ngay cả nước bọt trên mặt cũng không thèm lau, thử hỏi sức nhẫn nhịn, kìm chế lên tới mức nào? Tục ngữ nói: chó đè đầu cưỡi cổ

người. Đằng này, người ta trèo lên cổ mình mà đái, ỉa ra đó, thế mà không chống lại. "Nhẫn" như thế phải nói là "tu tới số" rồi đó.

4.3. Nuốt giận, già giặn, chín chắn

Bình tĩnh, tỉnh táo, già giặn, chín chắn cũng là hoàn thiện năng lực một cách có ý thức. Người đời nói "ăn chưa no, lo chưa tới" là nói những người trẻ người non dạ, không bình tĩnh, không tự kìm chế, nghe tin đồn đã tưởng là thật, hơi một tí là lồng lộn lên, thậm chí việc bằng cái móng tay mà cũng thí mạng. Người ta còn nói "trăm cái khôn dồn một cái dại", là nói những người lịch duyệt, chín chắn, không xốc nổi, nhưng đôi lúc cũng dễ bị kích động, không nín nhịn được, không nén giận được, một phút lỡ mồm, lỡ tay, làm việc thất thố, hối không kịp. Những người có ý thức tu dưỡng thường không xử sự theo cảm tính, luôn luôn tình táo, bình tĩnh, gặp việc lớn không hoảng, gặp việc nhỏ không hấp tấp, già giặn, chín chắn, xử sự có tình, có lý, có mực thước.

Ngày xưa có một người tên là Hàn Kỳ, từng sát cánh làm việc cùng Phạm Trọng Yêm, thời Bắc Tống, có một thời gian dài làm Tể tướng, khi ở chiến trường ông không thỏa hiệp lùi bước, khi chống quân Tây Hạ, uy danh của ông đã được khái quát thành câu thơ "Quân ta có tướng họ Hàn, địch nghe thấy tiếng ruột gan chẳng còn". Nhưng khi đối nhân xử thế ông lại biết nuốt giận, già giặn, chính chắn! Một lần, ông cùng với các đồng liêu Vương Củng Thời, Diệp Định

Cơ chấm thi ở phủ Khai Phong. Hai ông Vương, Diệp thường tranh luận với nhau đỏ mặt tía tai về bài thi của thí sinh. Hàn Kỳ vốn tính điềm tĩnh, không nóng nẩy, chỉ nghe chứ không nói, làm như không nghe thấy gì, chăm chú chấm bài. Nào ngờ người không tìm việc thì việc tìm người. Vương Củng Thời bực Hàn Kỳ không nói giúp ông ta, chạy lại quát vào mặt Hàn Kỳ: "Có phải ông đang ngồi luyện phong độ không?" Đối với lời khích bác này, Hàn Kỳ chẳng những không tức giận, mà còn vội vàng ôn tồn nói: "Thật đáng tiếc, tôi không nghe thấy các ngài tranh luận điều gì". Cùng trong một phòng, Hàn Kỳ không thể không nghe thấy hai người kia lớn tiếng tranh cãi nhau. Vào địa vị bạn, khi hai người đang hăng tiết như hai con gà chọi, bạn sẽ bênh ai? Bênh ai cũng chẳng thích thú gì. Thì đấy, Hàn Kỳ chưa hé răng mà Vương Củng Thời đã giận dữ trợn mắt với ông như thế rồi. Điều không ngờ là Hàn Kỳ lại tỏ ý xin lỗi người gây sự. Như vậy thì còn biết nói gì nữa. Hàn Kỳ cao tay quá, hai ông Vương, Diệp chỉ còn biết im tịt mà thôi. Sau đó, Hàn Kỳ kiên nhẫn hòa giải được giữa hai ông Vương, Diệp với nhau.

Khi Hàn Kỳ thống lĩnh quân đội ở Định Võ, ban đêm, có một người lính hầu soi nến cho ông bò ra bàn làm việc. Chẳng may, có một lần viên lính hầu sơ ý để nến cháy tóc của ông. Ông không nói gì, chỉ vội lấy tay áo chùi tóc, rồi lại cắm đầu viết. Một lát sau, khi ngẩng đầu lên thì Hàn Kỳ thấy người soi nến là một lính hầu khác. Ông e viên chỉ huy đội lính hầu

đánh người lính nọ, vội cho gọi viên chỉ huy tới, nói: "Không cần thay anh ta, vì anh ta đã biết cách cầm nến rồi". Sau khi biết chuyện này, quân lính trong quân đội ai cũng cảm động, khâm phục. Về lý mà nói, viên lính hầu soi nến, không tập trung chú ý, làm cháy tóc của người thống soái, dù bị mất chức hay bị Hàn Kỳ quở trách thì cũng đáng. Nhưng Hàn Kỳ nín đau, không nói một lời, hơn nữa, khi e viên lính hầu bị phạt roi, ông còn gỡ tội cho viên lính này. Sự nhẫn nhịn này của ông, so với hình thức phê bình, quở phạt, có tác dụng tốt hơn trong việc thúc đẩy người lính hầu sửa chữa khuyết điểm, hết lòng vì nhiệm vụ. Hơn nữa, đội quân do Hàn Kỳ chỉ huy là đội quân lớn, tuy việc nhỏ nhưng ảnh hưởng lớn, trên dưới đều biết, ai chẳng nguyện quên mình vì một vị thống soái như thế!

Khi Hàn Kỳ trấn thủ phủ Đại Danh, có người mang tặng ông hai chiếc cốc bằng ngọc, chưa hề có vết xước, rất quý hiếm. Hàn Kỳ rất thích, nhận cốc, tặng người biếu cốc rất nhiều bạc. Mỗi khi mở tiệc đãi khách, ông cho kê một chiếc bàn, phủ gấm lên trên mặt bàn rồi bày hai chiếc cốc ngọc lên đó để sử dụng. Một lần, khi đi chuốc rượu, một viên quan lại sơ ý vấp phải bàn, cốc ngọc rơi xuống đất vỡ tan tành. Ai nấy lặng người, viên quan làm vỡ cốc sợ hết hồn, vội bò rạp xuống đất xin chịu tội. Nhưng Hàn Kỳ không hề thay đổi sắc mặt, tươi cười nói với khách: "Nói chung, đã là báu vật thì đều có khi lành khi vỡ, có cái thời của nó, khi cần thì nó được làm ra, khi đã

đến ngày hỏng thì chẳng ai giữ cho nó lành được". Dứt lời, ông quay sang viên quan lại đang bò rạp dưới đất, nói: "Ngươi lỡ tay lỡ chân chứ không cố ý, làm gì có tội!" Những lời nói của ông thật là tuyệt diệu. Cốc đã vỡ, không còn cách nào làm cho nó lành như cũ được nữa. Đánh đập, chửi mắng người làm vỡ thì thêm một kẻ thù, khách cũng sẽ rất khó xử, buổi gặp mặt đang đông vui bỗng bị tan, hình ảnh của mình cũng bị tổn thương. Nhưng Hàn Kỳ không làm như thế. Những lời nói ấm áp tình người kia của ông lập tức được mọi người thán phục. Như vậy là biết xử sự.

Khi bàn về Hàn Kỳ, Ngô Lượng đời nhà Nguyên nói: "Hàn Kỳ độ lượng hơn người, thuần phác, tử tế, không chấp vặt; công lao chẳng ai bằng, chức vị chỉ dưới có vua, nhưng không bao giờ ông dương dương đắc ý; trách nhiệm của ông nặng nề, thường xuyên phải đối phó với cái họa khôn lường nơi quan trường, ông không hề âu sầu rầu rĩ. Bất kỳ trong trường hợp nào ông cũng điềm tĩnh xử lý mọi việc, không bị bất kỳ người nào, việc nào giắt mũi, một đời không ăn gian nói dối. Trong việc xử sự, được trọng dụng thì ông cùng các quan đại phu trong triều thẳng thắn bàn bạc công việc triều chính; không được trọng dụng thì ông lui về hưởng thú vui trời cho, mọi việc ông đều chân thành". Trong suốt đời mình, Hàn Kỳ luôn gặp hiểm nguy, thế mà vẫn đứng vững. Tại sao vậy? Ta hãy nghe chính lời đáp của ông: "Mọi việc trong thiên hạ, không có việc nào hoàn toàn như ý, nhất thiết phải biết nhẫn nhịn, nếu không, một ngày cũng

không sống nổi", dầu là "khi quân tử ở lẫn với tiểu nhân thì cũng phải đối xử với nhau một cách chân thành, chỉ có điều là, biết hắn là tiểu nhân thì ít đi lại với hắn". Đó là bí quyết xử sự hơn người một chước của Hàn Kỳ.

Xét từ gốc gác vấn đề thì ta thấy Hàn Kỳ lấy tinh thần "nhẫn" làm cái gốc lập thân, ứng dụng vào các mặt trong đời sống. Ông nhẫn nhịn để không chấp với sai lầm của đồng sự, nhẫn nhịn để tha thứ cho cấp dưới, và cũng nhẫn nhịn tiểu nhân. Ông nhìn thấu xã hội, biết rằng chốn nào cũng có tiểu nhân, ông không né tránh tiểu nhân, chủ trương đối xử với tiểu nhân một cách thành tâm theo tư thái của quân tử để lấy chính nghĩa áp đảo gian tà. Dẫu bọn tiểu nhân giở trò ma quỷ thì cũng không tốn sức chấp chi với chúng, tốt nhất là lờ đi, để chúng tự thấy mất mặt. Do đó, Hàn Kỳ làm việc gì cũng thỏa đáng được người khen ngợi. Những trường hợp Hàn Kỳ nhẫn nhịn mà chúng tôi kể ở trên, mọi người đều khen: tuyệt. Trong những trường hợp ấy, ngoài cách xử lý mà Hàn Kỳ đã áp dụng, chúng tôi chưa nghĩ ra có còn cách nào thích hợp hơn hay hơn.

4.4. Không cố chấp là không ngừng tự hoàn thiện

Hán Vũ đế là một vị minh quân, nhưng cũng có điểm ông cố chấp, ông rất thích các thầy phù thủy, thích nghe thầy phù thủy khấn vái đoán số, thấy nói có thể tìm ra thần dược trường sinh bất lão, ông ngày ngày mong có được loại thuốc đó. Tuy có nhiều người

nhiều lần tâu rằng đó là các thầy phù thủy lừa dối ông, không thể có thứ thuốc ấy, nhưng ông không tin. Được tin này Đông Phương Sóc chạy tới trước mặt Hán Vũ đế làm ra vẻ quan trọng, nói: "Tâu bệ hạ, cái thứ thuốc trường sinh bất lão mà bệ hạ sai bọn thầy phù thủy đi lấy về đều là thuốc trong thiên nhiên cả, uống vào làm sao mà trường sinh bất lão được. Duy chỉ có thuốc ở trên trời, uống vào mới trường sinh bất lão". Nghe vậy, Hán Vũ đế lấy làm mừng lắm, vội hỏi: "Làm thế nào để lấy được thuốc ấy ở trên trời?" Đông Phương Sóc nói với vẻ thần bí: "Thần biết cách lên trời, thần nguyện sẽ lấy cho bệ hạ". Hán Vũ đế bỗng hiểu ra, biết Đông Phương Sóc nói dối, vặn hỏi: "Có đúng là khanh lên trời được?"

- Đúng ạ, thần đâu dám nói dối bệ hạ!

- Được, đã thế thì khanh lên trời một chuyến, lấy thuốc trường sinh bất tử về cho trẫm.

Hán Vũ đế nói dứt khoát, ra lệnh Đông Phương Sóc lên trời lấy thuốc. Đông Phương Sóc lập tức từ giã để lên đường. Không ngờ vừa bước khỏi cửa cung điện ông quay lại nói với Hán Vũ đế:

- Tâu bệ hạ, thần đi một mình thì bệ hạ nghĩ là thần nói dối, tốt nhất là bệ hạ cử hai vị thần cùng đi để chứng giám.

Hán Vũ đế liền cử một thầy phù thủy đi cùng Đông Phương Sóc và hẹn sau 30 ngày thì mang thuốc trường sinh bất lão về.

Đông Phương Sóc biết các thầy phù thủy chỉ suốt ngày làm việc bất chính trước mắt hoàng đế, huyễn hoặc lòng người, cho nên ông có chủ ý dẫn thầy phù thủy này hàng ngày vào các gia đình vương hầu quý tộc rượu chè, hưởng lạc, sắp hết hạn rồi mà vẫn đi ăn uống lu bù, không hề có ý lên trời. Lão phù thủy luôn mồm giục giã, Đông Phương Sóc nói: "Ông làm gì mà vội thế? Chuyện thần tiên, ma quỷ rất khó lường trước, chẳng bao lâu nữa sẽ có thần tiên tới đón ta". Sau vài ngày nữa, có một lần lão phù thủy lăn ra ngủ ngày. Đông Phương Sóc đánh thức lão dậy, trách móc: "Tôi gọi ông hết cả hơi mà ông không dậy, tôi vừa từ trên trời về". Lão phù thủy sững người.

Hán Vũ đế biết chuyện, cho rằng Đông Phương Sóc mắc tội lừa vua, muốn giết ông. Đông Phương Sóc nước mắt ngắn nước mắt dài, vừa khóc vừa nói: "Ối trời ơi, trong nháy mắt tôi phải chết hai lần". Hán Vũ đế lấy làm lạ, hỏi ông xem là chuyện gì, ông nói: "Thần lên thiên đình, Ngọc Hoàng hỏi thần ở dưới hạ giới dân chúng lấy gì làm quần áo? Thần trả lời lấy nguyên liệu từ con sâu để làm quần áo. Ngọc Hoàng hỏi con sâu như thế nào, thần nói miệng toàn lông thì giống con ngựa,màu vàng thì giống con hổ. Ngọc Hoàng nổi giận đùng đùng, cho rằng thần lừa Ngọc Hoàng, bèn cử thiên thần xuống hạ giới kiểm tra. Thiên thần về trời báo cáo rằng có con sâu như thế, gọi là con tằm, thế là Ngọc Hoàng xá tội cho thần. Vừa chân ướt chân ráo về tới hạ giới, bệ hạ bảo rằng thần lừa bệ hạ, xin bệ hạ cho người lên trời kiểm tra". Hán Vũ đế thông minh, ông hiểu Đông Phương

Sóc đang khôn khéo phê bình mình, bèn đuổi đám phù thủy đi không dùng nữa, chuyên tâm vào công việc triều chính. Hán Vũ đế biết mình sai, liền sửa luôn, chứng tỏ ông có ý thức tự nghiêm khắc với mình rất mạnh, không phí công đức vào những việc không có ý nghĩa nữa, hình ảnh của ông càng hoàn thiện.

Nhẫn nhịn là một hình thức tự hoàn thiện mình một cách có ý thức, cái hay là ở chỗ "nhất nhẫn khả dĩ chi bách dũng, nhất tĩnh khả dĩ chế bách động", tức là nhẫn nhịn thì có thể kìm chế được sự nóng vội, ngỗ ngược, bình tĩnh thì kìm chế được hành vi hấp tấp, manh động. Chỉ có như vậy mới giữ cho đầu óc sáng suốt, phân tích vấn đề một cách khôn ngoan, xử lý công việc một cách đúng đắn. Lâu Sư Đức, Kỳ Hoàng Dương, Hàn Kỳ là những người biết nhẫn nhịn, rất biết cái lẽ này. Cho nên, đối với người họ luôn luôn nhẫn nhịn đúng mức, xử sự đâu vào đó. Và, những người biết nhẫn nhịn như thế đều có đạo đức tốt đẹp, cho nên họ được mọi người kính trọng. Đúng như sách "Thi kinh" chép: "Người có đạo đức cao như núi thì người người sẽ ngưỡng mộ; người có hành vi quang minh chính đại thì người người sẽ noi theo.[1]

Sở dĩ nói nhẫn nhịn hoặc tự kìm chế là sự tự hoàn thiện mình một cách có ý thức là vì nhẫn nhịn, tự kìm chế là tố chất tâm lý quan trọng, cần thiết để thực hiện lý tưởng đạo đức. Người biết nhẫn nhịn, tự kìm chế là người có tố chất tâm lý tốt, dù giàu sang

---

1. Cao sơn ngưỡng chỉ, cảnh hành hành chỉ. - ND.

hay nghèo hèn, dù vinh hay nhục, dù thành công hay thất bại cũng tự kìm chế, khôn ngoan tự giác làm chủ tình cảm đạo đức, lựa chọn hành vi đạo đức, làm chủ số phận của mình. Ngược lại, người có tố chất tâm lý kém thường không làm chủ được tình cảm đạo đức của mình, tâm trạng không ổn định, vui buồn, hài lòng, thất vọng thường bộc lộ ra nét mặt lời nói. Tố chất đạo đức tốt biểu hiện ở chỗ:

Một là, phân biệt được một cách chuẩn xác cấp độ tình cảm đạo đức, theo đuổi và bảo vệ nguyên tắc đạo đức cao thượng, tán đồng và đề cao quan niệm và hành vi đạo đức cấp cao, cấp giữa, nhưng cũng có thể khoan dung đối với tư tưởng đạo đức cấp thấp và tồn tại thực tế, thừa nhận và thông cảm với sự khác biệt. Như vậy thì vừa không vô nguyên tắc, vừa có thể dùng phương pháp đi vòng, đặc biệt là thái độ khoan dung để tác động, lôi kéo tư tưởng đạo đức cấp thấp vươn lên cấp giữa và cấp cao.

Hai là, dù xảy ra sự việc gì, vấn đề gì, gồm cả trường hợp "bị nhổ vào mặt" cũng tìm được cách cân bằng tâm lý. Người ta sở dĩ không làm chủ được tình cảm đạo đức của mình là do tâm lý mất thăng bằng, càng nghĩ càng uất ức, tức giận, không chịu đựng được, không kìm chế được. Nếu tìm được cách cân bằng tâm lý thì có thể nuốt giận được, kìm chế sự xúc động nhất thời, thì sẽ có cách giải quyết sự việc, vấn đề, dẫu có rơi vào cảnh vô vọng thì cũng có thể diễn vai "A. Q" trong chốc lát, tin rằng mình trong

sạch, vô tội, thua keo này ta bày keo khác, "thua kiếp này ta còn kiếp khác".

Ba là, từng trải nhiều, trải qua nhiều thử thách, nhìn sâu thấy rộng, được rèn luyện dần dần. Bởi vậy, mỗi người, đặc biệt là những người có tố chất tâm lý yếu phải dũng cảm chấp nhận thử thách, rèn luyện ý chí trong thực tế nghịch cảnh. Người không có ý chí thì không thể nhẫn nhịn, không thể tự kìm chế, dẫu có nhất thời nhẫn nhịn, kìm chế trong một việc nào đó, vẫn không đủ sức nhẫn nhịn, kìm chế lâu dài, trong việc lớn. Do vậy, ý chí là thước đo quan trọng được dùng để kiểm nghiệm độ ổn định của tố chất tâm lý. Việc tu dưỡng đạo đức không phải là việc đóng cửa tập võ, tập không có thực tế, theo kiểu như nhà nho nói "một ngày ba lần kiểm tra lại mình", "đóng cửa suy ngẫm về sai lầm của mình". Nhập thế thì phải chuẩn bị đầy đủ về tâm lý, tránh xảy ra tình trạng trở tay không kịp khi có vấn đề. "Đóng cửa suy ngẫm về sai lầm của mình", "một ngày ba lần kiểm tra lại mình", mà dẫu có kiểm tra mỗi ngày 24 lần, là xa rời đời sống thực tế. Chỉ có dấn thân vào biển cả đời sống, chịu lễ rửa tội thì mới dần dần tự rèn luyện thành người có sức nhẫn nhịn và tự kìm chế mạnh mẽ.

Đành rằng, việc hình thành đạo đức lý tưởng không chỉ phụ thuộc vào sự nhẫn nhịn, tự kìm chế, mà còn phụ thuộc vào điều kiện tâm lý, hành vi. Nhưng, nếu không tự kìm chế, không có ý thức tự giác thì khó hình thành được đạo đức hoàn thiện.

5. Một vừa hai phải, "nhẫn" có mức độ

Ở đây "mức độ" có nghĩa là: không phải mọi điều đều có thể "nhẫn", cũng không phải mọi sự "nhẫn" đều không có bờ bến, mà có mức độ. Một mặt, có những việc không thể "nhẫn"; mặt khác, có những việc, sự "nhẫn" của người ta chỉ có giới hạn, không phải là vô bờ bến. Ở đây có một nguyên tắc cơ bản, cũng có thể gọi là tiêu chuẩn, đó là, sự "nhẫn" ấy có lợi cho mục tiêu mà bản thân ta theo đuổi hay không. Nếu có lợi thì cần phải "nhẫn"; nếu có hại thì phải dũng cảm đấu tranh. Tất nhiên, mục tiêu nói ở đây là những niềm tin cơ bản của cuộc đời mình, sự đoàn kết ổn định, chân lý phổ biến trong xã hội, những nguyên tắc làm người,... Có những khi những cái đó thay đổi từ lượng tới chất. Điều đó cũng đòi hỏi chúng ta khi "nhẫn" phải nắm chắc mức độ, "nhẫn" tới mức độ cần thiết mà thôi phải bảo vệ quyền hạn, lợi ích chính đáng của mình. Dẫu sao cũng phải nắm chắc mức độ ấy, đó là điều hết sức cần thiết. Nếu không, "nhẫn" vô nguyên tắc, hoặc "nhẫn" vô hạn độ thì sẽ đánh mất nhân cách và lợi ích của mình.

Về vấn đề này, cần chú ý những điểm sau.

5.1. Khi nguy hại tới tính mạng thì không thể tiếp tục nhẫn nhịn được nữa

Tính mạng là yếu tố đầu tiên và là vốn lập thân của con người. Khi đã mất mạng thì chẳng còn gì mà nói nữa. Do vậy, khi nguy hại tới tính mạng thì chớ

có "nhẫn" nữa. Nếu không, mất mạng thì còn ý nghĩa gì nữa? Ở điểm này, nhất thiết phải phân biệt mức độ nặng nhẹ, thư gấp. Hơn nữa chớ có lẫn lộn giữa mục đích và phương tiện. Bởi vì,, "nhẫn" không phải là mục đích sinh tồn của chúng ta, nó chỉ là phương tiện, giúp chúng ta sống tốt đẹp hơn. Yêu quý mạng sống và làm cho đời sống đầy đủ mới là mục đích của chúng ta. Vì "nhẫn" mà hy sinh hoặc phí hoài mạng sống của mình thì chỉ là hành động ngu xuẩn.

Thực ra, đây là vấn đề đơn giản, rõ ràng. Nhưng đôi khi nó lại làm cho người ta mê hoặc, hơn nữa không rõ vì sao lại có những người quên mất điều này. Sở dĩ nói đôi khi nó làm cho người ta mê hoặc, bởi vì người ta thường lầm tưởng rằng những ý đồ xâm phạm vào quyền lợi vật chất, vào danh lợi, vào danh dự của mình là xâm phạm vào tính mạng của mình, cho nên khi cần "nhẫn" thì lại không "nhẫn". Nhưng cũng có khi lại lầm tưởng rằng hành vi có ý đồ xâm phạm tính mạng của mình là sự xâm phạm vào cái khác, cần chống lại thì lại không dũng cảm chống lại. Sở dĩ nói có người quên điểm này là vì có những người vì tiền, vì lợi mà quên mạng sống, cho nên đã mất mạng. Ở đây cần chỉ ra rằng, không chỉ có tính mạng của mình quan trọng, tính mạng của người khác cũng quan trọng. Ta phải dũng cảm bảo vệ tính mạng của mình, đồng thời cũng có nhiệm vụ bảo vệ tính mạng của người khác. Đó là cái gốc làm người. Do vậy, không thể "nhẫn" khi thấy tính mạng của nhân dân bị xâm phạm, bị đe dọa, không thể cho

rằng bảo vệ tính mạng của nhân dân là việc của người khác, không liên quan tới mình. Trong trường hợp này dẫu có đe dọa tới tính mạng của mình thì cũng không thể từ chối. "Nhẫn" trong trường hợp như thế biểu hiện và phản ảnh trí tuệ sinh tồn của con người, trái lại bộc lộ sự bỉ ổi, hèn nhát của thằng hèn nhát gan.

5.2. Dân tộc bị tổn hại thì không thể nhẫn nhịn

Nếu nói rằng, đối với mỗi người, khi sinh mạng của họ bị xâm phạm và bị đe dọa thì họ không thể nhẫn nhịn, vậy là thành viên của một dân tộc, là công dân của một quốc gia mà sinh mạng tinh thần, lòng tự hào dân tộc của dân tộc ấy, của quốc gia ấy, quốc thể của quốc gia ấy bị xỉ nhục, bị xúc phạm thì họ cũng không thể nhẫn nhịn được. Không có nó thì sống trên thế giới này phỏng còn ý nghĩa gì!

Sử sách Trung Quốc ghi chép rất nhiều anh hùng hảo hán, nhân dân chí sĩ đứng trước tiền tài, danh lợi họ có thể âm thầm nhẫn nhịn vì việc lớn, không hề oán thán; đối với đồng bào mình, với tổ quốc mình, với dân tộc mình họ có tinh thần "Cúi đầu làm ngựa đứa nhi đồng".[1] Khi bảo vệ lợi ích, danh dự của dân tộc và đất nước họ dám hy sinh vì nghĩa lớn, coi cái chết nhẹ như lông hồng, không sợ đầu rơi máu chảy. Làm như vậy, họ đã làm sáng lên tinh thần đại nghĩa trong vấn đề "nhẫn". Mấy năm trước, có một tờ báo

---

1. Mượn thơ Lỗ Tấn: có nghĩa là tận tụy phục vụ. - ND.

đăng một tin như sau. Khi đàm phán để mua thiết bị của một công ty nước X, chị kỹ sư của bộ X phát hiện đối phương giấu giếm một số điều về tính năng, ngày xuất xưởng của thiết bị này. Chị không từ gian khó, đọc toàn bộ tài liệu có liên quan, đối chiếu so sánh tỉ mỉ, đích thân tới tận nơi sản xuất để tìm hiểu tình hình. Khi đàm phán vòng sau chị đã vạch trần âm mưu của đối phương với đầy đủ chứng cứ, buộc đối phương phải giảm 40% giá thiết bị ấy, làm lợi cho đất nước hơn 1 triệu đô la Mỹ. Nếu sự việc kết thúc tại đây thì chẳng còn gì đáng nói. Nhưng chị kỹ sư này không chịu dừng lại ở đó. Khi đối phương đề nghị ký hợp đồng ngay, chị yêu cầu cho kiểm tra toàn bộ máy móc thiết bị. Lúc này, một số đồng chí khuyên chị thôi không kiểm tra nữa, buộc đối phương nhượng bộ như thế là đủ rồi, vả lại, có đòi thêm nữa thì chị cũng chẳng được gì. Nhưng chị kỹ sư này vẫn kiên quyết giữ ý kiến của mình, và chị cảm thấy có vấn đề. Quả nhiên, khi kiểm tra thì phát hiện có một bộ phận không lắp vừa vào thân máy, kiểm tra kỹ thì phát hiện là linh kiện cũ. Điều này không khớp với ca-ta-lô do đối phương cung cấp. Do linh kiện này chỉ đáng giá vài nghìn đô la, lại có người khuyên chị thôi, không nên làm căng. Nhưng chị kỹ sư này lại cho rằng, vấn đề này can hệ tới lợi ích và thể diện quốc gia, không làm cho rõ thì người ta cho rằng chúng ta chẳng ra gì, coi thường chúng ta. Thế là hai bên lại phải ngồi vào bàn đàm phán lần nữa. Đối phương lại một lần nữa chịu thua, cam kết sẽ đổi bộ phận linh

kiện ấy và tỏ ý thật lòng khâm phục thái độ làm việc này của người Trung Quốc. Kỳ thực, sở dĩ hồn dân tộc cũng có ý nghĩa như sinh mạng của chúng ta, mấu chốt là vì nó mang lại cho chúng ta hy vọng và ý nghĩa sinh tồn, cung cấp cho chúng ta nguồn sức mạnh vô tận. Đúng như lời một bài hát đang thịnh hành hiện nay, mọi người luôn luôn mong có một mái nhà, dân tộc và đất nước là "mái nhà" của mọi công dân. Mất cái cảm giác quê hương mênh mang, không nơi đi về thì sao chịu nổi.

5.3. Nếu mất tình yêu chân thành thì không thể "nhẫn"

Đúng như người xưa từng nói: "Sinh mệnh thật đáng quý, tình yêu còn quý hơn". Nếu tình yêu quan trọng hơn sinh mệnh thì cũng thuộc lĩnh vực không thể "nhẫn". Song, ở đây cần làm cho rõ.

Về mặt hình thức thì tình yêu giữa đôi nam nữ có lúc cũng phải "nhẫn". Ấy là nói, để chứng tỏ phong độ đàng hoàng của nam nhi, lòng tự trọng của thục nữ cần phải "nhẫn" sự ham muốn, sự rung động nào đó trong lòng mình. Thậm chí "nhẫn" như thế còn làm cho tình yêu giữa hai người càng thiêng liêng, vĩnh hằng, do đó càng được hưởng hương vị ngọt ngào của tình yêu. Tất nhiên, đây là nội dung sẽ giới thiệu sau, mục này tạm thời chưa nói tới. Tình yêu mà chúng ta nói rằng không thể "nhẫn" là tình yêu trong mối quan hệ nhiều bên. Chúng ta thường thấy trong tiểu thuyết, điện ảnh, truyền hình có tình tiết như

sau: một cô gái nào đó được hai chàng thanh niên cùng yêu, quan hệ giữa cô gái với hai chàng thanh niên đều rất tốt, như đã quen nhau từ hồi còn để chỏm. Hơn nữa, quan hệ giữa hai chàng trai cũng thân như anh em, sớm tối có nhau, chia xẻ ngọt bùi. Trong những trường hợp như thế, cô gái thường yêu một trong hai chàng. Mặc dầu thường bắt gặp cô gái liếc mắt đưa tình, quăng mồi câu nhử, nhưng ngại vì tình nghĩa như anh em, chàng được yêu không dám tỏ tình. Hơn nữa, lại biết rằng chàng trai kia cũng yêu cô gái, do vậy, tình bạn như anh em và tình yêu nam nữ thường xuyên vật lộn nhau trong đầu chàng được yêu, dày vò anh ta. Kết cục câu chuyện thường là chàng được yêu "nhẫn" tình cảm của mình, chủ động nhường cô gái cho chàng trai kia, lẳng lặng dứt bỏ tình yêu đối với cô gái.

Đó là sự "nhẫn" đối với tình yêu mà chúng tôi phản đối. Không nên như thế. Bởi vì, như vậy thì không chỉ tàn phá tâm hồn của mình mà còn tàn phá tâm hồn đối phương, không chỉ không tôn trọng mình mà còn không tôn trọng cô bạn gái. Điều đó không chứng tỏ là cao thượng mà chỉ là điều đáng hổ thẹn; không phải là khiêm tốn mà là giả dối. Không nói cũng biết trước rằng, cái tình cảnh phát triển tiếp theo đó phần nhiều là bi kịch đau khổ, hoặc là nam thì ủ rũ như người không hồn, lâu ngày thành bệnh, hoặc là nữ thì tự vẫn, cắt tóc đi tu, thêm nữa hoặc là một cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Trong trường hợp như thế thì không nên "nhẫn", cần phải

xử sự như trong truyện "Khách trên núi băng", trung đội trưởng ra lệnh cho Amiel - "Xông lên". Như vậy thì mới có hạnh phúc thật sự, mà ta cũng đáng được hưởng hạnh phúc ấy. Tất nhiên, cũng có trường hợp tương tự. Chẳng hạn, hai cô gái cùng yêu một chàng thanh niên. Mặc dầu chàng thanh niên này yêu một trong hai cô. Nhưng, để cô gái kia không đau lòng, anh ta đành phải nhịn đau để cắt đứt tơ lòng của anh ta với cô gái mà mình yêu, không lấy cô nào. Tóm lại, bất kỳ trong trường hợp nào cũng nhất thiết không "nhẫn" đối với tình yêu mà mình theo đuổi. Nhất là trong trường hợp hai bên đã tâm đầu ý hợp, chớ để cho những nhân tố ngoại lai ảnh hưởng tới tình yêu của mình.

5.4. Nhẫn nhịn tới ngưỡng, không nhẫn nhịn vượt ngưỡng

Triết học thường coi ngưỡng là sự thống nhất giữa lượng và chất. Tức là, trong ngưỡng ấy có sự kết hợp giữa lượng và chất. Trong ngưỡng ấy, tính chất của sự vật chỉ thay đổi với mức độ nhất định, không thay đổi có tính chất căn bản. Vượt ngưỡng ấy thì tính chất của sự vật có đặc điểm mới. Như, trong vòng 100° nước vẫn là nước, nhưng khi sôi thì biến thành hơi. Trong vấn đề"nhẫn" cũng có ngưỡng "nhẫn". Điều đó có nghĩa là, trong ngưỡng ấy chúng ta có thể "nhẫn", có thể chịu đựng sự xỉ nhục và sự bất công, chịu đựng đau khổ và oan uổng, ... Nhưng, một khi vượt ngưỡng ấy thì không thể chấp nhận được, tức là

không thể "nhẫn" được nữa. Ngưỡng ấy là giới hạn "nhẫn".

Nắm ngưỡng ấy như thế nào là vấn đề nghệ thuật và trí tuệ nhân sinh, cũng là then chốt của sự nhẫn nhịn thật sự. Ở đây rất khó có một thước đo và tiêu chuẩn thông dụng cho mọi trường hợp, mà tùy theo từng người, từng việc và từng thời gian, không gian khác nhau. Nó đòi hỏi phải có năng lực phân tích cụ thể, tình hình cụ thể. Một mức nhẫn nhịn không có giới hạn không phải là sự nhẫn nhịn của kẻ mạnh thật sự, mà chỉ chứng tỏ là nhu nhược, bất tài, thậm chí có thể nói là ngu xuẩn. Trong lịch sử mấy ngàn năm của xã hội phong kiến Trung Quốc, những dòng văn hóa lạc hậu bảo vệ nền chuyên chế phong kiến chỉ khuyên người ta phải "nhẫn", lấy đó là biểu hiện tận trung, đền ơn,... Đó là "nhẫn" không có giới hạn,"nhẫn" một cách ngu muội. "Nhẫn" mà tập sách này đề cao không phải như thế, chúng tôi cho rằng phải nhận rõ giới hạn "nhẫn", ngưỡng "nhẫn", nắm bắt một cách khoa học cái ngưỡng ấy, để từ đó thật sự làm cho "nhẫn" trở thành phương thức nâng cao chất lượng cuộc sống, làm phong phú niềm vui nhân sinh, tăng thêm cơ may thành công.

Để giúp mọi người nắm bắt tốt ngưỡng "nhẫn" chúng tôi giới thiệu sơ lược mấy nguyên tắc có tính chất tham khảo sau đây.

Một, "không quá tam ba bận".

Nói "không quá tam ba bận" có nghĩa là đối với cùng một đối tượng có thể nhẫn nhịn một hai lần, quyết không thể sau đó lại nhẫn nhịn tiếp. Nhẫn nhịn tới mức nào đó thì phải tỏ ra cho đối phương biết sự nhẫn nhịn của ta không phải là sợ, là bất lực, mà chỉ là một sự nhân nhượng, và không tiếp tục nhẫn nhịn nữa. Trong đời sống hàng ngày, thường có những kẻ không biết điều, chỉ theo ý mình, được một đòi mười, thấy đồng sự và người khác nhân nhượng thì tưởng rằng dễ bắt nạt, có thể chiếm phần hơn, do đó họ lấn dần hết lần này tới lần khác. Đối với loại người này, sau một vài lần nhân nhượng, biết được bộ mặt thật của họ rồi thì không nhân nhượng nữa, tỏ thái độ cho họ biết và dùng phương thức chính đáng, dũng cảm bảo vệ quyền lợi của mình, khiến đối phương nhận thức ra điều không phải của họ. Đành rằng có nhiều phương thức, nhưng chỉ nhằm một mục đích là để cho đối phương biết thái độ thật sự của ta.

Hai, nguyên tắc chuyển hóa.

"Nguyên tắc chuyển hóa" có nghĩa là: trong đời sống và công tác hàng ngày, có những sự việc không ngừng chuyển hóa theo sự phát triển của bản thân ta hoặc theo các điều kiện bên ngoài, từ tính chất này chuyển thành tính chất khác. Sự chuyển hóa này cũng là nguyên tắc quan trọng để chúng ta tham khảo khi nắm bắt ngưỡng "nhẫn".

Có người, sau khi xâm phạm lợi ích và quyền hạn của người khác, do đối phương nhẫn nhịn, họ thực

hiện được ý đồ ban đầu. Tiếp đó phát hiện mục tiêu mới, họ nẩy ý đồ mới, hành vi cũ chuyển hóa thành hành vi khác. Lúc này, lẽ tất nhiên đương sự không thể giữ thái độ nhẫn nhịn được nữa, phải kiên quyết ngăn chặn, chống cự. Thí dụ, khi cướp của, lúc đầu tội phạm chỉ nhằm mục đích cướp tiền bạc, của cải, nhưng sau đó chúng phát hiện trong nhà có cô gái rất đẹp thế là chúng nẩy ý đồ cưỡng dâm. Như vậy, lúc đầu, vì không muốn để vì tiền bạc mà tính mạng bị đe dọa cho nên người bị hại nhẫn nhịn, không chống lại. Nhưng, bây giờ sự việc đã khác rồi, họ không thể nhẫn nhịn được nữa.

Trong đời sống hàng ngày thường có những sự việc tương tự như thế. Bởi vì, có những kẻ không biết điều, thường được một đòi mười, được đằng chân lân đằng đầu, từ chỗ hành động quá trớn chuyển thành phạm tội. Nếu như vậy thì chúng ta không thể nhẫn nhịn mãi được.

Ba, "con giun xéo mãi cũng quằn".

Có nghĩa là, đôi khi, cùng một việc, lúc đầu người ta vì nể, e ngại, cho nên nhún nhường, nhẫn nhịn. Nhưng đối phương quá vô lễ, có hành động và dục vọng khiến đối phương phát ớn, không thể chấp nhận được. Trong trường hợp này có thể gọi là "con giun xéo lắm cũng quằn", đã tới lúc phải tỏ thái độ: muốn nhẫn nhịn cũng không nhẫn nhịn được nữa.

Ở nơi công cộng thường xẩy ra những việc muốn nhẫn nhịn cũng không nhẫn nhịn được nữa. Có những

người vì cho rằng người khác không biết mình, hơn nữa, sau đó khó có dịp gặp lại nhau, cho nên thường tùy tiện, không dè chừng, vô trách nhiệm, có những hành vi quá trớn, vô đạo đức. Chẳng hạn, trên tầu xe, trong công viên, người ta thường có tâm lý coi việc lớn là việc nhỏ, bỏ qua việc nhỏ, nhằm tránh xảy ra rắc rối, cho nên thường có thái độ nhẫn nhịn đối với những hành vi quá trớn xúc phạm tới mình. Như vậy là; một bên thì hùng hổ, sừng sộ, một bên nhẫn nhịn cho yên, do đó, rất dễ tạo điều kiện cho những kẻ không biết điều tăng thêm tâm lý đè người. Song, cũng trong những trường hợp như thế, những kẻ không biết điều ấy lại đẩy mọi người vào "đường cùng", khiến họ có tâm lý muốn nhẫn nhịn cũng không nhẫn nhịn được nữa, "con giun xéo mãi cũng quằn".

Tất nhiên, tâm lý "con giun xéo mãi cũng quằn" này rất co giãn, cần phân tích cụ thể hơn trong từng trường hợp cụ thể để có phán đoán và phản ứng đúng mức.

Nhẫn nhịn có mức độ của nó. Nhẫn nhịn có mức độ thì chứng tỏ được thế mạnh, thế hơn người của mình; nhẫn nhịn quá mức cần thiết thì chỉ tỏ ra mềm yếu, bất lực. Nắm bắt được mức độ ấy thì mới có thể nhẫn nhịn một cách đúng mức.

CHƯƠNG III

NHẪN NHỊN HỢP ĐẠO LÝ: NẮM VỮNG MƯU TRÍ NHẪN NHỊN ĐỂ XỬ THẾ

Nhẫn nhịn là tinh hoa trí tuệ phương Đông. Nhẫn nhịn để xử lý giống như dùng nước phá đá vậy, nước chảy đá mòn. Nắm được ý nghĩ thật sự của sự nhẫn nhịn có nghĩa là đã mở được cánh cửa trí tuệ.

Nhẫn nhịn có ý nghĩa quan trọng trong đời sống hiện thực. Chúng ta đã biết làm thế nào để nắm được những nguyên lý nhẫn nhượng học. Chúng ta cũng đã biết làm thế nào để nhẫn nhịn trong những trường hợp cụ thể, nhẫn nhịn có cần phải có mưu trí không? Câu trả lời là: có. Dưới đây giới thiệu về mưu trí chủ yếu trong nhẫn nhượng học.

1. Chịu khó chịu khổ, có công mài sắt có ngày nên kim

Con đường nhân sinh đầy rẫy chông gai, phổ biến là những cuộc đời khó nhọc, chịu đói chịu rét. Xưa nay dân tộc Trung Hoa coi tinh thần chịu khó, chịu khổ là một trong những nét đẹp đạo đức. Chịu khó chịu khổ, nhịn đói chịu rét là sự nhẫn nhịn thường xuyên trong đời người, cũng là sự nhẫn nhịn đầu tiên mà người có chí phải thực hiện được. Không chịu khó

chịu khổ được, không nhịn đói chịu rét được thì còn nói được gì về nhẫn nhịn nữa. Song, nói đi phải nói lại, muốn thường xuyên nhẫn nhịn được thì phải có tinh thần và nghị lực kiên cường. Nếu hơi khổ một tý mà cũng không chịu đựng được, thì sẽ không thể chịu đựng được những vấp váp, khó khăn lớn, không thể làm nên việc lớn. Nói "khổ tận cam lai", tức hết khổ đến sướng, là như thế.

Người ta nói "Sương hàn tuyết lạnh đượm hương mai" có nghĩa là cây mai chịu được sương tuyết giá lạnh, càng giá lạnh thì mai nở hoa càng đều, càng đẹp, càng có hương vị. Hoa trong nhà kính không chịu đựng được sương gió.

1.1. Chịu được khổ mới hơn người

Ở đây, cái gọi là "hơn người" có thể giải thích theo nhiều nghĩa. Bọn thống trị phong kiến muốn làm "thánh nhân" thống trị quần chúng lao khổ, kêu gào khổ trước sướng sau. Quan điểm này cần được phê phán triệt để. Ở bất kỳ thời đại nào, không có kẻ nào có thể mãi mãi đè đầu cưỡi cổ dân chúng để tác oai tác quái. Nhưng, nếu chúng ta lý giải "hơn người" là có tài hoa, có tài năng, có cống hiến hơn người bình thường thì quả là cần có sự "hơn người" này, hơn nữa có được như thế thì được mọi người kính phục. Những người không cam chịu làm người bình thường là những người thường lăn lộn chịu đựng nghèo khó, khổ sở trở nên "hơn người", được mọi người kính phục. Loài người tồn tại được tới ngày nay là nhờ chịu đựng

được khổ cực, nhọc nhằn, dù là nhân vật lớn hay là nhân vật nhỏ, ai ai cũng lăn lộn với khổ cực, nhọc nhằn. Cho nên, chịu khó chịu khổ là công phu cơ bản nhất trên con đường nhân sinh. Sở dĩ nhà toán học Hoa La Canh[1] có được cống hiến lớn lao như thế là do ông đã chịu đựng khổ cực, nhọc nhằn.

Kinh nghiệm của Hoa La Canh mách bảo chúng ta rằng, làm việc gì cũng phải có tinh thần bền bỉ chịu khó chịu khổ, những ai làm nên sự nghiệp đều như thế cả.

Đối với những người có hoài bão, có lý tưởng, cách duy nhất để thực hiện hoài bão, lý tưởng ấy là chịu khó chịu khổ, đi tìm học vấn cũng thế, nghiên cứu khoa học cũng vậy. Đối với những người bình thường, muốn sống yên ổn, hạnh phúc cũng phải chịu khó chịu khổ. Làm việc thì phải chịu đựng mệt nhọc; làm ruộng thì phải chịu đựng dầm mưa dãi nắng; vận động viên thì phải chịu đựng vất vả nhọc nhằn khi luyện tập; ngay cả việc đọc sách học tập cũng phải chịu đựng gió rét lùa qua kẽ cửa, chịu đựng cái khổ đau lưng mỏi đít. Chịu khó chịu khổ thì có thể làm nên thành tích, mấu chốt là phải kiên trì, nhẫn nại.

Báo X đăng tin, có một cô gái sinh ra trong một gia đình có truyền thống học hành. Sau khi tốt nghiệp

---

1. Hoa La Canh (1910 - 1985) người Giang Tô, tự học thành tài, từng du học tại Anh, Mỹ; giáo sư toán học, Phó viện trưởng Viện Khoa học Kỹ thuật Trung Quốc, có nhiều tác phẩm nổi tiếng về toán học ở Trung Quốc. - ND.

đại học, cô phải chịu khó chịu khổ bốn năm ròng, ban ngày phải cắm đầu cắm cổ làm việc, ban đêm phải chong đèn học tập để dự thi tuyển nghiên cứu sinh. Rốt cuộc cô thực hiện được giấc mộng nghiên cứu sinh, được triệu tập về Bắc Kinh. Bốn năm đèn sách chẳng được vui chơi, bây giờ phải xả hơi. Thế rồi cô bắt đầu vui chơi cho thỏa thích. Ngày thi đã tới, cô mới cuống lên, cô chỉ còn cách sao chép, cóp nhặt, thầy hướng dẫn nhiều lần nhắc nhở, cô đều bỏ ngoài tai. Rốt cuộc cái tư cách nghiên cứu sinh mà cô vừa mới bắt đầu đã chấm hết.

Ngay trong một gia đình thôi, nếu các thành viên không chịu khó chịu khổ cũng xảy ra những việc rất phiền toái.

Hiện nay, ở Trung Quốc, kết cấu gia đình phần lớn gồm có hai vợ chồng một đứa con. Người ta thường thấy xảy ra hiện tượng cứ hết giờ làm việc, vừa về tới nhà là hai vợ chồng cãi nhau đánh nha. Tìm hiểu thì được biết phần nhiều là do mệt nhọc mà ra. Nếu một người cố lên một tí để cho người kia được nghỉ thêm một lát, thì có phải là gia đình hòa thuận, ấm cúng không nào! Bởi vậy, chịu khó chịu khổ là một nhân tố quan trọng giúp cho gia đình hòa thuận.

1.2. "Ta rất nghèo, nhưng không "ốm""

Nghèo là một nỗi khổ, cũng là điều chẳng may, không có ai thích nghèo, muốn nghèo. Trung ương đảng kêu gọi nhân dân cả nước xóa đói giảm nghèo, làm giầu. Cải cách, mở cửa tạo cơ hội để chúng ta

vứt bỏ cái tiếng nghèo, tiến tới giầu có. Mặc dầu vậy, so với các nước tiên tiến trên thế giới, nước ta vẫn còn rất nghèo. Do điều kiện tự nhiên kém, vị trí địa lý bất lợi, nhân dân vùng sâu vùng xa vẫn rất nghèo; do hiệu quả kinh tế kém hoặc năng lực làm ăn kinh doanh yếu, một số gia đình ở thành thị cũng vẫn tương đối nghèo. Nghèo cố nhiên là không tốt, nhưng không vì thế mà không làm người một cách đàng hoàng.

Sách "Trang Tử. Nhượng vương" chép: Nguyên Hiến người nước Lỗ nghèo xơ nghèo xác, chỉ có một gian lều tranh, làm bằng cành dâu khô và cỏ dại, nắng thì nóng, mưa thì dột. Nhưng ông vẫn ngồi ngay ngắn để đánh đàn. Tử Cống đi xe ngựa, mặc quần áo trắng, trong mặc áo lót màu đỏ tía, ngõ nhỏ cho nên xe ngựa không vào được, ông phải đi bộ vào gặp Nguyên Hiến. Nguyên Hiến đội mũ rách, đi giầy thủng, tựa vào chiếc cột làm bằng cành lê chôn ở cửa để tiếp khách. Tử Cống hỏi:

- Tiên sinh ốm vì bệnh gì vậy?

- Ta nghe nói, không có tiền thì gọi là nghèo, có học thức mà không làm theo học thức ấy thì gọi là ốm. Hiện nay ta nghèo, không ốm.

Tử Cống ngượng nghịu, tiến thoái lưỡng nan.

Quả vậy, nghèo chỉ có nghĩa là ít tiền hoặc không có tiền chứ không phải là cơ thể bị ốm hoặc nghèo về tinh thần. Khi chẳng may ta bị nghèo túng, thì chớ có lo sợ, chớ nên trách mình bất lực, bởi vì nhẫn nhịn,

chịu đựng sự nghèo khó vốn là một nội dung quan trọng trong đời người.

Không vì nghèo mà thất đức, đó là một trong những nội dung nhẫn nhịn, chịu đựng sự nghèo khó. Còn nhớ, những năm 60, nước ta bị 3 năm thiên tai liên tục, khi ấy tôi đang học tiểu học, lần đầu tiên trong đời tôi được nếm mùi nghèo khổ, đói rét. Cha mẹ tôi là công nhân, vào các ngày chủ nhật, khi trời chưa sáng đã dậy, mang bao tải ra ngoại ô hái rau, lá cây, trời tối mịt mới về, phơi khô rau và lá cây, đem giã nhỏ, trộn lẫn với gạo, hấp lên, xới ra cho cả nhà lót dạ. Cha mẹ tôi nhường cho ba chị em tôi ăn no, còn bản thân mình thường chỉ húp bát cháo ngô loãng rồi đi làm việc. Mặc dầu vậy, cha mẹ tôi không cho chúng tôi ra chợ rau nhặt rau rơi vãi, vì sợ chúng tôi hư hỏng. Một lần, người ta chuyển rất nhiều bánh khô lạc từ kho ở trước cửa trường đi nơi khác, các bạn học tranh nhau ra nhặt những miếng vỡ rơi ở dưới đất, tôi cũng nhặt được một miếng, thấy ăn rất ngon, tôi mang về cho các em cùng ăn. Nào ngờ cha tôi bắt được, hỏi lấy ở đâu ra, tôi nói đúng như sự việc đã xảy ra. Cha tôi nghiêm nghị: "Nay chúng ta nghèo, đất nước cũng nghèo, không phải của mình thì không được lấy để ăn, nếu ai cũng chỉ biết lo cho mình thì sẽ có ngày người ăn thịt người". Hôm sau, nhân khi đi học, tôi mang mấy miếng khô lạc nhét qua khe cửa trả cho nhà kho và phải nuốt nước bọt cho đỡ thèm. Ba chục năm đã trôi qua, cha mẹ tôi đã quên việc ấy từ lâu, nhưng tôi vẫn nhớ như in. Bởi

vì đây là bài học đầu tiên dạy tôi hiểu được quan hệ giữa nghèo và đạo đức. Làm người, không có tiền thì chỉ có thể nói là nghèo, nhưng không có đức thì mất tư cách làm người.

Tôi có đọc trên tạp chí XXX một bài có đầu đề là "Đêm trúng số độc đắc". Bài kể rằng, cha của tác giả bài này bỏ tiền của mình ra mua hai vé số số có số liền kề nhau, trong đó có một vé mua hộ cấp trên, sau đó một trong hai vé này trúng thưởng một xe ô tô du lịch. Bọn trẻ mừng quýnh lên, vì ở thị trấn này chỉ có mỗi nhà chúng do nghèo cho nên chưa mua ô tô, nhưng ông bố thì rơi vào một cuộc đấu tranh tư tưởng hết sức gay go. Bởi vì, vé trúng thưởng là vé ông mua hộ cho cấp trên, trong vé ông đã đánh dấu bằng bút chì vé ấy là vé của cấp trên. Việc này, ngoài ông ra không có ai biết. Cấp trên của ông là người giầu, đã có mấy chiếc ô tô rồi, căn bản không cần chiếc ô tô này nữa. Bọn trẻ mong ông giữ chiếc ô tô trúng thưởng cho mình, nhưng ông lại kiên quyết thông báo cho cấp trên tới lấy vé đi lĩnh thưởng, chỉ giữ lại cho bọn trẻ một món của cải tinh thần vĩnh cửu. Câu chuyện này mách bảo chúng ta rằng, nghèo không ngăn cản người ta làm người có đức. Tuy nghèo, nhưng không bị cái nghèo quật đổ thì vẫn có thể làm ngời có đức độ cao thượng.

Không vì nghèo mà nản lòng, nhụt chí, đó là nội dung thứ hai trong việc nhẫn nhịn, chịu đựng sự nghèo khó. Ngày xưa người ta nói "Cái khó bó cái

khôn", điều này không phải không có lý. Nghèo thì không có điều kiện phát triển, đó là sự thật. Nhưng có nhiều người nghèo càng kiên cường, có chí hướng cao, làm nên sự nghiệp, đây cũng là sự thật. C. Mác cả đời nghèo túng, thường là ăn bữa sáng phải lo bữa tối. Viết biết bao sách báo, bài vở hay mà không có tiền để dành, mặc dầu vậy, ông vẫn giữ ý chí kiên cường, niềm tin sắt đá để viết xong bộ "Tư bản". Vợ chồng ông bà Pierre Curie rất nghèo, khi nghiên cứu về phóng xạ, họ phải làm việc trong một gian nhà kho, không có tiền mua máy mới, phải dùng máy cũ lạc hậu, sau 4 năm miệt mài nghiên cứu, ông bà đã thành công, là người đầu tiên trên thế giới tìm ra nguyên tố radium.

Trong đời sống hiện thực, có nhiều người nghèo mà không nản lòng, nhụt chí, khắc phục gian khó, phấn đấu thành tài. Tại một trường học nọ có một học sinh quê ở một bản tại vùng núi xa xôi hẻo lánh, cha mất lúc em mới lên ba tuổi, nhà nghèo xơ nhgèo xác, mẹ em phải nuôi gà đẻ, bán trứng lấy tiền cho em trả học phí. Sống trong hoàn cảnh ấy mà em thi đỗ vào trường sư phạm. Không ngờ, học chưa được nửa năm thì mẹ em qua đời. Thế là chỗ dựa duy nhất về kinh tế không còn nữa, ngoài ra, em còn phải nuôi dạy một đứa em gái nhỏ tuổi. Em không vì nghèo khó mà nản lòng nhụt chí. Em vừa chăm chỉ học tập, vừa đi làm thuê vào các ngày nghỉ, chi dùng tằn tiện, chẳng những đạt kết quả học tập xuất sắc, được chuyển lên học tại học viện sư phạm, mà còn làm gia

sư ngoài giờ học lấy tiền nuôi em gái ăn học. Nghèo khó làm cho em càng kiên cường, tăng nhanh bước đi trên con đường thành tài, trở thành học sinh xuất sắc trong toàn quốc. Bằng hành động của mình em đã thực hiện được hoài bão "nghèo càng phải kiên cường, chí càng phải cao".

Nội dung thứ ba trong việc nhẫn nhịn, chịu đựng sự nghèo khó là "cùng tắc biến", tức là nghèo thì phải tìm cách thoát khỏi cảnh nghèo. Chúng ta nói nhẫn nhịn, chịu đựng sự nghèo khó là muốn nói rằng không để cái nghèo quật ngã, chịu đựng là để chống lại nghèo đói, rèn đạo đức trong nghèo đói, lập chí trong nghèo đói, nhằm thay đổi số phận nghèo đói. Một người bạn tôi có bà mẹ phi thường. Ngay từ khi chị còn nhỏ tuổi bố chị đã chết vì ung thư phổi, để lại cho mẹ chị đứa con thơ dại. Hơn nữa bản thân mẹ chị lại bị bệnh đái đường. Chẳng nói cũng biết cuộc đời bà nghèo khó, khổ sở tới mức nào. Hơn hai chục năm trời, người mẹ kiên cường này tự tiêm insulin để giữ cho bệnh ổn định, không phát triển, dùng đôi bàn tay đầy chai sạn để đấu tranh với cái nghèo, cái khổ. Ngày nào cũng như ngày nào, sau khi tan tầm, bà đạp xe ba bánh ra chợ mua loại rau rẻ tiền, mang về nhà rửa sạch, thái, trộn, làm nhân bánh bao, hấp chín, mang ra công trường bán. Do bà hiền hậu, bánh rất vệ sinh, giá phải chăng, bữa nào anh chị em công nhân cũng mua hết cho bà. Để đảm bảo cuộc sống gia đình, bà thường phải làm việc quá sức, thức khuya dậy sớm, cần cù lao động kiếm tiền nuôi 5 đứa con

trưởng thành. Lớn lên, các con mỗi đứa một chân một tay xúm vào giúp mẹ, trong nhà đã có ti vi, tủ lạnh, 5 con bà hai trai đã lấy vợ, ba gái đã lấy chồng. Hiện nay, 5 người con của bà người thì làm công nhân kỹ thuật, người thì làm cán bộ ở cơ quan nhà nước, người thì đang là sinh viên đại học. Bà mẹ vĩ đại này đã đem tấm thân ốm yếu của mình ra chống trọi với cái nghèo, dùng chính hai bàn tay của mình mở ra con đường làm giầu. Chúng ta thấy được ở bà mẹ này tinh thần chịu đựng, chống trọi với cái nghèo. Chúng tôi không tán thành cái gọi là "quá độ nghèo", "càng nghèo càng có tinh thần cách mạng". Nhưng xét theo ý nghĩa nào đó, "nghèo" cũng là một nguồn của cải, nghèo nhưng không nhụt chí, nghèo rèn luyện ý chí con người. Có những người nghèo nhưng không biết nhẫn nhịn, không chịu đựng nổi, kết quả là "ốm" nặng, thậm chí không cứu chữa nổi.

1.3. Nhịn đau bệnh lui

Ốm đau, bệnh tật cũng là một nỗi khổ. Khi có bệnh, không những phải xử lý với thái độ khoa học, mà còn phải áp dụng liệu pháp tâm lý, đó là điều rất quan trọng. Nhiều người áp dụng thái độ "việc đã như vậy thì chớ lo thêm làm gì",[1] họ tích cực phối hợp điều trị bằng liệu pháp tâm lý, giữ cho tâm trạng luôn thăng bằng, nhanh chóng chiến thắng con quỉ

1. Trong nguyên bản: Ký lai chi,tắc an chi. Mượn từ sách "Luận ngữ", nguyên nghĩa là: đã để cho họ tới, thì làm cho họ yên tâm. Chúng tôi tạm dịch theo văn cảnh. - ND.

bệnh tật, sức khỏe được phục hồi như cũ. Nhưng cũng có người chẳng có bệnh cũng rên rỉ, bệnh một lo mười, thối chí, con quỉ bệnh tật chưa làm gì họ, họ đã tự đổ rồi, tinh thần suy sụp, sinh đủ thứ bệnh, kết quả là biến thành chứng bất trị. Bởi vậy, nhịn đau cũng là nội dung quan trọng của việc chịu khổ.

Con người ăn cơm gạo ngô khoai, ít người cả đời không ốm đau, nếu chỉ ốm đau bình thường như sổ mũi, nhức đầu, sôi bụng thì chẳng sao, nhưng nếu ốm nặng hoặc mắc bệnh nan y thì không phải ai cũng như ai. Tại một đơn vị nọ, sau khi khám sức khỏe toàn thân định kỳ, có một đồng chí được thông báo hình như dạ dầy của đồng chí có vấn đề, cần phải kiểm tra lại. Đồng chí này ăn không ngon ngủ không yên, gia đình cũng buồn lo ngay ngáy. Mặc dầu đồng sự, hàng xóm láng giềng tới thăm đều động viên hết lời, nhưng đồng chí này vẫn chẳng chịu ăn uống, mới có mấy ngày mà sút mấy cân. Khi kiểm tra lại, bác sĩ thông báo rằng, qua kiểm tra kỹ lưỡng, kết quả cho thấy không phải là ung thư dạ dầy. Nhưng đồng chí này không tin, xin phép đi Bắc Kinh khám bệnh. Kiểm tra bằng máy móc khá hiện đại tại một bệnh viện lớn, kết quả cũng cho thấy không có vấn đề gì. Nhưng đồng chí vẫn không vui lên, ngược lại còn nghi ngờ bác sĩ không tận tâm, kiểm tra chưa kỹ. Những ngày sau đó, khi đi làm thì uể oải, về nhà thì ủ rũ, cho rằng mình bị ung thư, thế rồi cáo ốm nghỉ ở nhà. Chưa tới một năm đồng chí gầy chỉ còn da bọc xương, đi khám lại thì phát hiện ung thư dạ dầy, đồng chí

thở dài đánh thượt, chẳng bao lâu sau thì chết. Các bác sĩ nói, vốn đồng chí này không bị ung thư dạ dầy, chỉ vì sức chịu đựng tâm lý quá kém, sai sót nhỏ trong lần khám thứ nhất khiến đồng chí quá lo nghĩ. Kiểm tra lần thứ hai, các bác sĩ đã thông báo rõ rằng không phải ung thư, nhưng đồng chí cứ tin là ung thư, kết quả là tinh thần suy sụp, tâm lý buồn nản, cộng thêm tình trạng không chịu ăn uống bồi bổ, thiếu dinh dưỡng, khiến chức năng miễn dịch trong cơ thể suy giảm, phát bệnh ung thư.

Khác với đồng chí này, một chị y tá bị ung thư vú, không kịp thời mổ, các bác sĩ dự đoán chị chẳng còn sống được bao lâu. Nhưng chị y tá này bấm bụng chịu đau, giữ tâm trạng lạc quan thoải mái. Chị nói, chị muốn sống nhưng không sợ chết, dù còn sống một ngày cũng sống cho vui vẻ. Ra viện chưa bao lâu chị lại đi làm việc, thân mang bệnh nhưng vẫn nhiệt tình chăm sóc bệnh nhân, người ta vẫn thường xuyên nghe thấy tiếng cười sảng khoái của chị. Lâu ngày, chị hoàn toàn quên mình là người mắc bệnh ung thư, sống như người khỏe mạnh. Sau khi về hưu, chị thi vào lớp đại học giành cho người cao tuổi, luyện tập khí công, nhảy điệu đít-scô dành cho người già, múa ương ca[1], tham gia hội diễn văn nghệ. Đã hơn mười năm trôi qua rồi, con cháu đầy đàn, nếu không biết tuổi thì tưởng chị chỉ khoảng 45, không ai bảo chị là

1. Múa dân gian miền Bắc Trung Quốc. - ND.

người mắc bệnh ung thư. Đồng chí của chị bảo chị là người chiến thắng tử thần.

Hai người kể trên đều là người bình thường. Một người có thái độ sống lạc quan, nhẫn nhịn, bất chấp sự đe dọa của bệnh nan y, ngoan cường chiến thắng bệnh tật, sống những năm cuối đời yên vui, khỏe mạnh. Một người không nhẫn nhịn được, sợ bệnh ung thư, kết quả là vốn không bị bệnh tự chuốc bệnh, bị ung thư cướp mất mạng sống non trẻ.

Y học hiện đại chứng minh rằng, hệ thống miễn dịch trong cơ thể có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc chiến thắng bệnh tật, phục hồi sức khỏe. Người có ý chí kiên cường, biết nhẫn nhịn, tâm trạng lạc quan thì cơ thể thường tự động sản xuất ra chất miễn dịch mạnh mẽ, giúp cho bệnh tình nhanh chóng có chuyển biến tốt, thậm chí không chữa chạy mà khỏi. Còn những người yếu đuối, sức chịu đựng kém, có tâm trạng bi quan buồn nản thì sức miễn dịch kém, tế bào ung thư thừa cơ nảy nở. Cho nên, lấy thái độ nhân sinh lạc quan, tâm trạng nhẹ nhõm bình thản để chịu đựng, chống lại bệnh tật là vũ khí lợi hại nhất trong việc đọ sức với con quỉ bệnh tật và với tử thần.

Người ta nói rằng thượng đế công bằng, nhưng cũng có lúc Người ngủ gật, cho nên trên thế giới mới có những người bất hạnh đẻ ra đã bị tàn tật và ốm đau rồi bị tàn tật. Một thử thách vô cùng khắc nghiệt đối với những người tàn tật này là phải làm thế nào

để sống, để tìm cho mình chỗ đứng trong xã hội. Nhà văn người Ireland Christie Brown là người tàn tật bẩm sinh, bị liệt toàn thân, chỉ cử động được chân trái. Từ nhỏ, với sự kiên trì hướng dẫn của mẹ, ông chăm chỉ học tập, dùng chân cử động được để viết, trải qua quá trình khắc phục muôn vàn khó khăn để học tập, rèn luyện, ông đã biết sáng tác. Ông đã phải nhẫn nhịn sự diễu cợt của bao người, chịu đựng biết bao gian khổ do tàn tật gây ra. Với tinh thần bền bỉ nhẫn nại, vươn lên không ngừng, ông đã sáng tác 5 bộ tiểu thuyết, 3 tập thơ, trở thành nhà văn nhà thơ nổi tiếng của Ireland. Tuy là người tàn tật, nhưng ông đã để lại trong lòng mọi người hình ảnh của một người hoàn mỹ đáng khâm phục.

Nước ta có tấm gương của một chàng thanh niên mù tự học thành tài. Đẻ ra được 8 tháng thì mắc bệnh u mắt, phải mổ bỏ nhãn cầu. Khi còn nhỏ, anh học tập với sự giúp đỡ của cha và ông nội. Sau khi tốt nghiệp trường trung học cơ sở giành cho người khiếm thị, anh muốn học lên nữa, nhưng vướng nhiều khó khăn, không tìm được cơ may thích hợp, nhưng anh không nản chí, quyết tâm đi theo con đường của riêng mình. Hàng ngày anh học tiếng Anh qua đài phát thanh, về sau anh lại học dự thính lớp Anh văn do chuyên gia nước ngoài giảng dạy. Mùa hè năm 1985 anh được đi theo đoàn đại biểu giáo dục sang California Mỹ để làm phiên dịch. Năm 1986 anh làm đơn xin đi học tự túc tại Mỹ. Trường khiếm thị ở Boston chính thức nhận anh vào học. Thế rồi anh

sang Mỹ học các chuyên ngành giáo dục người khiếm thị, tâm lý người khiếm thị, máy tính dùng cho người khiếm thị. Một người khiếm thị sống cùng cha mẹ còn có khó khăn huống hồ đi lưu học ở nước ngoài. Nhưng anh không ngại, bởi vì trong khi học tập anh đồng thời sẽ nắm vững toàn bộ các kỹ năng sinh hoạt thông qua luyện tập một cách gian khổ. Anh nói một cách tự hào rằng: "Tôi chưa bao giờ tự coi mình khác với người mắt sáng. Tôi nhảy đisco được, mua các thứ được, nấu ăn được, tập võ thuật, đấu kiếm được". Một người khiếm thị, nhẫn nhịn đau khổ vì tàn tật, không bị tàn tật quật ngã, không những làm được những việc người bình thường có thể làm được, mà còn nắm được cả những kiến thức và kỹ năng mà nhiều người bình thường không nắm được. Thế mới biết, tiềm lực của con người lớn mạnh biết nhường nào. Chỉ có ráng sức chịu đựng, ra sức khai thác thì mới nhào nặn nên cái tôi hoàn toàn mới.

Ngoài việc nhẫn nhịn, chịu đựng với những bất hạnh về bệnh tật và tàn tật ra, con người còn phải nhẫn nhịn một cách lạc quan, đối mặt với nhiều bất hạnh nho nhỏ, như thấp lùn, béo phì, mặt mũi xấu xí,... Nếu không có thái độ đúng đắn đối với những bất hạnh ấy thì người ta sẽ rơi vào đường hầm không lối thoát của cuộc đời. Bất kỳ sự vật nào cũng có tính chất biện chứng. Những khiếm khuyết trên cơ thể có khả năng sẽ gây ra những bất hạnh đối với con người, nhưng cũng có khả năng sẽ đưa tới vận may cho con người, mà mấu chốt là ở chỗ ta đối xử với nó như thế

nào. Một người thông minh, có lý trí phải khéo léo đối mặt với hiện thực, lấy điểm mạnh bù cho điểm yếu. Thân hình thấp lùn, nhưng nỗ lực cho nên có bản lĩnh thì trên cơ thể ấy có tinh hoa đậm đặc; xấu xí nhưng tâm hồn đẹp, có tri thức thì có thể khiến mọi người cảm thấy có sức hút nội tâm. Ở điểm này mà nói thì "thượng đế" công bằng, Người để ta thiệt thòi ở điểm này thì lại bù lại cho ta ở điểm khác, vấn đề là ta có nhận biết hay không, có chịu đựng được hay không. Cựu tổng thống Roosevelt, người rất được nhân dân Mỹ yêu mến, ngay từ nhỏ đã là một cậu bé rất xấu, mặt choắt, răng vẩu, giọng khàn khàn. Cái dáng ấy của ông thường bị người ta trêu chọc. Chính vì cái dáng xấu xí của ông và sự trêu chọc của người khác đã kích thích ý chí phấn đấu của ông. Ông sửa những khiếm khuyết trên cơ thể, điểm nào không sửa được thì biến nó thành điểm có lợi cho mình. Ông sửa cái giọng khàn khàn, khi diễn thuyết ông lợi dụng cái giọng đã được sửa ấy, lợi dụng hàm răng vẩu, lợi dụng cái dáng của người công nhân đóng cọc - mà đây vốn là những khiếm khuyết có khả năng khiến ông thất bại khi diễn thuyết, biến chúng thành những điểm tăng thêm hiệu quả diễn thuyết, giúp ông thành công trong sự nghiệp.

Được thấy Roosevelt thì hiện những người có khiếm khuyết về sinh lý có còn cảm thấy tự ti nữa không?

Sống ở trên đời không tránh khỏi khổ. Người xưa có thơ rằng: "Đối tửu đương ca, nhân sinh kỷ hà, tỷ như triêu lộ, khứ nhật khổ đa".[1] Người ngày nay hát: "Người sống bảy mươi tuổi xưa nay hiếm, sống tới hôm nay đã chẳng dễ". Như vậy là người xưa và người nay đều than thở, khác lời nhưng cùng điệu, than rằng suốt đời chịu khổ. Những lời thơ, lời ca này khiến lòng người chua xót, đau như cắt ruột. Kỳ thực thì đâu đến nỗi như thế. Tốt hơn là hãy lạc quan lên. Hoa La Canh, ông bà Curie, Christie Brown, Roosevelt đều là những "đời người khổ đau" nếm đủ mùi đau khổ. Nhưng họ đã dựa vào sức chịu khổ của mình mà hơn người, là những nhân vật kiệt suất. Chẳng có ai than thở chặng đường "gian khổ" của họ. Cuộc đời của họ huy hoàng.

Tại chùa Linh Ẩn ở Tây Hồ Hàng Châu tôi đã thấy nhiều người quỳ khấn trước tượng Bồ Tát: "Hỡi Bồ Tát cứu khổ cứu nạn, hãy phù hộ con thi đỗ đại học", "phù hộ cho con tác thành sự nghiệp", "phù hộ con thoát nghèo nên giầu", "phù hộ con khỏi bệnh, mạnh khỏe", ... Tôi rất muốn nói với họ một câu, rằng: "Trên đời làm gì có Bồ Tát, nếu có thì chính là bạn đó! Hạnh phúc cuộc đời phải đổi bằng công sức của chính mình, phải thoát khỏi đau khổ bằng chính những nỗ lực của mình". Có điều là, đứng trước những thiện nam tín nữ thành kính này tôi nhịn nói những

---

1. Dịch nghĩa: Lấy rượu làm bạn, ngày được mấy gang? Như sương sớm mai, hôm qua khổ quá. - ND.

lời ấy, mà khấn theo họ, rằng: "A mô di đà phật! Biển khổ vô biên, "nhẫn" mới làm nên".

2. Nhịn nhời, nén giận

"Ở hiền gặp lành". Sống ở trên đời ai chẳng muốn được yên vui? Nhưng tai họa thì luôn luôn rình rập. Thiên tai do nguyên nhân khách quan gây ra. Nhân họa do nguyên nhân chủ quan mà có. Đối với thiên tai thì người ta không kịp dự phòng, xảy ra rồi thì mới chống thiên tai. Đối với nhân họa thì có thể phòng được, có thể không cho nó xảy ra,, hoặc việc lớn thành bé, việc bé tự tiêu tan đi

Trong quan hệ giao lưu giữa người với người, có hai nguyên nhân chủ yếu gây ra "nhân họa": một là do cái mồm, "lắm mồm sinh sự thị phi", "Bệnh vào từ mồm, họa ra từ miệng". Hai là do tức giận, "nổi giận trong đầu thì tay dễ làm điều ác", đầu nghĩ tới điều ác thì dễ gây ra họa, bởi vậy, muốn không gây ra điều phải trái, muốn tránh được tai họa, thì có hai cách.

2.1. Nhịn nhời, chớ có nói năng tùy tiện

Ngôn ngữ là công cụ trao đổi tư tưởng, tình cảm, không có ngôn ngữ thì không có xã hội loài người. Không có ngôn ngữ làm chiếc cầu nối thì không thể khơi thông được sự giao lưu giữa người ta với nhau, cũng không nên công nên việc. Nhưng ngôn ngữ cũng có thể làm hỏng việc, vì vậy, người xưa cho rằng đối với bất kỳ trường hợp nào, tốt nhất là nên ít lời. Nhịn

nhời không phải là không nói, mà là cần nói thì phải nói, không cần thì không nói. Nhịn nhời có ý là ăn nói thận trọng, nghĩ kỹ rồi mới nói, nếu không, lỡ lời sẽ có thể gây mầm đại họa. Đại để, nhịn nhời gồm có 5 mặt sau đây: Một là, không ác khẩu. Tuân Tử nói: "Thương nhân chi ngôn, thâm vu mâu tải". Nghĩa là, lời nói sâu cay, độc địa còn đau hơn mũi giáo mác đâm vào xương thịt. Do đó, không ác khẩu, nín nhịn, không nói lời cay độc là một mặt quan trọng giúp quan hệ giữa người ta với nhau hòa thuận, êm ái,

Tục ngữ có câu: "Một lời hay ấm lòng ba đông, một tiếng ác lạnh lòng sáu tháng", hoặc "một lời nói một đọi máu". Giữa người với người phải có thái độ bình đẳng với nhau, ăn nói mềm mỏng làm vui lòng người, như vậy vừa là tôn trọng người khác, vừa tỏ ra ta là người có văn hóa. Động một tí là vệnh mặt láo xược, ăn nói lỗ mãng thì không những làm vẩn đục quan hệ với mọi người, mà còn gieo mầm tai họa nữa. Tại trường đại học nọ có hai sinh viên cùng ở một phòng. Một người tính tình bốp chát, lấy giọng đè người; một người tính cách hướng nội, lòng tự trọng rất cao. Khi anh sinh viên tính hướng nội, có lòng tự trọng cao này bị ho vì viêm phổi, các bạn học khác ai nấy đều quan tâm, chăm sóc anh ta, nhưng riêng anh sinh viên tính tình bốp chát thì lại tuyên bố muốn đuổi anh ta ra khỏi phòng để khỏi bị lây. Thái độ, lời nói này làm tổn thương lòng tự trọng của anh sinh viên bị bệnh. Sau này vì vấn đề tắt đèn, để đèn khi đi ngủ mà hai người cãi nhau. Anh sinh viên

tính tình bốp chát vốn láo xược, gào lên: "Mày phải quỳ xuống xin tha, nếu không, mày còn ăn nghỉ ở đây ngày nào tao sẽ không để mày yên ngày ấy!" Người xưa nói: "Dao đâm chóng khỏi, lời cay nhớ đời". Anh sinh viên bị bắt nạt này không nhẫn nhịn được, nhân một đêm anh sinh viên nọ ngủ say, dùng dùi đâm chết, còn bản thân mình cũng bị xử tử hình. Thế là cả hai anh sinh viên tuổi đời đều chưa tới 20, nhập học chưa đầy một năm, đều đã kết thúc cuộc đời khi còn trẻ măng như thế đó.

Khỏi nói anh sinh viên phạm tội giết người phải bị pháp luật trừng trị. Nhưng chúng ta vẫn có thể tổng kết để rút ra từ nguyên nhân anh ta phạm tội ấy cái từ "giá như". Giá như cái anh sinh viên ác mồm ác miệng kia biết nhẫn nhịn, không ác khẩu, thì dẫu có nói: tao sợ lây, mày có thể chuyển đi chỗ khác được không, thì không đến nỗi làm cho người bạn học bị bệnh kia đau lòng, xót dạ. Giá như, người nói đã chớt ác khẩu, người nghe đặt mình vào vị trí người nói để suy nghĩ, nhẫn nhịn, rồi tìm cách chuyển đi chỗ khác, tránh mặt đi thì hẳn cũng không xảy ra thảm họa. Sự kiện này nói lên một điều rằng, những lời ác mồm ác miệng dễ châm ngòi cho tội giết người. Bởi vậy, ai hay mồm loa mép giải, ăn nói bất chấp hãy lấy đó làm bài học, phải luôn luôn nhịn nhời, nói năng cẩn thận, tránh gây ra sự cố đáng tiếc.

Hai là, ăn nói phải biết kiêng kỵ, có nghĩa là tránh nói những lời có nội dung không thỏa đáng, tránh nói

không đúng nơi, không đúng lúc, không hợp ngữ cảnh. Trong đời sống hàng ngày, có người hấp tấp, nghĩ sao nói vậy, không giữ mồm giữ miệng, không biết rằng "có mồm thì cắp, có nắp thì đậy", nếu như nói với những người hiểu biết nhau, biết cá tính của nhau, thì có khi được khen là thật thà, thẳng thắn; nhưng, nếu như ở nơi gồm những người chưa quen biết mà nói không phân biệt thân sơ, thì hoàn toàn không thể được. Do nhiều nguyên nhân, không phải ta nghĩ, nói điều gì cũng đúng cả; hơn nữa, sức tiếp thu của người nghe mỗi người một khác, nói mà không chú ý phương thức, phương pháp, không cân nhắc cẩn thận thì thường gây hậu quả xấu, nhẹ thì làm cho người nghe khó xử,, nặng thì gây ra hiểu lầm, xích mích, oán hận. Tại đơn vị nọ, anh A bị ung thư mà không biết, gia đình chạy đôn đáo khắp nơi tìm thuốc để chạy chữa, bệnh tình thuyên giảm. Anh B tới thăm, nói bô bô điều đó ra, anh A bị kích động bất ngờ, bệnh tình bỗng chuyển biến xấu, đột ngột chết. Gia đình anh A trách anh B, hai bên ghét bỏ nhau. Do đó, chớ có nhanh nhảu đoảng; bụng nghĩ sao mồm nói vậy cố nhiên là tốt, nhưng phải có cái "van", cần cứng thì cứng, cần mềm thì phải mềm. Dẫu có cần trực tiếp phê bình đối phương thì cũng phải chú ý tới phương thức phương pháp, thái độ, giọng nói, xuất phát từ tình thân ái, từ ý đồ tốt, khiến đối phương hiểu ta phê bình họ là thật lòng mong họ tiến bộ, từ đó có tác dụng khơi gợi họ tự phê bình. Chỉ có như vậy thì phê bình mới có kết quả. Không nhẫn nhịn được

những lời quá đáng thì cũng không có gì ghê gớm lắm, chỉ là chuyện vặt. Nhưng cái chuyện vặt này thường khiến ta "mất điểm". Tục ngữ có câu: "Bán con la què bằng giá con lừa". Câu tục ngữ này chưa hoàn chỉnh, nhưng tinh thần của nó thì rất đáng suy nghĩ. Có người cặm cụi làm việc, năng lực cũng chẳng kém ai, nhưng nếu bình bầu thì không bao giờ đủ điểm, nguyên nhân là tại cái mồm. Ngược lại, có người làm việc tuy cũng có cố gắng, nhưng năng lực thì không bằng, chỉ vì ăn nói đúng mực, đáng nói thì nói, không đáng nói thì không bao giờ nhiều lời, cho nên rất được lòng người.

Ba là không gièm pha người khác. Gièm pha người khác nói ở đây là chê bai người khác những khi tán gẫu. Có những người thường hay xúm lại tán gẫu, nào là ông Trương thế nọ, bà Lý thế kia, con gái nhà họ Lưu có ba con mắt, càng tán càng điêu, càng sai sự thật; nhất là những đề tài về đời sống riêng tư của người khác, người ta tán mới say sưa, hấp dẫn làm sao! Những người này phần nhiều không phải người xấu, chỉ vì có tâm lý không bình thường lắm, mắc tật tò mò, rất thích bàn tán những điều riêng tư của người khác. Họ bàn tán như vậy cũng chẳng nhằm ý đồ gì xấu, chỉ nhằm thỏa mãn cái tâm lý tò mò, khoái cái mồm, và nói rồi thì không chịu trách nhiệm. Thực ra, bàn tán chuyện riêng tư của người khác, thêm thắt vào một cách tùy tiện, đó là một thói rất xấu. Ở một số nước, hành vi này bị xem là xâm phạm quyền giữ bí mật đời tư của người khác, là hành

vi phạm pháp. Người xưa nói: "Tai vách mạch rừng". Bàn tán sau lưng người khác sớm hay muộn cũng sẽ đến tai đương sự, chẳng những làm tổn thương tới quan hệ tình cảm, đoàn kết, mà có khi còn gây tai họa chết người. Tại nhà máy X có hai người bạn tốt của nhau, trong đó có một người rất hay bàn tán sau lưng người khác. Một hôm chị ta thấy chồng bạn mình đi với một người đàn bà khác, chẳng rõ trắng đen ra sao, chị ta cứ thế xì xào bàn tán. Chuyện đến tai chị bạn gái, chị bắt đầu nghi chồng, "chiến tranh gia đình" bùng nổ, ông chồng giận quá đánh vợ, vợ ức quá uống thuốc độc tự tử. Sau khi mọi người làm rõ ngọn nguồn của vở bi kịch này, ai cũng căm ghét người đàn bà hay bịa chuyện bàn tán sau lưng người khác này. Ai bảo đầu lưỡi không biết giết người? Cái lưỡi thật đáng sợ, hãy quản cho chặt, chớ để nó trở thành lưỡi dao giết người.

Bốn là, nhẫn nhịn, không càu nhàu cáu kỉnh. Có người có thói quen càu nhàu cáu kỉnh. Gặp việc bất bình mà phát cáu thì còn thông cảm được. Nhưng thường xuyên càu nhàu cáu kỉnh thì là một tật xấu. Trên đời này có biết bao việc không hài lòng, càu nhàu cáu kỉnh hết được sao? Đồng thời, người hay càu nhàu cáu kỉnh thường có bé xé ra to, nhìn vấn đề lệch lạc, không có lợi cho việc giải quyết vấn đề, Mấy năm nay cái bệnh càu nhàu cáu kỉnh của người Trung Quốc phát triển như bệnh truyền nhiễm, điển hình là là tệ "bưng bát lên ăn toàn thịt cá, bỏ đũa xuống chửi đổng: mẹ cha", dù là thăng quan hay phát

tài, thất nghiệp hay thất vọng, hễ tức khí là người ta xúm lại với nhau để càu nhàu, xổ ra cho hết. Tất nhiên, sự càu nhàu cáu kỉnh này không nhằm vào cá nhân ai, xổ xong rồi thì thôi. Nếu nhằm vào ai đó thì bị người ta căm ghét. Có một anh công nhân có thể gọi là chuyên gia càu nhàu cáu kỉnh, đối với nhà máy, với phân xưởng, với tổ chẳng có việc nào anh ta vừa lòng. Không vừa lòng thì cứ thẳng thắn chính thức nêu ra. Nhưng anh ta không làm như thế. Lâu ngày, lãnh đạo không hài lòng, bạn bè chán ghét. Nhà máy tiến hành hợp lý hóa việc sắp xếp lao động, anh ta là người đầu tiên bị "thừa". Ai muốn làm việc với người như thế kia chứ! "Tức khí, ai ơi nẫu ruột gan". Không nhẫn nhịn, luôn càu nhàu cáu kỉnh làm cho tâm trạng buồn rầu, dễ phát thành bệnh, mọi người cùng nhìn ta bằng con mắt khác, chỉ tổ "mất điểm " mà thôi.

Năm là, không ăn nói diễu cợt. Đời sống không thể thiếu tiếng vui đùa. Trong đời sống hàng ngày, câu vui đùa làm cho không khí vui nhộn; trong công tác căng thẳng, câu vui đùa làm giảm mệt nhọc. Nhưng phải biết hết sức chú ý liều lượng. Một lần, kỹ sư điều khiển đĩa hát tại đài phát thanh của một thành phố ở Na Uy trêu đùa thính giả một cách rất không thích hợp. Anh ta bỗng dừng phát bài hát, nói với thính giả bằng giọng hết sức hốt hoảng, rằng: " Có hàng triệu con a míp có thể làm chết người đang xâm nhập vào thành phố, bà con hãy mau mau tìm nơi ẩn nấp, nếu chẳng may chạm trán với nó thì đời

đi tong". Dân chúng sợ hãi vội đi tìm chỗ ẩn nấp, có 6 người vì hoảng sợ nhảy từ trên gác xuống chết ngay tại chỗ, có hai người dùng súng tự tử. Sau sự kiện này, chắc chắn viên kỹ sư ấy bị thu hồi giấy phép hành nghề và bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Trong đời sống hàng ngày còn có những người hay ba hoa khoác lác. Đây cũng là một thói xấu. Tại huyện lỵ nọ ở tỉnh Hắc Long Giang có một người họ Lý rất hay bốc khoác. Một hôm anh ta bốc khoác với chủ một quán rượu nhỏ rằng anh ta trúng xổ số 70.000 đồng. Chủ quán biết anh ta là người thế nào rồi, chỉ cười khẩy. Nhưng mấy tay thanh niên ngồi gần đó tưởng thật, chờ anh ta ăn xong, theo tới nơi vắng người, kề dao vào cổ bắt chia thưởng xổ số. Mặc dầu anh ta phân bua hết lời, đám thanh niên vẫn lột hết hơn 100 đồng trong túi anh ta rồi mới tha. Bốc khoác để xảy ra họa. Hỏi có oan không? Trong công việc cũng có người hay bốc khoác. Làm như vậy chẳng cần thiết chút nào. Giỏi hơn người, làm việc tốt, thì mọi người tự khắc biết, tục ngữ có câu "hữu xạ tự nhiên hương". Nếu chẳng có gì trội hơn người khác, hoặc không bằng người khác thì càng không nên khoác lác, làm như thế chỉ tổ người khinh.

Những ai không biết giữ mồm giữ miệng, hãy thường xuyên tự nhắc nhở mình bằng bốn chữ: im lặng là vàng.

2.2. Nén giận, bình tĩnh xử sự

Giận dữ thì vừa nhọc lòng vừa mệt người. Ngay những người tính khí tốt nhất thế giới cũng không dám nói không bao giờ nổi nóng. Nổi nóng, nổi giận là chuyện thường tình trong đời sống. Nhưng việc thường tình không có nghĩa là việc tốt. Dù là việc lớn việc nhỏ không phải bao giờ cũng trôi chảy, không thể hễ việc không trôi chảy liền nổi nóng, nổi giận, như thế chẳng có ích gì mà còn dễ hỏng việc. Câu chuyện "Gia Cát Lượng ba lần chọc tức Chu Du" rất có ý nghĩa. Chu Du tính nóng như lửa, không nhẫn nhịn được. Gia Cát Lượng nắm được nhược điểm ấy của Chu Du, trọc ông ta tức mà chết. Đó chính là nước cờ cao của Gia Cát Lượng. Vì vậy, dù xét ở góc độ bảo vệ sức khỏe hay ở góc độ bảo vệ sự nghiệp, đều cần phải nén giận.

Ở góc độ tâm lý học, tức giận là một trong những hình thái cơ bản của tình cảm, có ảnh hưởng trực tiếp tới tâm trạng của con người. Khi nổi giận thì tâm trạng rất căng thẳng. Ở trạng thái ấy, phạm vi hoạt động nhận thức của con người bị thu hẹp lại, năng lực phân tích của lý trí bị ức chế, năng lực tự kìm chế yếu đi, thường không làm chủ được hành vi của mình, không thể đánh giá đúng đắn ý nghĩa và hậu quả của hành vi của mình, đã sai càng sai, thậm chí do không nén giận được mà ân hận suốt đời.

Trong đời sống hiện thực, nhiều người vì tính tình nóng nảy, việc nhỏ bằng cái móng tay, nhưng không nhẫn nhịn, nổi giận đùng đùng, lồng lộn, quát tháo,

gây ra họa lớn, do ngu xuẩn mà hối không kịp. Một đôi nam nữ thanh niên cãi nhau. Bên nam nói: "Nếu đây lấy vợ thì lấy người còn trong trắng chứ không thèm lấy cái ngữ ấy". Bên nữ giận tím mặt, túm anh ta đẩy một cái ngã lăn ra giường, cởi trần truồng để chứng minh sự trong trắng của mình. Sau đó, cô ta phải trả giá quá đắt cho cái việc vì bực mà cởi trần truồng để chứng tỏ sự trinh trắng của mình, tình yêu, hôn nhân của cô bị phủ lên một bóng đen suốt đời không sao xua tan được. Cho nên người ta nói rằng, người không biết giận có khả năng là người đần, còn người không biết nén giận thì là người ngu. Như cô gái nọ lấy sai lầm của người khác để trừng phạt mình thì còn gì ngu bằng?!

Trong đời sống, những bài học loại này còn rất nhiều. Một thanh niên làm công tác bảo vệ ở cửa hàng bách hóa Vương Phủ Tỉnh tại thành phố Bắc Kinh theo học đại học luật tại chức, nhiều lần đi học bỏ việc mà không báo cáo, bị lãnh đạo cửa hàng phê bình và trừ lương. Anh ta tức giận, trả thù bằng cách đốt cửa hàng, làm cháy hàng trăm máy giặt, tủ lạnh, máy điều hòa, hàng loạt tấm vải và quần áo may sẵn. Kết cục là phải vào tù. Một chiến sĩ quân đội có hai quả óc chó, phát hiện một chiến sĩ trong cùng tiểu đội ăn mất một quả, nổi giận đánh chiến sĩ này, giận quá hóa mất lý trí, dùng dao bổ quả đâm chết chiến sĩ ấy. Sau đó tuy anh ta vô cùng hối hận nhưng đã muộn, bị pháp luật trừng trị, thế là vừa hại người vừa hại mình.

Thế mới biết, việc làm ta tức giận thì rất nhiều, có thể xảy ra bất kỳ lúc nào. Do vậy, phải biết nén giận, nếu không, sẽ có ngày trước hết là hại chính bản thân mình.

Xét ở góc độ dưỡng sinh học, nén giận, giữ bình tâm hòa khí thì thân thể mới khỏe mạnh, tinh thần mới sảng khoái. Trung y cho rằng "tức giận thì hại gan", tức giận thì cam khí bốc lên đầu, làm cho đầu căng thẳng, đau đầu, mặt đỏ tía tai, thậm chí máu bị dồn theo khí, hoặc ho ra máu, tắc huyệt gây ra choáng ngất. Bởi vậy, sách cổ của Trung y "Tố vấn. Sinh khí thiên chân luận" chép: "Đại nộ tắc hình khí tuyệt, nhi huyết uyển vu thượng, sứ nhân bạc quyết". Tức là giận dữ sẽ làm cho tắc khí, máu dồn lên, làm cho người ta hôn mê. Như vậy là giận dữ là điều rất có hại cho cơ thể, người hay giận dữ dễ mắc bệnh tim gan.

Vậy làm thế nào để nén giận?

Một, nén giận ngay lúc mới chớm giận. Nổi giận thường là bột phát. Vì rằng, khi nổi giận thì tâm tình bồn chồn, đầu nóng lên, bất chấp. Lúc này nếu có ý thức làm cho cái đầu nguội đi, cân nhắc lợi hại, nhẫn nhịn, thì kết quả sẽ khác. Chị X là chị cả trong gia đình, do là con nhà nghèo nên phải làm việc sớm. Gia đình có khó khăn, mẹ phải đi làm lấy tiền nuôi gia đình, chị phải gánh vác công việc chăm sóc hai cậu em. Em nể, mẹ thương, do đó chị chịu khó chịu khổ được nhưng lại không nén giận được. Sau này chị vào

bộ đội. Trong quân đội kỷ luật rất chặt chẽ, tuy chị nghiêm túc chấp hành nhưng bụng không vui, thường càu nhàu, cho nên tiến bộ chậm. Sự trưởng thành, tiến bộ thật sự của chị bắt đầu từ khi biết nhẫn nhịn. Chị là lính thông tin, phụ trách công tác điện thoại đường dài. Người phụ trách hướng dẫn chị là một lính cũ khá nghiêm khắc. Một lần, có yêu cầu nối mạch với một máy lẻ của đơn vị cơ sở, chị cầm phích cắm mà không biết cắm vào ổ nào, đang do dự thì đồng chí lính cũ đập vào tay chị, nói: "Có cái ổ cắm mà không nhớ thì còn trực máy sao nổi?" Từ bé đến giờ chưa bao giờ ức đến thế này, đầu óc nóng bừng, máu dồn lên mặt, nước mắt vòng quanh, chỉ muốn vất tai nghe ra đó rồi bỏ đi. Nhưng chính vào giây phút ấy chị nén giận được. Bấy giờ người ta nói tổng đài là chiến trường, nếu như bỏ đi thì là đảo ngũ ngoài mặt trận. Do đó, chị một mặt lau nước mắt, một mặt chăm chú quan sát người lính cũ thao tác. Hết giờ làm việc chị lại giúp người lính cũ chỉnh lý tư liệu, quét dọn phòng máy. Tới lúc này tâm tình chị đã nhẹ nhõm hơn nhiều. Người lính cũ cũng tự biết mình đã quá nóng nảy, chủ động nối tình thân thiện giữa hai người, trở thành đôi bạn con chấy cắn đôi. Sau này, khi đọc được một câu của người xưa, nói rằng : ngay từ đầu nén được tức giận nhất thời thì lòng nhẹ nhõm, chị cảm thấy điều đó rất đúng. Chị nói rằng, lúc đầu tức giận tưởng không chịu nổi, nhưng nén giận được rồi thì cảm thấy chẳng phải là việc gì lớn lắm, nhẫn nhịn quả là một sự tự rèn luyện.

Hai, không vội vàng, hấp tấp, hãy chuyển dịch tâm trạng. Khi tức giận, hãy thay đổi môi trường, như xem tivi, đọc tiểu thuyết, hoặc đi chơi bóng, đi tản bộ, sau đó chắc chắn tâm tình sẽ khác. Nhất là ngủ một giấc hoặc sau vài hôm nghĩ lại sự việc khiến mình tức giận ấy thì sẽ thấy tự nực cười sự tức giận của mình.

Ba, chuyển từ chỗ trách người thành trách mình, từ chỗ tự lượng thứ cho mình sang lượng thứ cho người. Khi xảy ra sự việc thì trước hết hãy suy nghĩ xem mình có điều gì sai, trước hết hay kiểm điểm sai lầm của mình, để cho người nói hết, thông cảm với cái khó của người, như thế sẽ khó nổi giận. Không những thế, còn có thể biến giận thành thương. Tại một đại đội nọ có một nữ chính trị viên phó đại đội mới có 20 tuổi, dưới chị có nhiều chị em nhập ngũ sớm hơn chị. Một lần, có một chiến sĩ cũ ra ngoài quá giờ bị chị phê bình, cãi lại chị ngay tại bãi tập. Chị kéo chị lính cũ ấy vào phòng làm việc để nói chuyện. Chị lính cũ nọ không nghe, cứ đứng giữa bãi tập gào trước mặt mọi người. Chị chính trị viên phó ấy nói: "Đồng chí là chiến sĩ cũ, tôi tôn trọng đồng chí, tôi không cãi nhau với đồng chí". Nói rồi chị lặng lẽ nghe chị lính cũ băm bổ. Thấy chị không nói gì, chị lính cũ được thể, gào : "Mày là quân tử giả, tao không sợ". Chị chính trị viên phó vẫn nhẫn nhịn, không nói nửa lời. Rồi thì chị lính cũ cũng phải trấn tĩnh lại. Chị chính trị viên phó mời chị lính cũ vào phòng ngủ để trao đổi ý kiến. Mấy ngày sau, chị lính cũ chân thành

xin lỗi chị chính trị viên phó và chủ động tự kiểm điểm sâu sắc tại hội nghị tổ đảng. Sau sự kiện này, chị chính trị viêc phó cảm thấy nén giận là việc rất tốt, chẳng những tránh cho mình khỏi phạm sai lầm, rèn luyện tính tình của mình, mà còn thắt chặt được quan hệ với chiến sĩ.

Bốn, chớ nghe thầy dùi. Khi ta tranh cãi với ai đó mà tức giận thì người ngoài cuộc có thái độ khác nhau. Có người giội nước vào lửa, nên nghe có người lại đổ thêm dầu vào lửa, chớ có mắc lừa. Trong đời sống hiện thực, có người thấy ta tranh cãi về việc gì đó, họ mở cờ trong bụng, giả vờ đứng về phía ta, khua chiêng gõ mõ để khích ta gây chuyện, cần cảnh giác kẻo hối không kịp. Đó là những kẻ hiếu sự chỉ muốn đục nước béo cò. Còn những người khuyên ta nén giận thường lại chỉ ra điều vô lối của ta, "nói thật mất lòng", phải tỉnh táo nhận ra lời hay lẽ phải, biến hoạ thành phúc.

Tất nhiên, nén giận không phải để ấm ức trong lòng, mà là để có thời gian bình tĩnh suy nghĩ, đảm bảo cho tâm lý lành mạnh, sống thuận lợi, sự nghiệp thành công.

2.3. Ở nơi công cộng đông người chớ làm điều chướng tai gai mắt

Có người cho rằng ở nơi công cộng thường khó nhẫn nhịn, kìm chế. Tại sao vậy? Bởi vì người ta cho rằng nhẫn nhịn trước đám đông thì bẽ mặt, bị người đời cho là đần, bất lực; muốn có thể diện trước mặt

đông người phải dám đấu tranh. Kỳ thực không phải như vậy. Nhẫn nhịn trước đông người chẳng những không mất thể diện, mà còn làm tăng thể diện. Bởi vì, ở nơi công cộng, phần nhiều người ta không để ý hai bên mâu thuẫn ai là người có lý, vả lại rất nhiều người không lý giải, làm rõ được lý ở chỗ nào, ai là người có lý, cho nên, người ta muốn có không khí vui vẻ, có trật tự, đánh giá mâu thuẫn xung đột nơi công cộng theo con mắt của người hoà giải và lấy đó làm nguyên tắc giải quyết xung đột. Họ lo cho sự an toàn của họ, cho trật tự công cộng, không muốn xảy ra đối kháng, muốn yên ổn. Vì thế, bất kể anh có lý hay vô lý, mạnh hay yếu, hễ tranh cãi, đối kháng liền bị mọi người ghét, không ưa, do vậy sẽ bẽ mặt. Người ta sẽ cho rằng anh là người vô văn hoá, không tôn trọng trật tự công cộng. Ngược lại, dẫu anh không có lý, hoặc đuối lý, nhưng có thái độ nhẫn nhịn thì được mọi người có thiện cảm, được đánh giá là người có văn hoá.

Trên một chuyến tầu từ Bắc Kinh đi tỉnh X, có một chàng trai lên tầu muộn, khi tìm thấy số ghế của mình, thì trên giá để hành lý chẳng còn chỗ nào trống, thậm chí gầm ghế cũng chật ních rồi. Vừa bực vừa vội, anh ngỏ lời để xem có ai dẹp chỗ lại không. Nhưng chẳng thấy có ai đáp lại, anh ta tự động di chuyển, xếp lại hành lý trên giá. Giữa lúc ấy có người lên tiếng nói rằng không được xê dịch hành lý, và tuyên bố không được phép của người khác thì không được động vào hành lý của người ta, hơn nữa lại còn đem

những hành lý bị anh thanh niên nọ xếp ra chỗ khác chuyển về chỗ cũ. Anh thanh niên này tức lắm, anh ta đã ngỏ lời rồi, nhưng vị hành khách kia phớt lờ, anh ta phải tự điều chỉnh, thế mà vị khách kia lại gây khó dễ, hơn nữa ông ta đã chiếm được một chỗ rất rộng, nhưng lại không cho ai để hành lý của mình lên trên hành lý của ông ta. Tưởng chừng sẽ nổ ra xung đột lớn. Giữa lúc ấy, anh thanh niên đã kịp nén những lời tức khí sắp buột ra khỏi miệng, nhẫn nhịn, đề nghị vị hành khách nọ sắp xếp lại hành lý của mình và tỏ ý cùng giúp ông ta một tay. Đứng trước thái độ ấy của anh thanh niên, cái ông hành khách vốn định thi gan này đành phải đấu dịu, buộc phải dẹp gọn hành lý của mình lại. Lúc này, các hành khách gần đó thở phào nhẹ nhõm. Thiết nghĩ, trên một chuyến đi dài như thế, có ai lại muốn nghe thấy một vụ cãi nhau? Ai nấy đều khen anh thanh niên là người có văn hoá, có thái độ nhũn nhặn. Là người cùng đi chuyến tầu ấy, tôi thấy trong ngày hôm ấy mọi người trong toa tầu này đều có thiện cảm với anh thanh niên. Thực ra thì anh thanh niên có lý, anh hoàn toàn có quyền yêu cầu cán bộ nhân viên toa xe giải quyết. Hơn nữa, với cái thân hình hộ pháp của anh, nếu có đánh nhau thì anh ở thế áp đảo, nhưng anh không làm như thế. Anh hiểu rằng làm như thế thì không được mọi người đồng tình, gây ra không khí căng thẳng trong toa xe, khiến cả chuyến đi mất vui. Vả lại, sự nhẫn nhịn không làm anh bẽ mặt, trái lại còn được mọi người đánh giá tốt!

Trong cái đạo lý "nhẫn" ở nơi công cộng này, điều mấu chốt nhất là biết rõ mọi người ở đó mong muốn điều gì, tiêu chuẩn mà họ dùng để đánh giá sự việc là gì. Đa số người ta suy nghĩ vấn đề, đánh giá phải trái theo lợi ích của mình, chứ không thật sự theo lập trường của đương sự. Do vậy, dẫu sự việc có lợi cho đương sự, nhưng không có lợi hoặc có hại đối với họ, họ sẽ có thái độ phủ định.

3. Nhẫn nhịn danh lợi, chớ chạy theo hư vinh

Tục ngữ có câu "Người đi qua để lại tiếng thơm, chim bay qua để lại tiếng hót". Không có ai muốn sống một đời âm thầm không có tiếng tăm. Xưa nay, người có chí lớn đều nhắm ba mục tiêu lớn, phấn đấu suốt đời, là danh, quan, lợi. Đối với người bình thường, đạt được một trong ba mục tiêu ấy thì đã tốt lắm rồi, nếu đạt được mọi mong muốn thì càng là số may. Tuy nhiên, nếu xét ở góc độ biện chứng thì có được phải có mất, có lấy phải có trả, có tiến phải có lui, bất kỳ sự thu hoạch nào đều phải trả giá. Vấn đề là ở chỗ cái giá phải trả có đáng hay không. Vì sự nghiệp chung, vì lợi ích của dân tộc và đất nước, vì sự hoà thuận trong gia đình, để hoàn thiện nhân cách của mình, trả giá bao nhiêu thì vừa? Nếu không tính toán cẩn thận, trả giá càng nhiều càng đau. Nói nhẫn nhịn danh lợi có nghĩa là chúng ta đưa ra mệnh đề nhân sinh theo ý nghĩa này, khuyên các vị, trong quá

trình theo đuổi công danh lợi lộc hãy bớt tham, tăng nhẫn nhịn, chớ để danh lợi làm mờ mắt.

3.1 Mưu tìm danh thơm, tránh tiếng xấu!

Khách quan mà nói, muốn có danh tiếng không phải là việc xấu. Muốn có danh tiếng thì có động lực tiến thủ. Người muốn có danh tiếng là người biết tự hổ thẹn, không muốn thanh danh của mình bị ố bẩn. Song không nên quá ham muốn. Quá hám danh mà một lúc không đạt được ngay thì dễ nẩy sinh ý xấu, không chính đáng, kết quả là danh thơm chẳng được, trái lại tiếng xấu để đời. Quân tử làm việc hợp đạo lý, làm việc tốt để thành danh. Tiểu nhân chạy theo hư danh, không đàng hoàng, cấu kết một cách nhỏ nhen. Xưa và nay, trong và ngoài nước, có rất nhiều trường hợp chạy theo hư danh bấp chấp mọi thủ đoạn, cuối cùng lại thân bại danh liệt, quả khiến người đời phải suy ngẫm. Có kẻ vốn đã có danh tiếng rồi, nhưng chê nhỏ, muốn danh tiếng lừng lẫy kia, thế rồi nẩy sinh ý xấu, nhưng kết quả là ngay cả cái danh tiếng cũ cũng bị người đời hoài nghi, càng bi đát hơn.

Tống Chi Vấn, nhà thơ đời Đường, có một người cháu gọi ông là cậu, tên là Lưu Hi Di, rất có tài hoa, là nhà thơ có triển vọng. Một hôm, Lưu Hi Di làm một bài thơ có đầu đề là "Đại bạch đầu ngâm", tới nhà cậu là Tống Chi Vấn để xin ý kiến. Hi Di đọc tới đoạn "Cổ nhân vô phục Lạc Dương đông, kim nhân hoàn đối lạc hoa phong. Niên niên tuế tuế hoa tương tự, tuế tuế niên niên nhân bất đồng", Tống Chi Vấn tấm tắc khen hay, vội hỏi Hi Di đã cho ai xem bài

thơ này chưa, Hi Di bảo vừa làm xong chưa cho ai xem. Tống Chi Vấn nói: "Hai câu "niên niên tuế tuế hoa tương tự, tuế tuế niên niên nhân bất đồng" rất hay, nếu chưa có ai biết thì cho cậu". Hi Di nói : "Hai câu này là hai câu cốt lõi trong bài thơ, nếu không có nó, thì toàn bài sẽ trở nên vô vị, cháu không cho được". Tối đến, Tống Chi Vấn không sao chợp mắt được, trằn trọc nghĩ về hai câu thơ này, thầm nghĩ bài thơ này độc đáo, sẽ được đời đời khen tuyệt, lừng danh trong thiên hạ, nhất thiết phải biến nó thành của mình. Thế là Tống Chi Vấn nẩy ý xấu, sai chân tay hãm hại Hi Di. Sau đó, Tống Chi Vấn bị khép tội giết người, lúc đầu bị đưa đi đầy ở Khâm Châu, tiếp đó vua ra lệnh phải tự sát, các nhà văn biết tin ai nấy đều mừng. Lưu Vũ Tích nói: "Tống Chi Vấn đáng chết, đó là quả báo".

Thời trung cổ, ở nước Ý có một nhà toán học tên là Tartaglia, nổi tiếng là "nhà vô địch" trong cuộc thi toán trong nước, ông đi sâu nghiên cứu, tìm ra phương pháp mới để giải phương trình bậc ba. Bấy giờ có một người tên là Cardano tới tìm ông, tự xưng là người có hàng vạn phát minh, chỉ có mỗi phương trình bậc ba là ông ta chưa giải được, do đó rất buồn. Tartaglia tốt bụng bị lừa, nói cho ông ta biết phát hiện mới của mình. Không ngờ, ít ngày sau, Cardano lấy danh nghĩa của mình công bố một bài về phương pháp mới giải phương trình bậc ba. Tuy ông ta che mắt mọi người được một thời gian, nhưng sự thật đã được bầy ra ánh sáng. Bây giờ, cái tên Cardano trở

thành cái tên của kẻ lừa bịp khoa học trong lịch sử toán học.

Tống Chi Vấn, Cardano không phải là hạng bất tài, mà là người rất có tiếng trong lĩnh vực của mình. Tống Chi Vấn chưa ăn cắp thơ của Lưu Hi Di đã nổi tiếng khắp nơi rồi. Chết là chết ở chỗ lòng tham vô đáy. Tục ngữ nói "tiền làm mờ mắt", ai ngờ danh cũng làm người ta mờ mắt. Một khi đã bị mờ mắt thì có những kẻ vốn là "người thông minh" có tài hoa cũng mù quáng, làm những việc bẩn thỉu, biến danh thơm thành ô danh.

Muốn có danh tiếng không phải là việc sai, mấu chốt là ở chỗ, chớ có lúc nào cũng để mắt chằm chằm vào đó, làm cho mắt hoa lên, tối lại. Như vậy sẽ trượt vào con đường mua danh chuộc tiếng, trộm danh bịp đời.

Có khi chẳng mua danh chuộc tiếng, chẳng trộm danh bịp đời, tự dưng nổi tiếng. Trong trường hợp đó cũng cần thận trọng.

Một hôm, diễn viên tuồng nổi tiếng ở nước ta Quan Túc Sương đọc trên báo một bài có tựa đề "Chín diễn viên trong đó có Quan Túc Sương góp tiền nuôi dưỡng người già không con", đồng thời còn nhận được bản thảo bài thơ do Lý Nhi Trọng, cố vấn tỉnh ủy Hà Bắc viết, do tòa báo gửi tới, có tựa đề "Ca ngợi việc làm đầy tình nghĩa của 9 diễn viên Quan Túc Sương,...", khiến bà rất áy náy. Sự việc vốn là thế này: sau khi diễn viên tuồng Vu Xuân Hải qua đời, mẹ ông và bố dượng

không nơi nương tựa. Bí thư chi bộ đoàn tuồng Hà Nghĩa Chân đề nghị mọi người trong đoàn góp tiền nuôi dưỡng hai cụ, việc này đã được thực hiện 23 năm nay rồi, tất cả đã góp được hơn 6000 đồng, lúc đầu Quan Túc Sương không biết, sau khi biết bà mới tham gia. Nhưng báo chí lại đưa tin việc này do bà khởi xướng, như vậy là không đúng với sự thật. Quan Túc Sương lập tức đề nghị đoàn gửi thư tới tòa báo yêu cầu cải chính. Lý Nhi Trọng cũng tôn trọng ý kiến của Quan Túc Sương, sửa đầu đề bài thơ thành "Khen thay 26 đồng chí: Thi Bái, Hà Nghĩa Chân,... nhà hát tuồng tỉnh Vân Nam".

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai, quân Mỹ và quân Nhật đánh nhau tại một hòn đảo, quân Mỹ thắng, cắm cờ lên đỉnh núi chính trên đảo. Trong lúc tâm tình xúc động, các binh sĩ Mỹ xé lá cờ này làm nhiều mảnh chia cho tất cả mọi người để làm kỷ niệm. Sau đó có một phóng viên nhiếp ảnh đề nghị họ diễn lại để ông quay phim cảnh có ý nghĩa này. Trong đó có một chiến sĩ tên là Haise chỉ là người rất bình thường trong cuộc chiến đấu ấy, nhưng do cảnh phim này mà anh ta trở thành anh hùng, được hết vinh dự này đến vinh dự khác ở trong nước, ảnh của anh bắt đầu được in trên tem thư, trên vỏ bao xà phòng, quê hương anh cũng dựng tượng anh. Trước tình hình này tâm trí anh rất mâu thuẫn: một mặt say sưa với những tiếng khen, mặt khác sợ bị lộ chân tướng; đồng thời sống trong cảnh hữu danh vô thực, anh ta cảm thấy lương tâm cắn rứt, tự hổ thẹn, hàng

ngày dùng rượu để quên đi tất cả. Cuối cùng, vào một đêm, anh ta mặc quân phục rồi lặng lẽ rời khỏi cõi đời không ngớt lời khen anh ta.

Cũng là bỗng dưng được danh thơm, Quan Túc Sương và Haise xử lý khác nhau, kết cục khác nhau. Ngài Đông Pha nói đúng: "Không phải của mình, một chút cũng chớ tơ vương". Hưởng danh thơm không đáng có thì chẳng khác nào như bị giây xích trói chặt, ngồi dưới một trái núi lớn, sớm muộn sẽ bị đè chết. Như Quán Túc Sương sống chân thật, thì thoải mái, nhẹ nhõm, an nhàn.

Chúng tôi khuyên nhẫn nhịn danh lợi, không chạy theo hư vinh, có nghĩa là đối với ô danh thì phải tránh xa, đối với danh thơm thì phải tỉnh táo, chớ bị cám dỗ. Một là phải giữ cho nhân cách trong sạch, không để tâm hồn bị hoen ố; hai là chớ để cho người đời, hậu thế coi khinh, chê cười suốt đời. Hãy như Quan Túc Sương, để tiếng thơm cho đời.

3.2. Chớ hám làm quan, hãy làm người đầy tớ của dân

Cái lợi của việc làm quan ai mà chẳng thấy, hàng ngàn năm nay người người đều muốn. Tất nhiên, xã hội mà chúng ta đang sống là xã hội xã hội chủ nghĩa, quan trong xã hội này là đầy tớ của dân, không thể đặt ngang hàng với quan trong xã hội cũ. Song chúng ta chớ quên rằng, xã hội mới không phải tự dưng mà có, nó thoát thai từ xã hội cũ, chưa gột sạch tàn dư của xã hội cũ, quan niệm làm quan để trở nên giàu

có, làm quan để làm rạng mặt tổ tiên vẫn còn ăn sâu trong đầu óc nhiều người, vì hám quan, hám quyền, bất chấp kỷ luật của đảng, pháp luật của nhà nước, gây ra hàng loạt vụ "quan trường hiện hình ký",[1] như đổi lợi lấy quan, mua phiếu bầu, vây bè kéo cánh,... Với tác động của nền kinh tế thị trường, có người đã nguôi chí làm quan, vì họ nhận ra con đường mới có lợi hơn làm quan: kinh doanh. Nhưng cố người lại càng hám làm quan, họ nhận ra mối quan hệ giữa quan trường và thị trường, giữa quyền và tiền, cầm quyền tung hoành trên thị trường thì thỏa chí, vị ngọt càng đậm, càng tha thiết muốn làm quan. Từ "quan trường" hiện thực và thể nghiệm cá nhân của họ, quần chúng nhân dân đã tổng kết ra ba điều người làm quan cần tránh, cần nhẫn nhịn để làm thanh quan, làm quan cha mẹ. Đó là:

Một, không làm quan hồ đồ. Loại quan này tới đâu ở đó khốn nạn. Tới nhà máy, sản xuất không phát triển; tới nông thôn, nông dân không giàu lên được; tới trường học, trường học dạy và học không tốt; tới cơ quan khoa học, chẳng làm nên thành quả gì. Nói quả tội, những người này không phải không muốn làm tốt công việc của họ. Họ cũng thường thức khuya, dậy sớm, cũng đổ mồ hôi sôi nước mắt, cũng nhịn đói nhịn khát, chịu khó chịu khổ, thậm chí bỏ cả việc nhà việc riêng vì việc chung, nhưng công việc không có khởi sắc. Nguyên nhân là do họ không có tài làm

1. "Ghi chép về hiện trạng quan trường". - ND.

quan. "Lao tâm giả trị nhân",[1] không phải là người tài thì sao có thể đứng cao hơn người khác để chỉ huy họ? Bất tài mà lại muốn trổ tài thì vừa khổ mình vừa hại người khác. Có một người rất đáng để chúng ta học tập, đó là nhà khoa học vĩ đại Einstein. Những năm 50 ông nhận được một bức thư mời làm tổng thống Israel. Einstein là người Do Thái. Đối với người bình thường, nếu được làm tổng thống nước Do Thái thì còn gì vinh hạnh bằng. Mọi người không ngờ ông lại từ chối. Ông nói: "Tôi suốt đời làm bạn với vật chất khách quan, do đó vừa không có tài chí bẩm sinh, vừa thiếu kinh nghiệm về các vụ việc hành chính và đối xử với người khác một cách công bằng. Vì vậy, tôi không thích hợp với vị trí quyền cao chức trọng như thế". Biết mình có năng lực tới đâu tự đặt mình vào vị trí thích hợp với năng lực ấy, đó là việc làm thông minh của người thông minh. Nếu Einstein làm tổng thống thì rất có khả năng ông sẽ làm một ông quan hồ đồ, làm nhiều việc hồ đồ, nửa cuối đời ông chưa hẳn đã tỏa ánh hào quang như đã có. Học tập tấm gương của Einstein, nên chăng, các ông quan hồ đồ tay nắm quyền lớn làm những việc hồ đồ hãy thông minh hơn chút ít?

---

1. Tức "người lao tâm thì trị người". Lấy từ sách "Mạnh Tử": Lao tâm giả trị nhân, lao lực giả tri vu nhân; trị vu nhân giả thực nhân, trị nhân giả thực vu nhân. Nghĩa là: người lao tâm thì trị người, người lao lực bị người trị; người bị người trị thì nuôi người, người trị người thì được người nuôi. - ND.

Hai, Không làm quan ăn hại. Có những người ngồi ở ghế quan, nhưng suốt ngày phất phơ, chẳng làm việc quan, ngồi trong phòng làm việc nhưng chỉ đọc báo, uống chè, tập viết bút lông, ngủ gật, hoặc đóng cửa lại đánh bài, đánh cờ, chơi mà chược. Loại người này rất sợ xuống cơ sở, vì họ không biết nghiệp vụ chuyên môn, xuống cơ sở thì bẽ mặt chịu không nổi, thế là ngồi lì ở trên. Họ là những "con chuột đồng"[1] của quốc gia. Cứ nơi nào cơ cấu cồng kềnh thì những "con chuột đồng" tụ tập tại nơi ấy, thi nhau gặm của nhà nước, gặm của nhân dân, bao giờ mới thôi? Cải cách sẽ phải tiếp tục, đến mức độ nhất định thì sao có thể cho phép tồn tại tình trạng nhởn nhơ này được. Sẽ có ngày bị mời ra khỏi phòng làm việc, các người gặm vào cái gì?

Cũng còn một số người tuổi cao sức yếu, bệnh tật giữ tước quan, lĩnh lương nhưng không làm việc. Vì họ còn ngồi đó cho nên người khác chỉ có thể là cấp phó. Tại sao vậy? Có thể là do tâm lý thích làm quan, cũng có thể là do đãi ngộ bị giảm. Loại người này, điển hình nhất là thủ tướng Anh tiền nhiệm Churchill. Năm 76 tuổi ông ta lại ra làm thủ tướng một lần nữa. Lúc mới nhậm chức ông ta tỏ ý chỉ làm một năm. Nhưng do quá say mê quyền lực, ông ta cứ

---

1. Trong nguyên bản: "Thạc thử", tên một thiên trong tập "Thi. Ngụy phong". Chỉ kẻ quyền cao chức trọng đục khoét của dân, phất phơ chẳng làm gì, giống như con chuột to. Chúng tôi tạm dịch. - ND.

lần lữa kéo dài. Mãi tới khi thể lực không chịu đựng được nữa, do bạn bè khuyên can, ông ta mới miễn cưỡng nhả ra. Cả đời ông ta tỏa ánh hào quang, nhưng những năm cuối đời lại dây vết hoen ố.

Ba, không làm tham quan. Tham quan là loại người quá cá nhân, lòng dạ bất lương, chỉ nghĩ tới vơ vét cho mình. Vơ vét đãi ngộ, vơ vét tiền, vơ vét gái... Hiện tượng này không thiếu, chẳng cần kể nhiều. Tất nhiên, có người không phải có chức là đã rất tham, đã vơ vét. Xét về bản chất, lúc đầu họ cũng rất tốt, nhưng không đứng vững khi người ta chủ động dâng lên trước mũi, một hai lần đầu thì còn từ chối được, lần thứ ba, thứ tư thì sao? Lâu ngày thành quen. Loại quan như thế không làm còn hơn, nếu làm thì nhất thiết phải giữ mình kẻo sớm muộn sẽ có chuyện!

3.3. Tạm thời mất chút thể diện, nhưng được tiếng lớn lâu dài

Thể diện là một khái niệm hết sức quan trọng trong truyền thống văn hóa Trung Quốc. Nó tượng trưng cho sự cao quý, địa vị, thậm chí danh dự,... của con người. Trong một số trường hợp, thể diện còn quan trọng hơn danh lợi. Thể diện thường là tiêu chuẩn và thước đo quan trọng khi người ta xem xét vấn đề, và cũng là xuất phát điểm và nguyên tắc quan trọng khi người ta phán đoán và đưa ra sự lựa chọn. Con người ta sống phải có thể diện. Xung đột, mâu thuẫn có khi cũng chỉ vì thể diện; thậm chí vì thể diện mà người ta bất chấp tất thảy, liều mình thí

mạng,... Tóm lại, tìm hiểu đời sống, công việc và quan hệ giao lưu của người Trung Quốc, thể diện là một nhân tố không thể bỏ qua. Chính vì thế mà trong việc nhẫn nhịn người ta có tính tới một yếu tố hết sức quan trọng là có hại cho thể diện hay không, nếu có thì hại tới mức độ nào. Tức là, khi mất thể diện thì để lấy lại thể diện người ta phấn đấu quên mình, bất chấp hiểm nguy, bất chấp hơn thiệt, chưa đạt mục đích chưa thôi. Người ta còn lấy phương thức nhẫn nhịn, thái độ khoan dung trong việc giữ thể diện của mình làm một mặt quan trọng để kiểm nghiệm trí tuệ nhân sinh, nghệ thuật sống của mỗi người. Sống ở trên đời, không ai không quan tâm tới sự cao quý, địa vị và danh dự của mình. Hơn nữa, do quan hệ giao lưu giữa người với người rất phức tạp, do giữa con người với nhau có mâu thuẫn và xung đột, rất khó tránh khỏi những trường hợp làm hại tới thể diện của nhau. Vậy trong những trường hợp ấy chúng ta cần xử lý như thế nào? Chúng ta phải giữ và bảo toàn thể diện như thế nào? Khi mất thể diện thì lấy lại thể diện như thế nào? Đó là những vấn đề khá đau đầu. Đối với những câu hỏi này, nhẫn nhịn quả là phương thức khôn ngoan. Nó giúp người ta bảo toàn được thể diện, lấy lại được thể diện, thậm chí có thể diện hơn.

4. Chống xa xỉ, tiết dục, sống giản dị

Sống ở trên đời, con người không thể rũ bỏ được cái tính bẩm sinh, không thể không có ham muốn và

thị hiếu. Song, con người sở dĩ là con người là vì họ biết phát huy một cách hợp lý cái tính bẩm sinh, tiết chế ham muốn một cách có lý trí.

Con người có những ham muốn và thị hiếu lành mạnh, tốt đẹp. Ham muốn, thị hiếu tốt đẹp thúc đẩy, kích thích con người phấn đấu vươn lên. Như thích đọc sách, đắt bao nhiêu cũng mua, cứ thấy sách hay là muốn mua. Nhưng cũng có ham muốn, thị hiếu chẳng hay, như thích bài bạc, thấy mà chược là lăn xả vào như con thiêu thân, bán vợ đợ con mà mặt vẫn tỉnh bơ, không đau lòng xót ruột; có người làm nô lệ cho tiền tài, trọng của hơn người, kiếm tiền bằng bất kỳ thủ đoạn nào, thậm chí bất chấp mạng người; có kẻ háo sắc, coi phụ nữ là công cụ thỏa mãn dục vọng, nhẫn tâm chà đạp lên thanh xuân và sự trinh tiết của chị em. Những ham muốn ấy càng mạnh thì hại càng lớn. Do vậy, bất kỳ ai có lý tưởng, có hoài bão, muốn làm nên nghiệp lớn, muốn làm người đứng đắn đều phải chống thói xa xỉ, tiết dục, chớ có xa hoa dâm dật, phải vứt bỏ ham muốn, thị hiếu vô đạo đức.

Đề cao nhân sinh nghiêm túc, chống thói xa xỉ, tiết chế dục vọng không phải là bóp nghẹt nhân tính tự nhiên của con người. Chủ nghĩa cấm dục thời trung cổ bóp chết nhân tính, chuyên chế đối với tinh thần tự do của con người. Thời kỳ "cách mạng văn hóa" không được công khai nói về nhân tính, ngay để tóc dài, mặc thời trang, hát tình ca cũng bị coi là dị đoan.

Thanh thiếu niên nam nữ ngày nay ăn diện lộng lẫy, họ không tưởng tượng nổi những năm tháng ấy cha mẹ, anh chị họ ăn mặc toàn mầu xám.

Chúng ta kêu gọi chống thói xa xỉ, tiết chế dục vọng trên tiền đề không làm ảnh hưởng tới việc phát huy ý chí tự do, phá hoại cá tính, trên tiền đề nhân sinh hữu ích, xã hội vô hại. Ở đây cần phải có mức độ. Có mức độ thì có cái chuẩn mà theo, vô độ thì sẽ là xa hoa lãng phí. Dù là tiêu tiền của công hay tiêu tiền của cá nhân, tình trạng ăn uống quá độ, tiêu tiền như rác, cờ bạc, đĩ điếm đều phải được ngăn chặn.

4.1. "Thành công do cần kiệm, thất bại do xa xỉ"

Đây là quy luật phổ biến đã được sự thật xưa và nay, trong và ngoài nước chứng minh. Ở châu Á, Nhật Bản là nước rất giàu. nhưng người dân nước này nổi tiếng về tinh thần tiết kiệm.. Nhiều người Trung Quốc tới đây dạy học, nghiên cứu, thăm thân đều cảm phục. Họ nói, người Nhật tuy giàu nhưng rất ít khi ăn uống linh đình. Dù tiếp khách ở nhà hàng, khách sạn, các món ăn cũng đơn giản, ăn không hết thì các cô nhân viên phục vụ cho vào túi ni lông đưa cho khách mang về, không bỏ đi. Ở Nhật Bản, tại các công ty lớn, không ai được dùng điện thoại vào việc riêng, không được dùng giấy bút ngoài nhu cầu công việc, thậm chí có những sổ ghi điện thoại được đóng bằng giấy lại. Tặng phẩm cũng thường là những đồ chơi rẻ tiền. Xưa nay người Trung Quốc đề cao tinh thần cần kiệm dựng nghiệp, cần kiệm trị nước, coi cần kiệm là vinh,

xa xỉ là nhục. Lời dạy này không phân biệt người giàu kẻ nghèo. Nghèo thì phải cần kiệm mới đủ sống; giàu phải cần kiệm thì mới phát triển lên được. Trước đây chúng ta thường nói "cần kiệm là của quý gia truyền". Ngày nay, xem ra người Trung Quốc quên mất của quý gia truyền này rồi, nó đã vượt biển sang Nhật Bản mất rồi.

So với Nhật Bản, Trung Quốc còn rất nghèo, nhưng có những người cứ muốn xa xỉ trên sự nghèo khó. Chẳng biết "quý nhân" nào lại đưa ra cái lý luận cao siêu về "tiêu dùng cao mang lại hiệu quả cao". Một vị lãnh đạo doanh nghiệp nói: "Ở đơn vị ta, khi đi công tác, bất kỳ chức vụ cao hay thấp đều phải ở khách sạn sang nhất, ăn những món cao cấp nhất, như vậy mới được người ta coi trọng, muốn làm ăn với ta". Nghe vậy mọi người trợn mắt, phải chăng đây là bí quyết phát tài?

Có một đôi nam nữ thanh niên yêu nhau, khi làm lễ cưới họ phô trương, hơn hẳn các lễ cưới của các đồng sự trong đơn vị. Họ vay hàng vạn đồng để mua sắm vật dụng, trang trí phòng tân hôn lộng lẫy như cung điện. Như thế họ vẫn chưa thỏa mãn, trước ngày cưới, chú rể ăn cắp máy móc của nhà máy bán lấy tiền tiêu xài. Ngày tổ chức lễ cưới, chú rể mặc complê, đi giầy da, cô dâu mặc váy voan quét đất, dùng đồng tiền vàng ghép thành chữ hỷ, khách dự cưới lóa cả mắt, xe du lịch xếp một hàng dài. Quả là hách hết nước. Nhưng, khi lễ cưới đang diễn ra rôm rả, khách

chưa ai ra về, cô dâu chú rể chưa kịp động phòng, thì xe cảnh sát rú còi, tóm cổ chú rể lôi đi, tịch thu toàn bộ đồ điện gia dụng mà họ mua sắm bằng tiền đi vay. Sau đó, các chủ nợ tới tấp kéo đến đòi nợ, cô dâu đành phải bán hết các thứ còn lại. Đứng trong gian phòng trống rỗng, cô dâu kiên quyết đòi ly hôn. Một tổ ấm gia đình vừa mới bắt đầu thì đã vỡ tan vì xa xỉ.

Sự xa xỉ của người Trung Quốc ngày nay phần lớn biểu hiện ở chỗ ăn uống linh đình. Trong lịch sử Trung Quốc, "thực khách" là một tên gọi mất thể diện, nhưng nay bỗng thoắt biến, được thay thế bằng cái tên mỹ miều "nhà mỹ thực".

Một đất nước không đề cao tinh thần cần kiệm liêm chính, các quan lớn quan bé của nước ấy sẽ không chống thói xa xỉ, các tham quan sẽ sinh sôi nảy nở như châu chấu, gặm nhấm hết của cải của đất nước, đất nước ấy hưng thịnh làm sao?

Ngoảnh đầu ôn lại lời dạy ngày xưa "thành công do cần kiệm thất bại do xa xỉ" chúng ta thấy 10 chữ này hầu như đã khái quát được cái triết lý sâu sắc về sự thành bại của con người và sự hưng suy trong lịch sử. Trong lịch sử không thiếu những trường hợp vì xa xỉ mà nhà tan nước mất, vì xa xỉ mà phạm tội. Vì thế, trong lịch sử, những người có chí, những người hiểu biết đều coi trọng tinh thần cần kiệm, chống xa xỉ.

Đối với những người bận bịu bôn ba trên con đường nhân sinh, cần kiệm không chỉ là nét đẹp đạo đức mà còn là động lực phấn đấu vươn lên, lúc yên nghĩ tới lúc nguy, đảm bảo cho mình mãi mãi thích ứng với cuộc sống. Người xưa nói, từ cần kiệm biến thành xa xỉ thì dễ, từ xa xỉ chuyển thành cần kiệm thì khó. Trong đời sống, nếu không nhẫn nhịn, tránh được sự cám dỗ của thói xa xỉ thì sẽ sa vào thói phô trương, làm sang, thích an nhàn. Lâu ngày sẽ mất ý chí phấn đấu, chỉ muốn hưởng thụ, không còn tinh thần phấn đấu lập nghiệp nữa. Tục ngữ có câu "của như non ăn mòn cũng hết"; "dựng nghiệp khó như vo cát thành cục", "phá nghiệp dễ như dội nước cát trôi". Những kẻ phá gia chi tử há chẳng ngẫm suy?

4.2. Chớ uống "thuốc độc của ma quỷ"

Nói về hút thuốc uống rượu, lý luận của nhiều dân nghiền là: "Không hút thuốc, không uống rượu thì phí cả một đời". Ngày nay, đời sống được nâng cao, nạn hút thuốc uống rượu càng phát triển ngày một dữ.

Ở nước ta, lịch sử nấu rượu đã có hàng ngàn năm. Xét ở góc độ y học, uống rượu với lượng vừa phải có tác dụng giảm lạnh, thông máu, có ích cho sức khỏe, xét ở góc độ giao lưu giữa người với người, rượu có tác dụng làm tăng không khí tươi vui, tăng tình thân quen. Vì thế, vào các ngày giỗ ngày tết, ăn mừng thắng lợi, tiếp đãi người thân bạn bè, không thể thiếu rượu. Nhưng, không thể uống nhiều, uống nhiều sẽ

sinh chuyện. Đối với cơ thể, uống nhiều rượu sẽ sinh bệnh, nhất là những người mắc bệnh tim, gan, phổi càng phải kiêng rượu.

Uống rượu quá nhiều huyết áp sẽ tăng, không làm chủ được tình cảm. Chính vì thế mà người say rượu hoặc là nói năng càn bậy, hoặc là mê man, li bì, ảnh hưởng tới tình cảm vợ chồng, quan hệ giữa người với người, thậm chí làm hỏng công việc. Có đôi vợ chồng hiểu nhau từ thời còn để chỏm, tình cảm rất mặn mà, gắn bó, chỉ mỗi tội là chồng hay uống rượu, hễ uống là say, hễ say là ăn nói lung tung, làm phật lòng đồng sự, về tới nhà là nôn thốc nôn tháo ra chăn, đệm, có khi còn đứng đái ra giường, vì thế mà vợ chồng luôn cãi nhau, cuối cùng đành phải li dị. Còn như những hiện tượng say rượu đánh nhau thành thương tật, tàn phế, say rượu đâm xe làm chết người, say rượu lỡ mồm làm lộ bí mật, v.v... thì trong nước và ngoài nước đều nhiều vô kể.

Từ xa xưa đã có bài học thê thảm về uống rượu quá nhiều. Thời Tam Quốc, mãnh tướng Trương Phi vì rượu mà lần thứ nhất mất chức, lần thứ hai mất thành, lần thứ ba mất mạng. Vì thế mà Shakespeare nói: "Mỗi cốc rượu uống quá liều lượng là một liều thuốc độc của ma quỷ". Đó không phải là lời dọa nạt. Ngồi vào bàn ăn không nghe lời khích động, không uống quá chén, đó là điều hết sức quan trọng đối với người có lý trí.

Người Trung Quốc thường nói rượu với thuốc lá là anh em sinh đôi, cho nên nói nhịn rượu không thể không nói cai thuốc lá. Hút thuốc lá là một thói quen xấu, không những có hại cho sức khỏe mà còn tốn tiền, vô bổ, đôi khi gây ra hỏa hoạn, ... Đó là điều đã được nói nhiều, ai cũng biết. Cai thuốc lá cũng là một thử thách, một cuộc rèn luyện ý chí.

Trong bài "Chúc tửu ca", nhà thơ hiện đại nổi tiếng Quách Tiểu Xuyên viết: "Lấy rượu làm vui là con quỷ lang thang, say rượu kêu trời là đồ vô tích sự. Rượu vui và tỉnh là người mới đời nay. Bạn thuộc loại nào bạn có hay?

4.3. Hãy dẹp bỏ nạn cờ bạc

Ngày nay công cụ cờ bạc, lò chứa cờ bạc, con bạc đâu đâu cũng có. Người bình thường thì vào các ngày nghỉ, ngày lễ rủ thân thích, bạn bè gặp gỡ nhau ở một nơi nào đó, khi hứng lên thì chơi vài ván mà chược, đánh vài ván bài, thậm chí "cược nhau" hoa quả, thuốc lá, hoặc người thua bị bôi vẽ mặt, phải chui gầm bàn, phải đội gối, dẫu có là "Chư Bát Giới cõng nàng dâu" thì cũng chỉ là cho vui mà thôi. Nhưng cờ bạc là một căn bệnh rất có hại. Đã dính vào cờ bạc thì khó mà gỡ ra được. Lò bạc như lò lửa, ai đã nhảy vào liền bị cháy không sém mày thì bỏng mặt, thân bại danh liệt.

Một nữ viên chức cùng chồng tham ô công quỹ 430 ngàn đồng đem đi đánh bạc, bị xử tử cả hai. Một nhà lãnh đạo trong ngành nghệ thuật vì thua bạc

phải bán ti vi mầu lấy tiền trả nợ, mấy tháng sau lại thua bạc mắc nợ hơn 35 ngàn đồng, nhẩy lầu tự tử. Ai ngờ vị này lại là một cán bộ lão thành có hơn 40 năm tuổi đảng, đã lập công đầu trong chiến tranh viện Triều chống Mỹ. Cờ bạc còn phá tan biết bao gia đình hạnh phúc: một công nhân nghiện mà chược, ném vào bàn mà chược toàn bộ số tiền lương vừa đủ nuôi sống gia đình, lén lút bán các đồ dùng trong nhà. Khi anh ra khiến chiếc tủ 5 ngăn kéo đi bán, chị vợ ôm chân anh ra khóc lóc khuyên can, đang cơn khát bạc, anh ta chẹt cổ vợ đến chết... Nạn cờ bạc làm hại biết bao trẻ nhỏ: nhiều gia đình nổ ra những cuộc cãi lộn vì cờ bạc, làm ảnh hưởng tới việc học tập của con cái. Một đôi vợ chồng cứ tối đến là đi chơi mà chược, để đứa con gái nhỏ ở nhà một mình, kẻ xấu thừa cơ vào hiếp. Nạn cờ bạc biến người tốt thành ma quỷ mất hết tính người: ở Thượng Hải có một con bạc xông vào ngân hàng giết nhân viên thu ngân lấy tiền trả nợ bạc. Ở nước ngoài, có kẻ giầu có còn mang vợ ra để gá bạc, thua thì vợ còn bị lôi đi giết ở những ngôi đền khuất nẻo.

Chúng ta thấy cờ bạc chẳng phân biệt già trẻ, sang hèn, bất kỳ ai không chống lại được sự cám dỗ của cờ bạc, một khi đã dính vào thì như con nghiện thuốc phiện sa vào vực thẳm không sao thoát được. Không có quyết tâm từ bỏ cờ bạc thì tiền đồ cá nhân, sự êm ấm trong gia đình, cuộc sống hạnh phúc đều biến thành mây khói. Một quốc gia, một dân tộc không dẹp bỏ được nạn cờ bạc thì lòng dân rệu rã, ý chí suy

giảm, không còn quốc hồn dân chí. Mấy chục năm về trước, khi nói về mà chược, ngài Hồ Thích vạch ra rằng: đã có một thời mà chược truyền vào Âu Mỹ, Nhật Bản, phát triển thành cơn sốt, nhưng nhanh chóng xẹp xuống, bởi vì "dân tộc phương Tây cần lao phấn đấu quyết không làm tín đồ của mà chược, quyết không để mà chược chinh phục. Mà chược chỉ là sản phẩm thuộc bản quyền của dân tộc Trung Hoa chúng ta, một dân tộc có "nền văn minh tinh thần" thích an nhàn phóng đãng, không yêu quý thời giờ. Chỉ có dân tộc lạc hậu chúng ta mới lấy an nhàn làm hạnh phúc, lấy việc giết thì giờ làm nhiệm vụ cấp bách, đàn ông thì giết thì giờ bằng cách chơi mà chược, đàn bà thì lấy mà chược làm công việc nội trợ, bà già lấy mà chược làm đại nghiệp cuối đời". Hãy suy ngẫm những lời bầm gan tím ruột ấy của ngài Hồ Thích. Mong rằng các con bạc đang chìm đắm trong các lò bạc mau mau tỉnh ngộ, dừng bước bên bờ vực thẳm, quay đầu hối cải.

4.4 Tiết chế tình dục, trăm ngàn điều xấu đứng đầu là dâm ô

Đồng tính thì đẩy nhau, khác tính thì hút nhau, đó là quy luật tự nhiên. Sự kết hợp của loài vật không dựa trên cơ sở tình cảm, cũng không chịu ràng buộc bởi đạo đức, pháp luật. Sự kết hợp giữa nam nữ của con người có mầu sắc tình cảm, chỉ hạn chế trong phạm vi đạo đức và pháp luật cho phép. Đó là quy tắc văn minh của con người, cũng là chỗ khác nhau

về hoạt động tình dục của con người so với loài vật. Trái với quy chế ấy thì gọi là dâm ô. Dâm ô là hành vi vô cùng xấu xa. Người xưa nói: "Trăm ngàn điều xấu, đứng đầu là dâm ô".

Ở Trung Quốc, "lịch sử dâm ô" phải kể từ vua Trụ. Trong "tập đoàn loạn dâm" ông ta là trùm sỏ số một, vì hoang dâm mà ông ta mất nước, mất mạng, để lại tiếng xấu muôn đời. Sau ông ra, các đế vương hoang dâm vô độ vẫn còn nhiều vô kể, hơn nữa, rất nhiều người vì buông thả tình dục mà chết non, vì hoang dâm mà mất nước. Theo Trung y, hoang dâm vô độ thì nguyên khí bị hao mòn mạnh mẽ. Vì thế, các hoàng đế hoang dâm chết non là phải. Ở Trung Quốc, hoàng đế nào mà chẳng năm thê, bẩy thiếp, nếu hạn chế thì không vị nào chịu nổi. Do vậy, làm gì mà các vị chẳng chết sớm? Thời kỳ Xuân Thu, Tấn Bình Công mắc bệnh, nhờ nước Tần chữa giúp. Nước Tần cử danh y là Y Hoãn tới khám giúp. Khám xong, Y Hoãn nói với Tấn Bình Công: "Bệnh của bệ hạ không thể chữa khỏi. Vì bệnh này do gần gũi phụ nữ mà ra". Tấn Bình Công hỏi: "Lẽ nào không được gần gũi phụ nữ?". Y Hoãn đáp: "Phải tiết chế. Bất kỳ việc gì cũng không nên quá độ. Hễ quá độ là có hại". Y Hoãn nói rất phải. Kết hợp nam nữ vốn là việc làm thuận theo tự nhiên, nếu không thì không có sinh con đẻ cái, không có đời sau, đó là "ý trời". Mà trái với "ý trời" thì trời giận, cho nên chịu tội ốm yếu, chết non là phải. Hoang dâm còn gây ra tai nạn cho xã hội - bệnh hoa liễu. Cái bệnh này mới nghe thấy

người ra đã sợ hết hồn. Trong một bể vơi công cộng, mọi người đang bơi, bỗng máu trên cơ thể một người trẻ tuổi phọt ra, chẳng hiểu ai đó thét lên "Máu giang mai!". Nghe thấy mấy tiếng đó mọi người sợ hơn nghe thấy hai tiếng "động đất", nhanh chân chuồn thẳng. Tin này không có cánh mà bay đi rất nhanh, bể bơi này chẳng còn ai ngó tới.

Ở nước ra, bệnh giang mai đã tuyệt nọc được nhiều năm rồi. Nay lại lây lan bừa bãi. Hoạ này chủ yếu bắt nguồn từ những kẻ loạn dâm. Họ là những người gây ra tai hoạ này và cũng là những người hứng chịu trước tiên.

Nữ thanh niên Trần có khuôn mặt khả ái thân hình hấp dẫn. Nhờ lợi thế ấy cô thường được cùng khách Hồng Kông và nước ngoài ra vào các khách sạn và tiệm ăn cao cấp. Sau nhiều lần "vui vẻ", cô thấy cơ thể có hiện tượng khác thường, thị lực giảm dần, hai đầu vú rỉ máu, đi khám thì được biết mắc bệnh giang mai. Cô chịu không nổi cú sốc đó, hôm sau cô không đi làm, mở hết cỡ bình ga trong nhà rồi lên giường nằm.

Một vị kinh doanh cá thể, lưng giắt ngàn quan, nhiều năm nay có quan hệ tình dục với hơn mười nàng tuổi xuân phơi phới. Khi định lấy vợ sinh con một cách đường đường chính chính thì anh ta phát hiện mình mắc bệnh giang mai. Anh ta một tay cầm một nắm tiền giúi vào túi bác sĩ, lắp bắp: "Tôi van bác sĩ hãy chữa khỏi bệnh cho tôi! Tôi không thể không có con! Tôi biếu tiền, biếu..." Bác sĩ gạt bàn

tay đẩy tiền của anh ta sang một bên, khéo léo nói với anh ta: "Hãy đợi y học phát triển lên rồi hãy hay". Quan niệm có tiền mua tiên cũng được đã bắt rễ rất sâu trong đầu óc nhiều người. Nhưng bây giờ lại thấy đồng tiền bất lực mới biết mình ngu, đau như cắt ruột. Quả là, việc đến nước ấy, hối thì đã muộn.

Trong số những người mắc bệnh giang mai, có người vốn có phẩm chất tốt, do một phút không chống lại được sự cám dỗ, hiếu kỳ và "thích của lạ" mà sa vào con đường dâm dục.

Một vị trưởng phòng cung tiêu đi công tác xuống miền Nam. Để tiết kiệm tiền, ông ta nghỉ tại một quán trọ rẻ tiền. Tối đến, một nhân viên phục vụ hỏi có cần thêm "chăn" không, ông ta không hề do dự trả lời có. Đèn vừa tắt thì "chăn" vào. Phải nói rằng, lúc bình thường, ở trong nhà máy, ông ta là người tốt, cũng có vợ con rồi, mà vợ cũng khá xinh. Chỉ tại vì nghe nói "hoa vườn nhà không thơm bằng hoa đồng", "con thì phải là con ta, vợ thì phải là bà khác mới đã", hư thực thế nào ông ta chưa được nếm trải, cho nên hôm nay cũng muốn xem hoa nhà và hoa đồng hoa nào thơm, hoa nào "đã". Chỉ có điều là, ông không ngờ rằng, đêm hôm ấy ông ta bị móc túi không còn một xu. Quả là : gái phương Nam kiếm tiền rõ khéo, hổ Đông Bắc nhẵn đít tay không. Nhưng chưa hết. Mấy tháng sau, cả nhà ông trưởng phòng kéo nhau vào bệnh viện. Ông mang bệnh từ miền Nam về truyền sang cho vợ. Do không thận trọng bệnh từ quần áo nhiễm sang cả con.

Cái tâm lý "thích của lạ" của vị trưởng phòng khá tiêu biểu, và sự lỡ bước vào con đường dâm dục rất đáng để mọi người suy ngẫm. "Nhân chi sơ, tính bản thiện". Trong số những kẻ dâm đãng ngày càng tăng ấy, có nhiều người sa ngã chỉ vì chót "thích của lạ", vậy sao không dừng lại đi?

Thời Xuân Thu, có một người là Liễu Hạ Huệ, đi xa, tới giữa đường thì trời tối, phải nghỉ ở cổng thành. Một lát sau thì có một người đàn bà tới cùng ngủ. Bấy giờ trời rét, vì sợ người đàn bà này chết rét, ông ôm vào lòng, lấy áo của mình quấn cho cả chị ta, cho tới trời sáng cũng không có cử chỉ bờm xơm. Nước Lỗ có một chàng trai ở độc thân. Một đêm, có một quả phụ gọi cửa xin vào ngủ nhờ, anh ta không mở cửa. Chị quả phụ ghé mồm qua cửa sổ nói rằng anh bất nhân bất nghĩa thế. Chàng trai nói: "Nàng còn trẻ, ta cũng còn trẻ, cho nên không cho nàng vào". Chị quả phụ nói: "Sao chàng không học tập Liễu Hạ Huệ?". Chàng trai đáp: "Liễu Hạ Huệ làm chủ được bản thân, ta không làm chủ được bản thân". Chàng kiên quyết không mở cửa.

Hành vi của hai người nói trên rất có ý nghĩa. Liễu Hạ Huệ cũng là con người. Trong con người ông không thể không có yếu tố bản năng. Chàng trai nào mà chẳng đa tình? Ôm gái đẹp trong lòng có cảm giác khác với ôm khúc gỗ, thế mà Liễu Hạ Huệ ôm cho tới khi trời sáng mà không hề có ý bờm xơm, chứng tỏ ông chẳng những biết tự trọng mà còn có ý thức giữ mình rất mạnh. So với ông thì chàng trai nước

Lỗ kém một bậc, không tự chủ được bản thân. Nhưng chàng cũng biết tự trọng. Tiết chế tình dục được như Liễu Hạ Huệ là tiết chế tới mức cao nhất, làm được như vậy thì quả là "vàng ròng" rồi. Mặc ngươi khêu gợi, ta vẫn thản nhiên, da chạm da, thịt chạm thịt vẫn "giữ mình như giữ ngọc". Nếu không được như Liễu Hạ Huệ, nhưng muốn làm chính nhân quân tử biết tự trọng thì hãy học tập chàng trai nước Lỗ "mạn phép không nhìn, mạn phép không nghe, mạn phép không chạm". Chớ có nghe theo luận điệu "giải phóng tình dục", thấy gái đẹp thì hãy "kính nhi viễn chi". Đó cũng là kế hay để tiết chế tình dục.

5. Nín chịu thất bại để tiến lên, trăm ngàn trắc trở cũng không nản chí

Mỗi người phải làm rất nhiều việc trong đời, không thể làm việc nào cũng thành công. Học tập, hôn nhân, sự nghiệp, đó là mấy việc lớn trong đời người. Trong học tập không phải ai cũng đỗ đạt. Trong hôn nhân không phải ai cũng thành công ngay lần đầu, hạnh phúc suốt đời. Trong sự nghiệp thì càng khó nổi tiếng tăm, không phải ai cũng thành dạt, ngay những vĩ nhân vị nào cũng mang trên mình đầy những vết thương, nếm đủ mùi thất bại.

Nguyên nhân thất bại thì rất nhiều, hoặc là do không có thực tài, không có kiến thức cần thiết; hoặc là do không có người biết tới, không có cơ hội; hoặc là do nhất thời tính toán sai, qua loa đại khái; hoặc do kiêu ngạo, coi trời bằng vung; hoặc có kẻ phá hoại,

ngấm ngầm làm hại, v.v... Bất kể do nguyên nhân chủ quan hay khách quan, hễ thất bại thì phải gắng chịu.

5.1 Bại không nản, thua keo này bầy keo khác

Muốn nín chịu thất bại để tiến lên thì trước hết phải nín chịu sự day dứt do thất bại gây ra, phải vùng dậy, chớ có hễ bại là nản lòng, nhụt chí, thậm chí làm điều ngu xuẩn.

Mark Twain là nhà văn. Nhưng do tác động của kinh tế hàng hoá, ông cũng bị tiền bạc thôi thúc tiến hành hoạt động kinh doanh. Lần đầu tiên ông đầu tư vào lĩnh vực máy chữ, do bị lừa, ông phải đền bù hơn 190 ngàn đô la. Lần thứ hai ông lập ra công ty xuất bản, do là người "ngoại đạo", không biết kinh doanh, lại bị lỗ 94 ngàn đô la. Hai lần lỗ vốn gần 300 ngàn đô la, toàn bộ số nhuận bút tích góp nhiều năm đều đội nón ra đi, hơn nữa còn mắc nợ lớn, gồm 96 chủ nợ. Twain đau xót, muốn chết cho xong. Vợ ông, bà Olivia, là một phụ nữ hiền hậu, thông minh. Bà biết chồng bà không có bản lĩnh kinh doanh, nhưng có thiên tài về văn học. Bà giúp chồng bỏ ý định kinh doanh, nín đau vì thất bại, xốc lại tinh thần, dũng cảm vươn lên, trở về con đường sáng tác văn hoc. Rốt cuộc, chẳng bao lâu ông thoát ra khỏi day dứt vì thất bại, trả được toàn bộ nợ nần, lập nên thành tích sáng chói trong sáng tác văn học.

Thất bại không có nghĩa là cuộc đời đã chấm hết, vấp ngã không có nghĩa đã đi tới tận cùng con đường

nhân sinh. Hãy xốc dậy, suy nghĩ kỹ về việc mình muốn làm, đánh giá lại mình, phân tích xem liệu có cáng đáng nổi không, nếu không nổi thì tốt nhất là tìm việc khác phù hợp với mình, không nhất thiết "lên gân" theo tới cùng; càng không nên nghĩ "chỉ được thành công, không được thất bại", "không thành công thì thành nhân". Mark Twain nhờ có vợ khuyên nín đau vì thất bại, thoát ra khỏi bóng đen thất bại. Nếu không, hẳn là âm phủ thêm một con ma, trần gian bớt đi một vĩ nhân. Đối với ông, quả là tiến thì rơi vào vực sâu, địa ngục, lùi thì "biển rộng cá tung tăng, trời cao chim tung cánh". Nín đau quả là tài!

Ở Nhật Bản, có một thanh niên tới công ty nọ xin việc. Đọc danh sách người được tiếp nhận không thấy tên mình, anh ta không chịu được cú xốc này, phẫn chí tự sát. Nào ngờ kỹ thuật tự sát quá tồi, cho nên chưa toại nguyện. Giữa lúc ấy thì có tin báo sở dĩ anh ta không có tên trong thông báo là do máy tính bị trục trặc kỹ thuật, thật ra anh ta đứng đầu danh sách. Và cũng đúng lúc anh ta đang hí hửng, định báo tin vui tới bạn bè thì lại có tin truyền tới: anh ta đã bị từ chối. Sự thể là, việc anh ta tự sát đã đến tai ông chủ. Ông cho rằng: chỉ vì một trục trặc nhỏ như thế trong cuộc sống mà anh ta cũng không chịu nổi thì sao có thể làm nên sự nghiệp? Người như vậy, nếu trình độ có giỏi hơn nữa chúng tôi cũng không tiếc. Không có những người như thế càng may cho công ty, giúp công ty tránh được bi kịch lớn hơn có khả năng sẽ xảy ra sau này.

Nghe câu chuyện này khiến ngời ta khó nghĩ. Nhưng lời của ông chủ có ý nghĩa sâu xa: vì thất bại, nhất thời không nén đau được mà làm việc ngu xuẩn, dẫu sau đó đã hiểu ra cũng thường bị mọi người có ác cảm, không có ai muốn hợp tác với loại người như thế, ai dám đảm bảo rồi đây anh ta không làm như thế nữa, và khi ấy thì đâu chỉ có mình anh ta hứng chịu hậu quả. Trong đời sống hàng ngày, có người hễ gặp việc không vừa lòng là chửi bới, đập phá, trút giận lên đầu người khác; có người cũng vì thế mà tìm lối thoát bằng rượu, chửi bới, gây sự; có người vì thế mà treo cổ, nhẩy sông tự tử. Những cách xử sự như thế chỉ tổ khiến người đời cười chê.

5.2 Trăm ngàn trắc trở cũng không nản chí, dũng cảm đương đầu với thất bại

Muốn nín chịu thất bại để tiến lên thì phải có niềm tin vững chắc, ý chí kiên cường, trăm ngàn trắc trở cũng không sờn lòng, nản chí. Nếu cho rằng việc mình làm là chính đáng thì phải kiên trì tiếp tục làm, vững tin nhất định sẽ thành công. Nước Anh có một người tên là John Creasy. Ông là nhà văn nổi tiếng trên văn đàn thế giới, cả đời đã viết 564 tập sách, gồm hơn 40 triệu chữ. Nhưng không sai ngờ rằng, trước khi nổi tiếng, tác giả tài hoa này là người bị trả lại bản thảo nhiều nhất trên thế giới. Ông xuất thân từ một gia đình công nhân bình thường, nhưng rất yêu văn học, sùng bái các nhà văn, ước mong trở thành nhà văn. Ông bắt đầu sáng tác khi 35 tuổi,

không có người hướng dẫn, hoàn toàn tự mình mò mẫn. Hầu như tất cả các nhà xuất bản các tạp chí văn học toàn nước Anh đều nhận được bản thảo của ông. Nhưng ông cũng nhận của họ 743 giấy báo trả lại bản thảo. Tuy nhiên, ông không nản chí, vẫn kiên trì viết, cuối cùng các vị biên tập viên đã thừa nhận tài hoa của ông.

Creasy nhận được 743 giấy báo trả lại bản thảo, nghĩa là ông thất bại 743 lần, 743 lần bị đòn. Nhưng ông không bị đánh quỵ, nhận được giấy báo thứ nhất ông đặt hy vọng vào bản thảo thứ hai, nhận được giấy báo lần thứ hai ông đặt hy vọng vào bản thảo thứ ba,... khi nhận được giấy báo lần thứ 743 ông lại đặt hy vọng vào bản thảo lần thứ 744, và ông đã thành công. Nhờ vào niềm tin sắt đá và ý chí kiên cường của mình, ông đã thực hiện được lý tưởng của mình. Nhà văn vĩ đại Gôgon nói: "Thất bại là mẹ thành công". Đối với Creasy quả là như vậy. Tuy ông thất bại quá nhiều lần, nhưng cuối cùng ông đã thành công, và đó cũng chính là chỗ vĩ đại của ông. Thử nghĩ, nếu lần thứ 10, thứ 100 hoặc lần thứ 743 ông không nín chịu được thất bại, dừng bút, thì ông vẫn chỉ là người công nhân bình thường, chứ không thể là nhà văn lớn nổi tiếng thế giới. Những ai mới thất bại lần thứ nhất đã bỏ cuộc, hãy học tập Creasy, làm lại lần thứ 2, thứ 3,... chắc chắn sẽ thành công.

5.3 Tràn đầy lòng tin, bồi dưỡng tố chất tâm lý tốt đẹp.

Muốn nín chịu thất bại để tiến lên còn đòi hỏi phải có tố chất tâm lý tốt. Đây là điều rất quan trọng đối với người bị thất bại. Nhiếp Vệ Bình là tay cự phách trong làng cờ vây ở Trung Quốc, người ta gọi anh là vua cờ. Một lần anh cùng đồng đội là Hoàng Đức Huân thi đấu cược ăn sủi cảo. Hai người lần lượt người được người thua, nhắm mắt nhắm mũi nuốt sủi cảo, tới lúc bằng điểm 96:96 không ai ăn thêm được nữa. Bỗng Hoàng Đức Huân ăn thêm 2 cái, Nhiếp Vệ Bình sợ hết hồn. Trong một thời gian dài từ đó về sau, cứ đấu với Hoàng Đức Huân thì Nhiếp Vệ Bình nhất định thua. Không phải anh chơi không hay mà do anh có tâm lý sợ Hoàng Đức Huân. Đấu cờ thua phải ăn sủi cảo khiến anh bị kích thích về tâm lý, cho nên hễ cứ đánh cờ là anh phải thận trọng, tác dụng tâm lý này có khi còn quan trọng hơn nghệ thuật chơi cờ.

Trong thi đấu cờ chính thức, tố chất tâm lý tốt là bình tĩnh, thận trọng. Nếu thua thì sao? Thiết nghĩ, thắng thua là chuyện bình thường. Trên đời không có vị tướng nào chỉ có thắng, cũng có khi họ phải chấp nhận thua. Trong những trường hợp không thi đấu chính thức thì không nên nhất quyết sống mái, tức là cần giành phần thắng thì giành, cần nhẫn nhịn thì nên nhẫn nhịn. Nhưng trên đời lại có người cố chấp.

Nguyên lão Quốc dân Đảng Hồ Hán Dân rất thích chơi cờ tướng. Ngày 9/5/1936, nhân sĩ nổi tiếng Trần

Dung mời Hồ Hán Dân dự tiệc tại Quảng Châu. Trong bữa tiệc ấy có một vị là Phan Cảnh Di cũng rất thích chơi cờ. Cơm no rượu say xong, hai vị bắt đầu đấu cờ. Sau hai ván thì mỗi người được một thua một, bất phân thắng bại. Hồ Hán Dân nhất định đòi chơi ván thứ ba để phân thắng bại. Trong ván này, khi Hồ Hán Dân đang có lợi thế, bỗng đối phương gểnh sĩ, rồi pháo ăn xe của Hồ Hán Dân, thế cờ bỗng thay đổi, Hồ Hán Dân thua là cái chắc. Ông ta mồ hôi vã ra như tắm, mặt trắng bệch, hai hàm răng nghiến chặt, ngất lăn ra đất, ba ngày sau thì chết do xuất huyết não.

Hai người đánh cờ, giỏi thì thắng, kém thì thua. Nhưng dù thắng dù thua cũng chỉ là vui chơi, quá cay cú thì mất tính chất vui chơi, uất đến chết thì càng đáng buồn.

Đội bóng đá Trung Quốc lần nào thi đấu lớn cũng lâm vào tình trạng cần thắng mà không thắng, không đáng thua cũng thua. Nếu thua đội mạnh thì chẳng đáng trách, nhưng đằng này lại toàn thua đội yếu, khiến mọi người bất bình. Theo các chuyên gia phân tích thì có 2 nguyên nhân: một là tố chất tâm lý của các cầu thủ chưa mạnh; hai là huấn luyện viên chỉ huy sai. Bác sĩ tâm lý đi theo đội cho biết: "Các cầu thủ Trung Quốc có yếu điểm là tố chất văn hoá thấp, về tâm lý thì chủ yếu là tâm trạng không ổn định, dao động mạnh. Đặc biệt là lâu nay không được rèn luyện về tâm lý. Có cầu thủ, khi tập thì xuất sắc,

nhưng khi thi đấu thì không phát huy được; có cầu thủ căn bản không biết cách làm chủ tâm trạng của mình". Đội bóng đá Trung Quốc không thua đối phương mà thua chính bản thân mình. Trận nào cũng thua khiến các cầu thủ có tâm lý sợ thua. Thắng thì kiêu, bại thì nản, mà ông trời thì lại chuyên đùa cợt bạn, bại mà nản thì càng bại! Bởi vậy, cần phải dám chấp nhận thách thức của mọi đối thủ, dám đối mặt với thực tế thất bại, nhẫn nhịn sự chê trách thậm chí sự chửi rủa của cổ động viên, luyện tập tố chất tâm lý cho thật tốt, đối với đội bóng đá Trung Quốc, điều đó quan trọng hơn kỹ thuật đá bóng.

Sai lầm và thất bại tuy là hai khái niệm khác nhau, nhưng đều là nhân tố tiêu cực có ảnh hưởng tới cuộc đời, là đòn đánh vào đời người. Trạng thái tâm lý của người phạm sai lầm và người bị thất bại có chỗ giống nhau, hơn nữa nhiều khi thất bại là do sai lầm chủ quan gây ra. Bởi vậy nói nín chịu thất bại không thể không nói nín chịu sai lầm.

Không có ai dám đảm bảo trong đời mình không phạm sai lầm. "Con người không phải là ông thánh, ai chẳng có sai lầm". Mà thực tế thì thánh cũng có khi sai. Người nói câu này chính là thánh nhân Khổng Tử, chẳng phải là ông đã từng tự trách mình đối xử sai với Nhan Hồi đó sao? Mấu chốt là phải có thái độ đúng đắn, đó là nhận sai để sửa sai. Có nghĩa là, khi phạm sai lầm thì phải nín chịu sức ép do sai lầm gây ra để sửa sai.

Người phạm sai lầm cũng giống như người bị thất bại, đều chịu sức ép về tâm lý. Có điều là, người bị thất bại nếu không chịu được sức ép thì nản lòng; còn người phạm sai lầm nếu không chịu đựng được thì buồn rầu, thậm chí chỉ một lần sai mà rầu rĩ suốt đời.

Có một nữ thanh niên và nam thanh niên quen biết nhau từ ngày còn để chỏm, thân nhau như anh em, nàng được chàng thường xuyên quan tâm giúp đỡ, việc nặng nàng không làm nổi thì chàng giúp, nàng bị bắt nạt thì chàng bênh vực. Một hôm chàng nói với nàng: "Hãy để cho quan hệ giữa hai chúng ta gần gũi hơn nữa nhé?" Nàng ngạc nhiên hỏi: "Em luôn luôn coi anh là anh của em, còn tình cảm nào gần gũi hơn anh em nữa chứ? " Chàng nói: "Là vợ chồng kia!" Nàng cười ngặt nghẽo: "Anh đâu có giống đức ông chồng của em! Trong tưởng tượng của em, ý trung nhân của em không giống anh chút nào. Thôi, anh hãy cứ ngoan ngoãn làm anh của em đi!" Trong mười năm rối loạn,[1] cha nàng bị bức hại đến chết, mẹ nàng mắc bệnh ung thư nằm liệt giường. Trước lúc qua đời bà muốn con gái có nơi nương thân suốt đời, thế là nàng tìm chàng làm chồng hờ, bởi vì nàng dặn đi dặn lại rằng: "Chỉ là vợ chồng giả thôi", sau khi mẹ nàng qua đời nàng sẽ rời khỏi thành phố này. Trong cuộc sốngmới, nàng vừa làm việc vừa tìm cho

1. Chỉ mười năm cách mạng văn hóa. - ND.

mình một ý trung nhân. Mấy năm trôi qua, nàng có quen biết một số chàng, người khác cũng giới thiệu cho nàng một vài chàng nhưng nàng chẳng vừa ý ai. Lúc này nàng mới nhận ra ý trung nhân của mình ở đâu. Nàng đi tìm "ông anh" xưa, nhưng lúc này chàng đã làm bố rồi. Nàng biết nàng đã phạm một sai lầm không sao cứu vãn nổi, đã đi sai một bước then chốt trên con đường nhân sinh, nàng vô cùng ân hận, trong lúc hụt hẫng ấy nàng kết hôn một cách hồ đồ, và rồi lại ly hôn một cách hồ đồ.

Người ta thường nói, sai cũng chẳng sao, chỉ cần nhận ra là mình đã sai, thế là được rồi. Thực ra, nói như thế không hoàn toàn đúng. Có người khi chưa biết là mình sai thì còn nhởn nhơ, ung dung; nhưng khi biết mình sai thì buồn rầu, than thân trách phận, lấy rượu để tự ru ngủ, tự sát để tự giải thoát, chán đời tự ti, tự giày vò mình, mất lòng tin. Cô nữ thanh niên vừa kể có phải là người như vậy không? Đi sai một bước trên đường đời mà ân hận suốt đời. Cô ân hận vì "ông anh tốt" vốn là của cô nhưng lại thành của người khác. Thực ra, vị tất phải làm như thế. Bởi vì chính cô đã dâng "ông anh tốt" cho người khác kia mà! Tục ngữ có câu: tại mình đi nhiều mà chân bị rộp. Vừa không thể oán người, vừa chẳng nên cứ giơ hai bàn chân bị rộp lên mà than vãn. Chi bằng bỏ chân xuống, khêu mụn rộp ra, ngẩng đầu lên. nhìn về phía trước, tiếp tục đi, đoạn đường trước mặt còn dài, cần rút ra bài học, đừng để chân lại bị rộp.

Thế nhưng cô gái nọ lại không như vậy. Cô không dứt bỏ được "ông anh tốt" của cô, có thắt cổ chết thì cũng phải chết ở trên cây ấy. Đó là nguyên nhân khiến cô đã sai lại càng sai. Những người không thoát khỏi ám ảnh sai lầm thường hay nghĩ quẩn, chỉ thấy cây mà không thấy rừng. Trên đời có rất nhiều cây tốt, khi cây ấy đã là "hoa thơm có chủ" thì phải đi tìm cây khác, chớ có than thân trách phận. Nếu cô gái ấy quên "ông anh tốt" ấy đi, tìm "ông anh tốt" khác thì đoạn đời sau của cô vẫn chan chứa niềm vui. Một anh thanh niên rất thích hội họa. Năm ấy mẹ anh nhiều lần khuyên anh ta trước hết phải tốt nghiệp trung học phổ thông, chuẩn bị thi đại học, nhưng anh ta không rời bút vẽ được. Sau khi ra làm việc anh ta mới cảm thấy không qua đại học có rất nhiều khó khăn. Do vậy, anh ta hối hận vì không nghe lời mẹ cho nên đã đi sai đường. Kỳ thực không nhất thiết phải vào đại học mới có tiền đồ. Ngành nào mà chẳng có tiền đồ? Đối với anh thanh niên này có lẽ hội họa phù hợp với thực tế của anh ta hơn. Hiện nay anh ta vẽ rất khá, không hiếm khi có mặt trên báo chí!

Không thoát ra khỏi ám ảnh sai lầm là điều không hay. Biết sai rồi mà vẫn cứ cố lao theo, cũng chẳng tốt. Đó là biểu hiện của tâm lý không chịu đựng nổi thực tế sai lầm.

6. Nén đau cắt bỏ tình yêu, xử thế một cách có lý trí

Yêu có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Yêu theo nghĩa hẹp là tình yêu đôi lứa. Theo nghĩa rộng thì yêu có nội dung phong phú, gồm có tình yêu đôi lứa, tình yêu đối với người thân, tình yêu đối với nghề nghiệp, tình yêu đối với việc tốt. Song, tình cảm của con người thường nảy sinh từ trong thực tế, và bị hạn chế bởi điều kiện khách quan. Ta yêu gì không yêu gì, yêu ai không yêu ai, chỉ yêu có một hay có thay đổi tình yêu, thường không do nhân tố chủ quan của ta quyết định. Như đồng chí Mao Trạch Đông đã nói từ nửa thế kỷ trước, trên đời người ta không vô duyên vô cớ mà yêu, không tự dưng vô cớ mà ghét. Nó chịu ảnh hưởng và bị hạn chế bởi bối cảnh chính trị, điều kiện kinh tế, trình độ văn hóa. Thường có tình trạng người hoặc vật mà ta càng yêu thắm thiết ta càng khó có được hoặc căn bản không thể có được. Người ta ai cũng yêu cái đẹp. Nhưng tình yêu, sự yêu thích không phải là toàn bộ cuộc sống. Khi cần phải hy sinh, cần phải cắt bỏ, vẫn phải nén đau mà cắt bỏ.

6.1. Nén đau để cắt bỏ sự yêu thích khi tìm nghề tìm việc

Việc làm hết sức quan trọng đối với mỗi người. Bởi vì, việc làm là chỗ đứng để ta làm nên sự nghiệp. Có việc làm lý tưởng là vận may, là niềm hạnh phúc. Không có việc làm lý tưởng thì chưa có chỗ đứng an thân lập nghiệp, chẳng những đời sống không chắc

chấn, mà tinh thần cũng không yên. Bởi vậy, việc tìm nghề tìm việc là việc lớn trong đời. Nước ta đất rộng người đông, tìm việc không dễ, nhưng ai cũng có bát ăn, dẫu là bát vàng, bát bạc, bát sắt hay bát đất. Song, khó đạt được yêu cầu ai cũng làm đúng nghề, đúng việc. Bởi vì, không ít trường hợp ta vốn đang làm công việc rất có tiền đồ, ta rất ưa thích, nhưng cấp trên lại điều ta đi làm việc khác mà ta không có sở trường, không ưa thích, vì nhiều nguyên nhân ta không thể từ chối. Khi này ta chỉ còn cách là nén đau cắt bỏ sự ưa thích của mình.

Mất chỗ này ta còn chỗ khác. Phần lớn những người phải làm công việc mà mình không thích, hoặc phải rời bỏ công việc mà mình ưa thích đều có thể giải khuây bằng câu nói ấy. Sự đau đớn do phải cắt bỏ sự ưa thích này sẽ qua khỏi rất nhanh. Người ta có thể gây dựng được hứng thú. Không thích làm, nhưng quen rồi thì sẽ thích. Vất bỏ công việc mà mình ưa thích thì khó tránh khỏi cảm giác hụt hẫng, nhưng thành tích của công việc mới có thể nhanh chóng bù đắp được sự hụt hẫng ấy. Trong đời sống hiện thực, chúng ta thường thấy những trường hợp như sau. Ai đó vốn ưa thích sáng tác văn học nhưng lại phải làm công tác nghiên cứu và có nhiều thành tích trong lĩnh vực này; ai đó rất thích làm phóng viên nhưng lại phải đi dạy học, mặc dầu không thích công việc này, nhưng sau mấy năm lại đào tạo ra một loạt phóng viên xuất sắc; ông X vốn là cán bộ chuyên môn nhưng lại phải làm cán bộ quản lý, do có chuyên môn, là

người trong ngành, cho nên ông quản lý đâu ra đó, rất trôi chảy; ông X vốn là thầy giáo, rất ghét kinh doanh, nhưng lại phải làm công tác kinh doanh, song ông cũng xông xáo lăn lộn và rất được việc. Vì vậy, muốn nín đau để cắt bỏ sự ưa thích thì điều quan trọng là phải có tinh thần vì việc chung, phục tùng sự sắp xếp của cấp trên, của tổ chức, thuận theo thời thế, có tinh thần yêu nghề, dám nghĩ dám làm thì dù làm việc gì cũng có thể làm tốt được. Cắt bỏ một công việc ưa thích không phải là lấy dao cắt thịt, không đến nỗi đau muốn chết. Nếu công việc mà ta yêu quý bị người khác tranh chấp, chèn ép, chiếm mất thì cũng cần nén đau để cắt bỏ, chớ nên liều mạng sống chết với họ. Lúc này, muốn nhẫn nhịn thì phải có tinh thần tự kiểm tra mình, phải nghĩ xem tại sao lại bị người tranh chấp, chèn ép, chiếm mất. Nếu người mạnh hơn ta thì ta hãy thực lòng chịu thua, học tập người, tìm việc mới; nếu ta và người ngang tài ngang sức, nhưng người lại có điều kiện hơn ta thì ta phải chấp nhận hiện trạng, không có gì đáng sợ. Ít ra, qua đó mà ta hiểu biết hơn, thiết thân nếm trải thử thách của cuộc đời.

Nếu bị ông chủ gây khó dễ, giãn việc thì cũng phải nén đau, nghiêm túc suy ngẫm tại sao ta không thích hợp với ông chủ này, do ta sai hay do ông chủ có vấn đề; là vấn đề công việc hay là vấn đề tình cảm. Suy ngẫm rồi thì nén đau, cắt bỏ, ra đi thì ra đi. Hãy nghĩ rằng, ở đây không nhận ta thì có nơi khác nhận ta. Song, sự nén đau, dứt bỏ này không

nên diễn ra nhiều, diễn ra nhiều thì ta sinh ra trơ lì, chai sạn, không gì cứu chữa được. Muốn tránh tình trạng phải "nén đau, dứt bỏ" trong việc tìm nghề tìm việc, thì về chủ quan, phải gây dựng ý thức kính nghiệp, làm nghề nào yêu nghề ấy, chuyên một nghề, hãy tin rằng nghề nào cũng có trạng nguyên.

6.2. Nén đau dứt bỏ tình đôi lứa

Trong biển cả tình cảm, có lẽ tình yêu là bọt sóng đẹp nhất, làm lòng người chếnh choáng nhất. Mạng sống vô cùng quý giá, mỗi người chỉ có một lần được sống, nhưng nếu so với tình yêu thì vị tất nó đã chiếm phần hơn trong lòng mọi người. Người xưa nói: "Tình là gì? Là cái làm cho sự sống thay cho cái chết". Người ngày nay cũng nói: "Yêu cho chết đi sống lại". Người nước ngoài nói còn rõ hơn: "Tính mạng rất quý, tình yêu còn quý hơn". Cái nào nặng cái nào nhẹ thì đã rõ. Có thể không cần mạng sống, nhưng tình thì không thể chia đôi. Thảo nào người ta nói: "Anh hùng là kẻ đa tình". Quả là tình yêu quan trọng hơn mạng sống. Vì vậy mà trong các tác phẩm văn học hoặc trong lòng mọi người tình yêu chân thật không vụ lợi, sống chết bên nhau rất được ca ngợi.

Tuy nhiên, trong đời sống thực tế, có những mối tình tha thiết đằm thắm chẳng đáng ngợi khen.. Bên cạnh đó lại có những "chàng cạn tình", "nàng nhẫn tâm" nén đau để dứt tình được người đời khâm phục. Sự nén đau trong lĩnh vực tình yêu có mấy mặt như sau:

Một là, tránh yêu sớm. Có người không ủng hộ cũng chẳng phản đối tình yêu trong sinh viên đại học. Không phản đối là vì sợ rằng, phản đối thì lại làm nảy sinh tâm lý ngược lại; không tán thành là vì sợ ảnh hưởng tới việc học tập của sinh viên. Có sinh viên nói rằng: "Nếu xử lý tốt thì tình yêu không gây trở ngại cho học tập". Kỳ thực, đối với đa số sinh viên, nói như vậy thì chỉ là tự lừa dối mình, lừa dối người. Kết quả điều tra cho thấy trên 95% sinh viên học tập giảm sút là do yêu đương.

Sinh viên đại học mà còn thế thì học sinh các trường phổ thông càng không nên. Ngày nay truyền hình đã vào tới mọi nhà, sách báo bầy đầy phố sá. Xin hỏi, có cuốn phim nào không có hình ảnh một đôi tình nhân? Có tập sách báo nào không viết về một câu chuyện tình yêu? Điều này có tác dụng như chất xúc tác đối với học sinh phổ thông, mà kết quả là yêu sớm. Học lớp năm lớp sáu đã thư từ cho nhau; vừa mới lên trung học cơ sở đã dắt nhau ra quán, ra vệ đường, thậm chí đã mò vào "khu cấm", ăn vụng "trái cấm". Những cặp tình nhân con nít này nào đã hiểu gì về tình yêu, mà chỉ bắt chước những cái mà chúng thấy trên ti vi, phim ảnh, tiểu thuyết. Thấy thì nực cười, nói thì phải than phiền, nghĩ thì thấy sợ. Có nên hay không thì chẳng nói cũng rõ. Ảnh hưởng thì bắt nguồn từ xã hội, trách nhiệm thì thuộc về gia đình, hại thì hại lũ trẻ. Chúng phải được ông bà cha mẹ chúng giúp đỡ cắt đứt giây tỏ tình. Cái van tình cảm mà bỏ ngỏ thì không gì ngăn cản nổi. Ra tay

mạnh thì sẽ nhanh chóng được yên. Yêu sớm chỉ có hại chứ không có lợi gì.

Hai là, không chạy theo tình yêu đơn phương. Đã là tình yêu thì phải là tình yêu song phương. Nếu một bên hữu tình, một bên vô tình thì chỉ khổ cho bên hữu tình. Bên hữu tình nén đau, dứt tình là tốt nhất. Trong "Hồng lâu mộng", Cổ Thụy là tay điển hình về tình yêu đơn phương. Trong bữa tiệc mừng thọ Cổ Kính, vừa nhác thấy chị Phượng, Cổ Thụy đã bị hút mất hồn, tự cho là một cuộc "kỳ ngộ". Ở trong vườn hoa, Cổ Thụy liếc mắt đưa tình. Là người thông minh, chị Phượng làm gì chả đoán ra tám chín phần mười. Trong phủ Ninh Quốc, ngoài hai con sư tử đá ra, chẳng còn gì sạch sẽ, chị Phượng cũng chẳng thoát được. Nhưng, Cổ Thụy, ngươi là cái thứ gì, với thân phận, địa vị mà nhân phẩm ấy mà ngươi lại đòi lấy bà trẻ trong phủ Ninh Quốc, ngươi giở trò gì vậy? Nếu là người khác thì đi một nhẽ. Đằng này lại là chị Phượng, thế mới xúi quẩy cho Cổ Thụy. Chị Phượng đâu phải tay vừa: "Bao giờ hắn chết trong tay ta hắn mới biết ta là người thế nào". Không đồng ý thì thôi, sao lại đẩy người ta vào chỗ chết? Kết quả, bị chị Phượng đầu độc, Cổ Thụy xuống suối vàng.

Trong mối tình đơn phương, người ta thường cho rằng "ý trung nhân" của mình là người hoàn mỹ nhất thế giới, "ngoài nàng không lấy ai khác", "ngoài chàng không lấy ai khác". Tình yêu son sắt như thế thường khiến mọi người cảm động. Song, một bên như si như

dại, một bên thờ ơ nhạt nhẽo, một bên tình như lửa đốt, một bên lạnh như băng giá. Biết người không yêu mà vẫn cứ yêu, theo tận chân trời cuối biển. Yêu như thế thì chỉ tổ tự giày vò mình, là khúc ca buồn thảm.

Ba là, nén đau dứt bỏ "tình sầu". Tình sầu là yêu trong đau khổ. Tình yêu như cốc rượu nồng. Hai bên nam nữ tâm đầu ý hợp, yêu nhau càng thắm thiết thì chén rượu càng nồng đượm. Cùng uống chén rượu ấy hai người cảm thấy hạnh phúc, ngọt ngào. Thế nhưng, có khi hai người yêu nhau lại là chén rượu đắng, là tình sầu.

Một đôi vợ chồng vốn là thân thích, chàng là anh họ, nàng là em họ, đó là đôi vợ chồng cùng dòng họ. Khoa học và thực tiễn chứng minh rằng hôn nhân cùng dòng họ chỉ có hại, nó làm cho trí tuệ của thế hệ sau kém đi, bị dị hình, mỗi đời một kém. Trong xã hội văn minh, pháp luật cấm hôn nhân cùng dòng họ gần gũi. Chết nỗi, đôi trai gái này lại là thanh mai trúc mã, ngây thơ hồn nhiên, từ hồi còn để chỏm đã cùng nhau chơi trò cô dâu chú rể, lớn lên tình ý càng sâu nặng, đòi thực hiện giấc mộng cô dâu chú rể từ thời ấu thơ, lãnh đạo trong thôn đã mấy lần "chia duyên rẽ thúy", ai ngờ càng "chia" họ càng "vón" lại với nhau, thề: "Chết cũng không lìa nhau". Lãnh đạo sợ xẩy ra án mạng, lờ đi cho qua, chấp nhận luật vua thua lệ làng. Giấc mộng bao năm của đôi trai gái này được thực hiện. Nhưng tình yêu nồng cháy của

họ lại kết ba trái đẹn[1]. Nếu nén đau dứt tình ngay từ đầu thì làm gì có nỗi khổ hôm nay!

Nhà nghệ thuật nổi tiếng Lưu Hương Khuê và Mai Lan Phương có thời yêu nhau say đắm, bạn bè cùng nhiệt tình vun vén cho họ. Nhưng, trong xã hội cũ, nữ diễn viên mà đẹp, nổi tiếng thì quan to, kẻ quyền quý, chính khách quân phiệt sẽ bám riết như hổ đói. Nếu hai người lấy nhau thì chẳng những Lưu Hỷ Khuê ăn đòn của những kẻ ấy, mà Mai Lan Phương cũng bị chúng dồn vào chỗ chết. Lưu Hỷ Khuê suy đi nghĩ lại nhiều lần, cuối cùng chị đành phải nén đau dứt tình, chủ động nói với Mai Lan Phương rằng: "Trong đời em chưa yêu ai, chỉ yêu anh, chỉ muốn chung sống cùng anh, mà chắc hẳn hạnh phúc. Nhưng em dự cảm có nhiều móng vuốt ma quỷ đang rình rập em, nếu em lấy anh nhất định chúng sẽ trút giận lên đầu anh, thậm chí huỷ hoại tiền đồ của anh. Em nghĩ, nếu lấy đời sống hạnh phúc cá nhân so với sự nghiệp nghệ thuật thì đời sống xếp hàng thứ hai, cho nên em phải từ chối lời cầu hôn của anh, mãi mãi giấu anh trong tim em". Mai Lan Phương tuy rất đau khổ nhưng rất bình tĩnh và đồng ý. Sau này, Lưu Hỷ Khuê nổi tiếng, và quả là chị bị bức hại liên tiếp, bất đắc dĩ, chị đành phải rời bỏ sân khấu, mai danh ẩn tích bốn chục năm trời. Sự thực đã chứng minh Lưu Hỷ KHuê đúng. Nếu tình yêu là cốc rượu đắng thì đừng ấp ủ làm chi!

---

1. Ý nói đẻ ba lần đều không nuôi được, hoặc có dị tật. - ND.

Bốn là, nén đau khi xuất hiện người thứ ba. Tình yêu là việc của hai người, một nam một nữ, không cho phép người thứ ba chen chân vào. Đây vừa là vấn đề đạo đức, vừa là khái niệm pháp luật. Nhưng, trong tình yêu nếu xuất hiện nhân vật thứ ba thì nên giải quyết thế nào?

Báo chí có đăng một câu chuyện có tít là "Bức ảnh ly hôn cảm động". Chuyện kể rằng, một đôi vợ chồng bị đường lối chính trị tả bức hại, đành phải chia ly. Để giúp người phụ nữ đã tuyệt vọng này sống sót, một nông dân đã tận tình chăm sóc chị. Trong quá trình đi lại chăm sóc nhau ấy, hai bên nảy nở tình cảm với nhau và trở thành vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc. Không ngờ, người chồng cũ của chị phụ nữ này được xóa án. Anh nông dân tốt bụng kia nén đau trong lòng khuyên chị "gương vỡ lại lành" với người chồng đã từng xe tơ kết tóc, ly hôn với người chồng thứ hai là chính mình. Điều đó khiến chị vô cùng xúc động, cùng anh chụp một bức ảnh ly hôn trong nước mắt. Tinh thần nén đau dứt tình ấy của người nông dân ấy thật là đáng khen. Nếu không thì sẽ xảy ra cảnh tượng rất khó phân xử! Cả ba người đều đau khổ, người chồng cũ oán hận vì mất vợ, chị phụ nữ thì tiến thoái lưỡng nan. Việc làm của người nông dân đã giải thoát cho cả ba người. Tuy anh ta phải nhất thời nén đau, nhưng lại được thanh thản suốt đời.

Tuy nhiên, tình yêu tay ba rắc rối như thế này rất hiếm. Đây chỉ là "người thứ ba" đặc biệt ra đời trong thời kỳ lịch sử đặc biệt. Trong đời sống phần nhiều là: trong một gia đình đang yên ấm, bỗng có một kẻ xông vào; một đôi vợ chồng đã được pháp lý thừa nhận, trong đó có một người thay đổi tình cảm, yêu người khác. Ở Trung Quốc, hiện tượng này ngày càng nhiều. Nguyên nhân một kẻ thứ ba đi tìm tình yêu ngoài hôn nhân là: tình yêu là bài ca lãng mạn, còn hôn nhân là tập tiểu thuyết hiện thực, nói sâu hơn, chẳng khác nào mồ chôn tình yêu. Muốn phổ tiếp khúc nhạc tình yêu thì phải đi tìm tình yêu ngoài hôn nhân. Vợ kém mùi mẽ hơn người tình.

Có phải mọi người yêu ngoài hôn nhân đều nghĩ như vị này không? Gọi hôn nhân là mồ chôn tình yêu như vị ấy thì e rằng rất hoang đường. Chúng ta có thể cử ra rất nhiều rất nhiều sự thật cổ kim đông tây để bác bỏ quan điểm ấy, như tình yêu giữa Chu ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu, giữa C. Mác và Gienny, tình yêu giữa họ từ đầu chí cuối đều thắm thiết, tươi đẹp, chân thành, thuần khiết, không hề vì kết hôn mà nhạt đi. Những ai biết yêu, quý trong tình yêu đều không có cảm giác xuống mồ. Khi chưa cưới nhau họ viết những vần thơ êm ái, sau khi cưới nhau họ vẫn tiếp tục viết bài thơ ấy. Kỳ thực, chỉ có những người không biết yêu mới gọi hôn nhân là mồ chôn tình yêu. Đối với ý kiến cho rằng vợ kém mùi mẽ hơn người tình, một ông chủ hiệu làm đầu nói: "Tình cảm của người tình không đằm thắm bằng tình cảm của

vợ. Mới ho vài tiếng đã có thuốc đưa tới tận tay, trời mới chớm lạnh đã có áo len đặt ở trước mặt, chỉ có người vợ mới làm được những việc đó. Người tình thì chỉ bòn rút tiền của bạn, còn vợ là người chi ra tình yêu". Lời nói này vừa hay vừa đúng. Không rõ những người đang phổ nhạc cho khúc ca tình yêu ngoài hôn nhân có thấy được cái hương vị đó không.

Nói chung tình yêu ngoài hôn nhân đều dẫn đến kết cục ly hôn. Đó là sự thật ai cũng biết. Gần đây tôi có đọc một bài báo viết rằng, tại thành phố nọ đã có thay đổi lớn về tập quán. Trước đây khi gặp nhau người ta hỏi nhau "ăn cơm chưa?", bây giờ gặp nhau người ta hỏi nhau "ly hôn chưa?" Trong số những người ly hôn này, có lẽ có một số lớn những người yêu ngoài hôn nhân. Họ ly hôn rồi thì sao? Trong những vụ án ly hôn kiểu này, khổ nhất là bọn trẻ, chúng là người gio đầu chịu báng, mất tình thương của cha hoặc mẹ, đó là đòn nặng nhất giáng vào tâm trí của chúng. Sau đó là người bị ruồng bỏ, sự vấp váp trong tình yêu làm thay đổi tính tình của họ, hay cáu gắt, chán sống muốn chết, thậm chí có kẻ vác dao cầm súng giết người. Phần lớn những người yêu ngoài hôn nhân lại một lần nữa chui vào "mồ", có điều là lần này khác xa lần trước. Bởi vậy, bản thân tình yêu ngoài hôn nhân là một trò chơi với lửa. Nếu ai coi đó là tình yêu thì 100% là tình yêu thừa, cần nén đau mà cắt bỏ đi, trả lại tình yêu ấy cho người đáng được nó.

7. Nín nhịn điều ác để bày tỏ thiện chí, lấy thiện át ác

Thiện và ác đối lập nhau, có thiện thì có ác. Hướng thiện tránh ác là thiên tính phổ biến của con người. Ác lại chia ra là đại ác và tiểu ác.[1] Cái trước là điều lớn, là vấn đề bản chất, cái sau là tiểu tiết, không phải vấn đề bản chất. Song, không có sự vật nào tuyệt đối, nhất thành bất biến. Trong điều kiện nhất định, ác và thiện có thể chuyển hóa cho nhau, đại ác và tiểu ác cũng có thể có thay đổi. Nếu bỏ ác theo thiện thì có thể xem đại ác trước đó là tiểu ác hoặc vô ác; không chú ý thì tiểu ác có thể biến thành đại ác. Đại ác là các hành vi: chặn đường cướp bóc, giết người đốt nhà, chiếm của hại người, nhảy tàu, ăn cắp giây điện, bắt người làm gái điếm, buôn bán trẻ em, v.v..., mọi hành vi phản quốc, phạm pháp đều là đại ác, tất nhiên trong đó có khác nhau về mức độ. Tiểu ác chủ yếu là thói hư tật xấu, như ghen tị, gièm pha, nói xấu, nịnh bợ, nói dối, tự tư tự lợi, lợi mình hại người, v.v... do ở đâu cũng có, người ta quen mắt cho nên không coi là ác. Xét theo một ý nghĩa nào đó, những hành vi tiểu ác này gây phiền phức và đau khổ cho đời sống và tinh thần con người không kém đại ác.

Do có đại ác và tiểu ác, cho nên, thái độ của người ta đối với chúng phải khác nhau. "Ghét điều ác như

---

1. Trong nguyên bản: "tội đại cực ác" và "lậu phong ác tập" - chúng tôi tạm dịch. - ND.

ghét kẻ thù, thấy việc thiện thì muốn làm như đói muốn ăn, khát muốn uống", "Gạn đục khơi trong, kiêng điều ác thích việc thiện". Đây là hai thái độ khác nhau hoàn toàn: Thái độ thứ nhất thì trắng đen rõ ràng, đặc biệt là đối với việc ác nằm trong 10 điều ác không thể tha thứ thì có thể có thái độ ấy. Còn thái độ thứ hai phần nhiều thuộc về chủ nghĩa ôn hòa, nhưng thể hiện thái độ rộng lượng, chú trọng quan hệ biện chứng của sự vật.

Lưu Bị nói với con rằng: "Việc ác nhỏ cũng không làm, việc thiện nhỏ cũng nên làm". Ở đây, "làm" và "không làm" có quan hệ biện chứng với nhau. Chớ cho rằng việc ấy là việc tiểu ác mà coi thường, nó biến thành đại ác thì hối không kịp, cho nên dù nhỏ cũng không làm. Tiểu thiện cũng là thiện, tích tiểu thành đại, tích ít thành nhiều, tiểu thiện có thể biến thành đại thiện, cho nên việc thiện nhỏ cũng nên làm. Bởi vậy trong đời sống hiện thực, bản thân mình không làm việc ác, dù nhỏ, đồng thời lại có thái độ khoan dung đối với người khác, dùng tình cảm để giáo dục để khuyên họ tự giác sửa sai, thì đó cũng là mỹ đức, là làm việc thiện. Đối với những việc xấu nhỏ của người khác không thể sửa ngay được, nếu ta có tấm lòng trong sáng, có hành vi đúng đắn thì không sợ việc ác nhỏ. Như thế gọi là tránh điều ác làm điều thiện, vàng thật không sợ lửa.

Xung quanh ta, những việc xấu nho nhỏ thường quấy rầy chúng ta chủ yếu là ghen tị, dèm pha, khích

bác, nói xấu, nịnh bợ, v.v... Khi bị những việc xấu này gây khó dễ thì tốt nhất là nín nhịn để bày tỏ thiện chí, lấy thiện át ác, làm cho những kẻ làm việc xấu tự hổ thẹn, sửa chữa, bỏ thói xấu, làm việc tốt.

7.1. Nhẫn nhịn là thái độ quang minh chính đại chống lại thói dèm pha, nói xấu

Sống trong biển người mênh mông, vừa có nước trong, vừa có cặn đục, muốn yên ổn thì không thể không nhẫn nhịn những điều dèm pha, nói xấu.

Nhẫn nhịn những điều dèm pha, nói xấu là một trong nhiều điều quan trọng của quan hệ hòa dịu giữa người với nhau. Đời sống của mỗi người có yên ổn, tươi vui hay không phụ thuộc không ít vào quan hệ giữa họ với mọi người có gắn bó, thân thiện hay không. Sống trong một quần thể thân ái, đoàn kết thì người ta thường tươi vui, phấn chấn vươn lên; sống trong một quần thể lạnh nhạt, nghi kỵ, công kích lẫn nhau, người ta thường xuyên mệt mỏi vì phải đề phòng bị bắn lén, đánh trộm, thần kinh căng thẳng, tâm trạng không yên, làm việc uể oải. Vì vậy, muốn tạo cho mình môi trường sống tốt thì trước hết phải thành tâm với mọi người, không đặt điều nói xấu, cũng không nghe những lời dèm pha, nói xấu, tin ở mình, tin công chúng, tin tổ chức. Mỗi người phải tự rèn luyện cho mình phẩm chất đạo đức tốt, không nói xấu người khác, không tin lời nói xấu. Nhưng, cuộc sống không hoàn toàn phát triển theo mong muốn tốt đẹp của chúng ta, ta không dèm pha,

nói xấu ai, nhưng lại có người vì nguyên nhân nào đó mà dèm pha, nó xấu ta, phá hoại danh dự của ta. Trong trường hợp này nên đối xử thế nào?

Nếu lời nói xấu không ảnh hưởng lớn, không nguy hại tới danh dự và công việc của bạn thì bạn có thể nhẫn nhịn, không chấp. Đời nhà Tống, Lã Mông Chính được cử làm phó Tể tướng. Khi ông đang chuẩn bị vào cung nhậm chức và cảm ơn hoàng thượng thì có người ngầm gièm pha: "Thằng nhãi này mà tham gia chính sự, quản lý quốc gia được sao?" Lã Mông Chính vờ không nghe thấy. Sau khi bãi triều, một đồng liêu của ông đòi phải tìm ra bằng được kẻ nào nói câu ấy. Lã Mông Chính kiên quyết không đồng ý. Ông nói: " Một khi biết ai nói lời đó thì cả đời không quên được điều này, thà không biết còn hơn". Lã Mông Chính làm như vậy chẳng những không hạ thấp uy tín của ông, mà còn chứng tỏ kẻ nói xấu ông không đàng hoàng, ông càng được mọi người kính trọng, kẻ nói xấu ông có thể cũng sẽ vì thế mà cảm kích, từ nay phải giữ mồm giữ miệng, thực tâm phục vụ Lã Mông Chính. Nếu Lã Mông Chính không nhẫn nhịn, làm cho ra nhẽ, tìm ra kẻ nói xấu, thì tạo thêm kẻ địch, những người khác sợ, chưa biết chừng có càng nhiều người nói xấu, chửi vụng ông. Bởi vậy, khi nghe nói có người bôi bẩn sau lưng ta, hoặc ngấm ngầm phát tiết tâm trạng bất mãn, dù do hiểu lầm, ghen ghét hay do thù oán cá nhân, mà không làm tổn hại lớn đến thành danh của ta, thì không nên vội vàng đối mặt, hãy nhẫn nhịn, độ lượng, lời nói xấu sẽ tự

tan đi. Như vậy mọi người sẽ càng hiểu ta, tin ta, có uy tín cao hơn.

Nếu đối phương không chỉ phát tiết sự bực dọc cá nhân, mà còn làm ầm ĩ ở khắp nơi thì cũng cần nhẫn nhịn, chịu đựng. Câu chuyện "Sư tử và con ếch" trong "Truyện ngụ ngôn của Aesopos" kể rằng: "Chú sư tử nghe thấy con ếch lớn tiếng ầm ĩ, nghĩ bụng rằng chắc hẳn là vật gì to lắm đây, chú quay người lại, nhìn về phía có tiếng kêu. Chờ một lát, chú thấy chỉ là một con ếch đang bò từ ao nước ra, chú bước tới giẫm nát con ếch và tự nhủ: trước khi chính mắt nhìn thấy, chớ bị người khác làm cho rối bời ruột gan". Truyện ngụ ngôn này khuyên bảo ta rằng, chớ có vừa nghe thấy tiếng ầm ĩ đã hoảng hốt, hãy bình tâm quan sát, nhận ra sự thật, không mất nhiều công sức cũng loại bỏ được triệt để nguồn gốc gây ra tiếng ầm ĩ. Nếu không nén nhịn, vừa thấy tiếng ồn đã tức khí đùng đùng thì chẳng giúp ích gì vào việc giải quyết vấn đề, chỉ tổ tốn công sức mà không có ý nghĩa gì, ngược lại chỉ có tác dụng thêm gió cho sóng mà thôi.

Càng phải nhẫn nhịn đối với những kẻ bụng dạ xấu xa, bịa đặt vu cáo để bôi nhọ ta, phỉ báng ta. Sự nhẫn nhịn trong trường hợp này không phải là bó tay chịu chết, không phải là cúi đầu trước thế lực độc ác, mà là kìm chế sự tức giận nhất thời, không manh động làm bừa, không bi quan thất vọng, bình tĩnh ứng chiến, nắm chắc chứng cứ để hoặc là vạch mặt tại trận, hoặc khởi kiện ra toà, giáng cho kẻ phỉ báng

ta một đòn chí tử. Minh tinh màn bạc người Nhật Bản Yamaguchi Momoe dùng vũ khí luật pháp để lấy lại thanh danh của mình. Minh tinh màn bạc người Pháp Ajena bị vu cáo nhiễm vi rút HIV, cô không chửi bới, không buồn nản, nhanh chóng thanh minh trên truyền hình, thế là tiếng vu cáo câm bặt. Đó đều là phương pháp tốt để chống lại sự phỉ báng.

Điều tồi tệ nhất là bị phỉ báng hoặc chửi bới om sòm, thì khóc sướt mướt, hoặc là bi quan, thất vọng, muốn chết cho xong. Cách thứ nhất không thể giải quyết được vấn đề, có khi lại có tác dụng ngược lại, càng xoá càng bẩn; cách sau là trúng kế của kẻ xấu, vứt bỏ quyền giãi bầy. Trong xã hội của chúng ta, mặc dầu có bóng đen, có những kẻ tiểu nhân thích nói xấu và nghe lời nói xấu, có những kẻ độc ác lấy việc phỉ báng người làm vui, nhưng quang minh chính đại là chủ yếu, đại đa số đều thẳng thắn, luật pháp của nước ta công minh, nếu ta quang minh chính đại, biết nhẫn nhịn thì sẽ có ngày cháy nhà ra mặt chuột, ta sẽ thắng gian tà độc ác.

7.2. Nín nhịn lời chế nhạo, vươn lên hơn người

Chế nhạo là mỉa mai, châm chọc người khác, khác với gièm pha, phỉ báng. Gièm pha, phỉ báng là vu cáo và hãm hại người khác. Chế nhạo là hành vi không tôn trọng nhân cách của người khác. Người hay chế nhạo người khác là người không ưa cả sở trường và sở đoản của người khác. Sở trường của người khác bị họ đem ra làm nội dung chế nhạo, sở đoản thậm chí

cả khiếm khuyết về sinh lý cũng bị họ đem ra chế nhạo. Chế nhạo tuy nhẹ hơn phỉ báng, nhưng là hành vi chua cay, nghiệt ngã khiến người bị chế nhạo ngượng ngùng, lúng túng, khó xử. Hành vi này cũng làm cho người ta cảm thấy hổ thẹn, tức giận, không tha thứ được. Chế nhạo là phương pháp chọc tức hiệu nghiệm nhất. Bởi thế, người nín nhịn được lời chế nhạo là người có phong độ, đằm tính và khôn ngoan.

Người Trung Quốc có câu tục ngữ nói rằng: "Hổ lìa rừng bị chó bắt nạt, phượng hoàng nhút nhát chẳng bằng gà ri", ý là khi không được người khác hài lòng người ta thường rơi vào cảnh bị coi thường. Tuy cảnh ngộ này khiến người ta căm tức, nhưng thường là thực tế khách quan, khó tránh khỏi. Thời Đông Chu, ở Lạc Dương có một người tên là Tô Tần tới nước Tề ở phía Đông tìm thầy dạy học. Học được tài nghệ của Quỷ Cốc, Tô Tần đi du thuyết ở các nước, nhưng đều thất bại. Khi ông vác cái thân rách như xơ mướp về tới nhà thì chẳng những bị người trong thôn xóm chế nhạo, mà còn bị người trong gia đình châm chọc, thậm chí "vợ không vá quần áo cho, chị không nấu cơm cho, cha mẹ không cho ở chung". Họ mỉa mai: "người nước Chu chỉ quen làm ăn buôn bán kiếm tiền nuôi thân. Nay ngươi rời bỏ công việc căn bản ấy, đi làm cái nghề bán nước bọt, vì thế mới nên nông nỗi này, thật là đáng đời!"

Nghe những lời mỉa mai, châm chọc ấy, Tô Tần thầm nhủ phải mang sách vở ra đọc lại xem sao,

nhưng rồi ông nói: "Dẫu có cắm đầu cắm cổ đọc sách chăng nữa thì cũng không thể vì thế mà làm nên sự nghiệp được, vì vậy, đọc nhiều cũng có ích chi?" Thế rồi, ông ngồi lỳ ở nhà, nghiền ngẫm, phân tích tình hình các nước, tiếp đó lại đi du thuyết ở các nước. Nhờ học vấn uyên thâm, có tài nghệ ăn nói, ông đã trở thành người nổi tiếng trong lịch sử. Khi thành khi bại người ta đều có khả năng bị chế nhạo, thậm chí làm điều tốt cho xã hội, cho người khác mà vẫn bị chế nhạo. Những năm 60, chiến sĩ cộng sản Lôi Phong dành dụm số tiền tiêu vặt ít ỏi hàng tháng để giúp các bạn chiến đấu có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gửi giúp vùng bị thiên tai, nhường bệnh binh phần quà tết trung thu của mình, nhưng bị chế nhạo là "thằng ngốc". Những năm 80, đồng chí Trương Hoa anh dũng hy sinh khi cứu một bác nông dân, có người chế nhạo là lấy mạng sinh viên đổi mạng nông dân, không thức thời. Nhân viên phục vụ tại các cửa hàng thi đua tươi cười phục vụ khách hàng bị chế nhạo là bán duyên. Thời kỳ cải cách, mở cửa, nhiều người giữ gìn lương tâm, không ham tiền bạc, bị chế nhạo là hâm. Tóm lại, ta làm việc tốt đến đâu cũng có khả năng bị người đời chế nhạo, nếu không nín nhịn thì chỉ nhất thời làm được việc tốt. Nếu nín nhịn được, giữ vững lòng tin "mặc ai có mồm cứ nói, đường ta ta cứ đi", thì mới mãi mãi làm được việc tốt, mãi mãi có ích với đời.

Như vậy, đời người không tránh được tiếng chế nhạo, có lẽ đó là "khúc nhạc đệm" của đời người

chăng?! Muốn sống yên ổn, thoải mái thì phải được chuẩn bị đầy đủ về tâm lý, không sợ bị chế nhạo, châm chọc, không sợ bị mỉa mai, kiên định đi theo con đường đã chọn. Khi bị chế nhạo thì phải phân tích xem lời chế nhạo có lý hay không, chớ có bác bỏ hoàn toàn, phủ định sạch trơn. Trong đời sống, có những người lòng ngay dạ thẳng, nhưng phương thức diễn đạt không đúng; có những người mong ta tiến bộ, nhưng giận "luyện mãi gang không thành thép", thế là dùng lời châm chọc, khích cho ta vươn lên. Như, khi đội bóng đá Trung Quốc bị thua liên tiếp, có người bảo các cầu thủ bị "thối chân", thậm chí có người còn gửi giày có mùi thối cho các cầu thủ để khích họ. Mặc dầu làm như thế là sai, nhưng các cầu thủ Trung Quốc đã có thái độ đúng đắn, biến lời chế nhạo thành động lực, biến việc xấu thành việc tốt. Đối với những lời chế nhạo có thiện ý thì phải rút ra ý tốt trong lời chế nhạo để sửa mình.

Khi nghe thấy lời chế nhạo thì phải tự kiểm tra xem mình đúng hay sai. Nếu đúng thì kiên trì đến cùng, dùng hành động để cảm hóa và gây ảnh hưởng đối với người chế nhạo mình. Trong thời gian diễn ra dịch sốt chơi mà chược, tôi có một anh bạn là thầy giáo trẻ của một trường nọ, không nhiễm phải cái dịch chơi mà chược ấy, tranh thủ thời gian để nghiên cứu chuyên môn, học ngoại ngữ, viết bài đăng báo. Thế là anh biến thành mục tiêu chế nhạo. Có người hễ gặp anh là nhạo "Chào giáo sư đã tới ạ!", thậm

chí có người gọi anh là "đồ cổ". Nhưng anh chẳng hề tức giận, lại còn cười đùa: "Ừ, tớ đang phấn đấu kiếm cái chức giáo sư đây, mong mọi người chiếu cố nhiều vào nhé!" Sau này, nhờ chăm chỉ phấn đấu, anh chẳng những được khen là giảng bài giỏi, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, mà còn được phong phó giáo sư đặc cách. Đồng sự từ chỗ chế nhạo chuyển sang hâm mộ anh, nhiều người cũng tự rút khỏi bàn mà chược, lặng lẽ dốc sức vào học vấn.

Đối với những lời chế nhạo có ác ý thì tốt nhất là lờ đi, không thèm chấp. Không bịt được mồm họ mà giả câm, giả điếc thì đã sao! Có một chàng thanh niên lâm vào cảnh nguy nan, được một cô gái tàn tật nhanh trí cứu sống. Về sau anh ta đem lòng yêu cô gái tàn tật ấy. Sau nhiều lần ngỏ lời, anh ta toại nguyện. Họ cưới nhau, sinh con, sống rất hạnh phúc. Nhưng nhiều người xung quanh lại hay chế nhạo, châm chọc. Thế rồi anh ta tự tử. Nghe kể chuyện này tôi rất tiếc cho anh thanh niên ấy. Dám cưới một cô gái tàn tật làm vợ là hành động rất dũng cảm. Thế nhưng, tâm lý của anh ta quá yếu, chịu đựng không nổi lời ong tiếng ve của thiên hạ, chẳng những uổng phí đời mình mà còn để khổ cho vợ con. Lời ong tiếng ve quả là cái đáng ghét, nhưng hạnh phúc là của mình, sao lại bỏ đi chỉ vì những lời không đáng giá ấy? Mặc người chế nhạo, vươn lên, sống cho ra sống, đó mới là kẻ mạnh thực sự.

7.3 Nhẫn, không ghen tị

Ghen tị là tâm lý xấu. Tâm lý này thường nảy sinh khi thấy người khác hơn mình. Người ta thường nói ghen tị là biểu hiện có tâm lý hiếu thắng mạnh, không ghen tị thì không nghĩ tới tiến thủ, không ghen thì không yêu,... Phân tích như thế cũng được. Song, có điều là, do ghen tị mà có tinh thần tiến thủ thì không bền lâu, ghen vì tình không khéo sẽ có ngày xảy ra án mạng. Bởi vậy, dẫu sao cũng không thể nói ghen tị là đức tính tốt, là tinh thần tốt. Ghen tị là tình cảm thấp hèn nhất, xấu nhất trên thế gian, nó thường biến người bình thường thành không bình thường, biến người tốt thành xấu, biến người thông minh thành ngu dần. Đúng như Shakespeare "Ghen là con quỷ mắt xanh, ai bị nó bắt làm tù binh thì bị nó lừa bịp".

Ghen tị là con dao giết người. Cuối mùa thu năm 1986, ở Đức xảy ra một vụ trọng án, kẻ giết người tên là Holbach, 61 tuổi, người bị giết là Cretius, vợ của kẻ giết người. Vì sao người chồng này giết vợ mình? Đây là một đôi vợ chồng nhà văn, cả hai đều rất nổi tiếng, văn học đã đưa họ đến với nhau. Chồng nổi tiếng trước, tác phẩm đầu tay của ông ta được dịch, xuất bản bằng 18 thứ tiếng, bán ở khắp các nước. Nhưng ông chồng này rất hay ghen tị. Thấy vợ ngày càng nổi tiếng, hơn cả mình, ông ta chịu không nổi, tình cảm vợ chồng bắt đầu rạn nứt. Ông ta bắt đầu nghiện rượu, cứ uống rượu vào là đánh vợ, khiến

vợ sợ không dám ở nhà, phải đi ở nhờ. Sau này hai người cùng xuất bản tác phẩm mới vào một thời gian. Tác phẩm của chồng chỉ xuất bản có 6000 tập, tác phẩm của vợ xuất bản những 400.000 tập. Chồng ghen tức tới cực điểm, chịu không nổi, uống rượu xong ông ta chĩa súng bắn chết vợ, sau đó quay ngược mũi súng ngắm cả vào mình, bóp cò.

Người ta thường nói phụ nữ lòng dạ nhỏ hẹp, hay ghen tị. Nhận xét này quá thiên lệch. Ở Ai Cập có một thương nhân tên là Pô-ga-ri, lấy một cô vợ đẹp như hoa, tên là Xu-man. Sau ngày cưới, Xu-man tham dự một cuộc thi sắc đẹp, chị đoạt giải quán quân. Từ đó, nhiều người chú ý tới chị, có không ít người theo đuổi chị, Pô-ga-ri vô cùng ghen tức, thấy người khác ngắm vợ mình lâu một tí anh ta cũng phát điên lên. Thế rồi anh ta nghĩ ra một "diệu kế", hàng ngày, lừa lúc vợ ngủ, anh ta tiêm một chất kích béo vào người vợ. Sau nửa năm được "vỗ béo", thể trọng của Xu-man vượt quá 262 kg. Khi ra đường, bọn trẻ bám theo chế nhạo chị. Nhưng Pô-ga-ri thì lại mừng ra mặt, anh ta nói: "Bây giờ cô đã béo bằng con voi, chẳng còn ai ngắm nhìn nữa, thế là tôi yên tâm".

Trong hôn nhân, người ta thường nói "trai tài gái sắc". Pô-ga-ri lấy Xu-man làm vợ chắc hẳn vì nàng đẹp. Nhưng do tâm lý ghen tuông anh ta lại hủy hoại sắc đẹp của nàng. Vậy người ta không thể không đặt câu hỏi, anh ta thích cô vợ đẹp như hoa hay thích cô vợ nặng nề như voi?

Ghen tị là một dạng tâm lý bệnh hoạn. Ở Đức người ta coi tâm lý ấy là một loại bệnh, được chữa trị miễn phí.

Ghen tị là một loại bệnh đặc biệt, khá nhiều người mắc với những mức độ khác nhau, hình thức biểu hiện cũng khác nhau.

Loại thứ nhất là: "mắc bệnh nhưng không phát ra miệng". Đây là loại người mắc bệnh nhẹ. Hễ thấy người khác hơn mình thì lòng không vui, chỉ mongngười khác bị thiên tai nhân họa. Thí dụ, thấy ruộng người tươi tốt thì bụng dạ tức tối, ngày đêm mong trời đổ mưa đá. "Con mắt là cửa sổ của tâm hồn". Loại người này tuy không nói ra miệng, nhưng thần sắc lộ ra ngoài, trông buồn rười rượi.

Loại thứ hai là "bệnh phát ra miệng nhưng không phát ra tay". Loại người này mắc bệnh nặng hơn. Họ luôn mồm bình phẩm, chế nhạo, mỉa mai, châm chọc. Nếu có ai được cất nhắc thì họ buông lời: "Đáng gì, cái chức quan nhãi nhép ấy ta đây không thèm". Ai đó được thưởng, anh ta nói: "Đằng ấy phát tài rồi, tiền nhiều thế tiêu gì cho hết, chớ có vênh mặt nhé!"

Loại thứ ba là "bệnh phát ra cả mồm cả tay". Loại người này mắc bệnh nặng nhất. Họ chẳng những mồm năm miệng mười chửi đổng, mà còn đá thúng đụng nia. Bạn được bình bầu là tiên tiến, anh ta làm một câu: "Mẹ kiếp, những điều tốt lành mày giành hết cả rồi". Tối đến, họ ném đá vào cửa sổ nhà bạn. Thử hỏi bạn có còn dám tiên tiến nữa không? Thấy ao nhà

bạn nhiều cá, họ bỏ thuốc độc vào cho bạn phá sản. Loại người này mắt long sòng sọc, mồm miệng độc ác, tay cầm hung khí, trông thật đáng sợ.

Khi đã mắc bệnh ghen tị thì không chỉ hại người mà còn hại mình.

Một là, loại người này không những có thay đổi về tâm lý mà có thay đổi cả về sinh lý, thường là tâm trạng thất thường, ăn không ngon, ngủ không yên, nội tâm buồn khổ. Đúng như Balzac đã nói: "Nỗi đau khổ của kẻ ghen tị lớn hơn nỗi đau khổ của bất kỳ ai, nỗi bất hạnh của họ và niềm hạnh phúc của người khác khiến họ đau khổ muôn phần". Strauss là nhạc sĩ người Áo. Sau này, con ông, John Strauss, cũng trở thành nhạc sĩ và nổi tiếng hơn cha. Strauss cha rất ghen tức. Một hôm Strauss con đăng báo quảng cáo sẽ tổ chức nhạc hội. Được tin, Strauss cha lập tức tuyên bố cũng sẽ tổ chức nhạc hội ở cùng nơi ấy vào cùng ngày giờ ấy. Nhưng khán giả chỉ kéo đến dự buổi nhạc hội của Strauss con. Điều đó khiến Strauss cha vừa thẹn vừa uất, bỗng lăn ra ốm và nói: "Tôi muốn chết cho nhanh". Thế mới biết, người ghen tị bị giày vò khó chịu biết nhường nào.

Hai là, khi tâm lý ghen tị này phát triển tới mức "bệnh phát ra cả mồm và cả tay" thì tất sẽ làm những việc phạm pháp. Tại một đơn vị nọ, bí thư chi đoàn thấy đồng sự Hạ có đủ tiêu chuẩn thi vào đại học tại chức, nổi lòng ghen tị, nhiều lần viết thư nặc danh gửi cho chồng của Hạ, vu cáo Hạ có quan hệ nam nữ

bất chính, khiến chồng của Hạ đánh đập vợ, bỏ nhà đi. Sau này, khi biết tại hội nghị đảng ủy có người giới thiệu Hạ làm trưởng phòng tổ chức, cô ta vội vàng viết thư vu cáo gửi đảng ủy. Khi cháy nhà ra mặt chuột, công an bắt cô ta vì tội vu cáo.

Ghen tị dù đối với người hoặc đối với mình đều có hại, phải biết tự kìm chế. Một là kìm chế tâm lý ghen tị khi thấy người hơn mình. Hai là phải nín nhịn khi người khác ghen tị với mình. Ngài Hoàng Viêm Bồi là nhân sĩ nổi tiếng ở nước ta, có tên chữ là Nhiệm Chi. Khi có người hỏi tại sao ngài lại lấy tên chữ là Nhiệm Chi, ngài nói trong đó có ý nhắc nhở là: đối với những việc vô vị, những lời đồn đại không đâu, hãy bỏ ngoài tai, mặc nó. Cách xử thế của ngài Hoàng Viêm Bồi rất cao minh, mặc ngươi ghen tị, mặc ngươi nói, ta đi đường của ta. Nếu ngươi động tới thân thể và danh dự của ta, ta sẽ tố cáo trước pháp luật, tới lúc ấy, chính ngươi hứng chịu hậu quả.

Chúng ta rất muốn đuổi "con quỷ mắt xanh" khỏi trần gian. Nhưng vẫn phải luôn tự nhắc nhở mình "Hãy cảnh giác với tâm lý ghen tị".

8. Nhịn nhục vì việc lớn

Nhịn nhục vì việc lớn là một trong những khí tiết quan trọng của văn nhân chí sĩ, anh hùng hào kiệt. Trong sách "Lưu hậu luận", Tô Thức viết: "Chí sĩ hào kiệt thời xưa có khí tiết hơn người mà người bình thường không có. Khi bị làm nhục, người bình thường rút kiếm ra đấu, như thế không phải là dũng. Trong

thiên hạ, kẻ dũng là người đứng trước cái chết mà không sợ, đứng trước lời vu cáo mà không nổi giận. Những người như thế uy thế rất lớn, có chí rất cao". Ở đây, Tô Thức đã so sánh thái độ của "người hào kiệt" và của "người bình thường" khi "bị làm nhục", mà theo ông, kẻ đại dũng thật sự biết nhẫn nhịn, không tức giận khi bị làm nhục; còn người bình thường thì hễ bị nhục liền vung dao tuốt kiếm ra đấu nhau, đó không phải dũng thực sự. Hai người khác nhau rất xa. Biết nhịn nhục vì việc lớn, đó là người hào kiệt, không biết nhịn nhục vì việc lớn, đó là kẻ tầm thường.

Thế gian có ngày có đêm. Tuy sớm muộn chính nghĩa sẽ thắng gian tà. Nhưng, khi gian tà chưa bị đánh bại thì oan khuất vẫn còn. Không nói gì mười năm rối loạn, yên ổn như ngày nay mà đôi khi vẫn xảy ra những vụ án oan, án giả, án sai. Đó là điều khó tránh. Do vậy, đối xử như thế nào đối với nỗi oan khuất, đó là một thử thách lớn trong đời người.

Ngày xưa, khi oan khuất, người ta thường cứa ngón tay lấy máu viết nỗi oan khuất, thậm chí chặt đứt ngón tay để chứng minh mình có nỗi oan kêu trời không thấu. Sau này có người viết "Giới đoạn chỉ thi"[1]: "Có oan chớ chặt ngón tay, ngón tay chặt đứt có ngày mọc ra? Đợi ngày chiến thắng gian tà, oan kia được rửa thời ta hết buồn".

---

1. Thơ khuyên không nên chặt đứt ngón tay. - ND.

Ngày nay, khi bị oan khuất, có người chịu không nổi, hoặc là căm phẫn gào thét, tinh thần thất thường, hoặc là tuyệt vọng, tự kết liễu đời mình. Nhưng cũng có người một mặt lặng lẽ ngậm oan nuốt hận, mặt khác ra sức phấn đấu vươn theo lý tưởng, cố sức chịu đựng, không sờn lòng nản chí để chống lại gian tà, chờ ngày trời quang mây tạnh. Khi được minh oan, bằng trái tim hồng và những thành quả được làm nên trong thời gian chịu oan uổng, họ chứng tỏ cho mọi người biết họ là người bất khuất, lớn lên trong thử thách. Đó là đời người đáng kính.

Cục địa chất tỉnh Vân Nam có một người tên là Đỗ Minh Đạt. Năm 1952 anh tốt nghiệp đại học Thanh Hoa, rời bỏ điều kiện sống an nhàn ở Bắc Kinh, vào rừng sâu núi thẳm không một bóng người ở tỉnh Vân Nam tìm của cải cho tổ quốc. Sau khi cuộc đấu tranh chống phái hữu bắt đầu, anh bị kết tội là "ăn nói theo giọng điệu phái hữu", bị cắt lương, buộc phải cải tạo tại chỗ, mỗi tháng chỉ được phát 25 đồng tiền sinh hoạt phí. Vì bị bức hại như thế, anh không lấy được vợ, sống chẳng khác người tù. Nhưng anh ngậm đắng nuốt cay, không bi quan thất vọng, đau khổ đã rèn luyện anh thành người có bản lĩnh. Anh dốc toàn bộ hiểu biết và sức lực cho công tác thăm dò khoáng sản, tìm ra cho đất nước một mỏ kẽm trị giá 100 tỷ đồng. Anh chôn chặt nỗi oan khuất, buồn đau trong lòng, với tinh thần quên mình, làm nên công shiến to lớn cho đất nước, cho nhân dân. Năm 1982, khi thực hiện chính sách đãi ngộ đối với anh, người ta

mới biết trong hồ sơ về anh chẳng có kết luận anh hoạt động phái hữu, cũng chẳng có quyết định nào nói anh là phần tử phái hữu, thế mà anh đã chịu oan 25 năm trời. Biết được điều này, nhưng anh không oán hận, vì anh không để 25 năm trôi đi một cách phí hoài, mà đã phấn đấu không biết mệt mỏi, thành công trong sự nghiệp, sống với thái độ cởi mở, chờ được tới ngày tổ quốc và nhân dân đánh giá anh một cách công bằng.

Trong thời kỳ đấu tranh chống phái hữu và "10 năm rối loạn", có biết bao người bị oan kêu trời không thấu như Đỗ Minh Đạt. Trong thời kỳ không bình thường ấy, có biết bao việc bỗng dưng trở thành tội! Mọi ý kiến phản đối đều trở thành tội lỗi. Có lý không nơi nói, có oan không nơi kêu. Không nhẫn nhịn thì tội nặng thêm. Tự sát thì lìa đảng, lìa nhân dân, chỉ còn cách là phải nhẫn nhịn, phải ngậm miệng. Nhưng sự nhẫn nhịn, sự ngậm miệng như thế không phải là khuất phục, không phải là sờn lòng nản chí, mà là để tồn tại, để phát triển, để tìm đường minh oan. Đối với những người lấy cái chết để chống lại, chúng ta chỉ có thể tỏ lòng thương tiếc. Còn đối với những người ngậm oan nuốt nhục để chống lại thế lực độc ác đến cùng thì chúng ta chân thành cảm phục. Bởi vì "cái chết không chịu oan ức" là cái chết không có giá trị gì. Còn "sống ngậm oan nuốt nhục" thì phải vượt qua những thử thách như sống trong nhà tù. Sống như thế hết sức có ý nghĩa, như Đỗ Minh Đạt vậy.

Sống trong môi trường xã hội bình thường mà bị oan ức thì một mặt phải có tinh thần nhẫn nhịn, mặt khác phải khéo tìm cơ hội minh oan cho mình. Đảng viên cộng sản Trần là công nhân trong nhà máy X, một đêm, khi đang nghỉ một mình tại nơi ở của mình thì bỗng một cảnh sát dẫn một người đàn bà tới. Viên cảnh sát hỏi người đàn bà: "Có phải anh ta không?" Người đàn bà nói: "Giống anh ta". Thế rồi, viên cảnh sát chẳng có một lời giải thích, kéo Trần ra đồn, phạt 500 đồng vì tội gian dâm với người đàn bà nọ. Trần không chịu, thế là bị đánh, bị giam giữ trái luật 44 tiếng đồng hồ. Sau khi xảy ra sự kiện này, cha mẹ anh nghi anh, bạn bè xa lánh, đồng sự bàn tán xôn xao. Trần không khuất phục, anh kiện lên các cơ quan hữu quan, nhưng không kết quả. Anh lại tố cáo lên báo chí của đảng, nhờ đó vấn đề được giải quyết. Bí thư sở công an thành phố đích thân tới nhà máy khôi phục danh dự cho anh và bồi thường thiệt hại kinh tế cho anh.

Trong vụ án oan này, nếu Trần không nhẫn nhịn, chửi bới ầm ầm hoặc liều mạng trả thù, hoặc uất quá, tự sát thì nỗi oan ấy có lẽ sẽ mãi mãi không được rửa sạch. Nhưng anh không làm như vậy, anh lấy pháp luật làm vũ khí để tố cáo. Không được giải quyết, anh lại nhờ báo đảng minh oan cho anh. Cuối cùng anh đã được rửa tội. Điều đó cho thấy, trong đất nước xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay, tuy không hoàn toàn tránh được án oan, nhưng đảng ta bảo vệ chính nghĩa, thực sự cầu thị, khi ta bị oan

thì hãy nhớ sử dụng vũ khí pháp luật để bảo vệ mình, phải tin vào đảng, dựa vào đảng để minh oan.

Trong quan hệ đồng chí với nhau, nếu do hiểu lầm mà bị oan thì tốt nhất là trước tiên hãy trình bày rõ ràng những điều có thể trình bày được, những điều tạm thời chưa thể trình bày được thì hãy nín nhịn, chờ có dịp thích hợp sẽ thanh minh. Thời nhà Hán có một người tên là Trực Bất Nghi. Khi về quê, người cùng phòng cầm nhầm tiền của một anh bạn khác mang về nhà. Người mất tiền cho rằng Trực Bất Nghi lấy trộm của anh ta. Thấy thái độ của người mất tiền hằm hằm, Trực Bất Nghi không thanh minh, cãi lại, anh xin lỗi và lấy tiền của mình trả cho người mất tiền. Khi người bạn kia từ quê ra, sự lầm lẫn được làm rõ, người bị cầm nhầm tiền vô cùng hổ thẹn. Từ đó, mọi người càng tôn trọng Trực Bất Nghi. Bấy giờ sở dĩ Trực Bất Nghi xử sự như thế là vì, một là lúc ấy không có cách nào thanh minh được, anh là người cùng phòng, dĩ nhiên thuộc diện nghi ngờ; một nữa là, anh tin rằng chắc chắn sự việc sẽ được làm rõ, nhưng bấy giờ người mất tiền đang nổi nóng đùng đùng, có nói gì anh ta cũng không tin, tạm chịu oan cho im chuyện, anh bạn về quê quay lại thì sự việc sẽ rõ.

Trong đời sống hiện thực có rất nhiều việc tương tự, ta nhẫn nhịn tạm thời chịu oan, để bạn xuống thang, tới khi sự việc được làm rõ thì bạn bè càng phục ta, càng tăng thêm tình thân bạn bè.

9. Nhẫn nhịn sự khinh thường để được tôn trọng

Có nhiều hình thức làm tổn thương lòng tự trọng, như công kích, xỉ nhục, nạt nộ, diễu cợt, chế nhạo, v.v... Nhưng trong đó có một hình thức lợi hại, khó chịu, đó là khinh miệt, hay còn gọi là khinh thường. Khinh thường tức là coi đối phương chẳng ra gì, không đáng để mắt tới, không thèm để ý tới. Có người không hề phản ứng lời công kích, phê bình họ. Xét theo một ý nghĩa nào đó, bản thân sự phê bình tự nó nói lên ý nghĩa của nó. Thế mà đối phương lại không coi trọng, không có phản ứng gì, thì điều đó chứng tỏ bản thân mình và ý kiến của mình không được người khác coi trọng. Nó khiến ta hết sức khó chịu. Trong đời sống hàng ngày, hiện tượng này thường do hai nguyên nhân: một là, do ai đó cố tình có thái độ coi thường người khác, không thèm để ý nhằm đạt mục đích làm tổn thương họ; hai là, có khả năng bản thân hành vi, quan điểm của ta không có giá trị lắm, hoặc đối phương không hiểu, hiểu sai ý nghĩa của hành vi, quan điểm ấy của ta, cho nên họ không coi trọng, khiến ta có cảm giác bị coi thường. Trong trường hợp này thì nên xử lý thế nào? Nổi đoá lên hay là nhẫn nhịn, chịu đựng? Chúng tôi cho rằng, tùy vào tình hình cụ thể, song, nhẫn nhịn vẫn là phương thức tốt hơn.

9.1. Khinh thường không có nghĩa là phủ định

Ở đây, trước tiên chúng ta phân tích sự cần thiết nhẫn nhịn khi đứng trước sự khinh thường cố ý. Đây

là một thử thách đối với ý chí và là cơ hội tốt để rèn luyện lòng tự tin. Có thể nói, bình thản nhẫn nhịn sự khinh thường được xem là một phong cách rất hiện đại.

Kinh nghiệm đời sống hiện thức mách bảo chúng ta rằng, trong chúng ta, có những người luôn luôn tưởng mình ghê gớm lắm, thích nhìn người bằng con mắt khinh khỉnh, nhất là họ hay làm như thế để tạo ra sức ép với đối thủ cạnh tranh. Họ cố ý không để ý tới thành quả, kiến nghị tốt, có giá trị của người khác, gạt sang một bên, bỏ vào một xó, làm như những thành quả và quan niệm ấy chẳng đáng ngó tới. Thái độ ấy khiến đối phương khó chịu đựng được. Hơn nữa, đối với những người khao khát được thừa nhận và khen ngợi thì đó là một đòn cực kỳ nặng nề, mà đó thì lại là điều mà những kẻ cố ý khinh người mong muốn. Trong trường hợp này người ta có thể tranh cãi cho ra nhẽ để được đánh giá một cách công bằng. Nhưng, nhiều khi, do đối phương có quyền, có thế, sự tranh cãi như thế thường chẳng có ích gì, trái lại còn bị phê bình không đáng có, thậm chí còn bị đội mũ lệch. Kinh nghiệm sống mách bảo người ta rằng, những giờ ấy phút ấy, dẫu bị coi thường thì vẫn cần phải nhẫn nhịn, tức là chấp nhận bị khinh thường. Tại sao phải làm như thế? Tại vì:

9.1.1. Khi bị cố ý khinh thường, tranh cãi thì chẳng được gì, thậm chí còn gây ra hậu quả tồi tệ hơn, thà rằng lặng lẽ nhẫn nhịn để tính nước sau.

Đó là một cách tự bảo vệ mình, bảo vệ thành quả và quan niệm của mình khỏi bị đả kích tổn thương hơn nữa.

9.1.2. Nhẫn nhịn sự khinh thường của đối phương thì cảm thấy long tự trọng bị tổn thương, bị mất thể diện. Nhưng sự lặng lẽ nhẫn nhịn của ta khi bị khinh thường khiến người đời khâm phục. Trong trường hợp ấy, bản thân sự nhẫn nhịn của ta là hành vi hết sức cao thượng, chứ không phải như ai đó tưởng là mất thể diện.

9.1.3. Đây là điều quan trọng nhất. Dẫu lòng tự trọng bị tổn thương hay là mất thể diện,thực chất chỉ là vấn đề đòi công bằng, tức là mong muốn bản thân mình, hoặc hành vi, quan niệm của mình được đánh giá một cách công bằng. Nhưng, khi bị khinh thường người ta thường có cảm giác là bị phủ định, do đó có tâm lý chống trả mạnh mẽ. Kỳ thực, người thật sự thông minh không bị sự khinh thường kích động. Bởi vì, họ hiểu rằng, không vì sự khinh thường ấy mà họ bị phủ định, đó không phải là sự đánh giá có tính chất tổng kết đối với họ, càng không phải "chấm hết" đối với họ. Cái có giá trị thật sự bao giờ cũng có giá trị. Là vàng thì nhất định sẽ tỏa sáng, hữu xạ tự nhiên hương, hà tất phải so kè lặt vặt. Nếu nghĩ như thế thì sẽ chẳng tức giận khi bị khinh thường. Như vậy thì nhẫn nhịn trở nên dễ dàng, là việc rất tự nhiên. Nhưng, nếu chúng ta không nhẫn nhịn được, vẫn đi tranh cãi thì chẳng còn ý nghĩa gì nữa.

9.2. Khinh thường cũng là một nguồn động lực

Trên kia chúng ta đã nói về nguyên nhân bị khinh thường là do bản thân hành vi, quan điểm của chúng ta không có giá trị lắm. Trong trường hợp ấy thì càng cần phải nhẫn nhịn. Đối với sự khinh thường này ta không có đủ lý do để cho rằng đó là một sự xỉ nhục, nhiều lắm thì đó cũng chỉ là một cách đối xử không thỏa đáng lắm mà thôi. Điều đó còn có nghĩa là, dù bản thân hành vi và quan điểm của mình không có nhiều giá trị, nhưng nếu là người tích cực và có chí tiến thủ thì họ vẫn muốn được khích lệ và ủng hộ. Nhưng có những người không hiểu cái lẽ này, thường gạt sang một bên, không đếm xỉa tới, mặc dầu không có ác ý gì, nhưng thường vô tình làm tổn thương lòng tự trọng của đương sự. Khi gặp trường hợp như thế, ta không nên nổi đóa lên mà sẽ gây ra hậu quả xấu. Trong trường hợp này, thái độ nhẫn nhịn rất có ý nghĩa.

Một là, khi bị xem thường do bản thân hành vi hoặc ý kiến của ta có vấn đề và chưa đủ sức thuyết phục, so với tranh cãi thì nhẫn nhịn sẽ có lợi nhiều hơn có hại. Nếu không nhẫn nhịn được sự xem thường, ra sức tranh cãi thì chỉ tổ để lộ công khai những thiếu sót trong hành vi hoặc ý kiến của mình trước mặt bàn dân thiên hạ. Hơn nữa sự biện bác của ta nhằm bảo vệ những thiếu sót ấy càng trở nên nực cười, gây cho mọi người có ấn tượng rằng ta là người nông cạn. Mà đó là điều rất không nên. Nếu ta nhẫn

nhịn, phân tích kỹ càng những thiếu sót của mình thì có ích hơn, không gây ra ấn tượng trên ở mọi người. Bởi vậy, nhẫn nhịn sự khinh thường, trước hết là phải phân tích và đánh giá toàn diện, kỹ lưỡng về bản thân mình. Làm như thế thì chỉ có lợi mà thôi.

Hai là, trong trường hợp này, khinh thường cũng là một nguồn động lực thúc đẩy ta càng nỗ lực tự hoàn thiện mình. Phép biện chứng dạy rằng, việc xấu và việc tốt có thể chuyển hóa cho nhau. Đành rằng, bị khinh thường thì chẳng thích thú gì. Nhưng nếu ta biết biến khinh thường thành động lực tiến lên thì đó lại là việc tốt. Trong đời sống hiện thực, có người không chịu đựng được sự khinh thường. Họ cảm thấy đó là một sự xúc phạm làm hại nhân cách, do đó họ bất chấp tất thảy để chống lại. Thực tế cho thấy, nếu quả thực bản thân ta có khiếm khuyết thì hành vi chống trả là hành vi không thích hợp. Bởi vì, tự hoàn thiện bản thân mới là điều quan trọng nhất. Vả lại, nếu quả là bản thân ta có nhược điểm mà lại làm như thế thì càng bị khinh thường, mọi người thật sự cho rằng ta là người nông cạn, vô tri. Ngược lại, người biến sự khinh thường thành nguồn động lực thì mới được kính trọng.

9.3. Bản thân sự nhẫn nhịn là sự khinh thường

Người ta có thể dùng thái độ khinh thường để phản kích lại kẻ cố ý khinh người. Nhẫn nhịn là hình thức thích hợp để phản kích lại bằng thái độ khinh thường như thế.

Nói nhẫn nhịn là hình thức khinh thường chống lại sự khinh thường, tức là dùng phương thức nhẫn nhịn để không thèm chấp, không thèm để ý sự khinh thường của đối phương. Thậm chí có thể nói, không coi sự khinh thường ấy ra gì cả. Đó cũng là một sự khinh thường đối với những kẻ cố ý khinh người. Rơi vào trường hợp này, họ sẽ tự cảm thấy ngượng mặt, tự cảm thấy vô liêm xỉ. Ngược lại, nếu nổi đóa lên thì họ sẽ reo mừng vì đã đạt được mục đích. Bởi vậy, khi bị cố ý khinh thường thì thản nhiên nhẫn nhịn, không thèm để ý. Làm như thế ta có ý báo cho kẻ khinh người biết rằng sự khinh thường của họ chẳng có ý nghĩa gì đối với ta, ta vẫn thản nhiên sống và làm việc. Có khi vì vậy mà đối phương không chịu nổi, chủ động tỏ tình với ta. Khi này ta có thể có đối sách tương ứng. Trong trường hợp này, đối với kẻ khinh người, quả như người Trung Quốc nói, gậy ông đập lưng ông.

10. Nhẫn nhịn sự quên ơn, không đòi đền ơn

10.1. Sách lược đối với sự quên ơn: nhẫn nhịn

Người Trung Quốc có câu: "ơn bằng một bát đền bằng một thúng", hơn nữa, coi đền ơn là một trong những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ giữa người với người. Quên ơn là điều thường bị phỉ nhổ và lên án. Bởi vậy, trong quan hệ giữa người với người, trong cuộc sống, được người giúp thì phải tìm cách đền ơn, như thế mới gọi là biết điều. Nhưng trong đời sống

hiện thực, có những người không nghĩ như thế, khi cần được giúp đỡ thì họ van xin bằng mọi cách, kể cả giả vờ nhăn nhó, trương ra bộ mặt thiểu não. Nhưng, khi đã được giúp đỡ họ liền qua sông đấm... vào sóng, vô ơn bội nghĩa, đù ân nhân của họ cần được giúp họ cũng ngoảnh mặt đi, bỏ mặc. Ở vào trường hợp này người bị vô ơn vô cùng tức giận, thường tìm cách báo thù, đi khắp nơi nói rằng kẻ kia bất nghĩa. Song, xử sự như thế thì cũng khiến người khác bực mình, có cảm giác bị biến thành nơi trút giận. Bởi vậy, khi bị rơi vào hoàn cảnh vô ơn như thế thì cần phải nhẫn nhịn.

10.1.1. Chớ quá mong đợi được đền ơn

Nguyên nhân chủ yếu gây ra tức giận, buồn bực khi bị quên ơn là do quá mong đợi được đền ơn, luôn nghĩ rằng giúp ai điều gì đó thì nhất định họ sẽ đền ơn. Có người thậm chí nghĩ rằng mình giúp ai việc gì đó thì có nghĩa là họ mắc với mình một món nợ tình người. Mà đã là "nợ" thì phải trả. Nếu không trả thì không tha thứ được. Vấn đề là ở chỗ, sự mong đợi được đền ơn ấy có hợp lý hay không?

Cần phải nói rằng, thực chất của sự giúp đỡ nhau là một sự trao đổi. Tất nhiên, đây không phải là trao đổi hàng hóa theo nghĩa kinh tế học, mà chỉ là sự trao đổi mang ý nghĩa xã hội. Sự trao đổi mang ý nghĩa xã hội và sự trao đổi hàng hóa khác nhau lớn nhất ở chỗ sự trao đổi mang tính chất xã hội không lấy tiền bạc làm vật ngang giá để đánh giá sự bình

đẳng và công bằng khi trao đổi. Ngoài ra, phạm vi của sự trao đổi này cũng rộng hơn rất nhiều so với trao đổi hàng hóa, trong đó có nhân tố tình cảm, sự kính trọng.... Bởi vậy, xét ở góc độ trao đổi thì sự mong đợi được đền đáp là sự mong đợi hợp lý, chính đáng. Nhưng không thể mong đợi như khi trao đổi hàng hóa. Chúng ta cũng không thể ôm ấp những đòi hỏi được đền đáp giống như khi trao đổi hàng hóa. Khi trao đổi hàng hóa chúng ta có quyền đòi hỏi đối phương đền đáp ngang giá. Nếu không, chúng ta có thể căn cứ vào hợp đồng, giao kèo để tố cáo và khởi kiện đối phương. Ngược lại, trong qúa trình trao đổi có tính chất xã hội, khi chúng ta giúp đỡ và ủng hộ đối phương điều gì đó, nói theo nghĩa rộng là làm một điều tốt cho đối phương, chúng ta không thể chủ động đòi đối phương phải đền đáp, mà do đối phương tự giác đền đáp. Hơn nữa, đền đáp bằng cái gì, đền đáp như thế nào đều phải do đối phương tự quyết định. Chúng ta không tiện, cũng không thể đưa ra bất kỳ đòi hỏi nào. Dẫu đối phương chưa đền đáp được thì chúng ta cũng không thể tố cáo hoặc khiếu kiện được.

Bởi vậy, chúng ta có thể nói rằng, sự mong đợi được đền ơn là điều có thể chấp nhận được, nhưng phải có mức độ. Tức có nghĩa là không thể đòi đối phương phải có đền đáp với số lượng cụ thể như ta muốn, hoặc phải đền đáp vào thời gian cụ thể do ta định ra. Chúng ta thấy rằng, trong thực tế, nhiều người thường trách cứ đối phương quên ơn khi đối phương không thể đền ơn theo ý của họ. Trong trường

hợp ấy họ tưởng bị lừa, bị lợi dụng, do vậy mà nổi đóa lên. Vào những khi này, nhẫn nhịn được, nén giận được thì sẽ thật sự chứng tỏ ta hiểu biết hành vi trao đổi có tính chất xã hội, hiểu biết quan hệ giữa con người với con người.

Nếu sau khi giúp ai đó, chúng ta muốn họ nhất thiết phải đền đáp, mong đợi quá lớn thì rất dễ làm cho quan hệ đôi bên căng thẳng, không êm ái. Với tâm trạng ấy, ta rất dễ đòi hỏi đối phương rất cao, chỉ những mong đối phương đáp ứng được mong mỏi của mình. Nhưng, khi đối phương không có hành vi phù hợp với lợi ích của ta thì ta dễ nổi lôi đình, cho rằng đối phương phụ lòng ta, quên ơn của ta. Tôi còn nhớ có một sự kiện như sau. Tại một phân xưởng của nhà máy nọ, nữ công nhân X không may bị ngã vỡ đầu. Bấy giờ chỉ có mỗi nữ công nhân Y có mặt. Công nhân Y vội đỡ công nhân X dậy và giúp chị gọi bác sĩ, bố trí chỗ nghỉ tạm, đưa chị về chỗ ở. Đây là một việc làm tốt. Nữ công nhân X rất cảm động. Nhưng sau đó ít lâu, khi chạm trán, nữ công nhân X chào hỏi mà nữ công nhân Y cũng không chào lại, mọi người rất lấy làm lạ. Sau này nghe người khác nói lại mới biết. Thì ra, nữ công nhân Y nghĩ rằng nữ công nhân X không biết điều, "quên ơn". Bởi vì, khi thi tay nghề nữ công nhân X không nhũn nhường, vượt lên trên chị ta, phạm vào điều đại kỵ là "quên ơn". Theo công nhân Y, lẽ ra công nhân X phải nhớ ơn xưa mà đền đáp thì mới phải nhẽ, nhưng cô ta lại chẳng hề nể mặt mình. Kết quả là nữ công nhân X

không biết nên cười hay nên khóc, ấn tượng tốt và lòng cảm kích đối với nữ công nhân Y tan biến hết. Chúng ta tin rằng, nếu không xảy ra chuyện này, nữ công nhân được giúp đỡ sẽ chủ động báo đáp bằng cách khác. Thậm chí chúng ta có thể dự đoán, sau bước mở đầu tốt đẹp kia, hai người sẽ có quan hệ giúp đỡ nhau tốt đẹp.

10.1.2. Không phải là không đền đáp, chỉ vì chưa có dịp

Sau khi được giúp đỡ người ta thường chờ dịp thích hợp để đền đáp, chứ không phải là không đền đáp. Do vậy cần phải nhẫn nại, chớ vội vàng khép tội đối phương "quên ơn".

Nhiều người cho rằng đền đáp công ơn của người khác không nhất thiết phải dùng phương thức công khai, rành mạch, cũng không nhất thiết phải nhận gì trả nấy. Những người này thường thích đền đáp bằng phương thức độc đáo, vào dịp đặc biệt. Thậm chí có những người báo cho vợ con hoặc nhờ người khác đền đáp giúp mình. Sự đền đáp như thế rất có ý vị, tinh tế, có quan hệ theo kiểu "dắt dây". Cho nên chớ vội vàng kết luận đối phương không biết điều, quên ơn. Hãy tin rằng, sẽ có ngày họ sẽ đền đáp theo phương thức của riêng họ.

Trong nhiều tác phẩm văn nghệ, chúng ta thường thấy có tình tiết như sau: ông X đang gặp lúc nguy nan, bỗng có người tới giúp, chuyển nguy thành an. Xong việc, ông X mới nhận ra rằng người giúp mình

là người đã từng có lần được mình giúp. Trong đời sống hiện thực không thiếu những trường hợp như thế. Sự đền đáp này được thực hiện khi thì mấy tháng sau, khi thì mấy năm sau, khi thì hàng chục năm sau. Bỗng nhiên được đền đáp kịp thời, nhận được niềm vui bất ngờ, như thế há chẳng càng hay sao!

10.1.3. Không được đền đáp cũng coi như đã được đền đáp

Chúng ta không phủ nhận có những người ăn cháo đá bát. Loại người này, khi cần được giúp đỡ, họ tìm mọi cách để van xin. Nhưng sau khi được giúp họ bèn quên ơn, thậm chí còn làm hại ân nhân. Loại người này chỉ lợi dụng người khác, biến người khác thành công cụ giúp họ đạt được mục đích. Đối với loại người này, đương nhiên chúng ta không được họ đền đáp, không trông mong được họ đền đáp. Nhưng, dẫu vậy chúng ta chẳng nên oán trách, phiền lòng.

Một là, oán trách thì cũng chẳng có ý nghĩa và kết quả thực tế gì. Nó không tạo ra sức ép đối với đối phương, không làm cho đối phương phải suy tính lại, đền đáp chúng ta. Loại người biến người khác thành công cụ, loại người ăn cháo đá bát không vì thế mà động lòng. Ta cần thấy rằng mình may mắn đã sớm nhận ra lối ăn ở của đối phương, may không bị lợi dụng nhiều hơn nữa. Mặc dầu ta đã tốn kém công của để giúp đối phương, nhưng sự tốn kém ấy được đổi bằng sự nhận ra cách ăn ở của đối phương, đây cũng là một sự báo đáp.

Trách cứ thì sẽ gây ra hiểu lầm, rất có thể có người sẽ cho rằng ta tự tư tự lợi, giúp người nhằm được báo đáp, khi không được báo đáp thì quay ra trách cứ đối phương. Như vậy, khi mọi người quan hệ với ta họ sẽ giữ ý, không dễ dàng chấp nhận sự giúp đỡ của ta. Chưa biết chừng, từ đó ta sẽ đội cái mũ "cá nhân" và "nhỏ mọn". Như thế thì rõ ràng là "lỗ vốn" rồi. Ngược lại, nếu ta đã giúp người, người đã nhờ thế mà mở mày mở mặt, hoặc ta cần người giúp, đối phương có khả năng giúp mà lại lờ đi, thì dù ta không trách cứ thì người đời cũng lên tiếng bất bình.

Còn một điều nữa cần phải chú ý. Đó là, có trường hợp tuy ta đã giúp người, nhưng họ lại không biết rằng ta đã giúp họ, hoặc họ không nghĩ rằng ta làm như thế là đã giúp họ. Trong trường hợp này, chúng ta càng không có lý do để trách cứ đối phương "quên ơn". Nếu ta trách cứ thì chỉ làm hại mình. Do vậy, cần phải nhẫn nhịn, tránh có biểu hiện mong muốn, đòi hỏi được đền đáp. Chớ có chủ động nói với đối phương rằng ta đã giúp họ việc gì, lúc nào. Làm như thế, có khả năng đối phương sẽ đền đáp, nhưng họ sẽ hết sức khinh chúng ta, cho rằng chúng ta là đồ tiểu nhân không đáng giao lưu. Thực ra, người thật sự thông minh thường biết rằng, muốn không cho đối phương biết thì chớ có "lậy ông tôi ở bụi này", dù là việc xấu hay việc tốt đều như vậy cả. Do đó, trong trường hợp này, dẫu đương sự không biết là ta đã giúp họ, nhưng nhất định sẽ có người biết và họ sẽ

nói với đương sự rằng ta đã giúp họ. Cũng trong trường hợp ấy, đối phương sẽ thật sự cảm kích từ đáy lòng, họ sẽ tìm cách báo đáp, thậm chí báo đáp nhiều hơn cái đã nhận được, mà thường cũng là đền đáp bằng hình thức kín đáo. Như vậy lẽ nào không hơn gấp trăm lần so với phương thức bày tỏ công khai?

10.2. Sách lược đối với sự bội nghĩa

Gắn liền với hai chữ "quên ơn" là hai chữ "bội nghĩa". Đây cũng là hành vi bị người khinh rẻ. Nhưng đó lại là hiện tượng thường xuyên xảy ra trong thực tế đời sống, khiến những ai rơi vào trường hợp này đều buồn phiền, tức giận. Ở đây chúng tôi gọi "bội nghĩa" là hành vi không tự giác dốc sức thực hiện hoàn toàn nghĩa vụ của mình, do đó làm tổn thương người khác. Mọi người đều biết, trong đời sống xã hội, quyền lợi bao giờ cũng gắn chặt với nghĩa vụ. Mỗi địa vị xã hội, mỗi vai trò xã hội được tạo nên trong mối quan hệ đồng bộ, cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ, trong đó nó quy định mỗi cá nhân ấy được làm những gì, không được làm những gì và phải làm những gì - đây là nghĩa vụ, là trách nhiệm mà mỗi người phải làm tròn. Xét theo ý nghĩa này, phạm trù nghĩa vụ này rất rộng. Như, trong gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ, trách nhiệm với nhau, trách nhiệm này gồm có lao động nội trợ, nuôi dạy con cái, chăm sóc nhau, chung thủy với nhau, v.v...; con cái được cha mẹ nuôi dưỡng, khi lớn lên thì có trách nhiệm nghĩa vụ chăm sóc cha mẹ già yếu; công dân có nghĩa vụ bảo vệ tài sản nhà nước; giữa bạn bè cũng có trách

nhiệm và nghĩa vụ với nhau; ra khỏi nhà, ở nơi công cộng thì có nghĩa vụ tuân thủ kỷ luật. Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường, các nhà doanh nghiệp càng phải chú ý nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, tôn trọng lợi ích của nhau. Chính vì phạm vi của nghĩa vụ rộng như thế, nội dung phức tạp như thế, cho nên vấn đề bội nghĩa nảy sinh hàng ngày cũng muôn màu muôn vẻ, chẳng trường hợp nào giống trường hợp nào. Cần phải có thái độ như thế nào đối với những hiện tượng bội nghĩa? Đây là vấn đề thái độ và phương pháp quan trọng trong đời sống hàng ngày và trong quan hệ giữa con người với nhau. Chúng ta không thể công kích một cách không thương tiếc mọi hiện tượng bạc nghĩa, đấu tranh không kiêng nể buộc kẻ bội nghĩa phải sửa, phải làm tròn nghĩa vụ, trách nhiệm; chúng ta cũng không thể dùng những thủ đoạn cực đoan khác để báo thù, không thể dùng sự bất nghĩa để chống lại sự bội nghĩa. Đối với hiện tượng bội nghĩa cần phải có biện pháp thông minh và khôn ngoan hơn. Trong đó, nhẫn nhịn là một biện pháp cần thiết.

10.2.1. Hai loại "bội nghĩa"

Lý do hoặc nguyên nhân quan trọng khiến chúng ta phải có thái độ nhẫn nhịn thích đáng đối với hiện tượng "bội nghĩa" là vì có hai loại "bội nghĩa". Nói về nghĩa vụ thì có: một là nghĩa vụ chấp hành mọi điều đã được pháp luật quy định rõ ràng; nói cách khác là quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ được điều chỉnh

theo chuẩn mực pháp luật; một nữa là nghĩa vụ thực hiện mọi việc đã được quy định theo phong tục tập quán và theo chuẩn mực đạo đức xã hội, tức là quan hệ giữa quyền lợi và nghĩa vụ được điều chỉnh theo chuẩn mực đạo đức. Bội nghĩa, vô trách nhiệm với nghĩa vụ thứ nhất thì thực tế là trái pháp luật, xét theo một ý nghĩa nào đó cũng có nghĩa là phạm pháp. Chẳng hạn, khi cha mẹ già yếu, cần được con cái chăm sóc, nhưng con cái lại không tận tình chăm sóc, không làm tròn nghĩa vụ của mình, như thế là phạm pháp. Có những công dân, cán bộ và viên chức nhà nước thấy tài sản nhà nước bị xâm phạm, bị phá hoại, hoặc thấy tính mạng của người khác bị đe dọa mà lại làm ngơ, thoái thác trách nhiệm, như thế cũng là không làm tròn nghĩa vụ, là "bội nghĩa", xét ở góc độ pháp chế, là phạm tội trốn tránh trách nhiệm. Đối với loại bội nghĩa này không thể tha thứ được, phải lên án nghiêm khắc và xử lý bằng pháp luật. Nhưng đối với loại nghĩa vụ thứ hai, nếu bội nghĩa, vô trách nhiệm, xét về phạm vi và nội dung của nó thì chỉ là hành vi vô đạo đức, chỉ là làm trái với quy định đạo đức và phong tục tập quán, không phải là phạm pháp, nhiều lắm thì cũng chỉ bị dư luận xã hội lên án. Một đặc điểm quan trọng của loại "bội nghĩa" này, nói cách khác là khác với loại "bội nghĩa" thứ nhất, là ở chỗ, việc thực hiện nghĩa vụ ở đây phần nhiều dựa vào tinh thần tự giác, không có cơ sở cưỡng bức. Điều đó có nghĩa là, nếu ai có hành vi "bội nghĩa" thì không thể dùng ngoại lực buộc họ điều chỉnh, sửa chữa, mà

phải do bản thân họ nhận ra sai lầm, tự giác sửa chữa. Chẳng hạn, sự "bội nghĩa" trong quan hệ vợ chồng thuộc loại này. Như "Trần Thế Mỹ" trong xã hội hiện đại là trường hợp rất điển hình. Hai bên kết nghĩa vợ chồng, cùng chung hoạn nạn. Về sau, do chồng cố gắng, nhất là nhờ sự hy sinh và tận tụy của người vợ, và nhờ những dịp may, cho nên "cá chép hóa rồng", có được địa vị xã hội tốt hơn. Nhưng sau đó bèn quên người vợ kết tóc, vất bỏ gia đình. Trong trường hợp này, pháp luật không thể cấm anh ta ly hôn vợ, người ta chỉ có thể dựa vào sức mạnh của dư luận xã hội để lên án, gây sức ép, giúp anh ta nhận ra sai lầm, tự giác sửa chữa. Nếu anh ta không làm như vậy thì cũng đành chịu.

Như vậy, người ta có thể áp dụng hai phương thức đối xử với loại "bội nghĩa" thứ hai. Một là dùng biện pháp không có tính chất cưỡng bức bằng pháp luật để khuất phục đương sự, buộc họ sửa chữa hành vi bội nghĩa. Hai là, dùng phương thức thích hợp khiến dương sự tỉnh ngộ, tự giác sửa chữa sai lầm. Phương thức thứ nhất thường có ý nghĩa không lớn, tuy không phải hoàn toàn không có hiệu quả, thậm chí thường gây ra kết quả trái ngược. Còn phương thức thứ hai thì là phương thức phù hợp với đặc điểm của hành vi "bội nghĩa" loại này cho nên có kết quả hơn. Thế mà, nhẫn nhịn lại là một biện pháp thuộc phương thức ấy. Có nghĩa là, bằng cách nhẫn nhịn khiến đương sự có tâm trạng day dứt tự thẹn, do đó tạo ra sức ép nội tâm khiến họ cảm thấy khó chịu hơn sức

ép bên ngoài, tự điều chỉnh sửa chữa hành vi của mình. Chẳng hạn, trong một tác phẩm văn học có một tình tiết tương tự như sau. Một thanh niên trí thức đi thực tế ở nông thôn được một cô gái nông thôn thuần phác quan tâm săn sóc, trên cơ sở cùng lao động và đi lại với nhau lâu ngày, họ kết nghĩa vợ chồng. Cưới nhau được một năm thì họ có được một cô con gái xinh xắn. Sau khi cải cách mở cửa, nhà nước khôi phục chế độ thi vào đại học. Cô vợ trẻ thấu hiểu chồng mình đã kìm nén tinh thần lập nghiệp bấy lâu. Cô động viên chồng đi thi và tự nguyện gánh vác mọi công việc để giành thời gian và công sức cho chồng ôn thi. Quả là có công mài sắt có ngày nên kim. Chồng cô thi đỗ vào đại học. Nhận được giấy báo trúng tuyển, hai vợ chồng vui mừng khôn tả. Chồng thật lòng cảm ơn vợ đã hết lòng giúp đỡ, bày tỏ sau này nhất định sẽ đền ơn vợ, hứa sẽ dốc công xây dựng gia đình càng êm ấm hơn. Sau 4 năm đèn sách, người chồng được phân phối công tác tại một thành phố lớn. Thời gian đầu anh ta thường xuyên về thăm nhà và năng thư từ cho vợ con, có lần còn đón vợ lên chơi một thời gian. Nhưng ít lâu sau, số lần về thăm nhà thưa dần, thư từ cũng ngày càng ít. Cô vợ tưởng chồng bận, lúc đầu không chú ý. Mãi sau mới thấy có chuyện. Cô muốn được ra thành phố chăm sóc chồng, nhưng bị chồng từ chối. Kết quả là, hai năm sau, cô nhận được thư của chồng làm cô tan nát cõi lòng nhưng lại có vẻ rất có lý. Trong thư anh chồng nói rằng tình cảm hai bên không còn hợp nhau nữa,

không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa, đề nghị chia tay. Nhận được thư, cô vợ trẻ vô cùng đau khổ, nhiều người khuyên cô tới cơ quan của chồng để tố cáo và vạch mặt, lên án trên báo chí. Nhưng cô vợ trẻ thông minh này không làm như thế, cô nén đau, viết cho chồng một lá thư dài. Trong thư cô viết rằng, trước đây cô luôn luôn mong mỏi chồng cô thi thố được tài hoa, thực hiện được mơ ước của mình, trở thành một nhân tài càng có ích và đóng góp nhiều hơn cho xã hội. Chính vì thế mà trước đây cô quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ chồng, dù phải hy sinh nhường nào cô cũng cam lòng. Nay cô vẫn nghĩ như thế. Nhưng nếu chồng cô cảm thấy chung sống với cô thì anh ta không thể phát huy tốt hơn nữa vai trò của mình, và không có hạnh phúc, ly hôn sẽ có thể làm nên việc lớn, thì cô không phản đối. Cô bày tỏ rằng, để anh ta được hạnh phúc cô chấp nhận hết thảy. Do đó, cô đồng ý chia tay. Trong thư cô còn chúc anh ta khỏe mạnh, tìm được người bạn đời thích hợp hơn, hứa làm tròn trách nhiệm nuôi dạy con của một người mẹ,... Cô không vì thế mà trả thù chồng. Nhận được thư của vợ, anh chồng do dự, dao động, sau một cuộc đấu tranh tư tưởng dữ dội, anh ta cho người bạn gái mới xem lá thư này và quyết định cắt đứt quan hệ với cô, quay về với người vợ cũ. Sau này, được tổ chức giúp đỡ, anh ta chuyển vợ và con gái ra thành phố xum họp.

Đành rằng, đây là câu chuyện có hậu. Trong đời sống thực tế, có nhiều trường hợp, tuy đã nhẫn nhịn

mà vẫn kết thúc một cách đau buồn. Song, dù là bi kịch, nhẫn nhịn vẫn hơn.

10.2.2. Quả chín ép không ngon

Đây là một câu cách ngôn có tính chất triết lý về nhân sinh, cũng là một minh chứng cho việc chúng tôi nhấn mạnh tính chất cần thiết nhẫn nhịn đối với hành vi bội nghĩa. Điều đó cũng có nghĩa là, dẫu sau khi ta đã nhẫn nhịn mà đối phương vẫn không tự giác gánh vác nghĩa vụ của họ thì sự nhẫn nhịn của ta vẫn có ý nghĩa. Vì rằng, nếu đối phương không muốn làm tròn nghĩa vụ của họ, chỉ vì sức ép bên ngoài mà họ tạm thời thực hiện nghĩa vụ ấy thì nhiều lắm cũng chỉ là kế tạm thời, chứ không phải thật sự tự giác. Sau khi sức ép này đi qua thì đâu lại vào đó.

Ở đây, có hai phương pháp có thể lựa chọn: một là ép họ tạm thời làm tròn nghĩa vụ; hai là nhẫn nhịn. Như trên đã nói, phương pháp thứ nhất không lâu bền; còn phương pháp thứ hai thì tuy về hình thức có tính chất tiêu cực, nhưng thực tế lại có hiệu quả nội tại tích cực. Tại sao vậy? Chúng ta hãy phân tích các mặt sau:

Một, trong quan hệ vợ chồng, khi một trong hai bên đã có ý định hoặc đã quyết định chia tay, nếu có sức ép thì có thể họ sẽ tạm thời chưa hành động, nhưng trong thâm tâm thì họ chưa thật sự bỏ ý định đó. Tuy vợ chồng vẫn ở với nhau, nhưng đó chỉ là hình thức, không lâu bền, thực chất là bằng mặt không bằng lòng, đồng sàng dị mộng. Hơn nữa, rồi

sẽ có nhiều việc phức tạp hơn. Kết quả chỉ là: một, đẩy lùi thời gian bùng nổ, mà sự trì hoãn này chỉ làm cho hậu quả càng thêm nặng nề; hai, gắn bó quan hệ vợ chồng bằng một quan hệ không bao giờ hòa thuận, ổn định, đời sống gia đình luôn luôn căng thẳng. Đây rõ ràng là một sự tan vỡ từ từ. Ngược lại, nếu áp dụng thái độ nhẫn nhịn, thuận theo tự nhiên, xóa bỏ quan hệ vợ chồng này để cả hai bên cùng được giải phóng thì tốt hơn so với biện pháp gây sức ép đã nói ở trên, không phải đeo đẳng gánh nặng như biện pháp ấy.

Hai, trong quan hệ bạn bè cũng vậy. Khi một người nào đó không làm tròn nghĩa vụ của họ, nếu buộc họ thực hiện nghĩa vụ ấy, và do đó giữ quan hệ bạn bè giả tạo, thì không bằng tạm thời nhẫn nhịn, kịp thời đoạn tuyệt quan hệ bạn bè. Như vậy có lợi hơn. Như trên đã phân tích, mặc dầu đó không phải là phương thức tốt nhất nhưng có ý nghĩa tích cực hơn là dùng sức ép để duy trì tình bạn.

Trong các đoàn thể và các quần thể khác cũng như vậy.

Ở đây, có hai vấn đề cần chú ý: một là, sự nhẫn nhịn này chỉ là bước thứ nhất, tiếp đó là kịp thời chấm dứt quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ với người bạc nghĩa. Có nghĩa là, đối phương không thực hiện nghĩa vụ của họ thì ta cũng không làm trọn nghĩa vụ đối với họ. Vì rằng quan hệ cũ về quyền lợi và nghĩa vụ giữa hai bên không còn nữa. Theo ý nghĩa này,

nhẫn nhịn chỉ là không cưỡng bức đối phương làm tròn nghĩa vụ của họ, nhưng không tiếp tục nhẫn nhịn để cho hành vi bội nghĩa ấy lại diễn ra; hai là, cần bình tĩnh phân tích hành vi "bội nghĩa" của đối phương. Có trường hợp, do có những khó khăn nào đó mà đối phương không thể thực hiện nghĩa vụ của họ, chứ không phải họ không muốn làm tròn nghĩa vụ của họ. Trong trường hợp này chớ có vội vã kết luận, cần nhẫn nhịn tìm hiểu nguyên nhân để có phản ứng đúng đắn.

Trong xã hội hiện đại, với những thay đổi và sự phát triển của xã hội, đặc biệt là sự đổi mới và sự chuyển đổi mô hình văn hóa, nhiều quan hệ quyền lợi và nghĩa vụ được quy định theo quan niệm đạo đức đã có thay đổi cả về nội dung và hình thức. Đó cũng là điều cần được phân tích khi nhận định hành vi "bội nghĩa". Ở đây có một hiện tượng cần đặc biệt chú ý. Đó là tính hữu hạn của quyền lợi và nghĩa vụ. Chẳng hạn, có những điều trước đây được quy định là nghĩa vụ trong quan hệ bạn bè, vợ chồng, ngày nay không còn là nghĩa vụ như thế nữa. Khi này, mặc dầu hai bên vẫn có quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ với nhau, nhưng chỉ hạn chế ở một lĩnh vực và mặt nào đó, chứ không bao trùm lên hết thảy. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải thận trọng khi xác định hành vi nào đó có phải là bội nghĩa hay không, cần phải có tiêu chuẩn khoa học và con mắt thời đại. Nhưng, có một số người không nghĩ như thế, họ nhìn nhận quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ của ngày hôm nay

theo quan điểm cũ, khắt khe và gây sức ép với đối phương, buộc đối phương phải gánh vác và thực hiện những điều không còn là nghĩa vụ nữa. Như vậy là cứng nhắc. Có người dựa trên cơ sở những quyền lợi, nghĩa vụ hữu hạn để đòi hỏi đối phương thực hiện nghĩa vụ vô hạn. Điều đó dễ gây ra mâu thuẫn. Chẳng hạn, đối với một số người trong một số ngành, không thể đòi hỏi họ phải làm tròn nghĩa vụ trong đời sống; trong đời sống vật chất người ta cũng không thể đòi hỏi đối phương thực hiện nghĩa vụ theo hứng thú và thị hiếu của mình được. Những trường hợp này không phải là "bội nghĩa", tuy không vui, nhưng phải thường xuyên nhẫn nhịn.

CHƯƠNG IV

SÁNG SUỐT TỰ KHÉP MÌNH: CHÍN ĐIỀU RĂN

Người khôn sáng suốt tự khép mình. Muốn rèn luyện đức tính nhẫn nhịn phải thường xuyên kìm chế hành động của mình, phải nén lòng mình. Con người không phải là thánh, nhẫn nhịn không phải là đức tính trời cho. Do đó, phải có nghị lực kiên cường, tự khép mình trong muôn mặt đời sống. Điều khó chiến thắng nhất trên đời là chiến thắng bản thân mình. Hãy trở thành kẻ mạnh người khôn trong đời sống, hãy tự giác tự khép mình.

Các nhà tiên triết cổ đại Trung Quốc đặt việc tu thân lên vị trí hàng đầu trên con đường đi tới thành công của họ. Mục tiêu tu thân nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất tư tưởng, đạo đức của mình. Yêu cầu cơ bản nhất trong việc tu thân là hiếu thiện ghét ác, lấy thiện trừ ác. Trong việc tu thân, điều quý là ở chỗ tự giác, phải kiên trì không mệt mỏi. Sách "Lễ ký. Đại học" viết: "Thành tâm thì lòng ngay, lòng ngay thì tu được thân, tu thân thì tề gia, tề gia thì trị được nước, trị được nước thì bình được thiên hạ, từ thiên tử cho tới thứ dân phải lấy tu thân làm gốc". Điều đó mách bảo chúng ta rằng, muốn tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, thì đều phải lấy tu thân làm gốc,

phải bắt đầu từ chỗ tự tu dưỡng đạo đức của chính bản thân mình.

Vậy tu thân như thế nào?

Trước hết phải nhớ kỹ và thực hiện 9 điều răn sau đây.

1. Tránh kiêu căng ngạo mạn, phải khiêm tốn cẩn trọng

Trong đời sống thực tế chúng ta thường thấy những kẻ kiêu ngạo hống hách, ngạo mạn vô lễ, tự cao tự đại, khoe khoang khoác lác, tự cho mình là đúng. Phần lớn họ tự cho có năng lực rất cao, phi thường, coi khinh người khác. Do kiêu ngạo cho nên thường không nghe lọt tai ý kiến của người khác; do tự cao tự đại cho nên hống hách, coi thường người có tài, không thấy được điểm mạnh của người khác.

Kiêu căng ngạo mạn có hại rất lớn đối với người với việc. Điều này người xưa nhận thức rất rõ.

Sách "Quản Tử" viết: "Đánh giá con người thì cần biết rằng: kẻ kiêu ngạo tự phụ thì không xứng là nhân vật lớn. Kẻ kiêu ngạo là kẻ tự mãn. Kẻ tự mãn là kẻ trống rỗng. Vật trống rỗng là vật chẳng có tích sự gì. Những kẻ kiêu ngạo là những kẻ như thế". Điều đó có nghĩa là, đánh giá con người thì phải có tiêu chuẩn cụ thể. Phàm là người có thể làm nên sự nghiệp vĩ đại không ai là người kiêu ngạo tự phụ. Kiêu ngạo là biểu hiện của sự tự mãn, là biểu hiện của sự trống rỗng, chẳng hay ho gì.

Sách "Thượng thư" viết rằng: kiêu ngạo, hoang dâm, tự phụ, khoe khoang sẽ hứng chịu hậu quả xấu. Cùng quan điểm ấy, sách "Thuyết uyển. Tùng đàm thiên" viết: "Phú quý không phải do kiêu ngạo mà có, nhưng kiêu ngạo lại bắt nguồn từ phú quý: kiêu ngạo và cái chết không có quan hệ gì với nhau, nhưng lại có thể vì kiêu ngạo mà chết".

Một vị minh quân, Đường Thái Tông, nói với quần thần rằng: "Thiên hạ thái bình rồi, rất dễ nảy nở thói kiêu ngạo xa xỉ; kiêu ngạo xa xỉ sẽ dẫn tới chỗ nguy nan, diệt vong".

Đời nhà Tống, danh tướng Địch Thanh khi làm Khu mật sứ, cậy công ngạo mạn hống hách, làm mất lòng nhiều người. Bấy giờ Văn Nhan Bác đề nghị Hoàng thượng Tống Nhân Tông điều Địch Thanh đi làm Tiết độ sứ ở hai trấn ngoài kinh thành. Địch Thanh không nghe, tấu trình với Hoàng thượng rằng: Thần không có công, sao dám nhận chức Tiết độ sứ? Thần không có tội, sao lại điều thần ra khỏi kinh thành? Tống Nhân Tông nghe thấy có lý, bèn thôi và khen Địch Thanh là trung thần. Văn Nhan Bác tâu với Nhân Tông rằng: "Chẳng phải Thái tổ cũng là trung thần của Chu Thế Tông đó sao? Thế mà, được lòng quân sĩ, Thái Tổ đã làm binh biến ở Trần Kiều". Nhân Tông không nói gì, nhưng đồng ý với ý kiến của Văn Nhan Bác. Địch Thanh không hay biết gì điều ấy, lại đi gặp quan Trung thư kể công, không muốn đi làm Tiết độ sứ. Văn Nhan Bác nói với ông ta rằng:

cử ngươi đi làm tiết độ sứ không ngoài nguyên nhân triều đình nghi ngờ ngươi. Nghe vậy, Địch Thanh giật mình lui lại mấy bước, sợ hãi, đành phải ra khỏi kinh thành. Hàng tháng triều đình hai lần cử người tới thăm ông ta. Cứ mỗi lần nghe tin triều đình cử người tới Địch Thanh lại lo ngay ngáy, chưa đầy nửa năm thì mắc bệnh chết. Đủ thấy, kiêu căng, không tự khép mình thì khó làm nên việc lớn.

Địch Thanh cậy công kiêu ngạo, kết quả là thiệt thân. Con người ta phải biết tự khép mình, chớ có kiêu ngạo, tự cho mình là đúng, phải chống kiêu căng phòng ngạo mạn, phải kính trên nhường dưới thì mới được mọi người ủng hộ, giúp đỡ.

Đời Đường, Đỗ Thẩm Ngôn, tên chữ là Tất Giản, là ông nội của Đỗ Phủ, làm Tu văn quán học sĩ, kiêu căng tự cho là có tài, từng nói: "Với tài văn chương của ta, Khuất Nguyên, Tống Ngọc chỉ đáng làm người hầu cho ta, chữ của ta đáng để cho Vương Nghĩa phải bái phục". Đỗ Thẩm Ngôn không biết tự lượng sức mình, bị đời sau chê cười. Kiêu ngạo khoe khoang như thế chỉ chứng tỏ là kẻ có kiến thức nông cạn, chẳng có ai nghĩ rằng ông ta thật sự có tài như thế. Kiêu ngạo, không tự khép mình thì chỉ tổ làm trò cười cho thiên hạ.

Sách "Khuyến nhẫn bách châm" viết: Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ. Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu. Chư hầu kiêu nhân tắc thất kỳ quốc, đại phu kiêu nhân tắc thất kỳ gia. Ngụy hầu phụ Điền

Tự Phương chi giáo, bất cảm dĩ phú quý nhi tự đa. Cái ác chung chi hấn, triệu chi kiêu hề; tử vong chi kỳ, địch vu kiêu xa. Tiên triết chi ngôn, như bất thính hà! Tích Cố Tư Bá khuynh thân lễ sĩ, khách quái kỳ khiêm. Đáp dĩ tứ tự, kiêu chí tiện suy. Tư ngôn hữu vị, ý, khả bất nhẫn dư!"

Đoạn văn trên có ý là, vàng bạc đầy nhà thì cũng không có ai giữ nổi. Giàu sang mà kiêu ngạo, xa hoa thì tự hứng chịu hậu quả. Làm vua mà ngạo mạn thì sẽ mất chính quyền, đại phu mà kiêu ngạo thì sẽ mất lãnh địa. Tiếp thu bài học của Điền Tử Phương, Ngụy Văn Hầu không dám ỷ vào sự giàu có để mà tự cao tự đại. Kiêu ngạo khoác lác là điềm báo trước về hậu quả xấu, quá kiêu ngạo, xa xỉ thì nhất định sẽ diệt vong. Nếu không nghe theo lời của các tiên triết thì sẽ có hậu quả như thế nào? Cố Tư Bá bình dị dễ gần, kính trên nhường dưới, khách không hiểu nguyên nhân ông khiêm tốn. Tư Bá trả lời bằng bốn chữ: kiêu thì sẽ suy. Câu nói này có ý nghĩa sâu xa, vậy cớ sao không tự khép mình?

Quả vậy, vấn đề lớn nhất của con người hiện đại là thói kiêu ngạo tự đại. Kẻ kiêu ngạo, hống hách, tự đại không chịu kém người không nhường nhịn người khác. Làm người lãnh đạo mà quá kiêu ngạo hống hách thì không thể chỉ huy cấp dưới được, là cấp dưới mà quá kiêu ngạo thì sẽ không phục tùng lãnh đạo. Làm con, mà quá kiêu ngạo thì khinh cha mẹ, sẽ bất hiếu. Đối lập với kiêu ngạo là khiêm tốn, nhường

nhịn. Muốn tránh kiêu ngạo thì không cậy công tự kiêu, tự khép mình, chống kiêu ngạo, thường xuyên suy ngẫm về những vấn đề và sai lầm của mình, khiêm tốn học tập người khác. Có rất nhiều tấm gương của người xưa về khắc phục thói kiêu ngạo tự đại, rèn luyện phẩm chất khiêm tốn, nhường nhịn.

Sách "Chiến quốc sách" chép: Thái tử Kinh gặp Điền Tử Phương, thầy dậy của Ngụy Văn Hầu, ở giữa đường. Kinh xuống xe, quỳ xuống, bái chào. Tử Phương không đáp lễ. Kinh nổi giận, nói: "Thật không hiểu là giầu sang thì có thể ngạo mạn, vô lễ, hay là nghèo hèn thì có thể kiêu ngạo?". Điền Tử Phương nói: "Đương nhiên là người nghèo hèn có thể ngạo mạn, người giầu sang ai dám ngạo mạn vô lễ? Làm vua mà ngạo mạn thì sẽ mất chính quyền, là đại phu mà ngạo mạn thì sẽ mất lãnh địa. Kể nghèo hèn, khi mưu kế của họ không được người khác sử dụng, hành vi của họ không vừa ý người cầm quyền thì họ sách dép ra đi. Ở đâu mà chẳng nghèo hèn? Lẽ nào họ lại còn sợ nghèo hèn? Họ sợ mất cái gì nào?" Thái Tử Kinh kể với Ngụy Văn Hầu việc ông gặp Điền Tử Phương. Ngụy Văn Hầu thở dài: "Không dùng Điền Tử Phương thì ta sao được nghe ý kiến của người có tài đức?".

Bản thân người giầu sang vốn có cái thế dễ kiêu căng ngạo mạn, coi thường người có địa vị không bằng mình. Nhưng, là người cầm quyền, nếu không hạ mình trọng dụng người tài, khiêm tốn học hỏi thì có

khả năng sẽ vì kiêu căng ngạo mạn mà mất quyền; người giầu sang thì có thể vì thế mà mất thế giàu.

Sách "Tả truyện" cũng chép một câu chuyện tương tự xẩy ra vào năm Thành công[1]. Bấy giờ nước Lỗ và nước Vệ e ngại nước Tề tới đánh họ, bèn đề nghị nước Tấn đem quân thảo phạt nước Tề. Nước Tấn cho quân đi cứu nước Lỗ và nước Vệ, đánh bại quân nước Tề ở Hoa Tuyền. Nước Tề đồng ý trả lại đất đã xâm chiếm của nước Lỗ và nước Vệ để cầu hoà. Tướng Khích Khắc và Sĩ Nhiếp mang quân về chầu triều. Tấn Cảnh Công chiêu đãi tướng sĩ, nói "Đây là công lao của các ngươi". Khích Khắc đáp: "Do được trẫm dậy dỗ, các tướng sĩ anh dũng chiến đấu, thần không có công lao gì". Sĩ Nhiếp tâu: "Do Tuân Canh chỉ huy giỏi, tướng Khắc điều khiển toàn quân, thần đâu có công lao gì?" Nếu mọi tướng lĩnh, quần thần đều khiêm tốn, không cậy công kiêu ngạo như thế thì hay biết mấy. Được tin này mọi người đều khen họ sáng suốt. Thời Tây Hán có một người tên là Cung Toại, tên chữ là Thiếu Khanh, người Nam Bình, Sơn Dương, do thi đỗ cho nên được cử làm quan. Cung Toại là người trung hậu, khí khái, có tiết tháo. Triều Chiêu đế ông làm Thái thú Bột Hải nhiều năm. Hoàng thượng sai sứ triệu ông về triều. Người giúp việc ông là Vương Sinh muốn đi theo. Nhưng quan Công tào[2] cho rằng Vương Sinh hay rượu chè, mà đã rượu vào

1. Niên hiệu nhà Tần, năm 662 trước công nguyên. - N.D.
2. Quan chức đời Hán, dưới quyền Thái thú. - N.D.

là không tự kìm chế được, cho nên ông không cho đi. Cung Toại không nỡ từ chối, đồng ý cho Vương Sinh theo về kinh thành. Khi về tới kinh thành, hàng ngày Vương Sinh chỉ uống rượu, bỏ mặc Cung Toại. Một hôm, Cung Toại vào cung chầu triều, Vương Sinh chạy theo sau gọi: "Xin Thái thú hãy dừng bước cho con thưa vài lời". Cung Toại quay lại, hỏi Vương Sinh muốn nói điều gì, Vương Sinh đáp: "Nếu Hoàng Thượng hỏi Ngài cai trị Bột Hải như thế nào, ngài đừng có kể công, mà nói là công đức của thánh thượng, chứ không phải công lao của thần". Cung Toại tiếp thu ý kiến của Vương Sinh. Vào tới cung vua, quả là Hoàng đế hỏi tình hình cai trị Bột Hải. Cung Toại trả lời như Vương Sinh hiến kế. Hoàng thượng rất khen tác phong khiêm nhường của Cung Toại, vừa cười vừa nói: "Ngươi học được ở đâu cái ngôn từ của trưởng giả ấy vậy?". Cung Toại đáp: "Bản thân thần không biết nói những lời ấy, đó là người giúp việc tên là Vương Sinh dậy thần đó". Hoàng thượng thấy Cung Toại già rồi, phong ông là Thuỷ hành Đô úy.

Lưu Công thời Đông Hán tên chữ là Hoàn Công, người ở Trần Lưu, là đời sau của Lương Hiếu vương. Thời nhỏ học lễ nghĩa, đọc sách "Dịch" của Thi Thị. Thời Quang Vũ Đế làm tri huyện Giang Lăng, huyện Giang Lăng bị hoả hoạn mấy năm liền. Lưu Không khấu đầu bái lễ lửa, lửa tắt. Sau này, khi ông về làm Thái thú ở Hoằng Nông, hổ mẹ cõng hổ con bơi qua sông chạy trốn bằng hết!. Quang Vũ Đế hỏi: "Trước đây, khi làm tri huyện Giang Lăng ngươi tắt được gió

dập được lửa; sau này, khi ngươi làm Thái thú ở Hoằng Nông thì hổ báo bỏ chạy lên phía bắc hết. Ngươi cai trị bằng cái đức gì mà đạt được kết quả như thế?" Lưu Công tâu: "Muôn tâu Hoàng Thượng, chẳng qua là gặp may như thế thôi ạ". Mọi người quanh Hoàng thượng đều vui cười, cho rằng Lưu Công thực thà, không khoe khoang khoác lác, còn Quang Vũ Đế thì tấm tắc: "Đó mới là lời của trưởng giả!", rứt lời ông quay lại gọi người ghi vào sử sách để cảnh tỉnh người đời.

Nếu thích khoe khoang tự cao tự đại, thì dẫu có chút mỹ đức, công lao và thành tích cũng sẽ mất hết. Cổ Tư Bá thời Bắc Ngụy là người ở Ích Đô, làm quan dưới quyền Thành Vương Trừng. Tới thời Túc Tông và Minh Tông thì làm thị giảng, cũng giúp Hoàng đế đọc sách "Xuân Thu". Cổ Tư Bá có địa vị rất cao quý, nhưng gần gũi kẻ dưới, tôn trọng người có tài đức. Có người hỏi ông: "Ngài làm thế nào mà tránh được kiêu ngạo?" Cổ Tư Bá trả lời: "Kiêu ngạo thì tất sẽ suy đồi. Gầm trời này làm gì có ai giầu mãi!". Bấy giờ người ta cho rằng đây là kiến giải rất cao minh.

Người khư khư giữ ý kiến của mình thì sẽ không hiểu lẽ phải; người tự cho mình là đúng sẽ không thông tỏ tình, lý; kẻ tự phụ sẽ không thành công, kẻ tự khoe không giữ được lâu dài những cái đã có.

Tóm lại, kiêu căng ngạo mạn rất có hại. Là người cầm quyền cai trị mà tự kiêu tự đại, không bình đẳng với mọi người thì sẽ mất nhân tài, mất lòng người,

cuối cùng sẽ đánh mất giang sơn. Là người cầm quân mà kiêu ngạo thì sẽ trở thành kiêu binh, tất sẽ bại. Dầu là người bình thường, nếu cho rằng chỉ có mình mới đúng thì mọi người xa lánh, bị cô lập, khó thành công. Chỉ có khiêm tốn, nghe lời khuyên can, không kiêu căng ngạo mạn, thì mới bách chiến bách thắng. Khiêm tốn thì có lợi, kiêu ngạo thì thất bại, đó là cái lý có từ ngàn xưa rồi.

Tào Tháo kiêu ngạo để mất Trương Liêu

Đầu thời kỳ Tam Quốc, Thái Thú Trương Lỗ chiếm cứ vùng Hán Trung, định đánh chiếm Tây Xuyên để bành trướng thế lực, thèm khát ngôi báu "Hán Ninh vương". Lưu Chương ở Ích Châu vội cử Trương Tùng tới Hứa Đô cầu cứu Tào Tháo. Khi đi, ngoài việc mang theo vàng bạc châu báu để cúng tiến Tào Tháo ra, Trương Tùng còn ngầm mang theo một bản đồ chi tiết về địa hình Tây Xuyên. Vì Lưu Chương hồ đồ và nhu nhược, những người hiểu biết ở Tây Xuyên bấy giờ biết rằng trong tình hình tranh hùng tranh bá ấy, Lưu Chương không thể giữ được Tây Xuyên, do đó nhiều người đã tính toán tìm chỗ dựa khác. Nhân chuyện đi xứ này, Trương Tùng mang theo tấm bản đồ rất có giá trị ấy cũng nhằm mưu tính này.

Trương Tùng đi một mạch tới Hứa Đô, được tiếp đãi ở trạm liên lạc, ba ngày sau mới nhận được giấy báo tiếp kiến, rất không hài lòng; hơn nữa bọn người hầu trong phủ Thừa tướng lại công khai vòi vĩnh, có

hối lộ thì chúng mới dẫn vào, khiến Trương Tùng càng ngao ngán.

Tào Tháo tiếp Trương Tùng với thái độ ngạo mạn, vặn hỏi:

- Tại sao mấy năm nay chủ ngươi là Lưu Chương không đến cúng tiến?

Trương Tùng khéo léo giải thích:

- Vì đường đi rất gian nan, giặc giã nhiều, thường chặn đường cướp bóc, cho nên không đi được.

- Ta đã quét sạch vùng Trung Nguyên, làm gì còn giặc nào nữa! Rõ ràng là ngươi bịa ra để kiếm cớ. - Tào Tháo lớn tiếng bác bỏ.

Trương Tùng là nhân vật nổi tiếng ở Tây Xuyên, đầu nhọn trán hói, mũi tẹt răng vẩu, cao chưa được 5 thước, nhưng giọng nói oang oang như lệnh vỡ. Ông đọc rất nhiều sách, kiến giải hơn người, nổi tiếng là có hiểu biết sâu rộng. Từ khi tới Hứa Đô, thấy Tào Tháo tiếp khách địa phương với thái độ ngạo mạn, trong lòng không vui. Hôm nay lại thấy Tào Tháo hống hách như vậy, ông bỏ ý định chạy theo ông ta, quyết dậy cho ông ta một bài học rồi đi. Tào Tháo vừa rứt lời, Trương Tùng cười hề hề, nói:

- Hiện ở Giang Nam thì có Tôn Quyền, ở phía bắc thì có Trương Lỗ, ở phía tây thì có Lưu Bị, trong số họ, người ít nhất cũng có hơn 100 ngàn quân. Như thế mà là thái bình sao?

Lời bốp chát này khiến Tào Tháo lúng túng không nói được điều gì. Khi mới gặp Trương Tùng, Tào Tháo thấy ông ta thấp bé, khuôn mặt xấu xí, khúm na khúm núm, cho nên không ưa. Bây giờ thấy ông ta ăn nói đốp chát, Tào Tháo càng ghét, phất tay áo, đứng phắt dậy, đi vào buồng phía trong.

Bọn chân tay của Tào Tháo nhao nhao trách cứ Trương Tùng vô lễ, ăn nói đốp chát. Trương Tùng cười nhạt, nói:

- Đáng tiếc, ở Tây Xuyên chúng tôi không có người biết nịnh.

Trương Tùng chưa nói hết thì có tiếng quát tháo:

- Ở Tây Xuyên nhà ngươi không có người biết nịnh, chẳng lẽ ở nơi chúng tao đây có loại người như thế sao?

Trương Tùng quay ra nhìn thì thấy người vừa quát tháo có đôi mắt ti hí, mặt trắng bệch, ông hỏi tên tuổi thì được biết người này là Dương Tu, người nắm sổ sách kho tàng dưới quyền Thừa tướng. Trước đây Trương Tùng từng nghe nói ông ta là con của Thái úy Tương Bưu, học rộng, tài ăn nói. Trương Tùng định bụng cho ông ra một vố. Dương Tu xưa nay tự cho mình là người phi thường, biết Trương Tùng không phải là nhân vật xoàng, bèn mời ông vào thư viện ở cạnh đó trò chuyện.

Sau khi yên vị, Dương Tu nói:

- Đường rừng núi quanh co khúc khuỷu, ngài từ xa tới chắc hẳn rất vất vả?

Trương Tùng đáp:

- Làm việc theo lệnh trên, dù có phải nhẩy vào nơi nước sôi lửa bỏng cũng không thể từ.

Dương Tu có ý thăm dò hiểu biết của Trương Tùng, hỏi:

- Mời ngài nói ít lời về phong tục và dân tình của Tây Xuyên.

Nắm được dụng ý của đối phương, Trương Tùng có ý khoe :

- Tây Xuyên vốn là một bộ phận của miền Tây, thời xưa gọi là Ích Châu, đường xá hiểm trở, địa thế hùng tráng, có 280 con đường với hơn 300 ngàn dặm. Dân cư đông đúc, khắp nơi rộn tiếng gà gáy chó sủa, chợ búa nhộn nhịp, phố xa thênh thang; ruộng đất phì nhiêu, không có hạn hán, lụt lội; dân chúng giàu có, đời sống văn hoá rất phát triển; của cải chất như núi, không đâu sánh kịp!

- Nhân tài của Tây Xuyên như thế nào?

Trương Tùng đắc ý trả lời:

- Trong lịch sử, Tây Xuyên từng có nhà thơ lớn Tư Mã Tương Như, danh tướng Mã Viện, "Y thánh"[1] Trương Trọng Cảnh, nhà chiêm tinh nổi tiếng Nghiêm

---

1. Thầy thuốc được tôn là thánh. - N.D.

Quân Bình; ngoài ra tôn giáo, nhân tài xuất chúng nhiều đếm không xuể!

Dương Tu lấn tới hỏi:

- Vậy hiện nay, trong tay Lưu Chương có được bao người như ngài?

Trương Tùng nhún vai, nói:

- Có hàng trăm người văn võ toàn tài, có trí có gan, trung nghĩa khảng khái. Số bất tài như tôi đây thì không đếm xuể.

- Vậy hiện nay ngài làm chức vụ gì? - Dương Tu hỏi tiếp.

Trương Tùng khiêm tốn đáp:

- Làm trợ lý cho quan thích sử, quá sức.

Vừa dứt lời, Trương Tùng liến láu hỏi:

- Vậy mạn phép xin hỏi ngài làm chức vụ gì trong triều ạ?

- Ta làm văn thư trong phủ Thừa tướng.

Trương Tùng chẳng thèm nể nang, bộp luôn:

- Cụ thân sinh ra ngoài làm quan to trong triều, tại sao ngài không làm một chức nào đó trong triều, trực tiếp phò tá Hoàng đế, mà lại giam mình làm chức quan tép riu trong phủ Thừa tướng?!

- Ta tuy chức vụ không cao, nhưng được Thừa tướng giao cho trọng trách trông coi công việc quân lương. Hơn nữa, sớm tối lại được Thừa tướng dậy bảo,

mở mang đầu óc, cho nên ta nhận chức này - Dương Tu ngượng nghịu, cố lên gân giải thích.

Trương Tùng cười khẩy, nói:

- Tôi nghe nói, về văn thì Tào Thừa tướng không hiểu đạo Khổng, Mạnh, về võ thì Tào Thừa tướng không rành binh pháp của Tôn Vũ, Ngô Khởi, chỉ ỷ vào tính khí ngang ngược hống hách để chiếm cái chức Tể tướng, sao có thể dậy bảo mở mang đầu óc cho ngài được?

Dương Tu thản nhiên nói:

- Không phải thế, ngài ở ngoài biên giới thì sao mà biết được tài ba kiệt xuất của Thừa tướng! Ta cho ngài xem đây - Dương Tu sai chân tay lấy một tập sách trên giá trao cho Trương Tùng.

Trương Tùng thấy sách có tên là "Mạnh đức tân thư", liền lướt giở từ đầu chí cuối, trong đó có tất cả 13 thiên, đều nói về sách lược quan trọng trong chiến tranh. Chẳng biết Trương Tùng có đọc hết hay không, thái độ rất thản nhiên, hỏi Dương Tu:

- Dương tiên sinh thấy tập sách này thế nào ạ?

- Tào Thừa tướng là người bác cổ thông kim, viết ra 13 thiên như trong "Tôn Tử binh pháp". Theo ngài thì tập sách này có thể truyền lại mãi mãi cho đời sau được không ? - Dương Tu nói với vẻ đắc ý.

Trương Tùng cả cười, nói:

- Ở Tây Xuyên trẻ con cũng thuộc tập sách này, gọi là "tân thư" sao được! Đây vốn là sách của một

người vô danh thời Chiến Quốc, Tào Thừa tướng đánh cắp làm thành của mình, chỉ có thể đánh lừa được ngài thôi!

Dương Tu không tin, nói:

- Đúng là Thừa tướng viết, sao ngài dám nói là trẻ con ở Tây Xuyên cũng thuộc làu, quá khinh người rồi!

- Nếu ngài không tin tôi đọc ngay tại đây để ngài nghe - Trương Tùng gấp sách lại, đọc một lượt từ đầu chí cuối, không sót một chữ.

Dương Tu ngạc nhiên, nói:

- Trương tiên sinh đọc tới đâu nhớ tới đó, quả là bậc kỳ tài trong thiên hạ!

Sau đó, Dương Tu khen Trương Tùng trước mặt Tào Tháo, khuyên Tào Tháo tiếp lại Trương Tùng. Nhưng, do quan điểm của hai bên khác nhau quá xa, Trương Tùng châm chọc Tào Tháo một hồi, sau đó rời Hứa Đô, mang tấm bản đồ hết sức có giá trị đi biếu cho Lưu Bị.

Đáng tiếc, Tào Tháo cả đời thu nạp nhân tài, cả đời những mong tiêu diệt Lưu Bị, nhưng chỉ vì một phút kiêu ngạo mà đã giúp cho Lưu Bị thêm một cánh tay.

Lý Tùng Kha mất nước vì bọn kiêu binh

Năm Trường Hưng đời Hậu Đường, Đường Minh Tông là Lý Tự Nguyên qua đời, con ông là Lý Tùng Hậu nối ngôi, lịch sử gọi là Mẫn đế. Mẫn đế còn nhỏ

dại, triều chính do đại thần Chu Hoằng Chiêu... nắm giữ. Để chuyên quyền độc đoán, Chu Hoằng Chiêu gạt bỏ những người không ăn cánh, cài chân tay thân tín của mình vào, xúi giục Mẫn đế truất chức của nhiều trọng thần, đẩy những Tiết độ sứ có công có tài ra vùng biên giới xa xôi, cài cắm bạn bè thân tín của mình vào các chức vụ trọng yếu trong các cơ quan quan trọng. Lý Tùng Kha là Tiết độ sứ kiêm Thị trung ở Phượng Tường, từ nhỏ đã theo Đường Minh Tông đi chinh chiến khắp nơi, địa vị, uy tín cao hơn rất nhiều so với bọn Chu Hoằng Chiêu,... cho nên càng bị chúng ghen ghét, ít lâu sau cũng bị điều đi làm Tiết độ sử ở những nơi rất xa.

Từ lâu Lý Tùng Kha đã căm ghét sự chuyên quyền của bọn Chu Hoằng Chiêu. Ông chống lệnh điều động, lập tức dấy binh, ban bố lời hịch, chuẩn bị vào triều trừ gian.

Lý Tùng Hậu vội cử Tây đô Lưu thủ Vương Tư Đồng cầm quân đi thảo phạt Phượng Tường. Sau khi các đạo quân đã tới chân thành Phượng Tường, Vương Tư Đồng ra lệnh công thành, kịch chiến một ngày, quân trong thành bị thương vong nhiều.

Ngày hôm sau, Vương Tư Đồng lại ra lệnh công thành, quyết chí lập công lớn để dâng lên Hoàng thượng. Do thành Phượng Tường thấp, hầm hào nông, thêm vào đó là phòng bị không tốt, tình thế rất nguy ngập. Thấy không thể giữ được thành, Lý Tùng Kha liều đứng lên tường thành, nói to với quân sĩ ngoài

thành: "Từ nhỏ ta đã theo tiên đế vào sinh ra tử, trải qua trăm trận, thương tích đầy người mới lập nên xã tắc hôm nay. Các người đã từng theo ta nhiều năm, tận mắt thấy ta đã làm những gì, có phải vậy không? - nói tới đây, Lý Tùng Kha nước mắt tuôn giàn giụa - nay triều đình nghe lời xúc xiểm, nghi kỵ người ruột thịt, trung thần bị hại, ta có tội chi mà đẩy ta vào chỗ chết? Nay thành tan, người chết, ta không cam lòng!" Dứt lời ông òa lên khóc nức nở, ai nghe thấy cũng thương tâm.

Vừa lúc ấy, viên tướng hèn hạ Trương Kiền Chiêu tuốt bảo kiếm thúc binh sĩ tiếp tục công thành: "Chớ nghe những lời bịa đặt của y, xông lên, kẻ nào không xông lên ta chém đầu". Trong binh sĩ có người hô lớn: quay giáo lại phản chiến? Trương Kiền Chiêu hoảng hốt thúc ngựa bỏ chạy. Dương Tư Quyền là viên chỉ huy vốn hiềm khích với bọn Chu Hoằng Chiêu, thừa cơ hô lớn: "Lộ Vương mới thật sự là chúa công của chúng ta!", chỉ huy lính dưới quyền vứt bỏ vũ khí, đầu hàng Lý Tùng Kha.

Dương Tư Quyền dẫn binh lính đầu hàng vào thành, trao cho Lý Tùng Kha một tờ giấy đề nghị Lộ vương sau khi đánh chiếm được kinh đô thì phong ông ta làm tiết độ sứ. Lý Tùng Kha chấp thuận yêu cầu của ông ta, ghi vào tờ giấy: "Dương Tư Quyền có thể làm Tiết độ sứ Mân Ninh". Thế là quân lính công thành tới tấp quay giáo lai, không chiến đấu nữa, mấy tên Tiết độ sứ như Vương Tư Đồng,... thấy tình

thế không thể bắt quân lính tiếp tục chiến đấu được nữa bèn mạnh ai nấy chạy tháo thân.

Lúc này đông đảo hàng binh chen nhau vào thành Phượng Tường kể công đòi thưởng. Lý Tùng Kha đang lo bỗng vui mừng, dốc hết của cải trong thành để thưởng cho họ, thậm chí các loại vật dụng, như lư hương... cũng được định giá để thưởng. Trong các doanh trại, binh lính múa ca inh ỏi, rượu chè cờ bạc thả cửa. Lúc này Lý Tùng Kha cũng bốc đồng, tuyên bố: "Ai đánh vào kinh đô Lạc Dương được thưởng trăm quan". Binh sĩ ai nấy mừng vui hò reo, nhảy múa.

Vương Tư Đồng thua trận chạy về kinh đô, Mẫn đế đời Hậu Đường luống cuống, Tiết độ sứ Hà Dương là Khang Nghĩa Thành theo gió bẻ buồm, vờ xin mang quân đi đánh Lý Tùng Kha, nhưng thực tế là : đi hàng Lý Tùng Kha để được thưởng công. Triều đình hứa nếu bình định được Phượng Tường thì thưởng cho mỗi binh lính của ông ta 200 quan. Đám quân thị vệ này của Khang Nghĩa Thành hết sức kiêu căng, không coi ai ra gì, lưng đeo tiền của do triều đình ban thưởng, trên đường hành quân tới đâu cũng bô bô: "Tới Phượng Tường lại đòi Lộ vương phải thưởng". Thế là vừa tới Phượng Tường, từng đoàn binh sĩ xin hàng, tới khi Khang Nghĩa Thành xin hàng thì trong tay chỉ còn hơn mười người và ngựa.

Lý Tùng Kha đem quân tiến vào kinh đô Lạc Dương mà không hề vấp phải sự chống cự nào, phế truất Mẫn đế, lên ngôi Hoàng đế. Vừa lên ngôi, Lý

Tùng Kha lập tức xuống chiếu mở kho khao quân. Chẳng ngờ trong kho Lạc Dương đã trống rỗng từ lâu, mà khao quân sĩ thì phải tốn hơn 500 ngàn quan. Ông đành phải ra lệnh vơ vét của dân. Bỗng lời kêu oán thán vang lên khắp nơi. Nhiều người vì không có tiền giao nộp mà gieo mình xuống giếng, thắt cổ tự tử, số bị tù tội nhiều vô kể. Trăm quan dốc hết sức cũng chỉ vơ vét được có 200 ngàn quan, không đủ thưởng cho một nửa. Lý Tùng Kha sợ không thưởng đủ, quân lính sẽ làm binh biến, lòng lo nơm nớp.

Khi này học sĩ Đoạn Minh điện tên là Lý Chuyên Mỹ khuyên: "Sự sống còn của đất nước phụ thuộc vào chỗ ban hành luật pháp, lập kỷ cương, chứ không thể dựa vào khen thưởng. Nếu chỉ dựa vào khen thưởng thì dẫu có bao nhiêu của cải cũng không thưởng đầy lòng tham của lũ kiêu binh". Tiếp đó ông lại khuyên Lý Tùng Kha phải rút ra bài học của tiên triều, nếu không sửa thì lại dẫm vào vết xe đổ, vơ vét của dân thì sẽ có nguy cơ diệt vong. Nếu hiện nay của cải có hạn, thì có bao nhiêu thưởng bấy nhiêu, số còn thiếu năm sau sẽ bù. Lý Tùng Kha nghe theo, không nhún nhường nữa. Quả là đám kiêu binh này cậy công, được thưởng rồi mà vẫn còn chê ít, oán thán không nguôi.

Tin đồn nổi lên, Lý Tùng Kha sợ nổi loạn, không dám ra tay chỉnh đốn. Quân lính lấn tới, phạm pháp, làm loạn, ông nhượng bộ hết lần này đến lần khác, mắt thấy tai nghe mà cứ làm ngơ. Lâu ngày, tướng lĩnh binh sĩ càng kiêu căng làm bừa, bất tuân thượng

lệnh, có mưu đồ riêng. Lý Tùng Kha lên ngôi được có 3 năm thì tiết độ sứ Hà Đông tên là Thạc Kính Đường dấy binh làm phản, rồi công rắn cắn gà nhà, tiến công nhà Hậu Đường. Quân đội không chiến đấu, giặc tới đâu hàng tới đó. Lý Tùng Kha cùng đường mạt lộ, nhẩy lầu tự vẫn, nhà Hậu Đường bị diệt vong.

Do thời bình Lý Tùng Kha không trị lũ kiêu binh, kỷ cương không rõ ràng, tới khi nguy cấp, tướng sĩ kẻ thì chưa thấy địch đã bỏ chạy, kẻ thì thông đồng với địch, Lý Tùng Kha để mất nước, nguyên nhân là vì thế.

Tiêu Huệ vì kiêu mà thất bại thảm hại

Tháng Giêng năm Trùng Hy thứ 17 của nước Liêu, vua nước Tây Hạ là Triệu Nguyên Hạo qua đời. Vua nước Liêu cử sứ giả tới phúng viếng. Trở về, sử giả tâu rằng, Nguyên Hạo qua đời, con ông là Lương Tộ còn nhỏ dại, chính quyền nằm trong tay mẫu hậu và thân tộc của bà ta, các tướng lĩnh bất bình. Vua nước Liêu là Da Luật Tông Chân cho rằng đây là thời cơ tốt để tiến công Tây Hạ, vội vàng điều động binh mã chuẩn bị đánh chiếm Tây Hạ.

Khoảng tháng 6, 7 năm Trung Hy thứ 18, quân nước Liêu chia làm ba đường : Tiêu Huệ chỉ huy cánh quân phía Nam, Da Luật Đạt chỉ huy cánh quân phía Bắc, vua nước Liêu đích thân chỉ huy cánh quân ở giữa, tiến đánh Tây Hạ. Cánh quân phía Nam do Tiêu Huệ chỉ huy, thuyền bè xếp hàng dài hàng trăm dặm, vẻ rất oai hùng. Tiêu Huệ là viên tướng lão luyện của

nước Liêu, đã trải qua trăm trận, có công đức lớn với nước Liêu. Năm năm trước, do khinh địch mà quân Tây Hạ đánh bại. Lần này, khi phân tích tình hình địch, Tiêu Huệ cho rằng ấu chúa Lương Tộ chưa đầy 2 tuổi, quyền hành nằm trong tay một mụ đàn bà, quân nước Liêu mới chỉ áp sát biên giới Tây Hạ đã phải hàng.

Quân nước Liêu tiến vào đất Tây hạ mà chẳng thấy bóng một tên lính Tây hạ. Tiêu Huệ nghi hoặc, cử một tốp quân tiến lên trinh sát. Lính trinh sát đi lâu rồi mà chưa quay về báo cáo, Tiêu Huệ nóng ruột, lại cho quân tiến lên. Khi này, ngựa chiến của quân nước Liêu đều phải thồ lương thực, áo giáp, lính phải đi bộ, không ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. Thấy vậy, cấp dưới nói với Tiêu Huệ rằng: "Ta hành quân từ xa tới, chưa rõ tình hình bố phòng của Tây Hạ, không nên vào sâu, nên cho dừng chân đóng trại bố phòng đề phòng bất trắc". Tiêu Huệ cười ngão nghệ: "Các người quá sợ rồi! Đại quân của ta áp sát thì Lương Tộ phải đích thân ra nghênh tiếp xa giá của vua nước Liêu, việc gì phải lo làm vậy, vô cớ bố phòng thì chẳng phải là phí sức hay sao". Tiêu Huệ lệnh cho quân lính tiếp tục tiến.

Được tin quân nước Liêu xâm nhập bờ cõi của họ, các nhà cầm quyền ở Tây Hạ đã bài binh bố trận sẵn từ lâu trên dẫy Hạ Lan sơn, sẵn sàng chặn đánh quân nước Liêu.

Vua nước Liêu là Da Luật Tông Chân cho quân chủ lực vượt sông, không thấy địch, liền cho quân rút về. Nhưng Tiêu Huệ không hề hay biết, vẫn cho quân tiếp tục tiến. Một hôm, quân của Tiêu Huệ vừa dừng lại để đóng trại, lều bạt chưa kịp dựng thì bỗng quân trinh sát chạy về thở hổn hển, báo cáo: "Phía trước có đại quân Tây Hạ...". Tiêu Huệ không tin, chửi ầm ĩ rằng lính trinh sát báo cáo láo, sai mang ra chém đầu. Vừa lúc ấy, quân tiên phong của Tây Hạ đã áp sát quân nước Liêu, tiếng trống tiếng cồng và tiếng hô của họ đã nổi lên ầm ầm. Thoắt một cái kỵ binh Tây Hạ đã từ trên núi ào ào xông tới, cờ bay rợp trời, trống chiến inh tai, quân nước Liêu vội vàng ứng chiến. Tiêu Huệ và binh sĩ của ông ta không kịp đội mũ giáp, áo giáp, vội nhẩy lên lưng ngựa tìm đường thảo chạy. Thấy quân nước Liêu tháo chạy toán loạn, kỵ binh Tây Hạ bắn ra như mưa, quân nước Liêu trúng tên đổ ngã hàng loạt. Tiêu Huệ nhờ có mấy dũng sĩ bảo vệ mà thoát được vây, không bị bắt. Sau khi thoát vây, Tiêu Huệ kiểm lại tàn quân, còn không được một nửa. Ông ta không rút ra bài học năm nào, cậy quân đông thế mạnh, khinh địch tiến bừa, lại phán đoán sai tình hình địch, do đó mà đại bại, ngay cả con ông ta là Từ Thì Nô cũng phơi xác nơi chiến trường.

Các bài học kể trên cho thấy kiêu ngạo là vật cản trên đường tiến, là con hổ chặn đường đi tới thành công. Không vứt bỏ hành vi kiêu căng hống hách, không kìm nén tâm lý kiêu ngạo thì sẽ thất bại, đi

vào chỗ chết. Do vậy, phải tự khép mình, ra sức kìm nén tâm lý kiêu căng, thái độ ngạo mạn, chớ để cho chút thành tích và tài năng nhỏ mọn làm cho mờ mắt.

2. Tránh gian ngoan xảo quyệt, cần ăn ở nhân hậu

Người xưa nói: "Tâm không có đức thì gian ngoan, miệng nói lời không trung thực thì là xảo quyệt". Như vậy, theo định nghĩa trong câu này thì gian ngoan là không tuân theo chuẩn mực đạo đức, có thái độ rất không nghiêm túc đối với sự vật, sự việc; xảo quyệt là gian trá bất trung, ăn nói điêu ngoa, lừa lọc, lật lọng.

Sách "Khuyến nhẫn bách châm" cũng nói về gian ngoan xảo quyệt như sau: Ngông cuồng, gian trá, đểu cáng, người như thế là người xấu, có thể gọi họ là "đồ đểu". Loại người xấu như thế nên đầy chúng ra nơi biên giới xa xôi hẻo lánh để chúng chống trọi với yêu ma quỉ quái. Thời Đường Ngu, dân chúng thuần phác, sách "Thượng thư" ghi lại các tính quái ác này để mọi người đề phòng. Tới thời Tần Hán, người ta đã quen với những hiện tượng xấu ấy, không lấy làm lạ nữa; không thể dùng nghĩa lý để ngăn chặn kẻ xấu được nữa, chúng giống như chó giữ cắn càn vậy; nếu tha thứ cho chúng, chúng sẽ làm loạn, nói lý với chúng, chúng không nghe; nếu để chúng nắm được nhược điểm thì chúng sẽ bắt nạt; nếu dùng ân nghĩa để cảm hoá chúng, chúng sẽ không tôn trọng. Phải coi chúng

như thú vật, không nên đấu trí đấu sức với chúng, để mặc chúng tự diệt vong.

Bọn gian ngoan, xảo quyệt có bộ mặt như thế nào? Có những đặc trưng gì? Sách "Tả truyện" ghi: Trước đây, vua Hồng có một đứa con thất đức, không làm việc nhân nghĩa, thường tụ hợp với kẻ xấu, hay làm việc xấu, mọi người trong thiên hạ căm ghét con người này, không ai muốn chơi bời với y, gọi y là "đồ đểu". Thiếu Hạo có một người con thất đức, thất tín, bất trung, thích khoe khoang khoác lác, mọi người gọi y là "lang sói". Chuyên Hạng có một đứa con thất đức, không nghe lời dậy bảo, không tiếp thu lời khuyên, giảng giải lý lẽ, đạo đức cho y thì y cãi lại, không dạy y, bỏ mặc y thì y trở thành kẻ phá hoại đạo đức xã hội, người ta gọi kẻ bất chấp luân thường đạo lý này là "đầu bò". Tấn Vân có một đứa con thất đức, thích ăn ngon mặc đẹp, thích được biếu xén, mọi người gọi y là "con thuồng luồng". Thuấn là đại thần của vua Nghiêu, quản lý hộ khẩu cả nước, đầy 4 loại kẻ xấu "đồ đểu", "lang sói", "đầu bò", "thuồng luồng" tới vùng biên giới hoang vu để chúng chống trọi với yêu ma quỷ quái. Do vậy, sau khi vua Nghiêu qua đời, thiên hạ vẫn rất yên ổn.

Đặc trưng của bọn gian ngoan xảo quyệt là :

Một là, làm điều xấu không làm việc nhân nghĩa, bị thiên hạ căm ghét; hai, vong ân bội nghĩa, bất trung, lật lọng, lừa lọc; ba, thích khoe khoang khoác lác, không nghe lời khuyên, lời dậy, bất chấp lẽ phải,

phá hoại đạo đức xã hội, bất chấp luân thường đạo lý. Đối với loại vô lại, ngoan cố không chịu hối cải này thì không thể nói lý với chúng, không thể bắt chúng đi vào khuôn phép được, không thể giáo hoá được. Bởi vì, đối với chúng, đạo đức, phép nước, lẽ trời, luân thường đạo lý chẳng là cái gì cả.

Những người mắc các thói nói trên đều ngoan cố không chịu cải hoá, do vậy mà họ tự chuốc lấy sự tự diệt vong. Bởi vì, làm như thế là họ thách thức pháp luật, tự dấn thân vào chỗ chết.

Những kẻ gian ngoan, xảo quyệt không có kết cục tốt đẹp. Vậy, tại sao họ bất chấp lẽ phải, không thật lòng? Chủ yếu là do họ chạy theo tư lợi, bất chấp mọi thủ đoạn nhằm đạt được mục đích tư lợi. Họ bất chấp đạo trời, lẽ đời, hại người hại việc, chỉ vì lợi ích hẹp hòi của họ. Như để tự xưng là Hoàng đế, An Lộc Sơn một mặt gọi Dương Quý phi là mẹ nuôi mà không biết nhục, mặt khác tích cực chuẩn bị lực lượng quân sự, phát động chiến tranh phản nghịch chống lại nhà Đường. Trước mặt thì thế này, sau lưng thì thế khác, bị người người khinh rẻ.

Đứng trước kẻ gian ngoan xảo quyệt, trâu lấm vấy bùn, chó dữ cắn càn, chúng ta nhẫn nhịn như thế nào? Một là, không chấp. Chấp với loại người này hoặc những việc có tính chất như thế thì chỉ tổ tự làm hại mình. Do vậy, đối với lời nói việc làm của bọn người này ta chỉ coi như ruồi nhặng bay qua, mặc chúng, không tranh luận với chúng, vì cãi lý với chúng

thì chỉ vô ích mà thôi. Hai là, tin rằng nhu sẽ thắng cương, bọn người gian ngoan xảo quyệt hại người hại việc, trái với nhân luân, tự tìm chỗ chết. Sự được thể nhất thời của chúng, việc chúng làm nhục người khác chỉ chứng tỏ chúng đã cùng đường. Nhẫn nhịn bọn chúng thì chẳng hại gì, mà còn càng thấy được phẩm chất cáo quý của thánh hiền hiển hiện trong sự nhẫn nhịn ấy. Trên đời có rất nhiều kẻ gian ngoan, xoả quyệt, nhưng chúng bị người đời khinh rẻ. Một con người đã đi tới nước này thì vô phương cứu chữa.

Kẻ gian ngoan xảo quyệt có nhiều ngón mánh. Một là, lúc thế này lúc thế khác nhằm làm cho đối thủ không biết mục đích thật sự của chúng. Hai là, lừa lọc để tạm thời mê hoặc đối thủ, khiến đối thủ mất cảnh giác. Ba là, bất chấp mọi thủ đoạn miễn là đạt được mục đích.

Trịnh Vũ Công hy sinh hạnh phúc của con gái

Thời kỳ Xuân Thu, Trịnh Vũ Công của nước Trịnh là một chư hầu khôn ranh, đa mưu, xâm lược khắp nơi, có ý định đánh nước Hồ láng giềng (tức Hung Nô sau này) để mở rộng địa bàn. Nhưng bấy giờ nước Hồ là một nước lớn mạnh, quốc vương của họ dũng mãnh thiện chiến. Dùng vũ lực đánh chiếm nước Hồ không phải là chuyện dễ, cũng căn bản không thể xâm nhập về chính trị được. Trịnh Vũ Công không hề hay biết gì về nội tình nước Hồ. Trong tình hình ấy, cách duy nhất có thể áp dụng được là chiến lược thâm nhập

dần dần, kiên nhẫn, cử một người thân tín tới nước Hồ, thâm nhập vào cơ quan tối cao của nước Hồ thì mới thực hiện được ý đồ chiếm nước này.

Trịnh Vũ Công cử một sứ giả tới nước Hồ nói rằng muốn kết thông gia, gả con gái cho quốc vương nước Hồ. Quốc vương nước Hồ nghe vậy lấy làm vô cùng vui mừng, chấp thuận ngay lập tức. Thế rồi, Trịnh Vũ Công gả con gái cho quốc vương nước Hồ, làm nhạc phụ quốc vương nước này.

Sau khi tới nước Hồ, vị phu nhân này làm cho quốc vương nước này chết mê chết mệt, đầu óc quay cuồng, suốt ngày rượu chè đàng điếm, bỏ bễ công việc quốc gia đại sự. Tin tức truyền về, Trịnh Vũ Công mừng thầm. Sau một thời gian, bỗng Trịnh Vũ Công triệu tập một cuộc họp bí mật gồm toàn bá quan văn võ cao cấp, bàn bạc mở mang bờ cõi như thế nào, tiến công vào hướng nào.

Đại phu Quan Kỳ Tư nói: "Tình hình hiện nay cho thấy bành trướng thế lực tương đối khó, các nước chư hầu đều liên kết với nhau thành liên minh, nếu gây sự họ sẽ càng đoàn kết chống lại ta. Duy chỉ có một cách có thể thử xem sao, đó là đánh nước Hồ "chưa khuất phục Trung Quốc", như vậy vừa có thực lợi, vừa được tiếng là giúp triều đình chinh phạt ngoại tộc, củng cố đất nước".

Ý kiến này không hẹn mà gặp ý đồ của Trịnh Vũ Công, lẽ ra ông ta phải ra sức ủng hộ. Thế nhưng ông ta lại nghiêm sắc mặt, hỏi Quan Kỳ Tư: "Lẽ nào

ngươi không biết quốc vương nước Hồ là con rể ta? Có chi ngươi dám ly gián? "

Quan Kỳ Tư tiếp tục hăng hái tranh luận, đưa ra một loạt lý do không thể không chiếm nước Hồ, lại còn đặc biệt nhấn mạnh rằng, không nên để tình riêng của con gái ảnh hưởng tới quốc gia đại sự, làm vua phải biết hy sinh lợi ích cá nhân.

- Đồ chó má - Trịnh Vũ Công nổi giận, trách cứ - thế mà ngươi cũng nói được, ngươi định đẩy ta vào chỗ bất nhân bất nghĩa sao? Ngươi muốn con gái ta góa bụa sao? Được, ngươi muốn người khác góa bụa thì ta cho vợ ngươi nếm mùi góa bụa! Bay đâu! Trói y mang đi trảm đầu cho ta!

Từ lâu, Trịnh Vũ Công đã chẳng đoái hoài tới tiền đồ và hạnh phúc của con gái, nhưng ông ta lại làm ra vẻ thương con, hơn nữa còn phí mạng một đại thần. Bụng nghĩ một đằng, mồm nói một nẻo, đó là đặc điểm có tính chất tiêu biểu nhất của kẻ gian ngoan xảo quyệt. Và như vậy càng có tác dụng lừa lọc, khiến đối phương hoàn toàn mất cảnh giác.

Quả không sai. Tin Quan Kỳ Tư bị chém đầu truyền rất nhanh tới nước Hồ, quốc vương nước này vô cùng cảm kích trước tấm lòng của vị nhạc phụ này. Ông nghĩ rằng nước Trịnh sẽ không gây sự với nước mình nữa, có thể yên tâm rồi, do đó càng thả sức ăn chơi, dần dần cả công việc phòng bị biên cương cũng lơi lỏng, tình báo của nước Trịnh tự do ra vào.

Trịnh Vũ Công đã nắm được nội tình nước Hồ, cho rằng thời cơ đã chín muồi, bỗng ra lệnh cất quân đánh chiếm nước Hồ. Các đại thần không hiểu đầu cua tai nheo ra sao, vội hỏi: "Bẩm Đại vương! Mới đây Quan đại phu đề nghị đánh chiếm nước Hồ mà bị trảm đầu, tại sao bây giờ Đại vương lại tiễu phạt nước Hồ? Như vậy há chẳng phải là lật lọng sao?"

Các vị đại thần đâu có biết được tim đen của Trịnh Vũ Công, lại còn kêu oan cho Quan đại phu. Đây chính là kế gian ngoan xảo quyệt của Trịnh Vũ Công, cho nên ông cười kha kha, đưa tay vuốt râu, giải thích: "Các khanh căn bản không hiểu rằng, đã dùng binh thì phải biết đánh lừa, đó là cái kế lạt mềm buộc chặt của ta đó! Từ lâu ta đã có ý định chiếm nước Hồ, chịu hy sinh, gả con gái cho vua nước Hồ là để dò la bí mật quốc phòng của họ, chém đầu Quan Kỳ Tư cũng là để cho họ càng tin ta, lơi lỏng phòng bị, khi thời cơ tới thì bất ngờ ra tay, chỉ cần một đòn là chiếm được nước Hồ.

- Thế nhưng, tâu Đại vương - có người nói - như thế thì con gái Đại vương sẽ góa bụa!

- Kha, kha, kha! Quan đại phu nói đúng, sao có thể để tình riêng của con gái ảnh hưởng tới quốc gia đại sự được. - Trịnh Vũ Công trả lời ráo hoảnh.

Quả nhiên, quân nước Trịnh đi tới đâu cũng như nước vỡ bờ, chẳng bao lâu đã nuốt chửng nước Hồ.

Dùng thuật gian ngoan xảo quyệt, Trịnh Vũ Công đã hy sinh hạnh phúc của con gái.

Không biết lẽ phải thì là tự sát

Năm Trinh quan thứ tám đời nhà Đường, thủ lĩnh tộc người Thổ Cốc Hỗn[1] là Phục Doãn tuổi già lẩm cẩm, nghe bọn đại thần xúi giục, nhiều lần cho quân xâm nhập hành lang Hà Tây, cắt đứt con đường tơ lụa từ Trường An đi Tây Vực. Phục Doãn còn nhiều lần cố ý gây sự, bắt giữ sứ thần nhà Đường. Đường Thái Tông đã 10 lần sai sứ đi bàn bạc, nhưng Phục Doãn vẫn làm ngơ, lại còn ăn nói càn bậy.

Sứ giả của Thổ Cốc Hỗn tới Trường An. Lý Thế Dân đích thân tiếp kiến, van nài cải thiện quan hệ, mở thông đường tơ lụa. Sứ giả của Thổ Cốc Hỗn miệng nói đồng ý, nhưng thực tế thì Phục Doãn vẫn chứng nào tật ấy, thường xuyên quấy nhiễu biên giới như cũ. Đứng trước thói miệng đọc khoán tay bẻ măng, Đường Thái Tông không nhẫn nhịn được nữa, quyết tâm mở thông đường hành lang đi Hà Tây. Ông cử tướng Đoàn Chí Huyền chỉ huy cánh quân Tây Hải xuất trận, tuy thu được vài thắng lợi nhỏ, nhưng Phục Doãn càng điên cuồng. Đường Thái Tông quyết đánh lớn, cử lão tướng Lý Thanh cầm quân xuất trận. Năm Trinh quan thứ 9, cánh quân Tây Hải do Lý Thanh là chánh soái, Nhiệm Thành vương Lý Đạo Tông và thượng thư Bộ binh Hầu Quân Tập làm phó soái, tiến vào Thiện Châu. Thấy vậy, Phục Doãn dẫn quân lui

---

1. Tộc người thiểu số, chúng tôi phiên âm theo âm Hán Việt. - ND.

về phía tây hòng khiến cho quân nhà Đường vì địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, đường xa, khó vận chuyển lương thực mà buộc phải lui. Căn cứ vào tình hình này, Lý Thanh vạch ra phương châm "tác chiến liên tục, đánh nhanh thắng nhanh". Sau khi đại quân tới Khố Sơn, ông lập tức cho hơn 1000 quân kỵ binh vòng qua Khố Sơn, tập kích sau lưng Phục Doãn. Bị đánh kẹp cả phía trước và phía sau, Phục Doãn hoảng sợ bỏ chạy.

Khi rút chạy về Sa Thích, Phục Doãn cho đốt thảo nguyên để chặn đường quân nhà Đường truy kích. Khi đuổi tới nơi, quân nhà Đường chẳng thấy bóng một quân địch nào, chỉ thấy đồng đất mênh mông bị cháy đen thui. Quân nhà Đường bị thiếu lương thực, người bảo lui, kẻ bảo tiến. Phó soái Hầu Quân Tập cho rằng: "Trước đây, khi chân trước của Đoàn Chí Huyền vừa bước tới Thiện Châu thì chân sau của địch đã lui tới chân thành. Bây giờ quân của Phục Doãn đã bỏ chạy tán loạn như ong vỡ tổ, diệt chúng không khó. Nếu không truy đuổi ngay thì chúng có cơ kịp hồi sức, ta sẽ hối không kịp". Thế là đại quân được chia làm hai mũi, thọc vào đất địch, đánh kẹp từ hai phía. Đối với kẻ không biết lẽ phải, lật lọng thì chớ có lơi lỏng buông tha, nếu không hậu quả sẽ khôn lường.

Lý Thanh dẫn một cánh quân bắc tiến, thế như thế chẻ tre, đánh bại quân của Phục Doãn ở núi Man Đầu, lại đánh bại quân địch ở gò Ngưu Tâm. Hầu

Quân Tập dẫn một cánh quân băng qua hai ngàn dặm nơi không người, đuổi thẳng tới Điểu Hải (tây nam huyện Hưng Hải tỉnh Thanh Hải ngày nay) mới thấy doanh trại của quân Phục Doãn, lập tức xông thẳng vào, Phục Doãn vội vàng bỏ chạy. Quân nhà Đường đuổi riết, đại đa số tướng lĩnh của Phục Doãn kẻ chết kẻ đầu hàng, Phục Doãn chuồn vào sa mạc. Quân của Lý Thanh truy đuổi vào sa mạc, tướng sĩ miệng khô cổ khát, đành phải trích máu ngựa uống giải khát, tới chiều tối một hôm thì đuổi tới nơi quân của Phục Doãn đang chuẩn bị hạ trại, họ dũng cảm xông vào giết địch, chém đầu hơn 1000 tên, bắt hơn 200 ngàn súc vật. Con của Phục Doãn là Mộ Khánh Thuận buộc phải đem quân ra hàng, Phục Doãn sợ hết hồn, dẫn hơn mười tên chân tay cưỡi ngựa trốn sâu vào trong sa mạc, vài hôm sau thì tan tác, Phục Doãn tự sát. Phục Doãn gian ngoan, không biết lẽ phải, chẳng những gây ra một cuộc chiến tranh có quy mô lớn làm cho thế lực của mình tan nát, mà bản thân y cũng phải chuốc lấy kết cục bi thảm.

3. Tránh hấp tấp nóng vội, tùy cơ ứng biến

Tu thân sửa mình, rèn luyện tinh thần ngay thẳng, độ lượng thì phải có chí hướng cao cả, kìm nén được tính hấp tấp, nóng vội. Người có tính hấp tấp nóng vội thường nông nổi, nông nổi thì không thể đi sâu nghiên cứu tỉ mỉ bên trong sự vật, quy luật phát triển của sự việc, không thể nhận ra bản chất của sự

vật. Nông nổi, hấp tấp thì làm việc không chắc chắn, nhiều sai lạc.

Sách "Uất ly tử" có chép một chuyện như sau: Ở vùng giữa nước Tấn và nước Trịnh có một người tính tình rất nóng vội, hấp tấp. Bắn bia không trúng hồng tâm, anh ta đục bỏ hồng tâm đi; đánh cờ vây bị thua anh ta ném quân cờ đi. Mọi người khuyên rằng: "Đó không phải là sai lầm của bia và quân cờ. Tại sao ngươi không nghĩ kỹ xem nguyên nhân tại đâu?" Anh ta nghe không lọt tai, cuối cùng vì mắc bệnh hấp tấp mà chết.

Nhiều người hấp tấp, nóng vội, làm việc gì cũng muốn được ngay, bước một bước đã tới nơi. Nên biết rằng, việc gì cũng có quy luật của nó, có từng bước một, hấp tấp sẽ hỏng việc.

Đời nhà Đường, có một người tên là Hoàng Phủ Tùng, tên chữ là Trì Chính, nổi tiếng là người hấp tấp nóng vội. Một hôm ông ta sai con chép thơ, nó chép sai một chữ, ông ta vừa chửi, vừa quát, vừa hét mang roi đến cho ông ta đánh con. Roi chưa kịp đưa tới, ông ta vội vàng nghiễn răng cắn chảy máu tay con. Những người nóng vội như thế thì khoan dung với người sao được? Dạy con như thế mà dạy cho chúng thành người tốt được thì có mà lạ! Về sau, biết mình quá nóng vội, không có lợi cho người mà cũng chẳng có lợi cho mình, anh ta bắt đầu tập nín nhịn.

Ngược lại, đối với người với việc, có phong độ từ tốn, tự kìm chế không nóng vội thì không hỏng việc.

Thời Đông Hán, có một người tên là Lưu Khoan, tên chữ là Văn Nhiêu, người ở Hoa Âm, là người như thế. Triều Hán Hoàn đế, từ một chức quan Nội sử nhỏ mọn ông ta được thăng chức Thái thú Đông Hải, sau đó lại thăng lên chức Thái úy. Ông ta tính tình hiền từ, rộng lượng. Vợ ông thử tính nhẫn nại của ông. Một lần ông đang vội vào chầu triều, thời gian rất gấp, Lưu Khoan vừa khẩn trương mặc xong quần áo thì bà sai con hầu bưng lên cho ông bát canh thịt, cố ý đánh đổ bát canh làm bẩn quần áo của ông. Con hầu vội thu dọn mâm bát, Lưu Khoan không hề thay đổi sắc mặt, còn từ tốn hỏi: "Tay con có bị bỏng không?" Tính khí của ông là như thế. Thực ra thì canh đã đổ vào quần áo rồi, thời gian tuy có gấp thật đấy, nhưng nếu có chửi, đánh con hầu một trận thì cũng chẳng vào triều sớm hơn được, vậy thì vội làm gì? Làm như Lưu Khoan, độ lượng với người, ung dung xử sự, đổi bộ quần áo khác, vừa thực tế vừa có ích hơn.

Hai ví dụ chính diện và phản diện nói trên giúp chúng ta rút ra kết luận: Ở đây, tinh hoa văn hóa Trung Quốc là ở chỗ lấy tĩnh kìm chế động, xử sự ôn tồn tránh nóng vội. Hấp tấp nóng vội rất có hại. Muốn làm một việc gì đó, nhưng lại không thể thành công ngay thì dễ có tâm lý nôn nóng; công việc đang diễn ra rất tốt, ai ngờ bỗng sinh chuyện rắc rối, không thể giải quyết ngay được, trong trường hợp đó cũng dễ xảy ra nôn nóng; do người khác sai trái, gây phiền cho ta, trường hợp ấy cũng dễ khiến ta vội vàng phản

ứng một cách nông nổi; mong cho con trai nên ông, con gái nên bà, những người làm cha mẹ dưới gầm trời này ai mà chẳng thế, ai chẳng sốt ruột; bị chỉ trích phê bình mà không thanh minh được thì cũng dễ có tâm trạng nôn nóng. Nôn nóng trong trường hợp nào cũng không có lợi. Khi đã nông nổi thì xử sự, làm việc sẽ có thái độ đơn giản, thô lậu, tầm thường. Như thế chẳng phải là hồ đồ sao?

Không thể nông nổi, nóng vội. Không bình tâm thì không làm nên việc gì. Trong sách "Khuyến học", Tuân Huống viết: "Con giun không có móng vuốt sắc nhọn, xương cốt cứng rắn, nhưng lại có thể đục xuống lòng đất để ăn đất thịt, uống nước ngầm, vì nó chuyên tâm. Con cua có tám cẳng hai càng nhưng lại không thể tự đào được lỗ, phải ở nhờ lỗ do lươn đào, vì nó nông nổi, không chuyên tâm".

Nông nổi, nóng vội thì không thể đi sâu vào bất kỳ việc gì. Tránh hấp tấp, nóng vội có nghĩa là phải chắc chắn, khiêm tốn, phải bình tĩnh, từ tốn, phân tích, suy nghĩ kỹ càng rồi mới hành động, không đứng núi này trông núi nọ, làm việc gì cũng không chắc ăn thì cuối cùng chẳng được gì.

Sách "Uất ly tử" chép một câu chuyện kể rằng, nước Trịnh có một người ở vùng biên giới xa xôi học ba năm mới biết làm ô che mưa. Trời đại hạn, không mưa, ô làm ra không có người mua. Ông ta bèn bỏ nghề làm ô, đi học nghề làm guồng nước, học ba năm mới biết làm. Nhưng trời mưa liên miên, guồng nước

làm ra chẳng bán được, ông ta đành phải trở lại nghề cũ là làm ô. Nhưng khi này trộm cướp nổi lên khắp nơi, mọi người cần gấp vũ khí chống cướp. Ông ta lại muốn chuyển sang nghề làm vũ khí, nhưng học được nghề thì thời cơ đã mất. Ngược lại, ở nước Việt có một nông dân, vỡ đất trồng lúa, nhưng úng lụt mấy năm liền, thu hoạch kém. Nhiều người khuyên ông ta tát hết nước trong ruộng đi trồng thứ khác, ông ta không nghe, vẫn trồng lúa, trời mưa thuận gió hòa ba năm liền, ông ta được mùa ba năm liền, tính ra, bù vào số thất thu mấy năm trước vẫn còn lãi.

Trong thiên hạ, những người làm nên nghiệp lớn đều là những người chuyên sâu một nghề. Phải hiểu biết sâu mới làm nên nghiệp lớn. Muốn có hiểu biết chuyên sâu, muốn trở thành nhân tài chuyên môn trong một lĩnh vực nào đó thì phải khắc phục thói nông nổi, hời hợt, nóng vội. Làm việc gì cũng không thể hấp tấp, nóng vội. Tránh được hấp tấp, nóng vội không phải chuyện dễ, phải có nghị lực ngoan cường mới thực hiện được. Nhưng nếu có quyết tâm và lòng tin, có mục tiêu rộng lớn thì có gì mà chẳng tránh được!

Vì nôn nóng Sở Bá vương đang mạnh trở thành yếu

Tới triều Hán Cao Tổ năm thứ ba thì cuộc Sở - Hán phân tranh nổi tiếng trong lịch sử diễn ra được ba năm. Tháng 9 năm ấy Sở Bá vương Hạng Vũ tiến công quân của Lưu Bang trên chiến trường phía tây,

trong khi đó, quân của Bành Việt ở phía sau lớn lên, Hạng Vũ cảm thấy có sức ép, nôn nóng không yên.

Bành Việt vốn cùng Hạng Vũ tiến hành cuộc chiến tranh chống nhà Tần, chiến công hiển hách. Nhưng sau khi diệt được nhà Tần, Hạng Vũ không phong vương cho Bành Việt, ông ta căm giận Hạng Vũ. Khi này Bành việt liên minh với quân của Lưu Bang liên tiếp chiếm được 17 thành lũy, trong đó có Tiêu Dương, uy hiếp Hạng Vũ.

Để ổn định hậu phương, Hạng Vũ quyết định đích thân cầm quân sang miền Đông đánh Bành Việt, giao nhiệm vụ chiếm giữ Thành Cao ở tiền tuyến cho tướng Tào Cửu, và căn dặn: "Nhất định phải giữ Thành Cao cho bằng được, nếu Lưu Bang tới khiêu chiến thì phải cẩn thận không ứng chiến, chỉ cần cầm chân không cho ông ta đông tiến là được rồi".

Thành Cao là nơi hiểm yếu, rất quan trọng về mặt chiến lược, nhưng ở đây không có kho quân lương, Hạng Vũ không yên tâm, trước khi đi ông ta lại nói với Tào Cửu rằng: "Trong vòng nửa tháng nhất định ta sẽ đánh bại Bành Việt, sau đó sẽ quay lại cùng ngươi đánh Lưu Bang. Chớ có nhẹ dạ xuất kích". Nhưng, chiến tranh đâu có diễn ra thuận lợi như Hạng Vũ nghĩ, tới tháng 10 năm sau Hạng Vũ vẫn chưa trở lại Thành Cao. Khi này, Lưu Bang chớp thời cơ dẫn quân vượt sông Hoàng Hà, tiến công quân Sở ở Thành Cao.

Lúc đầu, Tào Cửu tuân theo lệnh của Hạng Vũ, mặc cho quân Hán khiêu chiến hết lần này đến lần khác, ông ta thận trọng giữ chắc thành, không cho bất kỳ ai ra khỏi thành tác chiến với quân Hán. Lưu Bang không đạt được mục đích giao chiến vỗ mặt, liền thay đổi sách lược. Ông ta biết Tào Cửu tính tình nóng vội, hữu dũng vô mưu, bèn lợi dụng nhược điểm này, tìm cách nhử quân Sở ra khỏi thành để tiêu diệt.

Thế rồi, Lưu Bang cho một số binh sĩ tới chân thành quân Sở chửi bới ầm ĩ, diễu Tào Cửu nhát như cáy, nấp ở trong thành không dám thò mặt ra. Bị chửi mấy ngày liền, Tào Cửu không nín chịu được nữa, quên sạch lời Hạng Vũ căn dặn, bốc lên, lệnh cho quân Sở ra khỏi thành giao chiến.

Quân Hán đã chờ mấy tháng rồi, thấy quân Sở trúng kế ra khỏi thành, vừa chạm trán họ liền giả vờ thua, lui về bờ bên kia lạch nước gần Thành Cao. Tào Cửu tưởng rằng chỉ giáng một đòn thì quân Hán tan tành, lại càng ngạo mạn, dẫn quân đuổi qua lạch nước. Quân Sở ra tới giữa lạch nước, quân Hán đang chờ sẵn trên bờ, công kích tới tấp. Quân Sở tiến không được, lùi không xong, đại bại, hầu như chết hết dưới lạch. Tào Cửu biết rằng đã vi phạm quân lệnh, tự sát ở lạch nước. Lưu Bang thừa thắng chiếm được Thành Cao.

Sau trận này, Hạng Vũ bị mất nơi xung yếu về mặt chiến lược và căn cứ lương thực, thế cuộc Sở mạnh Hán yếu bắt đầu thay đổi.

Tô Vô Danh bình tĩnh bắt được trộm

Đời Đường, thời Võ Tắc Thiên, viên quan tùy tùng Thích sử Hồ Châu, tên là Tô Vô Danh nổi tiếng trong triều về giỏi trinh sát, phá các án khó. Một lần, ông tới Lạc Dương đúng vào dịp công chúa Thái Bình, con gái Võ Tắc Thiên, mất một số báu vật, Võ Tắc Thiên xuống chiếu phá án.

Công chúa Thái Bình là công chúa rất có thanh danh thời kỳ đầu nhà Đường, tính tình giống mẹ, do vậy rất được Võ Tắc Thiên nuông chiều. Một lần, Võ Tắc Thiên thưởng cho công chúa một số báu vật, trị giá hàng nghìn lạng vàng, đựng trong hai hộp. Công chúa mang về cất đi. Nhưng một năm sau, báu vật không cánh mà bay. Đây là báu vật vua ban, công chúa Thái Bình không dám dấu, lập tức nói với Võ Tắc Thiên.

Võ Tắc Thiên cho rằng đây là việc làm xấu mặt bà, nổi giận, lập tức triệu quan Đốc[1] phủ Lạc Dương tới, xuống chiếu ra lệnh nội trong ba ngày phải phá được án, nếu trong thời hạn ấy không bắt được kẻ trộm thì sẽ bị hỏi tội vì không tận trách.

Quan Đốc phủ Lạc Dương vô cùng sợ hãi, vội triệu tập các quan trị an của hai huyện tới giao nhiệm vụ, hạn trong hai ngày không tìm ra kẻ trộm sẽ xử tội chết. Quan trị an hai huyện chẳng thể phá được vụ án lớn như thế này, đành bắt chước quan Đốc phủ,

---

1. Trong nguyên bản: Trưởng sử. Chúng tôi tạm dịch. - ND.

triệu tập một số lại lệ, giao hạn một ngày phải phá được án, nếu không sẽ bị xử tội chết. Vậy là nhiệm vụ phá án cứ đùn đẩy từ cấp nọ xuống cấp kia.

Không còn đùn đẩy cho ai được nữa, những viên lại lệ cùng đinh này cuống quýt lo sợ, đành chạy ra phố hóng vận đỏ. May sao họ gặp Tô Vô Danh, liền xúm vào kể cho ông nghe về vụ án này. Nghe xong, Tô Vô Danh căn dặn họ thế này, thế nọ, sau đó cùng họ vào công đường. Vừa bước vào cửa công đường, đám lại lệ cùng đinh này reo lên với viên quan chủ sự trị an rằng: "Bắt được trộm rồi!" Họ chưa dứt lời thì Tô Vô Danh bước vào. Viên quan chủ sự trị an hỏi thì biết rằng đó là quan Tô Vô Danh ở Hồ Châu, ông ta quay sang mắng bọn lại lệ: "Bọn này to gan thật, dám làm nhục quan Tô Vô Danh hả?!" Thấy viên quan chủ sự trị an mắng nhiếc cấp dưới, Tô Vô Danh cười, nói dõng dạc: "Thôi đừng quở trách họ. Chính họ mời ta tới đây để phá vụ án ăn cắp báu vật của công chúa Thái Bình!" Nghe Tô Vô Danh nói tới để phá án, viên quan chủ sự trị an mừng rối rít, vội đề nghị Tô Vô Danh dậy cho diệu kế phá án. Tô Vô Danh không đổi nét mặt, chỉ nói: "Ta và ngươi tới gặp ngay quan Đốc phủ Lạc Dương. Khi gặp, ngươi chỉ nói, vụ án này do ta, Tô Vô Danh ở Hồ Châu chủ trì phá án, thế thôi".

Hai người vào phủ Lạc Châu. Nghe nói có hy vọng phá được án, viên quan Đốc phủ lập tức bái chào Tô Vô Danh, mừng rơi nước mắt, cầm tay Tô Vô Danh nói: "Nay gặp được người sáng suốt như ngài chẳng

khác nào trời có mắt, cho tôi đây còn được sống". Dứt lời, ông ta giao cho cấp dưới nhờ Tô Vô Danh chỉ cho diệu kế phá án. Tô Vô Danh vẫn thản nhiên, từ tốn nói: "Xin quan phủ dẫn tôi tới yết kiến thánh thượng. Khi thánh thượng có chiếu chỉ, tôi sẽ có lời tâu lên!" Viên quan Đốc phủ Lạc Dương đang cần phá án gấp, lập tức dâng sớ lên triều đình xin cử Tô Vô Danh phá án.

Tô Vô Danh đã có cách phá án trong đầu rồi, chẳng đi đâu mà vội. Để tìm ra dấu vết vụ trộm, ông đã gặp quan chủ sự trị an, quan Đốc phủ, yết kiến Hoàng thượng. Những cuộc gặp gỡ ấy đều có mục đích cả.

Đọc xong sớ do Đốc phủ Lạc Dương dâng lên, Võ Tắc Thiên lập tức cho triệu Tô Vô Danh tới.

Tô Vô Danh vào cung, Hoàng đế Võ Chu Võ Tắc Thiên hỏi:

- Có thật là ngươi có thể giúp trẫm tìm ra kẻ trộm không?

Tô Vô Danh đáp:

- Muôn tâu thánh thượng, thần có thể phá án được. Nếu thánh thượng giao cho thần phá án thì thánh thượng chuẩn tấu cho thần ba điều sau đây: 1) Không hạn chế thời gian; 2) Xin thánh thượng rủ lòng từ bi, rộng lượng đối với các quan trong hai huyện; 3) Xin thánh thượng giao bọn lại lệ, tuần đinh trong hai huyện cho thần sai khiến. Nếu thánh thượng chuẩn tấu thì chỉ trong hai tháng thần sẽ bắt

được kẻ trộm giải về cho thánh thượng. Võ Tắc Thiên nhìn ngắm Tô Vô Danh với vẻ dò xét, bèn gật đầu chuẩn tấu. Từ ngày Tô Vô Danh nhận lệnh phá án, hơn một tháng đã trôi qua, chẳng thấy ông có hoạt động gì. Tết thanh minh hàng năm sắp tới. Tô Vô Danh triệu tập lại lệ, tuần đinh của hai huyện tụ họp tại một nơi chuẩn bị phá án. Ông căn dặn mọi người tham gia phá án đều phải cải trang thành dân thường, chia ra tuần tra dò xét ở gần cửa Đông, cửa Bắc thành Lạc Dương, thấy bọn người Hồ mặc tang phục, khóc lóc, ra khỏi cổng thành đi về phía núi Bắc Manh thì phải cho người theo dõi chặt chẽ, không được để lộ mà rút dây động rừng, cứ người về báo cáo, thế thôi, không làm gì hơn.

Đúng vào ngày thanh minh, một viên tuần đinh hớt hải chạy về báo cáo với Tô Vô Danh rằng thấy có một toán người Hồ đúng như ông ta nói, đang ở núi Bắc Manh, mời ông ra xem xét, định đoạt. Tô Vô Danh lập tức gọi lính hầu chuẩn bị ngựa rồi vội cùng viên tuần đinh ra ngay nghĩa trang trên núi Bắc Manh. Tới nơi, Tô Vô Danh hỏi viên lại lệ đang theo dõi: "Sau khi tới nghĩa trang, đám người Hồ kia có những biểu hiện gì?" Viên lại lệ bẩm báo: "Đúng như Tô quan lớn đã nói, đám người Hồ này mặc tang phục tới một ngôi mộ mới cúng lễ, nhưng tiếng khóc của họ không có giọng ai oán; đốt ít vàng hương xong họ đi vòng quanh ngôi mộ rồi dò xét cái gì đó, nhìn nhau cười". Nghe vậy, Tô Vô Danh cả mừng, nắm tay đấm trong không khí, nói: "Tìm ra kẻ trộm rồi!" Ông lập

tức ra lệnh trói bọn người Hồ này lại, nhưng bảo đào mộ, mở nắp quan tài ra thì đám lại lệ, tuần đinh do dự, không dám làm. Tô Vô Danh cười, nói: " Các vị cứ yên trí, mở quan tài sẽ lấy được tang vật để phá án đó!" Bọn lại lệ, tuần đinh đào mộ, mở quan tài, vừa hé mở nắp quan tài ra đã thấy toàn là vàng bạc, châu báu óng ánh lóa mắt. Kết quả kiểm đếm, đối chiếu cho biết những thứ này đúng là của công chúa Thái Bình bị mất trộm cách đó hơn một tháng.

Tin Tô Vô Danh phá án trong vụ trộm báu vật của công chúa Thái Bình lan truyền khắp kinh thành Thần Đô.[1] Võ Tắc Thiên lại xuống chiếu triệu Tô Vô Danh vào cung, hỏi ông ta làm thế nào mà đoán ra được. Vào cung, Tô Vô Danh tâu: "Thần không có diệu kế gì đặc biệt. Một hôm, trên đường đi công tác, thần bất ngờ gặp bọn người Hồ này đang đưa tang, theo kinh nghiệm nhiều năm phá án, thần đoán chắc rằng đây là bọn ăn cắp, nhưng chưa biết chúng chôn giấu ở chỗ nào. Tết thanh minh sắp tới, dân chúng sẽ đi tảo mộ. Thần đoán bọn trộm cắp này sẽ giả vờ tảo mộ để đào lấy của ăn cắp. Do đó, thần sai lại lệ, tuần đinh hai huyện theo dõi, tìm ra nơi chúng chôn giấu báu vật ăn cắp được. Được lại lệ, tuần đinh bẩm báo rằng khi cúng lễ bọn người này khóc không có giọng ai oán, chứng tỏ vật chôn không phải là người chết; khi tảo mộ chúng nhìn nhau cười, chứng tỏ chúng

1. Sau khi Võ Tắc Thiên đóng đô ở Lạc Dương, bà đổi tên kinh đô là Thần Đô, trước đó là Đông Đô. - ND.

mừng vì chưa có ai phát hiện ra ngôi mộ mới, báu vật dưới mộ vẫn còn. Do đó thần quyết định bắt chúng, đào mộ để lấy tang vật, quả không sai!"

Tô Vô Danh trình bày quá trình phá án một cách gẫy gọn, đâu ra đấy, rất hấp dẫn. Võ Tắc Thiên rất thán phục. Thấy vậy, ông nói tiếp: "Nếu các quan phủ, huyện hấp tấp phá án trong vòng ba ngày theo lệnh của bệ hạ thì bọn trộm cắp này sẽ như chó cùng rứt giậu, thứ nào gọn nhẹ thì chúng sẽ lấy đi, thứ nào to nặng thì chúng sẽ hủy đi để phi tang. Một khi đã không có tang chứng mà đi tìm bắt trộm thì chỉ phí công. Cho nên, bệ hạ ra lệnh phá án gấp thì không thực hiện được. Vội vàng sẽ hỏng việc. Nay không vội vàng hấp tấp, bình tĩnh lặng lẽ theo dõi, kẻ trộm tưởng rằng êm xuôi, sẽ đào mộ mở quan tài để lấy báu vật chia nhau. Nếu báu vật vẫn còn ở ven đô, thần phá án, bắt kẻ trộm dễ như thò tay vào túi áo vậy!"

Câu chuyện Tô Vô Danh phá án này mách bảo ta rằng làm việc gì cũng không thể hấp tấp, vội vàng, muốn xong ngay, phải kìm chế tâm lý nôn nóng. Bình tĩnh, từ tốn thì mới có thể phân tích sự việc một cách rõ ràng, xử lý công việc một cách thỏa đáng.

4. Tránh ngông cuồng, phải tự biết mình

Ngông cuồng là quá tự cao tự đại.

Sách "Thượng thư" viết: "Tự mãn thì có hại, khiêm tốn thì có lợi", cũng có nghĩa là ngông cuồng, tự mãn

thì có hại, khiêm tốn thì học được từ người khác để bổ sung cho mình, tự giác sửa sai, nâng cao trình độ của mình, bỏ được điều có hại, nhận được điều có lợi, được người khác tôn trọng. Lão Tử nói: "Tri bất tri, thượng hĩ; bất tri tri, bệnh dã. Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh. Phu duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh", nghĩa là, biết được điều mình còn khiếm khuyết thì là người khôn, không biết mà bảo rằng biết thì đó là tật xấu. Ngay như thánh hiền vốn đã rất hoàn mỹ, không có khiếm khuyết thế mà vẫn còn lo sợ mình có sai lầm, có tật xấu, khiêm tốn tự kiểm tra mình, chính vì tự kiểm tra mình như thế mới thật sự tránh được sai lầm. Trên đời này có những kẻ tự cho mình là đúng, đắc ý, tự cao tự đại, nhưng thực ra thì tầm nhìn thiển cận, như ếch ngồi đáy giếng vậy. Kiêu ngạo khiến người ta ngu dốt, bị người đời chê cười. Sách "Vương Dương Minh toàn tập", tập 8 viết: "Đại để, chỉ có bệnh kiêu ngạo khiến người ta khốn khổ nhất. Trăm tật ngàn lỗi bắt nguồn từ bệnh kiêu ngạo. Kiêu thì tự cao tự đại, không chịu nghe ai. Làm con mà kiêu thì sẽ bất hiếu, làm em mà kiêu thì sẽ bất đễ, làm tôi mà kiêu thì sẽ bất trung". Do đó, ngông cuồng thì vừa hại người vừa hại mình. Làm thế nào để tránh ngông cuồng? Vương Dương Minh cho rằng: đối lập với ngông cuồng, ngạo mạn là khiêm tốn, khiêm tốn là thuốc trị bệnh ngông cuồng. Khiêm tốn thật sự không phải là cung kính bề ngoài, tự nhún mình theo kiểu diễn kịch, mà là thật lòng nhận thức được tai

hại của thói ngông cuồng. Tự khép mình, biết tiến biết lui đúng mức thì thường có thể khắc phục được nhược điểm mình kém người. Khiêm tốn tiếp thu sự chỉ bảo, lời phê bình của người khác; khiêm tốn, lễ độ, không vỗ ngực, không luồn cúi, nghe theo lẽ phải, tự kiểm tra mình, tránh ngông cuồng, ngạo mạn. Như thế mới làm nên việc lớn.

Không rèn luyện đạo đức, kiêu ngạo tự mãn, ngông cuồng tự đại thì ngay người thân cũng chán ghét, xa lánh. Là những người có đạo đức cao thượng như vua Vũ, vua Thang mà còn lo ngại thói tự mãn làm hại, là người bình thường đức độ kém hơn nhiều há chẳng kìm chế, khắc phục thói ngông cuồng tự mãn của mình?

Nhưng thế gian này có nhiều người chưa thấy được lẽ đó! Quan Vũ là người trí dũng song toàn nhưng cũng có khi tự mãn. Ông xuất quân bắc tiến bắt sống tả tướng nước Ngụy là Vu Cấm, vây hãm làm cho tướng Chinh Nam là Tào Nhân khốn đốn ở thành Phàn. Đại tướng của nước Ngô là Lã Mông trấn thủ Lục Khẩu về tới Kiến Nghiệp thì cáo ốm xin được tĩnh dưỡng. Lục Tốn tới thăm ông. Hai người bàn luận về việc nước việc quân. Lục Tốn nói: "Quan Vũ thắng trận liên tiếp, bây giờ lại lập công lớn, chắc càng tự phụ, nghe tin ngài ốm có thể ông ta sẽ lơi lỏng việc đề phòng chúng ta. Ông ta chỉ những muốn thảo phạt nước Ngụy, nếu lúc này chúng ta bất ngờ tiến công

chắc chắn ông ta trở tay không kịp". Sau đó Lã Mông giới thiệu Lục Tốn với Tôn Quyền để ông ta thay mình trấn giữ Lục Khẩu.

Vừa tới Lục Khẩu, Lục Tốn lập tức viết thư gửi Quan Vũ, nói rằng: "Mới đây, Ngài đã tập kích quân Ngụy một cách tài tình, thu được thắng lợi rất lớn mà chỉ trả giá rất nhỏ, lập công hiển hách, đây là việc rất phi thường! Quân địch đại bại cũng rất có lợi cho chúng tôi. Tôi vừa tới đây nhậm chức, chưa có kinh nghiệm gì, học thức nông cạn, luôn luôn ngưỡng mộ Ngài, cho nên xin ngài chỉ bảo cho". Lục Tốn còn phỉnh Quan Vũ rằng: "Chiến công của Tấn Văn Công trong cuộc chiến đấu ở Thành Bộc, kế sách của Hàn Tín trong cuộc chiến đấu tiêu diệt quân Triệu không thể sánh kịp chiến lược vừa qua của Tướng quân". Những lời lẽ nhún nhường, xin được học tập của Lục Tốn làm cho Quan Vũ tự phụ, càng làm cho Quan Vũ không lo ngại nước Ngô. Nhưng mặt khác, Lục Tốn ngấm ngầm điều tra, bí mật điều động binh mã, tới khi đủ điều kiện đánh bại và bắt sống Quan Vũ thì đại quân tới nơi, ông lập tức đánh chiếm quận Na nơi xung yếu của nước Thục.

Tự mãn là một trong những nguyên nhân dẫn tới thất bại. Muốn đề phòng thói tự mãn thì phải không ngừng tự hoàn thiện mình, không say sưa với những thắng lợi về hình thức bề ngoài, giữ cho đầu óc tỉnh táo.

Nhiệm Thượng ngông cuồng làm hại đất nước

Triều Minh đế thời Đông Hán, Ban Siêu dẫn theo 36 người dưới quyền đi nhậm chức tại Tây Vực, rất được lòng người ở đây. Sau 22 năm nỗ lực, cuối cùng ông đã đuổi được người Hung Nô, khiến hơn 50 nước ở Tây Vực đều quy phục triều nhà Hán. Do có công, ông được thăng làm Tổng đốc Tây Vực, được phong là Định Viễn hầu.

Năm Chương Hòa thứ nhất Ban Siêu đã 69 tuổi, làm việc ở Tây Vực đã gần 30 năm. Ông dâng sớ lên triều đình ngỏ ý muốn được vào Ngọc Môn quan khi ông còn sống. Chương đế xuống chiếu triệu hồi Ban Siêu, đề bạt Hiệu úy Nhiệm Thượng làm Tổng đốc Tây Vực, thay cho Ban Siêu.

Nhiệm Thượng rất mực khâm phục Ban Siêu. Trước khi được đề bạt, ông ta tới gặp Ban Siêu, nói: "Ngài ở Tây Vực đã ba chục năm, kinh nghiệm phong phú, danh đức cao cả, nay bọn đàn em này may mắn được thay ngài, rất biết gánh vác trên vai nặng nề thế mà tài năng thì lại hèn mọn, kinh nghiệm không có, cho nên phải nhờ ngài chỉ bảo".

Ban Siêu nói: "Ấy chết, xin Nhiệm Tổng không cần khách sáo. Ngài nhậm chức ở vùng biên giới đã nhiều năm, đã mấy lần đảm nhiệm chức vụ quan trọng. Bây giờ nhậm chức Tổng đốc thì nhẹ nhàng, hà tất phải học lão già tuổi cao sức yếu này?"

Nhiệm Thượng vẫn bám riết, nhắc đi nhắc lại yêu cầu được chỉ bảo. Thấy Nhiệm Thượng thật lòng, Ban Siêu nói: "Đã vậy thì xin khuyên ngài vài lời. Các quan viên, binh sĩ ở đó phần nhiều là người trong nội địa. Dân chúng các nước ở Tây Vực rất ít người chịu giáo hóa theo nền văn minh Hán triều của ta, tính tình không ổn định, phản phúc bất thường, khó thu phục được họ, phải mất nhiều thời gian. Chỉ hơi sơ ý là có thể gây ra động loạn. Điểm mạnh của ngài là dũng cảm gánh vác trọng trách, xử lý công việc quyết đoán; điểm yếu là quá nóng vội, quá nghiêm khắc. Xử lý công việc mà quá chi li, nghiêm khắc thì không được cấp dưới thán phục, nhất là ở Tây Vực xử lý công việc phải nhẹ nhàng khôn khéo, độ lượng đối với những việc sai nhỏ nhặt, chỉ cần nắm cái lớn là được rồi. Xử lý công việc không nên nôn nóng, lặng lẽ tính toán đã rồi hãy xử lý".

Nhiệm Thượng vốn trông chờ Ban Siêu chỉ cho phương pháp và bí quyết khuất phục các nước ở Tây Vực, không ngờ Ban Siêu chỉ nói những điều mà ông ta cho rằng chẳng có gì quan trọng. Tuy rất thất vọng, nhưng vì phải lễ độ, Nhiệm Thượng không phản ứng gì.

Sau ngày Ban Siêu về Ngọc Môn quan, Nhiệm Thượng nói với cấp dưới rằng: "Ta tưởng người có tiếng tăm lừng lẫy như Ban Siêu có sách lược gì kỳ lạ kia, không ngờ ông ta chỉ nói những lời loàng xoàng

thôi. Có lẽ ông ta chỉ nổi tiếng thế thôi, chứ kỳ thực chẳng có gì!"

Nhiệm Thượng không hiểu được ý tứ sâu xa trong lời của Ban Siêu. Ở Tây Vực, ông ta vẫn làm theo ý mình, không nghe theo lời khuyên, vẫn dùng phương pháp nghiêm ngặt, hà khắc để quản lý các nước ở Tây Vực, cậy có nhiều kinh nghiệm, không nghe theo kiến nghị của cấp dưới, kết quả đã làm cho quan hệ với các nước ở Tây Vực ngày càng căng thẳng. Sau vài năm, các nước ở Tây Vực tới tấp nổi lên chống lại nhà Hán.

Lời khuyên của Ban Siêu có vẻ bình thường, nhưng ý tứ sâu xa. Vốn có tính tự phụ, ngông cuồng, Nhiệm Thượng nghe không lọt tai, không làm theo, kết quả là làm tiêu tan công tích 30 năm làm việc ở Tây Vực của Ban Siêu. Ngông cuồng, tự cho mình là đúng, nhẹ thì hại mình, nặng thì hại nước.

Bạch cư Dị tự kìm chế không nóng vội mà trở thành ông thánh thơ phú

Khi Bạch Cư Dị biết nói, vì muốn cho con thành rồng, cha ông là Bạch Quý Canh tranh thủ mọi thời gian ngoài giờ làm việc ở công sở để đích thân dạy ông học chữ đọc sách. Vốn thông minh sáng dạ, Bạch Cư Dị học tập tiến bộ rất nhanh, năm, sáu tuổi đã am hiểu thanh vận, chín tuổi đã biết làm thơ, có khi xuất khẩu thành chương.

Bạch Cư Dị không cậy có trí thông minh trời cho mà lơi lỏng học tập, thời niên thiếu ông rất chăm chỉ học hành. Dẫu khi nghèo đói, ốm đau vì phải đi lánh nạn chiến tranh ông vẫn miệt mài học tập không biết mệt mỏi.

Chính nhờ có tinh thần miệt mài, chăm chỉ ấy mà Bạch Cư Dị có được vị trí trên thi đàn. Ông không cậy ta đây thông minh từ nhỏ, ngay từ thời niên thiếu đã biết kìm chế, không ngông cuồng ngạo mạn, chăm chỉ học hành.

Đời Đường Đức Tông, năm Chinh Nguyên thứ ba, Bạch Cư Dị 16 tuổi, với hy vọng tràn trề và niềm tin vững chắc, ông tới kinh thành Trường An để tìm công danh. Khi này, sau sự kiện "An sử chi loạn"[1] thành Trường An không còn phồn hoa như xưa, nhưng không khí nhộn nhịp của kinh thành vẫn không đâu sánh kịp, vẫn là người, xe đi lại như mắc cửi, buôn bán tấp nập. Bạch Cư Dị không có thời gian để mắt tới cảnh đó, tay cầm tập thơ, bước vội trong dòng người hối hả, hướng tới phủ đệ của nhà thơ lớn Cố Huống để thăm hỏi nhà thơ tài hoa nức tiếng yêu tài quý tài này.

Chế độ khoa cử đời Đường không chỉ đòi hỏi người thi đỗ phải có thành tích thi tốt, mà còn phải có người có địa vị và danh vọng tiến cử. Do đó, trong thí sinh thịnh hành một phong trào gọi là "xin ý kiến nhận

1. Tức vụ An Lộc Sơn nổi loạn. - ND.

xét".[1] Họ tới tấp tìm danh nhân, công khanh cho ý kiến nhận xét, tiến cử họ thông qua tác phẩm của họ gửi tới. Thí sinh nào được quan chức cao cấp, danh nhân nổi tiếng trên văn đàn tiến cử thì càng được nhiều người biết đến, càng dễ trúng tuyển.

Nhà thơ lớn Cố Huống là nhà thơ rất có danh vọng trên thi đàn bấy giờ. Do có địa vị và có tài, ông xem thường đám thanh niên trẻ tuổi; tính tình cương trực, ông rất ghét kẻ háo danh hám lợi, không bao giờ bợ đỡ trái lương tâm. Bởi vậy, có người trẻ tuổi tìm ông "xin ý kiến nhận xét" thường vì hành vi tầm thường, văn chương chữ nghĩa thấp kém mà bị "nhọ mũi". Nhưng đối với những thí sinh thật sự có tài hoa thì ông nhận xét rất chu đáo, nhiệt tình tiến cử. Những người được ông khen ngợi thì thanh danh tăng nhanh gấp bội. Vì thế mà Bạch Cư Dị tìm tới Cố Huống.

Khó khăn lắm Bạch Cư Dị mới vào qua được cổng chính, được một người hầu dẫn vào phòng khách của Cố Huống. Cố Huống nhận từ tay một cậu thiếu niên thân hình nhỏ yếu, mắt sáng long lanh tập thơ được trình bày công phu, chữ viết ngay ngắn, đồng thời nhìn đi nhìn lại suốt từ đầu đến chân cậu thiếu niên ấy. Trực giác mách bảo ông rằng: chàng thiếu niên này còn non nớt. Thấy trên tập thơ ghi tên "Bạch Cư Dị", Cố Huống cười, nói một cách thản nhiên và với vẻ hài hước: "Gần đây ở Trường An giá cả tăng mạnh,

---

1. Trong nguyên bản: "đầu quyển", chúng tôi dịch ý. - ND.

gạo đắt lắm đó. "Bạch Cư bất Dị"[1] đấy!" Rõ ràng câu nói này thoáng có ý coi thường.

Bạch Cư Dị đã dự liệu từ trước rồi, ngồi im không nói nửa lời. Ông mong rằng, với tập thơ kiệt suất này của mình, nhà thơ lớn đang ngồi trước mặt ông đây sẽ phải tin phục tài hoa của ông.

Quả nhiên, Cố Huống giở đọc từng bài thơ, hồn thơ lai láng khiến ông sửng sốt, luôn mồm khen "hay, hay". Trong đó có bài ngũ ngôn "Phú đắc cổ nguyên thảo tống biệt", Cố Huống vỗ bàn khen "tuyệt". Bài thơ này như sau:

Ly ly nguyên thương thảo,
Nhất tuế nhất khô vinh,
Dã hỏa thiêu bất tận
Xuân phong xuy hưu sinh.
Viễn phương xâm cổ đạo,
Tình thúy tiếp hoang thành,
Hựu tống Vương Tôn khứ
Thê thê mãn biệt tình.[2]

Trong bài thơ này, cảnh và tình quện vào nhau, ý mới lạ, ngụ ý sâu xa, phong cách mới, giầu âm vị,

---

1. Một lối chơi chữ, có nghĩa "khó sống". - ND.
2. Tạm dịch nghĩa: Thảo nguyên cỏ rậm rạp, hàng năm một lần lụi một lần tươi tốt, lửa cháy không hết, gió xuân về lại mọc. Hương thơm từ xa ùa vào con đường cũ, trời trong xanh cùng thành hoang, tiễn vương tôn (tên gọi chung của con em quý tộc) ra đi, lòng buồn rười rượi. - ND.

vần nhuần nhuyễn, mô tả một cách sâu sắc tâm tình quyến luyến nhưng trong sáng, lành mạnh khi chia tay.

Cố Huống khâm phục tài hoa của nhà thơ trẻ trước mặt ông, đứng dậy, vội vàng nói với Bạch Cư Dị để chữa thẹn rằng: "Nhân tài hiếm có, quả là nhân tài hiếm có, viết những câu thơ tuyệt diệu bằng những từ đẹp, tứ thơ hay như thế thì nếu giá gạo ở Trường An có đắt nữa vẫn "Cư tắc dị hĩ"".[1]

Bạch Cư Dị mở cờ trong bụng, cười. Đượcmột vị tiền bối trên văn đàn nổi tiếng là người hay bới lông tìm vết thừa nhận tài năng và khích lệ thì sao chẳng hả lòng hả dạ kia chứ!

5. Tránh thiên lệch hẹp hòi, phải sáng mắt sáng lòng

Người xưa nói "Kiêm thính tắc minh, thiên tín tắc ám". Có nghĩa là lắng nghe ý kiến từ nhiều phía thì sáng, hiểu được điều hơn lẽ thiệt; chỉ tin theo một phía, một chiều thì quáng, ngu muội hồ đồ.

Hiểu biết của mỗi người chỉ có hạn, cao minh đến mấy thì cũng có điều không thông tỏ. Câu thành ngữ "Ba anh thợ da bằng một Gia Cát Lượng" có ý khuyên rằng, phải tập trung trí tuệ của quần chúng, lấy cái hay của nhiều người để dùng cho mình thì mới làm nên sự nghiệp. Không thể chỉ tin theo một người.

---

1. Một lối chơi chữ, nghĩa là"dễ sống", "sống được". - ND.

Cuối đời nhà Nguyên, Chu Nguyên Chương lãnh đạo nông dân khởi nghĩa, ông rất chú ý thu thập ý kiến rộng rãi, tập hợp trí tuệ của mọi người, do vậy mới làm nên việc lớn.

Bấy giờ có một văn nhân tên là Phùng Quốc Dụng góp ý với Chu Nguyên Chương rằng: "Chúng ta không thể cứ nay chạy về đông, mai chạy về tây như thế này mãi được, phải có một căn cứ. Theo tôi, hiện nay chúng ta cần chiếm ngay vùng đất hiểm yếu Kiến Khang, như vậy mới có cơ phát triển". Chu Nguyên Chương cho rằng ý kiến đó rất đúng, ông cho đánh chiếm Kiến Khang làm căn cứ để phát triển về sau này. Tiếp đó, Phùng Quốc Dụng lại góp ý: "Ngài muốn lấy được thiên hạ thì trước hết phải lấy được lòng dân, không nên tham gái đẹp, châu báu, phải làm nhiều việc tốt cho dân thì mới làm nên việc lớn".

Lão nho sinh Chu Thăng kiến nghị "Đắp thành lũy cao, tích trữ lương thực, hoãn lên ngôi". Đó là kiến nghị không còn gì hợp lý hơn khi vừa mới đánh chiếm được Nai Kinh, đứng chân chưa vững, còn đang ở thế yếu, địa bàn nhỏ hẹp, chưa đủ sức đương đầu với các cánh quân khác. Bấy giờ, "đắp thành lũy cao" thì tăng được sức phòng ngự, "tích trữ lương thực" là tích trữ lực lượng vật chất để duy trì chiến đấu khi chưa thể giành ngay được thắng lợi hoàn toàn, "hoãn lên ngôi" là để tránh tự tạo ra nhiều kẻ địch, trở thành tấm bia hứng tên từ nhiều phía. Chu Nguyên Chương lấy ba câu ấy làm phương châm chiến lược

của ông, cuối cùng ông đã lập nên cơ nghiệp nhà Minh.

Hán Cao Tổ Lưu Bang xuất thân hèn mọn, chỉ biết ít chữ, nhưng ông biết chiêu hiền đãi sĩ, dựa vào trí tuệ và sức mạnh của nhân tài khắp nơi để làm nên nghiệp lớn. Mưu sĩ Trương Lương là một nhà quý tộc, Trần Bình là tay du thủ du thực, tướng Phàn Khoái là tay sát nhân, Chu Bột là tay nịnh bợ, Lâu Kinh là phu xe, Hàn Tín là dân lang thang vô nghề, Bành Việt từng là kẻ cướp. Những con người này dù xuất thân ra sao chăng nữa, dù có địa vị cao hay thấp, đều có điểm mạnh riêng của họ. Chính nhờ tập trung được trí tuệ của đông người Lưu Bang mới đánh bại được Hạng Vũ.

Ông tiếp thu kiến nghị của mưu sĩ Trương Lương, trước tiên đánh chiếm Quan Trung, tiến vào Hàm Dương kinh đô nước Tần. Đòn này đẩy Hạng Vũ vào thế bị động, không thể thực hiện được cam kết đã ký với các nước chư hầu khác là tiến vào Hàm Dương trước và lên ngôi tại đó. Mưu thần của Lưu Bang là Tiêu Hà thì có được các tư liệu ở cấp Trung ương nước Tần và các tư liệu khác, nhờ đó mà nắm được hàng loạt tình hình quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, địa lý của cả nước để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến tranh tiếp sau. Lúc này, Lưu Bang mê mẩn trước các cung điện nguy nga, các phi tần xinh đẹp, với của cải châu báu, không muốn tiến nữa. Thấy

vậy, tướng Phàn Khoái chất vấn Lưu Bang: "Đại vương muốn lấy được thiên hạ hay muốn trở thành phú ông? Xin chớ quên rằng nhà Tần vừa mới bị tiêu diệt thôi". Điều này đã thức tỉnh Lưu Bang, ông tở lại với quân lính ở Bá Thượng, ban hành ba chương luật dân ước, khôi phục trật tự xã hội, ổn định dân tình, xóa bỏ cách cai trị hà khắc, giúp dân an cư lạc nghiệp. Bằng những việc làm này Lưu Bang đã giành được lợi thế về chính trị. Nhưng về quân sự ông vẫn còn ở vào thế yếu. Ông sử dụng sách lược "đấu trí không đấu sức" của Trương Lương. Khi Hạng Vũ thất ước, phong ông là Hán Trung Vương chứ không phải là Quan Trung vương, ông nổi giận định đánh một trận sống mái với Hạng Vũ. Tiêu Hà khuyên: "Cần đánh giá chính xác lực lượng của mình và của đối thủ, thời cơ quyết chiến chưa chín muồi, hãy nín nhịn ấm ức, chấp nhận sự phong thưởng ấy, đợi dịp khác khi thời cơ tới hãy tiến công cũng chưa muộn". Lưu Bang tiếp thu lời khuyên của các tướng lĩnh, tiếp thu kiến nghị của Trương Lương, đi Hán Trung nhận tước vương, tỏ ý không đối đầu với Hạng Vũ nữa. Lưu Bang đã mê hoặc Hạng Vũ như thế đó, ông tích trữ lực lượng, khi đủ mạnh ông lại tiến đánh Quan Trung, buộc Hạng Vũ tự sát trong trận Cai Hạ.

Sau khi lập nên triều nhà Hán, năm 202 trước Công nguyên, khi tổ chức yến tiệc tại Lạc Dương, Lưu Bang tổng kết kinh nghiệm như sau: "Hoạch định

chiến lược sách lược để quyết thắng ở nơi xa ngàn dặm, ta không bằng Tử Phòng (tức Trương Lương); trấn giữ giang sơn, chăm lo cho dân, cung cấp lương thực,không để thiếu lương ăn, ta không bằng Tiêu Hà; đã đánh là phải thắng, đã công là phải đổ, dẫn trăm quân chiến đấu ngoài sa trường, ta không bằng Hàn Tín. Ba người ấy đều là nhân tài kiệt xuất. Ta dùng được họ, đó cũng là nguyên nhân giúp ta lấy được thiên hạ".

Thiên lệch thì sẽ bị người khác lợi dụng sơ hở. Chỉ tin nghe thiên lệch thì sẽ tạo cơ hội cho bọn tiểu nhân a dua nịnh hót, gièm pha, vu cáo. Nếu lòng dạ hẹp hòi, không khoan dung độ lượng thì sẽ nghi kỵ, ảnh hưởng xấu tới đoàn kết. Từ cổ chí kim, những người có chí cải tạo, xây dựng xã hội, phải có tấm lòng bao dung thì mới ổn định được xã hội.

Vì chỉ tin nghe bọn tiểu nhân mà Triệu vương mất nước

Cuối thời kỳ Chiến Quốc, các nước chư hầu cạnh tranh nhau gay gắt về chính trị, kinh tế và quân sự. Tần vương, Doanh Chính, năm thứ 10, Tướng quốc Lã Bất Vi bị Tần vương Doanh Chính bãi chức, gia đình, bạn bè của ông ta ly tán tới các nước khác.

Tư Không Mã vốn là Thiếu phủ Thượng thư của nước Tần, từng theo Lã Bất Vi. Thuộc bè cánh của họ Lã, khi Lã Bất Vi bị phế bỏ, ông ta lập tức rời nước Tần chạy sang nước Triệu. Vua nước Triệu là

Điệu Tương không coi trọng Tư Không Mã, chỉ cho làm một chức quan nhỏ.

Khi này, nước Tần tiến công ngày càng dữ dội vào sáu nước ở Sơn Đông, ngay cả nước Triệu một thời có tiếng là hùng mạnh cũng bị tiến công tới tấp. Sau khi chạy tới nước Triệu, dựa vào sự hiểu biết của mình về tình hình nước Tần bấy giờ, Tư Không Mã khuyên vua nước Triệu cắt một phần đất hối lộ nước Tần để khiến cho các nước chư hầu khác sợ và ghét chính sách thôn tính nước của Tần, tiến tới lập lại liên minh quân sự chống nước Tần, dựa vào đó để bảo vệ nước Triệu. Bấy giờ, Tần mạnh Triệu yếu, đây là một kế hay. Nhưng vua nước Triệu không nghe theo.

Vua nước Triệu không tiếp nhận mưu kế của Tư Không Mã, cũng không thể chặn đứng được thế tiến công như vũ bão của nước Tần. Tư Không Mã thấy thế giữ nước của vua nước Triệu không còn nữa, ông quyết định rời nước Triệu.

Tư Không Mã tới bến Bình Nguyên thì gặp viên quan canh bến tên là Quách Di. Biết Tư Không Mã từ đô thành Hàm Đan tới, Quách Di hỏi về tình hình chiến tranh giữa hai nước Tần, nước Triệu, vận mệnh và tiền đồ của nước Triệu trong cuộc chiến tranh này. Nhìn ra lớp lớp sóng bạc đầu đang vỗ bờ ào ào ngoài bến, nước sông Hoàng Hà tuôn chảy về phía Đông, Tư Không Mã nói không úp mở: vua nước Triệu không

chấp nhận mưu kế của ta, nước Triệu sẽ không thoát khỏi cái số phận đen đủi là nước mất nhà tan!

Tần vương, Doanh Chính, năm thứ 13, tướng nước Tần là Hoàn Thư đem quân đánh nước Triệu, đánh bại tướng nước Triệu là Hộ Triếp tại Bình Dương, giết 100 ngàn quân nước Triệu, tướng Hộ Triếp tử trận. Tình hình bấy giờ cho thấy, cuộc chiến tranh giữa hai nước Tần và nước Triệu là cuộc chiến tranh không cân sức, không khó dự đoán kết quả. Do vậy, Quách Di không nghi ngờ kết luận của Tư Không Mã cho rằng nước Triệu sẽ diệt vong, vấn đề còn lại chỉ là thời gian. Do vậy, Quách Di đề nghị Tư Không Mã suy đoán thời gian nước Triệu bị diệt vong.

Từ nước Tần tới nước Triệu, Tư Không Mã hiểu khá sâu sắc tình hình của hai bên. Ông đã dự đoán thời gian nước Triệu bị diệt vong ngay từ khi vua nước Triệu vất bỏ mưu kế của ông và buộc ông rời khỏi nước Triệu. Lúc này, với giọng điệu của một nhà chiến lược, ông nói rõ ràng với Quách Di rằng: "Nước Triệu nhất định sẽ bị diệt vong. Nếu cử Vũ An Quân là Lý Mục cầm quân thì có thể chống cự được một năm; nếu giết Lý Mục thì cầm cự không được nửa năm. Nhưng hiện nay Triệu vương chỉ tin dùng Hàn Thương. Người này lòng dạ hẹp hòi, công thần, ghen tị, đón ý nịnh bợ Triệu vương, rất được Trịnh vương tin dùng. Hiện nay nước Triệu đang lâm nguy, như trứng để đầu đẳng vậy, Triệu vương tất sẽ càng tin dùng ông ta, mà ông ta thì không thể chấp nhận Lý

Mục. Do vậy, Lý Mục khó mà giữ được mạng sống, nước Triệu không thể tồn tại được quá nửa năm nữa".

Lý Mục là một trong số ít ỏi danh tướng của nước Triệu cuối thời Chiến Quốc. Trong một thời gian dài, ông phòng thủ biên giới phía bắc nước Triệu, nhiều lần đánh bại quân của các bộ lạc du mục Đông Hồ, Lâm Hồ, Hung Nô khi chúng xâm phạm nước Triệu. Tần vương, Doanh Chính, năm thứ 14, ông cầm quân đánh bại tướng Hoàn Thư của nước Tần tại Phì Địa, tướng Hoàn Thư sợ mắc tội thất trận bỏ chạy sang nước Yến, do vậy ông được vua nước Triệu phong là Vũ An Quân. Với con mắt của nhà mưu lược quân sự, Tư Không Mã chú ý tới vai trò quan trọng của Lý Mục trong cuộc chiến tranh Tần - Triệu; đồng thời ông còn có con mắt nhạy bén của một nhà hoạt động chính trị, ý thức được rằng Lý Mục sẽ chết trong cuộc tranh giành quyền lực hủ bại, đen tối ở nước Triệu. Do vậy ông đã biết trước sự diệt vong của nước Triệu chỉ là vấn đề cận kề trước mắt.

Tần vương, Doanh Chính, năm thứ 18, sau khi tiêu diệt nước Hàn, nước Tần tiến công như vũ bão vào nước Triệu. Cuộc chiến tranh Tần - Triệu bước vào giai đoạn quyết chiến. Triệu vương cử Lý Mục, Tư Mã Thượng cầm quân chống cự. Nhưng, Triệu vương chỉ tin nghe bọn tiểu nhân, không phải lúc nào cũng tin dùng Lý Mục. Nước Tần sử dụng kế ly gián, hối lộ lộng thần núp bóng Triệu vương, tung tin Lý Mục làm phản. Triệu vương nhẹ dạ cả tin, bất chấp

điều tối kỵ trong quân sự là thay tướng đang đối mặt với địch, một mặt cử Triệu Song, Nhan Tụ thay Lý Mục chỉ huy quân đội; mặt khác cử kẻ tung tin xúc xiểm là Hàn Thương xử lý "án mưu phản" của Lý Mục. Hàn Thương dựa vào cái tội danh mà ông ta bịa ra để giết Lý Mục.

Sau khi Lý Mục chết, quân Tần đẩy mạnh tiến công, đánh bại quân Triệu, nước Triệu mất hết lựclượng chống cự. Quân Tần thừa thắng đánh chiếm Hàm Đan, kinh đô nước Triệu. Triệu vương bị bắt sống, nước Triệu diệt vong. Từ khi Lý Mục bị giết tới lúc nước triệu diệt vong chỉ có 5 tháng, đúng như dự đoán của Tư Không Mã. Nước Triệu diệt vong là một xu thế lịch sử, nguyên nhân bên trong quan trọng nhất là do Triệu vương chỉ tin theo bọn tiểu nhân, không tiếp thu kiến nghị của những người hiểu biết. Hậu quả của thói thiên lệch, hẹp hòi vô cùng nghiêm trọng, dù đối với cá nhân hay đối với quốc gia đều như vậy cả. Sở dĩ Tư Không Mã dự đoán chính xác nước Triệu tất bị diệt vong là vì ông biết hậu quả nghiêm trọng của thói thiên lệch, hẹp hòi.

Đường Thái Tông tiếp thu ý kiến rộng rãi để xây dựng đất nước

Thời kỳ đầu khi mới lên ngôi, Đường Thái Tông Lý Thế Dân rất muốn lắng nghe những kiến nghị về trị quốc an dân và những lời bình luận về công việc triều chính. Ông nói: "Muốn biết hình dáng của mình thì phải soi gương; vua chúa muốn biết được thiếu

sót của mình thì phải dựa vào trung thần". Do đó ông thường hậu đãi những đại thần thẳng thắn góp ý. Nguyên Luật phạm pháp, Thái Tông muốn giết ông ta, đại thần Tôn Phục Già cho rằng, theo luật pháp thì ông ta chưa đáng tội chết. Thái Tông khen Tôn Phục Già ngay thẳng và thưởng cho ông vườn của Lan Lăng công chúa. Có người nói: "Thưởng hậu quá". Thái Tông nói: "Từ ngày lên ngôi tới nay chưa có ai góp ý thẳng thắn như thế, cho nên ta trọng thưởng như vậy".

Đại phu Ngụy Trinh tính tình cương trực, dám phê bình vỗ mặt, đôi khi làm cho Thái Tông khó nghĩ. Nhưng do ý kiến hoặc kiến nghị của ông rất đúng đắn, mà thái độ thì lại kiên quyết, dám cãi lại, không tính tới được mất cá nhân, cho nên Lý Thế Dân phải tiếp thu.

Năm Chinh quan thứ sáu, Đường Thái Tông giành được thành công lớn cả về chính trị và quân sự, kinh tế, ngoại giao, bắt đầu thời kỳ "Chinh quan chi trị". Sống trong không khí khắp nơi râm ran lời ca công đức, ông có phần lâng lâng ngay ngất, đời sống dần dần xa hoa, hủ bại. Về mặt lắng nghe ý kiến, bây giờ không còn "tìm người góp ý", "vui lòng nghe theo" như xưa, mà lúc đầu thì "khó chịu" sau mới "gượng gạo nghe theo", không còn khiêm tốn tiếp thu như thời kỳ đầu nữa. Khi này ông thích nghe lời ca tụng, rất ghét lời trái tai, không còn nói "lắng nghe ý kiến

từ nhiều phía thì sáng", đôi khi hứng lên thì hành động một cách tùy tiện.

Một hôm Thái Tông dự hội triều buổi sáng, bá quan văn võ hô vạn tuế xong thì khẩn khoản đề nghị Thái Tông lên Thái Sơn tế trời để phô bày công đức văn võ của Thái Tông. Quốc cữu Trưởng Tôn Vô Kỵ nói: "Tế trời là công việc lớn của các đế vương xưa nay. Sau khi thống nhất thiên hạ, Tần Thủy Hoàng đi tế ở các danh sơn, như Thái Sơn, Kiệt Thạch Sơn và khắc bia để ghi lại công đức lẫy lừng của ông. Hán Vũ đế cũng đã từng tế trời ở Thái Sơn. Nay công đức của bệ hạ có thể sánh với công đức của vua Nghiêu, vua Thuấn, lớn hơn công lao của Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ đế, cần phải đi Thái Sơn tế trời để phô bầy công đức". Quần thần nhất trí tán thành. Kiến nghị tế trời của quần thần hợp với tâm lý hám công chuộng lớn của Thái Tông. Nhưng ông cười và vờ nói: "Tế hay không tế không quan trọng, quan trọng là trị nước cho tốt". Các đại thần lại thúc ép. Thái Tông mở cờ trong bụng, nói: "Ừ thì tế!" Ông giao cho Vi Đỉnh làm quan chủ sự, phân công người xác định nghi lễ, quy mô, chi phí và chương trình buổi tế.

Lúc này, Ngụy Trinh đứng dậy, kiên quyết phản đối: "Tế hay không cũng không ảnh hưởng gì tới công đức và thành tích trị nước của bệ hạ. Nếu thiên hạ yên ổn, đất nước giàu mạnh, dân chúng an cư lạc nghiệp thì không tế cũng chẳng sao. Trước đây Tần Thủy Hoàng có tế, còn Hán Vũ đế thì không tế, chẳng

lẽ vì thế mà người đời sau cho rằng tài đức của Hán Vũ đế không bằng của Tần Thủy Hoàng hay sao? Thêm nữa, lẽ nào chỉ có lạy trời vái đất, trèo lên đỉnh Thái Sơn, phong cho vài thước đất, như vậy mới bày tỏ được lòng thành kính hay sao?" Nói tóm lại là dường như Ngụy Trinh đã dội một gáo nước lạnh vào cái đầu đang nóng của Lý Thế Dân và các đại thần.

Lý Thế Dân rất không hài lòng, chất vấn Ngụy Trinh:

- Khanh phản đối tế trời, phải chăng vì công lao của trẫm không cao?

- Muôn tâu bệ hạ, rất cao ạ! - Ngụy Trinh đáp.

- Phải chăng ân đức của ta không nhiều?

- Muôn tâu thánh thượng, rất nhiều ạ!

- Hay là vì đất nước chưa yên?

- Dạ, yên ạ!

- Phải chăng ta không được bọn man di[1] phục?

- Tâu bệ hạ, thần phục ạ!

- Phải chăng vì không được mùa?

- Dạ, được mùa ạ!

- Hay là vì vận may không đến?

- Tâu bệ hạ, vận may đến rồi đấy ạ!

---

1. Dân tộc thiểu số ngoài dân tộc người Hoa. - ND.

Lý Thế Dân hỏi về sáu điều kiện cần phải có để tế trời, Ngụy Trinh đều trả lời đã có các điều kiện ấy. Cuối cùng Lý Thế Dân sa sầm mặt xuống, quát:

- Vậy tại sao ta không được tế trời?

Ngụy Trinh không hề sợ hãi, cãi lý cho ra nhẽ:

- Tuy công lao của bệ hạ cao, nhưng dân chúng chưa được hưởng lợi; ân đức của bệ hạ nhiều, nhưng chưa được ban phát rộng rãi; tuy nước đã yên, nhưng dân chúng chưa giàu có; tuy man di phục, nhưng đòi hỏi của họ chưa được đáp ứng; tuy vận may đã đến, nhưng điềm gở còn nhiều; tuy được mùa, nhưng kho chưa đầy. Đó là nguyên nhân khiến thần cho rằng không nên tế lễ.

Thái Tông tức anh ách, mặt hầm hầm, tuyên bố bãi triều. Quần thần cho rằng Ngụy Trinh không biết thế nào là phải. Ngụy Trinh nghĩ bụng, nếu để Thái Tông bỏ về thì hỏng việc. Ông vội đứng dậy níu gấu áo Thái Tông, nói:

- Xin bệ hạ dừng bước để cho thần nói hết đã ạ.

Ngụy Trinh nghĩ lại, góp ý như thế hiệu quả kém, muốn quyết tâm ngăn chặn việc tế lễ này thì phải góp theo góc độ khác kia. Thế rồi ông nói tiếp:

- Xin bệ hạ chỉ cho thần làm ông quan tốt thôi, đừng bắt thần làm một trung thần ạ!

- Quan tốt và trung thần khác nhau ở chỗ nào?

- Tâu bệ hạ, quan tốt thì có danh có lợi, vua được tiếng tốt, phúc lộc đầy nhà, con cháu đời đời được hưởng, như ngài Tắc, ngài Khế chẳng hạn; trung thần thì bị chém đầu, vua mang tiếng ác, đất nước bị tổn thất, như ngài Tỷ Cán, Thiên Long Phùng chẳng hạn.

- Thế thì ta cho khanh làm ông quan tốt!

- Tâu bệ hạ, sự thật thì bệ hạ đang thịnh nộ, thần thì liều mình góp ý, như vậy thì thần đang làm Trung thần ạ!

Thái Tông bớt giận.

Nguỵ Trinh tiếp tục góp ý:

- Thưa bệ hạ, tuy có sáu điều kiện tế lễ, nhưng thần cho rằng lên Thái Sơn tế trời thì tốn công tốn của, không có lợi cho đất nước và dân chúng. Lấy việc Tuỳ Dạng đế Dương Quảng đi du ngoạn Giang Đô (nay là Dương Châu, Giang Tô) làm ví dụ. Ba lần ông ngự thuyền rồng dài 200 thước, cao 4 tầng đi du ngoạn Giang Đô. Vương Công, phi tử, tăng ni, đạo sĩ ngồi trên hàng ngàn chiếc thuyền cao to hào hoa, nối đuôi nhau trên sông dài hơn 200 dặm, bọn tuỳ tùng gồm 100 ngàn người, huy động hơn 80 ngàn trai tráng phục dịch, hàng loạt kỵ binh phải hộ tống hai bên bờ. Trên thuyền rượu chè, nhẩy múa, ca hát, tiếng vang xa hàng chục dặm. Dân chúng trên 500 dặm dọc đường phải tới tiến cúng cao lương mỹ vị. Bọn tuần đinh canh gác hai bên bờ đông như kiến cỏ, dân chúng hai bên đường bị vơ vét sạch trơn, người ăn vỏ cây,

kẻ ăn rau dại, thậm chí người ăn thịt người. Vì thế, Vương Bá Trấn giơ tay hô một tiếng thì có hàng trăm ngàn người đi theo, lửa khởi nghĩa nhanh chóng lan ra khắp bờ nam bờ bắc. Đi du ngoạn như thế phỏng có ích chi?

Ngụy Trinh lấy hơi, nói tiếp:

- Nay nước sông Y, sông Lạc chảy cuồn cuộn ra tận Bột Hải, vùng Thái Sơn hoang vu hẻo lánh, đi hàng dặm không trông thấy một bóng người, không nghe thấy tiếng gà gáy chó sủa, chưa nói rằng không cung cấp đủ lương ăn nước uống, ngay đường đi cũng hết sức trắc trở khó khăn. Hơn nữa, dốc hết tiền của vào việc vô bổ này chưa chắc đã đạt yêu cầu; muốn đảm bảo cung cấp đầy đủ đồ ăn thức uống thì không thể không tăng thêm gánh nặng cho dân. Ham thích hư danh là điều rất có hại. Thần nghĩ rằng bệ hạ không nên làm như thế!

Ngụy Trinh ăn nói đâu ra đấy, khi thì úp mở, khi thì nói toạc móng heo, lý lẽ kín kẽ. Đường Thái Tông không bắt bẻ được, nhưng vẫn chưa chịu bỏ ý định lên Thái Sơn tế trời. Thấy vậy, Ngụy Trinh chuyển sang gay gắt:

- Như thế thì hao công tốn của, trời giận người oán, nhỡ có thiên tai lụt lội, hạn hán, lòng người thay đổi, thứ dân bách tính cầm giáo vùng lên, thì sẽ hối không kịp!

Lúc này Đường Thái Tông mới hiểu ra cái ý đó, trong lòng không vui nhưng ông kìm chế, ra lệnh thôi không lên Thái Sơn tế lễ nữa.

6. Tránh ham thanh háo sắc, tinh thần phải luôn luôn tỉnh táo

Thanh nói ở đây là âm nhạc. Nội dung của bản nhạc có khi cao sang, có khi thấp hèn. Bản nhạc cao sang giúp cho người ta tu tâm dưỡng tính, không nhuốm mầu vẩn đục của thế tục. Đành rằng số bản nhạc loại "dương xâm bách tuyết"[1] như thế không nhiều. Còn những âm thanh ủy mị thì làm cho người nghe âu sầu, héo hon, thoái chí.

Thời cổ đại, không phải ai cũng có thể thưởng thức các bản nhạc cao sang. Sách "Lễ ký. Nhạc ký" viết: Ngụy Văn hầu hỏi Tử Hạ:

- Ta ngồi ngay ngắn lắng nghe nhạc cổ thì không hiểu, nhưng nằm nghe nhạc của nước Trịnh, nước Vệ thì không thấy mệt mỏi. Tại sao nhạc cổ và nhạc mới lại có hiệu quả khác nhau rõ rệt như vậy?

Tử Hạ đáp:

- Thời cổ, trời đất bốn mùa mưa gió thuận hoà. Bây giờ ngài thích nghe âm thanh ủy mị à?

- Âm thanh ủy mị ở đâu ra vậy?

---

1. Tên một ca khúc nổi tiếng của nước Sở cổ đại, được xếp vào loại nhạc phẩm cao sang. - N.D.

- Âm nhạc của nước Trịnh phóng túng, không có tiết chế gì cả, làm cho người nghe có tâm chí dâm tà. Âm nhạc của nước Vệ có khuynh hướng gợi buồn, làm cho tâm chí người nghe đắm đuối, có hại cho đức hạnh, không chấp nhận được.

Về vấn đề này, Khổng Tử từng nói: "Chúng ta phải cấm tiệt âm nhạc nước Tấn". Tại sao vậy? Tại vì, trong con mắt của những người có học thời bấy giờ, nhạc của nước Tấn thuộc loại nhạc làm cho người nghe ủy mị, đắm đuối, không bứt lên được, mà thực tế là chẳng buồn cũng cứ nói là buồn, âm thanh ủy mị, ai oán. Mạnh Tử nói: "Bá Di[1]" mắt không nhìn mầu sắc nhơ bẩn, tai không nghe âm thanh nhơ bẩn". Âm thanh nhơ bẩn là âm thanh không đứng đắn, tất cả những âm thanh làm hỏng tâm tính con người đều là âm thanh nhơ bẩn. Đời Đường, trong cung đang biểu diễn nhạc khúc cao sang, nhưng chưa nghe hết thì Đường Minh Hoàng bảo: "Dừng lại, mau gọi nhạc công Hoa Nô mang trống tới giải buồn cho ta". Thế là trống, và nhạc công Hoa Nô được đưa tới. Một lần Vương Lý Tiến đội mũ nhạ tiêu đánh trống, Hoàng thượng cài hoa lên mũ và đặt tên anh ta là Hoa Nô.

Đêm trung thu Đường Minh Hoàng nằm mơ thấy La Công đi du ngoạn cung trăng, thấy hàng trăm tiên nữ thắt dải lụa trắng, mặc áo thụng, ca múa ở sân đình. Đường Minh Hoàng hỏi: "Đây là nhạc gì vậy?".

---

1. Con cả của vua Thương - N.D.

Trả lời : "Đây là nhạc nghê thường vũ y". Thế rồi Minh Hoàng nhẩm nhớ âm điệu của bài nhạc, dậy cho cung nữ hát để mua vui, công việc triều chính bị xao nhãng, để xẩy ra vụ "An sử chi loạn". Bấy giờ, Trung Nguyên rối loạn, Đường Minh Hoàng chạy thục mạng về Tứ Xuyên, vì vậy, Bạch Cư Dị làm bài thơ "Trường hận ca", trong đó có câu: "Ầm ầm trống trận Ngư Dương[1], còn đâu ca khúc nghê thường vũ y". Trần Hậu Chủ[2] ngày đêm cùng Khổng Phạm, ... rượu chè ở hậu cung, gọi họ là "hiệp khách", bắt các quý phi hát đối với khách bài "Ngọc thụ hậu đình hoa". Vua quan rượu chè, ca hát từ tối tới sáng. Năm Khai hoàng thứ tư thì nhà Trần bị nhà Tùy tiêu diệt.

Xét theo hình thức bề ngoài thì việc thích nhạc ủy mị, đắm đuối hình như chỉ là vấn đề thị hiếu cá nhân, không có tác hại gì lớn, thường bị xem thường. Thực ra thích nhạc lành mạnh hay nhạc làm cho tâm hồn ủy mị, đắm đuối là một vấn đề lớn phản ánh tố chất đạo đức của con người ta, và qua đó người ta thấy được lòng dạ và chí hướng của con người ấy. Chìm đắm trong tiếng nhạc thấp hèn thì không thể có nhân cách cao quý, suốt ngày đắm đuối trong tiếng ca uỷ mị thì sẽ lơi lỏng công việc quốc gia đại sự.

---

1. Tên một huyện thời xưa, tại tây nam huyện Mật Vân thành phố Bắc Kinh hiện nay.
2. Tức Trần Thúc Bảo (553-604), Hoàng đế Nam triều. - N.D.

Sắc ở đây là sắc đẹp đàn bà. Thời xưa có kẻ để mất nước vì háo sắc. Thời Tây hán, Mai Thừa viết bài phú "Thất phát"[1], trong đó nói: "Mắt phượng mày ngài là lưỡi rìu giết người". Ông còn nói: "Mỹ nữ nước Việt đón trước, gái đẹp nước Tề nghênh sau, đi đi lại lại chúc rượu, tới chỗ khuất ở góc phòng thì làm bậy, thế là lấy thuốc độc làm cơm rượu, là chơi với hổ". Mai Thừa đã có lý khi ông ví sắc đẹp đàn bà với thuốc độc và thú dữ, bởi vì ngày xưa có quá nhiều, không sao kể xiết những trường hợp vì háo sắc mà tự giết mình, làm mất nước.

Lương là vua nhà Hạ, ông thảo phạt Hữu Thi Thị. Hữu Thi Thị gả con gái Muội Hỷ cho ông. Lương rất mực sùng ái Muội Hỷ, Muội Hỷ nói sao nghe vậy. Lương còn xây cung điện lâu đài nguy nga lộng lẫy cho Muội Hỷ, vắt hết sức dân, bòn hết của cải, lòng người rệu rã. Nhà Thang thừa cơ tiến đánh, Lương bị đưa đi đầy ở Nam Sào rồi chết ở đó. Lương chiều theo Muội Hỷ làm bừa, lòng người ly tán, nước mất nhà tan.

Ở nước Chu, thời U vương, có một người ở Bao Địa phạm tội, bèn đem con gái là Bao Tự hiến cho U vương. U vương hết mực nuông chiều. Bao Tư không

---

1. Tức: bẩy việc gợi ý. Trong đó, dựng lên câu chuyện: Thái tử nước Sở ốm. Một vị khách ở nước Ngô tới thăm, chỉ ra nguyên nhân ốm là do suốt ngày ở lì trong cung, hưởng lạc quá độ, tiếp đó kê ra bẩy việc để gợi ý. Thái tử nước Sở xúc động đổ mồ hôi, lập tức khỏi bệnh - N.D.

hay cười. U vương trổ đủ trò gây cười nhưng nàng vẫn không cười. Trước đó, U vương giao ước với các chư hầu khi địch tới thì đốt lửa để báo cho nhau tới cứu viện. Bấy giờ, để làm trò cho Bao Tư cười, U vương đốt lửa, các chư hầu kéo đến, nhưng chẳng có địch nào cả, Bao Tư cười như nắc nẻ. Sau này, do sủng ái Bao Tư mà U vương phế truất Thân Hậu và Thái Tử Nghi Viết, vì vậy Thân Hầu liên minh với Khuyển Nhung tiến đánh U vương. U vương cho đốt lửa gọi cứu viện, nhưng các chư hầu không tới, Khuyển Nhung giết chết U vương ở chân núi Ly.

Đời Đường Huyền Tông năm thứ tư, Tư Mã Dương Huyền Viêm có con gái là Dương Thái Trân được phong là quý phi, được Huyền Tông hết sức nuông chiều. Để làm cho Dương quí phi vui, Đường Huyền Tông cử người chuyên vận chuyển quả vải tươi từ miền nam về, tốn rất nhiều tiền của, công sức. Có người làm thơ nhạo việc này rằng: "Nào ai có biết quý phi cười, chỉ vì được hưởng quả vải tươi". Huyền Tông đắm đuối vì sắc đẹp của Dương quý phi, bỏ bễ công việc triều chính. Cảnh "Nguyên khai thịnh thế" ngày một suy tàn. Năm Thiên Bảo thứ 14, An Lộc Sơn phản loạn, vây hãm Trường An.

Các bài học lịch sử đều rất sâu sắc. Ham thanh háo sắc sẽ gây ra tai hại rất lớn. Một là, ủy mị, đắm đuối vì thanh, vì sắc thì sẽ buông lỏng tu dưỡng bản thân, trở nên trụy lạc. Hai là, vì đam mê thanh, sắc mà rời bỏ sự nghiệp, gây tổn thất lớn đối với bản

thân và sự nghiệp. Sức lực của con người chỉ có hạn, bỏ vào mặt này nhiều thì sẽ không đủ sức làm việc khác. Say sưa hưởng thụ thanh, sắc thì ý chí sẽ sa sút, không thể làm nên sự nghiệp. Ba là, ham thanh háo sắc thì sẽ bị đối thủ lợi dụng nhược điểm này, dùng mỹ nhân kế để thực hiện mục đích xấu xa của họ. Muốn tránh ham thanh háo sắc thì phải tu thân, giữ gìn bản chất tốt đẹp, làm chính nhân quân tử, xa lánh bọn tiểu nhân có ý đồ mờ ám. Trong quan hệ đời sống nam nữ cần kìm chế ở mức độ vừa phải, chớ có tham lam quá độ.

Vì háo sắc mà Đổng Trác mất mạng

Năm 189 sau công nguyên, cậy có "chiến công" lừng lẫy trong việc đàn áp cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng[1], Đổng Trác đem quân tiến vào Lạc Dương, truất ngôi Hán thiếu đế, lập Hiến đế, một mình độc chiếm quyền hành trong triều. Thấy Đinh Nguyên là vật cản trên con đường chuyên quyền của mình, ông ta mua chuộc Lã Bố để giết Đinh Nguyên.

Từ đó, Đổng Trác quyền nghiêng trời lệch đất, càng tùy tiện, chỉ huy binh lính giết dân vô tội. Hành động tàn bạo của Đổng Trác bị mọi người căm ghét, nội bộ của tập đoàn thống trị bị chia rẽ.

Tư đồ Vương Sung bề ngoài thì làm ra vẻ trung thành với Đổng Trác, nhưng bên trong thì căm thù đến tận xương tủy, luôn luôn muốn trừ khử ông ta,

1. Còn gọi là Hoàng Cân. - ND.

nhưng khổ một nỗi là chưa có ngay kế hay, hậm hực trong lòng. Một buổi chiều tối, Vương Sung đi tản bộ trong vườn hoa phía sau nhà thì bỗng nghe thấy trong bụi có tiếng sụt sịt, ông lấy làm lạ, bước nhẹ lại xem thì ra cô con nuôi Điêu Thuyền đang khóc.

Điêu Thuyền mồ côi cha từ nhỏ, tới phủ của Vương Sung để học ca múa, chẳng những xinh đẹp mà còn rất thông minh lanh lợi, được Vương Sung rất quý mến, lớn lên được Vương Sung nhận làm con nuôi.

Thấy Vương Sung bước tới trước mặt, Điêu Thuyền vội đứng dậy vái chào. Vương Sung hỏi với thái độ yêu thương:

- Việc gì làm con đau lòng mà đêm hôm con ra đây than thở thế này?

Điêu Thuyền đáp:

- Bao năm nay cha coi con như con đẻ, cả đời này kiếp này con cũng không thể trả hết công nuôi dậy của cha, con rất muốn có cơ hội báo hiếu cha. Gần đây con thấy cha có điều gì không vui, như đã xảy ra việc gì lớn, nhưng con không dám hỏi, cho nên đành cứ chập tối lại ra đây cầu nguyện, chia buồn cùng cha.

Vương Sung hết sức ngạc nhiên, không ngờ đứa con nuôi Điêu Thuyền thường ngày chỉ biết nhảy múa đánh đàn mà lại biết lo cho ông, ông bèn hỏi:

- Có thật con nghĩ như thế không?

Thấy Vương Sung có ý lưỡng lự, Điêu Thuyền vội nói:

- Nếu có việc gì có thể giúp cha giải buồn, khỏi lo thì dầu có thịt nát xương tan con cũng không từ ạ!

Vương Sung đỡ Điêu Thuyền đứng dậy, trong lòng rộn lên một ý nghĩ: "Ai dè phục hưng nhà Hán lại nhờ vào con bé!"

Vương Sung dẫn Điêu Thuyền vào nhà, đóng cửa lại, nói:

- Đổng Trác chuyên quyền công việc triều chính, quyền nghiêng trời lệch đất, e rằng giang sơn nhà Hán sẽ rơi vào tay y. Để giữ giang sơn nhà Hán theo mong ước của tiên đế, cách duy nhất là phải mau chóng trừ khử Đổng Trác, việc này chỉ có thể nhờ vào con.

Vừa dứt lời thì Vương Sung không cầm được nước mắt, liên tiếp cám ơn Điêu Thuyền. Điêu Thuyền vội đỡ Vương Sung, nói:

- Chỉ cần cha giao việc, có nhảy vào rừng gươm biển lửa con cũng dám!

Sau đó, Vương Sung căn dặn Điêu Thuyền kế đối phó với Đổng Trác.

Không lâu sau, con nuôi của Đổng Trác là tướng Lã Bố mở tiệc đãi khách, nhân dịp này Vương Sung cử người tới tham dự và mang nhiều thứ quý hiếm tới tặng biếu. Lã Bố thắc mắc không biết vì sao đường đường là người có chức vụ cao như thế mà Tư đồ

Vương Sung lại tặng biếu hậu như vậy cho một Đô úy kỵ binh nhỏ con như mình, bèn quyết định tới thăm Vương Sung vừa để dò xem ý tứ ra sao, vừa để đáp lễ.

Lã Bố tới phủ của Vương Sung, được tiếp đãi rất thịnh tình. Vương Sung tươi cười nói:

- Ngài là anh hùng trong thiên hạ, tôi chỉ được kính trọng qua loa bề ngoài thế thôi, chút quà nhỏ mọn ấy chẳng đáng để tướng quân bận tâm ạ.

Lã Bố vốn là kẻ tham vàng bỏ ngãi, vì thế Vương Sung mới lấy lòng ông ta, mượn tay ông ta để trừ khử Đổng Trác.

Nghe Vương Sung khen, Lã Bố khoái chí, bốc lên, lắm lời. Vương Sung gọi Điêu Thuyền ra chúc rượu. Được trang điểm cẩn thận, Điêu Thuyền đẹp lộng lẫy, khêu gợi, hấp dẫn. Vừa thấy Điêu Thuyền,Lã Bố đực mắt ra, bụng thầm nghĩ: "Không ngờ gầm trời này lại có người đẹp đến vậy!" Lã Bố ngồi ngây người, tới lúc Vương Sung cất tiếng ông ta mới sực tỉnh biết mình thất thố, vội hỏi để chữa thẹn:

- Cô bé này là người như thế nào trong phủ ta?

- Là con gái, Điêu Thuyền đó. - Vương Sung trả lời, vẻ tự nhiên.

Điêu Thuyền chúc rượu Lã Bố. Nàng rót đầy chén rượu, hai tay nâng chén, làm ra vẻ bẽn lẽn mời rượu Lã Bố. Lã Bố vội đỡ chén rượu, liếc nhìn Điêu Thuyền, vừa lúc ấy Điêu Thuyền cũng đưa mắt nhìn Lã Bố,

hai ánh mắt gặp nhau. Thấy vậy, Vương Sung mừng thầm, nói với Điêu Thuyền:

- Con tiếp tướng quân vài chén để tướng quân vui, rồi đây cha con mình phải nhờ cậy tướng quân đó!

Sau đó Vương Sung vời Điêu Thuyền ngồi cạnh mình.

Hai bên mắt đưa đi mày đưa lại, nhưng có mặt Vương Sung thành ra không tiện nói, Lã Bố có phần nôn nao. Thấy thời cơ đã đến, Vương Sung mượn cớ lui ra. Vương Sung vừa ra khỏi, Lã Bố lòng mừng khấp khởi, hỏi hết chuyện này sang chuyện khác, Điêu Thuyền trả lời rành rọt từng câu. Vương Sung trở vào, ra hiệu cho Điêu Thuyền lui ra. Điêu Thuyền hiểu ý, chào Lã Bố và quay về phòng trong.

Lã Bố không kìm lòng được, hỏi Vương Sung:

- Cô bé xinh đẹp quá chừng, không rõ ai có diễm phúc lấy cô làm vợ?

- Cháu vẫn chưa nhận lời đám nào. - Vương Sung nói. - Tôi muốn nhắm tướng quân đây, không biết ý ngài thế nào?

- Dạ, dạ, nhạc phụ đại nhân hãy nhận của thằng rể này một lễ ạ. - Lã Bố mừng hớn hở, vội chắp tay bái lậy Vương Sung.

Vương Sung đỡ Lã Bố dậy, nói:

- Tướng quân khỏi phải lễ, hãy chọn ngày lành tháng tốt đón cháu về làm vợ. Lã Bố lại bái lậy Vương

Sung một lần nữa rồi mới xin phép ra về, lòng mừng khấp khởi.

Lã Bố háo sắc, trúng kế của Vương Sung là phải. Háo sắc thì hại thân đã đành, còn dễ bị người khác lợi dụng.

Hôm sau, sau khi bãi triều, Vương Sung và Đổng Trác đi bên nhau, Vương Sung mời Đổng Trác tới thăm phủ đệ của mình và dùng rượu. Đổng Trác vui lòng nhận lời. Hôm sau nữa, được bọn thị vệ canh gác nghiêm ngặt, Đổng Trác tới phủ đệ của Vương Sung. Vương Sung đón tiếp Đổng Trác rất long trọng. Sau đó, cỗ bàn được bầy ra, chủ khách cùng vào mâm, vừa uống vừa trò chuyện, không khí chan hòa. Vương Sung không ngớt nịnh Đổng Trác công đức lớn lao nhất trần đời. Nghe vậy, Đổng Trác mừng như mở cờ trong bụng, gật đầu liên hồi, tỏ ý tán thành với những lời tâng bốc đó.

Hai người, Đổng Trác và Vương Sung, càng nói càng ăn ý nhau, men say càng nồng. Vương Sung ra hiệu cho nổi nhạc lên, tiếp theo tiếng nhạc là một đôi vũ nữ xuất hiện, xinh đẹp nghiêng nước nghiêng thành, yểu điệu thướt tha, nhất là cô dẫn đầu, đẹp như tiên, khiến Đổng Trác ngây ngất. Ông ta hỏi Vương Sung:

- Cô vũ nữ xinh đẹp kia tên gì vậy?

- Là vũ nữ tôi mới mua về, tên là Điêu Thuyền.

- Chẳng những người đẹp, mà cái tên cũng hay hay. - Đổng Trác khen.

Nhạc vừa dừng, Vương Sung bảo mọi người lui ra, chỉ giữ lại Điêu Thuyền để chúc rượu Đổng Trác. Điêu Thuyền tay nâng chén rượu, chân nhẹ nhàng bước tới chúc rượu Đổng Trác. Đổng Trác cười híp mắt, hỏi:

- Năm nay bao tuổi rồi?

Điêu Thuyền nở nụ cười tủm, không nói. Vương Sung đỡ lời:

- Năm nay đang 16 tuổi, nếu ngài muốn thì đem nó về bên ấy cho nó hầu hạ ngài.

Đổng Trác bụng thì mừng rơn, nhưng ngoài mặt thì vờ từ chối:

- Quân tử không hớt tay trên của người khác, ta làm thế sao được!

Vương Sung nói:

- Nếu ngài không chê thì xin cứ nhận cho, như thế cũng là nâng đỡ tôi đó.

Thấy Vương Sung có vẻ thành tâm, Đổng Trác bèn mượn gió dong thuyền:

- Nếu lại từ chối thì phụ lòng ông, thôi cung kính không bằng tuân lệnh. - Nói rồi, Đổng Trác cười hô hố.

Vương Sung dùng một mũi tên bắn hai con quạ, trước tiên hứa gả Điêu Thuyền cho Lã Bố, sau đó lại hứa cho Đổng Trác. Nhưng sau đó ông cố ý bắn tin cho Lã Bố. Quả là Lã Bố trúng kế, nổi giận đùng đùng, tới trách cứ Vương Sung:

- Ngài đã hứa gả Điêu Thuyền cho tôi rồi, sao lại còn hứa cho Đổng Trác?

Vương Sung ngó trước ngó sau, không thấy ai, bèn nói nhỏ với Lã Bố:

- Ở đây nói không tiện, mời tướng quân về nhà hai ta cùng nói chuyện.

Lã Bố cùng Vương Sung đi về phủ đệ của Vương Sung. Vừa về tới nơi, Lã Bố đã vội hỏi:

- Có người nói rằng chính mắt họ nhìn thấy Điêu Thuyền đang ở trong phủ của Thái sư, có đúng như vậy không?

Thấy Lã Bố đang nổi nóng, Vương Sung không vội trả lời, mời Lã Bố ngồi lại, sai người mời trà, sau đó mới giả vờ nhăn nhó phân bua:

- Mấy hôm trước đây, Thái sư tới đây xơi rượu, đang uống thì ông bảo cho ông xem mặt con gái tôi, tôi khó từ chối, bảo cháu tới chúc rượu Thái sư. Ai dè Thái sư rất thích con bé, bảo rằng đang thiếu người hầu, tạm xin cháu về bên ấy, khi tìm được người ưng ý thì sẽ cho cháu về. Ngài bảo, tôi trái ý Thái sư sao được?

Thấy Vương Sung nói có lý, Lã Bố không trách cứ nữa, xin lỗi ông rồi ra về. Về tới nhà, Lã Bố đứng ngồi không yên, đêm không chợp mắt được. Hôm sau, trời vừa sáng Lã Bố đã kiếm cớ tới phủ Thái sư để nghe ngóng tình hình. Bọn thị vệ bảo rằng, Thái sư có người đẹp mới, chưa ngủ dậy. Lã Bố đau như cắt

ruột, nhưng không dám liều, chỉ đi đi lại lại trong phòng.

Một lát sau, Đổng Trác ra hỏi Lã Bố đến có việc gì, Lã Bố nói bừa rằng nghe nói cha nuôi kiếm được người đẹp mới cho nên đến chúc mừng. Nghe vậy, Đổng Trác khen Lã Bố có lòng hiếu thảo và gọi Điêu Thuyền ra tiếp. Điêu Thuyền làm ra vẻ âu sầu, nhân lúc Đổng Trác không để ý, nàng chỉ tay vào ngực mình, sau đó lại chỉ vào Lã Bố. Lã Bố hiểu ý, lòng đau như cắt. Thấy đã đến giờ chầu triều, Đổng Trác bảo Lã Bố cùng đi. Yết kiến Hoàng thượng xong, Đổng Trác ở lại giải quyết công việc. Nhân cơ hội này, Lã Bố tới gặp Điêu Thuyền.

Hai người vô cùng quyến luyến, vào chỗ vắng, Điêu Thuyền nước mắt lưng tròng, ra vẻ đau khổ muốn chết cho xong:

- Nay được tướng quân, chết thiếp cũng cam lòng. Thiếp vốn muốn được suốt đời hầu hạ tướng quân, nhưng xem ra kiếp này thì không được rồi.

Dứt lời, Điêu Thuyền vờ đi tự vẫn. Lã Bố vội níu giữ lại, sụt sịt nói:

- Nàng cứ yên tâm, ta nhất định sẽ cứu nàng ra khỏi đây. Nếu không, ta thề sẽ không làm người!

Điêu Thuyền ngả vào Lã Bố nói:

- Nếu tướng quân cứu được thiếp ra khỏi đây thì ơn của tướng quân như trời biển. Thiếp không còn bị

vùi dập như thế này nữa. Nếu không cứu được thì chẳng còn hy vọng gì.

Điêu Thuyền càng nói càng ra vẻ đau khổ, nước mắt lưng tròng.

Giữa lúc hai người đang quấn quít bên nhau thì bỗng Đổng Trác bổ về, thấy cảnh này ông ta thét lên, xông tới. Thấy tình thế chẳng lành, Lã Bố bỏ Điêu Thuyền lại, chuồn thẳng.

Đổng Trác đứng ở cửa nhìn theo Lã Bố, mắt long lên sòng sọc. Vừa lúc này mưu sĩ của Đổng Trác tên là Lý Nhu tới, thấy Đổng Trác đang tức giận đùng đùng liền hỏi nguyên nhân. Đổng Trác chẳng nói chẳng rằng quay vào thư phòng. Lý Nhu theo vào, đứng bên. Lúc này Đổng Trác mới nói cho Lý Nhu biết nguyên nhân ông ta tức giận, tuyên bố không giết lã Bố không xong. Lý Nhu khuyên giải:

- Thái sư sao có thể giết người vì một việc nhỏ con này? Điêu Thuyền chẳng qua chỉ là vũ nữ, còn Lã Bố thì lại là một mãnh tướng của triều đình! Không nên để việc nhỏ làm hỏng việc lớn. Theo tôi, thà cứ mượn gió dong thuyền, như thế thì Lã Bố sẽ cảm ơn ngài, suốt đời phụng sự ngài.

Tới lúc này thì cơn tức giận của Đổng Trác giảm một nửa, cảm thấy Lý Nhu nói có lý, vào buồng ngủ hỏi Điêu Thuyền cho rõ ngọn ngành.

Thấy Điêu Thuyền đang khóc, Đổng Trác dỗ dành một hồi, sau đó nói:

- Nếu Lã Bố có ý với nàng thì ta sẽ gây dựng cho hai người.

Vừa nín xong, thấy Đổng Trác nói thế, Điêu Thuyền lại òa lên khóc, nói rằng nàng không có ý gì với Lã Bố mà do ông ta cưỡng ép, nàng thực lòng muốn hầu hạ Thái sư, nếu gả nàng cho lã Bố thì thà chết để Thái sư khỏi phiền lòng. Thấy Điêu Thuyền vừa khóc vừa nói như vậy, Đổng Trác nghĩ rằng cảnh ông ta nhìn thấy không phải là hai người có tư tình với nhau, cơn tức giận cũng tiêu tan hết. Hơn nữa, thấy Điêu Thuyền tỏ ra trung thành như vậy, ông ta càng mừng, hứa với Điêu Thuyền từ nay không để ai ức hiếp nàng. Điêu Thuyền cũng đổi khóc thành cười.

Đổng Trác không hoàn toàn nghe lọt tai lời khuyên của Lý Nhu. Ông ta không đời nào để người đẹp trong tay làm vợ người khác. Nếu lúc này ông ta không bị sắc đẹp quyến rũ, nhường quách Điêu Thuyền cho Lã Bố thì đâu đến nỗi rơi vào họa mất mạng sau này. Mấy giọt nước mắt của Điêu Thuyền làm ông ta quên hết lời khuyên của Lý Nhu. Chỉ những muốn hưởng lạc thì còn kiêng, nhịn được gì kia chứ!

Hôm sau, Vương Sung mời Lã Bố tới nhà tán gẫu, làm như không có chuyện gì đã xảy ra. Lã Bố buồn rười rượi, Vương Sung vờ không hay biết gì, hỏi Lã Bố sao buồn vậy. Lã Bố bèn kể cho Vương Sung nghe tỉ mỉ câu chuyện xảy ra ở phủ Thái sư hôm qua.

Vương Sung cố ý bực tức:

- Không ngờ Đổng Trác lại hoang dâm, ngang ngược đến như vậy, cướp cả vợ của con. Điều này chẳng những làm tôi mất mặt, mà cả tướng quân cũng bị làm nhục.

- Tôi muốn giết lão - Lã Bố phẫn uất. - nhưng e người ta dị nghị, dẫu sao cũng có cái tiếng là cha con.

- Tướng quân nói cũng phải - Vương Sung nói - xem chừng chúng ta đành để cho người ta xỉ nhục thôi.

Thoạt nghe, lời của Vương Sung có vẻ đồng tình với Lã Bố, nhưng thực ra lại là đổ thêm dầu vào lửa. Ông rất biết con người Lã Bố, chẳng những bất chấp tình nghĩa, mà còn hay tự phụ là tay vô địch, chẳng coi ai ra gì, bụng dạ hẹp hòi, tính cách nóng nảy, sao có thể nhẫn nhịn được cái hận bị cướp vợ này?

Quả không sai, Vương Sung vừa dứt lời, lã Bố đập bàn, đứng dậy, tay cầm đốc kiếm, sắc mặt sát khí đằng đằng, nghiến răng nói:

- Nhất định tôi sẽ giết lão ta để trả mối thù bị cướp vợ.

Thấy Lã Bố đã quyết tâm, Vương Sung lại góp lửa, nói:

- Nếu tướng quân giết được Đổng Trác thì chẳng những trả được thù cá nhân, mà quan trọng hơn là còn trừ được họa cho quốc gia, có thể lưu danh ngàn đời.

Lã Bố phủ phục xuống đất bái lậy, tỏ ý nghe theo sự điều khiển của Vương Sung.

Ít ngày sau thời cơ đã đến. Hoàng đế vừa ốm dậy, chuẩn bị dự hội triều để tiếp kiến văn võ bá quan, chúng thần tuân lệnh chầu triều.

Đổng Trác từ phủ Thái sư tới cung Vị Ương, bọn thị vệ đi theo tiền hô hậu ủng, hai bên đường lính sắp hàng đông nghịt. Từ khi Đổng Trác chuyên quyền, chém giết người không ăn cánh, bạo ngược với dân, ông ta biết có nhiều người thù ghét. Để đề phòng bị ám sát, khi ra vào ông ta đều mặc áo giáp. Hôm nay tuy đã được bảo vệ kỹ đến thế, ông ta vẫn hết sức cẩn thận.

Xe của Đổng Trác đi tới giữa đường, người tâm phúc của Vương Sung là Lý Túc ra ám hiệu hành động, và ngay sau đó xông lên tuốt kiếm đâm tới tấp vào Đổng Trác, nhưng không ngờ áo giáp quá cứng, kiếm đâm không thủng. Đổng Trác ở trên xe nhanh chóng đứng dậy, đánh Lý Túc ngã xuống đất. Lúc này, một người khác vác mác xông lên chém Đổng Trác. Đổng Trác tránh được. Tình hình nguy cấp, Đổng Trác gào thét gọi Lã Bố tới cứu. Lã Bố thét lớn:

- Thánh thượng xuống chiếu giết bỏ gian thần Đổng Trác.

Chưa dứt lời, Lã Bố giơ kích đâm vào cổ họng Đổng Trác, Lý Túc cũng kịp lao tới chém đầu Đổng Trác.

Nguyên nhân Đổng Trác bị giết: một là chuyên quyền bạo ngược, khiến nhiều người căm phẫn; hai

là nội bộ tập đoàn thống trị tranh giành quyền lực, làm hại lẫn nhau. Nguyên nhân sau là nguyên nhân căn bản.

So sánh lực lượng bấy giờ thì Vương Sung yếu, Đổng Trác mạnh, chệnh lệch nhau rất nhiều. Nếu dùng vũ lực để loại trừ Đổng Trác thì rất khó đạt được mục đích, Vương Sung chuyển sang sử dụng sách lược chia rẽ nội bộ thế lực Đổng Trác, sử dụng Điêu Thuyền để gây ra mâu thuẫn giữa Đổng Trác và Lã Bố, tranh thủ Lã Bố.

Vương Sung đã lợi dụng đúng nhược điểm đa dâm háo sắc, lấy đó làm đột phá khẩu để đạt tới mục đích cuối cùng.

Hồng Thừa Trù háo sắc, làm mất khí tiết

Đời nhà Minh, năm Sùng Chinh thứ 14, quân nhà Thanh đánh bại quân nhà Minh ở Cẩm Châu, bắt sống tướng nhà Minh Hồng Thừa Trù.

Thái Tông nhà Thanh có dã tâm thôn tính Trung Nguyên từ lâu, nay muốn dùng Hồng Thừa Trù mở đường, cho nên, cử một thuyết khách khuyên Hồng đầu hàng. Hồng Thừa trù là một danh sĩ cứng đầu cứng cổ, có tinh thần đại nghĩa, một mực cự tuyệt, hơn nữa còn tuyệt thực để nêu cao ý chí.

Thái Tông thấy không còn cách nào khác, buồn bực về cung nghỉ ngơi. Hoàng hậu hỏi:

- Bệ hạ đánh bại quân Minh, nức tiếng gần xa, cớ sao lại buồn rầu làm vậy?

- Bọn đàn bà các ngươi biết gì quốc gia đại sự! - Thái Tông nói.

- Có phải là vì chưa chinh phục được Trung Nguyên không?

- Hoàng hậu quả là thông minh, vừa nói đã trúng ý ta. Vì muốn chinh phục Trung Nguyên nên mới muốn dụ hàng tướng Minh Hồng Thừa Trù để y cầm quân mở đường. Nhưng y nhất quyết không đầu hàng.

- Làm gì có kẻ ngốc không đầu hàng - Hoàng hậu nói - ép không được thì dụ dỗ sẽ được!

- Rất khó, rất khó - Thái Tông lắc đầu lia lịa - Dùng cả rồi, càng ngày y càng cứng đầu, dùng cả mỹ nhân kế cũng không được. Y coi thường phụ nữ nước ta.

Quả là Hồng Thừa Trù là tướng cứng đầu, sẵng, ngọt đều bó tay, Thái Tông nhà Thanh phát ớn. Nhưng Hoàng hậu thông minh kia rất biết nhược điểm của đấng mày râu trên đời này. Hoàng đế và Hoàng hậu thì thầm một hồi, tiếp đó tình hình có thay đổi.

Hoàng hậu trang điểm cẩn thận, chập choạng tối bà mang một cái ấm bí mật đi tới phòng giam. Thấy Hồng Thừa Trù đang ngồi ngay ngắn, hai mắt nhắm, vẻ mặt nghiêm nghị, Hoàng hậu thỏ thẻ tiếng oanh vàng:

- Ngài là tướng Hồng phải không?

Hồng Thừa Trù là một anh hùng, không dao động trước bất kỳ sự dọa nạt hoặc dụ dỗ, duy chỉ có điều là rất mẫn cảm khi đứng trước phụ nữ có giọng nói dịu dàng, êm ái. Ông ta bất giác mở mắt, thầm thốt lên: chà, sao có người đẹp đến thế!

Nhưng Hồng Thừa Trù đanh mặt lại, hỏi:

- Ngươi là ai? Kẻ nào bảo ngươi tới đây? Có việc gì?

Hoàng hậu nhoẻn miệng cười duyên, chào, dịu dàng nói:

- Thưa tướng quân, thiếp biết tướng quân rất mực trung thành, tuyệt thực để nêu cao ý chí, thật là phi thường! Chết vì nước thì có gì đáng sợ!

Hoàng hậu thông minh đưa ánh mắt quyến rũ về phía Hồng Thừa Trù, nói tiếp với vẻ vừa trịnh trọng vừa dịu dàng:

- Ngài đừng thắc mắc, thiếp tới đây với tấm lòng thành, muốn cứu ngài thoát ra khỏi biển khổ.

Hồng Thừa Trù lại tỏ vẻ cứng rắn:

- Cái gì! Cứu ta? Muốn khuyên ta hàng? Không đời nào, hãy câm mồm đi!

- Thưa tướng quân, chớ có khinh thiếp. Tuy là phận nữ, nhưng thiếp cũng biết đâu là đại nghĩa. Thiếp khâm phục tướng quân anh dũng tuẫn tiết, trung thành, đâu dám làm tướng quân nhụt chí.

- Vậy ngươi đến đây làm gì?

- Kìa, thưa tướng quân, thiếp đã chẳng nói rồi? Thiếp tới đây cứu tướng quân - Hoàng hậu nói với giọng thông cảm, như rót vào lòng người - Tướng quân tuyệt thực để chờ chết sao? Nhưng tuyệt thực thì sau 7 - 8 ngày mới tắt thở. Thiếp đã làm một liều thuốc độc để biếu tướng quân, nếu vẫn cứ muốn chết, thì chết vì tuyệt thực và chết vì thuốc độc có gì khác nhau đâu? Nếu tướng quân sợ chết thì thôi, còn như nếu không sợ chết thì hãy uống liều thuốc độc này, như thế chẳng phải là giảm được đau khổ trước khi chết sao?

Dứt lời, Hoàng hậu trao ấm thuốc cho Hồng Thừa Trù.

Đứng trước cú đòn vừa đấm vừa xoa, vừa đẩy vừa đỡ này, Hồng Thừa Trù không tự chủ được nữa, cầm lấy ấm thuốc, nói:

- Đưa đây! Ta uống! Không sợ chết thì sợ chi thuốc độc!

Hồng Thừa Trù đưa ấm lên miệng uống liền một hơi, không ngờ bị sặc, ho lấy ho để, nước thuốc bắn ra tứ tung, bắn ướt cả quần áo của người đẹp.

Hồng Thừa Trù vội xin lỗi. Người đẹp Hoàng hậu làm như không có chuyện gì, cười nói tự nhiên, rút chiếc khăn thoang thoảng hương thơm ra lau, nguýt Hồng Thừa Trù một cái, nói:

- Xem chừng số của tướng quân chưa chết!

- Ta quyết chí chết, có chết mới cam lòng!

- Có thể gọi tướng quân là anh hùng cái thế, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Quả là anh hùng! Đáng khâm phục - dừng giây lát, Hoàng hậu nói tiếp - Nhưng, thiếp muốn nói với tướng quân điều này. Tướng quân tuẫn tiết vì nước, đi sang thế giới bên kia, vất lại vợ con, để họ ngày đêm đau khổ, nhớ thương, vò võ thờ chồng, biết bao giờ nguôi? Là người đa tình, tướng quân nỡ nào nhắm mắt làm ngơ, không nghĩ tới ngày về đoàn tụ?

Bị đánh vào tình cảm, Hồng Thừa Trù chua xót muôn phần, nghĩ rằng thuốc độc đã uống rồi, cái chết cận kề rồi, nước mắt trào ra, thở dài ngao ngán:

- Sự thể đã đến nước này thì còn nói chi được nữa? Chao ơi, anh hùng một nắm xương khô, vợ con thương nhớ bao giờ nguôi ngoai![1]

Lời than này cho thấy thế giới nội tâm của Hồng Thừa Trù đã bắt đầu thay đổi, quyết tâm coi cái chết nhẹ như lông hồng đã bắt đầu dao động. Bao lần tra hỏi, đe dọa, thuyết phục, dụ dỗ vẫn không lay chuyển được quyết tâm của Hồng Thừa Trù, nhưng chỉ vài câu đối đáp như thế của người đàn bà đã làm cho ông

---

1. Trích thơ của Trần Đào, đời Đường, nguyên văn: khả liên Võ Định hà biên cốt, do thị xuân khuê mộng lý nhân. Chúng tôi tạm dịch. - ND.

ta do dự. Hoàng hậu thông minh đã nhận ra điều đó, bà ta khích:

- Tuẫn tiết vì nước tướng quân có thể được coi là trung trinh bất khuất, nhưng theo hiếp thì lại là ngốc hết chỗ nói.

- Sao, theo bà thì thất tiết đầu hàng cũng là anh hùng hảo hán?

- Thưa tướng quân, thiếp không nói tướng quân. Là trụ cột của quốc gia, nhà Minh trông cậy vào tướng quân. Chết như vậy thì tướng quân được một cái hư danh, nhưng có ích chi cho đất nước? Nếu là thiếp, thiếp sẽ nhẫn nhục, chờ cơ khôi phục. Nhẫn nhịn vì việc lớn, chờ cơ đền ơn vua thì không phụ lòng vua, không phụ lòng dân chúng.

Hồng Thừa Trù chờ chết, nhưng tim đang hồi hộp, vừa say vẻ đẹp vừa phục trình độ hiểu biết của người đàn bà trước mặt, máu trong người râm ran, lòng nôn nao, phấp phỏng, cơn thèm khát đang dâng lên.

Bà ta lại nói:

- Nếu chết thì tướng quân có muốn nhắn nhủ điều gì cho gia đình không? Hai ta gặp nhau ở đây, âu cũng là duyên phận, thiếp có trách nhiệm truyền lại lời nhắn nhủ ấy.

Hồng Thừa Trù lại chảy nước mắt, bà ta lại lấy chiếc khăn thoang thoảng hương thơm ra, dướn thân áp tới lau nước mắt cho Hồng Thừa Trù và nói:

- Tướng quân đừng đau lòng, ướt hết áo rồi đây này. Chao ôi, thiếp cũng không rứt khỏi tướng quân được rồi.

Một làn hương thơm ùa vào mặt Hồng Thừa Trù, mặt ngọc mày ngài, dáng điệu yêu kiều làm ông ngây ngất, không còn nghĩ tới chết nữa, ôm bà ta vào lòng, nói:

- Nếu thuốc độc chậm ngấm, chết dưới hoa mẫu đơn thì có làm ma cũng danh giá.

Thế là phiến đá rêu xanh được dùng làm giường oanh yến, áo lượt là khăn đoạn gấm làm màu uyên ương, ngây ngất chẳng hay trời mưa nắng, lúc này không có tiếng còn hơn có tiếng!

Một vị anh hùng hào kiệt bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, xông pha nơi chiến trường, tuẫn tiết dưới lưỡi gươm mũi giáo, thế mà bị trói chặt bằng cái váy của đàn bà.

Ngày hôm sau, tướng quân hiển hách, đại thần kinh lược Hồng Thừa Trù, từng được cả nước ngưỡng mộ, nhà Đại Minh trông cậy, vào cung yết kiến Thái Tông nhà Thanh.

Dùng thanh, sắc làm vũ khí để đánh bại quân của địch hay tướng lĩnh riêng lẻ của địch, có thể nói là trăm lần thử trăm lần thành công. Ham thanh háo sắc có khi là cái thói bẩm sinh. Trong lịch sử được mấy người như Quan Vân Trường không bị Tào Tháo khuất phục bằng tiền tài, gái đẹp, giữ gìn tiết tháo

tới cùng. Không tự khép mình, tránh ham thanh háo sắc chỉ tổ làm nhọ bẩn thanh danh.

7. Tránh lười nhác, phải tích cực cầu tiến

Đời người chẳng được mấy gang, mấy ai sống được trăm năm; trời đất là nhà trọ tạm thời; thời gian là khách vãng lai vĩnh cửu. Nếu không tỉnh táo, buông thả, ăn chơi hưởng lạc, sẽ có ngày vui quá hóa buồn, héo hon như cây cỏ bị nắng hạn.

Đời người có hạn, chỉ được mấy chục năm, nếu buông thả, chỉ lao vào hưởng thụ, không chịu phấn đấu, thì chẳng làm nên việc gì. Thời trẻ không cố gắng, lúc lớn tuổi hối tiếc cũng không kịp.

Thích an nhàn, hưởng lạc thì chẳng khác nào tự hủy sự nghiệp. Sống trong cảnh êm ấm, khoái lạc, người ta dễ quên mất hoạn nạn đang rình rập, ý chí bị hao mòn, không cầu tiến, được sao hay vậy, không phấn đấu vươn lên. Bởi vậy, người xưa ví thói thích an nhàn hưởng lạc là uống rượu có thuốc độc, vị rượu tuy ngon nhưng sẽ đẩy con người vào chỗ chết.

Tránh lười nhác thì một là phải quý trọng thời gian, làm được nhiều việc trong cuộc đời ngắn ngủi. Trong cuộc đời binh đao của mình, Tào Tháo có viết bài "Đoản ca hành", trong đó có đoạn: "Nâng chén rượu cất cao lời ca, ôi đời người nào được bao năm, nó giống như giọt sương buổi sáng, chỉ tiếc rằng đã có bao ngày qua đi không khi nào trở lại". Có bài thơ

cổ viết: "Nhân sinh mãn bách, thường hoài thiên tuế ưu",[1] cũng nói với chúng ta rằng cuộc đời chỉ ngắn ngủi thôi. Chỉ lao vào ham chơi, hưởng lạc thì không thể tác thành bất kỳ sự nghiệp nào.

Hai là, phải tích cực cầu tiến, nếu không sẽ như Khổng Tử nói trong sách "Luận ngữ": "Ăn no mặc ấm, sống an nhàn mà không được giáo dục thì chẳng khác với cầm thú là bao". Ăn ngon mặc đẹp, nhưng suốt ngày không làm việc gì thì ý chí sẽ hao mòn, cách chỗ thoái hóa thành con sâu mọt ăn hại xã hội không còn bao xa, bị mọi người chán ghét. Mọi người đều biết, vận động là thuộc tính căn bản của sự vật, con người cũng vậy. Trong sách "Dưỡng sinh khải mông" Tôn Tử Mạc đời Đường viết: "Nước không trở thành nước tù, cơ thể con người không bị mọt ruỗng, đó là do vận động. Không thể buông thả dục vọng, buông thả sẽ gây ra tai họa". Sinh mệnh sở dĩ là sinh mệnh là vì nó vận động. Vận động, làm việc, không ngừng phấn đấu, như thế mới có thể tiến lên mãi mãi.

Thời Tam Quốc, có một lần Lưu Bị ngồi cùng Lưu Biểu, khi Lưu Bị từ nhà vệ sinh về tự nhiên ông khóc, Lưu Biểu lấy làm lạ hỏi nguyên nhân vì sao. Lưu Bị nói: "Trước đây thường xuyên cưỡi ngựa, mỡ ở đùi bị tiêu hết; bây giờ không cưỡi ngựa nữa, mỡ lại phát triển. Thời gian trôi đi như nước chảy, già tới nơi rồi.

---

1. Nghĩa là: Đời người chẳng được trăm năm, nhưng người ta lại thường buồn vì không được sống ngàn năm. - ND.

Nhưng sự nghiệp chưa ra đâu vào đâu, vì thế tôi cảm thấy đau lòng".

Đời nhà Tấn có một người tên là Đào Khản, tên chữ là Sĩ Hạnh, vốn quê ở Phiền Dương, sau chuyển tới Tầm Dương. Thời trẻ Đào Khản sống cô đơn, nghèo khổ. Phạm Quỳ giới thiệu với Thái thú vùng này cho ông làm văn thư, sau thăng lên chức Thích sứ Quảng Châu. Hàng ngày, cứ sáng sớm ông chuyển 100 cái vò ra ngoài nhà, chập tối lại chuyển vào trong nhà. Có người hỏi tại sao lại làm như thế, ông trả lời: "Ta đang chuẩn bị để thu phục Trung Nguyên, quá nhàn rỗi thì e rằng rồi đây không gánh vác nổi nhiệm vụ, vì thế phải thường xuyên lao động". Sau này, Đào Khản thống lĩnh 8 châu, thanh danh hiển hách.

Lưu Bị và Đào Khản đều nhận thức được rằng phải tránh đời sống an nhàn thì mới làm nên việc lớn, vì thế họ mới tự giác tự khép mình. Từ xa xưa người ta đã nhận thức được rằng ham thích an nhàn thì sẽ không có lý tưởng và ý chí lớn, sợ gian khổ, sợ khó khăn, quen thói nhút nhát, khi va vấp thì sờn lòng nản chí. Vậy thì lập thân sao được! Suốt ngày chìm đắm trong nếp sống an nhàn, say sưa hưởng thụ thú vui thì căn bản không thể rèn được ý chí kiên cường, hơn nữa còn có khả năng gây ra tai họa. Do vậy, phải tránh lười nhác, ham nhàn hạ, khắc phục gian khổ để phấn đấu vươn lên thì mới làm nên việc lớn.

Lưu Bị thôi hưởng lạc để lo việc lớn

Lưu Bị có một bà vợ họ Cam rất xinh đẹp, thướt tha yêu kiều.

Khi làm Thái thú Từ Châu, thấy bà Cam xinh đẹp, bèn lấy làm thiếp. Sau này, sau khi vợ cả mất sớm, ông đưa bà Cam lên làm bà cả. Do Cam phu nhân xinh đẹp một cách tự nhiên, lại có làn da trắng nõn nà, Lưu Bị rất say mê, không phút nào xa rời. Có một người biếu ông một pho tượng người bằng ngọc cao ba thước, trông như người thật, đẹp lộng lẫy. Ông rất thích, đem để ở phòng Cam phu nhân, để hai bên tôn thêm vẻ đẹp của nhau. Dưới con mắt của ông, hiện ông đã có nước Ba Thục, mọi công việc đều do Thừa tướng Gia Cát lo liệu, không cần lo ngại. Do vậy, ông thường một tay ôm Cam phu nhân vào lòng, một tay mân mê pho tượng ngọc, miệng ngâm nga: "Tượng ngọc tượng quý, đức như quân tử, chẳng khác gì người, không chơi sao được!" Ngâm nga như thế là để kiếm cớ ham chơi tượng ngọc. Nhưng Cam phu nhân không yên lòng. Không yên lòng chẳng phải vì ghen, mà vì nếu cứ như thế thì việc Phục hưng cơ nghiệp nhà Hán thành công sao được?

Cam phu nhân rất hiểu Lưu Bị. Bà biết rằng, phải trải qua phấn đấu gian nan lâu dài, một người quê mùa chuyên bán dép cỏ như Lưu Bị mới có được Tây Xuyên, lập nên chính quyền Thục Hán. Đây là điều đáng mừng, nhưng chỉ là bước đầu, còn phải phấn đấu hơn nữa. Kế hoạch của Lưu Bị là phục hưng nhà

Hán, diệt Tào Tháo, chiếm Đông Ngô, thống nhất thiên hạ. Nhưng từ ngày lập nên chính quyền Thục Hán, Lưu Bị ngày càng ham thích cuộc sống yên bình, không thích nghe lời khuyên nhủ, thậm chí còn nuông chiều những kẻ a dua, ý chí sa sút. Nếu cứ tiếp tục thế này thì sao có thể thực hiện được chí lớn: thu phục bốn phương, phục hưng nhà Hán? Cam phu nhân lo lắng. Đã nhiều lần bà định lẳng tượng ngọc đi, nhưng lại e Lưu Bị buồn, mấy lần định khuyên can, nhưng thân phận nữ nhi không được can dự vào công việc triều chính, nói thẳng không tiện. Về sau, từ tượng ngọc bà nhớ tới điển cố thời Xuân Thu: "Tử Hãn coi ngọc là của quý", bà dựa vào điển cố này để lấy chuyện thời xưa ví chuyện đời nay, khuyên can, thuyết phục Lưu Bị. Một hôm, hai vợ chồng rỗi rãi. Cam phu nhân nói:

- Thiếp vừa mới đọc một câu chuyện cổ kể rằng, đời nhà Tống, có một người kiếm được một viên ngọc đem biếu Tử Hãn. Nhưng Tử Hãn từ chối, không nhận, cũng chẳng thèm để mắt tới việc ngọc. Người biếu nói: "Viên ngọc này hình người, rất quý hiếm, cho nên tôi mới dám biếu ngài". Tử Hãn nói: "Bình sinh tôi không ham của quý, còn ngài thì xem ngọc là của quý. Nếu cho tôi viên ngọc này thì tôi và ngài đều mất của quý. Ngài mất viên ngọc quý, tôi mất của quý là đức liêm khiết. Vì thế, việc Tử Hãn không coi ngọc là của quý được lan truyền thành giai thoại thời Xuân Thu - thấy Lưu Bị tỏ ra thích thú, Cam phu nhân nói tiếp - Nay chưa diệt được Tào Tháo,

chưa lấy được Đông Ngô, thế mà Bệ hạ luôn tay mân mê viên ngọc. Bệ hạ nên biết rằng, buông thả, đam mê sẽ gây ra biến cố đó, chớ có tiếp tục thế mãi.

Là người có chí lớn, Lưu Bị cũng biết ông đã nảy sinh tư tưởng an nhàn hưởng lạc. Vì vậy, sau khi nghe Cam phu nhân khuyên can, ông cho bỏ tượng ngọc đi, loại bỏ hết kẻ tiểu nhân gian nịnh, ra sức thực hiện kế lớn.

Trần hậu chủ để mất nước vì ham chơi, thoái chí

Trần Hậu Chủ là Hoàng đế cuối cùng của họ Trần thời kỳ Nam Bắc triều. Trong 7 năm ông ta trị vì, chỉ có một thời gian rất ngắn có được tình hình chính trị tương đối sáng sủa. Có lẽ tự ông ta cho rằng triều Trần đã vững như bàn thạch,không cần thực hiện câu châm ngôn "lúc yên phải nghĩ tới lúc nguy"; cũng có lẽ do bị bọn lộng thần quanh mình mê hoặc, cho nên ông ta không còn thức khuya dậy sớm nữa, sống buông thả với tửu sắc, chẳng bao lâu đã trở thành một tên hôn quân, sức sống khi mới lên ngôi đã tan biến hết.

Hoàng hậu Hậu Chủ là Thẩm Vụ Hoa, cha bà là Nghi đồng tam ty Thẩm Quân Lý, mẹ là công chúa Kê Mục, con gái của Trần triều khai quốc Hoàng đế Trần Bá Tiên. Bà đoan trang, hiền lành, phúc hậu, thông minh nhanh nhẹn, có trí nhớ tốt, đọc thông kinh sử, làm công tác văn thư, nhưng Hậu Chủ đối xử với bà rất lạnh nhạt. Khi Hậu Chủ lên ngôi bị

Vương Thúc Lăng ở quận Thủy Hưng chém bị thương, nằm chữa bệnh ở Thừa Hương Các, Hoàng hậu và các tỳ thiếp đều bị gạt ra ngoài, chỉ có Quý phi Trương Lệ Hoa được chăm sóc hầu hạ Lệ Hoa dựa vào đó nắm quyền ở hậu cung.

Năm Chí Đức thứ hai, Hậu Chủ cho xây ở trước điện Quang Chiếu ba công trình: Lâm Xuân các, Kết Khởi các, Vọng Tiên các, mỗi cái cao hàng chục trượng, dài hàng chục gian, cửa, tường ốp, mái hiên, lan can đều bằng gỗ trầm hương, thiếp vàng, khảm ngọc trai, ở ngoài treo rèm châu, trong xếp giường chạm rồng dát ngọc, bầy đồ trang trí mới lạ chưa từng có. Mỗi khi thoảng gió hương thơm bay xa ngàn dặm. Ngoài sân đào hồ, xây hòn non bộ, trồng hoa quý cây lạ. Hậu Chủ ở trong Lâm Xuân các, Trương Quý phi ở Kết Khởi các, hai cung tần Cung, Khổng ở trong Vọng Tiên các, giữa ba nơi có đường đôi đi lại rất thuận tiện.

Ngoài mấy vị phi, tần nói trên ra còn có hai mỹ nhân Vương, Lý, các thục nữ Viên Chiêu Nghi, Hà Tiệp Hiếu, đều được yêu chiều. Mỗi lần Hậu Chủ mở yến tiệc các phi tần và nữ học sĩ đều được lệnh làm thơ đối đáp nhau, sau đó chọn bài hay phổ thành bài hát, chọn ra hàng nghìn cung nữ tập hát, từng tốp hát mua vui cho Hoàng đế. Bài thường hát là "Ngọc thụ hậu đình hoa", "Lâm Xuân lạc", phần lớn đều là ca ngợi vẻ đẹp kiều diễm của Trương Quý phi, Khổng Quý phi, như "mặt trăng đêm nào cũng tròn, cây

quỳnh sớm nào cũng tươi. Quần thần thường ăn uống, chơi bời thâu đêm suốt sáng.

Trương quý phi vốn là con một viên võ tướng, nhà nghèo, làm nghề dệt chiếu. Khi mới vào cung là thị tỳ của Cung quý phi, vừa thấy Hậu Chủ đã mê ngay, yêu chiều không ai bằng, liền lấy và phong làm quý phi, sinh Thái tử Thâm. Trương quý phi tóc dài 7 thước, bóng mượt như tơ, nét mặt xinh tươi, càng nhìn càng quyến rũ. Hàng ngày bà ta ngồi dưới hiên Kết Khởi các để trang điểm, ở ngoài nhìn vào đẹp như tiên.

Trương quý phi còn giỏi bắt nét mặt, có bùa phép. Mỗi khi Hậu Chủ tổ chức yến tiệc, bà ta cử các cung nữ tham gia. Họ cảm kích, khen hết lời. Bà ta còn hay giở trò đồng bóng, tổ chức lên đồng ở trong cung, gọi các cô đồng vào cổ vũ. Từ đó Hậu Chủ trễ nải công việc triều chính, mọi việc đều phải qua tay Thái giám Thái Thoát Nhi, Lý Thiện Độ rồi mới được tâu lên vua, Hậu Chủ ôm Trương quý phi vào lòng cùng định đoạt. Việc nào Thái giám Thái, Lý không nhớ được, Trương quý phi đều nhắc nhở, không sót việc nào.

Trương quý phi tìm mọi cơ hội để can thiệp vào công việc triều chính. Trong ngoài triều đình có dư luận gì, có việc gì lớn, bà ta cho người đi nghe ngóng trước rồi báo cho Hậu Chủ. Khi các đại thần tấu lên thì đúng như bà ta đã báo. Thấy bà ta chân không rời cung mà tỏ tường mọi việc, Hậu Chủ càng yêu

chiều. Thế là các Thái giám, nịnh thần cấu kết với nhau; hoàng thân, quốc thích, quý tộc làm bừa bất chấp phép nước; tệ mua quan bán tước, hối lộ diễn ra trắng trợn, thưởng phạt không công minh; thậm chí hậu cung phạm pháp, nhưng Trương quý phi nói với Hậu Chủ vài câu, thường được cho qua.

Hậu Chủ đam mê tửu sắc, trễ nải công việc triều chính, khiến những người ngay thẳng trong triều bất bình. Đại thần Ma Hỷ Lũ nhiều lần can gián, bị đẩy ra khỏi triều đình. Tướng hữu vệ kiêm Trung thư thông sự Phó Tể tỏ ý bất bình đối với việc Thí Văn Khánh, Thẩm Khách Hương nghênh ngang ngạo ngược, chuyên quyền độc đoán, bị Thi Văn Khánh vu cáo nhận hối lộ của sứ thần Triều Tiên, rồi bị tống ngục.

Ở trong tù, Phí Tể dâng sớ can gián: "Bệ hạ đam mê tửu sắc vô độ, không tôn kính tông miếu, khuất phục con quỷ hoang dâm; bọn tiểu nhân ở kề bên cạnh, Thái giám lộng quyền, kẻ ác coi trung thần là kẻ địch, coi dân như rơm rác; hậu cung không thiếu gấm vóc lụa là, chuồng ngựa có thừa thóc gạo, dân chúng đói rách tha phương. E rằng nghiệp đế Đông Nam tới đây chấm dứt".

Hậu Chủ đùng đùng nổi giận, đốt sớ. Khi bớt giận ông ta cho người nói với Phó Tể rằng, Hoàng đế định xá tội cho Phó Tể, vậy ông có tự sửa sai không? Phó Tể đáp: "Lòng dạ của thần giống như cái mặt của thần, nếu sửa được cái mặt của thần thì có thể sửa

được cái lòng của thần". Hậu Chủ ra lệnh cho Phó Tể chết ở trong tù.

Năm Trinh Minh thứ nhất, Chương Hoa, người ở Ngô Hưng dâng sớ tâu: "Bệ hạ lên ngôi đã được năm năm mà không hề nghĩ tới trách nhiệm nặng nề của người làm vua, không sợ mệnh trời, chìm đắm trong vòng tửu sắc. Mồ mả tổ tiên không hề ngó ngàng tới, để cho phi tần can dự vào việc triều chính, gạt bỏ trung thần như rơm rác, kẻ gian ngoan xiểm nịnh được làm ông to bà lớn trong triều. Nay sơn hà nguy cấp, quân nước Tùy áp sát biên giới, nếu bệ hạ không mau sửa đổi thì sẽ dẫm lên vết xe đổ ở đài Cô Tô".[1] Sau khi nhận được sớ, Hậu Chủ ra lệnh trảm đầu Chương Hoa. Các đại thần trong triều thấy Hậu Chủ ăn chơi trác táng, cự tuyệt lời khuyên, chuộng lời thị phi, họ đều khôn ngoan giữ mình, giữ mồm giữ miệng. Một đất nước tươi đẹp, yên vui như thế bị Hậu Chủ đẩy vào cảnh nguy ngập. Việc nhà Tùy tiến công tiêu diệt nhà Trần chỉ còn là vấn đề thời gian.

8. Tránh ghen tị, phải có tấm lòng cao cả

Sách "Tư trị thông giám" chép: thời Huệ đế triều Tây Hán có một bà Hoàng hậu vô cùng tàn bạo, độc ác tên là Cổ Nam Phong. Do Hoàng đế đần độn, cho nên bà ta càng chuyên quyền. Khi còn là vợ Thái tử

1. Ý nhắc tới việc Thái tử nước Ngô bị nước Việt đánh bại tại núi Cô Tô ở tây nam thành phố Tô Châu. - ND.

mà chỉ vì ghen ghét bà ta đã đích thân giết mấy viên quan, dùng kích ném vào bụng mỹ nữ có thai, dùng dao mổ bụng, thai nhi khóc thét rơi xuống đất cùng máu mê đầm đìa. Biết tin này, bố chồng bà ta, Hoàng đế Tư Mã Viêm bấy giờ, tức điên lên, ra lệnh tống giam mụ đàn bà ghen tuông độc ác này. Bấy giờ, nhiều Đại thần và Hoàng hậu Dương Chỉ đều dâng sớ cứu bà ta, nói rằng: "Cổ Nam Phong tuổi còn nhỏ, ghen tuông là tâm lý bình thường của đàn bà, ít năm nữa rồi sẽ sửa được". Hoàng hậu Dương Chỉ, vợ Tư Mã Viêm, còn nói: "Cổ Nam Phong là con gái yêu của Cổ Sung. Cổ Sung là người có công lao lớn với đất nước. Cổ Nam Phong giết cung nữ là sai, nhưng vì còn quá trẻ, dễ ghen tuông, dù sao thì cũng không thể quên công lao của người bố đối với triều đình, hãy tha cho cô ta lần này". Nhờ vậy Cổ Nam Phong mới không bị phế và tránh được hậu họa ê chề.

Những người ghen tị đều như thế cả. Nói chung, người Trung Quốc muốn mọi người sàn sàn như nhau, anh như thế tôi cũng phải được như thế, nếu không "súng bắn ngựa đi đầu". Câu thành ngữ này có ý nói rằng, những người có tài năng nổi trội hoặc có thành tích nổi bật thường dễ trở thành đối tượng bị đả kích. Người xưa nói: "cây cao hứng gió". Tức là, ai nổi lên ở mặt nào đó thường bị công kích, chế nhạo, chỉ trích, thậm chí còn bị kẻ ghen tị giăng dây cản đường, gây sức ép vô hình, khiến họ làm người tốt thì khó, làm xong việc phải trả giá cao. Có thể nói, ghen tị là tâm lý vô cùng tai hại trên đời. Kẻ ghen tị lạc vào con

đường nhân sinh hẹp hòi, tâm lý hèn hạ, xấu xa; người bị ghen tị bị thiệt hại không đáng có.

Trong đời sống và công việc hàng ngày, ở đâu, lúc nào cũng có hiện tượng ghen tị. Hiện tượng ghen tị cũng xảy ra giữa bạn bè, đồng sự, bạn học, thậm chí giữa anh chị em. Sống và làm việc trong môi trường xã hội, môi trường gia đình khác nhau, người ta nhận được sự đồng cảm khác nhau của xã hội và của người khác. Cùng sống, làm việc với nhau, tất nhiên người ta sẽ so sánh lẫn nhau, thấy người khác có tài năng, thành công, địa vị, tiếng tăm hơn mình, nếu không kìm chế, người ta sẽ sinh ra tâm trạng buồn phiền, ấm ức, ghen tị.

Quả là một việc khó, nếu khuyên người ta kìm chế tâm trạng ghen tị khi thấy người khác hơn mình. Thấy người khác hơn mình ở mặt nào đó thì tự nhiên sẽ mất thăng bằng về mặt tâm lý, không thoải mái, nhất là vào lúc ấy lại gặp một số khó khăn thì không chỉ còn là ghen tị nữa, thậm chí có người trả giá quá đắt cho chuyện đó. Dùng thủ đoạn không chính đáng để đả kích người khác thì bản thân mình cũng bị thiệt hại không kém. Do vậy cần phải kìm chế tâm lý ghen tị. Kìm chế tâm lý ghen tị là phải thừa nhận một cách đúng đắn thành tích của người khác, không tự ti. Đánh giá người khác, tự đánh giá mình một cách đúng đắn để từ đó kìm chế, tránh tâm lý ghen tị. Khi nói về kìm chế tâm lý ghen tị, người xưa nói rằng: "Quân tử đặt đức công bằng chính nghĩa lên trên dục

vọng cá nhân, cho nên họ có lòng thương yêu người. Bọn tiểu nhân lấy dục vọng cá nhân thay cho đức công bằng chính trực, cho nên thường đem lòng hại người. Có lòng yêu thương người thì sẽ coi tài năng của người khác cũng như tài năng của mình. Đem lòng hại người thì ghen tị với tài năng của người khác. Đàn ông làm quan trong triều thì bị kẻ khác ghen tức; đàn bà vào làm cung nữ thì kẻ khác suy bì. Đời nhà Hán có bi kịch "nhân phệ"[1]; đời Đường có chuyện sợ "nhân miêu";[2] Tiêu Dịch vì ghen tị tài năng mà đầu độc Lưu Chi Lân; đời Đường, Khổng Dĩnh Đạt vì bị ghen tị mà bị mưu sát; Vương Tăng Kiều nhờ tự chê chữ mình xấu mà thoát chết; Tuyết Đạo Hành chỉ vì một câu thơ mà bị giết. Chao ôi, không nhẫn nhịn sao được!"

Sách "Thượng thư. Tần thệ" chép: "Người ngay thẳng tuy không có tài năng gì đặc biệt nhưng có tấm lòng lương thiện, rộng lượng thì anh ta coi tài năng của người khác như tài năng của mình, chân thành ngưỡng mộ nét đẹp đạo đức của người khác. Loại người này có tấm lòng vị tha, thật sự tôn trọng tài đức của người khác. Vì thế mà nói rằng, người có lòng thương yêu người khác là người có thể chiến thắng

---

1. Chỉ sự kiện: sau khi Hán Cao Tổ chết, Lữ hậu chặt chân tay, moi mắt, cắt tai,... Thích phu nhân, người thiếp rất được Hán Cao Tổ yêu chiều. -ND.
2. Trích từ "Tân Đường thư", nghĩa là "miệng na mô, bụng đầy bồ dao găm". - ND.

dục vọng cá nhân. Còn những kẻ không có lương tâm, làm trái với lẽ trời, là kẻ thấy người khác có tài năng thì ghen ghét, thấy người khác có phẩm chất đạo đức tốt đẹp thì gây khó khăn, làm hại người,loại người này không chấp nhận tài năng của người khác". Đúng như sách "Đại học" đã viết: "Đối với những kẻ làm hại người có tài đức, làm hại đất nước, phải đầy chúng đi những nơi rừng sâu nước độc để chúng chống chọi lại sự xâm nhập của ngoại tộc, không để chúng sống ở Trung Nguyên. Làm như thế chỉ vì cực kỳ chán ghét chúng, giận vì không sao trừ khử hết được bọn người này".

Những quan điểm kể trên của người xưa về tệ hại của tâm lý ghen tị có mấy điểm như sau: 1) Ghen tị với tài đức của người thì không chỉ hại người mà còn hại mình; 2) Ghen tị còn làm tổn thương lòng người. Tình cảm đê tiện ấy gây trở ngại đối với quan hệ bình thường giữa con người với con người, đồng thời phá hoại ổn định xã hội; 3) Ghen tị với tài năng của người khác, bài xích người khác cũng không có lợi cho sự nghiệp của đất nước. Vì vậy, con người phải kìm chế tình cảm đê tiện này, phải có tấm lòng rộng mở, không để nhiễm tâm lý ghen tị.

Xưa nay có rất nhiều trường hợp ghen tị và chống ghen tị. Như trường hợp bi kịch "nhân phệ" nói ở trên kia, Lữ hậu đã để lại một vết nhơ về tính chất độc ác của tâm lý ghen tuông.

Châu Dương là người thời Hán Cảnh đế, từng làm quan ở nước Ngô. Một lần, ông dâng sớ khuyên can Ngô vương không nên tạo phản, Ngô vương không nghe, ông rời bỏ Ngô vương theo Lương Hiếu vương, kết quả là bị tống ngục. Khi ngồi tù ông dâng sớ nói: "Đàn bà dẫu đẹp hay xấu hễ vào cung là bị ghen tị. Đàn ông dẫu có tài hay không hễ vào triều là bị ghen tị". Đó là hiện tượng phổ biến trong xã hội phong kiến Trung Quốc. Trong xã hội hiện nay, tình trạng đó vẫn còn, những người có tài cũng vẫn bị ghen tị. Kết quả của thói ghen tị là người ghen tị và người bị ghen tị đều bị tổn hại.

Theo sử sách: đời nhà Tùy, Tuyết Đạo Hành là người Phần Dương, Hà Đông, tên chữ là Khứ Khanh, mồ côi từ khi 6 tuổi. Ông rất ham học, 13 tuổi đã có thể giảng "Tả thị Xuân Thu truyện". Thời Tùy Cao tổ ông làm Nội sử Thị lang; thời Tùy Dạng đế ông làm Thích sử Từ Châu. Năm Đại Nghiệp thứ năm được triệu về kinh, ông dâng lên bài "Cao Tổ tụng". Đọc xong Tùy dạng đế rất không vui, nói: "Đây chỉ là trò khoe chữ", phong ông là Tư Lệ đại phu. Tùy Dạng đế tự cho mình có tài hơn người, miệt thị các nhân tài trong thiên hạ, không muốn ai hơn mình. Viên quan Ngự sử dâng sớ nói Tuyết Đạo Hành cậy có tài không nghe huấn thị, có ý trái ý vua, thế là Tuyết Đạo Hành bị giết. Thiên hạ ai cũng cho rằng Tuyết Đạo Hành chết oan. Trước khi bị giết chết, Tùy Dạng đế hỏi ông: "Ngươi có còn viết được "Không lương lạc yếu nê" hay không?" Câu này ở trong bài

"Tích tích diêm" của Tuyết Đạo Hành. Tuyết Dạo Hành chết vì thói ghen tị của Tùy Dạng đế.

Đời Đường có Khổng Dĩnh Đạt, tên chữ là Trọng Đạt, người Dực Châu, lên tám tuổi thì đi học, mỗi ngày đọc, ngâm hơn một nghìn câu. Lớn lên rất giỏi viết văn, thông hiểu thiên văn, cách làm lịch. Năm Đại Nghiệp thứ nhất đời nhà Tùy, ông dự thi khoa Minh Kinh, đỗ đầu khoa, được phong là Tiến sĩ. Tùy Dạng đế triệu tập các quan nho học trong thiên hạ họp tại Đông đô Lạc Dương để cùng với các học sĩ trong triều bàn việc nước. Khổng Dĩnh Đạt là người ít tuổi nhất, nhưng khi phát biểu có lý lẽ xuất sắc nhất. Những nhà nho cao tuổi có danh vọng lấy làm xấu hổ vì kém ông. Họ thuê thích khách giết ông. Ông phải trốn trong nhà của Dương Nguyên Cảm, nhờ đó mới thoát chết. Tới khi Đường Thái Tông lên ngôi, Khổng Dĩnh Đạt nhiều lần dâng sớ trình bày một cách trung thực thẳng thắn, do đó được vời ra làm Quốc Tử tư nghiệp, về sau lại làm tế tửu. Đường Thái Tông tới nhà thái học thị sát việc giảng dạy, ra lệnh Khổng Dĩnh Đạt giảng kinh. Thái Tông nghe xong khen ông giảng hay, xuống chiếu biểu dương. Về sau ông từ quan về quê và mất tại đó. Cùng một người là Khổng Dĩnh Đạt, hai ông vua có hai thái độ đối xử khác nhau. Bản thân Tùy Dạng đế là người ghen tị với người có tài, cho nên tệ ghen tị được thịnh hành trong xã hội, chỉ vì có tài hơn người mà Khổng Dĩnh Đạt bị ghen ghét, suýt mất mạng. Nhưng tới đầu đời Đường, do Đường Thái Tông coi trọng nhân

tài mà ông có cuộc đời hoàn toàn khác trong đời nhà Tùy. Mật miệng gươm lòng, cái gọi là "nhân miêu" ở trên là trường hợp Lý Nghĩa Phủ đời Đường, người ở Doanh Châu, thời Cao Tông ông làm Tham tri chính sự, tham dự công việc triều chính. Ở ông ta, bề ngoài thì rất ôn hòa, cung kính, khi nói bao giờ cũng tươi cười, nhưng thực tế thì xảo quyệt, độc ác, ngấm ngầm hại người. Người đời nói rằng, trong nụ cười của ông ta có giấu mũi dao nhọn sắc, bề ngoài thì ngọt xớt, nhưng bên trong thì hại người, về sau bị đầy đi Thôi Châu và chết ở đó. Vì ông ta đem lòng ghen tị, làm hại quá nhiều người, rốt cuộc hại chính bản thân mình.

Thời Nam triều có một người tên là Lưu Chi Lân, tên chữ là Tư Chinh, người ở Nam Dương. Thời Lương Vũ đế ông làm Thái thường khanh, Lưu Chi Lân học vấn uyên bác, giỏi viết văn, từng làm tới chức Trưởng sử dưới triều Tương Đông vương Tiêu Dịch. Tiêu Dịch rất ghen tị với tài năng của ông. Một lần ông về Giang Lăng, khi tới Hạ Khẩu thì Tiêu Dịch cử người đầu độc ông. Giết Lưu Chi Lân rồi, Tiêu Dịch lại còn viết bia mộ cho ông, biếu nhiều quà cho gia đình ông. Đây cũng là một trường hợp giết người vì ghen tị. Do ghen tị mà giết người là việc không gì bỉ ổi bằng, dầu có viết bia mộ cho nạn nhân và biếu quà cho gia đình họ thì cũng không sao xóa nhòa được tội ác vì ghen tị mà giết người có tài. Bởi vậy, vì sợ bị ghen tị nhiều người phải giấu tài. Thời Nam triều, Vương Tăng Kiền là hậu

thế của triều Lưu Tống.[1] Thời Văn đế làm quan hầu cận Thái tử. Thời Vũ đế làm Thượng thư lệnh. Thời trẻ ông rất giỏi viết kiểu chữ lệ. Thấy chữ ông viết trên quạt, Tống Văn đế nói: "Không phải ông ta viết đẹp hơn Vương Hiếu Chi, mà là bút mực của ông ta tốt hơn". Bấy giờ Hiếu Văn đế tự cho rằng chữ của ông ta đẹp nhất thiên hạ, Vương Tăng Kiền không dám thể hiện hết tài viết chữ của mình, thường viết xấu, do vậy mà được Hiếu Vũ đế bỏ qua, tránh được số phận bị biếm chức.

Ghen tị thì chứng tỏ là mình bất tài và là điều đáng hổ thẹn. Muốn tránh ghen tị thì điều quan trọng là phát huy tài năng của mình không sợ bị ghen tị, cũng không ghen tị với ai.

Phí Vô Cực ghen tị với đồng liêu làm hại trung thần

Thời Chiến Quốc, khi mới lên ngôi, Sở Chiêu vương cử Nang Ngõa làm Tướng quốc cùng Bá Nhược Uyển, Yên Tướng Soái, Phí Vô Cực nắm công việc triều chính.

Năm ấy Nhược Uyển chinh phục nước Ngô, toàn thắng, bắt được rất nhiều tù binh, vũ khí. Chiêu vương rất mừng, ban thưởng cho ông nửa số chiến lợi phẩm ấy, mỗi khi có việc gì cũng bàn với ông, sủng ái không ai bằng.

---

1. Tức triều Tống, hoàng thất họ Lưu, người ta gọi là Lưu Tống để phân biệt với vương triều Triệu Tống sau này. - ND.

Phí Vô Cực đem lòng ghen tị, âm mưu cùng với Yên Tướng Soái hãm hại ông, nói với Nang Ngõa:

- Nhược Uyển mở tiệc đãi khách, nhờ tôi loan báo hộ, Tướng quốc có đi dự được không?

- Đã có lòng mời thì không đi sao được - Nang Ngõa trả lời.

Phí vô Cực lại nói với Nhược Uyển:

- Từ lâu, Tướng quốc muốn tới phủ của ngài cùng uống rượu cho vui, không rõ ngài có đồng ý làm gia chủ không, cho nên nhờ tôi tới hỏi ý kiến ngài.

Nhược Uyển không biết đây là âm mưu, thản nhiên trả lời:

- Tôi là cấp dưới, được Tướng quốc tới nhà chơi thì vinh dự quá, mai tôi sẽ làm cơm, nhờ ngài báo cáo hộ nhé!

- Vậy Tướng quốc tới thì ngài biếu quà gì?

- Tôi chưa biết Tướng quốc thích cái gì - Nhược Uyển nói - đang định hỏi ngài đây!

- Theo tôi biết, chà - Phí Vô Cực vờ ngập ngừng - là Tướng quốc, ông ta chẳng thiếu gì gái đẹp, tiền của, gấm vóc lụa là, chỉ thích nhất loại vũ khí tinh xảo sắc bén, ông thường tỏ ý như thế, ông rất thích thứ vũ khí mà ngài bắt được của nước Ngô, muốn dự cơm rượu trong phủ của ngài, chắc hẳn là ông ta muốn xem số chiến lợi phẩm ấy!

- Điều đó có gì khó - Nhược Uyển trả lời.

Ngay sau đó Nhược Uyển cho người đem chiến lợi phẩm ra. Phí Vô Cực cũng giúp chọn ra 100 loại chắc chắn nhất, sau đó nói với Nhược Uyển:

- Thế này là đủ rồi. Tới giờ, ngài cho bầy ở hai bên cửa, Tướng quốc tới tất sẽ hỏi, ngài tặng ngay cho ông ta. Nếu là thứ khác, e ông ta không nhận.

Nhược Uyển tưởng thật, bầy binh khí và tù binh ở phía trong cửa, dùng vải che đậy lên.

Hôm sau, Nhược Uyển bầy biện cỗ bàn linh đình, nhờ Phí Vô Cực đi mời Nang Ngõa. Nang Ngõa đang chuẩn bị đi thì Phí Vô Cực nói:

- Gần đây Nhược Uyển rất kiêu căng, chẳng rõ lần này ông ta mở tiệc để làm gì. Lòng người bất trắc, để tôi đi xem sao đã, sau đó Tướng quốc hãy tới, như thế an toàn hơn, có được không ạ?

- Được, ngươi đi xem sao - Nang Ngõa trả lời.

Phí Vô Cực đi loanh quanh một vòng ngoài phố, sau đó bỗng ba chân bốn cẳng chạy về, ngã giúi giụi, thở hổn hển, lắp bắp nói:

- Nguy rồi, nguy rồi! Nhược Uyển mở tiệc nhằm ý xấu, định đẩy Tướng quốc vào chỗ chết. Tôi thấy họ bí mật bầy binh bố trận, sát khí đằng đằng, Tướng quốc tới thì trúng kế ông ta đó!

Nang Ngõa lưỡng lự, nói:

- Ta và Nhược Uyển có thù oán gì nhau đâu, chắc không thể như thế được!

Phí Vô Cực xúc xiểm:

- Từ khi chinh phục được nước Ngô, được vua sủng ái, Nhược Uyển có dã tâm thay ngài làm Tướng quốc. Đó là việc ai cũng biết, chỉ giấu được một mình ngài thôi. Tôi và Yên Tướng Soái ngày đêm đề phòng xảy ra việc này. Nhớ lại việc nước Ngô nhân ta có tang thì đánh ta, ta nhân nước Ngô có loạn để đánh họ. Vốn dĩ Nhược Uyển có thể thừa thắng truy kích tiêu diệt nước Ngô, nhưng ông ta chỉ bắt một ít tù binh, thu một số binh khí rồi rút quân về. Nghe nói, bấy giờ ông ta được nước Ngô hối lộ rất nhiều, ngầm cấu kết với nhau, do vậy ông ta bắt các tướng sĩ lui về. Xem ra ông ta hẳn có âm mưu lớn, muốn tính chuyện ở trong nước, chưa biết chừng con người này mà được thế thì nước Sở sẽ nguy!

Phí Vô Cực xưng xưng như thật, làm cho Nang Ngõa bán tín bán nghi. Nhưng Nang Ngõa chưa thật tin lắm, ông cho người tâm phúc đi dò xét xem sao. Người này về báo cáo đúng là bên trong cửa nhà của Nhược Uyển có vũ khí và quân lính mai phục. Nang Ngõa trợn mắt, nổi lôi đình, lập tức cho mời Yên Tướng Soái tới bàn xem nên xử lý thế nào.

Yên Tướng Soái đã thông đồng từ trước với Phí Vô Cực rồi, lại còn tiết lộ một tin nói rằng:

- Nhược Uyển định tạo phản từ lâu, đã cấu kết với ba gia tộc lớn trong thành âm mưu cướp quyền, may là phát hiện sớm, nếu chậm thì hối không kịp.

- Thằng đáng chết - Nang Ngõa đập bàn thét - ta sẽ giết y!

Nang Ngõa đề nghị Sở vương lệnh cho Yên Tướng Soái mang quân bao vây nhà của Nhược Uyển.

Tới lúc này Nhược Uyển mới biết bị Phí Vô Cực làm hại, không nơi kêu oan, bèn rút dao tự tử.

Thế là lại một dũng sĩ nữa chết dưới lưỡi dao ghen tị.

Lý Tư ghen tức làm chết Hàn Phi

Hàn Phi là nhà tư tưởng cuối thời kỳ Chiến Quốc, nguyên là công tử nước Hàn, cùng với Lý Tư theo học Tuân Tử, nhiều lần dâng sớ khuyên vua nước Hàn đổi mới pháp chế để xây dựng đất nước giầu mạnh, nhưng không được chấp nhận, ông ta bèn ra sức viết sách xây dựng học thuyết, tuyên truyền tư tưởng của mình. Sau này, đọc sách của ông, vua nước Tần rất hâm mộ, gửi công hàm đề nghị vua nước Hàn cử Hàn Phi đi sứ nước Tần. Ở nước Tần ông bị Lý Tư ghen tị, chẳng những không phát huy được tài năng, mà còn bị Lý Tư, Diêu Cổ vu cáo, chết oan uổng trong tù. Còn Lý Tư, kẻ ghen tị cũng chẳng có kết cục tốt.

Hàn Phi bị bệnh nói lắp từ nhỏ, khi nói cứ lắp ba lắp bắp. Nhưng viết văn thì rất giỏi, mô tả tâm lý con người rất sắc bén, là học trò xuất sắc nhất của Tuân Tử.

Bấy giờ nước Hàn ngày càng suy yếu, bị các nước khác xâm lược, lãnh thổ ngày càng bé lại. Hàn Phi nhiều lần đề nghị vua Hàn thoát ra khỏi tình trạng

đó. Vua Hàn không ưa Hàn Phi, không chấp nhận kiến nghị của ông, không muốn cải cách.

Vây xung quanh vua Hàn toàn là những kẻ a dua nịnh thần, vua Hàn trọng dụng họ, khiến họ coi trời bằng vung.

Là người công minh chính trực, Hàn Phi buồn vì bọn tiểu nhân thì cầm quyền, bản thân mình không được trọng dụng, ông nhận biết nguyên nhân thành bại của các vương giả xưa nay, viết sách "Cô phẫn", "Ngũ đố", "Nội ngoại trữ thuyết", "Thuyết lâm", "Thuyết nan" gồm hơn 100 ngàn chữ, tức sách "Hàn Phi Tử".

Hàn Phi vốn là người có tài thuyết phục, nhưng không phát huy được tài năng ấy. Ông bị vua Hàn xa lánh, vô cùng cô độc. Ông cho rằng tiền đồ của nước Hàn mờ mịt, sau này xưng bá thiên hạ không ai khác ngoài nước Tần. Nước Trịnh cử người tới nước Tần xây dựng công trình thủy lợi lớn, đó là sách lược của Hàn Phi. Về sau, nước Trịnh làm phản, xúi bẩy vua Tần tập trung binh lực tiến công nước Hàn.

Khi vào nước Tần, nước Trịnh tặng vua Tần hai tập sách của Hàn Phi: "Cô phẫn, "Ngũ đố". Đọc xong, vua Tần thốt lên rằng: "Sách viết rất hay, nếu được gặp Hàn Phi thì có chết cũng không tiếc".

Vua Tần không biết con người Hàn Phi này. Lý Tư vội nói với vua Tần: "Hàn Phi là người nước Hàn, là đồng môn của thần".

Lý Tư là người nước Sở, cùng với Hàn Phi theo học Tuân Tử, nhưng kết quả học tập không bằng Hàn Phi, về sau tới nước Tần, là một trong những thực khách của Lã Bất Vi, do vậy có thể gần gũi vua Tấn rồi làm quan ở đây. Vua Tần lập tức cử sứ giả tới nước Hàn yêu cầu cho Hàn Phi tới gặp. Thấy vua Tần chỉ đích danh Hàn Phi, vua Hàn bối rối, nghĩ bụng: tuy Hàn Phi trông rất nghịch mắt, nhưng vua Tần lại vời tới, phải chăng ông ta thật sự là người có tài. Nếu thật sự là người có tài thì không thể cho đi được. Vả lại, Hàn Phi bị ta đối xử lạnh nhạt, biết đâu khi ở nước địch y lại làm việc gì đó có hại cho nước Hàn.

Dẫu không yên lòng, nhưng vua Hàn không thể từ chối yêu cầu của vua Tần. Tới nước Tần, Hàn Phi dâng sớ lên vua Tần, đề nghị xé bỏ hiệp ước liên minh sáu nước, trình bày sách lược thống nhất thiên hạ, vua Tần vô cùng vui mừng.

Lý Tư sợ Hàn Phi được thay vào vị trí của ông ta, tâu lên vua Tần rằng: "Hàn Phi là công tử nước Hàn. Trẫm muốn thôn tính đất đai của các chư hầu, nhất định Hàn Phi sẽ lo liệu cho tổ quốc của ông ta là nước Hàn, đó là lẽ thường tình. Cho ông ta ở lâu dài tại nước ta, một khi được trả về nước ông ta tất sẽ làm hại nước ta. Tốt nhất là tống giam rồi giết đi".

Vua Tần nghe theo Lý Tư, tống Hàn Phi vào ngục.

Hàn Phi hiểu ra, kết liễu đời mình bằng thuốc độc do Lý Tư đưa tới.

Vua Tần hối hận vì đã tống Hàn Phi vào ngục, vội ra lệnh miễn xá, nhưng Hàn Phi đã tự sát rồi.

Sách "Sử ký" chép rằng, tuy Hàn Phi viết sách "Thuyết nan", nhưng ông lại không thoát được số phận bi thảm và cho rằng Hàn Phi quá lý trí hóa vấn đề, thiếu tình cảm. Kết cục bi thảm của ông là do không đề phòng sự ghen tị của tên đồng liêu.

9. Tránh vỗ mặt, lỗ mãng, cần mềm mỏng

Dầu ở địa vị nào, trong trường hợp nào, người ta ai cũng thích nghe lời êm tai, thích được khen. Tuy năng lực có khác nhau, nhưng khi đã dốc hết sức thì ai cũng mong được xã hội thừa nhận, đó là lẽ thường tình. Khi công việc không được làm tốt, người biết xử sự thường tránh nói vỗ mặt. Người xảo trá, gió chiều nào che chiều ấy thì a dua phỉnh nịnh. Người thẳng thắn trung thực thì nghĩ sao nói vậy, khiến người nghe cảm thấy lỗ mãng, rát mặt. Khi cần thiết thì phải nói thẳng, có khí phách, nhưng không nên thái quá. Thái quá thì người nghe cảm thấy bị tổn thương, đồng thời cũng không có lợi đối với người nói. Người làm việc lớn mà phô trương tài năng, quá lộ liễu thì sẽ bị ghen tị, sẽ thất bại, thậm chí chẳng những để mất tiền đồ chính trị, mà còn nguy hại tới tính mạng. Do vậy, có tài hoa thì không nên phô trương, không nên chỉ trích, phê bình vỗ mặt người khác.

Thẳng quá thì dễ bị ghét. Song, nói như vậy không có nghĩa việc gì cũng nói sao cho êm tai, không phân

biệt phải trái, đúng sai. Nói tránh lỗ mãng, vỗ mặt chỉ có nghĩa là khi phê bình cần áp dụng phương pháp mà người nghe có thể chấp nhận được, nhằm mục đích giúp người bị phê bình sửa chữa khuyết điểm, thúc đẩy công việc, sự nghiệp phát triển. Cớ chi lại to tiếng, đỏ mặt tía tai như quân hằn quân thù vậy?

Xưa nay những người trung thực thẳng thắn được mọi người kính phục. Họ thường vì dân mà không tiếc thân mình, thẳng thắn can gián. Nếu chỉ vì lợi ích cá nhân của mình thì hoàn toàn có thể kìm chế cá tính của mình để mưu cầu quan cao lộc hậu, nhưng vì giang sơn xã tắc, vì dân vì nước, họ không thể ngồi im làm ngơ, trái lại, họ trung thực can gián, nói thẳng phạm thượng. Họ cũng biết rằng sẽ chết, nhưng nếu chỉ bảo mạng thì không tận trách, họ không bao giờ làm như thế. Họ là những người bất khuất. Song, phải chăng bất chấp tính mạng, thẳng thắn can gián như họ là biện pháp tốt nhất? Không phải ai cũng như Ngụy Trinh gặp được ông vua là vị minh thánh, mà phần nhiều là gặp phải những vương hầu mắt mờ tai nặng. Cho nên, thẳng thắn thì phải tùy theo đối tượng. Đối với người có thể nói thẳng được thì phải tận trách, nói thẳng. Đối với người không nên, không đáng để bạn nói thẳng mà bạn không lựa thời mà nói, không lựa thế mà nói thì quá khờ dại, thật quá hóa đần. Trong trường hợp này phải tự kìm chế, chớ có bộp chộp, trước hết phải giữ mình để phát triển. Vì thế mà người xưa có câu vè: "Nước Tấn có Bá Tông vì nói thẳng mà bị hại, vợ khuyên nhưng không nghe

rõ thật là khờ dại. Quý Trát chơi thân với Thúc Hướng, lúc chia tay khuyên ông không nên bướng. Sử Ngư suốt đời thẳng như tên, khi chết lấy xác khuyên vua trên, tuy chết nhưng chưa hết. Thẳng như dây thì bị chém đầu, cong lưỡi câu thì được phong hầu".

Sách "Tả truyện. Thành công thập ngũ niên" chép: Đại phu Bá Tông của nước Tấn rất có tài đức, tính tình ngay thẳng. Mỗi lần vào triều, vợ ông thế nào cũng khuyên: "Trộm cướp ghét chủ nhà, dân ghét quan. Ông tính ngay thẳng quá, rồi sẽ vì thế mà bị hại đó". Quả vậy, sau này có kẻ vu cáo, ông bị Tấn Lịch Công giết chết.

Sách "Tả truyện. Nhượng Công nhị thập cửu niên" chép: con của Ngô Công là Quý trát đi thăm các nước, khi tới nước Tấn chơi thân với Thúc Hướng. Khi ra về ông khuyên Thúc Hướng rằng: "Ngài cần giữ mình cẩn thận. Vua nước ngài rất xa xỉ, có nhiều hiền thần, đại phu giầu, chính quyền sẽ rơi vào tay họ. Ngài thích ngay thẳng, vậy ngài nhất thiết phải suy tính làm thế nào tránh được tai họa".

Mọi người đều biết, những kẻ chỉ vì tư lợi, lợi dụng chức quyền để mưu lợi ích riêng khi làm việc thế nào họ cũng giở trò mưu ma chước quỷ. Những quân tử ngay thẳng khinh bỉ chúng, không làm ngơ những hành vi bẩn thỉu của chúng. Khi đấu tranh với bọn tiểu nhân này, những người ngay thẳng chắc chắn sẽ bị chúng tìm quỷ kế hãm hại. Mặc dầu vậy, những người ngay thẳng không vì thế mà lo sợ, họ dám hy

sinh danh lợi, địa vị để làm lợi cho đất nước, cho nhân dân.

Sử Ngư là Đại phu nước Vệ. Theo sách "Gia ngữ. Khốn thệ thiên", Cừ Bá Ngọc ở nước Vệ có tài đức mà không được Vệ Linh Công sử dụng, nhưng Tử Hà là kẻ xấu thì lại được trọng dụng. Sử Ngư khuyên cáo Vệ Linh Công, nhưng ông không nghe. Khi ốm sắp chết, Sử Ngư căn dặn con rằng: "Cha làm quan trong triều đình nước Vệ mà không nâng đỡ được Cừ Bá Ngọc, không hạ bệ được Di Tử Hạ, như thế là làm việc trong triều mà cha không giúp được vua làm việc hợp lẽ phải thì khi chết không được mai táng theo đúng lễ nghi đã quy định. Bởi vậy, sau khi cha chết, con đặt thi hài cha ở dưới chân cửa sổ, thế là được rồi". Con ông làm đúng lời trăng trối của cha. Vệ Linh Công tới viếng thấy vậy, lấy làm lạ, hỏi con Sử Ngư tại sao lại làm như thế. Con của Sử Ngư nói rằng làm theo lời cha căn dặn. Vệ Linh Công nói: "Đó là lỗi tại ta!" Sau đó ông mai táng Sử Ngư theo đúng phương thức mai táng quan trong triều, đồng thời vời Cừ Bá ngọc ra làm quan, biếm chức Di Tử Hạ và xa lánh ông ta. Biết sự kiện này, Khổng Tử nói: "Thời xưa, can gián xong, chết là hết, làm gì có ai như Sử Ngư, chết rồi còn lấy xác khuyên vua". Những người biết sự kiện này rất cảm động, tới tấp bắt chước Sử Ngư.

Xét ở góc độ nào đó, người cầm quyền có trách nhiệm rất lớn trong việc ủng hộ, bảo vệ những người

ngay thẳng và đối với tình trạng bọn tiểu nhân gian tà lấn lướt trong xã hội. Người cầm quyền phải hiểu rằng sử dụng người ngay thẳng thì có khả năng thường bị họ phê bình và chỉ trích, khó chịu về mặt tâm lý, nhưng đối với sự lãnh đạo của mình và sự phát triển của đất nước thì người ngay thẳng hữu ích hơn nhiều so với bọn chỉ giỏi ôm chân nịnh bợ. Trong lịch sử, có rất nhiều trung thần bị biếm chức mà nguyên nhân chủ yếu là do những người làm vua không nín nhịn được lời phê bình của người cương trực, chỉ muốn tâm lý lúc nào cũng dễ chịu, dẫu có hại đối với lợi ích của quốc gia cũng mặc, và thế là tai họa sẽ ập đến.

Sách "Luận ngữ" nêu ra sự kiện Liễu Hạ Huệ ba lần bị biếm chức. Có người cho rằng, có lẽ Liễu Hạ Huệ sinh ra không hợp thời, không tìm được đất phát triển tài năng của mình. Cho nên họ khuyên ông rằng: "Chẳng lẽ ngài không tới nước khác được sao?" Ông trả lời: "Làm việc theo lẽ ngay thẳng thì vị tất phải rời bỏ tổ quốc của mình? " Có những khi, tinh thần và nguyên tắc ngay thẳng rất khó được chấp nhận, ở các nước khác cũng vậy. Thế thì chẳng cần phải tới nước khác.

Sự kiện này nói lên rằng, do tật xấu của mình, rất nhiều người cầm quyền không rút ra kinh nghiệm và bài học của người đi trước, họ gần gũi kẻ tiểu nhân, xa lánh người quân tử, làm cho rất nhiều người ngay thẳng bị đả kích, bị gạt bỏ, kết cục là đánh mất giang

sơn trong tay họ. Bởi vậy, cần phải bỏ tâm lý ưa nịnh, vô tư lắng nghe ý kiến của người ngay thẳng.

Sách "Ngũ hành chí" thời Đông Hán chép: năm cuối đời Thuận đế, ở kinh đô lưu truyền câu đồng dao: "Thẳng như dây thì bị chém đầu, cong lưỡi câu thì được phong hầu". Sau này, Lương Dực một mình độc quyền công việc triều chính. Lý Cố bị giam lâu dài, chết ở trong tù, bị vất xác ở vệ đường; còn Hồ Quảng, Triệu Giới thì đều được phong hầu. Nội dung câu đồng dao nói trên được ứng nghiệm. Lý Cố, Đỗ Kiều đều là tướng tài, vì giữ lẽ phải mà bị vu cáo, bị tống giam rồi chết ở trong ngục. Còn Hồ Quảng, Triệu Giới,... không giữ nguyên tắc, một mực a dua, gật đầu thì lại được tin dùng, sủng ái. Những sự thật lịch sử này khiến mọi người ớn lòng, cũng khiến chúng ta cảnh giác, lấy đó làm bài học, phải nhớ "nói thật mất lòng" thì mời tránh được thất thố.

Ưu Mạnh dùng mưu kế thức tỉnh Sở Trang vương

Trước khi làm quan lệnh doãn,[1] Tôn Thúc Ngao là một người nghèo, đi học, làm ruộng ở quê. Do có học vấn cao, nhân phẩm tốt, ông ta là một ẩn sĩ rất có ảnh hưởng. Người cầm quyền nước Sở bấy giờ là Sở Trang vương, một ông vua rất có triển vọng, thu nhận nhân tài trị nước cầm quân ở khắp nơi để xây

1. Chức quan cao nhất nước Sở thời Chiến Quốc; chức tri huyện thời nhà Thanh, nhà Minh. - ND.

dựng đất nước giàu mạnh, tranh ngôi bá chủ các chư hầu. Quan địa phương giới thiệu Tôn Thúc Ngao với ông, mới gặp lần đầu mà Sở Trang vương và Tôn Thúc Ngao như đã quen biết từ lâu, hết sức hợp nhau. Sở Trang vương lập tức cử Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn.

Sau khi nhậm chức, Tôn Thúc Ngao giúp Sở Trang vương cải cách các chế độ, chỉnh đốn việc quản lý các quan lại, huấn luyện quân đội, tổ chức cho dân khai khẩn đất hoang, đào sông ngòi, tích cực phát triển sản xuất. Nước Sở là nơi nhiều sông lắm bến, năm nào cũng có lụt lội. Để tránh lụt lội, hạn hán, Tôn Thúc Ngao tập hợp tất cả những người có kinh nghiệm phong phú về công tác thủy lợi ở nước Sở cùng đi khảo sát địa hình, xây dựng công trình thủy lợi lớn nhất nước Sở - công trình thủy lợi sông Thược Pha. Bấy giờ nước Sở huy động hàng vạn dân công ngày đêm lao động cực nhọc, Tôn Thúc Ngao đích thân tới công trường kiểm tra đôn đốc. Chẳng bao lâu sông Thược Pha được đào xong. Con sông này chẳng những giảm mạnh nguy cơ úng lụt vào mùa mưa hàng năm, mà còn tưới nước cho hơn một triệu mẫu ruộng, chỉ riêng việc này đã giúp nước Sở có thêm hàng vạn tấn lương thực. Sau mấy năm xây dựng theo chủ trương và dưới sự kiểm soát đôn đốc của Tôn Thúc Ngao, nước Sở giàu mạnh hẳn lên. Sách "Sử ký" mô tả cảnh phồn vinh ổn định của nước Sở bấy giờ như sau: "Trên dưới một lòng, phong tục lành mạnh, chính

trị ổn định, quan lại không gian tà, không có trộm cướp, dân an cư lạc nghiệp".

Từ khi có được viên quan Lệnh doãn tốt như Tôn Thúc Ngao, Sở Trang vương vô cùng vui sướng. Nhưng chẳng bao lâu sau, do dốc sức vào công việc triều chính, Tôn Thúc Ngao đổ bệnh. Sở Trang vương tìm thầy thuốc giỏi nhất nước Sở chạy chữa cho ông, nhưng không khỏi.

Trước lúc lâm chung, Tôn Thúc Ngao gọi con là Tôn An tới căn dặn: "Cha biết con không có tài trị nước, sau khi cha mất, con chớ ra làm quan, hãy về quê làm ruộng! Nếu Đại vương phong cho con một vùng đất thì chớ có đòi đất tốt, chỉ xin khu đất Tẩm Khưu không ai ưa thích là được rồi. Cha đã viết sẵn tờ tấu gửi Đại vương, sau khi cha nhắm mắt, con chuyển tới cho ông".

Sau khi Tôn Thúc Ngao qua đời, con ông chuyển tờ tấu lên Sở Trang vương như lời cha căn dặn. Sở Trang vương giở ra xem thì thấy ngoài các kiến nghị về nội chính, ngoại gia, kinh tế, quân sự, về chăm lo cho dân và chính sách thưởng phạt ra, Tôn Thúc Ngao còn viết một đoạn gồm những lời tâm huyết hết sức cảm động về ông và con như sau:

"Được Đại vương tín nhiệm, thần từ một người quê mùa bình thường làm nên chức Lệnh doãn nước Sở. Mặc dầu thần đã dốc hết sức làm việc mà vẫn chưa báo đáp được công ơn của Đại vương. Bây giờ thần phải ra đi rồi, phải xa Đại vương, xa nước Sở

rồi. Thần chỉ có một đứa con trai, nhưng nó không có tài trị nước, không thể giúp Đại vương được. Thần khẩn thiết xin Đại vương không để cháu làm quan, giữ cháu lại bên mình, mà cho cháu về quê, như thế là Đại vương quan tâm tới thần rồi".

Khi đọc tờ tấu, Sở Trang vương nước mắt nhạt nhòa, đọc xong thì khóc không thành tiếng, ngửa mặt lên trời kêu than: "Ông trời ơi, ông trời ơi, đau đớn thay, đau đớn thay!" Ông muốn phong Tôn An làm Đại phu và giữ lại ở bên mình. Nhưng Tôn An kiên quyết đòi về quê theo di chúc của cha. Sở Trang vương không giữ lại được, đành phải chấp thuận. Có lẽ Sở Trang vương nghĩ rằng, Tôn Thúc Ngao làm Lệnh doãn nhiều năm thì đời sống gia đình không có vấn đề gì, cũng có lẽ vì quá đau đớn mà ông quên lo cho đời sống của Tôn An sau khi cha mất. Chẳng thế mà sau khi chấp thuận yêu cầu về quê của Tôn An, ông chẳng nhắc tới việc lo liệu đời sống cho gia đình quan Lệnh doãn.

Thời kỳ Xuân Thu, mỗi vị vua chúa và đại quý tộc đều nuôi một số nghệ nhân ca, múa, kể chuyện và làm trò vui. Những người này tuy địa vị thấp hèn nhưng thường khôn ngoan, thông minh, có tinh thần ủng hộ chính nghĩa. Ưu Mạnh là một nghệ nhân thông minh của Sở Trang vương. Một lần ông có việc tới vùng Mộng Trạch thì gặp Tôn An ở giữa đường. Trước đây họ rất quen biết nhau. Ưu Mạnh thấy Tôn An rách rưới, vai gánh củi, lưng giắt rìu, dáng vẻ nghèo khổ. Ông ngạc nhiên, chạy tới hỏi thì mới được

biết sau khi về quê, đời sống của Tôn An rất khó khăn, đành phải đi kiếm củi để nuôi gia đình. Thấy vậy, Ưu Mạnh vô cùng đau lòng. Ông không ngờ rằng, Tôn Thúc Ngao đã làm cho nước Sở biết bao việc tốt thế mà sau khi ông chết gia đình ông lại nghèo rớt mồng tơi, trong khí đó có những kẻ làm quan to nhưng suốt ngày chẳng làm việc gì đứng đắn thì lại giầu có như vương hầu. Ông nhớ lại, sau khi quan Lệnh doãn qua đời, Sở Trang vương đau xót là vậy, luôn nhắc tới những điều tốt ở ông, thế mà không rõ tại sao chưa bao giờ hỏi xem gia đình quan lệnh doãn Tôn Ngao sinh sống như thế nào. Ưu Mạnh càng nghĩ càng đau lòng, trên đường ông suy nghĩ tìm cách nhắc khéo Sở Trang vương giúp Tôn An đôi phần. Về tới nhà, ông làm một bộ mũ áo giống như khi xưa Tôn Thúc Ngao thường mặc, ông mặc vào, đội vào, tập theo cử chỉ và cách ăn nói của Tôn Thúc Ngao khi còn sống. Chẳng bao lâu ông làm rất giống.

Một thời gian sau, khi mở tiệc chiêu đãi bá quan văn võ trong triều, Sở Trang vương lại nhớ tới Tôn Thúc Ngao, buồn rười rượi. Các Đại thần gọi Ưu Mạnh pha trò để cho Sở Trang vương vui lên. Ưu Mạnh thấy dịp may đã tới, bèn cười, nói: "Hôm nay thần diễn trò mới lạ để Đại vương xem ạ!" Dứt lời, ông kéo người giúp việc cùng đi hóa trang. Sân khấu trong cung đối diện với phòng tiệc. Một lát sau "Sở Trang vương" ra sân khấu, ngồi vào chiếc ỷ, nét mặt ỉu xìu, thở dài: "Tôn Thúc Ngao ơi hỡi Tôn Thúc Ngao, ngươi chết rồi mà vẫn không quên đất nước, một vị

Lệnh doãn tốt làm sao! Số ta khổ, có sao ông trời cướp mất của ta cánh tay đắc lực. Ối ông trời ơi là ông trời! Đau lòng quá thay!" Người diễn vai Sở Trang vương rất giống; các đại thần ngậy người, Sở Trang vương cũng đau xót, không cầm được nước mắt. Giữa lúc nước mắt đang nhạt nhòa thì ông thấy "Tôn Thúc Ngao" từ sau sân khấu bước ra, ông vội vàng gạt nước mắt, chằm chằm nhìn vào sân khấu.

- Đúng ngươi rồi, đúng rồi không sai tí nào - Sở Trang vương ba chân bốn cẳng chạy thộc lên sân khấu, giữ chặt tay áo Tôn Thúc Ngao, không chịu buông tha.

Lúc này, Ưu Mạnh trơ trơ nói:

- Thưa Đại vương, Tôn Thúc Ngao giả đấy, thần là Ưu Mạnh đây mà!

Sở Trang vương bừng tỉnh, nhưng vẫn rất xúc động, nói:

- Dù giả hay thật ta cũng mời khanh làm Đại phu.

Ưu Mạnh nói một cách nghiêm chỉnh:

- Thần không thể làm ông quan thanh liêm như quan Lệnh doãn Tôn Thúc Ngao. Nếu làm quan thì thần làm ông quan tham lam kia!

Sở vương ngớ người ra, chưa kịp hỏi tại sao thì thấy Ưu Mạnh dõng dạc hát:

Làm quan tham lam, thế mới hay,

Đục khoét của dân suốt đêm ngày,

Khi sống, chết đều rạng mặt mày.

Làm quan thanh liêm, chỉ tổ dại,
Sống liêm khiết thì đời khốn khổ,
Thời còn sống chưa hẳn đã may,
Khi đã chết con cháu chẳng được nhờ cậy.
Hãy xem đó Lệnh doãn Tôn Thúc Ngao,
Lúc còn sống thanh danh chót vót cao,
Khi đã chết nhà nghèo không hạt gạo.
Vậy chớ có làm quan liêm khiết,
Làm quan tham lam thì đã sao!

Sở Trang vương và các đại thần dự tiệc ngượng ngập không dám ngẩng đầu. Sở Trang vương áy náy muôn phần, không ngớt lời xin lỗi, lập tức truyền lệnh đi tìm con của Tôn Thúc Ngao. Phong cho ông khu đất Tẩm Khưu, được hưởng mười đời.

Cách khuyên vua của Ưu Mạnh quả là độc đáo, khác người.

Đông Phương Sóc khôn khéo cư xử khi hoàng đế quở trách

Khi lên ngôi, Hán Vũ đế xuống chiếu ra lệnh các quận huyện tiến cử người có phẩm hạnh đứng đắn, có học vấn. Bấy giờ có hàng ngàn người hưởng ứng. Trong số biểu tấu của những người này dâng lên Hoàng đế phần lớn nói về quốc gia đại sự, phô trương tài năng của mình, trong đó có không ít kiến nghị không được Hoàng đế chấp nhận, người kiến nghị cũng không được tuyển mộ. Biểu tấu của Đông

Phương Sóc thì lại nửa đùa nửa thật nói mình là người uyên bác, nhiều tài, thông minh hơn người, thân hình cao to, mặt mũi ngay ngắn, dũng cảm lanh lợi, đứng đắn, giữ uy tín, cuối cùng ông viết: "Người như thần quả đáng là đại thần của Hoàng đế". Hán Vũ đế thấy biểu tấu này khác với mọi người, ngộ nghĩnh, cho hưởng tước quan Đãi chiếu công sa.[1] Đông Phương Sóc tuy được giữ lại ở Trường An, nhưng lương rất thấp, cũng không được nhìn thấy Hoàng đế.

Ít ngày sau, Đông Phương Sóc nghĩ ra một kế khiến Hoàng đế chú ý đến ông. Bấy giờ trong hoàng cung có một tốp người lùn chuyên chăn dắt ngựa cho Hoàng đế. Đông Phương Sóc nói dối họ rằng: "Hoàng đế bảo các ngươi một là không biết làm ruộng, hai là không biết trị nước, ba là không biết đánh giặc, chẳng có ích gì, đang định giết hết các ngươi". Đám người lùn sợ quá, khóc rống lên. Đông Phương Sóc lại bảo: "Nếu Hoàng đế tới thì các ngươi phải nhanh chóng cúi lậy xin tha". Không lâu sau, Hán Vũ đế đi qua trại ngựa, bọn người lùn khóc hu hu, quỳ xuống trước xe, cúi lậy liên hồi. Hoàng đế lấy làm lạ, hỏi:

- Các ngươi làm gì vậy?

- Đông Phương Sóc bảo Hoàng đế định giết chúng con ạ - Bọn người lùn tấu.

---

1. Tước quan được dùng xe công đưa đón khi đi dự thi. - ND.

Hán Vũ đế biết Đông Phương Sóc hay đùa nghịch, sai người gọi tới trách mắng:

- Tại sao ngươi lại hù dọa bọn người lùn?

- Dạ tâu bệ hạ, bọn họ cao có hơn 3 thước, mà mỗi tháng được lĩnh một túi lương thực và 240 tiền. Thần Đông Phương Sóc cao hơn 9 thước mà cũng chỉ được lĩnh một túi lương thực và 240 tiền. Vậy bọn họ sẽ chết no, còn thần thì sẽ chết đói. Nếu bệ hạ thấy thần vô tích sự thì hãy cho thần về quê, đừng giữ thần lại mà phí cơm ạ".

Hán Vũ đế cười ha hả, cho Đông Phương Sóc hưởng tước quan Đãi chiếu Kim Mã môn. Tước quan này cao hơn tước quan Đãi chiếu công sa, Đông Phương Sóc dần dần được gần gũi Hoàng thượng.

Một lần, Hán Vũ đế cho chơi trò "đánh đố". Đông Phương Sóc đoán trúng liên tiếp, được thưởng rất nhiều. Viên quan hầu cận Hoàng đế, họ Quách, cũng rất thông minh, khéo ăn khéo nói, thấy Đông Phương Sóc đắc ý, tức đỏ cả mắt, tâu với Hoàng đế:

- Tâu bệ hạ, vừa rồi Đông Phương Sóc toàn là gặp may cả, chứ không phải là thật sự biết đoán. Bây giờ thần giấu một vật, nếu Đông Phương Sóc đoán đúng thì thần chịu 100 roi, nếu đoán không trúng thì bệ hạ ban cho thần tất cả những thứ bệ hạ đã thưởng cho ông ta.

Kết quả là Đông Phương Sóc đoán trúng. Hán Vũ đế sai đánh đòn tên hầu cận họ Quách. Đông Phương Sóc cười mỉa viên quan họ Quách:

- Hê, mồm không có lông, tiếng kêu ông ổng, chổng cao cái mông.

Viên quan họ Quách vừa ngượng vừa bực, vừa thở hổn hển vừa nói:

- Đông Phương Sóc chửi tùy tùng của Hoàng đế, đáng tội chém đầu!

Hán Vũ đế hỏi Đông Phương Sóc:

- Tại sao ngươi chửi họ?

Cái khó ló cái khôn, Đông Phương Sóc nhanh trí tâu:

- Thần đâu dám chửi anh ta! Đó là câu đố để anh ta đoán đấy ạ!

- Đoán thế nào? - Hán Vũ đế hỏi.

Đông Phương Sóc nói bừa:

- Miệng không có lông là cái lỗ chó chui; tiếng kêu ông ổng là chim mẹ mớm chim con; chổng cao cái mông là chim hạc đang ăn phải chổng mông lên trời. Thấy Đông Phương Sóc nói đâu ra đó, Hán Vũ đế không vặn hỏi nữa, viên quan hầu cận họ Quách cũng câm mồm.

Một lần, vào dịp tết, Hán Vũ đế ra lệnh thưởng thịt cho các quan trong triều và các tùy tùng. Nhưng người chia thịt đến muộn. Đông Phương Sóc nói với

các đồng sự: "Hôm nay là ngày tết, phải về sớm đôi chút, xin phép các vị tôi lấy phần trước để kịp về". Đông Phương Sóc miệng nói tay rút kiếm ra xẻo một miếng rồi về. Biết chuyện này, viên quan chia thịt tấu lên Hán Vũ đế. Hôm sau, Đông Phương Sóc vào cung, Hán Vũ đế quở trách:

- Hôm qua sao ngươi không chờ người chia thịt tới mà lại tự động xẻo thịt mang về?

Đông Phương Sóc vội bỏ mũ ra, quỳ xuống xin tha tội. Hán Vũ đế nói:

- Ngươi đứng dậy tự quở trách mình ta xem!

Đông Phương Sóc vái hai vái, đứng dậy, nói có bài bản:

- Đông Phương Sóc, ngươi lại đây! Đông Phương Sóc, ngươi lại đây! Ngươi nhận thưởng mà không chờ mệnh lệnh, thật là vô lễ! Rút kiếm ra liền xẻo thịt, hùng tráng ghê! Chỉ cắt một miếng nhỏ, thật là liêm khiết! Về đưa cho vợ, thật là tình yêu tha thiết!

Hán Vũ đế không nhịn được cười, nói:

- Bảo ngươi tự quở trách mình, ngươi lại tự khen mình!

Hán Vũ đế chẳng những không hỏi tội Đông Phương Sóc, lại còn thưởng ông một thùng rượu, 100 cân thịt để ông mang về cho vợ.

Đứng trước sự chỉ trích của Hoàng đế, không cãi lại, mà ứng phó một cách khôn ngoan, khéo léo, đó

là cách nhẫn nhịn. Đông Phương Sóc nín nhịn sự bất bình đối với người khác, nín nhịn kẻ tố cáo mình, vừa phê bình người khác đúng lúc, vừa bảo toàn được tính mạng của mình.

Địch Nhân Kiệt khôn khéo minh oan

Đời Đường, khi Võ Tắc Thiên chuyên quyền, bà ta lần lượt trọng dụng một loạt quan lại tàn ác để dọn đường cho bà ta lên làm Hoàng đế, như Võ Tam Tư, Võ Thừa Tự, Lai Tuấn Thần, Chu Hưng,... Bà ta dùng các thủ đoạn phạt nặng, thưởng người tố giác để thống trị một cách hà khắc, đàn áp mạnh tôn thất họ Lý đời Đường, quý tộc và quan liêu có ý đồ chống đối, giết hàng trăm thân thích họ Lý đời Đường, tiếp đó lại giết hàng trăm đại thần; số quan lại lớp giữa trở xuống bị giết nhiều không sao đếm xuể. Võ Tắc Thiên còn ra lệnh treo "hòm thư tố giác" ở bốn cửa thành Lạc Dương. Bất kể viên quan nào cũng không được phép dò hỏi người tố giác. Người tố giác đúng được phong quan ban lộc. Tố giác sai không bị trừng trị. Phong trào tố giác nổi lên ầm ầm, hàng triệu người vô tội bị giết hại, trong triều ngoài dân nơm nớp lo sợ.

Một lần, viên quan tàn ác Lai Tuấn Thần vu cáo Binh chương sự Địch Nhân Kiệt có hành vi làm phản. Lai Tuấn Thần bất ngờ bắt Địch Nhân Kiệt tống ngục trước rồi mới tấu lên Võ Tắc Thiên, đề nghị Võ Tắc Thiên xuống chiếu chỉ dụ nếu Địch Nhân Kiệt nhận

tội mưu phản thì sẽ tha tội chết. Địch Nhân Kiệt bất ngờ bị bắt giam, không kịp báo cho gia đình, cũng không có cơ hội được gặp mặt trực tiếp tâu với Võ hậu để làm rõ sự thật, vô cùng sốt ruột. Ngày thẩm vấn đã tới, Lai Tuấn Thần vừa đọc xong chiếu thư của Võ hậu thì thấy Địch Nhân Kiệt phủ phục xin tha. Địch Nhân Kiệt nằm bò ra đất vái lấy vái để, miệng nói liên hồi: "Thần đáng tội chết! Thần đáng tội chết! Cuộc cách mạng Đai Chu đã làm thay đổi tất cả thế mà thần vẫn ngoan cố làm cựu thần nhà Đường, tội đáng chết". Cái ngón mánh không khảo mà xưng này của Địch Nhân Kiệt khiến cho Lai Tuấn Thần không hiểu ông có dụng ý gì. Nhưng Địch Nhân Kiệt đã thú tội thì Lai Tuấn Thần cứ phán là "âm mưu làm phản", nhưng miễn cho tội chết, chờ xử nhẹ hơn.

Sau khi Lai Tuấn Thần ra về, quan phán Vương Đức Thọ đang ngồi bên cạnh nói nhỏ với Địch Nhân Kiệt: "Ông cũng có thể vu cáo cho mấy người, như Bình chương sự Dương Chấp Nhu,... để giảm nhẹ tội của mình". Địch Nhân Kiệt thở dài, nói: "Tôi thề trên có trời dưới có đất, tôi không làm cái việc mưu phản ấy. Đã vậy thì sao có thể làm hại những người vô can? Vừa dứt lời, Địch Nhân Kiệt đâm đầu vào cây cột giữa nhà, máu chảy lênh láng. Vương Đức Thọ vội vàng chạy tới đỡ ông dậy, đưa ông sang phòng bên tạm nghỉ, sau đó vội vàng quay lại xử lý vết máu trên cột và dưới đất. Nhân lúc Vương Đức Thọ không

có mặt, Địch Nhân Kiệt lấy chiếc khăn tay ra, lấy máu trên người viết nỗi oan của mình vào đó, giấu vào giữa chiếc áo lông. Lát sau, Vương Đức Thọ quay lại, thấy Địch Nhân Kiệt đã hồi sức bình thường, ông mới yên tâm.

Địch Nhân Kiệt nói với Vương Đức Thọ: "Trời nóng lên rồi, phiền ngài chuyển hộ chiếc áo bông này về cho người nhà tôi, bảo họ tháo ruột bông ra, giặt đi, sau đó lại chuyển vào cho tôi". Vương Đức Thọ thực hiện yêu cầu của ông. Con của Địch Nhân Kiệt nhận được áo của bố gửi về và thấy dặn tháo ruột bông ra thì nghĩ rằng chắc là có thư. Sau khi Tiễn Vương Đức Thọ ra về, anh bóc vỏ áo ra, thấy có thư viết bằng máu, biết rằng cha bị vu cáo. Anh chạy ngược chạy xuôi nhờ người chuyển tang chứng tới Võ Tắc Thiên. Xem xong, Võ Tắc Thiên không rõ đã xảy ra chuyện gì, cho người gọi Lai Tuấn Thần tới để hỏi. Lai Tuấn Thần có tật giật mình, thấy Thái hậu triệu kiến, y biết có chuyện chẳng lành, vội cho người làm giả "biểu tạ tội" của Địch Nhân Kiệt, và bịa ra một loạt chuyện vu cáo để bưng bít.

Một thời gian sau, con của Binh chương sự Lạc Tư Hối cũng có có đơn kiện Lai Tuấn Thần đã giết oan bố anh, và được Võ Tắc Thiên triệu kiến. Khi trả lời câu hỏi của Võ Tắc Thiên, anh nói: "Cha thần đã chết rồi, người chết không sống lại được. Nhưng đáng tiếc là, luật pháp do Thái hậu ban hành bị bọn Lai

Tuấn Thần mang ra đùa giỡn. Nếu Thái hậu không tin thần thì cử một quan trung hậu, thanh liêm, được Thái hậu tin cậy tạo ra chứng cớ giả về một người nào đó âm mưu làm phản, giao cho Lai Tuấn Thần xét xử, thần đảm bảo rằng, bị tra khảo tàn bạo, người đó nhất định sẽ nhận tội". Nghe vậy, Võ Tắc Thiên có phần hiểu ra, bỗng nghĩ tới vụ án Địch Nhân Kiệt, vội triệu ông tới, tỏ ý khó hiểu, hỏi:

- Ngươi oan thì tại sao lại nhận tội âm mưu làm phản?

Địch Nhân Kiệt tâu:

- Tâu Thái hậu, nếu thần không nhận thì đã chết từ lâu bằng hình phạt tàn ác rồi ạ.

- Thế tại sao ngươi lại viết "biểu tạ tội"? - Võ Tắc Thiên hỏi tiếp.

- Hoàn toàn không có việc đó, xin Thái hậu minh xét - Địch Nhân Kiệt rứt khoát phủ nhận.

Võ Tắc Thiên lấy "biểu tạ tội" ra đối chiếu nét chữ của Địch Nhân Kiệt, thấy hoàn toàn không giống. Lúc này bà mới biết Lai Tuấn Thần bịa ra, bà lập tức lệnh thả Địch Nhân Kiệt.

Câu chuyện về Địch Nhân Kiệt nói với chúng ta rằng, có nhiều khi, kìm chế tính cương trực thẳng thắn, nhũn với đối phương là kế sách đấu tranh tốt, nếu cứng thì thua thiệt to. Xét từ bất kỳ góc độ nào, nhũn như thế đều là khôn ngoan.

CHƯƠNG V

THIÊN CỔ GIAI THOẠI : ĐIỂN CỐ LỊCH SỬ VỀ NHẪN NHƯỢNG HỌC

Các tiên triều cổ đại Trung Quốc rất coi trọng nhẫn nhịn, coi nhẫn nhịn là lợi khí làm nên nghiệp lớn. Do vậy, chúng tôi giành riêng một chương gồm những giai thoại về nhẫn nhịn để chúng ta rút ra những điều gợi mở. Chắt lọc tinh hoa văn hoá truyền thống của dân tộc Trung Hoa, đối xử với các sự việc quanh ta theo tinh thần nhẫn nhịn sẽ giúp ta cảm thấy tâm tình khoan khoái, vạn sự hanh thông.

1. Khéo nhẫn nhịn

- Yên Anh nhẫn nhịn để chống Sở Vương

Yên anh là người nước Tề thời Xuân Thu, dáng người thấp nhỏ, mặt mũi xấu xí, nhưng tài ăn nói, đối đáp nhanh. Năm Tề Linh Công thứ 26, sau khi cha là Yên Nhược qua đời, Yên Anh lấy tư cách là Đại phu nước Tề, kế vị cha, làm Quốc khanh nước Tề.

Một lần, Yên Anh vâng mệnh Tề Vương đi sứ nước Sở. Bấy giờ nước Sở mạnh hơn nước Tề. Yên Anh dáng người thấp nhỏ, mặt mũi xấu xí. Sở vương coi sứ giả này của nước Tề chẳng ra gì, tìm cách đưa Yên Anh ra làm trò để xỉ nhục nước Tề. Dựa vào đặc điểm thân hình thấp bé của Yên Anh, Sở vương ra lệnh mở một chiếc cửa thấp nhỏ người thường không đi qua được ở ngay cạnh cửa cung điện tiếp khách để cho Yên Anh đi qua cửa này vào cung điện của Sở vương.

Xe ngựa của Yên Anh tới trước cung điện của Sở vương thấy cái cổng con này ông vừa khó chịu vừa nực cười, không ngờ Sở vương lại dùng phương thức đê tiện này để đón tiếp sứ giả. Quan tùy tùng của Sở vương ra đón Yên Anh nói:

- Xin chào Đại sứ Yên, vua tôi chờ ngài ở trong điện đã từ lâu - vừa nói y vừa dẫn Yên Anh theo lối cửa thấp nhỏ.

Yên Anh tỉnh bơ, làm như không nghe thấy viên tùy tùng của Sở vương nói, đi thẳng vào cửa chính của cung điện của Sở vương. Bọn lính gác ngăn Yên Anh lại không cho ông vào. Yên Anh dừng lại, quát:

- Người đi sứ nước chó má mới vào theo cửa giành cho chó má, vậy nước ta đang đi sứ là nước Sở hay nước chó má đây?

- Tất nhiên là nước Sở - bọn lính gác trả lời.

- Đã thế thì tại sao không được đi theo lối cửa chính?

Bọn lính gác không trả lời được. Yên Anh đàng hoàng đi qua cửa chính vào gặp Sở vương.

Nước Sở bị Yên Anh làm cho xấu mặt, Sở vương không cam lòng, bất chấp nghi lễ ngoại giao và thể diện nước lớn, xỉ nhục Yên Anh :

- Đường đường là nước Tề mà sao lại phái một thằng bé con lùn tì như ngươi sang nước ta? Xem ra nước Tề hết người tài giỏi hơn rồi.

Yên Anh trừng trừng nhìn Sở vương, thoáng nghĩ trong đầu, nói:

- Nước Tề cử người đi sứ có lệ là người có tài đức đi sứ nước cao sang, kẻ bất tài đi sứ nước hèn mọn; đại nhân đi sứ nước lớn, tiểu nhân đi sứ nước nhỏ. Thần là tiểu nhân lại bất tài cho nên Tề vương cử thần đi sứ nước Sở".

Sở vương vô cùng ngượng ngùng, thấy Yên Anh tuy thấp bé, nhưng hiểu biết phi phàm, khó đối đáp nổi.

Nhưng Sở vương vẫn chưa chịu sáng mắt ra, vẫn tìm dịp làm nhục Yên Anh để gỡ thể diện. Ông ta vắt óc suy nghĩ, nghĩ ra được một diệu kế.

Hôm sau, Sở vương cố tình tiếp chuyện Yên Anh ở trước cung điện. Bỗng mấy tên lính hùng hổ lôi, đẩy, áp giải một phạm nhân đi qua trước mặt Sở vương. Sở vương cố ý ra lệnh giải phạm nhân tới để tự mình xét hỏi.

Sở vương quát:

- To gan, người làm việc gì xấu hãy mau khai ra!

Phạm nhân sợ hãi, run bần bật, thưa:

- Bẩm đại cương, con ăn cắp đồ đạc của nhà người ta, tội đáng chết ạ!

Ngừng một lát, Sở vương hỏi:

- Nhà ngươi ở đâu?

- Dạ, con là người nước Tề ạ - Phạm nhân cúi mặt xuống.

Sở vương đưa mắt sang Yên Anh, nói:

- Yên đại sứ, nước Tề nhà ngươi lắm trộm cắp thế, mò sang cả nước Sở.

Yên Anh lặng thinh quan sát từ đầu chí cuối, biết đây lại là mưu kế Sở vương dùng để xỉ nhục nước Tề. Thấy Sở vương nói vậy, ông đáp lại:

- Ở Hoài Nam có một giống cây quýt đem di thực xuống Hoài Bắc thì bị thoái hoá, tuy trông cây rất giống, nhưng quả thì khác xa. Tại sao vậy? Vì các nơi thủy thổ khác nhau cho nên nó thay đổi như thế. Người này khi ở nước Tề không tơ hào của ai một xu, rất biết thân biết phận, khi sang nước Sở thì làm bậy, trộm cắp như ranh, có lẽ là do nhiễm phải lề thói nước Sở đó.

Sở vương mấy lần bị xấu mặt, buộc phải phục tài của Yên Anh, thay đổi thái độ, bắt đầu đối xử với ông một cách lịch sự.

Trong đấu tranh trên mặt trận ngoại giao, việc nọ dắt dây việc kia, không có tư duy lôgích chặt chẽ và

cách ăn nói khôi hài thì khó giành được phần thắng, có khi phải để cho đối phương cố làm ra vẻ cao minh, già mồm cả vú lấp miệng em, chơi trò khôn vặt, trêu chọc, đó cũng là một khía cạnh của nhẫn nhịn, nhẫn nhịn ở tầm cao nhất.

Trương Nghi nhẫn nhịn để liên minh sáu nước

Nếu nói rằng, về mặt nhẫn nhịn, Yên Anh áp dụng phương thức trước hết nhẫn nhịn, sau đó khôn khép đẩy trả đối phương sự xỉ nhục của họ đối với mình, phản kích từ khía cạnh khác, thì Trương Nghi dựa vào ba tấc lưỡi dẻo kẹo để liên minh sau nước, tức là xuất kích chính diện, kìm chế, không nói chủ định của mình, khuyếch đại cái việc mà sáu nước đều lo sợ để rồi cả sáu nước đều quy thuận nước Tần.

Đời Thận Tĩnh vương năm thứ hai của nước Chu, Tô Tần chết ở nước Tề. Một nhà du thuyết khác thời kỳ Chiến Quốc là Trương Nghi bắt đầu hoạt động xây dựng liên minh lấy nước Tần làm trụ cột.

Khi ở nước Tần, do có công trong việc xử lý quan hệ giữa nước Tần với nước Ngụy, cho nên có một thời Trương Nghi được giữ chức tướng. Sau này do tham dự hội đàm với các chư hầu nhưng không thu được kết quả mong muốn, bị Tần Huệ vương bãi chức, về nước Ngụy làm tướng. Mặc dầu vậy, tư tưởng chính trị của Trương Nghi vẫn là thực hiện liên minh lấy nước Tần làm trụ cột. Về điểm này ông được Tần Huệ vương ngấm ngầm khuyến khích và ủng hộ.

Khi được tin Tô Tần chết, Trương Nghi khuyên Ngụy Huệ vương như sau: "Đất đai của nước Ngụy chưa tới 1000 dặm; quân đội chưa tới 300 ngàn, địa thế bốn mặt bằng phẳng, không có núi cao sông lớn ngăn cách, số binh lính đóng ở các đồn, các chốt biên phòng dọc biên giới giáp với nước Sở, Hàn, Tề, Triệu đã mất khoảng hơn 100 ngàn, quân cơ động không nhiều. Tuy tiếp nhận ý kiến của Tô Tần nước Ngụy đã liên minh với các chư hầu ở Quan Đông. Nhưng không phải là liên minh bền vững vĩnh cửu. Có những người là anh em ruột thịt mà còn tranh giành của cải tàn sát lẫn nhau, hơn nữa Tô Tần đã chết rồi. Vả lại, Tô Tần là người phản phúc bất thường, các nước không còn dựa vào ảnh hưởng của ông để bảo vệ cho mình khỏi bị xâm phạm. Nếu Đại vương không chớp thời cơ theo nước Tần, họ tung quân ra tiến công bờ nam Hoàng Hà, chiếm một vùng đất rộng lớn của ta, chiếm Dương Tấn, vùng trọng yếu của ta, thì khi ấy quân nước Triệu không thể xuống phía nam được, quân nước Ngụy ta không bắc tiến được, hai nước Triệu, Ngụy bị cắt ra làm đôi, như vậy thì còn cứu nhau làm sao được? Bấy giờ, Đại vương sẽ không thể bảo vệ nước Ngụy được nữa. Bởi vậy, Thần khẩn thiết đề nghị Đại vương thẩm định lại đại kế. Nếu không, xin cho thần được từ chức và ra đi, thần không chịu đựng nổi tai hoạ ấy". Những lời doạ khéo ấy khiến Ngụy vương lo nghĩ, ông nghe theo Trương Nghi, tuyên bố tách khỏi liên minh cũ, cử Trương Nghi liên lạc với nước Tần. Trương Nghi mang theo đề nghị của

Ngụy vương về nước Tần, Tần Huệ vương rất mừng, khôi phục chức vụ cũ cho ông.

Mục tiêu du thuyết tiếp đó của Trương Nghi là nước Sở. Ông mất hai năm để sắp đặt một ông vua ngu đần, một mực nghe theo ông, đó là Sở Hoài vương. Sau đó, tới thời Chu Hách vương năm thứ tư ông doạ: "Cấu kết với nhau chống nước Tần chẳng khác nào xua đàn cừu ra đánh nhau với mãnh hổ, chắc chắn thất bại. Nếu Đại vương không theo nước Tần, họ kéo cả nước Hàn và nước Ngụy cùng đánh nước Sở thì nước Sở sẽ nguy cấp. Phía tây nước Tần có đất Ba, Thục trù phú. Nếu từ đó đóng thuyền bè, thu gom lương thực, xuôi theo sông Mân, chưa tới 10 ngày đã có thể tới vùng công nghiệp miền Đông, không gì chống đỡ nổi. Khi ấy Kiềm Trung, quận Vu chắc chắn không còn thuộc về Đại vương nữa. Sau đó, nước Tần sẽ cắt quân từ Vũ Quan Đông cắt đứt liên lạc giữa nước sở với phía bắc. Thưa Đại vương, chỉ trong vòng ba tháng, nước Tần có thể nuốt chửng nước Sở. Thế mà phải mất quá nửa năm các chư hầu khác mới tới cứu nước Sở được. Hiện nay nước Sở chỉ trông chờ nước yếu chi viện, quên rằng nước Tần sẽ đánh úp. Điều này thật đáng lo ngại. Nếu Đại vương nghe thần, liên minh với nước Tần, kết nghĩa anh em lâu dài với họ, hai bên không xâm phạm lẫn nhau, như thế thì tốt biết bao!"

Mặc dầu đã nếm mùi cay đắng do Trương Nghi gây ra, bây giờ lại bị Trương Nghi dọa cho sợ hết vía,

Sở Hoài vương vẫn phải ngoan ngoãn lại tự buộc mình vào cỗ xe của nước Tần.

Trương Nghi rời đô thành Giang Lăng của nước Sở tới đô thành Tân Trịnh của nước Hàn. Ông nói với người mới lên kế vị là Hàn Nhượng vương rằng: "Nước Hàn nhiều núi non, đất xấu, chỉ sản xuất đậu, mạch, chẳng có loại lương thực nào ra hồn; hơn nữa sản lượng lại ít, không có thừa dùng cho năm sau. Số lượng quân đội không quá 200 ngàn, trong khi dó nước Tần có hơn 1 triệu. Về chất lượng quân đội thì quân đội nước Hàn phải có áo mũ giáp quấn đầy người, trùm kín đầu mới dám ra trận; còn quân lính nước Tần hễ nghe thấy tiếng trống trận liền lập tức cởi áo mũ giáp nặng trình trịch ra, để trần xông thẳng vào quân địch, tay trái xách đầu giặc, tay phải cắp tù binh, dũng mãnh không gì ngăn cản nổi. Nếu đất nước nhỏ yếu của Đại vương chọi lại những dũng sĩ như mãnh hổ này thì chẳng khác nào trứng chọi với đá. Nếu Đại vương không theo nước Tần, họ xuất quân chiếm Nghi Dương, bao vây Thành Cao thì nước Hàn bị cắt làm đôi, cung điện lâu đài cao to, nương dâu xanh tốt đều không còn là của nước Hàn nữa. Do vậy, cách tốt nhất hiện nay là theo nước Tần, đánh nước Sở, đẩy tai họa cho nước Sở, làm vui lòng nước Tần".

Quả nhiên Hàn Nhượng vương nghe theo Trương Nghi. Trương Nghi trở về nước Tần, Huệ Văn vương thưởng cho ông 6 ấp tươi đẹp, phong ông là Vũ An

quân. Vũ An quân biết ăn nói, đao to búa lớn chỉ là một mặt, điều quan trọng hơn là ông làm cho các nước chư hầu có cùng nhận thức như ông về tình cảnh nguy khốn của họ.

Tạm nghỉ ít ngày, Trương Nghi lại lặn lội tới nước Tề xa xôi ngàn dặm. Bấy giờ, Tề Tuyên vương là vị quân chủ rất có kinh nghiệm chiến đấu, Trương Nghi áp dụng cách nói vòng vo, rằng: "Theo thần được biết, các đại thần có khuynh hướng liên minh của quý quốc thường cho rằng, phía tây nước Tề được đệm bởi nước Hàn, nước Triệu, nước Ngụy cách nước Tần rất xa. Hơn nữa, bản thân nước Tề đất rộng người đông, binh hùng tướng giỏi, nước Tần có mạnh nữa cũng chẳng làm gì được nước Tề. Đại vương ủng hộ quan điểm này. Có phải không ạ?"

Tề Tuyên vương gật đầu.

Trương Nghi cười hề hề, nói: "Lẽ nào thông minh như Đại vương mà cũng tin cái "cách suy nghĩ của những kẻ lười nhác sao?" Tề Tuyền vương nghe thấy cách nói rất mới lạ bèn bảo Trương Nghi giải thích cái gọi là "cách suy nghĩ của những kẻ lười nhác" có ý gì. Trương Nghi nói với vẻ không hài lòng, rằng: "Đó là cách suy nghĩ không có tinh thần trách nhiệm cao đối với vận mệnh của nước Tề. Nghe ý kiến này chắc hẳn Đại vương cảm thấy hợp với tâm lý cầu an của mình, không tích cực suy đoán những thay đổi trong thiên hạ, không suy tính sâu hơn kỹ hơn về sự

ổn định thật sự của nước Tề. Cách suy nghĩ của những kẻ lười nhác sẽ làm lỡ việc lớn của nước Tề".

Trúng đòn của Trương Nghi, Tề Tuyên vương đứng phắt dậy bắt Trương Nghi nói tiếp. Trương Nghi thấy ngón đòn của mình có kết quả, bèn đề nghị Tề Tuyên vương không nên vội, ngồi xuống nghe ông nói. Tề Tuyên vương ngồi xuống. Trương Nghi nói: "Đại vương nên biết rằng, hiện nay nước Tần và nước Sở đã là thông gia của nhau rồi, bên này gả con gái, bên kia nhận con dâu, đối xử với nhau như anh em ruột thịt vậy; nước Hàn cũng đã cống nước Tần một trấn quan trọng là Nghi Dương; nước Ngụy đã nhượng vùng đất hiểm yếu trên tuyến phía nam sông Hoàng Hà, nước Triệu cắt cho họ vùng Hà Gian trên bờ bắc sông Hoàng Hà. Như vậy, thực tế thì thế lực của nước Tần đã vươn ra cách nước Tề không còn xa nữa. Nếu Đại vương vẫn cứ bám giữ vào quan hệ liên minh đã lạc hậu, tiếp tục đối lập với nước Tần thì có khả năng nước Tần sẽ xúi nước Hàn và nước Ngụy đánh vào biên giới phía nam nước Tề, đồng thời họ phối hợp với nước Triệu vượt qua sông Thanh, tiến thẳng tới Bác Quan, lúc ấy đô thành Lâm Truy và các nơi xung yếu của nước Tề không còn thuộc về Đại vương nữa rồi!"

Tề Tuyên vương ngẫm nghĩ thấy chột dạ, ngầm phục kiến giải của Trương Nghi, đồng ý liên minh với nước Tần.

Trương Nghi có cách thuyết phục riêng đối với từng đối tượng, làm ra vẻ hoàn toàn vì lợi ích của họ, giọng điệu thiết tha, lúc thì thần bí,, lúc thì nghiêm nghị, lúc thì tỉ tê, thay đổi khôn lường, có thể nói ông nắm được cốt lõi sắc thái nhẫn nhịn chứa đựng trong ngôn từ.

Tiếp đó, Trương Nghi lại tới nước Triệu. Nước Triệu là chư hầu đầu tiên ủng hộ Tô Tần tổ chức liên minh năm nọ. Người khởi xướng tập cưỡi ngựa bắn cung như các dân tộc miền bắc Vũ Linh vương hãy còn sống. Trương Nghi không kiêng dè, nói một cách vừa nhẹ nhàng vừa nghiêm chỉnh với Triệu Vũ vương rằng: "Năm nọ Đại vương tập họp các chư hầu ở Quan Đông cùng đánh nước Tần, khiến cho nước Tần trong 15 năm sau không dám bước ra khỏi Hàm Cốc quan nửa bước. Uy danh của Đại vương lừng lẫy khắp Quan Đông, nước Tần sợ hãi, chỉ cắm đầu vào chỉnh đốn xây dựng ở trong nước, mài sắc vũ khí, tích cực trồng trọt tích lũy lương thực. Sở dĩ nước Tần có thể ngày đêm tự lực tự cường vươn lên như thể là nhờ cái uy danh ấy của Đại vương bức bí làm như vậy đó. Với sức mạnh của mình, Đại vương hoàn toàn có thể bá chủ thiên hạ. Tiếc rằng, tuy nước Tần ở nơi xa xôi hẻo lánh, nhưng lâu nay vẫn ấm ức trong lòng, không chịu khuất phục. Nay nước Sở đã kết nghĩa anh em với nước Tần; nước Hàn, nước Lương đã nguyện làm chư hầu; là cánh tay phía đông của nước Tần, nước Tề cũng đã cống nước Tần một vùng ven biển có nhiều cá, sản xuất nhiều muối, việc đó chẳng khác nào chặt

đứt cánh tay phải của nước Triệu. Một người đánh nhau với người khác mà lại thiếu cánh tay phải, cô độc một mình không có ngoại viện thì liệu có tránh được thất bại không? Trước mắt, nước Tần đã cử ba cánh quân, một cánh đi theo đường tắt, phối hợp với quân nước Tề vượt sông Thanh Hà, đóng quân ở phía đông Hàm Đan; một cánh đóng quân ở Thành Cao, cùng quân của nước Hàn và nước Lương dàn trận ở phía nam sông Hoàng Hà; một cánh nữa đóng quân ở Thằng Trì. Các nước tần, Tề, Hàn, Lương đã thỏa thuận với nhau khi đánh nước Triệu thì cùng hành động, lấy được nước Triệu thì chia làm bốn mỗi nước một phần. Tình hình là như thế. Thưa Đại vương, mục đích thật sự của tôi khi tới đây là giúp nước Triệu tránh thảm họa đó, tôi khuyên Đại vương mau mau cử sứ giả thay mặt Đại vương tới nước Tần xin thành thật liên minh với họ, tỏ ý muốn kết nghĩa anh em với họ. Nếu được như thế thì không còn nguy cơ nói trên nữa.

Triệu vương cân nhắc tình hình, cũng cảm thấy chỉ có cách ấy mà thôi.

Ít ngày sau, Trương Nghi tới kinh đô nước Yến, nói với vua nước Yến rằng: "Trước đây ít ngày, sứ giả nước Triệu đã tới nước Tần xin cống Tần vương vùng đất Hà Gian,tỏ ý muốn theo nước Tần. Nếu Đại vương không làm như nước Triệu thì nước Tần sẽ đánh vào Vân Trung và Cửu Nguyên, và điều quân nước Triệu cùng đánh vào nước Yến, e rằng khi ấy Dịch Thủ và

Trường Thành sẽ không còn thuộc về Đại vương nữa. Ngược lại, nếu Đại vương theo nước Tần thì mãi mãi không lo nước Tề và nước Triệu xâm phạm, bởi vì hai nước này đã phụ thuộc nước Tần, giống như quận huyện của nước Tần, họ không dám vượt mặt nước Tần đi đánh nước khác.

Vua nước Yên liền đề nghị lấy 5 huyện phía nam Thường Sơn làm cống vật để cầu hòa với nước Tần. Cứ như thế, mấy nước chư hầu còn lại đều đứng dưới cờ nước Tần.

Nhan Suất nhẫn nhịn để bảo vệ đỉnh đồng của nước Chu

Giữa thời kỳ Chiến Quốc, Tần Hiến công áp dụng chủ trương của Thượng Ưởng để cải cách toàn diện tình hình nội chính, tăng sức mạnh quân sự, biến một nước chư hầu ở nơi hẻo lánh có địa vị rất bình thường ở vùng Quan Tây thành một trong những nước chư hầu hùng mạnh cùng thời đại. Sau khi Hiến công qua đời, Huệ văn kế thừa chính sách cải cách của cha ông, đưa nước Tần hùng mạnh tiến lên không ngừng.

Huệ văn vương kế vị sang năm thứ hai thì ông bàn với các đại thần đem quân tiến vào Lạc Dương buộc Chu thiên tử giao nộp 9 chiếc đỉnh đồng tượng trưng cho quyền lực tối cao trong thiên hạ. Tin này tới tai Chu Hiển vương, triều đình hốt hoảng, Thiên tử vội triệu tập các đại thần thân cận bàn đối sách. Bấy giờ nhà Chu không còn đủ sức thống trị các chư hầu nữa, đã trở thành chính quyền bù nhìn hữu danh

vô thực, nước chư hầu lớn mạnh ra mặt xưng hùng xưng bá, muốn làm gì thì làm; địa vị của Thiên tử chẳng còn bằng một vị đại phu; ai cũng muốn thay thế ông ta trở thành ông chủ của vương triều mới. Giờ đây đứng trước sự uy hiếp của nước Tần hùng mạnh, chẳng ai đưa ra được phương án nào chống địch có hiệu quả, người nọ trông người kia, đành chịu bó tay. Giữa lúc ấy vang lên một giong nói bất bình, căm phẫn: "Vua Tần phản bội, dám định cướp đỉnh đồng, chẳng lẽ chúng ta khoanh tay dâng cho hắn hay sao?" Mọi người quay ra thì thấy Đại phu Nhan Suất đang phất tay áo đứng lên. Ông nói tiếp:

- Đại vương khỏi lo, thần đã có kế. Cho phép thần đi sứ tới Lâm Truy đề nghị nước Tề can thiệp.

- Đại phu Nhân Suất đề nghị nước Tề can thiệp - một người ngồi bên cạnh hỏi - liệu họ có đứng về phía chúng ta không? Ở đó liệu có ai quan tâm tới chín chiếc đỉnh đồng này không?

- Tôi có thể nói để nước Tề không làm ngơ - Nhan Suất nói chắc như đinh đóng cột.

Tới thành Lâm Truy, Nhan Suất không dám nghỉ ngơi, cho xe đi ngay tới cung xin bái kiến Tề vương.

Được báo có sứ giả của triều đình Lạc Dương xin bái kiến, Uy vương lệnh cho vào. Ông hỏi Nhan Suất:

- Ngài từ xa tới Lâm Truy, chắc hẳn có việc gì chăng?

- Nhan Suất tôi vội đến nước Tề để báo cho Đại vương tin mừng ạ.

- Nếu đúng như vậy thì Quả nhân không quên ơn của ngài.

- Đâu dám! Sự việc là thế này: Tần vương ngang ngược hống hách, không tự biết mình, là một nước ở mãi Tây Nhung mà lại dám định chiếm đỉnh đồng của triều đình. Hiện quân của họ đang tiến về Lạc Dương. Tất nhiên là triều đình không đủ sức chống cự. Nhưng vua quan chúng tôi bàn đi bàn lại, cho rằng dầu có phải nhường báu vật này cho nước khác thì cũng không thể đến lượt cái ngữ chư hầu Tần ở ngoài đất Trung Nguyên ấy. Xem ra, chúng tôi khó giữ được đỉnh, vậy chuyển cho Đại vương còn hơn để cho nước Tần cướp đi.

Tề vương mừng thầm, nhưng vẫn do dự, hỏi:

- Nước Tần muốn thì giao cho họ có được không? Nước Tề lấy về thì làm mếch lòng nước Tần, sao thỏa đáng?

- Ấy chết, tâu Đại vương, Lạc Dương lâm nguy, muốn nhờ Đại vương cứu giúp! Đại vương cứu giúp, bảo vệ được Thiên tử thì điều đó phù hợp với chủ trương sáng suốt năm nào của Tề Huyền Công, lẽ nào Đại vương lại bỏ cơ hội gây dựng danh thơm này? Hơn nữa, lẽ nào Đại vương không biết rồi đây tình hình sẽ thay đổi nếu Đại vương có trong tay những đỉnh đồng quý báu này? Cơ may hiếm có, mong Đại vương tính cho kỹ, hà tất sợ làm mếch lòng cái nước

Tần xa lắc xa lơ kia? Rồi đây họ chẳng qua chỉ còn là chư hầu phụ thuộc Đại vương mà thôi.

Những lời khẩn htiết của Nhan Suất làm bừng lên nhuệ khí tiến thủ của Uy vương. Ông lập tức ra lệnh tướng Điền Thần Tư hỏa tốc cho 500 ngàn quân nội trong 3 ngày phải tiến tới ngoại ô phía tây Lạc Dương chặn đánh quân Tần.

Được tin nước Tề đem quân cứu Lạc Dương, quân Tần đã tiến tới Hàm Cốc Quan buộc phải dừng lại, cho người quay về Hàm Dương báo cáo, xin chỉ thị. Huệ Văn sợ xảy ra to chuyện, các nước chư hầu khác công phẫn, đành ra lệnh thu quân. Sau một hồi hoảng hốt, vua quan nhà Chu ở Lạc Dương dần dần bình tâm trở lại. Không lâu sau Nhan Suất cũng về tới Lạc Dương.

Song, Lạc Dương ổn định trở lại chưa được mấy ngày thì sứ giả do Tề Uy vương cử tới lấy đỉnh đã tới.

Sự việc phát triển đúng như Nhan Suất dự liệu. Ông bình tĩnh đề nghị Chu Hiển vương cử ông tới nước Tề để giải nguy.

Nhan Suất vừa tới Lâm Truy chưa kịp thở thì Tề Uy vương hộc tốc gọi ông vào bái kiến. Nhan Suất không tỏ ra mệt mỏi, tươi cười nói với Tề Uy vương rằng ông đang thương lượng làm thế nào chuyển đỉnh đồng về nước Tề. Ông nói cùng Tề Uy vương với vẻ cảm kích rằng:

- Nhờ có nước Tề trọng nghĩa cứu nguy, Thiên tử và già trẻ trai gái nước Chu bảo toàn được tính mạng, mọi người đều muốn ngay trong ngày hôm nay biếu đỉnh đồng cho nước Tề. Chỉ có điều là chưa biết đi theo đường nào thì an toàn.

- Ta đã tính rồi, - Tề Uy vương cười, nói - đi qua nước Ngụy chẳng phải là rất gần sao?

- Không được, không được - Nhan Suất vừa lắc đầu vừa nói - từ lâu Ngụy Huệ vương đã muốn có 9 cái đỉnh này rồi. Đã nhiều lần vua quan nước Ngụy bàn định làm thế nào lấy về tay họ. Nếu đỉnh đã đi vào đất nước Ngụy đời nào họ cho đưa đi nơi khác!

Tề Uy vương suy nghĩ, cũng thấy như vậy, bènnói:

- Thế đi qua nước Sở, ngài thấy thế nào?

Nhan Suất vẫn lắc đầu nói:

- Cũng không được. Vua quan Sở Uy vương cũng muốn lấy được vật báu này của Thiên tử. Họ đã nhiều lần bàn ở Chương Hoa Đình tại Hoa Dung làm thế nào thực hiện được ý muốn mà tổ tiên họ là Sở Trang vương chưa thực hiện được, đó là chiếm được đỉnh đồng, sai khiến thiên hạ. Một khi đỉnh đã đi vào nước Sở họ sẽ không cho báu vật mà họ ngày đêm ao ước ấy ra khỏi nước họ!

Tề Uy vương không thể bác được ý kiến của Nhan Suất, bởi vì quả là chính ông cũng không biết đi theo đường nào thì an toàn nhất. Thế rồi ông vặn hỏi Nhan Suất với vẻ bực dọc:

- Đường này ngài bảo không được, đường kia ngài bảo không xong, vậy ngài cho rằng đường nào tốt nhất?

Nhan Suất rất bình tĩnh, nói với vẻ rất thành tâm:

- Đỉnh đồng to như thế, nhiều như thế lại nặng như thế, không giống như lọ dầu gió có thể giắt vào thắt lưng để mang tới nước Tề được, cũng không thể bắt chước con quạ và con chim sẽ vỗ cánh một cái là bay tới Lâm Truy, hoặc như con thỏ, con tuấn mã có thể luồn thoăn thoắt, phi nước kiệu tới nước Tề được. Ngày xưa, sau khi tiêu diệt vua Trụ đời nhà Thương, tổ tiên nhà Chu chuyển đỉnh từ Thiên Ca về Lạc Dương, mỗi chiếc đỉnh phải dùng tới 90 ngàn người kéo, tất cả là 810 ngàn người, ngoài ra cũng phải có bằng ấy người làm công tác hậu cần, quản lý, tổ chức vận tải. Vấn đề là, nay Đại vương dẫu có cử ra được từng ấy người chăng nữa thì vẫn còn phải tính đi theo đường nào bảo đảm hơn. Thần cũng vì việc này mà ăn ngủ không yên!

Hầu như Tề Uy vương chẳng biết nói gì hơn, chỉ nói kháy Nhan Suất một câu:

- Ngài đã vất vả lặn lội tới nước Tề hai lần, nói rất nhiều lời nghe rõ sướng tai, nhưng rốt cuộc thì như chẳng nói gì, có phải thế không?

- Chúng tôi không dám lừa nước tề - Nhan Suất vẫn nói với vẻ nghiêm túc - Đại vương hãy mau mau cùng các đại thần nước Tề bàn bạc tìm ra cách thích

hợp, chúng tôi chờ Đại vương đến Lạc Dương chuyển đỉnh về.

Sau hai lần Nhan Suất bàn bạc với Tề Uy vương, cuộc khẩu chiến tranh giành đỉnh đồng chấm dứt, chính vì các chư hầu tranh nhau đỉnh đồng, ai cũng muốn giành về tay mình, cho nên đỉnh đồng mới không bị mất.

Vương Kính nhẫn nhịn, được kiện

Năm Chinh Quan đời Đường Thái Tông, ở huyện Tân Hương, châu Vệ có một chàng nông dân trẻ tuổi tên là Vương Kính, cha mẹ mất sớm, sống độc thân, chịu thương chịu khó làm ruộng để nuôi miệng. Vương Kính nuôi 6 con bò để kéo cày. Đến tuổi, có giấy gọi đi lính nghĩa vụ, anh lo nghĩ chưa biết xử lý đàn bò như thế nào. Suy đi nghĩ lại, anh quyết định gửi bò để cậu Lý Tiến nuôi hộ mấy năm.

Vương Kính dắt bò tới, cậu Lý Tiến vui vẻ nhận nuôi hộ. Vương Kính trả trước cho cậu chi phí nuôi bò. Sau đó anh lên đường nhập ngũ.

Năm năm đã trôi qua. Hết hạn quân dịch, Vương Kính về quê.

Vương Kính tới nhà cậu Lý Tiến để xin dắt bò về. Thấy cháu tới dắt bò về, Lý Tiến tiếc, không muốn trả 30 con bê. Trầm ngâm một lát, Lý Tiến nói:

- Cháu Vương ơi, 6 con bò của cháu chết mất 2, còn 4, cháu dắt về đi.

Vương Kính không nói gì, anh ra chuồng bò thì thấy 4 con bò già và 30 con bê quấn quít với nhau. Vương Kính nghi ngờ, hỏi:

- Cậu ơi, 30 con bê này là thế nào?

Thấy cháu hỏi thế, Lý Tiến sa sầm mặt lại, tỏ ý không vui, nói:

- Ba chục con bê là của tao không liên quan gì tớimấy con bò già của mày, nhanh dắt bò của mày về đi.

Nghe cậu nói vậy, Vương Kính đỏ nhừ mặt, nín nhịn không nói gì. Lý Tiến mừng thầm. Không dè Vương Kính trẻ người non dạ, đốp chát luôn:

- Cậu ơi, rõ ràng là lũ bê này là do mấy con bò của cháu đẻ ra, sao cậu không thừa nhận điều đó?

Thấy Vương Kính đanh mặt chau mày lại, Lý Tiến liền ra vẻ tức giận, giở thủ đoạn ngang ngược:

- Vương Kính! Sao mày vô lễ thế?! Bê không biết nói, mày không có chứng cứ, thế mà dám đổ tội cho cậu lấy bê của mày

- Lý Tiến phất tay áo bỏ đi. Thằng cháu vừa tức vừa buồn, cố van nài, nhưng ông cậu vênh mặt không nhận. Vương Kính nghĩ rằng đúng là bê không biết nói, khó chứng minh là của mình. Không còn cách nào khác, anh đành lên huyện Tân Hương kiện Lý Tiến chiếm đoạt bê của mình.

Viên tri huyện tên là Bùi Tử Vân, tư duy nhanh nhạy, sáng suốt, có tài, khi xét xử và phán đoán các

vụ án ông thường khéo dùng mưu trí, làm rõ đúng sai. Nghe Vương Kính trình bày xong, ông đoán biết Lý Tiến lợi dụng cháu không có chứng cứ để chiếm đoạt bê của cháu. Ông dặn Vương Kính tạm lưu lại trong huyện đường ít ngày.

Tri huyện Bùi Tử Vân phát lệnh bắt Lý Tiến về tội ăn trộm bê.

Lý Tiến cho rằng, ông ta không thừa nhận thì chẳng ai làm gì được ông ta, vì thế ông ta vững tâm lên quận lỵ hầu kiện. Vừa bước vào công đường Lý Tiến đã chu chéo:

- Oan cho tôi quá! Oan cho tôi quá! Tiểu dân này không hề ăn cắp bê.

Thấy Lý Tiến đã đến, tri huyện Bùi Tử Vân lên ngay công đường để thẩm vấn. Ông ngồi đường bệ, nét mặt nghiêm nghị, quát:

- Tên gian ngoan xảo quyệt kia, dám cả gan câu kết với kẻ khác ăn cắp bê con, hãy mau khai ra!

Thật ra Lý Tiến không ăn cắp bê, tất nhiên y quyết không nhận. Tri huyện Bùi Tử Vân giận dữ, quát:

- Đồng bọn của ngươi đã bị bắt, y khai đã cùng ngươi ăn cắp 30 con bê, hiện đang để ở nhà ngươi, ngươi vẫn chối quanh sao?

- Bẩm thưa đại nhân - Lý Tiến giẫy nảy lên - con có biết tên trộm ấy như thế nào đâu, chắc chắn có kẻ vu cáo!

- Chà, cà cuống chết đến đít còn cay - Tri huyện Bùi Tử Vân nghiêm khắc - Được, xem ngươi chối đường nào! Lệ đâu, hãy giải tên trộm ra đây!

Mấy tên lính lệ đã chuẩn bị từ trước, nhanh chóng lấy khăn bịt mặt Vương Kính rồi giải ra công đường.

Vương Kính đóng giả là "đồng bọn" của Lý Tiến, đổi giọng, nói:

- Lý Tiến, đừng chối nữa, tôi đã khai nhận hết cả rồi.

Thấy quả là có một tên tự nhận là "đồng bọn" ra công đường, Lý Tiến cảm thấy oan quá, nhưng lại sợ, vội phân bua:

- Bẩm thưa Đại nhân, con không liên quan tới việc ăn cắp bê, 30 con bê ở nhà con là do bò của thằng cháu Vương Kính đẻ ra, sao lại vu oan cho người tốt như thế?

Tri huyện Bùi Tử Vân phá lên cười. Lý Tiến lấy làm lạ, không rõ vì sao tri huyện lại cười dữ vậy. Giữa lúc Lý Tiến đang ngây người ra như thế thì tên "đồng bọn" bỏ khăn che m ặt ra. Lúc này Lý Tiến mới biết đó là thằng cháu Vương Kính, biết rằng mình bị lừa, ruột gan ớn lạnh,đành phải cúi đầu nhận lỗi.

Viên tri huyện thông minh đã giúp Vương Kính đòi được đàn bê của anh.

Gia Cát Lượng chiếm được lòng Mạnh Hoạch nhờ nhẫn nhịn

Cuối thời kỳ Tam Quốc, với sự quản lý của Gia Cát Lượng, Thục Hán phồn vinh, khôi phục quan hệ liên minh với Tôn Quyền để chống Tào Phi, tiếp đo chuẩn bị tiến quân xuống vùng Nam Truy để dẹp cuộc phản loạn của Mạnh Hoạch.

Mạnh Hoạch là thủ lĩnh dân tộc thiểu số vùng Nam Trung, rất có ảnh hưởng tại vùng này. Ông ta cấu kết với Chu Bao, nhân lúc Lưu Bị vừa qua đời, giết các quan lại vùng Nam Trung do nước Thục cử tới, phát động cuộc phản loạn, công khai chống lại nước Thục.

Mùa xuân năm 255 sau công nguyên, Gia Cát Lượng tập trung 500 ngàn quân chia làm 3 cánh tiến xuống Nam Trung.

Trước lúc xuất quân, Gia Cát Lượng hỏi Mã Tốc:

- Nam chinh lần này ngươi có cao kiến gì không?

Thấy Gia Cát Lượng thành thật trưng cầu ý kiến, Mã Tốc nói:

- Thần cho rằng Nam Trung là vùng xa xôi hẻo lánh, đường xá khó khăn, người vùng Nam trung là dân thiểu số xảo quyệt, hay thay đổi, chinh phục bằng vũ lực không giữ yên ổn được lâu dài. Xưa nay, đạo dùng binh chú trọng đánh vào lòng người là chính, công thành là phụ; đánh nhau bằng tấm lòng là chính, đánh nhau bằng quân lính là phụ. Kế sách tốt

nhất là chinh phục họ về mặt tâm lý, như vậy mới có thể giữ gìn yên ổn được lâu dài, tránh khỏi khổ sở vì binh đao.

- Thật là không hẹn mà gặp ý ta. - Gia Cát Lượng tấm tắc khen.

Gia Cát Lượng biết Mạnh Hoạch có uy tín rất cao ở vùng này, nhiều người phục tùng sự chỉ huy của ông ta. Ông muốn lợi dụng uy tín của Mạnh Hoạch để cai trị vùng Nam Trung. Bởi vậy, trước khi chiến đấu ông truyền lệnh phải bắt sống chứ không được giết Mạnh Hoạch.

Nghe tin quân nước Thục đã tiến xuống Nam Trung, Mạnh Hoạch dẫn quân ra nghênh chiến. Thấy quân nước Thục lôi thôi lếch thếch, cờ quạt ủ rũ, Mạnh Hoạch chê cười: "Thế mà người ta đồn Gia Cát Lượng giỏi cầm quân, dùng binh như thần, nay xem ra không phải như vậy". Hai bên dàn trận. Bên quân nước Thục, Vương Bình xông ra giao chiến với Mạnh Hoạch. Mới đánh có mấy hồi, Vương Bình đã có dấu hiệu thất bại, lui dần, bỗng cho ngựa quay đầu bỏ chạy. Mạnh Hoạch thấy Vương Bình bất tài như thế liền thúc ngựa đuổi theo, đuổi được hơn chục dặm thì bỗng bốn bề vang tiếng hô giết, quân mai phục của nước Thục xông lên vây chặt quân lính của Mạnh Hoạch. Mạnh Hoạch dẫn quân liều chết phá vây chạy vào thung lũng, nhưng đường này hiểm trở, không cưỡi ngựa được, Mạnh Hoạch đành phải xuống ngựa, đi bộ leo dốc. Vừa leo tới lưng dốc lại thấy tiếng hô

xung phong, thì ra một toán quân Thục nữa đang đón lõng Mạnh Hoạch ở đây. Mạnh Hoạch hết đường chạy thoát, bị bắt sống.

Mạnh Hoạch bị giải về bản doanh của Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng hỏi:

- Nước Thục đối xử với các ngươi rất hậu hĩ, các ngươi không chịu an cư lạc nghiệp, lại còn làm phản, đã biết tội chưa? Bây giờ bị bắt rồi, còn cãi vào đâu được?

- Ta nhất thời sơ ý - Mạnh Hoạch nói - mớibị các người bắt, không phải là thua.

Gia Cát Lượng dẫn Mạnh Hoạch đi xem doanh trại quân đội, sau đó hỏi:

- Quân của ngươi có địch nổi quân Thục không?

Mạnh Hoạch thấy doanh trại của quân Thục rất trật tự, sĩ khí bừng bừng, thầm phục Gia Cát Lượng biết cách cầm quân, nhưng vẫn cố lên gân:

- Ta không bị các người đánh bại, chỉ vì sơ ý mới bị bắt. Nếu cứ đàng hoàng ra, ta có thể thắng các người.

- Nếu ngươi chưa phục, ta thả ngươi ra.

- Nếu các người thả ta, ta sẽ chỉnh đốn lại quân, lại giao chiến với các người lần nữa. Nếu lại bị bắt ta sẽ hàng phục.

Gia Cát Lượng cho làm cơm tiễn Mạnh Hoạch, sau đó thả ông ta ra.

Về tới bản doanh, Mạnh Hoạch chấn chỉnh binh mã, lại giao chiến với quân Thục. Ông ta cử hai vị chiến tướng cầm quân đánh nhau với quân Thục, cả hai đều thua trận bỏ chạy. Vì hai viên tướng này lần trước cũng bị bắt và được thả ra, Mạnh Hoạch nghi họ đã quy thuận quân Thục, cố ý thua trận, cho nên muốn giết họ. Thấy có chuyện chẳng lành, nhân lúc Mạnh Hoạch không đề phòng, họ bắt sống Mạnh Hoạch nộp cho Gia Cát Lượng.

Gia Cát Lượng nói với Mạnh Hoạch:

- Ngươi đã hứa, nếu lại bị bắt ngươi sẽ hàng phục. Bây giờ thế nào?

- Lần này ta bị bọn tướng lĩnh phản bội bắt giao cho các ngươi, chứ không phải các ngươi bắt được ta.

Gia Cát Lượng cười, nói:

- Được, ta lại thả ngươi lần nữa, nếu lại bị bắt thì sao?

- Nếu lại bị bắt ta sẽ hàng phục.

Gia Cát Lượng lại khoản đãi Mạnh Hoạch rồi lại thả ra.

Mấy ngày sau, một viên tướng dưới quyền Mạnh Hoạch dẫn hơn mười tên lính mang nhiều vàng bạc châu báu tới nói với Gia Cát Lượng: "Đại vương của chúng tôi vô cùng cảm ơn ngài đã hai lần tha ông, tự biết không phải là đối thủ của ngài, đang chuẩn bị đầu hàng, nay ông cử tôi tới báo trước để ngài biết". Gia Cát Lượng biết đây là trò quỷ kế của Mạnh

Hoạch, ông vờ tin là thật, cho làm cơm rượu thịnh soạn để chiêu đãi đám lính này. Khi tiếp rượu, Gia Cát Lượng sai người chuốc cho đám lính này say mềm.

Nửa đêm. Mạnh Hoạch mang quân tới đánh trộm, không ngờ Gia Cát Lượng đã đề phòng từ trước. Mạnh Hoạch lại bị bắt.

Gia Cát Lượng hỏi Mạnh Hoạch:

- Lần này thì do quân của ta bắt chứ? Ngươi còn điều gì chưa phục?

- Lần này do ta dùng người không đúng mới làm hỏng việc, ta chưa phục.Nếu các người lại thả ta lần này nữa, ta chuẩn bị đầy đủ xong, lại giao chiến với các người, lại bị bắt thì chẳng còn gì để nói nữa, ta sẽ chủ động nhận tội, đầu hàng.

- Được, lần tới ngươi phải chuẩn bị thật kỹ rồi hãy giao chiến.

Mạnh Hoạch lại được thả.

Gia Cát Lượng tính rằng, đã ba lần bị bắt liền, lần này Mạnh Hoạch sẽ không khinh địch như những lần trước. Vì thế ông thay đổi chiến thuật. Trước hết ông cho chuyển bản doanh của ông tới bờ phía nam sông Lư Thủy, lệnh cho quân lính khi Mạnh Hoạch tới không được xuất kích; tiếp đó ông lệnh cho Đại tướng Triệu Vân dẫn quân đi vòng về phía sau Mạnh Hoạch, chuẩn bị để áp dụng chiến thuật đánh kẹp từ hai phía, bắt sống Mạnh Hoạch. Lần này, Mạnh

Hoạch chỉ huy hơn 100 ngàn binh mã, sĩ khí bừng bừng, với khí thế đánh một trận quyết chiến. Nhưng không ngờ Gia Cát Lượng đã chuyển bản doanh đi nơi khác. Chỉ thấy cờ của quân Thục tung bay trước doanh trại, không thấy quân thục xuất kích, chưa rõ Gia Cát Lượng dùng kế gì. Rút ra bài học những lần trước, Mạnh Hoạch thận trọng hơn, không dám manh động, cứ dàn quân đối diện với quân Thục như thế trong hai ngày.

Hôm sau, bỗng trời nổi giông, cát bụi mịt mù, Mạnh Hoạch đang định lệnh cho các tướng sĩ canh phòng cẩn mật, bỗng thấy quân Thục xông ra, ông ta vội vã dẫn quân ứng chiến. Cùng lúc ấy, Triệu Vân dẫn quân Thục từ phía sau ập tới. Quân của Mạnh Hạoch bất ngờ bị đánh kẹp từ hai phía, không chống đỡ nổi, rối loạn, không sao chỉ huy được. Mạnh Hoạch vội dẫn một số lính tháo chạy về thung lũng phía đông. Ra khỏi thung lũng, không thấy quân Thục đuổi theo, Mạnh Hoạch thở phào, đi chậm lại, chuẩn bị tạm nghỉ rồi đi tiếp. Vừa lúc ấy, thấy xa xa phía trước có mấy chục người đang lững thững đi tới, Mạnh Hoạch căng mắt ra nhìn thì thấy đó là Gia Cát Lượng và một số quân tùy tùng, ông ta cả mừng, nói với quân lính: "Đây là cơ hội tốt để tiêu diệt ông ta rồi". Dứt lời, Mạnh Hoạch dẫn quân xông tới, chưa tới thì tất cả rơi xuống bẫy. Quân Thục gỡ Mạnh Hoạch khỏi bẫy, trói lại, giải tới trước mặt Gia Cát Lượng. Gia Cát Lượng nói với Mạnh Hoạch:

- Chuyến này thì hết lý do rồi nhé!

- Các người dùng gian kế để bắt ta, không anh hùng!

- Ngươi bị ta bắt năm lần bảy lượt, lần nào cũng lên gân, rõ ràng là sợ chết!

Gia Cát Lượng vờ gọi lính mang Mạnh Hoạch đi chém đầu. Mạnh Hoạch không sợ chết, thấy Gia Cát Lượng bảo giết ông ta, bèn cười rống lên, nói:

- Ta biết các người lại thả ta. Lần tới nhất định ta sẽ thắng các người. Thật ra, Gia Cát Lượng không định giết Mạnh Hoạch, chỉ thử gan ông ta mà thôi, do đó lần này lại thả.

Tới lần thứ bảy, Gia Cát Lượng nhử quân của Mạnh Hoạch vào khe núi, sau đó bịt hai đầu, đốt lửa, Mạnh Hoạch đại bại, lại bị bắt sống.

Mạnh Hoạch bị giải về doanh trại quân Thục, họ nới lỏng trói cho ông ta và nói:

- Thừa tướng có lệnh không muốn tiếp ngươi nữa, cho ngươi về chỉnh đốn lại quân lính, lại tới giao chiến!

Mạnh Hoạch cúi đầu ngậm miệng, lát sau nói:

- Ta bị Thừa tướng bắt bảy lần nhưng tha cả bảy, đây là việc chưa từng có. Tuy là người thiểu số nhưng ta cũng biết đền ơn tri ngộ, cũng biết tự hổ thẹn.

Tiếp đó Mạnh Hoạch cùng số quân còn sống sót quỳ xuống đầu hàng Gia Cát Lượng, bầy tỏ mãi không

làm phản, suốt đời trung với nước Thục. Gia Cát Lượng bước tới đỡ Mạnh Hoạch dậy, nói:

- Làm như thế là đúng.

Gia Cát Lượng mời Mạnh Hoạch tới đại bản doanh của ông, thết đãi trọng thể, trao đổi với Mạnh Hoạch nhiều điều, sau đó tiễn ông về trại quân.

Với bảy lần bắt bảy lần tha Mạnh Hoạch, mục đích của Gia Cát Lượng là nhằm mở rộng, ổn định biên giới, tránh khỏi lo chinh chiến. Về sau, Gia Cát Lượng bổ nhiệm Mạnh Hoạch làm quan nước Thục, toàn quyền cai quản vùng Nam Trung.

Từ đó, vùng Nam Trung ổn định, sản xuất phát triển mạnh, đời sống nhân dân được cải thiện.

Nếu Gia Cát Lượng không nhẫn nhịn vì kế lâu dài thì không có "bảy lần bắt bảy lần tha", có khả năng sẽ giết Mạnh Hoạch ngay lần bắt được đầu tiên. Bình định vùng Nam Trung mà không dùng sách lược đánh vào lòng người, giết chóc bừa bãi thì sẽ đẩy quân làm phản vào chỗ tuyệt vọng, họ sẽ liều chết để tự bảo vệ mình. Dẫu hàng trăm ngàn quân Thục có thể đánh bại quân nổi loạn, nhưng phải mở những cuộc đánh lớn. Như vậy sẽ thương vong nhiều, mà vẫn không trừ được tận gốc cuộc nổi loạn, quân nổi loạn tuy bị đàn áp nhưng họ không hàng phục, Gia Cát Lượng không thể tập trung được lực lượng để chống lại Tào Phi.

Khổng Dung nén giận để dẹp phản loạn

Năm Cảnh Thái thứ năm đời nhà Minh, Khổng Dung thi đỗ tiến sĩ, sau đó làm tri huyện nhiều năm ở Đô Xương, Liên Sơn, có quan hệ hết sức gắn bó với dân chúng sở tại. Do biết vỗ về dân chúng, có thành tích cai trị tốt, cho nên năm Thành Hóa thứ nhất, được đề bạt Tri phủ Cao Châu.

Thủ lĩnh dân tộc Dao ở Cao Châu thường lôi kéo quần chúng gây rối, nổi loạn, chống quan Tri phủ. Viên tri phủ tiền nhiệm là Lưu Hải sợ người Dao bạo loạn, đóng cổng thành, không dám ra. Dân chúng yêu cầu được vào trong thành để lánh nạn, Lưu Hải không cho, có khi còn nghi họ cấu kết với bọn làm loạn, giết họ. Do vậy làm cho dân chúng phẫn uất, chống đối, một số người cấu kết với người Dao công thành chiếm đất, chống lại tri phủ.

Khổng Dung tới nhậm chức, ông làm khác với viên tri phủ tiền nhiệm, mở cổng thành cho dân vào lánh nạn, cung cấp đồ ăn thức uống và chỗ nghỉ cho họ. Dân lưu lạc kéo về, thành chật không chứa hết, ông cho dựng một nhà tạm trú ở góc đông bắc thành để cho họ ở; ông còn cho xây nghĩa trang để chôn cất những xác chết không người thừa nhận, dân chúng rất cảm kích. Bấy giờ, ở đất Cao Châu có hơn mười bộ lạc người Dao đốt nhà cướp của, không từ tội ác nào, gây nguy hại rất lớn đối với địa phương. Khổng Dung nhiều lần cử người tới dụ hàng, nhưng họ đều để ngoài tai.

Một hôm, Khổng Dung mang theo hai viên tùy tùng, cưỡi ngựa đi theo con đường gập ghềnh tới bản Mao Động gặp già làng Đặng Công Trường. Bản Mao Động cách thành Cao Châu 10 dặm. Khổng Dung đang đi thì bỗng có mấy tên cướp từ bên đường xô ra. Khổng Dung quát:

- Tụi bay là ai?

- Bọn ta là quân của Đại vương Đặng Công Trường, các người là ai?

- Ta là Thái thú Khổng Dung mới đến nhậm chức, các người về báo với Đại vương là ta tới!

Lũ cướp bán tín bán nghi vội chạy về báo với già làng Đặng Công Trường. Được tin Thái thú mới sẽ tới, già làng Đặng Công Trường vội vàng triệu tập đồ đảng lên ngựa ra nghênh chiến. Ai dè khi tới gần thì thấy Khổng Dung đơn thương độc mã, ung dung đi tới, Đặng Công Trường không biết nên xử trí thế nào.

Khổng Dung xuống ngựa, đi thẳng vào sân đình, thản nhiên ngồi xuống, vừa đàng hoàng vừa không có vẻ thù địch. Đặng Công Trường thấy viên Thái thú mới có dáng vẻ tự nhiên, hào hiệp, gan dạ, hiểu biết hơn người, hiền lành nhưng oai nghiêm, cho nên có ý kính nể, bảobọn tay chân cởi giáp, bỏ vũ khí xuống, quỳ xuống khấu đầu tạ tội.

Khổng Dung an ủi họ:

- Các ngươi vốn là dân lành, vì đói rét mà làm liều. Thái thú trước đây không biết thương yêu các

ngươi, lại còn chém giết, chẳng trách các ngươi chống lại ông ta. Bây giờ, ta được giao nhiệm vụ làm quan phụ mẫu của các ngươi, như vậy, các ngươi là tý dân của ta. Nếu các ngươi tin ta thì hoặc tự giải tán các băng nhóm, làm dân lành, hoặc là đầu hàng quan tri phủ, phục vụ đất nước. Nếu không tin thì giết ta đi!

Đặng Công Trường còn đang do dự, nhưng quân sĩ thì đã khóc không thành tiếng. Bỗng Đặng Công Trường quỳ sụp xuống nói:

- Thái thú yêu dân như con thì dân đâu dám coi Thái thú là địch!

Đặng Công Trường lệnh cho tay chân làm cơm rượu để thết Khổng Dung; Khổng Dung không từ chối, cơm rượu xong thì trời tối, Đặng Công Trường cố giữ Khổng Dung ở lại nghỉ đêm:

- Trời tối rồi, mời Thái thú ở lại nghỉ đêm!

Khổng Dung cũng không từ chối.

Ban đêm Khổng Dung cởi hết quần áo ngoài ra, ngủ rất ngon, không hề phòng ngừa. Đặng Công Trường chờ cho Khổng Dung yên giấc rồi mới đi nghỉ, trong lòng vô cùng thán phục. Khổng Dung nghỉ liền hai đêm ở đây. Sau đó, Đặng Công Trường mang theo mấy chục kỵ binh hộ tống Khổng Dung về thành Cao Châu.

Người trong thành thấy kỵ binh của Đặng Công Trường tới, sợ hãi, vội đóng cổng thành lại. Khổng Dung bảo đám kỵ binh hộ tống tạm chờ ở ngoài, ông

mang theo hai người gầy nhỏ cùng vào trong thành lệnh cho quân trong thành mở tiệc chiêu đãi và mở kho lấy tiền, vải vóc ban thưởng cho họ. Đặng Công Trường vô cùng cảm kích, về tới sào huyệt lập tức cho đốt hết lán trại, mang theo hàng trăm người về quy hàng Khổng Dung.

Sau khi Đặng Công Trường quy hàng, bọn phản loạn người Dao ở các nơi cũng liên tiếp về xin hàng.

2. Nén chịu thất bại, chịu khó chịu khổ, công thành danh toại

Vương Tiễn tự hạ thanh danh để diệt nước Sở

Những năm cuối thời Chiến Quốc, Tần Thủy Hoàng chuẩn bị thôn tính nước Sở, tiếp tục nghiệp lớn là thống nhất Trung Quốc, ông triệu tập các đại thần, tướng lĩnh để bàn định việc này.

Lý Tín là một tướng trẻ anh dũng. Khi đánh nước Yến ông chỉ huy có mấy nghìn quân Tần mà đánh bại hàng chục nghìn quân Yến, dồn vua Yến là Cơ Hỷ vào đường cùng phải giết Thái tử Cơ Đan, kẻ chuyên chống đối vua Tần là Tần Thủy Hoàng, tạ tội để cầu hòa với vua Tần. Tần Thủy Hoàng muốn cử Lý Tín cầm quân đi tiêu diệt nước Sở, hỏi Lý Tín đánh chiếm nước Sở thì cần bao nhiêu quân. Là viên tướng hiên ngang, Lý Tín không suy nghĩ tính toán, vội trả lời: "Có sự lãnh đạo sáng suốt của Đại vương, cộng thêm khí thế oai hùng trên đà thắng lợi của

quân ta, đánh chiếm nước Sở chỉ cần 200 ngàn quân là đủ".

Nghe Lý Tín nói vậy, Tần Thủy Hoàng thầm khen ông ta quả là một vị anh hùng trẻ tuổi, khí phách hiên ngang. Vì việc này có can hệ tới vận mệnh quốc gia, Tần Thủy Hoàng muốn hỏi thêm ý kiến của các tướng lĩnh khác. Ông đảo mắt một lượt về phía tất cả các văn võ bá quan, rồi dừng ánh mắt nhìn thẳng vào lão tướng Vương Tiễn râu tóc bạc phơ, đã hơi hom hem, từ tốn hỏi:

- Vương tướng quân, ý kiến của tướng quân thế nào?

Vương Tiễn là một lão tướng dày dạn nơi chiến trường, từng trải trăm trận, đã theo Tần vương nhiều năm cho nên rất biết tâm tính và con người ông. Thấy Tần Thủy Hoàng vui ra mặt khi nghe ý kiến của Lý Tín, Vương Tiễn biết ông có ý khinh địch. Nhưng việc hệ trọng như thế không thể a dua lấy lòng được, với vẻ mặt đăm chiêu ông tâu với Tần Thủy Hoàng rằng:

- Bẩm tâu Đại vương, nước Sở là một nước lớn, đất rộng ngàn dặm, có hàng trăm ngàn quân lính. Mấy năm nay, tuy có mấy lần bại trận, nhưng thực lực của họ vẫn còn khá mạnh. Thêm nữa, người nước Sở rất căm thù nước Tần, khi đánh nhau với quân ta, tướng sĩ của họ liều chết không biết sợ là gì. Bởi vậy, chỉ dùng 200 ngàn quân thì quá ít, không thể đánh chiếm nước Sở được. Theo thiển ý của thần... (Vương Tiễn định nói chỉ có 200 ngàn quân thì nhất

định thất bại, nhưng ông nghĩ đưa ra lời dự đoán không vui như thế thì sẽ làm cho Tần Thủy Hoàng nổi giận, cho nên ông đổi giọng) muốn diệt nước Sở thì phải có 600 ngàn quân.

Tần Thủy Hoàng không che giấu vẻ thất vọng đối với ý kiến của Vương Tiễn, nói với vẻ lạnh nhạt:

- Xem ra Vương tướng quân già thật rồi, sao nhát gan làm vậy? Lý tướng quân có khí phách, với 200 ngàn quân mà nhất định đạp bằng được nước Sở!

Nói rồi, Tần Thủy Hoàng cử Lý Tín cầm 200 ngàn quân đi đánh chiếm nước Sở. Vương Tiễn dự tính Lý Tín nhất định sẽ thất bại, tuy bây giờ Tần Thủy Hoàng không nghe ông, nhưng nhất định sẽ có ngày cần tới ông. Song, nay Tần Thủy Hoàng cho rằng Vương Tiễn đã già rồi, bất lực rồi, nếu không mau chân thoái lui thì e rằng ông ta sẽ cố ý bịa ra tội danh để bãi chức, không cẩn thận còn bị ông ta cho toi mạng. Vì vậy, Vương Tiễn lập tức cáo bệnh từ quan, về nhà nghỉ ngơi. Mặc dầu ý kiến đúng đắn của mình không được chấp nhận, nhưng lão tướng chẳng những không hề buồn bực, mà còn nín nhịn sự hiểu lầm, chê cười của người đời.

Quả như Vương Tiễn dự tính, Lý Tín bị quân Sở đánh bại hai trận liền, phải dẫn tàn quân tháo chạy về nước. Tần Thủy Hoàng nổi lôi đình, cách chức Lý Tín, cho điều tra nguyên nhân thất bại.

Tuy là người kiêu hùng, rốt cuộc Tần Thủy Hoàng cũng phải hối hận vì đã khinh suất, ra lệnh chuẩn bị xa giá để thân chinh về quê của Vương Tiễn mời ông lại ra làm việc, cầm quân đánh chiếm nước Sở.

Khi gặp Vương Tiễn, Tần Thủy Hoàng cung kính xin lỗi:

- Lần trước Quả nhân sai rồi, không nghe lão tướng quân, cả tin Lý Tín, làm hỏng quốc gia đại sự. Vì nghiệp lớn thống nhất thiên hạ, xin mời Vương tướng quân dẹp bệnh, ra cầm quân đi đánh chiếm nước Sở.

Vương Tiễn không vì tần Thủy Hoàng có lời xin lỗi mà quên đi tất cả, ông điềm tĩnh nói:

- Thần đội ơn Đại vương, thề chết cũng phải đền ơn. Nếu Đại vương cần có thần ra cầm quân diệt Sở, thần vẫn cần phải có 600 ngàn quân. Nước Sở đất rộng người đông, họ dễ dàng lập ra một triệu quân, phải có 600 ngàn quân ta mới có thể tạm ứng phó nổi. Ít hơn số đó thì rất khó thắng.

Tần Thủy Hoàng vội cười lấy lòng:

- Nay Quả nhân chỉ còn biết nghe theo kế của tướng quân mà thôi.

Tiếp đó, Tần Thủy Hoàng huy động 600 ngàn quân giao cho Vương Tiễn chỉ huy. Ngày xuất quân, Tần Thủy Hoàng thân chinh dẫn văn võ bá quan ra tận ngoại ô chúc rượu để tiễn đưa.

Uống rượu tiễn đưa xong, Vương Tiễn chào chia tay. Tần Thủy Hoàng thấy Vương Tiễn mấp máy môi như có điều gì muốn nói, vội hỏi:

- Vương tướng quân đang nghĩ gì vậy? Hãy nói cho Quả nhân biết đi!

Vương Tiễn vờ ra vẻ sợ sệt, nói:

- Xin Đại vương ban cho thần ít ruộng tốt, trại ấp đẹp và vườn cây tươi tốt!

Thấy vậy, Tần Thủy Hoàng buồn cười, nói:

- Vương tướng quân là cánh tay đắc lực của Quả nhân, đất nước trông chờ rất nhiều vào tướng quân, của cải trong thiên hạ là của Quả nhân, tướng quân sợ nghèo sao?

Vương Tiễn phân bua:

- Đại vương đã bãi bỏ chế độ phân phong đất cho ba đời, thần là tướng của Đại vương, công lao có lớn nữa cũng không được phong hầu, cho nên chỉ trông chờ vào sự ban thưởng của Đại vương. Thần già rồi, không thể không lo cho con cháu, cho nên mong được Đại vương ban ơn để đảm bảo cơm áo cho con cháu của thần.

Tần Thủy Hoàng cười, gật gù:

- Nói chí phải, chí phải. Đây là việc dễ dàng thôi, Vương tướng quân cứ ra trận đi!

Từ khi xuất quân cho tới khi đến biên giới phía đông nước Tần, Vương Tiễn năm lần cử người về yêu

cầu Tần Thủy Hoàng ban cho con cháu đời sau của ông nhiều ruộng đất tốt đôi chút.

Các tướng dưới quyền Vương Tiễn cho rằng, ông già rồi cho nên lẩm cẩm, không còn chí lớn, chỉ lo dựng nghiệp cho con cháu. Vương Tiễn nói:

- Ngươi nói không đúng, ta làm như thế là để tránh hậu họa mà thôi. Đại vương tính đa nghi. Để tiêu diệt nước Sở, ông buộc phải giao cho ta toàn bộ quân đội tinh nhuệ của nước Tần, nhưng lại không hoàn toàn tin ta. Nếu ông ta nghi thì ít ra là tước quyền cầm quân của ta, làm hỏng kế lớn của chúng ta là diệt nước Sở; hoặc nặng hơn thì chẳng những kế lớn tiêu diệt nước Sở tan thành mây khói, mà ngay cả tính mạng của ta và của các người cũng không còn. Bởi thế, ta liên tục yêu cầu ban thưởng là để ông ta hiểu rằng ta không có dã tâm chính trị. Vì một người tham tiền của, chỉ lo tích góp ruộng đất, trại ấp cho con cháu thì sẽ không nghĩ tới âm mưu làm phản. Quả nhiên, vì thế mà Tần Thủy Hoàng không nghi Vương Tiễn thay lòng đổi dạ, yên tâm giao cho ông chỉ huy 600 ngàn quân, phát động chiến tranh diệt nước Sở. Chỉ trong vòng một năm, Vương Tiễn đã lấy được đô thành Thọ Xuân (huyện Thọ tỉnh An Huy ngày nay) của nước Sở, bắt sống Sở vương Hùng Phụ Sô, thôn tính được nước Sở, địch thủ lớn nhất của nước Tần.

Để cho Tần Thủy Hoàng không nghi, Vương Tiễn đã không tiếc thanh danh của ông, chìa tay xin Tần

Thủy Hoàng ban thưởng, khiến tướng tá dưới quyền cho rằng ông già lẩm cẩm, nhưng lại làm cho Tần Thủy Hoàng càng tin ông không làm phản, dốc toàn lực giúp ông đánh nhau với nước Sở, khiến ông không lo hậu họa, một lòng vì nghiệp lớn là diệt nước Sở.

Gia Cát Lượng nhẫn nhục thuyết phục Tôn Quyền liên minh với Lưu Bị

Mưu sĩ hàng đầu của Đông Ngô là Trương Chiêu tính rằng Gia Cát Lượng sẽ phải tới khuyên Đông Ngô chống Tào Tháo, ông ta khích Gia Cát Lượng:

- Trương Chiêu tôi chỉ là nhân vật tầm thường ở Giang Đông, từ lâu đã nghe nói ngài ở ẩn tại Long Trung, tự ví mình với Quản Trọng và Nhạc Nghị, có thật vậy không?

- Có, chẳng qua ta chỉ ví dụ thế thôi. - Gia Cát Lượng lơ đãng trả lời.

- Tôi nghe nói Lưu Bị ba lần tới lều tranh mời ngài hợp tác - Trương Chiêu tấn công tiếp - ông ta muốn dựa vào mưu kế của ngài để chỉ đánh một trận là lấy được Kinh Tương, ai dè hôm trước đây đã bị Tào Tháo chiếm mất rồi, ngài giải thích vấn đề này như thế nào?

Gia Cát Lượng hiểu Trương Chiêu có ý khích ông bất tài, ông quyết định đè bẹp tay mưu sĩ số một này của Tôn Quyền đã, sau đó thuyết phục Tôn Quyền làm người lót đường cho ông. Ông ung dung nói:

- Theo ta, việc chiếm vùng lưu vực Hán Thuỷ dễ như trở bàn tay. Lưu hoàng thúc của ta lòng dạ nhân nghĩa, không nhẫn tâm chiếm đất do người anh em trong họ là Lưu Biểu để lại. Vì thế, trước lúc qua đời, Lưu Biểu muốn trao châu Kinh cho ông, ông kiên quyết từ chối. Cái thằng nhãi con Lưu Tông ấy chẳng biết gì cả, đi tin lời của kẻ gian, ngầm đầu hàng để cho Tào Tháo vênh vang một thời. Nay ta đóng quân ở Giang hạ nhằm mục đích khác, kẻ tầm thường sao mà biết được.

Bị một đòn đau như thế, Trương Chiêu không còn biết nể nang là gì nữa, phản kích bừa bãi:

- Ô hay, như thế thì ngài nói một đằng làm một nẻo rồi. Nhớ lại năm xưa Quản Trọng phò tá Tề Hoàn Công xưng bá, các nước chư hầu đều quy phục; Nhạc Nghị phò trợ nước Yến nhỏ bé, đánh một lèo chiếm được hơn bẩy chục thành phố của nước Tề. Hai vị này mới là nhân tài trị nước kiệt xuất. Đâu có như ngài chỉ ngồi lì trong lều tranh, chỉ biết hóng gió ngắm trăng, ôm đầu gối ngồi thu lu một xó, tưởng rằng ta đây phi thường! Nếu ngài thật sự có tài thì hãy theo Lưu Bị làm việc tốt cho dân, trừ khử kẻ xấu, tiêu diệt bọn loạn thần hại nước. Tôi nghĩ, khi chưa có ngài mà Lưu Bị đã cầm quân đánh nam dẹp bắc, khi đã có được ngài thì ai nấy đều rất mừng, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng nghĩ rằng Lưu Bị như mãnh hổ được chắp thêm cánh, Tào Tháo sẽ chết, triều nhà Hán sẽ nhanh chóng vùng dậy. Nào ngờ, từ khi ngài theo

Lưu Bị, hễ quân của Tào Tháo tới, quân của Lưu Bị liền vứt bỏ vũ khí chạy thục mạng, khiến Lưu Bị không thể ổn định được đời sống của dân chúng ở châu Kinh như lời trăng trối của Lưu Biểu; không giúp nổi Lưu Tông giữ được đất đai, phải chạy tới thành Phàn, lại thất bại ở Đương Dương, cuối cùng phải lưu lạc tới Hạ Khẩu, hầu như không có đất dung thân. Điều đó chứng tỏ rằng, có được ngài mà Lưu Bị không thuận lợi bằng trước đó. Quản Trọng và Nhạc Nghị có như thế không?

Nghe xong những lời châm chọc moi móc này, Gia Cát Lượng bất giác cười nhạt, nói:

- Con chim sẻ bình thường sao có thể hiểu được hoài bão của con chim bằng bay xa ngàn dặm? Thí dụ, một người mắc bệnh nặng, trước hết phải cho anh ta uống một chút thuốc nước ôn hoà, thể chất đã khoẻ khoắn thì mới cho ăn thịt, uống thuốc có tác dụng mạnh. Như vậy mới trừ được bệnh tận gốc, khôi phục sức khoẻ cường tráng. Nếu không chờ cho khí huyết đều hoà, vội vã cho uống thuốc có tác dụng mạnh, cho ăn thịt thì khó khỏi bệnh. Trước đây Lưu hoàng thúc bại trận ở Nhữ Nam, chạy đi nương nhờ Lưu Biểu, chỉ còn có 1000 quân, tướng lĩnh chỉ còn Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, chẳng khác nào một người mắc bệnh, cơ thể rất yếu. Bấy giờ Lưu Biểu cho ông mượn vùng Tân Dã để tạm thời nương thân. Tân Dã là một huyện nhỏ ở miền núi hẻo lánh, người ít, lương thực thiếu thốn, quân đội được trang bị rất kém,

thành trì được phòng thủ xơ sài. Mặc dầu vậy tôi vẫn hy vọng nơi này sẽ thiêu cháy quân của Tào Tháo, nhấn chìm quân địch bằng nước sông Bạch Hà, các tướng của Tào Tháo như Hạ Hầu Đôn, Tào Nhân sẽ sợ rụng rời chân tay, rụng tim vỡ mật. Tôi cho rằng, trước đây Quản Trọng, Nhạc Nghị chỉ huy chiến tranh chưa hẳn đã hơn trường hợp này. Còn việc Lưu Tông đầu hàng, quả là trước đó Lưu hoàng thúc không ngờ tới; vả lại, dẫu có biết thì ông cũng không nhẫn tâm nhân lúc hỗn loạn đánh chiếm đất ấy. Đây là một người đại nhân đại nghĩa. Sở dĩ bại trận ở Đương Dương là vì Lưu hoàng thúc có hàng trăm ngàn dân muốn theo ông, ông không nhẫn tâm bỏ mặc họ. Những người này là người già yếu, trẻ nhỏ, mỗi ngày chỉ đi được khoảng 10 dặm đường, Lưu hoàng thúc không thể đánh chiếm Giang Lăng, cam tâm cùng chung hoạn nạn với dân. Đó cũng là một việc làm đại nhân đại nghĩa. Ít không địch được nhiều, thắng bại là chuyện bình thường của người cầm quân. Ngày xưa, Cao tổ Lưu Bang nhiều lần thua Hạng Vũ, sau này thắng lớn ở Cai Hạ chẳng phải là nhờ mưu lược cao minh của Hàn Tín đó sao? Một người cầm quân càng nhiều càng giỏi như Hàn Tín, theo Cao Tổ lâu dài, có phải trận nào cũng thắng đâu. Những người hoạch định phương châm, chính sách lớn của quốc gia, đưa đất nước đi tới chỗ ổn định phải là những nhà chính trị, quân sự giỏi mưu lược, chứ không thể là những kẻ chuyên khua môi múa mép, phô chương hư danh, huyênh hoang lừa bịp. Có những kẻ ngồi đó

nói vài câu bâng quơ, bóng gió, đứng đó khoác lác một hồi, làm như không ai bằng họ. Nhưng khi cần tuỳ cơ ứng biến thì chẳng làm nên trò trống gì. Những người như vậy mới bị thiên hạ phỉ nhổ!"

Câu cuối của Gia Cát Lượng đánh trúng vào cái việc Trương Chiếu khuyên Tôn Quyền đầu hàng không chống lại quân của Tào Tháo khi họ chuyển xuống miền nam, khiến ông ta không nói được gì nữa.

Dùng khẩu chiến đánh bại được Trương Chiêu rồi Gia Cát Lượng quay sang Tôn Quyền. Bấy giờ Tôn Quyền có toàn bộ vùng đất Giang Đông, nắm giữ 100 ngàn tinh binh, lại có sông Trường Giang là đường hào thiên nhiên, ở vào tư thế ung dung ngồi xem các chư hầu ở phía bắc sông chém giết nhau, cho nên ông cho rằng lần này Gia Cát Lượng tới là để thuyết khách, ông sẽ ở tư thế ngồi ngất nghểu trên cao để nghe Gia Cát Lượng van xin.

Không ngờ khi gặp Tôn Quyền, Gia Cát Lượng nói thẳng:

- Lẽ ra nhân khi thiên hạ đại loạn, tướng quân tiến đánh Giang Đông, chúa công Lưu Bị chúng tôi đánh vào Hán Nam, hai bên cùng tranh thiên hạ với Tào Tháo. Nhưng nay Tào Tháo hầu như đã dẹp được đại loạn rồi, ông ta đang tiến về châu Kinh, tiếng tăm nổi như cồn, anh hùng bị ông ta lôi kéo hết cả, do đó mà chúa công Lưu Bị của chúng tôi phải lui bước như hiện nay. Tướng quân đã có dự tính gì trước tình hình hiện nay hay chưa? Nếu quý quốc đủ sức

chống lại Tào Tháo thì nên mau mau tuyệt giao với ông ta. Nhược bằng không chống nổi thì nên mau mau cởi bỏ vũ khí, quy hàng Tào Tháo, đó là thượng sách. Thưa tướng quân, ngài có định hàng phục Tào Tháo không? Thời gian không còn nhiều, không mau quyết định đi thì không kịp.

Gia Cát Lượng không nói một lời xin liên minh với nước Ngô để chống Tào Tháo, cứ như là chỉ suy tính vì lợi ích của Đông Ngô. Kỳ thực, bấy giờ Tôn Quyền mới có 26 tuổi, là thanh niên nhiệt huyết. Gia Cát Lượng biết ông ta không dễ dàng mà đầu hàng như thế, cho nên áp dụng sách lược chuyển bị động thành chủ động, kích động lòng tự trọng của Tôn Quyền.

Tôn Quyền tuy không thích lời của Gia Cát Lượng, nhưng không để lộ trên nét mặt, vặn hỏi:

- Vậy theo ngài thì tại sao Lưu Bị không đầu hàng Tào Tháo?

Gia Cát Lượng đáp:

- Ngài có biết câu chuyện Điền Hoành không? Điền Hoành là một tráng sĩ nước Tề, trung nghĩa đáng khen, không thờ hai chủ, Hán Cao tổ dụ hàng, ông không hàng, tự kết liễu đời mình, huống hồ chúa công Lưu Bị chúng tôi đường đường là hậu thế nhà Hán, có vô số nhân tài xuất sắc theo ông vì khâm phục tư chất kiên cường của ông, làm nên hay không là do ý trời, sao lại đi đầu hàng giặc!

Gia Cát Lượng gãi đúng chỗ ngứa, Tôn Quyền nói:

- Ta có cả một vùng đất Giang Đông bao la với 100 ngàn tinh binh, cớ chi lại để cho kẻ khác chi phối? Ta đã quyết định chống Tào Tháo!

Thế là cuộc du thuyết của Gia Cát Lượng đã thu được thắng lợi đầu tiên.

Vưu ông nhẫn nhịn việc nhỏ tránh họa lớn

Vào đời nhà Minh, ở thành Tô Châu có một người tên là Vưu lão ông mở hiệu cầm đồ. Một hôm, vào ngày 30 tết, Vưu ông đang ở trong nhà tính sổ sách thì bỗng thấy ở ngoài quầy hàng có tiếng cãi nhau. Vưu ông chạy ra xem sao. Thì ra lão Triệu, người hàng xóm nghèo khó đang cãi nhau với bọn người làm thuê của Vưu ông. Vưu ông tuân thủ tín điều "hoà khí phát tài", mắng át bọn người làm thuê, sau đó ngon ngọt xin lỗi lão Triệu.

Lão Triệu vênh mặt đứng tỳ vào quầy hàng không nói gì nữa. Bọn người làm thuê nói thầm với Vưu ông:

- Thưa ông chủ, cái lão Triệu này ngang ngược hết chỗ nói. Trước đây ít ngày lão mang quần áo ra đây cầm cố. Bây giờ lão ta bảo tết đến cần mặc, nhất định đòi về, nhưng không trả tiền cầm đồ, tôi giải thích, lão mở mồm ra chửi, đây không phải lỗi của tôi.

Vưu ông gật gật đầu, bảo người làm thuê này lui ra, tìm việc khác mà làm, bản thân ông mời lão Triệu ngồi vào ghế, sau đó ôn tồn nói:

- Cụ ơi, tôi biết ý cụ rồi, tết đến, cần có bộ quần áo mặc cho ra hồn. Đây là việc nhỏ. Chúng ta là chỗ quen biết, tắt lửa tối đèn có nhau, xin cụ hãy bớt giận, có việc gì ta bàn với nhau, hà tất to tiếng với bọn làm thuê làm mướn!

Không chờ lão Triệu phân bua, Vưu ông sai một nhân viên làm thuê khác tra sổ sách rồi mang ra cho ông bốn năm bộ quần áo rét trong số những quần áo lão Triệu cầm cố ở đây. Vưu ông chỉ vào số quần áo rét này nói:

- Chiếc áo bông dài này cần cho cụ mặc rét; chiếc áo thụng này cụ có thể dùng để đi lễ ngày tết; còn ba bộ này thì để cho bọn trẻ mặc. Những thứ này cụ cứ tạm mang về, còn lại chưa cần dùng tới, cụ cứ để ở đây.

Lão Triệu chẳng hề có lời cám ơn, vội vàng vơ đám quần áo về thẳng, cũng chẳng thèm chào một câu. Vưu ông không chấp, vẫn tươi cười, chắp tay tiễn lão Triệu ra cửa.

Ngay đêm hôm ấy, lão Triệu đột ngột chết trong một cửa hàng khác cùng phố. Người nhà lão Triệu vu cáo cửa hàng này bức tử, đi kiện cáo mấy năm liền. Chủ cửa hiệu này phải theo kiện kiệt sức, tốn không biết bao tiền mới thực hiện được mong muốn đem chuyện to vo thành chuyện nhỏ, đem chuyện nhỏ xoá bỏ thành không. Thế rồi sự việc được phanh phui rất nhanh. Chuyện là thế này: lão Triệu nợ như chúa Chổm, tài sản trong nhà đã đem đi cầm cố chẳng còn

gì, lão uống thuốc độc rồi đến cửa hàng Vưu ông gây sự, lấy cái chết để moi tiền. Không ngờ Vưu ông nhẫn nhịn, lão phải chuồn cho nhanh để sang một cửa hiệu khác trước lúc thuốc ngấm.

Có người hỏi Vưu ông làm thế nào mà biết lão Triệu có ý đồ moi tiền bằng cách ấy cho nên đã nhẫn nhịn, tránh được họa lớn. Vưu ông nói:

- Tôi không biết lão Triệu chết bằng cách ấy, chỉ dựa vào lẽ thường mà suy đoán rằng nếu có kẻ vô cớ gây chuyện thì chắc chắn là y có mưu đồ gì đó. Nếu ta không nhẫn nhịn việc nhỏ thì rất có thể sẽ bị tai hoạ lớn.

Dân phố nghe Vưu ông nói vậy, ai nấy đều khâm phục ông giỏi "xem mặt đặt tên", xử sự khôn ngoan.

Hải Thụy chịu đựng sống thanh bần, tránh xa xỉ

Ông nội của Hải Thụy thi đậu cử nhân, làm quan tri huyện, nhưng cha ông là người lêu lổng đã lười học hành lại không nghiêm túc cai quản việc nhà. Khi Hải Thụy lên 4 tuổi thì cha qua đời, mẹ ông là bà Tạ trông vào hơn 10 mẫu bạc điền do tổ tiên để lại và việc may vá thuê để đảm bảo đời sống của hai mẹ con ông. Bà Tạ là người cương nghị, rất cần kiệm, đòi hỏi rất nghiêm khắc đối với việc học tập và chơi bời của Hải Thụy. Từ nhỏ Hải Thụy đã nuôi cho mình thói quen sống giản dị, nghiêm túc, suốt đời không thay đổi.

Do thi đậu khoa thi hương, năm Gia Tĩnh Hải Thụy được cử làm công tác giáo vụ tại huyện Nam Bình phủ Diên Bình tỉnh Phúc Kiến. Công tác giáo vụ có mức lương thấp. Bấy giờ, những người làm công tác giáo vụ thường lên mặt là người có học, bề ngoài tỏ ra lễ nghĩa tiết tháo, tỏ vẻ thanh cao, nhưng bên trong thì ngầm tìm mọi cách để bòn rút tiền của học sinh. Hải Thụy vô cùng khinh bỉ hành vi vô lại ấy. Ông cho rằng, trường công khác với trường tư. Ở các trường tư, ngoài việc phải trả học phí ra, để tỏ lòng kính thầy, học sinh có thể biếu tiền tặng quà cho thầy vào những ngày lễ tết. Nhưng ở các trường công, người làm công tác giáo dục đều được nhà nước trả lương, không nên thu bất kỳ món tiền nào khác của học sinh. Khi ông làm giáo vụ ở huyện Nam Bình, bất kỳ học sinh nào biếu quà ông đều từ chối và trường này tuyên bố: trừ việc thăm hỏi thày, học sinh không được biếu quà, nhất loạt bãi bỏ tục lệ biếu quà nhân ngày tết.

Năm Gia Khánh thứ 37, Hải Thụy được đề bạt làm tri huyện huyện Thuần An tỉnh Triết Giang, từ chức quan trong ngành giáo dục chuyển sang chức quan trong ngành hành chính, chẳng những quan chức và phẩm cấp đều tăng, mà thu nhập kinh tế cũng tăng rất nhiều . Dưới triều Minh, về bề ngoài, lương bổng của tri huyện tuy không cao, nhưng "lộc" rất nhiều. Chưa nói biếu xén, hối lộ, chỉ riêng các khoản công khai kèm theo về ruộng đất đã gấp nhiều lần tiền lương. Bấy giờ, các khoản thu nhập này được

coi là hợp lý hợp pháp. Hải Thụy cho rằng điều này không phải do triều đình quy định bằng văn bản, mà do các quan địa phương tăng thêm gánh nặng lên vai dân lành, ông bãi bỏ, chỉ lĩnh lương.

Theo triều Minh, cứ ba năm tri huyện phải tới kinh đô để tường trình tình hình một lần. Mỗi lần như thế các ngài quan huyện đều phải mang theo vàng bạc, lụa là gấm vóc, thổ sản đặc sản về biếu các quan có liên quan trong các cửa quan ở kinh thành. Dân chúng chê cười rằng: "Năm các quan huyện về chầu triều là năm các quan ở kinh thành thu tô". Tất nhiên, các vị quan huyện không đời nào lại móc hầu bao của họ ra để đi hối lộ như thế, hơn nữa họ cũng không thể nặn ra được khoản tiền lớn như thế từ lương bổng của họ. Vậy thì ở đâu ra? Lông cừu mọc từ da cừu. Tất cả các khoản chi phí đi và về, các quà biếu do các vị quan huyện kể khai trong các lần về kinh chầu triều ấy được bổ đều lên đầu dân, theo lệ bấy giờ, mỗi thôn mỗi năm phải chi một lạng bạc. Bấy giờ, huyện Thuần An có 80 thôn, mỗi năm thu được 80 lạng, ba năm 240 lạng, ngoài ra riêng năm về kinh chầu triều mỗi thôn phải nộp thêm 2 tiền, toàn huyện thu được 160 tiền. Cả hai khoản này gộp lại bằng 400 lạng bạc trắng. Trước ngày quan huyện về kinh, các thôn còn tới biếu quà cho quan huyện. Thường thì các quan tri huyện đều chuẩn bị từ trước khoản chi tiền này, nhắm vào các khoản tiền phạt hàng năm, các khoản thu khác của toàn huyện. Cộng thêm các khoản này, thì số bạc trắng vơ vét được

trong ba năm ít ra cũng phải lên tới 1800 lạng. Theo lệ thì số tiền này được trích ra biếu quan tri phủ 72 lạng, các quan khác trong phủ 12 lạng, còn lại đều do tri huyện chi phối. Đa số các tri huyện sau khi biếu xén quan trên, chi cho khâu này khâu nọ, bản thân họ cũng bòn được một khoản. Tại huyện Thuần An, Hải Thụy hai lần về kinh chầu triều, chỉ thu để chi lộ phí hết có 72 lạng, chưa bằng số lẻ của các huyện khác, còn lại bãi bỏ, không thu.

Trước ngày Hải Thụy tới Thuần An nhậm chức, các chi phí về lương thực, thực phẩm của cơ quan huyện đều bổ đều cho các thôn trong huyện. Đây lại là một khoản chi không nhỏ, mỗi năm mỗi người trong toàn huyện phải đóng góp 4, 5 tiền. Sau khi về đây nhậm chức, Hải Thụy tính toán kỹ khoản chi này, ông tuyên bố mỗi người mỗi năm chỉ phải nộp 2 tiền. Trước đây, quan trên nhất là các vị quan to trên trung ương thường nhắc huyện phải biếu tiền, tặng quà cho các quan cao cấp về hưu nghỉ tại huyện, mà thường là muốn bao nhiêu phải tặng biếu bấy nhiêu. Sau ngày Hải Thụy tới nhậm chức, ông không theo lệ này, thường tuỳ theo tổng số tiền phạt huyện thu được hàng năm, nhiều thì biếu chút đỉnh, ít thì không biếu, đòi tặng biếu cũng mặc. Có những người tốt bụng khuyên ông rằng: "Ngài không thể bỏ được lệ ấy, có nhiều khoản chi đã quen nhiều năm rồi, bây giờ không chi thì sẽ gây ra tai hoạ đó". Hải Thụy đáp: "Tống ra mặt trận cũng được, chém đầu cũng được, không thể cấu kết ăn cắp như vậy được!". Cũng có

người khuyên: "Xưa nay, quan địa phương muốn được cất nhắc nhanh thì không thể không tốn ít tiền giao thiệp, ngài nên thoáng một chút". Hải Thụy vẫn thản nhiên, nói: "Nếu mọi quan địa phương đều không biếu tiền cho quan trên thì đều không được thăng quan hay sao? Phải chăng những quan địa phương hối lộ quan trên đều không bị giáng chức, bị phạt hay sao?"

Hải Thụy làm như thế khiến các cửa quan trong huyện Thuần An thật sự trở nên trong sạch. Bản thân ông thường chỉ mặc áo vải, ăn uống đạm bạc. Ông còn tự trồng rau ở những đám đất bỏ không quanh công đường, cho người lên núi vào rừng kiếm củi. Có lần người ta nói rằng, tổ chức mừng ngày sinh của mẹ mà gia đình ông chỉ mua có hai cân thịt. Bấy giờ, đức cần kiệm, giản dị của Hải Thụy lại bị nhiều kẻ quan liêu, giầu có chê cười. Tổng đốc tỉnh Triết Giang là Hồ Tôn Hiếu còn đem việc ông chỉ mua có hai cân thịt để mừng ngày sinh nhật mẹ đi rêu rao ở khắp nơi, chê cười ông là "vắt chày ra nước". Sau này, do ông không lấy lòng, nịnh bợ cho nên làm mếch lòng Tả phó Đô ngự sử Yên Khanh và Tuần điên Ngự sử Viên Thuần mà bị bãi chức.

Năm Long Khánh thứ ba, Hải Thụy được thăng lên chức Hữu thiêm Đô Ngự sử, Khâm sai Tổng đốc, Tuần phủ mười phủ. Đây là chức vụ có thực quyền rất lớn, "lộc" rất nhiều, địa vị vô cùng hiển hách. Nhưng ông vẫn giữ tác phong cần kiệm giản dị như xưa. Bấy giờ, các quan tuần phủ rất coi trọng nghi

thức đi tuần, nào là kèn trống, cờ quạt, đội nghi thức, tiền hô hậu ủng, trông rất có thanh thế. Khi tới phủ Ứng Thiên, mỗi lần đi tuần các địa phương, Hải Thụy đều không dùng kèn trống, cũng không cho các địa phương ra thành nghênh tiếp. Bấy giờ khi tuần phủ tới đâu, ở đó phải dựng hành dinh cực kỳ sang trọng. Nhưng Hải Thụy tới đâu cũng cấm các quan địa phương không được xây nhà mới hoặc tu sửa lại nhà cũ lấy chỗ cho ông dừng chân, làm việc, chỉ được phép dùng nơi thường dùng để tiếp khách vãng lai, đồ dùng trong phòng có gì dùng nấy, không được bầy biện đồ dùng cao cấp cho riêng ông. Để xoá bỏ lệ cũ gây tốn kém cho các châu, huyện khi quan tuần phủ đi tuần thú, sau khi nhậm chức, Hải Thụy ban bố "Đốc phủ Hiến ước". "Hiến ước" quy định những quy tắc về đời sống cá nhân ông, các địa phương phải tuân thủ, không vi phạm. Có những qui định rất chi tiết. Thí dụ, quy định: khi quan Tuần phủ đi thị sát các phủ, châu, huyện, chính quyền địa phương không được nhân dịp đó để bầy biện cỗ bàn linh đình, tặng quà cáp khi chia tay, tối đa chỉ thêm ba món thịt gà, cá, thịt lợn và một chai rượu nhỏ để chứng tỏ là có chiêu đãi, cấm không được bầy biện nhiều hơn; mỗi một bữa như thế tối đa không được quá 3 đồng tiền bạc, trong đó kể cả củi đun, nến thắp sáng.

Hải Thụy làm quan đốc phủ của triều đình, chức to danh tiếng lớn, ở quê ông có người giả danh ông cho vay nặng lãi, mua ruộng đất. Được tin này ông lập tức gửi thư về cho phủ Quỳnh Châu nói rằng: "Từ

ngày ta ra làm quan tới này, chưa từng về Hải Nam. Lương của ta chỉ vừa đủ nuôi sống gia đình, không còn thừa để cho vay, tậu ruộng. Ở quê ta chỉ có hơn 10 mẫu bạc điền do ông cha để lại, hàng năm thu được khoảng 1 thạch 2 đấu lương thực, ngoài ra không hề tăng thêm một tấc đất. Nay, bất kỳ kẻ nào mạo danh ta cho vay nặng lãi, tậu ruộng đều phải xử theo tội mạo danh, xử thật nặng, không nể nang, đề nghị thông báo cho tất cả các châu, huyện ở Hải Nam". Hải Thụy làm Tuần phủ Ứng Thiên mới được 9 tháng thì mất chức, về quê, vì bị bọn quyền quý ở địa phương và trong triều đình bấy giờ căm ghét. Sau khi bị bãi chức, ông sống cuộc sống thanh bần ở quê nhà bằng 10 mẫu bạc điền và nghề viết chữ thuê. Mặc dầu sống trong điều kiện khó khăn như vậy, khi biết viên quan trưởng bạ thông cảm khai rút cho ông một mẫu tám thước đất, ông đã yêu cầu viên thư lại ở huyện sửa lại trước mặt ông.

Hải Thụy về quê sinh sống vừa tròn 16 năm, thì năm Vạn Lịch thứ 12, Minh Thần Tông là Chu Dực Quân quyết tâm dùng lại Hải Thụy, cử ông giữ chức Lại bộ hữu thị lang ở Nam Kinh. Năm ấy, Hải Thụy đã ở vào cái tuổi xưa nay hiếm. Sau 16 năm sống thanh bần, nay lại ra làm quan to, nhưng ông vẫn giữ tác phong cần kiệm, giản dị, đi nhậm chức Lại bộ Hữu thị lang mà vẫn mặc quần áo rách vá, ngồi trên một chiếc thuyền nhỏ con, không có tuỳ tùng, không có nghi thức gì, đi mấy tháng trời hàng ngàn dặm, thế mà không một viên quan địa phương nào

biết ông là ai. Vừa tới Nam Kinh, việc đầu tiên ông làm cũng giống như khi nhận công tác giáo vụ ở huyện Nam Bình, đó là ra thông báo cấm các quan lại trong bộ Lại và ở các nơi tặng biếu quà cho ông. Sau đó, ông bắt tay loại bỏ các tật xấu trong các cửa quan. Hai năm sau, tháng 11 năm Vạn Lịch thứ 15, vừa nhậm chức Hữu đô Ngự sử tại viên Đô sát Nam Kinh thì Hải Thụy qua đời, thọ 74 tuổi.

Khi ông qua đời, do không có người thân trực hệ, cho nên Đô ngự sử Nam Kinh là Vương Dụng Cấp được cử đứng ra lo liệu việc tang của ông. Khi Vương Dụng Cấp cùng các vị Ngự sử thu dọn các di vật của Hải Thụy thì thấy tài sản tư nhân của ông chỉ có hơn 10 lạng bạc, chỉ đủ để mua tang phục, đồ liệm. Số tài sản này còn ít hơn của một thư sinh nghèo bấy giờ. Đứng trước cảnh thanh bần của một vị quan lận đận, gặp nhiều chông gai này, Vương Dụng Cấp không cầm lòng được, oà lên khóc nức nở, các quan Ngự sự có mặt ai cũng thương tâm nhoà lệ. Mọi người bàn bạc, mỗi người góp một ít tiền, mới đủ lo lễ tang cho Hải Thụy.

Lễ tang của Hải Thụy không sang trọng, nhưng long trọng không có lễ tang của ông quan phong kiến nào sánh kịp. Ngày tổ chức tang lễ, tất cả các cửa hàng cửa hiệu ở thành Nam Kinh đều đóng cửa, ngõ phố nào cũng có bàn thờ Hải Thụy do dân chúng tự động lập ra, không khí đau thương bao trùm khắp thành Nam Kinh. Khi linh cữu qua sông, dòng người

mặc áo trắng xếp hàng tiễn đưa hai bên bờ sông Trường Giang dài hơn 100 dặm.

Tử Sản chịu đựng gian khổ, trấn hưng nước Trịnh

Tử Sản còn có tên là Công Tôn Kiều, là Tướng quốc của Trịnh Giản Công cuối thời Xuân Thu, cầm quyền ở nước Trịnh 21 năm, có thành tích rất cao về nội chính, ngoại giao và kinh tế.

Năm 565 trước công nguyên, để lấy lòng nước Tấn hùng mạnh, nước Trịnh cử cha Tử Sản là Tử Quốc cầm quân thảo phạt nước Thái. Là một nước nhỏ, nước Thái đành phải cử Tư mã Công Tử Nhiếp cầm quân nghênh chiến, nước Trịnh thắng, Tư mã Công Tử Nhiếp bị bắt làm tù binh. Quân nước Trịnh chiến thắng trở về, cả nước reo vui, thết rượu mừng công, nhưng riêng Tử Sản lại lo âu rầu rĩ. Ông nói với bạn bè: "Nước Trịnh không phải là nước lớn, nhưng lại diễu võ dương oai, thất đức, điều đó sẽ gây ra tai hoạ lớn, năm năm tới đây sẽ không được yên ổn". Khi này Tử Sản còn rất trẻ, chưa làm quan. Nghe ông nói vậy, cha ông tức giận, sợ ông hiểu biết nông cạn, gây ra tai hoạ, trách cứ ông rằng: "Tuổi còn nhỏ, không được ăn nói linh tinh mà mất đầu". Tuy nhiên, ông không thể không phục con ông nói có lý. Năm 554 trước công nguyên, Trịnh Giản Công lập Tử Sản là Khanh, 11 năm sau đó, tức năm 543 sau công nguyên lại bổ nhiệm Tử Sản làm tướng.

Sau khi làm Tể tướng, đứng trước tình hình phức tạp, mâu thuẫn gay gắt, khó khăn chồng chất, Tử Sản không hề khiếp sợ, có lý tưởng vĩ đại, ý chí lớn lao, muốn làm tốt công việc xây dựng nước Trịnh của mình. Ông phân tích tình hình trong nước, công việc đầu tiên ông làm sau ngày nhậm chức là quyết định phong một thành quách cho đại tộc Bá Thạch. Rất nhiều người không hiểu ông làm như thế để làm gì. Đại phu Tử Thái Thúc hỏi Tử Sản :

- Ngài làm như thế để làm gì?

Tử Sản đáp:

- Muốn cho đất nước yên ổn thì trước hết phải làm cho gia tộc lớn trong nước ổn định, đoàn kết, một lòng với vua, làm dịu các mâu thuẫn trong nước, ổn định tình hình chính trị. Ta làm như thế là nhằm mục đích này.

Tiếp đó Tử Sản bắt tay chỉnh đốn trật tự. Ông nghiêm túc quán triệt chế độ đẳng cấp, coi đó là mấu chốt cai trị đất nước. Thời kỳ Tử Sản cầm quyền, tầng lớp Đại phu ở nước Trịnh nhao nhao đòi được đi săn bắn, tế lễ tổ tiên của họ, Tử Sản cho rằng đây là hoạt động vượt quá khuôn khổ lễ giáo, ông không cho phép.

Đứng trước tình hình nông nghiệp và kinh tế bị đổ vỡ, Tử Sản đã áp dụng một loạt biện pháp để chấn chỉnh, như cải cách chế độ thuế, đào đắp sông ngòi, chỉnh đốn lại đất ở và đất canh tác,... nhờ đó sản xuất ổn định, phát triển, giảm bớt mâu thuẫn, tranh chấp trong dân.

Khi Tử Sản cải cách chế độ thuế, phái bảo thủ trong tầng lớp quý tộc phản đối, đe doạ giết ông. Tử Sản nói: "Nhà nước và dân cần có luật mới, luật mới có ích, thúc đẩy sản xuất. Cái gì có lợi cho dân thì ta kiên quyết làm. Sự an nguy đối với cá nhân ta không phải là vấn đề quan trọng". Ông cho khắc những điều luật mới này vào đỉnh, coi đó là lệ thường của đất nước và công bố cho mọi người biết, chấp hành.

Nước Trịnh nổi tiếng về thương nghiệp, là trung tâm thương mại và giao thông giữa các nước chư hầu miền bắc thời kỳ Xuân Thu. Nước Trịnh lợi dụng lợi thế của họ về điều kiện địa lý, phát triển buôn bán để làm giầu, dựa vào tầng lớp thương nhân để phát triển thương mại. Do vậy, coi trọng thương nghiệp, bảo vệ thương nghiệp, ưu đãi thương nghiệp là quốc sách quan trọng của nước Trịnh.

Tử Sản không mê tín ma quỷ, mệnh trời. Năm 526 trước công nguyên, nước Trịnh bị hạn nặng, nhiều người chủ trương tế trời cầu mưa, Tử Sản kiên quyết phản đối. Mùa hè năm nọ "sao hoả" xuất hiện trên bầu trời, nhiều nước bị hoả hoạn, trong đó có nước Trịnh. Có người đề nghị tế trời để trừ hoả hoạn, Tử Sản không nghe. Ông nói: "Đạo người ở gần, đạo trời ở xa, với không tới được, biết thế nào mà tin? " Như vậy là Tử Sản đưa ra quan điểm cho rằng, sự nghiệp của con người không liên quan tới cái gọi là mệnh trời. Nhờ Tử Sản dầy công cai quản, kinh tế và các

mặt khác của nước Trịnh có chuyển biến rõ rệt. Bất kỳ ai muốn làm nên sự nghiệp đều phải tốn công, chịu đựng gian khó.

Vương Mãnh nén chịu để chờ thời gặp được vua hiền

Vương Mãnh vốn là phần tử trí thức người Hán, sinh ra ở huyện Cư, quận Bắc Hải, châu Thanh, do chiến tranh loạn lạc, theo cha mẹ tới lánh nạn ở quận Ngụy từ nhỏ.

Khi Phù Kiên, người dân tộc Đê, lên làm vua nước Tần ở Trường An, chính quyền Đông Tấn của người Hán vẫn còn tồn tại, vì sao Vương Mãnh lại đi làm quan dưới quyền Phù Kiên? Vì đây là sự lựa chọn hết sức nghiêm túc của Vương Mãnh trên con đường nhân sinh của ông. Vương Mãnh rất biết: dẫu có tài năng mà không có vị quan trên thông minh, có tài thì cũng không phát huy được tài năng ấy của mình. Bản thân việc lựa chọn đúng vị quan trên của mình cũng là một mặt thể hiện tài năng trí khôn của mình.

Thời còn trẻ, Vương Mãnh đã từng tới đô thành nước Triệu - Nghiệp Thành, các vị quan to quyền quý ở đây chẳng coi ông ra gì. Tuy chỉ có một người tên là Từ Thống khi gặp Vương Mãnh thì rất lấy làm lạ, cho rằng ông là nhân vật phi thường. Từ Thống bèn vời ông làm công tào[1], nhưng ông từ chối, lên Hoa Sơn ở ẩn. Vì Vương Mãnh cho rằng, với tài năng của

1. Quan chức thời nhà Hán, dưới quyền Thái thú cấp quận. - N.D.

mình, ông đáng làm việc lớn giúp vua chứ không phải chỉ làm chức công tào. Do vậy, Vương Mãnh tạm thời ở ẩn trên núi, chờ thời cơ.

Năm 351 sau công nguyên, Phù Kiên, người dân tộc Đê, lập ra triều Tiên Tần ở Trường An. Năm 354, tướng Hoàn Ôn của Đông Tấn đem quân bắc phạt, đánh bại quân của Phù Kiên, đóng quân ở Bái Thượng. Vương Mãnh tới xin gặp Hoàn Ôn. Khi tiếp, Hoàn ôn đề nghị Vương Mãnh trình bầy quan điểm của ông về tình hình xã hội bấy giờ. Đứng trước ba quân mà Vương Mãnh vừa thò tay vào cổ áo bắt rận, vừa thao thao nói về thiên hạ đại sự.

Hoàn Ôn thấy vậy, lấy làm lạ, hỏi Vương Mãnh:

- Ta theo lệnh Hoàng đế đem 100 ngàn quân, tới đây thảo phạt giặc phản nghịch, làm việc chính nghĩa, trừ hại cho dân, vậy tại sao hào kiệt ở Quan Trung không ai tới đón tiếp?

Vương Mãnh đáp:

- Ngài từ nơi cách xa ngàn dặm tới đây dẹp giặc, thành Trường An ở ngay trước mắt thế mà ngài không vượt qua sông Bá, mọi người không rõ ý đồ của ngài cho nên không tới.

Hoàn Ôn trầm ngâm một hồi lâu không trả lời, vì Vương Mãnh đã ngầm đánh trúng tim đen của ông ta. Thực tế thì Hoàn Ôn tính toán rằng, bình định Quan Trung ông ta chỉ được cái hư danh, thực quyền vẫn nằm trong tay triều đình, tiêu hao thực lực, làm

mướn không công cho người khác, chẳng bằng bảo tồn lực lượng để sau này cướp quyền triều đình.

Nghe Vương Mãnh nói như vậy, Hoàn ôn biết cái tay thư sinh nghèo đang đứng trước mặt ông ta không phải là người tầm thường, một hồi lâu ông ta mới ngẩng đầu, chậm rãi nói: "Giang Đông không kẻ nào sánh được với ngươi". Sau đó, trước khi rút quân, Hoàn Ôn biếu Vương Mãnh xe đẹp ngựa tốt, phong cho ông chức quan cao là "Đô hộ"[1], mời ông cùng nam hạ. Sau khi tới Hoa Sơn xin ý kiến thày dậy, Vương Mãnh từ chối lời mời này, tiếp tục ở ẩn tại Hoa Sơn.

Vương Mãnh bái kiến Hoàn Ôn vốn là định xuống núi thể hiện tài hoa, lập nghiệp, nhưng cuối cùng đã bỏ ý định ấy. Bởi vì, sau khi phân tích Hoàn Ôn và tình hình Đông Tấn, ông cho rằng Hoàn Ôn không trung thành với triều đình, có dã tâm cướp chính quyền, chưa hẳn đã thành công. Nếu nằm dưới quyền Hoàn Ôn thì khó làm nên việc lớn.

Đây là lần thứ hai ông từ chối lời mời của người khác.

Hoàn Ôn lui binh được hai năm thì Phù Kiện qua đời, kế vị ông ta là Phù sinh, một bạo chúa khét tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Phù Sinh ngu muội, tàn bạo, giết người như ngóe. Con của Phù Kiện là Phù Kiên muốn trừ khử tên bạo chúa này. Ông chiêu mộ

---

1. Tước quan, tương đương Tổng đốc. - N.D.

người hiền tài để tăng thêm thực lực. Nghe nói Vương Mãnh là người có tài, ông cử Thượng thư Lã Bá Lầu mời Vương Mãnh ra làm việc.

Vừa gặp nhau Phù Kiên và Vương Mãnh đã như đôi bạn tri âm, họ bàn về thiên hạ đại sự, ý kiến hai bên không hẹn mà gặp. Phù Kiên cảm thấy ông gặp được Vương Mãnh chẳng khác nào Lưu Bị gặp được Gia Cát Lượng thời Tam Quốc. Vương Mãnh cảm thấy Phù Kiên mới xứng là đối tượng mà ông phục vụ cả đời, ông rất vui lòng tích cực bầy mưu tính kế giúp Phù Kiên.

Năm 357 sau công nguyên, Phù Kiên tiêu diệt được tên bạo chúa Phù Sinh, làm vua triều tiên Tần, còn Vương Mãnh thì trở thành Trung thư Thị lang, nắm các điều cơ mật của quốc gia, tham dự vào các việc lớn trong triều đình. Do có tài nổi bật, sáng suốt, năm 36 tuổi, trong một năm Vương Mãnh được thăng chức 5 cấp, trở thành Thượng thư tả phó xạ phụ quốc tướng quân, Tư lệ Hiệu úy, bầy mưu tính kế giúp Phù Kiên trị nước, lập nên đại nghiệp oanh liệt, trở thành nhà hoạt động chính trị kiệt xuất trong xã hội phong kiến Trung Quốc.

Năm 375 sau công nguyên Vương Mãnh mắc bệnh qua đời, thọ 51 tuổi. Khi ấy Phù Kiên mới 38 tuổi. Mất cánh tay đắc lực này, Phù Kiên vô cùng đau lòng, thường thương nhớ buồn khóc, chưa đầy nửa năm mà bạc trắng đầu.

Người xưa nói "Chim khôn lựa cành đậu, người khôn lựa chúa thờ". Trong lịch sử, nhiều người có tài do chọn nhầm chủ mà mang hận suốt đời. Cũng giống như Gia Cát Lượng, Vương Mãnh đã chọn cho mình con đường đúng giữa lúc tình thế chao đảo không yên, nhờ đó mà thành công trong sự nghiệp, vẻ vang suốt đời. Ông kìm nén tham vọng nhanh chóng thành danh, giầu có, mà tâm lý này thường có ở những người tầm thường, nhận định con người một cách chính xác rồi mới dấn thân vào con đường làm quan. Đó là kinh nghiệm quan trọng trên bước đường đi tới thành công của ông. Nó cũng mách bảo chúng ta rằng, trong công việc hàng ngày, phải tận sức lựa chọn người lãnh đạo thích hợp, đó là tiền đề giúp cho sự nghiệp của ta phát triển thuận lợi.

3. Kìm nén tâm lý hám lợi, hy sinh tình máu mủ vì việc nghĩa, để lại danh thơm mãi mãi

Tôn Vũ kìm nén sự cám dỗ của danh lợi, danh thơm suốt đời

Tôn Vũ không chỉ là nhà quân sự kiệt xuất, mà còn là nhà tư tưởng vĩ đại. Ông là người biết cân nhắc đánh giá tình hình sóng gió, nguy cơ rình rập trên vũ đài chính trị, biết rút ra khỏi dòng nước xiết khi công thành danh toại, trọn vẹn trước sau, danh thơm suốt đời.

Tôn Vũ vốn là người nước Tề, họ Điền. Ông nội của Tôn Vũ là Đại phu nước Tề, lập công lớn trong chiến tranh. Tôn Vũ là cái tên do Tề Cảnh Công đặt ra để biểu dương chiến công của ông. Sau này, do có sự tranh giành, hận thù giữa họ Điền và các họ khác, Tôn Vũ tới nước Ngô để lánh mặt.

Thời niên thiếu, Tôn Vũ chăm chỉ học hành, rất thích nghe kể chuyện, mà chuyện thì phần lớn là chuyện chiến tranh. Tôn Vũ được sinh ra, lớn lên đúng vào thời đại rối loạn nhất trong lịch sử xã hội cổ đại Trung Quốc, chiến tranh liên miên, ít khi thái bình thịnh thế, bởi vậy, nhiều việc có liên quan với chiến tranh. Tôn Vũ nghe kể chuyện không phải vì tò mò. Mỗi lần nghe kể chuyện ông đều hỏi rõ đầu đuôi, kết cục, sau đó ông còn đánh giá, tìm ra nguyên nhân thắng lợi, thất bại. Lâu ngày, ông phát hiện ra rất nhiều điều huyền diệu trong những câu chuyện ấy, trong nhiều cuộc chiến tranh, thắng lợi và thất bại đều có cùng một điểm chung. Ông dùng dao khắc lên gỗ những điều ông đã rút ra từ những cuộc chiến tranh ấy, sau đó căn cứ vào tình tiết được mô tả trong câu truyện, ông vẽ lên da thú, đánh dấu lại.

Sau khi tới nước Ngô, Tôn Vũ một mặt dẫn người đi khai hoang, trồng trọt, mặt khác tiếp tục âm thầm nghiên cứu chiến tranh.

Trong cuộc đấu tranh chính trị đầy rẫy hiểm nguy, sở dĩ sau khi làm nên sự nghiệp Tôn Vũ có thể rút khỏi dòng nước xiết, khôn ngoan giữ mình là do ông

thấy được bóng tối trên quan trường, không ham danh lợi. Trong hàng chục năm, ngày nào cũng như ngày nào, Tôn Vũ say sưa nghiên cứu về quân sự, hoàn toàn chỉ vì hứng thú, không rút ra được, chứ không phải vì quan cao lộc hậu, rạng mặt tổ tiên. Mong muốn lớn nhất của Tôn Vũ là được sống cuộc đời yên ổn nơi ruộng vườn.

Năm thứ 522 trước công nguyên, Đại thần nước Sở là Ngũ Tử Tư bị Sở Bình Vương tìm giết, chạy sang nước Ngô, đầu hàng vua Liêu của nước Ngô, sau này được anh ruột của vua Liêu là công tử Quang nhận làm người tâm phúc. Công tử Quang cho rằng ngôi vua của ông bị vua Liêu chiếm, cho nên đã oán hận từ lâu, luôn âm mưu chờ cơ cướp lại ngôi. Sau khi Ngô Tử Tư đầu hàng vua Liêu nước Ngô, Công tử Quang phát hiện ông là người tài trí hơn người, rất mừng, nhưng muốn hoàn thành việc lớn là cướp ngôi vua mà chỉ có một Ngũ Tử thôi thì không đủ. Do vậy, công tử Quang cử Ngô Tử Tư đi khắp nơi cầu hiền, tìm nhân tài.

Ngũ Tử Tư phong phanh nghe tin Tôn Vũ ở ẩn tại nước Ngô, từ lâu đã muốn tìm gặp. Nhưng nghĩ rằng, Tôn Vũ là một bậc kỳ tài, không dễ dàng kết thân được, nếu chỉ đi thăm qua loa thì sẽ đường đột, làm hỏng việc, cho nên còn đang chờ dịp. Bây giờ, địa vị đã chắc chắn, hơn nữa, cũng có danh tiếng, Ngũ Tử Tư quyết định tìm gặp Tôn Vũ.

Khi gặp Tôn Vũ, Ngũ Tử Tư trao đổi ý kiến rất thành khẩn, tránh những vấn đề nhạy cảm, chỉ tỏ ý muốn học hỏi Tôn Vũ. Ngũ Tử Tư nói:

- Từ lâu tôi đã được nghe tiếng tăm của ngài, vô cùng ngưỡng mộ. Tài hoa và danh phận cao quý của ngài tôi không sánh kịp. Nếu học vấn và tài thao lược của ngài được dùng để trị nước thì nước nhỏ thành nước lớn, nước yếu thành nước mạnh. Nhưng ngài ở ẩn tại nơi hoang vắng này thì mai một mất cái kỳ tài cái thế ấy!"

- Ngài quá khen, là một nông phu như tôi nào có kỳ tài gì đâu! Chẳng qua chỉ biết cuốc đất cầy ruộng mà thôi - Tôn Vũ đáp.

Một thời gian sau, Ngũ Tử Tư lại tới thăm Tôn Vũ. Do đã quen nhau từ lần gặp trước, hai bên không còn nghi kỵ nhau, trao đổi nội dung mới, càng nói càng hợp nhau. Tôn Vũ mời Ngũ Tử Tư vào buồng trong tiếp tục trao đổi. Ngũ Tử Tư nói:

- Tôi nghe nói ngài nghiên cứu binh pháp đã từ lâu, có thể chỉ bảo cho tôi vài điều được không?

- Tôi chẳng qua là đọc các câu chuyện đánh trận của người xưa để giải buồn những khi công việc rảnh rỗi, nói là nghiên cứu sao được, ngài quá khen rồi đó.

Thấy Tôn Vũ có ý từ chối, Ngũ Tử Tư không sốt ruột, vẫn từ tốn nói với thái độ càng thành khẩn:

- Tôi có mối thù lớn, phải nương thân ở nước Ngô, không biết tương lai sẽ ra sao, còn sống thì còn muốn

kết giao với các hào kiệt trong thiên hạ, muốn được các hiền sĩ chỉ bảo, ngài có giúp được không?

Tôn Vũ thấy Ngũ Tử Tư có ý thành tâm, nếu lại từ chối thì khó nghĩ, ông kể cho Ngũ Tử Tư nghe những điều tâm đắc của mình trong nhiều năm nghiên cứu chiến tranh, cử ra nhiều ví dụ để phân tích nguyên nhân thành bại.

Qua lần trao đổi này, Ngũ Tử Tư càng nhận ra rằng muốn trả được thù thì phải có Tôn Vũ giúp sức.

Cảm kích tấm lòng thành của Ngũ Tử Tư, nhà quân sự kỳ tài cái thế Tôn Vũ rời khỏi ruộng vườn nơi sơn dã, bước lên vũ đài chính trị, tới nước Ngô làm quân sư cho Vua nước Ngô.

Sau nhiều năm chấn chỉnh cẩn thận, tình hình mọi mặt của nước Ngô đều có chuyển biến rất tốt. Vua nước Ngô là Hợp Lư thấy nước Ngô quân nhiều tướng giỏi, quân đội có kỷ luật nghiêm minh, sĩ khí hiên ngang, nhân tài đầy đủ, dân chúng no cơm ấm áo, quốc khố đầy ắp, cho rằng đã có điều kiện đánh nước Sở, bèn triệu tập quần thần trưng cầu ý kiến của họ. Ngũ Tử Tư và các đại thần khác đều cho rằng, quân lực, vật lực của nước Ngô hùng mạnh, đánh nước Ngô chỉ cần một trận có thể giành toàn thắng. Chỉ có Tôn Vũ ngồi lặng thinh, trầm tư không nói. Hợp Lư thấy vậy, hỏi:

- Tướng quân Tôn Vũ thấy thế nào?

Tôn Vũ đứng dậy đáp:

- Đại vương và các vị nói đúng, xét về thực lực hiện nay, nước Ngô có thể đánh nước Sở, nhưng muốn giành thắng lợi trong chiến tranh còn phải biết mình biết ta. Nước Ngô tuy có thực lực mạnh nhưng chưa thể nói đã đánh là thắng. Nước Sở, từ khi giết gian thần Phí Vô Kỵ, lòng dân ổn định, lại dược mùa nhiều năm liền, mọi thứ dự trữ cũng rất đầy đủ. Quân đội nước Sở cũng có sức chiến đấu rất mạnh - sau khi phân tích kỹ tình hình đất nước, tình hình dân chúng, tình hình quân đội của hai bên, Tôn Vũ nói tiếp - muốn đã đánh là thắng, không thể chỉ dựa vào sĩ khí, sự dũng mãnh của quân đội và vận may trong chiến tranh, còn phải nắm phần chắc thắng về chiến thuật.

Nghe Tôn Vũ phân tích tình hình thực tế của hai nước Ngô, Sở, Hợp Lư và quần thần đều rất khâm phục.

Tôn Vũ nói:

- Tôi cho rằng, điều quan trọng nhất hiện nay là tìm cách cho quần thần nước Sở mâu thuẫn với nhau, nghi kỵ nhau, tiếp đó làm cho nước Sở rối loạn, như thế thành luỹ dẫu có kiên cố, đánh từ trong đánh ra thì dễ vỡ. Ngoài ra, có thể phái một bộ phận quân đội mở một số trận nhỏ ở biên giới nước Sở. Làm như thế là để quấy nhiễu nước Sở, đồng thời cũng để phô trương sức mạnh của nước Ngô đối với các nước chư hầu khác.

Năm 506 trước công nguyên đã nổ ra một cuộc chiến tranh lớn giữa hai nước Ngô, Sở, tài năng quân

sự phi thường của Tôn Vũ đã được phát huy triệt để trong cuộc chiến tranh này. Tôn Vũ đã vạch ra kế hoạch tác chiến sát hợp với tình hình nước Sở và thực lực của nước Ngô, việc chuẩn bị lương thực, điều binh khiển tướng được sắp xếp, bố trí đâu vào đó.

Được tin này, nước Sở cũng chuẩn bị đầy đủ. Vua Sở sai Thẩm Doãn Thú phân tích kỹ tình hình quân đội hai nước Ngô và Sở, dự kiến cục diện có thể sẽ xảy ra sau khi khai chiến, vạch ra sách lược giành thắng lợi trên cơ sở phân tích, dự tính toàn diện.

Thẩm Doãn Thú lệnh cho tướng Nang Ngõa cầm quân trấn giữ phía nam sông Hán Thuỷ, chủ yếu chặn đánh chiến thuyền, phòng quân nước Ngô tập kích. Sau khi chiến tranh bắt đầu, Nang Ngõa nhanh chóng cho quân vượt sông đánh vỗ mặt quân nước Ngô, đẩy quân nước Ngô vào thế hai bên đều có địch, đánh nhau ở dưới nước.

Địa thế mà Thẩm Doãn Thú đã chọn, chiến thuật đã xác định, có thể nói là kế sách lợi hại, nếu được thực thi thì đánh bại được quân nước Ngô. Nhưng, Tôn Vũ đã dự tính trước ý đồ ấy của Thẩm Doãn Thú, ông tương kế tựu kế, khiến cho Nang Ngoã phát hiện thì đã muộn. Bị quân nước Ngô đánh kẹp từ hai phía, quân nước Sở không chống cự nổi, thương vong quá nhiều. Quân nước Sở đại bại, quân nước Ngô toàn thắng.

Bằng cuộc sống binh đao hơn chục năm, Tôn Vũ có cống hiến lớn, đưa nước Ngô tới chỗ hưng thịnh

giầu mạnh, nhất là đã lập nên công lao cái thế trong cuộc chiến tranh chinh phạt nước Sở. Chiến tranh kết thúc, vua nước Ngô là Hợp Lư mở tiệc ăn mừng thắng lợi, bình công khen thưởng, phong quan tiến chức cho người lập công. Ông trưng cầu ý kiến chúng thần xem ai có công lớn nhất. Mọi người đều nói Tôn Vũ là người lập công đầu. Chúng thần đề cử trùng hợp với ý vua, trong số những người được thưởng, Tôn Vũ được thưởng hậu nhất!

Song, ngoài dự tính của vua nước Ngô Hợp Lư, Tôn Vũ kiên quyết không nhận phần thưởng giành cho ông, hơn nữa sau đó lại còn mượn cớ tuổi già xin được về quê, buông súng cầy ruộng. Ai nấy đều lấy làm lạ, không hiểu tại sao Tôn Vũ làm như thế.

Công thành danh toại, quan cao lộc hậu, điều đó chẳng những làm rạng mặt tổ tiên, họ mạc, mà còn là vinh hoa phú quý cả đời hưởng không hết. Đó là mục tiêu biết bao người đeo đuổi suốt đời, thế mà Tôn Vũ lại hết sức thờ ơ. Vậy ông theo đuổi cái gì? Trong tấu từ quan gửi vua Ngô Hợp Lư ông viết: "Thần vốn là người quê mùa, được Đại Vương yêu quý, thật là vinh hạnh. Làm cho nước Ngô giầu mạnh, lập công trong chính chiến, đó là nghĩa vụ thần phải phải làm tròn, cho nên quả thật thần không dám nhận quan cao lộc hậu. Chiến công, chiến tích ấy đều là công đức của Đại Vương! Nay thần tuổi đã cao, có nhiều việc muốn làm nhưng thường lực bất tòng tâm, cứ tiếp tục ở bên Đại Vương thì e rằng làm hỏng việc

lớn. xin Đại Vương gia ơn cho thần được về với ruộng vườn. sống thanh tịnh bình thản quãng đời còn lại."

Sau hơn mười năm sớm tối có nhau. con người và phẩm chất cao quý không tham công. không tranh danh đoạt lợi. Tôn Vũ khiến Hợp Lư vô cùng khâm phục. Giờ đây. đất nước thanh bình. Hợp Lư không muốn rời xa Tôn Vũ. Ông cử Ngũ Tử Tư thuyết phục. giữ Tôn Vũ lại. Không ngờ Tôn Vũ rất kiên quyết. Ngũ Tử Tư khuyên can hết nhời vẫn không xoay chuyển được ý muốn từ quan của ông. Tôn Vũ nói:

- Như ngài đã biết tôi rất hờ hững với công danh lợi lộc. Ngày ấy. vì nể tình bạn và cảm kích tấm lòng thành tâm của ngài tôi mới ra giúp Đại Vương dựng xây sự nghiệp. Nay công việc ấy đã xong. tôi tuổi cao sức yếu rồi. Đề nghị ngài giúp tôi xin Đại Vương thứ lỗi. tôi mãi mãi không quên ơn ngài.

Một đời anh hùng hào kiệt. sau khi công thành danh toại không bị lộc quan cám dỗ. thật là hiếm có. Tôn Vũ từ quan. ngoài lý do ông không chạy theo công danh ra. còn có nguyên nhân khác. Hơn mười năm dấu thân nơi quan trường. ông đã thấy đủ điều đen tối: trong đấu tranh chính trị thì nham hiểm xảo quyệt. hôi tanh độc ác. đấm đá nhau lúc công khai lúc ngấm ngầm. kẻ lừa người bịp. không từ bất kỳ thủ đoạn nào để giành quyền lực. thủ đoạn tàn bạo. tâm gan độc ác: trong đấu tranh quân sự thì chém giết bừa bãi. hỗn chiến liên miên gây ra tai nạn thê

thảm cho dân chúng. Tất thảy những điều ấy khiến cho Tôn Vũ không yên, trọn rọn trong lòng.

Có thể nói, một điểm hơn người nữa của Tôn Vũ là kìm nén không bị quyền lực, lợi lộc cám dỗ, dũng cảm rút khỏi dòng nước xiết, để lại danh thơm suốt đời.

Thạch Thố cắt bỏ tình thân, giết con vì đại nghĩa

Năm cuối thời Đông Chu, Vệ Trang Công, có 3 người con trai, con cả là Hoàn, con thứ là Tấn, con thứ ba là Châu Dự.

Châu Dự tính tình hung bạo, thích dùng vô dùng binh, hơi một tí là tính tới việc đánh, giết. Nhưng được Trang Công rất cưng chiều, mặc Châu Dự muốn làm gì thì làm, không hề ngăn cấm.

Đại phu Thạch Thố là một người ngay thẳng, dân chúng rất tín nhiệm ông. Ông khuyên Trang Công rằng: "Làm cha mẹ phải nghiêm khắc giáo dục con cái, không nên nuông chiều quá, dung túng quá mức chúng sẽ kiêu căng, kiêu căng sẽ làm loạn. Nếu Chúa Công muốn truyền ngôi cho Châu Dự thì phải sớm lập Châu Dự là người thừa kế, nếu không thì phải quản chế không để cho ngang ngược tuỳ tiện như thế, tránh xảy ra tai hoạ sau này".

Nhưng Trang Công để ngoài tai, vẫn để mặc Châu Dự muốn làm gì thì làm. Thạch Thố có đứa con trai tên là Thạch Hậu, tính tình y hệt Châu Dự, cứ như

là sinh đôi vậy, thường đùa nghịch với nhau, cùng rong xe đi săn, quấy nhiễu dân chúng. Thạch Thố thấy chướng mắt, đánh Thạch Thố một trận, nhốt vào một gian buồng, không cho ra ngoài gây chuyện. Nhưng Thạch Hậu không sửa, trèo tường ra ngoài, trốn ở trong phủ của Châu Dự, không dám về nhà, Thạch Thố không làm gì được, đành giả câm giả điếc, nén giận.

Không lâu sau, Vệ Trang Công qua đời, công tử Hoàn lên kế vị, gọi Hoàn Công. Hoàn Công tính tình nhu nhược, không tự chủ. Thạch Thố thấy Hoàn Công là người như vậy, mà Châu Dự thì lại ngỗ ngược hung hăng, ông dự tính nhất định sẽ loạn, bèn kiếm cớ già cả, từ chức về nhà, không đoái hoài tới công việc triều chính nữa.

Được thể, Châu Dự càng bất chấp tất cả, ngày đêm bàn với Thạch Hậu cướp ngôi vua.

Giữa khi ấy Chu Bình Vương qua đời, thái tử lên ngôi. Đây là ngày quốc gia đại sự, các chư hầu phải đích thân tới phúng viếng Chu Bình Vương, chúc mừng công tử Vệ Hoàn vào triều lên ngôi.

Nhân dịp này Thạch Hậu hiến kế với Châu Dự rằng : "Ngày mai, khi Hoàn Công lên đường vào triều, anh tổ chức tiệc ở cửa tây, giả vờ tiễn anh ta, cho 500 dũng sĩ mai phục sẵn ở ngoài cửa, khi đang chúc rượu thì xông ra giết chết anh ta. Tên nào chống lại, lập tức tiêu diệt ngay, như vậy thì anh cướp được ngôi".

Châu Dự mừng ra mặt, sai Thạch Hậu đi sắp xếp, bố trí mọi việc.

Sớm hôm sau, khi Hoàn Công chuẩn bị đi thì Châu Dự bèn đón mời anh vào quán, rượu tiệc đã bầy sẵn, Châu Dự cung kính mời rượu:

- Hôm nay huynh trưởng đi xa, tiểu đệ soạn bữa rượu nhạt tiễn huynh trưởng lên đường.

- Hiền đệ bầy vẽ làm gì cho tốn kém, anh đi hơn một tháng rồi lại về thôi mà. Ở nhà nhờ hiền đệ tạm thay mặt giải quyết công việc triều chính, làm việc phải thận trọng đó!

- Huynh trưởng yên tâm, tiểu đệ sẽ đặc biệt thận trọng.

Dứt lời, Châu Dự vội vàng rót đầy chén rượu, bưng lên mời Hoàn Công. Hoàn Công uống một hơi hết chén rượu, rồi cũng rót rượu mời Châu Dự. Châu Dự đưa hai tay đón chén rượu, giả vờ lỡ tay làm rơi chén rượu xuống đất. Hoàn Công không biết đó là mưu kế, gọi người mang tới một chiếc chén khác để chúc rượu Châu Dự. Thừa cơ ấy, Châu Dự né ra sau lưng Hoàn Công, rút dao đâm mạnh, Hoàn Công chết tại chỗ. Thế là Châu Dự tự xưng là vua, cử Thạch Hậu làm Đại Phu. Công tử Tấn hoảng sợ chạy tới nước Hình xin được che chở. Sau khi lên ngôi, Châu Dự thấy không khí xã hội sôi sục, bàn tán việc ông ta giết anh để cướp ngôi, do đó lại bàn với Thạch Hậu để đối phó. Châu Dự nói:

- Ngươi có nghe người ta bàn tán gì không? Cả nước người người nói xấu ta. Xem ra, chỉ có cách là tung quân ra đánh một nước láng giềng, dựa vào đó để bẹp sự chống đối ở trong nước. Ngươi xem nên đánh nước nào?

- Tất nhiên là nên đánh nước Trịnh rồi. Nước Trịnh từng xâm lược nước ta nhân cơ hội này ta báo thù rửa nhục - Thạch Hậu hớn hở trả lời.

Bàn bạc xong, họ xua quân đánh nước Trịnh. Quả nhiên, năm ngày đầu họ giành được một thắng lợi nhỏ. Nhưng Thạch Hậu ra lệnh rút quân.

- Tại sao vậy? Đại quân chưa chạm trán nhau mà đã rút về là tại làm sao? - Châu Dự ngạc nhiên.

Thạch Hậu đề nghị Châu Dự phải cân nhắc, bí mật nói với Châu Dự rằng:

- Quân nước Trịnh nổi tiếng là quân đội mạnh, chúng ta không chắc thắng được họ. Đã thắng một trận nhỏ, đủ để đe nẹt trong nước rồi. Hơn nữa, chúa công mới lên ngôi chưa được bao lâu, tình hình chưa chắc chắn, xa triều đình lâu, e có biến cố.

Thạch Hậu dương dương tự đắc rút quân, lệnh cho binh lính dọc đường vừa đi vừa ca hát khải hoàn, hộ vệ Châu Dự hiên ngang lui quân về triều.

Nhưng, ở trong nước mọi người vẫn không ủng hộ họ.

Châu Dự hỏi Thạch Hậu:

- Đánh thắng trận trở về mà họ vẫn không phục, ngươi bảo còn cách nào khác không?

- Chỉ còn một cách là: cha thần là người ngay thẳng, được mọi người rất tôn trọng, chi bằng chúa công vời ông vào triều, trao cho một chức quan trọng, như thế người ta sẽ hết nói.

Châu Dự cho người mang rất nhiều quà quý tới mời Thạch Thố vào triều. Thạch Thố từ chối:

- Ta già rồi, bệnh mỗi ngày một nặng, ngay đi chầu triều cũng không đi nổi nữa rồi.

Châu Dự lại hỏi Thạch Hậu:

- Cha ngươi cáo bệnh không chịu vào triều, ta muốn đích thân tới tận nhà xin ông chỉ cho một cách được không?

- Chúa công đích thân tới nhà chưa hẳn ông đã muốn tiếp, để thần về nhà, thay chúa công nói trước xem ý ông thế nào đã!

Thạch Hậu về nhà gặp cha. Thạch Thố hỏi:

- Chúa mới muốn triệu kiến ra để làm gì?

- Vì mọi người có ác cảm với ông, ông sợ ngôi vua không chắc, muốn cha chỉ cho một kế!

- Cái đó thì có gì khó? Chư hầu muốn lên ngôi thì phải tâu bẩm với triều đình thì mới được coi là chúa chính thức. Nếu chúa mới được Chu Thiên tử chấp nhận thì còn ai nói gì được?

- Ý của cha rất đúng, nhưng nếu bây giờ tự dưng vào triều thì thiên tử sẽ nghi, tốt nhất là có một người

vào triều tâu trước với thiên tử. Nhưng ai là người có thể làm được việc này? - Thạch Hậu đưa ánh mắt hy vọng vào cha.

- Cái đó không dễ đâu - Thạch Thố nói có vẻ hăng hái - người hiện nay được Chu thiên tử tin nhất là Hoàn Công nước Trần, có ông ta nói cho một lời, nhất định xong việc. Nếu chúa mới tới nước Trần nhờ Trần Hoàn Công giúp thì chắc chắn thành công.

Thạch Hậu tâu lại điều này với Châu Dự. Châu Dự rất đỗi vui mừng, lập tức cho chuẩn bị lễ vật để cùng Thạch Hậu tới nước Trần.

Thạch Thố có quan hệ rất thân thiết với Đại phu Tử Chân của nước Trần. Thấy cơ hội đã tới, ông cắt ngón tay lấy máu viết một bức huyết thư rồi giao cho một người thân tín tới nước Trần bí mật đưa cho Tử Chân để ông trình lên Trần Hoàn Công. Trần Hoàn Công bóc thư ra xem thì thấy trong thư viết: "Ngoại thần Thạch Thố lậy trăm lậy có thư gởi tới Trần hiền hầu điện hạ như sau: Nước Vệ gặp họa trời giáng tai ương, vua bị giết để cướp ngôi. Việc này do người em phản nghịch là Châu Dự thực hiện, con của thần là Thạch Hậu vì tham vị mà nối giáo cho giặc. Nếu không diệt hai kẻ phản nghịch này thì bọn loạn thần tặc tử sẽ nổi lên khắp thiên hạ. Thần tuổi già ốm yếu, không đủ sức ngăn chặn chúng, mắc nợ với Vệ Hoàn Công. Nay hai tên phản nghịch này mắc mưu của thần dẫn xác tới thượng quốc, rất mong thượng quốc bắt giữ, trị tội để chỉnh đốn lại cương thường

vua tôi, được như vậy thì không chỉ là phúc cho riêng nước của thần mà là phúc cho cả thiên hạ".

Đọc xong, Trần Hoàn Công hỏi Tử Chân:

- Theo ngươi, nên xử lý việc này thế nào?

Tử Chân không hề đắn đo, tâu:

- Nước ta và nước Vệ xưa nay luôn luôn hoà thuận, giúp đỡ lẫn nhau. Điều bất hạnh của nước Vệ cũng là điều bất hạnh của nước ta. Chúng tới đây là tự tới chỗ chết, nhất thiết không cho chúng có đường về.

Thế là kế hoạch bắt Châu Dự được xác định.

Ngày hôm sau, thái miếu được bày biện rất trang nghiêm. Trần Hoàn Công đứng ở giữa, văn võ bá quan xếp hàng hai bên rất chỉnh tề.

Đại phu Tử Chân dẫn Thạch Hậu đứng lên một bậc thần. Thạch Hậu nhác thấy ở cửa ra vào có dựng một tấm bia, trên đó ghi: "Làm quan mà bất trung, làm con mà bất hiếu, không được vào miếu này", y giật thót mình, quay đầu hỏi Tử Chân:

- Dựng tấm bia này là có ý gì vậy?

- Đây là quy tắc đã có từ mấy đời nay ở nước tôi, tấm bia này được dựng hàng chục năm nay rồi.

Một lát sau, xe của Châu Dự tới, y vừa định cúi chào thì bỗng nghe thấy Tử Chân hô to:

- Thừa lệnh Chu thiên tử, nay bắt hai kẻ giết vua là Châu Dự và Thạch Hậu, những người khác được miễn xá!

Tiếng hô vừa dứt. Châu dự bị bắt giữ. Thạch Hậu vội rút kiếm định chống cự liền bị các dũng sĩ từ hai bên xông ra trói lại.

Trần Hoàn Công định đưa Châu Dự và Thạch Hậu ra xử theo pháp luật. Nhưng quần thần đồng thanh tâu:

- Thạch Hậu là con của Thạch Thố. Việc bắt giữ này lại do ông ta đề nghị, chưa biết ý ông ta thế nào. Tốt hơn cả là mời ông ta tới, trao hai kẻ này cho ông ta xử lý để tránh hiểu lầm.

Châu Dự và Thạch Hậu bị giam riêng mỗi kẻ một nơi. Trần Hoàn Công cho người tới nước Vệ thông báo cho Thạch Thố.

Thấy sứ giả nước Trần tới, Thạch Thố thầm biết Châu Dự và Thạch Hậu đã bị bắt, ông cho người chuẩn bị xe, ngựa đưa ông vào triều, đồng thời cho người thông báo cho các văn võ bá quan vào triều họp mặt.

Thấy Thạch Thố đột nhiên vào triều, văn võ bá quan ai nấy đều lấy làm lạ, họ tới tụ họp với tâm tình nôn nóng, nghi hoặc. Thạch Thố bước tới, đọc thư của nước Trần nói rằng đã bắt giam Châu Dự và Thạch Hậu, đang chờ Đại phu nước Vệ tới xử lý.

Thạch Thố hỏi:

- Vậy là các vị đều đã biết, cần xử lý hai tên gian thần nghịch tử này như thế nào?

- Đây là việc quốc gia đại sự, phải nghe theo chủ trương của Quốc lão - quần thần đồng thanh đáp.

- Hai tên phản nghịch phạm tội tầy trời, phải chịu tội chết, quyết không tha - Thạch Thố nói - Không xử nghiêm thì ăn nói làm sao với linh hồn của tiên đế? Ai có thể đi nước Trần giết hai tên giặc này?

Tả Tể Sửu đứng dậy nói:

- Gian thần nghịch tặc kẻ nào cũng phải khép tội chết. Tên súc sinh Châu Dự để thần đi xử lý.

Lúc này có người xin tha chết cho Thạch Hậu, chưa nói hết thì Thạch Thố đã đập bàn quát:

- Tội ác của Châu Dự là do thằng con bất hiếu của lão xúc xiểm, các vị bảo giảm tội cho y chẳng hoá ra là các vị nghi lão làm việc theo cảm tình riêng? Ta đích thân đi tự tay chém đầu tên nghịch tặc bất trung bất hiếu ấy!

Gia thần Noạ Dương Khiên vội nói:

- Quốc Lão hãy nén giận, thần tự nguyện đi chấp hành mệnh lệnh của Quốc Lão.

Hai vị Tả Tải Sửu và Noạ Dương Khiên tới nước Trần, bái tạ Trần Hoàn Công, sau đó thừa hành nhiệm vụ. Châu Dự bị giải ra giữa chợ để hành quyết. Châu Dự nói với Tả Tể Sửu:

- Ta là vua, người là quan, ngươi dám giết ta?

- Anh ngươi là vua, ngươi là quan, thế mà ngươi giết ông ấy, nay ta chỉ làm theo ngươi thôi mà - Tả

Tể Sửu vừa dứt lời thì ông vung đao lên, đầu của Châu Dự văng khỏi cổ.

Noạ Dương Khiên giải Thạch Hậu ra. Thạch Hậu van xin:

- Ta biết có chết cũng chưa hết tội. Nhưng sự thể đã thế này thì hãy giải ta về nước Vệ cho ta được gặp cha lần cuối cùng rồi hãy giết!

Noạ Dương Khiên nói:

- Ta tới đây theo lệnh cha ngươi để trừ khử ngươi tại chỗ. Nếu ngươi muốn gặp cha thì ta sẽ mang đầu ngươi về cho ngươi gặp ông cũng được!

Quách Tử Nghi kìm chế không chạy theo hư danh, làm quan 4 đời vua liên tục

Quách Tử Nghi được phong tước là Phần Dương vương, vương phủ được xây ở thôn Thân Nhân tại kinh đô Trường An. Xây vương phủ xong, Quách Tử Nghi cho mở cổng phủ suốt ngày để mọi người ra vào tuỳ ý, cấm người trong phủ ngăn cản.

Một hôm, có một viên quan được điều đi nơi khác, ông ta tới vương phủ để chào từ biệt. Biết Quách Tử Nghi không cấm vào phủ, ông ta đi thẳng vào trong phủ. Vừa lúc ấy ông ta nhìn thấy phu nhân và con gái của Quách Tử Nghi đang chải chuốt, trang điểm, còn Phần Dương vương Quách Tử Nghi thì đứng bên cạnh hầu hạ họ, lúc thì họ bảo đưa cho họ chiếc khăn lau, lúc thì họ sai lấy cho họ cốc nước, họ sai bảo ông như sai bảo kẻ hầu vậy. Viên quan này không dám

chê cười ngay tại chỗ, nhưng khi về nhà đã đem chuyện này ra kể cho người nhà nghe. Thế là một đồn mười, mười đồn trăm, chỉ vài ngày sau, khắp kinh thành người ta đem việc này ra làm trò cười.

Nghe tin này, Quách Tử Nghi chẳng có phản ứng gì, nhưng mấy đứa con thì cảm thấy bẽ mặt cha. Chúng bảo nhau cùng nói với cha ra lệnh đóng cửa phủ giống như các vương phủ khác, không cho tự tiện ra vào.

Nghe các con nói vậy, Quách Tử Nghi phá lên cười, cả mấy đứa con đều quỳ xuống khóc lóc van xin, một đứa nói:

- Phụ vương công lao hiển hách, khắp thiên hạ ai cũng kính phục, nhưng phụ vương lại không tự tôn trọng mình, bất kỳ ai phụ vương cũng cho tự do ra vào phủ. Chúng con cho rằng, ngay như danh thần Y Doãn đời nhà Thương, tướng Hoắc Quang đời nhà Hán cũng không làm như phụ vương.

Quách Tử Nghi không cười nữa, gọi các con cùng ngồi lại, nói với ý sâu xa:

- Cha mở cửa phủ cho mọi người ra vào tự nhiên không phải là để chạy theo hư danh, mà là để tự bảo vệ mình, bảo vệ tính mạng của cả gia đình ta.

Các con ông rất ngạc nhiên, vội hỏi cho rõ ý. Quách Tử Nghi thở dài, nói:

- Các con chỉ thấy thanh thế hiển hách của nhà họ Quách chúng ta, không thấy hiểm hoạ làm mất thanh thế ấy. Cha được phong tước Phần Dương

Vương, có tiến nữa thì cũng chẳng giàu hơn. Trăng đầy trăng lại khuyết, hết thịnh thì suy, đó là lẽ đương nhiên. Vì thế mà người đời thường nói phải dũng cảm rút ra khỏi dòng nước xiết. Song, xem ra triều đình vẫn muốn sử dụng cha, nào đã chịu cho cha về ở ẩn. Thêm nữa, dẫu có về ở ẩn, thì cũng không thể tìm đâu ra nơi ở ẩn có thể chứa hết hơn 1000 nhân khẩu trong phủ họ Quách ta. Có thể nói, hiện nay cha tiến chẳng được lùi chẳng xong. Trong tình hình đó, nếu chúng ta đóng kín cửa, không đi lại với bên ngoài, nhỡ có một kẻ nào đó thù oán nhà họ Quách chúng ta, vu cáo chúng ra ăn ở hai lòng, sẽ có bọn tiểu nhân giậu đổ bìm leo, thêm giấm thêm ớt, gây ra án oan, thì chính đời họ Quách già trẻ trai gái sẽ chết không có đất mà chôn.

Đây là lý lẽ về hoạ từ đâu ra, phải tránh hoạ như thế nào. Quách Tử Nghi có nhãn quang chính trị rất sắc bén, tự kìm chế để tránh tai hoạ, càng biết kìm chế khi gặp vận may, khi vinh hạnh.

Vu Khiêm nhẫn nhịn sự vu cáo, thanh danh còn mãi

Vu Khiêm người Huyện Tiền Đường, tỉnh Triết Giang, là vị anh hùng dân tộc và là nhà thơ đời nhà Minh Trung Quốc. Ông đỗ tiến sĩ năm Vĩnh Lạc, sau đó đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng ở Trung ương và địa phương, nổi tiếng trong cả nước về đức tính liêm khiết, tài bai lão luyện. Bởi vậy, khi triều minh lần đầu tiên đặt ra chức vụ Tuần phủ, Minh Tuyên

Tông là Chu Chiêm Cơ đích thân cầm bút phê đặc cách đề bạt ông làm tuần phủ Hà Nam, Sơn Tây. Là quan đứng đầu hai tỉnh. Vu Khiêm rất nghiêm khắc với mình, dù đi thị sát hoặc về kinh ông không bao giờ làm ra vẻ ta đây là quan to, luôn mộc mạc giản dị.

Vu Khiêm làm tuần phủ Hà Nam, Sơn Tây tới năm thứ năm thì Minh Tuyên Tông ốm chết, con ông là Chu Kỳ Chấn lên nối ngôi, lấy niên hiệu là Anh Tông, mở đầu thời kỳ quan hoạn Vương Trấn lộng quyền. Vương Trấn cậy được Minh Anh Tông tin dùng, tác oai tác quái trong triều, tham ô, ăn hối lộ, mua quan bán tước, bợ đỡ bè cánh, gạt bỏ người tốt, trung thực, không còn điều ác nào mà y không làm. Có một thời, bá quan trong triều và các quan địa phương nịnh nọt lấy lòng y, tranh nhau biếu xén vàng bạc, châu báu. Sử sách ghi chép, bấy giờ các quan phải biếu 100 lạng bạc mới được Vương Trấn tiếp một lần, biếu 1000 lạng bạc mới được Vương Trấn tiếp một bữa cơm tại nhà y. Nhưng Vu Khiêm căn bản không làm cái trò đó, mỗi lần ông về kinh làm việc đều không mang theo quà biếu để biếu Vương Trấn và những tiểu nhân quyền quí trong triều. Một số bạn bè tốt bụng thường khuyên ông rằng: "Ngài không nịnh bợ bọn tiểu nhân quyền quý thì đúng rồi, nhưng cũng không thể cứng nhắc quá, chớ có nhập gia mà không tuỳ tục! Quan đứng đầu địa phương về kinh mang theo ít thổ sản, đặc sản để biếu người này người nọ thì chỉ là chuyện thường tình. Ngài từ Hà

Nam, Sơn Tây về thì mang theo ít vải thiều, nấm ăn, khăm chùm đầu thì cũng được chứ sao!". Mỗi khi có ai khuyên như thế, Vu Khiêm đều hóm hỉnh giơ hai ống tay áo rộng thùng thình ra nói: "Tôi ấy à, tôi chỉ mang hai ống tay áo dựng gió mát đi thăm họ thôi". Bấy giờ ông còn sáng tác một bài thất ngôn tuyệt cú như sau: Thủ bạc ma cô cập tiền lương, bản tư dân dụng phản vi ương. Thanh phong lưỡng tụ triều thiên khứ, miễn đắc Diêm Lư thuyết đoạn trường"[1]. Đức liêm khiết ngay thẳng của Vu Khiêm được triều đình và dân chúng khâm phục, nhất là được dân chúng hai tỉnh Hà Nam, Sơn Tây ủng hộ, thậm chí các vương công quý tộc trong hoàng tộc cũng tỏ ý khen ngợi tài hoa và con người của ông. Nhưng bọn Vương Trấn thì lại coi Vu Khiêm như cái gai trước mắt họ, chúng muốn trừ khử cho đỡ ngứa mắt.

Năm Chính Thống thứ 11 là năm thứ 18 Vu Khiêm làm Tuần phủ Hà Nam, Sơn Tây. Trong thời đại phong kiến, các quan to đều có thói quen đề phòng triều đình nghi kỵ. Vu Khiêm tuy không sợ điều đó nhưng cảm thấy làm quan quá lâu ở một nơi thì không hay. Một lần, nhân về kinh báo cáo tình hình, ông dâng sớ lên Minh Anh Tông tiến cử Tham Chính vương Tôn Nguyên Chinh thay mình. Vương Trấn cho rằng thời cơ đã đến, liền sai tên chó săn Lý Tích đàn

---

1. Tạm dịch nghĩa: khăn chùm đầu, nấm ăn, vải thiều, đều là của dân, dùng vào thì sẽ gặp tai ương. Về kinh với hai ống tay áo đựng gió thì tránh khỏi bị dư luận bàn tán, xì xào - ND.

hặc Vu Khiêm, vu cáo ông vì lâu ngày không được thăng chức, bất mãn cho nên cố ý tiến cử người thay thế, gây sức ép với triều đình, làm việc vô đạo đại nghịch. Tiếp đó, y vô cớ tống giam Vu Khiêm, khép tội chết. Nhưng, dân chúng và nhiều học sinh hai tỉnh Sơn Tây, Hà Nam sôi sục căm giận, kéo nhau lên Bắc Kinh đòi Anh Tông hoàng đế thả Vu Khiêm. Thấy lòng dân oán giận, không dám động vào lòng căm phẫn của công chúng, Vương Trấn đành phải thả Vu Khiêm, giáng chức xuống làm Đại lý Phong thiếu khanh. Được tin Vu Khiêm bị giáng chức giữ lại ở Bắc Kinh, quần chúng Sơn Tây, Hà Nam không chịu bó tay, họ tập trung 100 ngàn người kéo về Bắc Kinh, quỳ ở ngoài hoàng cung, yêu cầu triều đình để Vu Khiêm vẫn làm Tuần Phủ Hà Nam, Sơn Tây. Lần này, có cả hai phiên vương của hai tỉnh là Tấn vương ở Thái Nguyên là Chu vương ở Khai Phong cũng đứng ra bảo vệ Vu Khiêm. Xuất phát từ nguyện vọng ổn định địa phương, họ cực lực yêu cầu cho Vu Khiêm trở về chủ trì công việc ở hai tỉnh cũ. Đứng trước tình hình đó, Vương Trấn buộc phải khôi phục chức vụ của Vũ Khiêm.

Nhưng, cuộc đấu tranh chưa kết thúc ở đó.

Mùa thu năm Chính Thống thứ 14, quân của người thiểu số Ngoã Thích ở miền Bắc xâm phạm miền nam. Do Vương Trấn xúi giục, Minh Anh Tông đích thân cầm 500 ngàn quân đi chinh phạt. Vương Trấn chỉ huy bừa bãi, quân của triều đình nhà Minh

bị tiêu diệt hết trong trận luỹ Thổ Mộc. Vương Trấn bị tướng dưới quyền phẫn nộ giết chết. Anh Tông bị bắt làm tù binh. Sau biến cố Thổ Mộc, quân Ngoã Thích giải theo Minh Anh Tông đánh thẳng tới chân thành Bắc Kinh. Mọi người trong thành Bắc Kinh hoảng hốt, hoàng thân quốc thích, quan to nhà giầu tới tấp chuẩn bị bỏ chạy về miền nam, có người đã chuyển gia quyến, của cải xuống miền nam từ lâu rồi. Hoàng Thái Hậu xuống chiến giao cho em của Anh Tông là Chu Kỳ Ngọc chấp chính. Chu Kỳ Ngọc triệu tập các đại thần bàn kế chống giặc, người thì chủ trương chạy về miền nam, có kẻ còn nói bừa rằng rút về miền nam là số trời định, người thì tỏ ra tiếc nuối cơ nghiệp của tổ tông... trong cung đường rộng thênh thanh, kẻ khóc người gào, rối loạn như mớ bòng bong. Bấy giờ, Vu Khiêm cũng tham gia bàn bạc với tư cách là thay mặt Binh bộ Tả thị lang. Đứng trước tình hình đó, ông đứng lên thét: "Kẻ nào khởi xướng rút về miền nam đáng tội chém đầu!". Cả cung đường đang nhốn nháo bỗng im phăng phắc. Tiếp đó, Vu Khiêm dẫn ra bài học thất bại của nhà Tống do rút về miền nam để chứng minh rằng phải kháng chiến, phân tích nhiều khả năng giữ được thành Bắc Kinh. Ý kiến của Vu Khiêm được nhiều đại thần ngay thẳng ủng hộ, do đó, Hoàng Thái hậu đích thân cử Vu Khiêm làm Thượng tư Bộ binh, toàn quyền chỉ huy cuộc kháng chiến phòng thủ Bắc Kinh.

Thượng thư Bộ binh Vu Khiêm một mặt chỉnh đốn 200 ngàn quân còn lại ở kinh đô, ra lệnh tập trung

quân thường trực ở các tỉnh chuẩn bị sẵn sàng ra trận: một mặt đề nghị Chu Kỳ Ngọc công bố trước quân dân tội hại nước hại dân của Vương Trấn để làm yên lòng dân, động viên tinh thần của quân đội. Trong một lần chầu triều, đa số đại thần yêu cầu chu di gia tộc Vương Trấn, tịch thu toàn bộ tài sản của chúng giao cho quân đội sử dụng. Chu Kỳ Ngọc chưa kịp nói thì tên tay chân của Vương Trấn chỉ huy đội Cẩm Y tên là Mã Thuận đứng phắt lên chửi bới. Quần thần phẫn uất, người túm tóc, người đấm, người đá, đánh chết ngay tại cung đình. Lúc này, mọi người vẫn chưa thấy hả giận, hò hét nhất định phải khui ra bè cánh của Vương Trấn ở hậu cung. Bọn Thái giám ở hậu cung sợ hết hồn, vội khui ra hai tên quan hoạn thường cùng Vương Trấn tác oai tác quái dữ nhất là Mao San, Vương Trường Tuỳ, hai tên này bị quần chúng đánh chết ngay tức khắc. Xác của ba tên Mã, Mao, Vương bị đem ra bêu ở cửa Đông An, quân dân chen nhau tới ném đá, phỉ nhổ. Một lát sau, cháu của Vương Trấn là Vương Sơn cũng bị bắt giải về cung đường, quần thần xô tới, tiếng thét, tiếng chửi vang lên long trời lở đất. Nhiều đại thần bị chen rơi cả mũ, tuột cả giầy, rách cả áo, tóc rối bù, cả Vu Khiêm cũng bị chen rách áo thụng. Thấy vậy, Chu Kỳ Ngọc sợ mất mật, định bỏ chạy về hậu cung. Vu Khiêm chạy tới kéo áo bảo ông ta lập tức tuyên bố: "Mã Thuận.... đáng tội. Những người khác thì thôi". Chu Kỳ Ngọc đứng ra nói lẽ phải, không khí sôi động lắng xuống. Khi bãi triều, Thượng thư Bộ lại Vương

Trực bắt tay Vu Khiêm, cảm động ứa nước mắt, nói : chính nghĩa thắng lợi, dưới sự lãnh đạo của Vu Khiêm, quân dân Bắc Kinh bắt đầu cuộc chiến đấu oai hùng bảo vệ giang sơn.

Trong cuộc chiến đấu ba tháng bảo vệ Bắc Kinh, anh hùng dân tộc Vu Khiêm là vị chỉ huy thông minh dũng cảm, có nghệ thuật chỉ huy tài giỏi, đánh cho quân Ngoã Thích bại trận hết lần này đến lần khác, cuối cùng bị thất bại hoàn toàn. Bọn quý tộc Ngoã Thích dùng Anh Tông làm con tin ép triều đình nhà Minh. Để đập tan âm mưu ấy, Vu Khiêm kiên quyết chủ trương đưa Chu Kỳ Ngọc lên kế vị. Sau khi lên ngôi, Chu Kỳ Ngọc lấy niên hiệu là Đại Tông. Người Ngoã Thích thấy Anh Tông Chu Kỳ Chấn đã mất tác dụng, họ bèn giao trả cho Bắc Kinh để cầu hoà. Sau khi trở lại Bắc Kinh, Chu Kỳ Chấn đấu tranh ác liệt tranh quyền với Chu Kỳ Ngọc, nhưng khi ấy Vu Khiêm lại đang bôn ba ở Ninh Hạ, Sơn Tây, ngày đêm lo củng cố biên giới. Năm Tông Cảnh Thái thứ 8 (năm 1457), lợi dụng lúc Chu Kỳ Ngọc ốm nặng, Chu Kỳ Chấn cấu kết với bộ phận đại thần có dã tâm đen tối làm đảo chính, lập lại ngôi vua. Lũ gian manh đưa Chu Kỳ Chấn trở lại ngai vàng rất sợ Vu Khiêm, việc đầu tiên chúng làm sau khi có chức có quyền là vu cáo Vu Khiêm "âm mưu làm phản".

đập, tra khảo. Nguyên Thượng thư Bộ lại Vương Trực phẫn uất lớn tiếng bào chữa. Vu Khiêm bình tĩnh như không, nói với Vương Trực: "Nằm trong tay bọn gian thần, cãi lý với chúng chẳng có ích gì". Lúc này Vu Khiêm đã là một ông già ngoài 60 tuổi, râu tóc bạc phơ.

Sau khi giết Vu Khiêm, đồng bọn của Chu Kỳ Chấn cho tay chân đi lục soát tài sản của gia đình ông, chúng thấy "trong nhà chẳng có gì đáng giá, chỉ toàn là sách với sách". Ngay cả bọn lục soát cũng không ngờ, ngây người, ngậm ngùi.

Thời trai trẻ, Vu Khiêm làm một bài thơ nổi tiếng, trong đó có 4 câu:

Thiên chuỳ bạn kích xuất thâm sơn,

Liệt hoả phần thiêu chỉ đẳng nhàn,

Phấn thân toái cốt toàn bất cố,

Yếu lưu thanh bạch tại nhân gian.[1].

---

1. Tạm dịch nghĩa: dẫu có bị trăm rìu ngàn búa đánh, có bị nước luộc lửa thiêu cũng coi thường, dẫu có tan xương nát thịt cũng chẳng sờn lòng, phải để lại tấm lòng trong sạch cho đời. N.D.

Bài thơ này mô tả một cách sinh động tính cương trực, đức thanh liêm, nghị lực vững vàng của Vu Khiêm.

4. Muốn làm nên nghiệp bá, đế vương cũng phải nhẫn nhịn

Lưu Bang nhẫn nhịn lời đồn đại, sử dụng Trần Bình

Năm 109 trước công nguyên, Trần Thắng vác giáo vùng lên, mở đầu thời kỳ quần hùng tranh bá. Đúng vào khi này, một thanh niên tên là Trần Bình ở làng Hộ Dụ, huyện Dương Vũ bỏ làng đi theo Ngụy vương, được cử làm Thái phó. Trần Bình rất thông minh, từ nhỏ đã có chí lớn, chăm học. Đi theo Ngụy vương, Trần Bình vốn muốn làm nên, nhưng nhiều lần hiến kế chẳng những không được chấp nhận, mà còn bị người khác bêu diếu. Trần Bình nhận ra rằng Ngụy vương là người tầm thường, liền bỏ theo Hạng Vũ, tham dự trận đánh Cự Lộc nổi tiếng, cùng Hạng Vũ tiến vào Quan Trung, đánh bại quân Tần. Hạng Vũ phong cho ông tước Khanh, nhưng tước này chỉ là hư danh, không có thực quyền.

Tháng 4 năm 206 trước công nguyên, cuộc chiến Sở, Hán chính thức mở màn. Trần Bình thấy Hạng Vũ không có chính nghĩa, bất tài, khó làm nên nghiệp lớn, bèn gói ghém vàng và con dấu cử người trao trả Hạng vương, một mình xách kiếm bỏ trốn theo đường tắt. Khi qua sông Hoàng Hà, người lái đò thấy Trần

Bình có dáng vẻ phi thường, lại đi một mình, nghi là tướng lĩnh chạy trốn, chắc mẩm có mang theo vàng bạc, định giết để cướp của. Trần Bình quan sát sắc mặt, biết họ có ý đồ xấu, bèn nảy ra một kế, cố ý cởi áo ra ném mạnh xuống sàn thuyền, để mình trần, giúp họ đẩy thuyền. Bọn lái đò biết chẳng có gì nên không ra tay.

Trần Bình đi thẳng một mạch tới Tu Vũ, vì Lưu Bang đang cầm quân đóng trại ở đó. Thông qua viên tướng của quân nhà Hán tên là Ngụy Vô Tri, Trần Bình gặp được Lưu Bang. Lưu Bang thết cơm rượu Trần Bình và nói:

- Ăn xong thì nghỉ ngơi đi đã.

- Thần có việc mới tới - Trần Bình nói - có việc muốn nói cùng ngài, không thể để quá sang ngày mai.

Thấy Trần Bình nói vậy, Lưu Bang nán lại trao đổi với ông. Hai người bàn bạc thiên hạ đại sự, tỏ ra rất hợp ý nhau. Lưu Bang hỏi Trần Bình:

- Ở trong quân Sở, ngươi làm chức quan gì?

- Làm Đô úy ạ!

Ngay trong ngày hôm ấy Lưu Bang cử Trần Bình làm Đô úy, chuyên trách kiểm tra đôn đốc việc liên lạc với các tướng lĩnh cấp dưới của Lưu Bang.

Tin này truyền đi, các tướng lĩnh bàn tán xôn xao, tới tấp nói với Lưu Bang:

- Đại vương nhặt được một tên lính đảo ngũ của quân Sở, chưa biết hắn có tài cán gì mà đã cùng ngồi

một xe với hắn, lại còn để hắn kiểm tra đôn đốc các lão tướng này nữa chứ.

Nghe những lời dị nghị này Lưu Bang càng gần gũi Trần Bình, cùng Trần Bình đi thảo phạt Hạng Vũ. Thấy vậy, các tướng lĩnh càng bực tức. Ít lâu sau, họ cử Chu Bột, Quán Anh Tấn nói với Lưu Bang rằng: "Nếu Trần Bình tài giỏi thì phải bộc lộ ra chứ. Xem ra anh ta chẳng có tài cán gì. Nghe nói, khi còn ở nhà anh ta đức hạnh không tốt, thông dâm với chị dâu, phản phúc bất thường; theo hầu Ngụy vương, biết không còn chỗ dung thân liền bỏ trốn, quy thuận Sở vương; quy thuận sở vương không xong lại chạy theo Hán vương. Nay Đại vương trọng dụng anh ta, cho làm quan to, anh ta sẽ lợi dụng chức quyền để ăn hối lộ của các tướng lĩnh. Con người như thế, Hán vương trọng dụng sao được?"

Nhiều người dè bỉu như thế, Lưu Bang cũng sinh nghi. Ông gọi người tiến cử Ngụy Vô Tri tới trách mắng. Ngụy Vô Tri dựa vào đặc điểm cởi mở phóng khoáng, không chấp vặt, và khao khát tìm kiếm chiêu mộ nhân tài của Lưu Bang, trả lời rất hay. Ông nói: "Thần nói về tài năng, Bệ hạ lại hỏi về phẩm hạnh. Trong quá trình giành giật thiên hạ, hai mặt này mặt nào quan trọng nhất? Thần tiến cử là tiến cử người có mưu hay kế giỏi, làm lợi cho quốc gia, chứ đâu có để ý việc anh ta là kẻ ăn cắp hay là kẻ nhận hối lộ?"

Với cách trả lời như thế, Lưu Bang không nói vào đâu được, nhưng ông ta lại gọi Trần Bình tới trách cứ:

- Tiên sinh, ngài phụng sự Ngụy vương chưa tới đầu tới đũa đã chạy theo Sở vương; theo Sở vương cũng chưa tới nơi tới chốn thì nay lại quay sang cộng tác với ta, hay thay lòng đổi dạ như thế thì tin cậy sao được?

Trần Bình trả lời thẳng thắn:

- Thần phụng sự Ngụy vương, nhưng Ngụy vương không chấp nhận chủ trương của thần, cho nên thần rời bỏ ông ta để đi phụng sự Sở vương. Sở vương không tin người nên thần trả lại tiền, trao lại ấn tín, rời bỏ Sở vương. Giữa lúc một mình một bóng, nghe tin Hán vương biết dùng người, thần mới theo Hán vương. Thần đến với hai bàn tay trắng, không nhận tiền thì lấy gì chi tiêu. Nếu mưu kế của thần đáng chấp nhận thì Đại vương chấp nhận; nếu không đáng chấp nhận thì tiền vẫn còn đây, thần sẽ gửi trả và xin từ chức.

Lưu Bang vội xin lỗi và nói:

- Ngươi giúp ta làm nên nghiệp lớn, thì ta phải để ngươi áo gấm vinh quy.

Từ đó, Lưu Bang càng hậu đãi Trần Bình, thăng chức cho ông là Hộ quân Đô úy. Và cũng từ đó, các tướng lĩnh không dám xì xèo gì nữa.

Năm 204 trước công nguyên là năm chiến tranh Sở, Hán diễn ra khốc liệt nhất, hai bên giành giật

nhau một mất một còn ở Huỳnh Dương. Lưu Bang rất sốt ruột, hỏi Trần Bình:

- Thiên hạ lo nơm nớp, bao giờ mới thật sự yên ổn?

Thấy Lưu Bang coi trọng mình như vậy, Trần Bình biết thời cơ bộc lộ tài hoa đã đến, ung dung phân tích:

- Hạng vương quý người, phần lớn những kẻ có lòng tự trọng, trọng lễ đều đã quy phục ông ta. Nhưng khi tính công để thưởng thì lại keo kẹt tước vị, hà tiện phong ấp, cho nên các nhân sĩ lại không muốn dựa vào ông ta nữa. Hán vương ngạo mạn vô lễ, ít kẻ có lòng tự trọng quy phục; nhưng ông ta lại khảng khái ban thưởng cho những người có công, do đó nhiều kẻ vô xỉ đi theo ông. Vậy nếu ai gạt bỏ được điểm yếu, tiếp thu điểm mạnh của hai tính cách ấy thì họ chỉ cần phẩy tay một cái là có thể làm cho thiên hạ yên ổn. Lưu Bang đỏ mặt, rất muốn nghe xem phất tay như thế nào mà chỉ cần phất một cái đã có thể làm cho thiên hạ yên ổn. Nhưng Trần Bình chưa nói ngay, mà lại chuyển sang liều chạm vào cố tật của Lưu Bang. Ông nói:

- Nhưng Hán vương hay tùy tiện xỉ nhục người, không có điểm mạnh như Sở vương thì làm sao thu phục được người có lòng tự trọng.

Lưu Bang tỏ ý thất vọng. Lúc này Trần Bình mới nói mưu kế của mình:

- Thần nghĩ nước Sở có những nhân tố mất ổn định, đó chính là mấy đại thần ngay thẳng, chân tay của Hạn vương, như Phạm Tăng, Trung Ly Vị, Long Thả, Chu Ân. Nếu Đại vương không tiếc chi ra vài ba ngàn lạng vàng để thực hiện kế phản gián, ly gián quan hệ vua quan của họ, làm cho họ trên dưới không đồng lòng. Hạng vương vốn lại hay nghi kỵ, hay nghe lời xúc xiểm, như vậy tất sẽ xảy ra cảnh nồi da nấu thịt. Khi ấy, quân ta thừa cơ tiến đánh chắc chắn thắng lợi.

Lưu Bang gật đầu khen hay, giao cho Trần Bình 400 ngàn lạng vàng để tùy ông xử lý.

Trần Bình phái hàng loạt gián điệp vào quân Sở, dùng rất nhiều vàng mua chuộc các tướng sĩ trong quân Sở để họ tung tin: "Chung Ly Vị, ... là đại tướng quân của quân Sở, chiến công lừng lẫy, thế mà không được phong vương, do đó họ muốn liên minh với quân Hán tiêu diệt Hạng vương, chia cắt nước Sở, tự xưng vương".

Hạng Vũ vốn tính đa nghi, nghe thấy dư luận này liền phái sứ giả tới quân đội Hán để dò la hư thực. Trần Bình sai người hầu làm cơm thật sang, cho người bưng đi. Nhưng vừa thấy sứ giả nước Sở, Trần Bình vờ ngạc nhiên, nói: "Ta tưởng là sứ giả của Á Phụ[1], té ra lại là sứ giả của Hạng vương". Nói đoạn,

---

1. Cách xưng hô tỏ ý kính trọng, chỉ kém cha đẻ. Hạng Vũ kính trọng Phạm Tăng, gọi Phạm Tăng là Á Phụ. Ở đây là Phạm Tăng. - ND.

ông sai bọn người hầu đổi các món khác, kém hơn. Sứ giả nước Sở rất bất bình, khi về nước kể lại cho Hạng vương nghe rành rọt từng điều. Thế là Hạng vương nghi Phạm Tăng. Bấy giờ Phạm Tăng khuyên Hạng Vũ nhanh chóng đánh chiếm thành Huỳnh Dương, Hạng Vũ không nghe, Phạm Tăng bực mình nói: "Thiên hạ đại sự đã được định sẵn rồi, thôi để Đại vương tự lo lấy! Xin hãy cho thân già này về quê". Không ngờ, Hạn vương cho Phạm Tăng về quê. Trên đường về quê, vì bệnh tái phát, Phạm Tăng chết ở dọc đường. Trần Bình mới trổ một mưu kế nhỏ mà đã làm Hạng Vũ mất mưu sĩ số một, do vậy đã rõ Sở, Hán ai thắng ai thua. Sau này, đại tướng Chu Ân bị Anh Bố dụ dỗ phản bội nước Sở, Chung Ly Vị cũng bị nghi ngờ, không được trọng dụng. Mưu kế của Trần Bình đã có kết quả lớn. Thế mới biết sức mạnh của mưu lược ghê gớm biết nhường nào.

Tháng 5 năm 204 trước công nguyên Trần Bình bày mưu hóa trang nhử địch, giúp Lưu Bang chạy thoát. Tháng 11 năm 203 trước công nguyên, sau khi bình định xong đất Tề, tướng Hàn Tín muốn tự lên ngôi Tề vương, cử sứ giả về tâu lên Hán vương. Lưu Bang giận dữ chửi Hàn Tín. Nhưng Trần Bình và Trương Lương can ngăn. Trần Bình khuyên Lưu Bang lựa chiều bẻ lái, phong Hàn Tín là Tề vương để tránh xảy ra binh biến, hình thành thế chân kiềng Sở, Hán, Tề. Đó là kế thứ ba. Kế thứ tư là: Sau một trận đánh lớn, Hạng Vũ kéo quân lui về phía đông, Lưu Bang cũng định dẫn quân quay lại phía tây. Lúc này Trần Bình và Trương Lương lại một lần nữa không hẹn mà

gặp. Họ đều có sự nhạy bén của nhà mưu lược, thấy được khó khăn của Hạng Vũ, khuyên Lưu Bang cho quân truy kích Hạng Vũ. Rốt cuộc, tiêu diệt toàn bộ quân Sở tại Cai Hạ, giành được thắng lợi trong cuộc chiến tranh Sở, Hán.

Cho tới ngày nay chiến tích mưu lược của Trần Bình vẫn được khen ngợi. Ông biết chọn mặt bưng mâm. Còn Lưu Bang thì bất chấp lời đồn đại, không chấp vặt, trọng dụng Trần Bình để gây dựng đại nghiệp.

Khang Hy nhẫn nhịn, khôn khéo bắt được Ngao Bái

Ái-tân-giác-la Huyền-hoa-hồng-phúc-tề-thiên[1] đã từng mắc bệnh đậu mùa, lên 8 tuổi thì được chỉ định là người kế vị hoàng đế. Sau khi lên ngôi ông lấy hiệu là Khang Hy Hoàng đế.

Do Hoàng đế còn nhỏ, công việc triều chính do 4 vị cố mệnh đại thần cùng quản lý. Nhưng ít lâu sau, vốn là võ tướng, tính tình thô bạo, Ngao Bái[2] một mình chuyên quyền độc đoán, giết bỏ người không ăn cánh, lũng đoạn triều chính, ngay Hoàng đế y cũng chẳng coi ra gì.

---

1. Người thuộc một tộc người Mãn Thanh. Chúng tôi phiên âm theo âm Hán - Việt. - N.D.
2. Tên người Mãn Châu. Chúng tôi phiên âm theo âm Hán - Việt. - ND.

Theo lệ của người Mãn Châu, năm tròn 14 tuổi Hoàng đế Khang Hy làm lễ đích thân nhiếp chính. Nhưng, mặc dầu Hoàng đế Khang Hy đã làm lễ đích thân nhiếp chính rồi, Ngao Bái vẫn tiếp tục chuyên quyền độc đoán, muốn làm gì thì làm. Thế rồi mâu thuẫn giữa Hoàng đế và các đại thần bị công khai hóa trong vấn đề đối xử với Tô-khắc-tát-cáp.[1] Tô-khắc-tát-cáp là một trong 4 vị cố mệnh đại thần do Hoàng đế Thuận Trị chỉ định trước lúc ông qua đời, luôn bị Ngao Bái ghen tỵ. Trong một buổi chầu triều, Ngao Bái tâu với Hoàng đế Khang Hy rằng:

- Tô-khắc-tát-cáp có ý làm phản, có ý cướp quyền, thần đã ra lệnh bắt. Tâu Hoàng thượng cho xử theo luật.

Hoàng đế Khang Hy biết Ngao Bái lại định trừ khử người không ăn cánh. Tô-khắc-tát-cáp cũng là một con bài kìm chế Ngao Bái, tất nhiên Khang Hy không đồng ý, nói:

- Tô-khắc-tát-cáp là vị cố mệnh đại thần, mọi người tin cậy. Ngươi bảo ông "có ý làm phản" mà không có chứng cứ rõ ràng. Đối với một vị đại thần như vậy không thể tùy tiện đem giết hại được!

Lúc này, tuy Khang Hy không hài lòng với việc Ngao Bái đã làm, nhưng ông tự biết thực lực của mình yếu hơn, không xứng là đối thủ của Ngao Bái, cho

---

1. Tên người Mãn Châu. Chúng tôi phiên âm theo âm Hán - Việt. - ND.

nên đành phải nhẫn nhịn. Tuy bề ngoài thì một bên bảo giết, một bên bảo không giết được, chẳng ai chịu ai, nhưng thực tế thì thế lực của Ngao Bái mạnh hơn. Ngao Bái tức khí, phất tay áo, bỏ đi. Bá quan văn võ thấy vậy ai cũng hoảng hồn, không dám hé răng. Về tới nhà, Ngao Bái lập tức ra lệnh giết chết Tô-khắc-cát-cáp và cả nhà ông. Được tin này, Khang Hy giận tím mặt, quyết tâm sẽ trừ khử kẻ khinh vua, chuyên quyền Ngao Bái này. Nhưng, Khang Hy rất biết, chân tay, bè cánh của Ngao Bái rất đông, y nắm quyền quân chính, bè đảng, chân tay thân tín của y rải khắp trong triều, ngoài xã hội, bản thân y lại to khỏe, võ nghệ cao cường, thường đề phòng rất cẩn mật. Ông biết, trừ khử Ngao Bái không phải là việc dễ: xử lý không tốt sẽ gây ra đảo chính, hậu quả khôn lường.

Sau một đêm suy nghĩ, Khang Hy đã xác định kế trừ khử Ngao Bái.

Hôm sau, khi Ngao Bái tới chầu triều, Khang Hy thản nhiên không nhắc tới chuyện Tô-khắc-cát-cáp, làm như không có chuyện tranh chấp hôm qua. Ngao Bái thầm đắc ý: Rốt cuộc thì Hoàng thượng vẫn là một cậu trẻ con, mình cứng thì cậu phải mềm. Nhưng y đâu có biết đó chính là điểm cao minh của Khang Hy, nhẫn nhịn để giành thắng lợi cuối cùng.

Ít ngày sau, Khang Hy tấn phong tước vị, gia phong tên hiệu cho Ngao Bái, còn thăng chức cho cả các con của y. Ngao Bái thấy mát lòng mát dạ. Khang

Hy một mặt cố ý làm ra vẻ mềm yếu, bất tài, dựa vào Ngao Bái: mặt khác tuyển chọn hơn mười thái giám nhỏ tuổi, lanh lợi, cho tập võ thuật, tập đấu vật ở trong cung. Bản thân vua Khang Hy cũng tham gia vào đội vật, cùng đấu vật với các thái giám này để mua vui. Tin này truyền ra ngoài cung , ai cũng cho rằng Hoàng đế nhí bầy trò chơi cho vui. Ngao Bái vào cung báo cáo công việc, thấy các thái giám tập đấu vật, Khang Hy đứng hò hét, khích bên này, khích bên kia, y cũng cho rằng Hoàng đế nhí bầy trò trẻ con.

Khang Hy còn nhỏ tuổi mà đã khôn ngoan như thế, biết nhẫn nhịn, đó là chỗ hơn người của ông. Chính nhờ đó mà ông nắm được quyền chủ động, bề ngoài thì mọi việc lớn trong triều vẫn như xưa: Ngao Bái vẫn muốn làm gì thì làm. Khang Hy vẫn tin dùng Ngao Bái. Ngao Bái dần dần lơi lỏng việc đề phòng. Các thái giám tập võ, tập vật đã thành thạo. Khang Hy thấy thời cơ đã đến, quyết định ra tay đối với Ngao Bái. Một hôm ông cho triệu Ngao Bái tới bàn việc. Ngao Bái đi thẳng vào cung. Lúc này, Khang Hy đang cùng các thái giám chơi trò đấu vật. Ngao Bái bước tới, đang định chào thì hơn mười thái giám tíu tít xúm lại bên Ngao Bái, nói thì chậm chứ việc xảy ra chỉ một chớp nhoáng, cùng ùa vào kéo tay, đệm chân, vật Ngao Bái ngã lăn kềnh ra đất!

Ngao Bái cảm thấy có chuyện chẳng lành, phản ứng rất nhanh, vội vàng chống cự, nhưng hơn mười

thái giám đã đè chặt y ở dưới đất, thoát sao nổi. Họ lấy thừng trói chặt Ngao Bái lại.

Khang Hy nghiêm sắc mặt nói với tên Ngao Bái đang nằm chết cứng dưới đất:

- Ngươi bất nạt ấu chúa, mưu làm phản, ngang ngược hỗn láo, giết người vô tội. Tội của ngươi chồng chất, không sao kể xiết, ta sẽ điều tra kỹ lưỡng, nghiêm trị không tha.

Ngao Bái biết y sẽ chết, hai mắt nhắm nghiền, miệng câm như hến.

Làm tôi mà không nhẫn nhịn, ngang nhiên phạm thượng, tất sẽ chọc tức vua chúa. Đó là hậu quả của tên Ngao Bái điên cuồng ngạo mạn. Khang Hy đã biết tạm thời nhẫn nhịn, bề ngoài giả nhu nhược, lui một bước là để giành thắng lợi cuối cùng.

Thành Cát Tư Hãn nén lòng, tránh nóng vội, thắng kẻ địch mạnh hơn mình

Thành Cát Tư Hãn tên là Thiết Mộc Chân, xuất thân từ một gia đình quý tộc Mông Cổ. Thời nhỏ, Thiết Mộc Chân rất lận đận, nhiều lần bị kẻ địch thuộc dân tộc khác tập kích, bắt bớ. Sau này, ông dấy binh thống nhất các bộ lạc Mông Cổ, trải qua nhiều cuộc giao tranh, chinh phục hết đối thủ này đến đối thủ khác, trở thành anh hùng dân tộc của Mông Cổ.

Những năm Gia Thái đời vua Ninh Tông triều Nam Tống, bộ lạc Nãi Man hoạt động ở miền tây Mông Cổ có thực lực ngày càng mạnh, tù trưởng của

bộ lạc này là Bất Lỗ Dục Hãn rất hung hăng, thường xuyên đem quân đi quấy rối biên giới, cướp bóc bộ tộc của Thiết Mộc Chân. Mùa xuân năm Gia Thái thứ hai, thủ lĩnh bộ lạc Nãi Man là Bất Lỗ Dục Hãn đem quân xâm nhập vào bộ tộc của Thiết Mộc Chân, tướng sĩ trong bộ tộc ai cũng kinh sợ. Thiết Mộc Chân cổ vũ tướng sĩ anh dũng giết giặc. Ông cầm quân, lấy chốt Hà Lan làm điểm tựa, triển khai một cuộc vật lộn với quy mô lớn một sống một còn với quân Nãi Man ở bãi Khuyết Diệc Đàn. Lúc này, thời tiết bỗng thay đổi, bão tuyết nổi lên, gió rít ào ào, hai bên không giao chiến được. Một lát sau, quân Nãi Man muốn đánh cũng không đánh được, bèn thúc ngựa bỏ chạy. Thiết Mộc Chân cho quân đuổi theo, quân Nãi Man đại bại. Quân Nãi Man chỉ thấy cái lợi trước mắt, quá nôn nóng, muốn thắng nhanh, không tính toán khả năng thực tế, cậy thế lực mạnh hơn đối phương, muốn nuốt chửng quân của Thiết Mộc Chân, nhưng kết quả là đại bại.

Ít lâu sau, Thái Dương Hãn thay anh là Bất Lỗ Dục Hãn làm tù trưởng bộ lạc Nãi Man, quyết tâm chấn chỉnh lại bộ lạc này. Ông ta liên minh với các bộ lạc xung quanh, dụ dỗ người này đầu hàng, tiếp nhận kẻ kia làm phản, thực lực mạnh dần lên. Thái Dương Hãn còn làm bạn với Bạch Đạt Đạt Bộ vương là A Thích Hốt Tư, đề nghị ông này giúp đỡ, cùng đánh bại Thiết Mộc Chân. A Thích Hốt Tư chẳng những không nghe mà còn theo Thiết Mộc Chân, báo cho Thiết Mộc Chân biết ý đồ của Thái Dương Hãn.

Thiết Mộc Chân vô cùng tức giận, thề sẽ diệt bộ lạc Nãi Man.

Mùa xuân năm Khai Hỷ triều Nam Tống, Thiết Mộc Chân tổ chức hội sư ở Thiếp Mạch Cai Xuyên, thảo luận kế hoạch tiến công bộ lạc Nãi Man. Có người nói, bộ lạc Nãi Man có thế lực mạnh, khó thắng họ; có người nói hiện đang là mùa xuân, lương thực ít, ngựa gầy, chờ đến mùa thu lương thực nhiều ngựa béo hãy hay. Thiết Mộc Chân quả quyết:

- Việc cần làm, phải mạnh bạo làm sớm, cớ sao lại lấy việc ngựa gầy để thoái thác? Bọn Nãi Man kiêu căng ngạo mạn, làm càn, chúng ta quyết chí tiêu diệt chúng, mấu chốt là tiêu diệt bằng cách nào?

Đại tướng Biệt Lý Cổ Đài nói:

- Nãi Man nhiều lần cướp bóc bộ tộc chúng ta. Như vậy là coi thường chúng ta. Chỉ cần chúng ta đồng lòng giết giặc, coi cái chết nhẹ như lông hồng, bất ngờ đánh khi chúng không phòng bị thì nhất định tiêu diệt được chúng.

- Bọn Nãi Man lôi kéo bọn ô hợp - em của Thiết Mộc Chân là Cát Xích Câu nói - thực tế chỉ là già trái non hột, miệng hùm gan sứa. Nếu chúng ta thận trọng về chiến lược chiến thuật, biết người biết ta, thì chắc chắn đánh bại được chúng.

Nghe hai ý kiến như vậy, Thiết Mộc Chân vui mừng, nói:

- Dùng những tướng lĩnh như thế đánh địch thì sao chẳng thắng!

Tiếp đó, Thiết Mộc Chân cử Hổ Tất Lai, Triết Biệt đi tiên phong, cầm mấy trăm ngàn quân tiến về hang ổ của quân Nãi Man. Ông nói như đinh đóng cột rằng:

- Chúng ta lợi dụng địa hình có lợi ở núi Kiến Thắc Cai, dử địch vào sâu, tất sẽ thắng lớn.

Thái Dương Hãn tập hợp quân của Miệt Lý Khất, Khắc Liệt, Úy Thích, Thốc Lỗ Ban,, Cáp Đáp Cân, Tán Chỉ Ngột chiếm lĩnh trận địa ở núi Hãng Hải để chống địch, rất có uy thế. Hai bên đã đối mặt nhau, tuốt kiếm giương cung. Giữa xuân, trên núi Kiến Thắc Cai hoa đỗ quyên nở đỏ rực khắp nơi. Dưới chân núi, cỏ non mượt mà, là nơi chăn cừu, nhảy múa rất tốt. Lúc này, bỗng có tiếng vó ngựa truyền đi theo gió, một con ngựa gầy từ trận địa của quân Mông Cổ chạy sang trận địa của quân Nãi Man. Thái Dương Hãn nói với quân lính:

- Ngựa của Mông Cổ gầy như thế đó! Bây giờ, dử chúng vào sâu, nhất định sẽ thắng, bắt sống Thiết Mộc Chân.

Một tên tướng dưới quyền Thái Dương Hãn chen vào khích:

- Việc quân, quý là ở chỗ thần tốc. Tiên vương tác chiến dũng mãnh, đâu có như bây giờ, nằm bẹp một chỗ, chẳng có cờ quạt chiêng trống, rề rà để lỡ thời cơ. Phải chăng sợ chết? Nếu sợ thì sao chẳng bị bọn đàn bà con gái chỉ huy!

Nếu chỉ biết việc quân quý là ở chỗ thần tốc, mà quên rằng việc quân hấp tấp sẽ thất bại, muốn nuốt chửng đối phương thì là manh động.

Thái Dương Hãn bị kích động, hăng máu, quất roi thúc ngựa, xông lên khiêu chiến. Thiết Mộc Chân dĩ dật đãi lao,[1] dĩ tĩnh chế động.[2] Tướng địch là Trát Mộc Hợp thấy quân của Thiết Mộc Chân nghiêm túc, chỉnh tề bèn nói với cấp dưới rằng: "Lúc đầu cứ tưởng quân Mông Cổ chỉ như những con cừu non, nhưng bây giờ thấy họ chẳng khác nào mãnh hổ". Thế rồi, viên tướng này dẫn quân tháo chạy.

Thái Dương Hãn tức khí, thúc ngựa vung gươm xông lên tiến công. Thấy Thái Dương Hãn hùng hổ thúc quân tiến lên, Thiết Mộc Chân áp dụng chiến thuật "tránh địch khi chúng đang hăng, đánh địch khi chúng đã mỏi", bố trí trận địa ở địa thế có lợi trên núi, chờ cơ đánh địch. Thái Dương Hãn ỷ thế đông, leo lên núi tác chiến. Quân Mông Cổ dử địch vào hẻm núi rồi từ trên cao, vây đánh bốn phía. Quân của Thái Dương Hãn dốc hết sức mà vẫn không thoát khỏi vòng vây, thế cô lực kiệt dần. Bản thân Thái Dương Hãn bị quân của Thiết Mộc Chân bắt rồi đem giết. Quân của các bộ lạc khác cũng bị đánh bại tan tành, bỏ chạy tứ tung. Các bộ lạc Đóa Lỗ Ban, Tháp Tháp Nhi, Cáp Đáp Câu,... đều đầu hàng Thiết Mộc

---

1. Tức là: dùng quân khỏe mạnh đánh quân mệt mỏi - ND.
2. Tức là: lấy bình tĩnh kìm chế manh động, hoặc lấy quân chốt giữ cố định ở một nơi đánh quân từ xa vận động tới. ND.

Chân. Quân chủ lực của bộ lạc Nãi Man bị một đòn có tính chất hủy diệt, từ đó không sao gượng dậy được.

Thiết Mộc Chân đã lợi dụng nhược điểm nóng vội, muốn ăn ngay, ỷ thế mạnh của Thái Dương Hãn để đánh bại y.

5. Không nhẫn nhịn, mất chức mất mạng

Chu Lệ Vương không nhẫn nhịn mất ngôi vua

Cuối thời kỳ Tây Chu, Chu Lệ vương Cơ Hồ hết sức tham lam, tin dùng một đại thần giỏi vơ vét là Vinh Di Công, hai vua tôi cấu kết với nhau vơ vét của dân. Vinh Di Công xui Chu Lệ vương tuyên bố: mọi núi rừng sông suối trong cả nước đều thuộc sở hữu của Chu Lệ vương, cấm không được tự tiện tới những nơi ấy kiếm củi, săn bắn. Chu Lệ vương còn cử rất nhiều quan lại dữ như lang sói đi thu thuế má, vơ vét của dân.

Đại phu Nhuế Lương Phu khuyên Chu Lệ vương rằng: "Sông ngòi rừng núi là tài nguyên do trời ban cho muôn dân, xưa nay dân chúng kiếm sống nhờ vào những tài nguyên ấy. Bất kỳ người nào chiếm đoạt của cải của người khác đều bị người ta gọi là kẻ cướp. Đại vương chiếm đoạt sông ngòi rừng núi của cả nước thì dân chúng sẽ đối xử như thế nào đây? Vinh Di Công thiển cận, không giúp Đại vương làm điều nhân

nghĩa, lại xui Đại vương vơ vét của dân. Nếu trọng dụng những người như thế thì giang sơn của nhà Chu ta sẽ sụp đổ".

Nhưng, vì lòng tham vô đáy, Chu Lệ vương vẫn một mực làm như thế, vẫn cắm đầu bóc lột dân, tất sẽ bị dân chống đối. Chu Lệ vương biết rằng Vinh Di Công biết cách vơ vét, đem lại cho ông ta nhiều của cải chất đầy như núi, chẳng những không nghe lời can gián của Nhuế Lương Phu mà còn phong tước khanh cho Vinh Di Công.

Bấy giờ nông dân bị gọi là "dã nhân";[1] bình dân sinh sống ở kinh đô được gọi là "quốc dân". Dân chúng rất bất bình đối với chính sách của Chu Lệ vương, đâu đâu cũng có tiếng oán giận.

Tiếng oán giận nổi lên. Chu Lệ vương lại cho rằng dân chúng bài bác triều đình. Thấy vậy, Đại thần Triệu Công Hổ vô cùng lo ngại, bèn vào cung can gián Chu Lệ vương rằng:

- Dân chúng trong thành không còn chịu đựng nổi chính sách của Đại vương, không sửa ngay thì sẽ có bạo loạn.

- Đất đai trong khắp thiên hạ đều là của ta - Chu Lệ vương xẵng giọng - ta muốn là gì thì làm, kẻ nào làm gì được ta? Nay, dân chúng dám bàn tán bừa bãi, ta sẽ có cách bắt họ câm họng!

---

1. Nghĩa là người rừng man rợ. - ND.

Triệu Công Hổ thất vọng ra về.

Sau đó, Chu Lệ vương ban bố lệnh "cấm bài bác", cấm dân chúng phê phán triều đình, lại còn mời về một thầy cúng từ nước Vệ trổ phép thần phép thánh không phải để cầu phúc cho đất nước, mà để giám sát quốc dân. Chu Lệ vương nói với thầy cúng: "Bắt được kẻ nào nói xấu triều đình ngươi mang về cho ta, ta quyết trừng trị không tha".

Để lấy lòng Chu Lệ vương, lão thầy cúng cử hàng loạt chân tay đi khắp nơi dò la. Bọn người này là những kẻ cáo mượn oai hùm, nhân cơ hội này vơ vét của dân, ai không nghe chúng vu cáo là bất bình với Chu Lệ vương.

Chu Lệ vương chỉ nghe một tai, tin một chiều, hễ thấy thầy cúng báo cáo ai nói xấu triều đình là ông ta ra lệnh bắt, giết. Nhiều người mất mạng oan. Đâu đâu cũng có chân tay của thầy cúng, hầu như chẳng có ngõ ngách nào không có chúng; ở nơi công cộng không ai dám bàn luận về triều đình; người quen gặp nhau không dám mở miệng chào nhau, chỉ ra hiệu bằng ánh mắt rồi vội vã đi ngay. Thầy cúng đắc ý tâng công với Chu Lệ vương rằng số người ta thán triều đình đã giảm. Chu Lệ vương rất hài lòng.

Trước tình hình này, Triệu Công Hổ vô cùng lo sợ, không yên. Ông biết rằng: dân chúng ngày càng bất bình với Chu Lệ vương, sự lặng lẽ bề ngoài rất có thể là đang nung nấu một trận phong ba. Ông lại một lần nữa đi gặp Chu Lệ vương.

Thấy vẻ mặt lo âu của Triệu Công Hổ, Chu Lệ vương nói:

- Ngươi còn lo chi nữa, chẳng phải là trong thành không còn kẻ nào dám bàn tán về ta nữa đó sao?

Triệu Công Hổ thở dài, nói:

- Phòng loạn như phòng lụt vậy! Muốn phòng lụt thì phải khơi thông dòng chảy để nước sông chảy thông suốt ra biển. Trị nước cũng như vậy, phải để cho dân chúng tự do bày tỏ ý kiến, rồi Đại vương khéo léo hướng dẫn tiếp thu ý kiến đúng trong những ý kiến đó, như thế thì sự bất bình của dân chúng mới dần dần nguôi đi. Nếu làm tắc dòng chảy thì nước sẽ dâng cao, tức nước vỡ bờ thành nạn lụt; bịt mồm dân chúng thì họ càng bất bình, cơn giận sẽ bùng nổ như núi lửa.

Chu Lệ vương không nghe lời can gián. Triệu Công Hổ ngồi đực mặt ra một lúc rồi đành lặng lẽ lui ra.

Ba năm sau lời tiên đoán của Triệu Công Hổ ứng nghiệm. Dân chúng trong kinh thành không nín nhịn được nữa, bạo động nổ ra trên quy mô lớn. Dân chúng phẫn nộ cầm vũ khí xông vào cung vua, réo tên đòi giết kẻ hại dân hại nước là Chu Lệ vương. Chu Lệ vương sợ hết hồn vía, mang theo một số kẻ thân tín, trốn chạy khỏi cung vua, chạy tới mãi bờ sông Hoàng Hà mới thoát khỏi truy đuổi.

Chu Lệ vương tuy không mất mạng, nhưng mất ngôi vua, dân chúng thù ghét ông ta đến tận xương tuỷ, không chỉ đòi giết ông ta, sau đó còn đòi giết cả Thái tử Cơ Tịnh. Sau khi bàn bạc, các Đại thần ở đô thành quyết định giao cho Triệu Công Hổ và đại thần Chu Công cùng chủ trì công việc triều chính, sử gọi là "Chu - Triệu cộng hòa". Bắt đầu từ năm ấy, tức năm Cộng hòa thứ nhất, Trung Quốc có niên hiệu đầu tiên trong lịch sử.

Kiến giải của Triệu Công Hổ về vấn đề người cầm quyền không được cấm đoán dư luận, phải để cho dân bày tỏ ý kiến, là kiến giải vô cùng cao minh. Lịch sử chứng minh rằng, đó là một trong những biện pháp cơ bản để người cầm quyền giữ được quyền lực ổn định lâu dài, là phương thức tối thiểu cần có ở mỗi nhà cầm quyền. Nếu không nhẫn nhịn được lời phê bình của người khác, chặn tắc con đường ngôn luận thì sự cai trị của họ sẽ như trứng để đầu đẳng.

Tùy Dạng Đế không nhẫn nhịn, bại trận mất nước

Để bảo vệ quyền thống trị ở trong nước và quấy rối uy hiếp nước láng giềng, những vua chúa phong kiến có tài mưu lược và có dã tâm bành trướng, bá chủ, ai cũng có hoạt động đối ngoại thì diễu võ dương oai, đối nội thì bầy vẽ cảnh thái bình. Dẫu nước chẳng giàu mạnh cũng thường huyênh hoang khoe mẽ, giấu cái xấu khoe cái tốt để thỏa mãn ý thích phô trương, xa xỉ của mình.

Đời nhà Tùy, mỗi khi gặp ngày lễ, ngày tết, Tùy Dạng đế đều cho treo đèn giăng hoa, tổ chức ca hát, nhảy múa để tô vẽ cảnh thái bình. Nhiều lần, Tùy Dạng đế cử Bùi Cử mời sứ giả và thương nhân của các nước ở Tây Vực vào Lạc Dương, các quận huyện hai bên đường phải đón đưa, thết đãi linh đình. Trong hơn 10 năm cầm quyền, Tùy Dạng đế chi vào việc này rất nhiều vàng bạc trong quốc khố. Năm 610 sau công nguyên, Tùy Dạng đế tổ chức ăn tết nguyên tiêu ở Lạc Dương, cho 18 ngàn diễn viên biểu diễn trên phố để đón tiếp khách từ Tây Vực tới; tiếng trống vang xa hàng chục dặm; trong thành Lạc Dương đèn sáng như ban ngày, ăn tết kéo dài cho tới cuối tháng Giêng. Tại Lạc Dương, Tùy Dạng đế cho tổ chức chợ chuyên buôn bán với người Tây Vực, bên ngoài các cửa hàng phải trang hoàng lộng lẫy, bên trong cửa hàng phải bầy đầy ắp hàng hóa, thương nhân phải ăn mặc lụa là gấm vóc, ngay cả quầy bán rau cũng phải trải chiếu hoa, mục đích là để chứng tỏ với người Tây Vực rằng Trung Nguyên cơm no áo ấm, rất hạnh phúc. Người Tây Vực đi qua các quán ăn đặc sản hay cửa hàng ăn sang trọng, chủ quán chủ cửa hiệu phải chủ động mời họ vào ăn no uống say không lấy tiền và nói với họ rằng, Trung Nguyên rất trù phú, khách ăn không phải trả tiền, chỉ phục vụ khách thưởng thức phong vị Trung Nguyên. Tùy Dạng đế còn sai các quan quản lý chợ lấy vải, lụa mầu trang trí thân cây hai bên đường phố và nói với người Tây Vực rằng

Trung Nguyên rất nhiều tơ lụa, ngay cây cỏ cũng được hưởng ơn vua. Tùy Dạng đế sai đuổi hết ăn mày đi nơi khác để cho người Tây Vực không thấy phố xá ở Lạc Dương vẫn còn vô số ăn mày rách rưới. Việc buôn bán với các nước láng giềng lẽ ra phải là hai bên cùng có lợi, bổ sung cho nhau, nhưng Tùy Dạng đế chỉ tính tới bài toán chính trị, không tính tới bài toán kinh tế, tự vả sưng má để cho người khác tưởng là béo. Người Tây Vực tới Lạc Dương được hưởng nhiều điều có lợi, trước lúc ra về ai cũng che miệng cười, diễu cợt người Trung Nguyên ngu, dối mình dối người.

Để ra oai với các dân tộc khác, Tùy Dạng đế thường xuyên diễu võ dương oai với họ, ban phát cho các tù trưởng của họ. Năm 607 sau công nguyên, khi tới Du Lâm thị sát, Tùy Dạng đế sai Vũ Văn Khải bắc rạp có thể ngồi hàng ngàn người, bày bát đĩa quý để mở tiệc chiêu đãi tù trưởng các bộ lạc Đột Quyết, Khế Đan, Khê, ... Thấy những người đứng đầu các dân tộc du mục vừa sợ vừa vui, Tùy Dạng đế rất hài lòng, ban cho tù trưởng bộ lạc Độc Quyết 2000 thước lụa. Tùy Dạng đế còn sai Vũ Văn Khải cho dựng ngoài bản Du Lâm một hành cung và một trại đóng quân. Chỉ trong một đêm, hành cung và trại lính được dựng xong, dân du mục tưởng rằng có phép thánh, vừa lạ vừa sợ, cách xa 10 dặm cũng phải quỳ gối cúi đầu vái lậy. Tùy Dạng đế lợi dụng nhược điểm kém phát triển về kinh tế, kỹ thuật của các dân tộc chưa khai

hóa để thỏa mãn thói hư vinh của mình, không hề tiếc công, tiếc của.

Những vua chúa có dã tâm xưng bá mà đất nước họ lại giàu mạnh thường đều có khuynh hướng bành trướng lãnh thổ nhằm để lại sử xanh.

Thời Tam Quốc, Đài Loan được gọi là Di Châu. Năm 230 sau công nguyên, Đại tướng Vệ Ôn và Gia Cát của nước Tôn Ngô[1] dẫn hàng chục ngàn quân tiến ra Đài Loan. Năm 607 và 608 sau công nguyên, Tùy Dạng đế hai lần cử Đại tướng Chu Khoan ra Đài Loan, năm 610 sau công nguyên lại sai Trần Tích, Trương Tấn Châu cầm hơn 10 ngàn quân từ Quảng Đông vượt biển chinh phạt Đài Loan, từ đó về sau giữa đại lục và Đài Loan có quan hệ kinh tế, văn hóa ngày càng chặt chẽ, người trong nội địa di chuyển ra Đài Loan mỗi năm một tăng. Dưới thời Tùy Dạng đế, nhà Tùy là một đế quốc lớn từ đông sang tây dài 9300 dặm, từ nam sang bắc dài 14 815 dặm.

Ở mặt đông bắc, trong ba nước Cao Li, Bách Tế, Tân La trên bán đảo Triều Tiên, nước Cao Li giàu mạnh nhất, thủ đô Bình Nhưỡng được gọi là thành Trường An. Tùy Dạng đế ba lần cho quân xâm lược Cao Li, gây ra tai họa không sao kể xiết đối với đông

---

1. Tức nước Ngô, vì hoàng tộc họ Tôn cho nên thường gọi là Tôn Ngô. - ND.

đảo dân chúng, khiến nông dân cả nước khởi nghĩa, nhà Tùy bị tiêu diệt.

Sách "Tùy thư" tổng kết: "Đối nội thì cậy giàu mạnh, đối ngoại thì muốn bành trướng, bị oán giận vì hung tàn, bị chống lại vì căm hờn, xưa nay chưa thấy những kẻ như thế mà không bị diệt".

Quốc Thái vì không nhẫn nhịn mà mất mạng

Tiền Phong tên chữ là Đông Chú, hiệu là Nam Viên, người Côn Minh tỉnh Vân Nam. Năm Càn Long thứ 46 (tức năm 1781) làm Ngự sử. Ngự sử phụ trách công tác giám sát, chuyên điều tra và kết tội các hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật của các quan từ Trung ương tới địa phương, phẩm cấp không cao nhưng chức quyền rất lớn.

Bấy giờ tuần phủ Sơn Đông là Quốc Thái kiêu ngạo, xa hoa, dâm dật, tham ô, ăn hối lộ, không kiêng bất kỳ tội ác nào, bị dân chúng Sơn Đông căm ghét tới tận xương tủy. Tiền Nam Viên đang chuẩn bị đàn hặc y.

Viết tờ tấu xong, Tiền Nam Viên tìm gặp một người bạn tốt là Thiệu Hàn Lâm để vay 10 ngàn tiền.[1] Thiệu Hàn Lâm hỏi vay tiền làm gì, ông trả lời:

---

1. Tức 100 lạng bạc. - ND.

- Hành vi của Tuần phủ Sơn Đông Quốc Thái bị dân căm phẫn, tôi chuẩn bị đàn hặc y. Nhưng y là chân tay thân tín của Hòa Thân, mà Hòa Thân thì là đại thần được Hoàng thượng nuông chiều. Tôi trình tờ tấu lên, lành ít dữ nhiều, rất có thể sẽ bị cách chức, đẩy vào quân đội ở biên giới. Nếu bị đẩy vào quân đội để tới các vùng xa xôi như Tân Cương, Hắc Long Giang thì không đủ tiền đi đường, cho nên phải vay để chuẩn bị sẵn.

- Mười ngàn tiền chỉ là chuyện nhỏ - Thiệu Hàn Lâm vừa nói vừa tròn mắt tỏ vẻ ngạc nhiên - ngài đàn hặc Quốc Thái, chân tay thân tín của Hòa Thân, thế là vuốt râu hùm đó! Ngài không lo cho mình và cho hai cụ đã già cả rồi sao?

Tiền Nam Viên thở dài, nói:

- Trung hiếu không thể vẹn toàn cả hai được, tôi đã quyết rồi.

Hôm sau Tiền Nam Viên trình tờ tấu lên Hoàng đế. Càn Long xem, thấy vạch tội Quốc Thái là ăn bớt tiền quyên góp, tự tiện chi dùng bạc dự trữ trong các quốc khố ở các phủ tỉnh Sơn Đông, làm cho quốc khố rỗng không. Càn Long nổi giận, lập tức hỏi:

- Những điều khanh đàn hặc đều đúng cả chứ?

- Bẩm bệ hạ, bệ hạ cử đại thần đi điều tra, nếu sai thần xin chịu tội.

- Được, ta cử Hòa Thân đi điều tra.

Nghe Càn Long nói cử Hòa Thân điều tra, Tiền Nam Viên tỏ ý không vui, chần chừ chưa tạ ơn để lui ra. Càn Long biết ý, liền nói:

- Khanh cũng đi, cử thêm Lưu Dụng cùng đi, ba người kết hợp điều tra.

Tiền Nam Viên vui vẻ khấu đầu tạ ơn rồi ra về, bụng nghĩ: Lưu Dụng là đại học sĩ, quân cơ đại thần, hơn nữa lại công bằng, ngay thẳng, Hòa Thân ít nhiều phải kiêng nể.

Tiền Nam Viên không muốn đi cùng với Hòa Thân. Nhận được thánh chỉ, ông mượn cớ đi trước để "dọn đường", mang theo một tiểu đội lính khởi hành trước. Ngày đầu tiên đi tới trạm liên lạc ở xã Lương thì nghỉ chân. Cơm tối xong, có một người cưỡi con ngựa khỏe đẹp tới trạm này. Người này ăn mặc sang trọng, trông oai vệ, gọi trà nước, hơi không vừa ý là quát tháo, chửi mắng. Tiền Nam Viên dò hỏi viên trạm trưởng thì được trả lời: đây là người của Tướng quốc. Tiền Nam Viên biết chắc chắn người này do Hòa Thân phái đi báo tin cho Quốc Thái, ông cho 4 người lính ở lại đây, dặn họ nhớ mặt người này, chờ khi quay lại thì bắt giữ lấy.

Tới huyện Tế Nam tỉnh Sơn Đông, Tiền Nam Viên và Hòa Thân, Lưu Dụng lập tức thẩm vấn Quốc Thái. Quốc Thái cậy có Hòa Thân ăn nói hỗn xược, thái độ ngạo mạn, vừa thấy Tiền Nam Viên đã chửi:

- Mày là cái thá gì, có tư cách gì mà thẩm vấn ta!

Lưu Dụng trừng mắt:

- Ngươi là viên quan nhị phẩm phạm tội, ông ấy là quan tứ phẩm của triều đình thừa lệnh thánh chỉ tới thẩm vấn ngươi, tại sao ngươi dám khinh nhờn như vậy!

Vừa dứt lời Lưu Dụng ra lệnh vả cho vỡ mồm Quốc Thái. Hai lính hầu bước tới cho Quốc Thái mấy cái tát, đập tan cái thói ngông cuồng của y. Trước tiên, Hòa Thân, Lưu Dụng và Tiền Nam Viên kiểm tra sổ tiền quyên góp. Do được báo tin, Quốc Thái đã đối phó từ trước, cho nên kiểm tra không phát hiện dấu vết gì. Ba ông lại tới kho bạc ở phủ Tế Nam để kiểm tra, mở kho thì thấy bạc xếp ngay ngắn từng hàng trên giá, không còn kẽ hở nào. Hòa Thân nói:

- Thôi không phải kiểm tra nữa, kho đầy ắp thế này kia mà!

- Không kiểm tra thì về tâu với Thánh thượng như thế nào! - Lưu Dụng nói.

- Vậy thì kiểm tra có chọn lọc thôi, chứ kiểm tra tất cả các hộp bạc thì tốn công tốn thì giờ, còn những 7 phủ nữa kia. - Hòa Thân nói.

Hòa Thân bảo thủ kho đưa ra hơn 10 hộp. Tiền Nam Viên mở ra kiểm tra từng hộp, hộp nào cũng có đúng 200 lạng, không thiếu một ly, mầu bạc cũng khớp với bạc mẫu.

Hòa Thân cười ngạo nghễ:

- Ta đã nói rồi mà, không cần kiểm tra tất cả các hộp, xem chừng Quốc Thái không có vấn đề gì - nói tới đây Hòa Thân quay sang hỏi Tiền Nam Viên - Ngươi nói không đúng, về ăn nói với Hoàng thượng sao đây?

- Tướng quốc cứ yên tâm, hạ quan đã lấy mạng để thề rồi. - Tiền Nam Viên trả lời.

Tối hôm ấy Tiền Nam Viên tới nơi ở của Lưu Dụng. Lưu Dụng hỏi:

- Không thấy có chút thiếu hụt nào, thế là thế nào?

- Thưa Đại nhân, xin Đại nhân cứ yên tâm, hàng nghìn cân bạc không thể chạy đâu cho đủ chỉ trong có hai ngày, chắc chắn tên thủ kho giở trò, y chỉ đưa cho chúng ta kiểm tra hộp nào y biết là đủ. Nhưng những hộp khác thì chưa biết thế nào.

- Vậy mai ngươi đi kiểm tra lại, kiểm tra hết từng hộp.

- Đại nhân quả là cao kiến, hạ quan đang nghĩ như thế. - Tiền Nam Viên tỏ vẻ vui mừng.

Hôm sau Tiền Nam Viên mang theo một đội hỗn hợp vừa lính hầu vừa tuần đinh tới kho Tế Nam, lệnh thủ kho mở tất cả các hộp bạc ra để ông kiểm tra. Kết quả là tuyệt đại bộ phận là bạc đã lưu thông trên thị trường, mòn vẹt, mầu sắc không thống nhất, chỉ có vài chục hộp đúng là bạc dự trữ trong kho. Tiền Nam Viên chất vấn thủ kho. Thủ kho khai rằng, Bố

Chánh sứ Sơn Đông là Vu Dị Giản vay của các thương nhân ở tỉnh Tế Nam tạm bù vào cho đủ và bắt thủ kho gói lại theo bạc mẫu ở kho dự trữ. Tiền Nam Viên lập tức cho người đi thông báo với các thương nhân ai cho vay bạc thì mang biên nhận tới lấy bạc về, quá hạn sẽ sung công. Chưa tới hai ngày, các thương nhân đã lĩnh hết bạc của họ, kho rỗng không. Tiền Nam Viên báo cáo tình hình với Hòa Thân. Hòa Thân chẳng còn cách nào khác đành lựa gió bẻ buồm, vờ khen Tiền Nam Viên. Tiếp đó, Hòa Thân, Lưu Dụng cùng Tiền Nam Viên kiểm tra bảy kho còn lại. Tình hình tại các kho này cũng như vậy. Tội của Quốc Thái đã rõ, y và Bố Chánh sứ Vi Dị Giản bị coi là tội phạm, bị giải về giam tại nhà lao của Bộ hình ở Bắc Kinh, chờ ngày xét xử.

Trên đường về, khi tới trạm liên lạc xã Lương thì được báo cáo 4 viên lính hầu đã bắt giữ kẻ do Hòa Thân phái đi báo tin cho Quốc Thái, khám trên người y lấy được một lá thư Quốc Thái gửi cho Hòa Thân, trong đó bày tỏ cám ơn sự quan tâm của Hòa Thân và báo cáo với Hòa Thân rằng đã tìm cách đối phó. Tiền Nam Viên trình lên Càn Long lá thư này, biên nhận vay bạc của thương nhân, lời khai của thủ kho và báo cáo về số lượng bạc đã bị Quốc Thái chiếm dụng. Càn Long ra lệnh xử tử hai tên Quốc Thái và Vu Dị Giản.

Tri huyện huyện Nhân Hòa mất chức vì không nhẫn nhịn

Trưởng Linh tên chữ là Mậu Đình, họ Tát Nhĩ Đồ Khắc, người Chính Bạch Kỳ ở Mông Cổ, xuất thân từ gia đình quý tộc. Ông làm quan ba đời vua liền: Càn Long, Gia Khánh, Đạo Quang, đánh đông dẹp tây, chiến công lừng lẫy, là tướng lĩnh nổi tiếng đời nhà Thanh, cuối cùng làm tới Đại học sĩ, mất năm Đạo Quang thứ 18, thọ 81 tuổi.

Trưởng Linh văn võ toàn tài, công minh chính trực, rất ghét bọn quan lại tham ô. Thời Gia Khánh, ông làm Tuần phủ Triết Giang. Vừa tới nhậm chức, ông nhận được tin tri huyện huyện Nhân Hòa tham ô, vơ vét, người người oán ghét. Một hôm, cơm tối xong, ông ăn mặc như dân thường, ra ngoài nghe ngóng, đang trên đường thì gặp tri huyện huyện Nhân Hòa đi tuần; đi đầu là hai người gõ chiêng để mở đường, sau đó là đội danh dự, sau nữa là kiệu của đại nhân tri huyện. Ông cố ý đi xuyên ngang qua đội danh dự. Bọn sai nha quát mắng, túm lấy ông đẩy tới trước kiệu. Thấy đại nhân Tuần phủ, viên tri huyện Nhân Hòa giật mình, vội xuống kiệu cáo lỗi. Trưởng Linh hỏi:

- Ngươi đi đâu vậy?

- Dạ, gần đây phố xá không yên ổn, hạ quan đi tuần đêm ạ.

- Bây giờ chưa quá canh hai, còn sớm. Hơn nữa đi tuần là để bắt kẻ trộm, giữ yên phố phường. Thế mà ngươi mang theo một đội danh dự, gõ chiêng âm vang khắp phố, kẻ trộm thấy động sẽ chuồn hết, vậy thì ngươi đi tuần làm gì? Thôi, ngươi thay mặc thường phục, cho bọn sai nha về, ta và ngươi đi dạo phố một lượt. Viên tri huyện Nhân Hòa đành phải làm theo ý kiến của Tuần phủ Trưởng Linh. Hai người vừa đi vừa nói chuyện, tới trước một quán rượu, Trưởng Linh nói:

- Mỏi chân rồi, ta vào đây làm một chén chăng?

Hai người vào quán, gọi vài món nhắm và một chai rượu, vừa uống vừa nói chuyện. Chủ quán bước tới rót rượu, Trưởng Linh mời ông ta ngồi xuống bên cạnh, hỏi:

- Kiếm được khá chứ?

- Khá chi mà khá - chủ quán thở dài - giữ cho không lỗ vốn là giỏi rồi.

- Sao vậy? - Trưởng Linh hỏi.

- Thuế khóa nặng quá - chủ quán trả lời.

- Ông kinh doanh nhỏ, làm gì có chuyện đóng thuế nặng. - Trưởng Linh nói.

- Quan khách không biết đó thôi, cái lão quan huyện huyện Nhân Hòa này tham lam vô độ, thu rất nhiều loại thuế, thuế đất, thuế nhà, thuế thân, thuế môn bài, ngoài ra còn thu thuế phu phen, thu tiền đóng góp xây dựng kho tàng, đóng góp xây dựng nhà

trẻ, đóng góp xây dựng viện cứu tế, mùa đông thì thu thuế chống rét, mùa hè thu thuế giải nhiệt; vào cái ngày sinh của Khổng Tử, của quan tri huyện, ngày phật đản đều phải đóng góp; người thu tiền thu thuế tới còn phải cơm rượu cho họ. Làm ăn nhỏ như tôi sao chịu đựng nổi. Nghe nói, quan chi huyện huyện này chi 1000 lạng bạc để mua một kỹ nữ làm thiếp đấy!

Chủ quán càng nói càng hăng, không biết rằng ngồi trước mặt là tuần phủ mới đến nhậm chức, quan phụ mẫu của ông ta. Trưởng Linh vội cắt lời ông ta, hỏi:

- Ông nói có lẽ không hoàn toàn đúng. Nếu đúng như ông nói thì chẳng lẽ các quan trên của ông ta, như tri phủ, án sát, Bố chánh sứ, Tuần phủ, đều không biết gì hay sao?

Chủ quán cười khẩy, nói:

- Quan nọ thông đồng với quan kia, cổ kim đều thế, làm gì được họ. Mà khổ sở đâu chỉ có riêng tôi, và một chủ quán nhỏ như tôi làm sao mà kiện cáo vượt cấp được!

Dứt lời, chủ quán đứng dậy đi tiếp khách khác.

Ngồi bên cạnh, tri huyện Nhân Hòa bụng giật thon thót, mặt tái nhợt. Trưởng Linh trả tiền cho chủ quán, hai người cùng đi ra, tới ngoài đường, Trưởng Linh nói với viên tri huyện: "Kẻ tiểu nhân ăn nói láo toét, ta chẳng tin, ngươi đừng để ý làm gì". Hai người lại thong dong đi một lát nữa, Trưởng Linh nói: "Bây

giờ tới giờ đi tuần rồi, ngươi về gọi người cùng đi, ta về nhà nghỉ". Hai người chia tay. Chờ cho viên tri huyện đã đi xa, Trưởng Linh quay lại quán rượu, chủ quán hỏi:

- Ngài lại quay lại, chắc quên gì chăng?

- Không, rượu ở đây ngon quá, vừa rồi tôi uống chưa đã, cho thêm vài chén nhé!

Rượu, thức nhắm lại được đưa ra. Trưởng Linh ngồi nhấm nháp một mình tới lúc khách ra về hết, chủ quán muốn đóng cửa, Trưởng Linh lấy một lạng bạc trả chủ quán và nói:

- Tôi uống nhiều quá, đi không nổi nữa rồi, cho tôi ngủ lại đây một tối.

- Chỗ tôi đây là quán rượu, không phải nhà trọ, không có phòng khách.

- Không sao, trải tạm ra đây cho tôi tấm chiếu là được rồi, lạng bạc này là tiền rượu và tiền trọ, nếu có thừa cũng thôi, không phải trả lại nữa.

Chủ quán nghĩ bụng tối thiểu cũng hời 5 tiền, vả lại cũng muốn chiều khách, bèn đồng ý. Chiếu trải xong, Trưởng Linh để nguyên quần áo nằm ngủ. Vừa đặt lưng được một lát thì trời vừa tảng sáng. Bỗng có tiếng quát tháo, tiếng đập cửa ầm ầm. Trưởng Linh vội vùng dậy, ra mở cửa. Hai tên lính lệ, một tên cầm lệnh bắt, một tên cầm xích sắt, bước vào hỏi:

- Ngươi là ai?

- Tôi là chủ quán!

Trưởng Linh bị xích lại, giải đi. Chủ quán mặc xong quần áo chạy ra thì Trưởng Linh đã bị giải đi từ lâu rồi. Ông ta cho rằng người xin ngủ trọ tối qua chắc là tên cướp đang bị truy nã, nay bị bắt đưa ra truy tố, ông sợ lạnh gáy, nghĩ rằng may không bị liên lụy.

Trưởng Linh bị giải về huyện đường, tạm giam ở phòng bên cạnh, chờ một giờ sau sẽ đưa ra thẩm vấn. Ông dùng khăn bịt kín đầu, mặt mũi, chẳng nói chẳng rằng. Tới giờ mão, tiếng trống vang lên, tri huyện bước vào huyện đường, quát: "Đưa phạm nhân tới đây". Trưởng Linh bị giải ra huyện đường, tri huyện Nhân Hòa đập bàn: "Có sao thấy bản quan mà không quỳ xuống?" Trưởng Linh tủm tỉm cười, bỏ khăn ra, nói: "Hỡi ông anh, hãy dừng tay lại có được không?" Tri huyện Nhân Hòa hoảng sợ, cuống quít chạy tới, sai bọn lính lệ mau cởi xích, bỏ mũ ra, quỳ xuống tạ tội. Trưởng Linh thản nhiên bước tới bàn xử án, cầm con triện tri huyện bỏ vào túi, vừa cười vừa nói:

- Cho viên quan vô tích sự này về vườn.

Nói rồi Trưởng Linh rảo bước ra đi.

Nhĩ Hành bị giết chết vì kiêu ngạo

Năm Kiến An thứ nhất đời Hán Hiến đế, Tào Tháo muốn cử một sứ giả tới Kinh Châu khuyên Lưu Biểu đầu hàng. Mưu sĩ Cổ Hủ nói:

- Lưu Biểu thích giao lưu với những nhân sĩ nổi tiếng, tốt nhất là cử một nhân vật nổi tiếng thì mới có hy vọng đạt được mục đích.

Tào Tháo thấy có lý, bèn hỏi mưu sĩ khác là Tuân Du, rằng:

- Theo ngươi, ai có thể làm được việc này?

- Tất nhiên Khổng Dung đi là tốt nhất - Tuân Du đáp.

Khổng Dung là cháu đời thứ 20 của Khổng Tử, từng làm tướng một nước chư hầu ở Bắc Hải, giỏi viết văn, nổi tiếng hiếu khách, là một trong "Kiến An thất tử" nổi tiếng trong giới văn học bấy giờ, là người lý tưởng trong việc này. Tào Tháo gật đầu đồng ý và sai Tuân Du thông báo cho Khổng Dung. Nghe Tuân Du thông báo,, Khổng Dung nói ngay rằng: "Tôi có một người bạn tốt tên là Nhĩ Hành, tên chữ là Chính Bình, học vấn của ông gấp 10 tôi". Sau đó Khổng Dung không trực tiếp giới thiệu Nhĩ Hành với Tào Tháo, mà gửi Hán Hiến đế một tấu biểu, tán dương tài năng của Nhĩ Hành. Hiến đế chuyển tấu biểu này cho Tào Tháo. Tào Tháo rất không hài lòng, cho người gọi Nhĩ Hành tới. Nhĩ Hành tới, chào Tào Tháo. Nhưng Tào Tháo lại không có thái độ tôn trọng nhân tài như mọi khi, không sắp xếp chỗ ngồi cho Nhĩ Hành. Nhĩ Hành thường rất tự phụ, thấy vậy, bèn ngửa mặt lên trời, thở dài, nói:

- Trời đất rộng mênh mông như thế, không rõ tại sao hiện chẳng có nhân vật nào ra hồn?

- Trong tay ta có hàng chục nhân tài - Tào Tháo nói với vẻ ngạo mạn - đều là anh hùng ngày nay, sao lại bảo không có ai?

Nhĩ Hành cười khẩy:

- Hãy nói tôi nghe xem những ai nào?

- Nghe đây nhé - Tào Tháo ra vẻ đắc ý - Tuân Du, Quách Gia, Trình Dục đều có kiến thức cao siêu; Tiêu Hà, Trần Bình của tiên triều đều không bằng họ. Trương Viễn, Hứa Chử, Lý Điển dũng mãnh vô địch; Lĩnh Bành, Mã Vũ trước đây không xứng là đối thủ của họ. Lã Kiền và Mãn Sủng chủ trì công việc văn thư của ta, Vu Cấm, Từ Hoảng là quan tiên phong của ta; Hạ Hầu Đôn là bậc kỳ tài trong thiên hạ, Tào Tử Kỳ là tướng giỏi trên đời này. Vậy sao lại nói là không có ai?

- Ngài nói sai rồi - Nhĩ Hành cười ngão nghệ - những người này tôi đều biết, Tuân Du chỉ là người có tài xem hướng mộ chí; Trình Dục chỉ là người chuyên mở cửa; Quách Gia thì cũng chỉ có thể đọc được vài câu từ, câu phú; Lý Điển là tên lính truyền lệnh thì cũng tạm được; Trương Viễn thì chỉ gõ chiêng đánh trống ngoài mặt trận; Hứa Chử có lẽ có thể chăn bò nuôi ngựa; Lã Kiền thì chỉ có thể mài dao kéo thuê, rèn vài thanh kiếm; Mãn Sủng là tay bợm rượu; Vu Cấm là thợ làm gạch; Từ Hoảng chỉ có tài chọc tiết lợn, cắt tiết chó; Hạ Hầu Đôn chỉ là viên tướng bảo mạng; Tào Tử Kỳ bị người ta gọi là Thái thú hám tiền. Còn lại đều chỉ là bị gạo, ăn hại!

Thấy Nhĩ Hành moi móc, chọc tức, Tào Tháo nóng mắt, quát:

- Vậy ngươi có tài cán chi?

Nhĩ Hành ngạo mạn, nói:

- Tôi? Thiên văn địa lý cái gì cũng biết; ba đạo chín phái[1] đều tường; nếu phò trợ thiên tử thì họ trở thành Nghiêu, Thuấn; đạo đức có thể sánh với Khổng Tử, Nhan Uyên. Những phàm phu tục tử kia sánh với tôi sao được!

Lúc này Trương Viễn cũng có mặt, thấy Nhĩ Hành ngông cuồng, công khai xỉ nhục mọi người, ông tức điên lên, rút kiếm định chém đầu Nhĩ Hành. Tào Tháo ngăn lại, nói:

- Hiện ta đang thiếu một chân đánh trống. Thiết triều, bãi triều và khi mở tiệc đều phải có người đánh trống, để cho Nhĩ Hành đảm nhận cái chân đó.

Là người lão luyện, gian ngoan, Tào Tháo định dùng cách này xỉ nhục Nhĩ Hành. Không ngờ Nhĩ Hành không hề có ý từ chối, nhận ngay lập tức, chào rồi ra về. Trương Viễn bực dọc, hỏi Tào Tháo:

- Thằng chó này hỗn láo như thế, sao không cho tôi giết cha nó đi?

- Con người này có chút hư danh - Tào Tháo cười mỉa - nay ta giết nó, dư luận sẽ cho rằng ta không

---

1. Ba đạo là: Nho, Phật, Đạo; chín phái là: Nho, Đạo, âm dương, Pháp, Danh, Mặc, Tung hoành, Tạp, Nông. - ND.

rộng lượng. Chẳng phải là nó nói nó rất giỏi sao? Giao nó cái chân đánh trống để cho bẽ mặt!

Trưa hôm sau Tào Tháo mời khách dự tiệc rất đông ở đại sảnh tại phủ Thừa tướng. Ông lệnh Nhĩ Hành tới đánh trống góp vui. Người đánh trống cũ dặn Nhĩ Hành khi đánh trống phải thay quần áo mới. Nhưng Nhĩ Hành lại mặc quần áo cũ đi vào đại sảnh. Nhĩ Hành sành âm nhạc, đánh rất hay bài "Ngư tam dương qua". Bỗng đám người hầu của Tào Tháo bới móc: "Đánh trống tại sao không thay quần áo? " Không ngờ Nhĩ Hành cởi bỏ chiếc áo rách, để trần trước mắt mọi người, khách phải lấy tay che mặt. Nhĩ Hành lại từ từ cởi quần, mặt tỉnh bơ. Thấy vậy Tào Tháo quát:

- Ở giữa sảnh đường của triều đình thế này, tại sao không giữ lễ nghi gì cả?

Nhĩ Hành nghiêm nghị đáp lại:

- Coi thường vua chúa mới là bất chấp lễ nghi. Tôi chẳng qua chỉ để lộ cái cơ thể mà cha mẹ ban cho nhằm chứng tỏ sự trong sạch của mình mà thôi.

Tào Tháo bắt khoáy, hỏi dồn:

- Ngươi bảo ngươi trong sạch, vậy ai bẩn thỉu?

- Ngài - Nhĩ Hành chỉ vào Tào Tháo - không nhận ra nhân tài, thế là mắt bẩn; không đọc sách, thế là mồm bẩn; không nghe lời trung thực, thế là tai bẩn; không hiểu tri thức cổ kim, thế là đầu óc bẩn; không dung nạp chư hầu, như thế là lòng dạ bẩn thỉu; luôn

muốn cướp ngôi vua, thế là tâm địa bẩn. Tôi là người nổi tiếng trong thiên hạ, ngài bắt tôi đánh trống. Việc làm này chẳng khác nào năm xưa gian thần coi thường Khổng Tử, tiểu nhân Tạng Thương phỉ báng Mạnh Tử. Ngài muốn xưng vương xưng bá, nhưng lại xỉ nhục người, như thế được sao?

Mọi người rất đỗi ngạc nhiên khi thấy Nhĩ Hành công kích vỗ mặt Tào Tháo một cách sâu cay như thế. Bấy giờ Khổng Dung cũng có mặt, sợ Tào Tháo nóng mắt lên sẽ giết Nhĩ Hành, bèn nói gỡ tội cho Nhĩ Hành: "Đại thần giống như tù nhân làm lao dịch vậy. Lời của ông ta chẳng đáng để vương công anh minh sáng suốt để ý". Tào Tháo biết Khổng Dung nói hộ Nhĩ Hành. Thực tế thì trước mặt đông đảo các quan khách như thế này, ông không muốn mang tiếng ác là giết hại nhân tài. Tào Tháo làm ra vẻ độ lượng, chỉ vào Nhĩ Hành nói:

- Nay ta cử ngươi đi sứ Kinh Châu. Nếu thuyết phục được Lưu Biểu đầu hàng thì ta sẽ trọng dụng ngươi, cho làm quan to!

Nhĩ Hành biết Lưu Biểu không bao giờ quy hàng Tào Tháo, người được cử đi lành ít dữ nhiều, đây rõ ràng là mánh khóe mượn tay kẻ khác giết người của Tào Tháo, cho nên không nhận lời. Tào Tháo lập tức truyền lệnh chuẩn bị 3 con ngựa và cho hai người kèm Nhĩ Hành cùng đi Kinh Châu, mặt khác báo cho bá quan văn võ dưới quyền ra cửa đông chúc rượu

tiễn Nhĩ Hành lên đường. Thật là vừa cay độc vừa xảo quyệt.

Nhĩ Hành dũng cảm chỉ trích Tào Tháo, bấy giờ thể hiện được tính chất chính nghĩa nhất định. Nhưng do ông ta cậy tài kiêu ngạo, thường làm tổn thương người khác, Lưu Biểu cũng không ưa ông ta. Lưu Biểu hiểu rằng Tào Tháo có ý đẩy Nhĩ Hành tới Kinh Châu để Lưu Biểu giết ông ta, như thế vừa làm cho Tào Tháo hả giận, vừa đẩy được tiếng ác giết người tài lên đầu Lưu Biểu. Thế rồi Lưu Biểu bèn cũng dùng mánh khóe như của Tào Tháo, đẩy việc giết Nhĩ Hành cho Hoàng Tổ, viên Thái thú tàn bạo của Giang Hạ. Quả nhiên, trong bữa tiệc, Nhĩ Hành chế diễu Hoàng Tổ giống như Phật Bồ Tát trong chùa vậy, hưởng hương hoa nhưng tiếc rằng không thiêng, do đó bị Hoàng Tổ giết chết.

Có tài nhưng quá kiêu ngạo thì sẽ có quá nhiều địch thủ, bất lợi cho mình. Không kìm chế, không tránh cậy tài kiêu ngạo thì sẽ tự gây cho mình nhiều phiền toái. Đó là bài học hết sức sâu sắc.

Hàn Đà Trụ mất mạng vì không nhẫn nhịn

Khi làm huyện úy huyện Nam Hải, Hàn Đà Trụ thuê một thư sinh thông minh, có tài, Hàn Đà Trụ rất tín nhiệm. Sau khi được đề bạt chức cao hơn, Hàn Đà Trụ không thuê thư sinh này nữa. Thời Ninh Tông, Hàn Đà Trụ lấy tư cách là họ bên ngoại lên

làm Bình Chương,[1] sau đó được phong là Bình nguyên quận vương, cầm quyền 13 năm. Khi biết có âm mưu dùng thích khách để giết mình, Hàn Đà Trụ thường nhớ tới thư sinh này.

Một hôm, thư sinh này đột ngột tới vương phủ của Hàn Đà Trụ. Được biết thư sinh này đã đỗ tiến sĩ từ lâu, đã từng làm quan, nay nghỉ rỗi ở nhà, Hàn Đà Trụ rất đỗi vui mừng, muốn giữ lại làm quan trông coi việc văn thư trong mạc phủ, đãi ngộ rất hậu. Thư sinh này vốn không muốn lại chui vào chốn quan trường, vì Hàn Đà Trụ cố giữ không buông, đành phải nhận lời lưu lại một thời gian.

Hàn Đà Trụ coi thư sinh này là người tâm phúc, hầu như không có việc gì không nói với anh ta. Ít lâu sau thư sinh này muốn ra đi. Thấy thái độ của anh ta kiên quyết, Hàn Đà Trụ đành phải đồng ý và thết tiệc để tống tiễn. Hai người vừa ăn vừa hồi tưởng lại quá trình cộng sự tại Nam Hải, cả hai đều rất hài lòng. Cơm nước gần xong, Hàn Đà Trụ kéo ghế lại trước mặt anh thư sinh này, hỏi:

- Nay ta đang cầm quyền trị nước, mong cho đất nước giàu mạnh, ngươi thấy dư luận trong thiên hạ như thế nào?

---

1. Tước quan, gọi tắt từ Bình chương sự, quyền to hơn quyền Tể tướng. - ND.

Thư sinh này chau mày, cầm chén rượu lên uống một hơi đến hết, thở dài, nói:

- Gia tộc của Bình chương đang đứng trước nguy cơ bị diệt vong, vậy còn điều gì tốt lành nữa để mà nói?

Hàn Đà Trụ biết anh ta chưa bao giờ nói dối, do đó tâm tư xịu hẳn xuống, ngay sau đó nhăn nhó hỏi:

- Có chuyện nghiêm trọng ấy thật sao? Nguyên nhân vì đâu?

Thư sinh này nhìn Hàn Đà Trụ với con mắt nghi ngại, lắc lắc đầu, dường như tỏ ý lấy làm lạ không hiểu vì sao tới nay Hàn Đà Trụ vẫn chưa thấy được nguy cơ ấy, nói:

- Nguy cơ đã rõ như ban ngày, vì sao Bình chương không thấy được? Lập Hoàng hậu mà ngài không góp sức vào, Hoàng hậu sẽ oán giận; lập Hoàng Thái tử mà ngài cũng không góp phần thì làm gì mà Hoàng Thái tử chẳng ghét; Chu Hy, Bành Quy Niên, Triệu Nhữ Ngu là các nhà lý học,[1] được mọi người gọi là "hiền nhân quân tử", nhưng ngài lại truất chức rồi đưa họ đi đầy, chắc chắn các đại phu có học không hài lòng với ngài; ngài chủ trương bắc phạt, điều đó có chỗ không sai, nhưng trong chiến tranh quân ta thương vong quá nhiều, hài cốt của họ vứt lại bừa bãi trên chiến trường, khắp nước đâu đâu cũng nghe

1. Các nhà triết học duy tâm trong phái Nho gia. - ND.

thấy tiếng khóc than của thân nhân các tướng sĩ tử trận, các tướng sĩ còn sống sẽ mang hận đối với ngài; bắc phạt chất gánh nặng quân phí lên vai dân chúng, dân chúng khắp nơi sẽ quy tội này cho ngài. Thưa Bình chương, một mình ngài sao có thể chống chọi nổi nhiều thù hận như vậy?

Hàn Đà Trụ sợ xanh mặt, mồ hôi vã ra như tắm, trầm ngâm một hồi, lại uống mấy chén rượu liền, sau đó mới hỏi:

- Ta và ngươi trên danh nghĩa thì là người trên kẻ dưới, nhưng thực tế thì ta đối xử với ngươi thân như chân tay, vậy thấy ta chết ngươi có thể bỏ mặc được không? Nhất định ngươi phải chỉ cho ta một cách tự cứu!

Thư sinh này từ chối mãi. Hàn Đà Trụ mượn hơi men, cố tình truy hỏi không buông. Cuối cùng thư sinh này cũng nói:

- Có một cách, nhưng e rằng có nói cũng bằng không.

Hàn Đà Trụ thúc giục. Thư sinh này thành tâm nói:

- Mong rằng lần này ngài tiếp thu ý kiến của hạ thần! Hiện nay Hoàng thượng vẫn còn dễ tính và cũng không quá tham quyền cố vị. Nếu ngài nhanh chóng xây dựng đông cung cho Hoàng Thái tử, sau đó lấy câu chuyện nhường ngôi của vua Nghiêu vua Thuấn ngày xưa để khuyên Hoàng thượng nhường ngôi cho

Hoàng Thái tử, thì Hoàng Thái tử sẽ chuyển từ chỗ ghét ngài tới chỗ cảm kích về ngài. Một khi Thái tử lên ngôi thì Hoàng hậu sẽ được tôn lên là Hoàng Thái hậu; bấy giờ dẫu bà vẫn oán giận ngài thì cũng không thể trả thù ngài được nữa. Tiếp đó, nhân cơ hội phò tá vua mới, ngài nắm lấy quyền mới. Ngài cần phải truy phong những hiền thần quân tử đã chết ở nơi đi đầy, an ủi gia đình họ; đồng thời triệu hồi những người còn sống về triều, trọng dụng họ, như vậy thì quan hệ giữa ngài và các Đại phu có học sẽ tốt lên. Ngài còn phải ổn định biên giới, chớ có manh động, đồng thời khao thưởng tướng sĩ trong toàn quân, hậu đãi thân nhân người đã hy sinh, như vậy ngài sẽ xóa bỏ được sự cách bức với quân đội. Ngài còn phải giảm chi tiêu của triều đình, giảm thuế, như vậy dân chúng sẽ ca tụng ngài. Cuối cùng, ngài tìm một vị đại nho, giao chức Bình chương cho ông ta, tự cáo lão về quê. Nếu làm được những điều ấy thì may ra có thể biến nguy thành yên, biến họa thành phúc.

Hàn Đà Trụ vốn là người tham quyền cố vị, không chịu nhường cho ai. Hơn nữa, ông ta vẫn chưa nguôi khát vọng bắc phạt Trung Nguyên, thống nhất thiên hạ. Do vậy, dẫu biết đang ở vào cảnh nguy ngập, Hàn Đà Trụ vẫn không chịu rút khỏi dòng nước xiết, cố giữ vị thư sinh này lại để khi cần thì kịp thời ứng biến. Vị thư sinh này thấy Hàn Đà Trụ đã đi tới chỗ không sao cứu chữa được nữa, đời nào chịu chết như cá trong chậu, kiên quyết ra đi.

Sau đó, Hàn Đà Trụ phát động cuộc "Khai Hy bắc phạt", thất bại thảm hại. Nam Tống buọc phải cầu hòa với nước Kim. Nước Kim đòi lấy việc truy cứu "tội" của kẻ chủ mưu "bắc phạt" làm một trong những điều kiện hòa giải. Năm Khai Hy thứ ba, Hàn Đà Trụ bị cô lập cả ở trong và ngoài triều đình, bị chính phủ Nam Tống giết chết. Đầu của ông ta được bỏ vào hộp chuyển cho nước Kim. Lời của vị thư sinh nọ đã ứng nghiệm.

ĐÃ XUẤT BẢN:

- VIỆT SỬ CƯƠNG MỤC TIẾT YẾU — Đặng Xuân Bảng
- VĂN CHƯƠNG NGUYỄN TRÃI RỰC ÁNH SAO KHUÊ — Bùi Văn Nguyên
- ĐẠO GIÁO VÀ CÁC TÔN GIÁO TRUNG QUỐC — Lê Diên
- PHÁC THẢO VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM — Vân Thanh
- VĂN HỌC MỘT CÁCH NHÌN — Mai Hương
- SINH HỌC VÀ VĂN HÓA — Nguyễn Đình Khoa
- VỀ MỘT ĐẶC TRƯNG THI PHÁP THƠ VIỆT NAM (1945 - 1995) — Vũ Văn Sĩ
- 40 NĂM TRÊN MỘT CHẶNG ĐƯỜNG KHOA HỌC — Hoàng Trinh
- NHỮNG NGHĨ SUY TỪ VĂN HỌC TRUNG ĐẠI — Trần Thị Băng Thanh
- ẨN DỤ VÀ THƠ CA — Hà Công Tài
- VĂN HỌC DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI — Nguyễn Văn Hoàn
- NGHỆ THUẬT ỨNG XỬ — Lô Kiến Xương - Vương Song Lâm
- ĐI GIỮA ĐÔI DÒNG — Phạm Tú Châu
- LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG KINH TẾ (2 tập) — Giáo sư A. GÉLÉDAN
- QUAN ĐIỂM DANH LỢI CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC — Mã Dĩ Hâm
- 98 PHÉP XỬ THẾ ĐỂ GIỮ MÌNH — Hoàng Dã
- TỤC NGỮ ANH-PHÁP-VIỆT VÀ MỘT SỐ THÀNH NGỮ DANH NGÔN — Lê Ngọc Tú
- NGÔN NGỮ THƠ VIỆT NAM — Hữu Đạt

SÁCH BÁN TẠI CỬA HÀNG SÁCH TRÊN TOÀN QUỐC

TRÍ TUỆ NHÂN SINH - NHÂN

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập:
NGUYỄN XUÂN KIỀU

Sửa bản in:
TRẦN KHANG

Trình bày bìa:
ĐỖ DUY NGỌC

In 1.000 cuốn, khổ 14 x 20 cm tại Xưởng in Trường Đại học Kỹ thuật, TP. Hồ Chí Minh. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 22/1190/CXB, Cục xuất bản cấp ngày 22 tháng 10 năm 1999. In xong và nộp lưu chiểu tháng 03 năm 2000.

